

HỒ AN GIÁC

DAN BROWN



Mục lục

- [Giới thiệu](#)
- [Khúc dạo đầu](#)
- [Chương 1](#)
- [Chương 2](#)
- [Chương 3](#)
- [Chương 4](#)
- [Chương 5](#)
- [Chương 6](#)
- [Chương 7](#)
- [Chương 8](#)
- [Chương 9](#)
- [Chương 10](#)
- [Chương 11](#)
- [Chương 12](#)
- [Chương 13](#)
- [Chương 14](#)
- [Chương 15](#)
- [Chương 16](#)
- [Chương 17](#)
- [Chương 18](#)
- [Chương 19](#)
- [Chương 20](#)
- [Chương 21](#)
- [Chương 22](#)
- [Chương 23](#)
- [Chương 24](#)
- [Chương 25](#)
- [Chương 26](#)
- [Chương 27](#)
- [Chương 28](#)
- [Chương 29](#)
- [Chương 30](#)
- [Chương 31](#)
- [Chương 32](#)
- [Chương 33](#)
- [Chương 34](#)
- [Chương 35](#)
- [Chương 36](#)

- [Chương 37](#)
- [Chương 38](#)
- [Chương 39](#)
- [Chương 40](#)
- [Chương 41](#)
- [Chương 42](#)
- [Chương 43](#)
- [Chương 44](#)
- [Chương 45](#)
- [Chương 46](#)
- [Chương 47](#)
- [Chương 48](#)
- [Chương 49](#)
- [Chương 50](#)
- [Chương 51](#)
- [Chương 52](#)
- [Chương 53](#)
- [Chương 54](#)
- [Chương 55](#)
- [Chương 56](#)
- [Chương 57](#)
- [Chương 58](#)
- [Chương 59](#)
- [Chương 60](#)
- [Chương 61](#)
- [Chương 62](#)
- [Chương 63](#)
- [Chương 64](#)
- [Chương 65](#)
- [Chương 66](#)
- [Chương 67](#)
- [Chương 68](#)
- [Chương 69](#)
- [Chương 70](#)
- [Chương 71](#)
- [Chương 72](#)
- [Chương 73](#)
- [Chương 74](#)
- [Chương 75](#)
- [Chương 76](#)
- [Chương 77](#)

- [Chương 78](#)
- [Chương 79](#)
- [Chương 80](#)
- [Chương 81](#)
- [Chương 82](#)
- [Chương 83](#)
- [Chương 84](#)
- [Chương 85](#)
- [Chương 86](#)
- [Chương 87](#)
- [Chương 88](#)
- [Chương 89](#)
- [Chương 90](#)
- [Chương 91](#)
- [Chương 92](#)
- [Chương 93](#)
- [Chương 94](#)
- [Chương 95](#)
- [Chương 96](#)
- [Chương 97](#)
- [Chương 98](#)
- [Chương 99](#)
- [Chương 100](#)
- [Chương 101](#)
- [Chương 102](#)
- [Chương 103](#)
- [Chương 104](#)
- [Chương 105](#)
- [Hết](#)
- [Ghi chú](#)

HỎA NGỤC

Tác giả: Dan Brown

Dịch giả: Nguyễn Xuân Hồng

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Giới thiệu

Tiếp nối thành công của những cuốn sách bom tấn mang tầm quốc tế như Mật Mã Da Vinci, Thiên Thần Và Ác Quỷ, Biểu Tượng Thất Truyền, tác phẩm mới nhất của Dan Brown mang tên “Hỏa Ngục - Inferno” vừa được xuất bản đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất năm 2013 tại Mỹ và Anh.

Với cuốn tiểu thuyết trinh thám kì bí đầy hấp dẫn này, Dan Brown trở lại với đúng sở trường của mình và đã tạo nên một “Siêu phẩm được đặt cược nhiều” nhất từ trước đến nay.

Trong tác phẩm vô cùng hấp dẫn và kịch tính này, Dan Brown lại một lần nữa “tự phá kỷ lục của chính mình”. Hỏa Ngục thực sự là một tác phẩm vô cùng thú vị, một cuốn tiểu thuyết làm say lòng độc giả bằng vẻ đẹp của nghệ thuật, lịch sử và văn học kinh điển Ý, đồng thời cũng đặt ra những câu hỏi nhức nhối về vai trò của khoa học trong tương lai của chúng ta.

Về việc xuất bản các tiểu thuyết gây chấn động Thiên thần và Ác Quỷ, Mật mã Da Vinci và Biểu tượng thất truyền, Dan Brown đã trở thành một trong những tác giả ăn khách mang tầm quốc tế với khả năng kết hợp rất liền lạc những mật mã, biểu tượng đan xen nghệ thuật và lịch sử vào các câu chuyện kịch tính đầy cuốn hút, chinh phục hàng trăm triệu độc giả trên khắp thế giới. Giờ đây, qua cuốn tiểu thuyết mới vô cùng ấn tượng mang nhan đề Hỏa ngục, Dan Brown sẽ đưa độc giả đến trung tâm nước Ý, dẫn dắt họ qua một khung cảnh lấy cảm hứng từ một trong những tác phẩm văn học kinh điển nhất trong lịch sử.

Giáo sư biểu tượng học của Harvard, Robert Langdon, tỉnh lại trong một bệnh viện vào lúc nửa đêm. Anh hoàn toàn mất phương hướng và đau đầu dữ dội, cũng chẳng nhớ nổi điều gì về quãng thời gian ba mươi sáu tiếng vừa qua, kể cả chuyện làm thế nào anh lại có mặt ở nơi này hay nguồn gốc của

cái vật kinh khủng mà các bác sĩ phát hiện thấy trong đồ đạc của anh.

Chỉ ít lâu sau, thế giới của Langdon trở nên hỗn loạn, và anh phải chạy trốn khỏi những kẻ lạ mặt ở Florence cùng với một nữ bác sĩ trẻ có phần khắc kỷ, Sienna Brooks, người đã vận dụng mưu mẹo khôn khéo để cứu mạng anh. Langdon nhanh chóng nhận ra mình bị mắc kẹt trong chuỗi mật mã do một nhà khoa học xuất chúng sáng tạo nên - một thiên tài mang nỗi ám ảnh về sự diệt vong của thế giới và có đam mê mãnh liệt với một trong những kiệt tác có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất từng được sáng tác - trường ca Thần khúc của Dante Alighieri.

Trong cuộc hành trình chạy đua qua những địa danh không nhuộm màu thời gian như Cung điện Vecchio, Vườn Boboli, và Bảo tàng Duomo, Langdon cùng Brooks đã phát hiện ra một mạng lưới ngõ ngách và những bí mật cổ xưa, cũng như mô hình khoa học mới đáng kinh ngạc sẽ được sử dụng để nâng cao đáng kể chất lượng cuộc sống trên trái đất hoặc để huỷ hoại nó.

Tác giả

Dan Brown sinh ngày 22 tháng 6 năm 1964 và gia đình ở Exeter, New Hampshire, ông là con trưởng trong một gia đình có 3 anh em. Mẹ ông, Constance (Connie) là một nhạc sĩ chuyên nghiệp, chơi đàn organ trong nhà thờ. Cha ông, Richard G. Brown là một thầy giáo dạy toán khá nổi tiếng, từng viết sách giáo khoa và dạy toán tại trường Trung học tư thục Phillips Exeter từ năm 1962 và nghỉ hưu năm 1997.

Trường Trung học tư thục Phillips Exeter là một trường nội trú độc nhất với yêu cầu các giáo viên cũng phải sống nội trú trong nhiều năm, vì vậy anh em nhà Dan Brown đã được nuôi dạy dưới mái trường này. Môi trường xã hội tại Exeter thời đó hầu như là môi trường Cơ đốc giáo.

Brown hát thánh ca trong nhà thờ, tham gia vào trường đạo và dành cả mùa hè để tham dự các cuộc cắm trại của nhà thờ. Tới năm lớp 9, Dan Brown bắt đầu ghi danh học tại trường công lập Phillips Exeter (khóa 1982), sau này, vào các năm 1985 và 1993, em gái Valerie và em trai Gregory của Dan cũng ghi danh học tại đây.

KÍNH TẶNG CHA MẸ TÔI...

Lời cảm ơn

Xin gửi lời cảm ơn chân thành và khiêm nhường nhất của tôi tới:

Đầu tiên và trên hết là người bạn thân cũng là biên tập viên của tôi, Jason Kaufman, vì sự tận tâm và tài năng... nhưng chủ yếu là vì khiếu hài hước bất tận của anh ấy.

Người vợ tuyệt vời của tôi, Blythe, vì tình yêu và lòng kiên nhẫn của cô ấy với quá trình viết lách, và cũng vì những bản năng siêu đẳng và sự vô tư của cô ấy với tư cách là một biên tập viên ở vị trí “tiền tuyến”.

Đại diện không biết mệt mỏi và cũng là người bạn tin cậy của tôi, Heide Lange, vì đã dẫn dắt thành thạo nhiều cuộc trò chuyện ở nhiều quốc gia và về nhiều chủ đề hơn cả những gì tôi biết. Tôi mãi mãi biết ơn những kỹ năng và nghị lực của cô ấy.

Xin cảm ơn toàn bộ đội ngũ nhân viên ở Doubleday vì lòng nhiệt thành, sự sáng tạo và nỗ lực đối với các cuốn sách của tôi. Đặc biệt cảm ơn Suzanne Herz (vì phải đảm nhiệm quá nhiều vai trò... và đã đảm nhận rất thành công), Bill Thomas, Michael Windsor, Judy Jacoby, Joe Gallagher, Rob Bloom, Nora Reichard, Beth Meister, Maria Carella, Lorraine Hyland. Và cũng cảm ơn sự ủng hộ không ngừng của Sonny Mehta, Tony Chirico, Kathy Trager, Anne Messitte, và Markus Dohle. Cảm ơn những con người phi thường thuộc phòng kinh doanh của Nhà xuất bản Random... Các bạn quá là vô đối!

Cảm ơn luật sư uyên bác của tôi, Michael Rudell, vì bản năng hoàn hảo tuyệt vời trong giải quyết tất cả các vấn đề, cả lớn và nhỏ, cũng như vì tình bạn của anh ấy.

Cảm ơn trợ lý không thể thay thế của tôi, Susan Morehouse, vì thái độ làm việc và sự bền bỉ của cô ấy. Thiếu cô ấy, mọi thứ sẽ rơi vào hỗn loạn.

Xin cảm ơn tất cả bạn bè của tôi ở Transworld, đặc biệt là Bill Scott-Kerr vì sức sáng tạo, sự ủng hộ và khuyến khích của anh ấy, và cả Gail Rebuck vì vai trò lãnh đạo siêu việt của cô ấy.

Cảm ơn Nhà xuất bản của tôi ở Ý, Mondadori, đặc biệt là Ricky Cavallero, Poera Cusani, Giovanni Dutto, Antonio Franchini, và Claudia Scheu, và Nhà xuất bản ở Thổ Nhĩ Kỳ Altin Kitaplar, đặc biệt là Oya Alpar, Erden Heper, và Batu Bozkurt, vì sự giúp đỡ đặc biệt liên quan tới các địa danh trong cuốn sách này.

Cảm ơn các nhà xuất bản tuyệt vời khác trên thế giới vì sự tận tụy, chăm chỉ và cam kết của họ.

Xin cảm ơn Leon Romero, Montalvo và Luciano Guglielmi vì vai trò quản lý rất ấn tượng của họ đối với công việc dịch thuật ở London và Milan.

Xin gửi lời cảm ơn của tôi tới Tiến sĩ Marta Alvarez Gonzalez vì đã dành rất nhiều thời gian với chúng tôi ở Florence, và đã mang sức sống tới cho nghệ thuật và kiến trúc của thành phố.

Cảm ơn Maurizio Pimponi, con người có một không hai, vì tất cả những gì anh ấy đã làm để trợ giúp chuyên đi của chúng tôi tới nước Ý.

Xin chân thành cảm ơn tất cả các nhà sử học, hướng dẫn viên, và các chuyên gia đã dành nhiều thời gian với tôi ở Florence và Venice, chia sẻ kiến thức của họ: Giovanna Rao và Eugenia Antonucci ở Thư viện Medicea Laurenziana, Serena Pini và đội ngũ nhân viên ở Cung điện Vecchio, Giovanna Giusti ở Phòng trưng bày Uffizi, Barbara Fedeli ở Nhà rửa tội và Ill Duomo, Ettore Vito và Massimo Bisson tại Thánh đường St. Mark, giorgio Tagliaferro tại Cung Doge, Isabella di Lenardo, Elizabeth Carroll Consavari, và Elena Svalduz ở Venice, Annalisa Bruni và đội ngũ nhân viên ở Thư viện Quốc gia Marciana, và tới nhiều người khác mà tôi không thể nhắc đến trong bản danh sách ngắn gọn này.

Cảm ơn Rachael Dillon Fried và Stephanie Delman ở Cơ quan Đại diện Sanford J. Greenburger vì tất cả những gì họ đã làm cả ở Mỹ và ở nước ngoài.

Xin được cảm ơn những bộ óc phi thường của Tiến sĩ George Abraham, Tiến sĩ John Treanor, và Tiến sĩ Bob Helm vì kiến thức khoa học chuyên môn của họ.

Chân thành cảm ơn các độc giả đầu tiên của tôi, những người đã đưa ra quan điểm của mình: Greg Brown, Dick và Connie Brown, Rebecca Kaufman, Jerry và Olivia Kaufman, John Chaffee.

Cảm ơn chuyên gia web Alex Cannon, người đã cùng với nhóm cộng sự ở Xưởng Truyền thông Sanborn giữ cho mọi thứ hoạt động suôn sẻ trong thế giới trực tuyến.

Cảm ơn Judd và Kathy Gregg đã dành cho tôi không gian yên tĩnh trong khuôn viên Green Gables để tôi viết những chương cuối của cuốn sách này.

Cảm ơn những nguồn trực tuyến tuyệt vời của Dự án Princeton Dante, Digital Dante tại Đại học Columbia, và The World of Dante.

NHỮNG NƠI TĂM TỐI NHẤT CỦA ĐỊA NGỤC DÀNH RIÊNG CHO NHỮNG KẺ GIỮ THÁI ĐỘ TRUNG DUNG TRONG THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG ĐẠO ĐỨC

Cơ sở thực tế

Mọi thông tin tham khảo bằng hình ảnh, minh họa, văn học, khoa học, và lịch sử trong cuốn tiểu thuyết này đều có thật.

“Consortium” là một tổ chức tư nhân có văn phòng đặt tại bảy quốc gia. Tên của tổ chức đã được thay đổi vì những lý do an ninh và quyền riêng tư.

Hỏa ngục (Inferno) là thế giới địa ngục được mô tả trong trường ca Thần khúc (The Divine Comedy) của Dante Alighieri. Bản trường ca này khắc họa địa ngục như một vương quốc có cấu trúc phức tạp, là nơi cư ngụ của những thực thể được cho là “vong linh” – những linh hồn vô hình bị mắc kẹt giữa chốn dương gian và cõi chết.

Khúc dạo đầu

Ta là vong linh.

Qua thành phố buồn đau, ta lẩn tránh.

Qua nỗi thống khổ vĩnh hằng, ta trốn chạy.

Ta lê bước dọc bờ sông Arno, thở không ra hơi... rẽ trái vào Via dei Castellani, lẩn lên phía bắc, lẩn vào bóng râm của tòa nhà Uffizi [\[1\]](#).

Và chúng vẫn truy lùng ta.

Giờ thì đã nghe rõ bước chân của chúng hơn khi mà chúng quyết tâm săn đuổi đến cùng.

Chúng săn lùng ta đã nhiều năm ròng. Sự đeo bám dai dẳng của chúng khiến ta phải ở dưới hầm... buộc ta phải sống trong cõi luyện hồn... quần quai bên dưới mặt đất như một con quái vật âm phủ.

Ta là vong linh.

Ở trên mặt đất lúc này, ta nhướng mắt nhìn về phương bắc, nhưng không thể tìm thấy con đường thẳng tới sự cứu rỗi... vì dãy núi Apennine che lấy tia sáng đầu tiên của buổi bình minh.

Ta đi qua phía sau tòa nhà có ngọn tháp với những lỗ châu mai và đồng hồ chỉ có một kim... lách qua những người bán hàng rong buổi sớm ở Quảng trường San Firenze, tiếng rao khàn khàn của họ còn nồng nặc mùi lampredotto và ô liu nướng. Băng qua trước Bảo tàng Bargello [2], ta cắt sang mé tây về phía cầu thang xoắn ốc của Tu viện Badia [3] và đến ngay trước cánh cổng sắt ở dưới chân cầu thang.

Đến đây, phải gạt bỏ sau lưng mọi sự do dự.

Ta vịn tay nắm và bước vào lối đi ta biết rõ sẽ không có đường trở lại. Ta hồi thúc đôi chân nặng như chì bước lên dãy cầu thang hẹp... leo lên theo chiều xoắn ốc trên những bậc thang bằng đá cẩm thạch mềm, lỗ chỗ và sứt mẻ.

Từ phía dưới vang lên những giọng nói. Đang van nài.

Chúng đang ở phía sau ta, không nhượng bộ, xấp lại gần.

Chúng không hiểu chuyện gì sắp đến... cũng như những gì ta đã làm cho chúng!

Đúng là mảnh đất bạc bẽo!

Khi ta leo lên, tầm nhìn trở nên khó khăn... Những thân hình đầy dục vọng quần quai trong làn mưa dữ dội, các linh hồn tham lam ngoi ngóp trong phân thối, những kẻ xấu xa xảo trá đông cứng trong vòng tay băng giá của quỷ Satan.

Ta trèo lên mấy bậc thang cuối cùng và lên đến đỉnh, loạng choạng ngã vào bầu không khí ẩm ướt buổi sớm. Ta lao tới bức tường cao hơn đầu người, nhìn qua những kẽ hở. Xa phía dưới là thành phố thiêng liêng, nơi ta đã phải tìm cách trốn tránh những kẻ đày ải ta.

Những giọng nói vang lên, xấp lại gần phía sau lưng ta. “Những điều ông vừa làm thật điên rồ!”

Điên rồ dung dưỡng điên rồ.

“Vì tình yêu của Chúa!”, chúng gào lên, “Hãy nói cho chúng tôi biết ông giấu nó ở đâu!”.

Nhưng chính vì tình yêu của Chúa, ta sẽ không nói.

Giờ ta đứng, bị dồn vào chân tường, lưng tựa vào lớp đá lạnh. Chúng nhìn xoáy vào đôi mắt xanh trong veo của ta, và nét mặt chúng sầm lại, không còn vẻ phỉnh phờ, mà là hăm dọa. “Ông biết chúng tôi có phương pháp của mình mà. Chúng tôi có thể buộc ông nói nó ở đâu.”

Vì lý do đó, ta đã qua nửa chặng đường lên thiên đàng.

Chẳng cần báo trước, ta xoay người và rướn lên, bấu những ngón tay vào gờ tường cao, đu mình lên, bò trên hai gối, rồi đứng dậy... chênh vênh trên vách tường. Xin hãy dẫn dắt ta, Virgil yêu quý, vượt qua khoảng không trống rỗng.

Chúng ngạc nhiên, nhào tới trước như muốn tóm lấy chân ta, nhưng lại sợ rằng chúng sẽ làm ta mất thăng bằng và ngã nhào xuống. Giờ thì chúng van xin, nổi tuyệt vọng lặng câm, nhưng ta xoay lưng lại phía chúng. Ta biết mình phải làm gì.

Phía dưới ta, xa tít đến chóng mặt, những mái ngói đỏ chạy dài như một biển lửa chôn thôn quê, chiếu sáng mảnh đất thanh sạch nơi những người khổng lồ từng dạo bước... Giotto, Donatello, Brunelleschi, Michelangelo, Botticelli.

Ta nhích từng ngón chân tới mép tường.

“Xuống đây đi!”, chúng gào lên. “Vẫn còn chưa quá muộn mà!”

Ôi, những kẻ ngu dốt ngang ngạnh! Các người không nhìn thấy tương lai ư? Các người không hiểu thấu về huy hoàng ở tác phẩm sáng tạo của ta ư? Sự thiết yếu ư?

Ta sẽ vui vẻ thực hiện sự hy sinh tối thượng này... và bằng việc đó, ta sẽ dập tắt hy vọng cuối cùng của các người hòng tìm ra những gì các người đang lùng kiếm.

Các người sẽ chẳng bao giờ kịp tìm thấy nó đâu.

Sâu dưới kia hàng trăm mét, quảng trường rải đá cuội như một ốc đảo yên

bình mời gọi. Ta làm sao đợi thêm được nữa... trong khi thời gian chính là thứ hàng hóa cho dù có bộn tiền ta cũng không thể mua được.

Trong vài giây cuối cùng, ta phóng tầm mắt xuống quảng trường, và nhìn thấy một cảnh tượng khiến ta giật mình.

Ta nhìn thấy gương mặt nàng.

Từ trong bóng râm, nàng đang ngược lên nhìn ta. Đôi mắt nàng u sầu, nhưng trong đôi mắt ấy, ta cảm nhận được sự tôn kính dành cho những gì ta đã hoàn thành. Nàng hiểu ta không còn lựa chọn nào khác. Vì tình yêu với Nhân loại, ta phải bảo vệ kiệt tác của mình.

Ngay lúc này nó vẫn phát triển... chờ đợi... âm ỉ bên dưới làn nước màu đỏ máu của cái đầm chẳng bao giờ phản chiếu những ánh sao.

Ta rời mắt khỏi mặt nàng và nhìn về phía chân trời. Phía trên thế giới đau khổ này, ta nói lời cầu khẩn cuối cùng.

Hỡi Chúa kính yêu, con cầu xin thế giới ghi nhớ tên con không phải như một kẻ tội đồ đáng ghê tởm, mà như một vị cứu tinh vẻ vang, người biết thật sự là như vậy. Con cầu xin Nhân loại sẽ hiểu món quà con để lại phía sau.

Món quà của con là tương lai.

Món quà của con là sự cứu rỗi.

Món quà của con là Hỏa ngục.

Nói xong, ta thậm khấn amen... và gieo bước chân cuối cùng vào khoảng không thăm thẳm.

Chương 1

Ký ức chậm chậm phục hồi... như bong bóng sủi lên từ thẳm sâu của một cái giếng không đáy.

Một phụ nữ che mạng.

Robert Langdon dăm dăm nhìn người phụ nữ phía bên kia con sông nước đỏ sánh như máu. Ở bờ bên đó, người phụ nữ đứng đối diện anh, bất động, trang

nghiêm, gương mặt ẩn dưới tấm mạng che. Tay cô giữ chặt một mảnh vải tainia màu lam, đang được cô giơ cao lên để tỏ lòng tôn kính với cả biển xác chết dưới chân mình. Mùi tử khí nồng nặc khắp nơi.

Hãy tìm kiếm, người phụ nữ thì thào. Và anh sẽ thấy.

Langdon nghe thấy những từ ấy như thể người phụ nữ nói ngay trong đầu anh. “Cô là ai?”, anh gọi to, nhưng giọng anh không hề phát thành tiếng.

Thời gian đang cạn dần, người ấy thì thào. Hãy tìm kiếm và sẽ thấy.

Langdon nhích một bước về phía sông, nhưng anh nhìn thấy rõ nước đỏ như máu và quá sâu, không thể lội qua. Khi Langdon ngược mắt nhìn lại người phụ nữ che mạng thì những xác người dưới chân cô đã nhô lên vô khối. Giờ có đến cả trăm, có khi hàng nghìn, một số vẫn còn sống, đang quần quai trong đau đớn, chịu đựng những cái chết không dễ gì nghĩ ra được... bị lửa thiêu đốt, bị vùi lấp trong phân thối, xâu xé lẫn nhau. Anh có thể nghe rõ những tiếng kêu thảm thiết của con người vang vọng trên mặt nước.

Người phụ nữ tiến về phía anh, chìa hai cánh tay mảnh mai như thể đang cầu xin sự giúp đỡ.

“Cô là ai?”, Langdon lại gọi to.

Đáp lại, người phụ nữ giơ tay và từ từ gỡ tấm mạng khỏi mặt mình. Bà ấy đẹp mê hồn, nhưng già hơn Langdon hình dung – có lẽ đã ngoài sáu mươi, oai nghiêm và rắn rỏi, giống như một bức tường không nhuộm màu thời gian. Bà ấy có cái cằm cương nghị, đôi mắt sâu thẳm có hồn, và mái tóc bạc dài với những lọn quăn buông xõa xuống bờ vai. Cổ bà ấy đeo một miếng bùa bằng lam ngọc hình một con rắn quấn quanh cây quyền trượng.

Langdon có cảm giác mình đã biết bà ấy... tin tưởng bà. Nhưng bằng cách nào? Tại sao lại như vậy?

Lúc này bà ấy chỉ tay vào một đôi chân đang giãy giụa, thò ngược lên từ dưới đất, rõ ràng là chân của một sinh linh bất hạnh nào đó bị chôn ngược đầu tới tận thắt lưng. Phần đùi tái nhợt của người đó có một con chữ duy nhất – viết bằng bùn – R.

R ư? Langdon ngẫm nghĩ, đầy phân vân. Giống như trong... Robert ư?
“Không lẽ đó là ... mình?”

Gương mặt người phụ nữ không hé lộ gì cả. Hãy tìm và sẽ thấy, bà ấy nhắc lại.

Không hề báo trước, người bà ấy bắt đầu tỏa ra một thứ ánh sáng màu trắng... càng lúc càng sáng hơn. Cả cô thể bà bắt đầu rung lên dữ dội, và sau đó, kèm theo một tiếng nổ lớn, bà vỡ tan thành cả nghìn mảnh ánh sáng.

Langdon hét lên, choàng tỉnh.

Căn phòng sáng trưng. Chỉ có mình anh. Mùi cồn y tế nồng gắt trong không khí, và đâu đó có tiếng máy phát ra những âm thanh trùng khớp với nhịp tim của anh. Langdon cố gắng nhúc nhích cánh tay phải, nhưng một cơn đau nhói khiến anh đành thúc thủ. Anh nhìn xuống phía dưới và thấy một ống truyền dính chặt lấy lớp da cánh tay mình.

Mạch anh đập rộn, và cỗ máy cũng giữ đúng nhịp, phát ra những tiếng kêu nhanh hơn.

Mình đang ở đâu thế nhỉ? Có chuyện gì không biết?

Gáy Langdon nhói lên một cơn đau buốt. Rất cẩn thận, anh đưa cánh tay còn lại chạm vào mặt mình, cố gắng định vị nguồn gốc cơn đau đầu. Bên dưới mái tóc rối bù, anh sờ thấy những nốt u cứng ngắc của hàng chục mũi khâu đã đóng vảy vì máu khô.

Anh nhắm mắt, cố gắng nhớ lại vụ tai nạn.

Không nhớ được gì cả. Trống rỗng hoàn toàn.

Nghĩ đi.

Chỉ có bóng tối mịt mù.

Một người đàn ông mặc đồ thanh trùng bước vội vào, chắc chắn vì thấy màn hình cảnh báo nhịp tim đập nhanh của Langdon. Ông ấy có bộ râu dày, ria cũng rậm, và đôi mắt dịu dàng toát ra vẻ điềm tĩnh ân cần bên dưới đôi lông mày rậm.

“Đã có chuyện... gì vậy?”, Langdon gắng giọng. “Tôi bị tai nạn à?”

Người đàn ông râu rậm đưa một ngón tay lên môi và sau đó chạy vội ra ngoài, gọi một ai đó dưới sảnh.

Langdon xoay đầu, cử động đó gây ra một cơn đau nhói lan khắp người anh. Anh hít mấy hơi thật sâu để cơn đau dịu đi. Sau đó, rất nhẹ nhàng và cẩn thận, anh quan sát không gian vô trùng xung quanh mình.

Căn phòng bệnh viện này có một giường đơn. Không hoa hoét gì cả. Không bảng hiệu. Langdon nhìn thấy quần áo mình trên chiếc bàn quỳ gần đó, gấp gọn trong một túi nhựa trong. Tất cả đều dính máu.

Chúa ơi. Chắc chắn là rất tệ.

Giờ Langdon chậm rãi xoay đầu về phía ô cửa sổ cạnh giường. Bên ngoài trời tối om. Đang đêm. Tất cả những gì Langdon có thể nhìn thấy trên kính là hình phản chiếu của anh – một kẻ xa lạ nhợt nhạt, xanh xao và mệt mỏi, người đầy ống và dây nhợ, xung quanh là các thiết bị y tế.

Có tiếng nói tiến lại gần trong hành lang, và Langdon đưa mắt trở lại căn phòng. Vị bác sĩ đã quay lại, đi cùng với một phụ nữ.

Cô ấy có vẻ như mới ngoài ba mươi một chút. Cô mặc bộ đồ thanh trùng màu xanh da trời và buộc gọn mái tóc vàng thành một túm đuôi ngựa đung đưa sau gáy theo nhịp chân của cô.

“Tôi là bác sĩ Sienna Brooks”, cô nói, nhìn Langdon mỉm cười ngay khi vừa bước vào. “Tôi sẽ làm việc cùng bác sĩ Marconi tối nay.”

Langdon yếu ớt gật đầu.

Cao ráo và uyển chuyển, bác sĩ Brooks di chuyển với dáng vẻ dứt khoát của một vận động viên. Ngay cả khi trong bộ đồ thanh trùng kì cục, ở cô vẫn toát lên vẻ thanh thoát, thướt tha. Mặc dù Langdon có thể thấy rõ là cô không hề trang điểm nhưng nước da của cô vẫn có vẻ mịn màng lạ thường, với khiếm khuyết duy nhất là một nốt ruồi duyên nhỏ xíu ngay phía trên môi. Đôi mắt cô, dù có màu hạt dẻ dịu dàng, dường như sắc sảo đến kỳ lạ, như thể chúng từng chứng kiến nhiều trải nghiệm mà một người trẻ tuổi cô hiếm có dịp được tao ngộ.

“Bác sĩ Marconi không nói được nhiều tiếng Anh”, cô lên tiếng và ngồi xuống cạnh anh. “Và ông ấy đề nghị tôi giúp điền mẫu đơn nhập viện cho anh.” Cô lại mỉm cười.

“Cảm ơn cô”, Langdon rên rỉ.

“Được rồi”, cô lên tiếng, giọng toát lên sự tháo vát ân cần. “Tên anh là gì nhỉ?”

Anh phải mất một lúc mới trả lời được: “Robert... Langdon”.

Cô rọi đèn soi vào mắt anh. “Nghề nghiệp?”

Thông tin này được đưa ra còn chậm hơn nữa. “Giáo sư. Lịch sử nghệ thuật... và biểu tượng học. Đại học Harvard.”

Bác sĩ Brooks hạ đèn xuống, vẻ ngạc nhiên. Vị bác sĩ với đôi mày rậm trông cũng bất ngờ không kém.

“Anh là... người Mỹ à?”

Langdon ngơ ngác nhìn cô.

“Chỉ là...”, cô ngập ngừng. “Tôi qua lúc anh đến đây, anh không hề có giấy tờ tùy thân. Lúc ấy anh mặc trang phục Harris Tweed và đi giày lười hiệu Somerset, cho nên chúng tôi đoán anh là người Anh.”

“Tôi là người Mỹ”, Langdon quả quyết với cô, nhưng anh quá mệt không thể giải thích được rằng anh rất chuộng quần áo may đo riêng.

“Anh có thấy đau chỗ nào không?”

“Ở đầu tôi”, Langdon đáp, cái đầu vẫn đang nheo nhói của anh gập anh đèn rọi sáng quắc càng thêm khó chịu. May thay, bác sĩ Brooks bỏ đèn vào túi, cầm lấy cổ tay Langdon và kiểm tra mạch đập.

“Lúc tỉnh lại, anh la hét dữ dội”, cô nói. “Anh có nhớ tại sao không?”

Langdon vụt nhớ lại hình ảnh kỳ quái về người phụ nữ đeo mạng với những xác người quần quai xung quanh. Hãy tìm và sẽ thấy. “Tôi gặp một con ác mộng.”

“Như thế nào?”

Langdon kể lại cho cô nghe.

Nét mặt của bác sĩ Brooks vẫn thản nhiên khi cô ghi chép trên kẹp hồ sơ.

“Anh có nghĩ được điều gì gợi ra một hình ảnh kinh khủng như vậy không?”

Langdon lục lại ký ức rồi lắc đầu, động tác ấy khiến anh đau nhói như bị búa nện.

“Được rồi, anh Langdon”, cô nói, vẫn hí hoáy viết, “có vài câu hỏi thông thường dành cho anh. Hôm nay là thứ mấy trong tuần rồi?”

Langdon nghĩ một lúc. “Thứ bảy. Tôi nhớ lúc sớm hôm nay mình đang đi bộ qua khuôn viên... chuẩn bị cho một loạt tiết giảng buổi chiều... đó là điều cuối cùng tôi nhớ được. Tôi bị ngã phải không?”

“Chúng ta sẽ nói sau. Anh có biết mình đang ở đâu không?”

Langdon cố phán đoán. “Bệnh viện Đa khoa Massachusetts phải không?”

Bác sĩ Brooks lại ghi chép. “Và chúng tôi có cần gọi ai đó cho anh không? Vợ? Hoặc con cái?”

“Không có ai cả”, Langdon đáp lại theo bản năng. Anh luôn thích sự tĩnh mịch và độc lập mà mình có nhờ lựa chọn cuộc sống độc thân, mặc dù anh phải thừa nhận rằng, trong tình huống hiện tại, anh thêm có được một gương mặt quen thuộc ở bên cạnh. “Tôi có thể gọi cho một vài đồng nghiệp, nhưng tôi ôn mà.”

Bác sĩ Brooks ngừng ghi chép, và vị bác sĩ lớn tuổi hơn tiến lại gần. Ông ấy vượt vượt đôi mày rậm về phía sau, móc từ trong túi một chiếc máy ghi âm nhỏ và đưa cho bác sĩ Brooks. Cô gạt đầu hiểu ý và xoay lại phía bệnh nhân của mình.

“Anh Langdon, tôi nay khi anh đến đây, anh cứ lảm bảm nhắc đi nhắc lại một điều gì đó.” Cô liếc nhìn bác sĩ Marconi đang giơ chiếc máy ghi âm kỹ thuật số ra và bấm nút.

Một đoạn ghi âm bắt đầu chạy, và Langdon nghe thấy giọng nói nhát gừng của mình, lặp đi lặp lại cụm từ: “Rấ... xin lỗi. Rấ... xin lỗi.”

“Theo tôi nghe”, người phụ nữ nói, “giống như anh đang nói “Rất xin lỗi. Rất xin lỗi”.

Langdon tán thành, nhưng anh lại không hề nhớ gì về chuyện đó.

Bác sĩ Brooks đăm đăm nhìn anh với ánh mắt cực kỳ đáng ngại. “Anh có ý tưởng gì về lý do tại sao anh lại nói câu này không? Anh xin lỗi vì điều gì đó

chăng?”

Khi Langdon lục lại những chỗ tối nhất trong ký ức của mình, anh lại nhìn thấy người phụ nữ che mạng. Bà ấy đang đứng bên bờ một con sông đỏ máu với những xác người xung quanh. Mùi tử khí quay trở lại.

Bỗng nhiên Langdon thấy ngập trong một cảm giác rất bản năng về sự nguy hiểm... không chỉ cho chính anh... mà cho tất cả mọi người. Tiếng máy theo dõi nhịp tim của anh tăng vọt. Các cơ trong người anh cứng lại, và anh gắng ngồi dậy.

Bác sĩ Brooks vội ấn mạnh tay lên ức Langdon, ép anh nằm xuống. Cô liếc nhanh về phía vị bác sĩ râu rậm lúc này đang bước về phía cái bàn quây kệ bên và bắt đầu chuẩn bị thứ gì đó.

Bác sĩ Brooks ghé sát người xuống Langdon, thì thào. “Anh Langdon, tâm lý lo lắng là chuyện rất bình thường với những ca chấn thương não, nhưng anh cần giữ cho mạch đập giảm xuống. Đừng cử động. Đừng kích động. Hãy nằm yên và nghỉ ngơi. Anh sẽ ổn thôi. Trí nhớ của anh sẽ dần dần hồi phục.”

Giờ vị bác sĩ kia quay lại cùng với một ống tiêm và trao cho bác sĩ Brooks. Cô bơm toàn bộ số thuốc bên trong vào ống truyền của Langdon.

“Chỉ là một liều an thần nhẹ để anh bình tĩnh lại”, cô giải thích, “và cũng để giảm đau nữa”. Cô đứng lên. “Anh sẽ ổn thôi, anh Langdon. Hãy ngủ đi. Nếu anh cần gì, hãy bấm cái nút bên cạnh giường.”

Cô tắt đèn và rời đi cùng với vị bác sĩ râu rậm.

Trong bóng tối, Langdon cảm nhận rõ chất thuốc đang ngấm qua cơ thể anh gần như ngay tức thì, kéo thân xác anh chìm trở lại cái giếng sâu mà anh vừa ngoi lên. Anh cố chống lại cảm giác đó, cố mở to mắt trong bóng tối của căn phòng. Anh gắng ngồi dậy, nhưng có cảm giác cơ thể mình giống như cả khối xi măng.

Khi nhúc nhích, Langdon lại thấy mình nhìn ra ô cửa sổ. Đèn đóm đã tắt cả, và trong ô kính tối đen, hình ảnh phản chiếu của anh đã biến mất, thay vào đó là đường chân trời sáng lên phía xa.

Xen giữa những chóp nhọn và mái vòm nhấp nhô, nổi bật trong tầm nhìn của Langdon là một mặt tiền tráng lệ. Tòa nhà là một pháo đài đá rất uy nghi với lan can hình chữ V và ngọn tháp cao đến gần trăm mét phình ra ở gần đỉnh,

tạo thành một khối đồ sộ có lỗ châu mai.

Langdon ngồi thẳng dậy trên giường, cơn đau như nổ tung trong đầu anh. Anh gắng nén cơn đau giằn giật dữ dội và đăm đăm nhìn ngọn tháp.

Langdon biết rất rõ công trình trung cổ này.

Nó là thứ độc nhất vô nhị trên thế giới.

Tiếc thay, nó còn nằm cách xa Massachusetts tới bốn nghìn dặm.

Bên ngoài cửa sổ phòng anh, ẩn kín trong bóng tối của tòa nhà Via Torregalli [4], một phụ nữ có vóc dáng khỏe mạnh thông dong đẩy chiếc mô tô BMW tiến tới với sự tập trung cao độ của một con beo đang rình mồi. Ánh mắt của ả sắc lạnh. Mái tóc cắt ngắn kiểu đầu đinh của ả nổi bật trên phần cổ áo dựng ngược của bộ đồ lái xe bằng da đen. ả kiểm tra vũ khí giảm thanh của mình, và chăm chú nhìn lên ô cửa sổ nơi anh đèn chĩa Robert Langdon vừa tắt.

Chập tối nay, nhiệm vụ ban đầu của ả đã thất bại thảm hại.

Tiếng gù của một con bò câu lẻ đàn đã làm thay đổi mọi việc.

Giờ ả đến để giải quyết mọi thứ cho êm đẹp.

Chương 2

Mình đang ở Florence ư!?

Đầu Robert Langdon đau như búa bổ. Lúc này anh đang ngồi thẳng trên chiếc giường bệnh, liên tục nhấn nút gọi bác sĩ. Bất chấp số thuốc an thần trong cơ thể, tim anh vận đập rộn.

Bác sĩ Brooks vội vã chạy vào, túm tóc đuôi ngựa của cô dung đưa. “Anh ổn chứ?”

Langdon lắc đầu đầy hoang mang. “Tôi đang ở... Ý à?”

“Tốt rồi”, cô nói. “Anh đang dần nhớ lại.”

“Không!” Langdon chỉ tay ra ngoài cửa sổ về phía tòa lâu đài uy nghi phía

xa. “Tôi nhận ra Cung điện Vecchio.”

Bác sĩ Brooks bật đèn sáng trở lại, và đường chân trời của Florence biến mất. Cô đến bên giường anh, dịu dàng nói khẽ. “Anh Langdon, không cần phải lo lắng như vậy. Anh đang tạm thời bị mất trí nhớ, nhưng bác sĩ Marconi khẳng định chức năng não bộ của anh vẫn ổn.”

Vị bác sĩ rậm râu cũng chạy xộc vào, rõ ràng ông cũng nghe thấy tiếng nút gọi. Ông kiểm tra máy theo dõi nhịp tim của Langdon trong khi nữ bác sĩ trẻ nói liên thoảng với ông bằng thứ tiếng Ý rất trôi chảy, hình như về việc Langdon đã “kích động” như thế nào khi biết mình ở Ý.

Kích động ư? Langdon giận dữ nghĩ thầm. Chết sững thì đúng hơn!
Adrenalin trào dâng trong cơ thể anh lúc này đang đối chọi với thuốc an thần. “Có chuyện gì xảy ra với tôi?”, anh gặng hỏi. “Hôm nay là thứ mấy?”

“Mọi thứ đều ổn”, cô đáp. “Mới rạng sáng. Thứ Hai, ngày Mười tám tháng Ba.”

Thứ hai. Langdon cố ép bộ óc đang đau nói tua lại những hình ảnh cuối cùng anh còn có thể nhớ ra – lạnh lẽo và tăm tối – bước đi một mình qua khuôn viên Harvard để tới buổi giảng bài tối thứ Bảy. Tức là đã hai ngày trước ư?! Một cơn đau nhức buốt hơn nín chặt lấy Langdon khi anh cố nhớ lại bất kỳ chi tiết nào kể từ buổi lên lớp hoặc sau đó. Chẳng nhớ được gì. Tiếng máy theo dõi nhịp tim của anh tăng nhanh.

Vị bác sĩ lớn tuổi gãi gãi chòm râu và tiếp tục điều chỉnh thiết bị trong khi bác sĩ Brooks ngồi xuống bên cạnh Langdon.

“Anh sẽ ổn thôi”, cô trấn an anh, giọng rất dịu dàng. “Chúng tôi chẩn đoán anh bị suy yếu ký ức cũ, một chứng rất phổ biến khi bị chấn thương vùng đầu. Ký ức về vài ngày qua của anh có thể lộn xộn hoặc biến mất, nhưng anh không hề bị tổn thương nào vĩnh viễn.” Cô ngừng lại. “Anh có nhớ được tên tôi không? Tôi đã nói với anh lúc tôi mới vào đây.”

Langdon nghĩ một lúc, “Sienna”. Bác sĩ Sienna Brooks.

Cô mỉm cười. “Thấy không? Anh đã hình thành trí nhớ mới.”

Cơn đau đầu khiến Langdon gần như không chịu nổi, và tầm nhìn rất gần của anh vẫn mờ nhòe. “Có chuyện gì... vậy? Làm thế nào tôi đến được đây?”

“Tôi nghĩ anh nên nghỉ ngơi, và có lẽ...”

“Làm sao tôi đến được đây?”, anh gắng hỏi, máy theo dõi nhịp tim càng nhanh thêm.

“Được rồi, hãy thở đều nào”, bác sĩ Brooks nói, trao đổi với đồng nghiệp cái nhìn lo lắng. “Tôi sẽ nói với anh.” Giọng cô trở nên nghiêm túc thấy rõ.

“Anh Langdon, ba giờ trước, anh lao đảo bước vào phòng cấp cứu, trên đầu có một vết thương đang chảy máu, và anh ngã gục ngay lập tức. Không có người nào biết anh là ai hay làm cách nào anh tới được đây. Anh cứ làm bầm bằng tiếng Anh, cho nên bác sĩ Marconi đề nghị tôi hỗ trợ. Tôi từ Anh tới đây nghỉ phép.”

Langdon cảm thấy như thể mình vừa tỉnh dậy trong một bức tranh của Max Ernst [5]. Mình làm quái gì ở Ý chứ? Thông thường, Langdon vẫn tới đây vào mỗi dịp tháng Sáu để dự hội thảo về nghệ thuật, nhưng giờ mới là tháng Ba.

Thuốc an thần giờ có tác dụng mạnh hơn, và anh cảm thấy như thể lực hút trái đất đang tăng dần theo từng giây, ghìm chặt anh xuống tấm đệm. Langdon cố cưỡng lại, ngẩng cao đầu, gắng giữ tỉnh táo.

Bác sĩ Brooks nghiêng người về phía anh, như một thiên thần che chắn. “Nào, anh Langdon”, cô thì thầm. “Chấn thương đầu rất nặng cảm trong vòng hai mươi tư giờ đầu tiên. Anh cần nghỉ ngơi hoặc anh sẽ bị chấn thương nghiêm trọng đấy.”

Độ ngọt có tiếng nói lạo xạo vang lên trong hệ thống liên lạc của căn phòng. “Bác sĩ Marcono?”

Vị bác sĩ có râu nhún một chiếc nút trên tường và trả lời, “Vâng?”.

Giọng trong hệ thống liên lạc nói bằng tiếng Ý rất nhanh. Langdon không thể nghe được họ nói gì, nhưng anh nhìn thấy hai vị bác sĩ trao đổi một cái nhìn đầy ngạc nhiên. Hay báo nguy chẳng?

“Chờ chút”, Marconi đáp, kết thúc cuộc trò chuyện.

“Có chuyện gì vậy?”, Langdon hỏi.

Đôi mắt của bác sĩ Brooks dường như hơi nheo lại một chút. “Nhân viên lễ tân bộ phận chăm sóc đặc biệt ấy mà. Có người tới thăm anh.”

Một tia hy vọng rọi qua trạng thái chéch choáng của Langdon. “Tin vui đấy! Có lẽ người này biết chuyện gì xảy ra với tôi.”

Trông Brooks không chắc chắn lắm. “Hơi lạ là lại có ai đó đến đây. Chính chúng tôi còn không hề biết tên anh, và thậm chí anh còn chưa đăng ký vào hệ thống.”

Langdon cố chống chọi lại tác dụng của các loại thuốc giảm đau và loay hoay tìm cách ngồi thẳng dậy trên giường. “Nếu có ai đó biết tôi ở đây, nhất định người đó phải biết đã có chuyện gì xảy ra!”

Bác sĩ Brooks liếc nhìn bác sĩ Marconi, ông lập tức lắc đầu và liếc đồng hồ đeo tay. Cô quay lại phía Langdon.

“Đây là khoa chăm sóc đặc biệt”, cô giải thích. “Không ai được phép vào, sớm nhất cũng phải tới 9 giờ sáng. Một lát nữa bác sĩ Marconi sẽ ra xem vị khách kia là ai và người đó muốn gì.”

“Thế còn điều tôi muốn thì sao?”, Langdon vặn hỏi.

Bác sĩ Brooks kiên nhẫn mỉm cười và hạ giọng, cúi xuống sát hơn. “Anh Langdon, có vài việc trong tôi nay mà anh chưa biết... liên quan đến chuyện xảy ra với anh. Và trước khi anh trò chuyện với bất kỳ ai, tôi nghĩ tốt hơn cả là anh nên có đầy đủ mọi dữ kiện. Rất tiếc, tôi không nghĩ rằng anh đủ khỏe mạnh để...”

“Dữ kiện gì cơ?”, Langdon thắc mắc, cố nhồm dậy thêm. Đường ống truyền dịch trên cánh tay anh nhói lên, và cơ thể anh ngã vật xuống như thể nặng đến vài trăm cân. “Tất cả những gì tôi biết là tôi đang nằm trong một bệnh viện ở Florence và xuất hiện trong khi lập đi lập lại mấy chữ “rất xin lỗi...”

Một ý nghĩ đáng sợ vụt hiện ra trong tâm trí anh.

“Hay là tôi phải chịu trách nhiệm về một vụ tai nạn xe hơi?”, Langdon hỏi. “Tôi làm ai đó bị thương à?!”

“Không, không”, bác sĩ Brooks đáp. “Tôi không nghĩ vậy!”

“Vậy thì chuyện gì đây?”, Langdon cố nài, nhìn cả hai vị bác sĩ đầy giận dữ. “Tôi có quyền được biết chuyện gì đang xảy ra!”

Im lặng kéo dài, và cuối cùng bác sĩ Marconi miễn cưỡng gật đầu với cô

đồng nghiệp trẻ trung quỵên rũ. Bác sĩ Brooks thở hắt ra và tiến lại sát bên giường của anh hơn. “Được rồi, để tôi kể lại cho anh những gì tôi biết... và anh cần lắng nghe một cách bình tĩnh, được chứ?”

Langdon gật mạnh khiến một cơn đau buốt lan khắp đầu anh. Anh không quan tâm lắm mà chăm chú chờ nghe câu trả lời.

“Vấn đề đầu tiên là thế này... Vết thương ở đầu anh không phải do một vụ tai nạn gây ra.”

“Tốt quá, nhẹ cả người.”

“Không đơn giản thế đâu. Thực tế, vết thương của anh là do một phát đạn.”

Màn hình theo dõi nhịp tim của Langdon nhảy nhanh hơn. “Xin lỗi tôi nghe không rõ!”

Bác sĩ Brooks nói điềm tĩnh nhưng ngắn gọn. “Một viên đạn sượt qua đỉnh đầu anh và chắc chắn khiến anh bị chấn động. Rất may mắn là anh còn sống. Chỉ thấp xuống một phân nữa thì...” Cô lắc đầu.

Langdon dăm dăm nhìn cô vẻ không tin. Có ai đó bắn mình ư?

Phòng đợi vang lên những tiếng đôi co đầy giận dữ. Có vẻ như ai đó tới thăm Langdon không muốn phải chờ đợi. Gần như ngay lập tức, Langdon nghe thấy ở đầu kia hành lang có tiếng cánh cửa nặng nề bật tung. Anh cố nhìn cho tới khi thấy một bóng người đang tiến dần tới trong hành lang.

Người phụ nữ đó mặc toàn đồ đen. Dáng cô ta rắn chắc và khỏe khoắn với kiểu đầu đinh. Cô ta di chuyển rất thư thái, cứ như thể đôi chân không hề chạm đất, và cô ta nhắm thẳng về phía phòng của Langdon.

Không chút do dự, bác sĩ Marconi bước qua cửa hành lang để chặn lối đi của vị khách. “Dừng lại!”, người đàn ông ra lệnh, bàn tay vương ra như một viên cảnh sát.

Kẻ lạ vẫn không hề chùn bước, rút ra một khẩu súng giảm thanh. Ả nhắm thẳng vào ngực bác sĩ Marconi và nã đạn.

Có tiếng gió rít.

Langdon kinh hãi chứng kiến khi bác sĩ Marconi lao đảo bước lùi vào phòng,

ngã vật xuống sàn, tay ôm chặt lấy ngực, chiếc áo choàng trắng của ông đầm máu.

Chương 3

Năm dặm ngoài khơi nước Ý, chiếc du thuyền sang trọng dài hơn bảy mươi một mét [6] mang tên The Mendacium chạy băng băng qua màn sương trước lúc rạng đông xuất hiện trên những lớp sóng dập dềnh của biển Adriatic. Phần thân thon của con tàu được sơn màu xám chì, khiến nó có khí sắc không mấy thân thiện rất đặc trưng của một con tàu quân sự.

Với giá hơn 300 triệu đô la Mỹ, con tàu tự hào với đầy đủ tiện nghi thông dụng – phòng tắm hơi, bể bơi, rạp chiếu phim, tàu ngầm cá nhân, và cả sân trượt băng. Tuy nhiên, những thứ lặt vặt cần dùng hằng ngày của con tàu lại ít được chủ nhân quan tâm. Vị chủ nhân này nhận con tàu năm năm về trước, sau đó lập tức phá bỏ hầu hết các tiện nghi này để lắp đặt một trung tâm chỉ huy điện tử cấp quân sự bậc nhất.

Được kết nối với ba đường truyền vệ tinh chuyên dụng và một loạt trạm tiếp sóng mặt đất, phòng điều khiển trên tàu The Mendacium có đội ngũ nhân viên hơn hai chục người – gồm kỹ thuật viên, chuyên gia phân tích, chuyên gia điều phối tác chiến – sống luôn trên tàu và giữ liên lạc thường xuyên với nhiều trung tâm tác chiến trên bộ của tổ chức.

Bộ phận an ninh thường trực trên tàu gồm một đơn vị binh sĩ tinh anh được huấn luyện bài bản về quân sự, hai hệ thống dò tìm tên lửa, và một kho vũ khí tối tân. Bộ phận nhân viên hỗ trợ khác – đầu bếp, tạp vụ, và phục vụ - nâng tổng số người trên tàu lên hơn bốn mươi. Thực tế, tàu The Mendacium chính là một tòa văn phòng di động giúp chủ nhân của nó điều hành cả đế chế của mình.

Được các nhân viên xem như “Thị Trưởng”, chủ nhân con tàu là một người đàn ông nhỏ thó với làn da sạm nắng và cặp mắt sâu hoắm. Về ngoài không lấy gì làm đường bệ cùng phong thái bộc trực của ông ta dường như rất hợp với một người cực kỳ giàu có nhờ cung cấp những dịch vụ kín đáo trong thế giới ngầm.

Ông ta từng được gọi bằng đủ thứ biệt danh – gã đánh thuê vô cảm, kẻ tiếp tay cho tội ác, tên tay sai của quỷ dữ - nhưng ông ta không phải là hạng nào trong số này. Đơn giản là Thị Trưởng cung cấp cho khách hàng cơ hội để

theo đuổi tham vọng và dục vọng của họ bất chấp hậu quả, còn việc vốn dĩ con người ai cũng mắc sai lầm thì không phải vấn đề làm ông ta bận tâm.

Mặc kệ việc bị người ta chỉ trích và phản đối, kim chỉ nam đạo đức của Thị Trưởng là một ngôi sao cố định. Ông ta tạo dựng danh tiếng và đế chế của mình dựa trên hai nguyên tắc vàng.

Không bao giờ đưa ra lời hứa nếu không thể giữ lời.

Và không bao giờ nói dối khách hàng.

Chưa từng.

Trong sự nghiệp của mình, Thị Trưởng chưa bao giờ thất hứa hay vi phạm thỏa thuận làm ăn. Lời nói của ông ta có thể đem thế chấp ngân hàng được – một vật bảo đảm tuyệt đối – và mặc dù chắc chắn có những hợp đồng ông ta lấy làm tiếc vì đã thực hiện, nhưng nuốt lời trước những hợp đồng ấy chưa bao giờ là lựa chọn của ông ta cả.

Sáng hôm nay, khi bước ra ban công phòng ngủ trên du thuyền của mình, Thị Trưởng phóng tầm mắt về phía mặt biển đang nổi sóng và cố gắng xua đi mỗi băn khoăn đang cuộn lên trong lòng.

Những quyết định trong quá khứ chính là các kiến trúc sư cho hiện tại của chúng ta.

Những quyết định trong quá khứ của Thị Trưởng đã giúp ông ta luôn giành thế chủ động trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào và thoát ra ở thế thượng phong. Tuy nhiên, ngày hôm nay, lúc nhìn qua cửa sổ về phía những ánh đèn của lục địa phía xa, ông ta lại cảm thấy bức bối lạ thường.

Một năm trước, cũng trên chính con thuyền này, ông ta đã có một quyết định mà những dây mơ rễ má lằng nhằng của nó giờ đây đang đe dọa lật tung mọi thứ ông ta từng xây dựng. Ta đã đồng ý cung cấp dịch vụ cho nhằm người mất rồi. Thời điểm đó, Thị trưởng không có cách nào biết được điều ấy, và lúc này việc tính toán sai lầm đó kéo theo cả chuỗi thách thức chưa từng có, buộc ông ta phải phái một số đặc vụ ngoại tuyến cừ nhất của mình “vào trận”, với mệnh lệnh làm “bất cứ việc gì cần thiết” để giữ con thuyền đang chao đảo của ông ta không bị lật úp.

Lúc này, Thị Trưởng đang đợi nghe tin từ một đặc vụ rất đặc biệt.

Vayentha, ông ta nghĩ thâm, nhớ tới hình ảnh một chuyên gia đầu đình rắn rỏi. Vayentha, người luôn phục vụ ông ta đầu ra đầy cho tới sứ mệnh lần này, tới qua cô ta đã phạm một sai lầm với những hậu quả kinh khủng. Sáu tiếng qua quả là một cuộc ganh đua quyết liệt, một nỗ lực tuyệt vọng nhằm tái kiểm soát tình hình.

Vayentah nói cô ta phạm lỗi chỉ đơn giản là do không may mắn – con chim cất tiếng kêu không đúng lúc.

Tuy nhiên, Thị Trưởng không tin vào may rủi. Mọi việc ông ta làm đều được sắp xếp để loại bỏ yếu tố ngẫu nhiên và may rủi. Quyền kiểm soát là chuyên môn của Thị Trưởng – tiên liệu mọi khả năng, dự đoán mọi phản ứng, và nhào nặn thực tiễn theo đúng kết quả mong muốn. Ông ta có hồ sơ không tì vết về những phi vụ thành công và kín tiếng, cùng một danh sách khách hàng quen thân đáng nể - những tỷ phú, chính trị gia, tộc trưởng Hồi giáo, và thậm chí các nhân viên chính phủ.

Phía đông, quang sáng nhờ nhờ đầu tiên của buổi sớm bắt đầu nuốt chửng những vì sao thấp nhất ở đường chân trời. Thị trưởng đứng trên sàn tàu và kiên nhẫn đợi Vayentha thông báo rằng sứ mệnh của cô ta đã tiến triển đúng như kế hoạch.

Chương 4

Trong khoảnh khắc, Langdon cảm thấy như thể thời gian ngừng lại.

Bác sĩ Marconi nằm bất động trên sàn, máu tuôn ra từ ngực ông. Langdon cố cưỡng lại tác dụng của thuốc an thần trong cơ thể, ngược mắt nhìn lên kẻ ám sát đầu đình lúc này vẫn đang rải bước ngoài hành lang, băng qua nốt mây thước cuối cùng để tiếp cận khuôn cửa bỏ ngõ vào phòng anh. Khi gần đến ngưỡng cửa, ả nhìn về phía Langdon và lập tức chĩa vũ khí về hướng anh... nhằm thẳng vào đầu.

Mình sắp chết, Langdon nhận ra như vậy. Ở đây và ngay lúc này.

Một tiếng đập chát chúa vang lên trong phòng bệnh chật hẹp.

Langdon giật nảy, chắc chắn anh đã bị va đập, nhưng tiếng ồn đó không phải là tiếng súng của kẻ tấn công. Thay vào đó, tiếng đập ấy là tiếng đóng cánh của thép nặng nề của phòng bệnh khi bác sĩ Brooks lao người vào cửa và

xoay ổ khóa.

Đôi mắt dại đi vì sợ hãi, bác sĩ Brooks lập tức thụp xuống bên cạnh người đồng nghiệp đâm máu của mình, cố gắng bắt mạch. Bác sĩ Marconi thở ra một búng máu, tràn dọc từ má xuống bộ râu dày. Rồi ông lả đi.

“Enrico, dừng! Xin anh!”, cô kêu lên.

Bên ngoài, cả loạt đạn nổ chát chúa nhằm vào lớp vỏ kim loại phía ngoài ô cửa. Tiếng chuông báo động vang lên khắp hành lang.

Bằng cách nào đó, cơ thể Langdon hoạt động trở lại, hoảng hốt và đầy bản năng, lấn át tác dụng của thuốc an thần. Trong lúc lóng ngóng leo ra khỏi giường, một cảm giác đau như phải bồng xé qua cánh tay phải của anh. Trong khoảnh khắc, Langdon nghĩ một viên đạn đã xuyên qua cửa và trúng anh, nhưng khi nhìn xuống, anh nhận ra cây kim truyền bung khỏi tay mình. Đường ống nhựa thòi ra từ một cái lỗ trên cánh tay, và dòng máu nóng hổi đang chảy ngược ra khỏi ống.

Giờ thì Langdon hoàn toàn tỉnh táo.

Bác sĩ Brooks vẫn quỳ sụp bên cạnh xác Marconi, cố bắt mạch cho ông, nước mắt không ngừng trào ra. Sau đó, như thể có một công tắc vừa nhảy bên trong, cô đứng lên và quay lại phía Langdon. Vẻ mặt cô biến đổi ngay trước mắt anh, những nét trẻ trung như đánh lại với tất cả vẻ điềm tĩnh của một bác sĩ cấp cứu dày dạn đang phải xử lý một tình huống khủng hoảng.

“Theo tôi”, cô ra lệnh.

Bác sĩ Brooks nắm lấy tay Langdon và kéo anh băng qua phòng. Tiếng súng và tình trạng hỗn loạn vẫn tiếp tục trong hành lang khi Langdon lảo đảo bước đi trên đôi chân còn chưa vững. Đầu óc rất tỉnh táo nhưng cơ thể nặng như đeo đá của anh lại phản ứng rất chậm. Đi nào! Sàn nhà lát đá hoa lạnh ngắt dưới gan bàn chân, và bộ quần áo bệnh viện mỏng manh của anh không đủ dài để che kín tấm thân hơn một mét tám. Anh có thể cảm nhận được máu đang trào ra từ cánh tay và chảy xuống bàn tay mình.

Đạn vẫn tiếp tục bay tới ổ khóa nặng nề, bác sĩ Brooks đẩy vội Langdon vào một phòng tắm nhỏ. Cô định vào theo thì chợt dừng lại, nhìn xung quanh rồi chạy trở lại phía quầy nhặt lấy chiếc áo hiệu Harris Tweed đâm máu của anh.

Cứ mặc xác cái áo khoác chết tiệt của tôi đi!

Cô quay lại, tay khư khư chiếc áo khoác và nhanh nhẹn khóa cửa phòng tắm. Vừa lúc, cánh cửa phòng ngoài bật tung.

Cô bác sĩ trẻ nắm quyền kiểm soát. Cô bước vội qua gian phòng tắm nhỏ tới ô cửa thứ hai, giật tung ra, và dẫn Langdon vào phòng hồi sức liền kề. Tiếng súng vang lên phía sau họ khi bác sĩ Brooks ghé đầu ra ngoài hành lang, nhanh chóng kéo tay Langdon và lôi anh băng ngang hành lang lọt vào khu vực cầu thang. Cử động đột ngột làm Langdon chóng mặt, anh cảm thấy có thể bất tỉnh bất kỳ lúc nào.

Mười lăm giây tiếp theo là tình trạng mờ nhòe... đi xuống cầu thang... trượt chân... ngã. Con giật giật trong đầu Langdon gần như không thể chịu nổi. Thị lực của anh lúc này dường như còn mờ nhòe hơn, các cơ bắp rã rời, mỗi cử động đều có cảm giác như một phản ứng rất chậm trễ.

Và lúc này khí trời lạnh hân lên.

Mình đã ra ngoài.

Khi bác sĩ Brooks đẩy anh rời xa khỏi tòa nhà dọc theo một con hẻm tối om, Langdon giẫm phải thứ gì đó sắc cạnh và ngã chúi xuống, đập mạnh vào vỉa hè. Cô cố gắng giúp anh đứng dậy, miệng rủa thành tiếng chuyện anh vẫn chịu tác động của thuốc an thần.

Khi họ tới gần cuối hẻm, Langdon lại vấp lần nữa. Lần này, cô để mặc anh nằm trên đất, chạy băng ra phố và hét gọi ai đó ở phía xa. Langdon có thể nhận ra ngọn đèn màu xanh lục nhòe nhòe của một chiếc taxi đỗ ngay phía trước bệnh viện. Chiếc xe không hề di chuyển, rõ ràng người lái xe đang say ngủ. Bác sĩ Brooks hét to và khua khoáng tay. Cuối cùng, đèn pha taxi bật lên và xe chậm chậm lăn bánh về phía họ.

Trong hẻm phía sau Langdon, có tiếng cánh cửa bật tung, tiếp theo là tiếng những bước chân đang tiến đến gấp gáp. Anh ngoái lại và nhìn thấy cái bóng đen thẫm đang lao vọt về phía mình. Langdon cố gắng đứng dậy, nhưng cô bác sĩ đã ôm lấy anh, đẩy anh vào ghế sau của chiếc taxi hiệu Fiat. Anh buông nửa người trên ghế, nửa trên sàn xe trong khi bác sĩ Brooks chồm lên, dùng tay giật cho cửa đóng lại.

Người tài xế ngái ngủ ngoái lại và trợn mắt nhìn cặp đôi kỳ quặc vừa chen lên xe mình – một phụ nữ tóc đuôi ngựa trẻ trung mặc quần áo bác sĩ và một người đàn ông mặc đồ bệnh nhân với cánh tay chảy máu. Anh ta sắp lên tiếng yêu cầu họ cuốn xéo ra khỏi xe thì gương bên sườn xe vỡ tan. Người

phụ nữ mặc đồ da đen chạy phăm phăm ra khỏi hẻm, tay chìa súng. Khẩu súng ngắn của ả lại nhả đạn lần nữa vừa lúc bác sĩ Brooks nhấn đầu Langdon xuống. Cửa sổ sau vỡ tan, mảnh kính rơi xuống người họ rào rào.

Người lái xe không cần gì thúc giục thêm. Anh ta đạp mạnh chân ga, chiếc taxi phóng vọt đi.

Langdon vẫn trong trạng thái lơ mơ. Ai đó đang tìm cách giết mình ư?

Khi họ đã ngoặt qua góc đường, bác sĩ Brooks ngồi dậy và nắm lấy cánh tay chảy máu của Langdon. Đường ống nhựa thò ra từ cái lỗ trên da thịt anh.

“Nhìn ra ngoài cửa đi”, cô ra lệnh.

Langdon tuân theo. Bên ngoài, những tấm bia mộ ma quái vùn vụt trôi qua trong bóng tối. Dường như họ đang băng qua một nghĩa địa. Langdon cảm thấy những ngón tay của cô bác sĩ nhẹ nhàng nắm lấy ống nhựa và sau đó, không hề báo trước, cô giật mạnh ra.

Một cơn đau buốt chạy thẳng lên đầu Langdon. Anh cảm thấy mắt mình mờ đi, và sau đó mọi thứ tối đen.

Chương 5

Tiếng chuông điện thoại vang lên khiến Thị Trưởng rời mắt khỏi màn sương êm đềm trên biển Adriatic, ông ta nhanh nhẹn bước vào văn phòng riêng.

Rất đúng lúc, ông ta nghĩ, vẻ háo hức chờ đợi tin báo.

Màn hình máy tính trên bàn làm việc của ông ta chớp chớp bật lên, thông báo rằng cuộc gọi đến từ một điện thoại mã hóa giọng nói cá nhân hiệu Sectra Tiger XS của Thụy Điển, đã được gửi lại qua bốn thiết bị tiếp sóng không thể truy vết trước khi kết nối vào tàu của ông ta.

Ông ta nhắc ống nghe. “Thị Trưởng đây”, ông ta trả lời, chậm rãi và cẩn trọng. “Nói đi!”

“Tôi Vayentha đây”, giọng bên kia đáp lại.

Thị Trưởng cảm nhận rõ sắc thái bòn chòn khác thường trong ngữ điệu của á. Các đặc vụ hiếm khi trực tiếp nói chuyện với Thị Trưởng, và thậm chí

càng hiếm khi vẫn được làm việc cho ông ta sau một thất bại giống như tôi qua. Tuy nhiên, Thị Trưởng đã yêu cầu một đặc vụ tại đó giúp khắc phục biến cố, và Vayentha là người thích hợp nhất cho công việc này.

“Tôi có tin mới”, Vayentha nói.

Thị Trưởng im lặng, cảm nhận của ông ta về ả vẫn nguyên vẹn.

Khi ả nói, ngữ điệu hoàn toàn vô cảm, thể hiện rõ một cố gắng ở tầm cỡ chuyên gia. “Langdon đã trốn thoát”, cô ta nói. “Anh ta có người.”

Thị Trưởng ngồi xuống mặt bàn và im lặng một lúc khá lâu. “Hiểu”, cuối cùng ông ta nói. “Tôi cho rằng anh ta sẽ tìm tới cơ quan chức năng sớm nhất có thể.”

Phía dưới Thị Trưởng hai tầng, ở trung tâm kiểm soát an ninh của con tàu, chuyên gia điều phối cao cấp Laurence Knowlton ngồi trong buồng riêng và nhận ra cuộc gọi mã hóa của Thị Trưởng đã chấm dứt. Anh ta hy vọng có tin tốt lành. Về căng thẳng của Thị Trưởng thấy rất rõ suốt hai ngày qua, và mọi nhân viên điều hành trên tàu đều cảm thấy chắc chắn có một tác vụ rất quan trọng nào đó đang diễn ra.

Nguy cơ đang quá cao, và tốt hơn cả lúc này Vayentha thu xếp ổn thỏa.

Knowlton đã quen với việc hỗ trợ những kế hoạch được xây dựng kỹ lưỡng, nhưng riêng kịch bản này lại chẳng đi đến đâu, và Thị Trưởng phải đích thân tham chiến.

Chúng ta đã tiến vào một lãnh thổ chưa có tên trên bản đồ.

Mặc dù có đến nửa tá nhiệm vụ khác đang được tiến hành trên khắp thế giới, nhưng tất cả đều do những văn phòng ngoại tuyến khác nhau của Consortium thực hiện, giúp Thị Trưởng và bộ sậu của ông ta trên con tàu The Mendacium rảnh rang tập trung vào sứ mệnh này.

Khách hàng của họ đã nhảy lều tự sát vài ngày trước tại Florence, nhưng Consortium vẫn còn nợ người đó vô số công việc – những nhiệm vụ cụ thể người ấy đã giao phó cho tổ chức này bất kể tình hình thế nào – và Consortium, lúc nào cũng vậy, phải tuân thủ mà không được nghi vấn gì cả.

Mình cũng nhận được mệnh lệnh, Knowlton nghĩ thầm, và hoàn toàn chấp hành. Anh ta ra khỏi gian buồng lắp kính chống đạn của mình, đi bộ qua mấy buồng nữa – một số nhìn xuyên qua được, một số lắp kính mờ - nơi các nhân viên tác vụ đang xử lý các mảng khác nhau của cùng nhiệm vụ này.

Knowlton bước qua lớp không khí điều hòa của phòng điều khiển chính, gật đầu với tốp kỹ thuật, và bước vào một khoang nhỏ có lối đi riêng cất giữ hơn chục cái két. Anh ta mở một cái két và lấy những thứ bên trong ra – lần này, chỉ có một thẻ nhớ màu đỏ thẫm. Theo miếng giấy ghi nhiệm vụ đính kèm, thẻ nhớ này chứa một tệp video lớn, vị khách hàng đã chỉ đạo họ chuyển cho các cơ quan truyền thông lớn vào một thời điểm cụ thể lúc sáng mai.

Việc gửi tệp ẩn danh vào sáng mai rất đơn giản, nhưng theo quy trình chung cho tất cả các tệp số hóa, lưu đồ đã đánh dấu tệp này cho mục duyệt lại ngày hôm nay – hai mươi tư tiếng trước khi gửi – để bảo đảm Consortium có đủ thời gian thực hiện bất kỳ quy trình giải mã, biên soạn cần thiết nào, hoặc những bước chuẩn bị quan trọng khác trước khi chuyển tệp vào đúng thời điểm.

Loại trừ hết mọi may rủi.

Knowlton quay lại gian buồng trong suốt của mình và đóng cánh cửa kính nặng nề lại, tách biệt hẳn với thế giới bên ngoài.

Anh ta bật công tắc trên tường, gian buồng lập tức trở nên mờ đục. Để bảo đảm tính bảo mật, tất cả các buồng vách kính trên tàu The Mendacium đều được tạo bằng loại kính SPD thông minh. Độ trong suốt của kính được kiểm soát dễ dàng bằng cách vận hành hoặc loại bỏ một dòng điện, giúp điều chỉnh thẳng hàng hoặc làm lộn xộn hàng triệu phân tử hình que nhỏ xíu lơ lửng trong tấm kính.

Chia thành từng ngăn là một nền tảng cho thành công của Consortium.

Chỉ biết nhiệm vụ của mình. Không chia sẻ gì hết.

Lúc này, Knowlton ngồi gọn trong không gian riêng, cắm thẻ nhớ vào máy tính và chọn tệp để bắt đầu công việc thẩm định.

Lập tức màn hình của anh ta chuyển sang màu đen... và loa bắt đầu phát ra những âm thanh khe khẽ của nước chảy. Một hình ảnh từ từ xuất hiện trên màn hình... không có hình dạng xác định và lơ mơ. Từ trong nền tối dần định hình một khung cảnh... bên trong một hang đá... hay gian buồng rất

lớn. Nền không gian đó là nước, giống như một cái hồ ngầm. Điều rất lạ là nước có vẻ được chiếu sáng... từ bên trong.

Trong khi âm thanh nước chảy vẫn tiếp tục, máy quay bắt đầu lia xuống dưới và hạ thấp dần theo chiều dọc, hướng thẳng tới mặt nước được chiếu sáng rồi lao xuyên qua. Tiếng nước róc rách biến mất, thay bằng tiếng óc ách rất lạ phía dưới. Giờ thì máy quay đã chìm xuống, tiếp tục tiến xuống, di chuyển vài thước trong nước rồi dừng lại, lấy nét vào phần nền hang phủ đầy bùn đất.

Trên nền có bắt vít một tấm biển hình chữ nhật bằng titan tỏa ánh sáng lờ mờ.

Tấm biển có dòng chữ khác.

TẠI NƠI NÀY, VÀO NGÀY NÀY,

THẾ GIỚI THAY ĐỔI MÃI MÃI.

Phần dưới tấm biển có khắc một cái tên và ngày tháng.

Đó là tên vị khách hàng của họ.

Ngày tháng... chính là ngày mai.

Chương 6

Lúc này Langdon cảm thấy có bàn tay rắn chắc nâng anh dậy... lay anh tỉnh cơn mê rồi giúp anh ra khỏi taxi. Anh cảm thấy vĩa hè lạnh ngắt bên dưới hai bàn chân trần.

Được thân hình mảnh mai của bác sĩ Brooks dìu đỡ, Langdon bước lảo đảo dọc theo lối đi vắng vẻ giữa hai tòa nhà. Không khí buổi sớm mai làm chiếc áo bệnh nhân của anh căng phồng, và Langdon thấy lạnh ở những chỗ anh biết lẽ ra không cảm nhận được.

Thuốc an thần anh uống khi còn ở bệnh viện khiến cho cả suy nghĩ lẫn thị lực của anh đều nhạt nhòa, mờ mịt. Langdon cảm thấy như đang ở dưới nước, cố gắng quờ quạng tìm lối thoát trong một thế giới lờ mờ, nhớp nháp. Bác sĩ Sienna Brooks vẫn xóc anh đi tới, dìu anh bằng một sức mạnh kinh ngạc.

“Cầu thang”, cô nói, và Langdon nhận ra họ đã tới lối vào bên hông một tòa nhà.

Langdon bám lấy tay vịn và cố lê bước leo lên trong trạng thái chóng mặt, mỗi bước phải mất một lúc khá lâu. Cơ thể anh nặng trĩu. Giờ thì bác sĩ Brooks phải đẩy anh. Khi họ lên được chiếu nghỉ, cô bấm vài con số trên một phím khóa cũ gỉ sét và cánh cửa xè xè mở ra.

Không khí bên trong không ấm hơn là bao, nhưng so với vỉa hè gồ ghề bên ngoài, nền gạch lát dưới lòng bàn chân anh lúc này giống như tấm thảm mềm. Bác sĩ Brooks dẫn Langdon tới một thang máy nhỏ và giật mạnh cửa sập, kéo anh vào trong buồng thang chỉ bằng cỡ một quầy điện thoại. Không khí bên trong có mùi thuốc lá MS – một mùi hương ngòn ngọt pha chút đắng thường gặp ở Ý, không khác gì mùi vị cà phê espresso. Thứ mùi đó giúp đầu óc Langdon tỉnh táo chút ít. Bác sĩ Brooks nhấn nút, và đầu đó phía trên đầu họ, một loạt bánh răng rệu rạo bắt đầu uể oải vận hành.

Dịch chuyển lên trên...

Buồng thang máy lắc lư và rung bần bật khi kéo kẹt chạy lên trên. Vì bốn vách chỉ toàn những tấm kim loại nên Langdon nhìn rõ không gian bên trong đường ống thang máy lướt đều đều trước mắt. Cho dù vẫn đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, cảm giác sợ hãi muôn thuở của Langdon đối với những không gian khép kín vẫn nguyên vẹn và rõ rệt.

Đừng nhìn!

Anh dựa vào vách, cố gắng lấy lại nhịp thở. Trán anh đau nhói, và khi nhìn xuống dưới, anh thấy ống tay áo Harris Tweed của mình được buộc vội vàng quanh cánh tay giống như một dải băng. Phần còn lại của áo khoác kéo lê phía sau anh, ngay trên mặt đất, te tua và bần thui.

Anh nhắm mắt lại để cố chống chọi với cơn đau như búa bổ ở đầu, nhưng bóng tối lại nhấn chìm anh lần nữa.

Một hình ảnh quen thuộc hiện ra – người phụ nữ che mạng đẹp như tượng với chiếc búa và mái tóc bạch kim tết thành từng lọn quăn. Như lần trước, bà ấy đứng trên bờ sông máu với những xác người quần quai vây quanh. Bà nói với Langdon, giọng nài nỉ. Hãy tìm kiếm và sẽ thấy!

Langdon cảm thấy rất rõ rằng anh phải cứu bà ấy... cứu tất cả bọn họ. Những đôi chân chổng ngược lên trời, đã bị vùi lấp một nửa cứ lần lượt theo

nhau... mềm oặt xuống.

Bà là ai!? Anh cố gọi trong lặng câm. Bà muốn điều gì?!

Mái tóc bạch kim bắt đầu lòa xòa bay trong cơn gió nóng nực. Thời gian của chúng ta đang cạn dần, bà ấy thì thào, tay chạm vào chiếc vòng cổ có gắn bùa. Rồi đột ngột bà ấy nổ tung thành một cột lửa chói lòa, lan nhanh qua dòng sông, bao bọc lấy bọn họ.

Langdon hét lên, mở choàng mắt ra.

Bác sĩ Brooks nhìn anh lo lắng. “Sao vậy?”

“Tôi cứ bị ảo giác!”, Langdon kêu lên. “Vẫn là cảnh tượng ấy.”

“Người phụ nữ tóc bạc ư? Và toàn những xác chết phải không?”

Langdon gật đầu, mồ hôi đọng thành giọt trên trán anh.

“Anh sẽ ổn thôi”, cô trấn an anh, mặc dù chính giọng cô cũng run run. “Những hình ảnh xuất hiện đi xuất hiện lại là điều thường thấy với chứng mất trí. Chức năng não bộ giúp sắp xếp và phân loại ký ức của anh nhất thời bị chần động, và vì thế nó biến mọi thứ thành một hình ảnh duy nhất.”

“Không phải là hình ảnh đẹp đẽ cho lắm”, anh nói.

“Tôi biết, nhưng cho tới khi anh lành bệnh, trí nhớ của anh sẽ lộn xộn và không được sắp xếp – quá khứ, hiện tại và khả năng tương tượng sẽ lẫn lộn với nhau. Tình trạng tương tự cũng xảy ra trong các giấc mơ.”

Buồng thang máy lắc lư rồi dừng lại, và bác sĩ Brooks kéo cánh cửa xếp ra. Họ lại đi bộ, lần này dọc một hành lang hẹp, tối om. Họ đi qua một ô cửa sổ, phía bên ngoài bóng, các nóc nhà tối thẫm ở Florence bắt đầu hiện rõ trong ánh sáng lúc sắp rạng đông. Ở đầu kia hành lang, bác sĩ Brooks quỳ rạp xuống, tìm chìa khóa bên dưới một chậu cây trồng có vẻ thiếu nước và mở một cánh cửa.

Căn hộ rất nhỏ, không khí bên trong rõ ràng có sự tương phản giữa mùi nền hương vanilla và mùi thảm cũ. Đồ đạc và các tác phẩm nghệ thuật để trang trí đều giản tiện ở mức tối đa – cứ như thể được bài trí cho một buổi bán đồ cũ vậy. Bác sĩ Brooks điều chỉnh bộ ổn nhiệt, và các lò sưởi bắt đầu hoạt động.

Cô đứng im một lúc và nhắm mắt lại, thở mạnh ra, như để trấn tĩnh. Sau đó cô quay lại và giúp Langdon vào gian bếp nhỏ giản dị, nơi có chiếc bàn formica và hai ghế tựa mỏng manh.

Langdon cố nhích về phía chiếc ghế với hy vọng ngồi xuống đó, nhưng bác sĩ Brooks nắm lấy cánh tay anh và dùng tay kia mở một ngăn kéo tủ. Tủ gần như trống không... bánh quy giòn, vài gói mì ống, một lon Coke, và một chai NoDoz.

Cô lấy cái chai và đổ sáu viên thuốc vào lòng bàn tay Langdon. “Chất caffeine”, cô nói. “Dành cho những lúc tôi phải làm ca đêm giống như tôi nay.”

Langdon bỏ thuốc vào miệng và liếc nhìn quanh để tìm nước uống.

“Cứ nhai cả đi”, cô nói. “Thuốc sẽ có tác dụng nhanh hơn và giúp khắc chế thuốc an thần.”

Langdon bắt đầu nhai và ngay lập tức phải nhắm mắt. Thuốc đắng nghét, rõ ràng là nên nuốt tất tần tật. Bác sĩ Brooks mở tủ lạnh và đưa cho Langdon chai San Pellegrino còn một nửa. Anh uống luôn một hơi dài đầy biết ơn.

Lúc này cô bác sĩ tóc đuôi ngựa mới nắm lấy cánh tay phải của Langdon và gỡ bỏ đoạn băng gạc buộc tạm bằng áo khoác rồi đặt lên bàn bếp. Sau đó cô cẩn thận kiểm tra vết thương. Lúc này cô nắm lấy cánh tay trái của anh, Langdon cảm nhận rõ hai bàn tay mảnh mai của cô run run.

“Anh sẽ sống”, cô tuyên bố.

Langdon hy vọng cô không sao. Anh có thể hiểu được những gì cả hai người vừa phải chịu đựng. “Bác sĩ Brooks”, anh nói, “chúng ta cần gọi cho ai đó. Lãnh sự... cảnh sát. Bất cứ ai”.

Cô gật đầu nhất trí. “Mà này, anh có thể thôi gọi tôi là bác sĩ Brooks được rồi – tên tôi là Sienna.”

Langdon gật đầu. “Cảm ơn. Tên tôi là Robert.” Dường như mối quan hệ họ vừa xây đắp được trong quá trình trốn chạy để giữ mạng sống đã giúp họ bảo đảm cho việc tiết lộ tên thật của nhau. “Cô nói cô là người Anh.”

“Xét về dòng máu thì đúng.”

“Tôi không hề nhận ra tí âm sắc nào.”

“Vâng”, cô đáp. “Tôi đã phải cố gắng làm mất giọng.”

Langdon định thắc mắc tại sao nhưng Sienna đã ra hiệu cho anh đi theo. Cô dẫn anh theo một hành lang hẹp tới buồng tắm nhỏ, tối lò mờ. Nhờ tấm gương phía trên bồn rửa mặt, Langdon thoáng nhìn được hình ảnh mình, lần đầu tiên kể từ lúc anh thấy nó trong ô cửa sổ phòng bệnh.

Tệ quá. Mái tóc đen rậm của Langdon bết lại, còn đôi mắt thì đỏ ngầu và mệt mỏi. Đám râu ria lởm chởm che kín cả cằm anh.

Sienna vặn vòi nước và hướng dẫn Langdon đưa cánh tay bị thương vào làn nước lạnh như đá. Đau buốt, nhưng anh nhăn mặt cố giữ nguyên tay ở đó.

Sienna lấy một cái khăn rửa mặt còn mới và thấm ít xà phòng sát khuẩn. “Có lẽ anh nên quay mặt đi.”

“Không sao đâu. Tôi không ngại chuyện...”

Sienna bắt đầu chà xát rất mạnh, và cơn đau ghê gớm làm cánh tay Langdon tê dại. Anh nghiến chặt răng để cố không hét lên phản kháng.

“Anh không cần tiêm thuốc”, cô nói, chà xát mạnh tay hơn. “Thêm nữa, nếu anh định gọi cho chính quyền, anh sẽ cần cảnh giác hơn lúc này đây. Không có gì sản sinh ra adrenalin nhiều bằng cơn đau đâu.”

Langdon cố gắng chịu đựng chà xát trong khoảng mười giây thì buộc phải giật mạnh tay ra. Đủ rồi! Phải thừa nhận, anh cảm thấy khỏe khoắn và tỉnh táo hơn, cơn đau ở cánh tay anh lúc này hoàn toàn lặn át cơn đau đầu.

“Tốt rồi”, cô nói, tắt vòi nước và thấm khô cánh tay anh bằng một chiếc khăn sạch. Sau đó Sienna dán một miếng gạc lên tay anh, nhưng khi cô làm việc đó, Langdon phát hiện ra một chi tiết khiến anh sao nhãng – một điều khiến anh rất không vui.

Trong suốt gần bốn mươi năm, Langdon luôn đeo chiếc đồng hồ Chuột Mickey cổ lỗ sĩ chỉ dân sưu tầm đồ cổ mới mua, một món quà của ba mẹ anh. Gương mặt mỉm cười và đôi tay vẫy lia lia của Mickey luôn là thứ hằng ngày nhắc nhở anh thường xuyên cười và đón nhận cuộc sống nhẹ nhàng hơn.

“Đồng hồ... của tôi”, Langdon lắp bắp, “Mất rồi!”. Không có nó, anh bỗng thấy thiếu vắng. “Lúc đến bệnh viện tôi có đeo nó không?”

Sienna ném về phía anh cái nhìn ngờ vực, rõ ràng thắc mắc vì sao anh lại có thể lo lắng về một thứ tầm thường như vậy. “Tôi không nhớ anh có cái đồng hồ nào cả. Anh lau sạch người đi. Tôi sẽ quay lại sau mấy phút và chúng ta sẽ nghĩ cách tìm kiếm trợ giúp cho anh.” Cô quay đi, nhưng dừng lại ở ngưỡng cửa, nhìn thẳng vào mắt anh trong gương. “Và trong lúc tôi đi, tôi khuyên anh nên suy nghĩ kỹ xem tại sao lại có người muốn giết anh. Tôi đoán đó sẽ là câu hỏi đầu tiên chính quyền đặt ra.”

“Đợi đã, cô định đi đâu?”

“Anh không thể cứ cời trần như thế mà nói chuyện với cảnh sát được. Tôi sẽ đi tìm mua ít quần áo cho anh. Hàng xóm của tôi cũng bằng cỡ anh. Ông ấy đi vắng, và tôi cho mèo của ông ấy ăn. Ông ấy nợ tôi.”

Nói xong, Sienna bỏ đi.

Robert Langdon quay lại tấm gương nhỏ phía trên bồn rửa mặt và nhận ra ngay người đang đăm đăm nhìn lại mình. Có ai đó muốn mình phải chết. Anh lại nghe thấy những tiếng lầm bầm lúc mê sảng của mình vang lên trong tâm trí.

Rất xin lỗi. Rất xin lỗi.

Anh soát lại ký ức để nhớ lại chút gì đó... bất kỳ điều gì, song chỉ thấy trống rỗng. Tất cả những gì Langdon biết là anh đang ở Florence và bị một vết đạn ở đầu do đạn bắn.

Lúc đăm đăm nhìn vào đôi mắt mệt mỏi của chính mình, Langdon lờ mờ tự hỏi liệu có khi nào anh choàng tỉnh trên chiếc ghế đọc sách ở nhà, chộp lấy một ly martini đã cạn và quyển 'Những linh hồn chết', chỉ để nhắc mình nhớ rằng không bao giờ nên trộn lẫn rượu Bombay Sapphire với Gogol.

Chương 7

Langdon lột bỏ chiếc áo choàng bệnh viện loang máu và quần khăn tắm quanh hông. Sau khi vã nước lên mặt, anh cẩn thận sờ những mũi khâu ở phía sau đầu. Phần da rất đau, nhưng anh vuốt phần tóc bết lại che lên chỗ

đó, vết thương gần như biến mất. Mấy viên caffeine đang phát huy tác dụng, và cuối cùng anh cảm thấy màn sương bắt đầu tan.

Nghĩ xem, Robert. Hãy cố nhớ xem!

Buồng tắm không có cửa sổ đột nhiên giống như một buồng giam kín, Langdon bước ra hành lang, theo bản năng lần về phía cột sáng tự nhiên phát ra qua một cánh cửa mở hé mé bên kia. Căn phòng giống như một nơi ngồi học tạm bợ, với cái bàn rẻ tiền, cái ghế quay đã cũ, những quyển sách được phân loại vớt trên sàn, và thật mừng... có cả một ô cửa sổ.

Langdon tiến về phía có ánh sáng ban ngày.

Ở phía xa, vàng mặt trời xứ Tuscany nhô lên chỉ vừa bắt đầu chạm đến những ngọn tháp cao nhất của thành phố đang tỉnh giấc – lâu chuông, tháp Tư viện Badia, tháp Bảo tàng Bargello. Langdon tì trán lên ô kính mát lạnh. Không khí thoáng Ba hanh và lạnh, càng làm ánh nắng mặt trời lúc này đã len lỏi đến các sườn đồi thêm mạnh mẽ.

'Ánh sáng của người họa sĩ', người ta gọi nó như vậy.

Ở trung tâm đường chân trời, một mái vòm khổng lồ lơ lửng ngói đỏ vươn lên sừng sững, trên đỉnh trang trí một quả cầu bằng đồng mạ vàng lóa sáng như đèn hiệu. Vương cung Thánh đường. Brunelleschi [7] đã tạo nên lịch sử kiến trúc bằng việc kiến tạo mái vòm khổng lồ của Thánh đường, và giờ đây, hơn năm trăm năm sau, công trình cao hơn một trăm mười bốn mét ấy vẫn đứng vững, một công trình khổng lồ bất di bất dịch trên nền Quảng trường Nhà thờ lớn – Quảng trường Duomo.

Tại sao mình lại ở Florence?

Với Langdon, một người suốt đời đam mê nghệ thuật Ý, Florence đã trở thành một trong những điểm đến yêu thích của anh ở châu Âu. Đây là thành phố nơi Michelangelo từng chơi đùa trên đường phố lúc còn nhỏ, và nơi trào lưu Phục Hưng Ý được khởi xướng trong những xưởng nghệ thuật. Đây là Florence, với những phòng trưng bày thu hút hàng triệu du khách đến để chiêm ngưỡng bức Thần Vệ nữ chào đời của Botticelli, Lễ Truyền tin của Leonardo, và niềm tự hào của thành phố - bức tượng David.

Langdon đã bị bức tượng David của Michelangelo hút hồn ngay lần đầu tiên nhìn thấy tác phẩm lúc còn niên thiếu... khi bước vào Học viện Mỹ thuật (Accademia delle Belle Arti)... chậm chậm đi qua phòng trưng bày Prigioni

[8] tôi mờ còn nguyên sơ của Michelangelo... Và sau đó cảm thấy ánh mắt mình bị kéo lên trên, không cưỡng được, về phía kiệt tác cao hơn năm mét. Vóc dáng hoàn hảo và hệ cơ bắp tuyệt vời của David khiến hầu hết du khách lần đầu tới thăm đều giật mình, nhưng với Langdon, chính tư thế của David mới là điều khiến anh thấy hấp dẫn nhất. Michelangelo đã phát huy truyền thống tương phản kinh điển để tạo ra ảo giác rằng David đang nghiêng về bên phải, chân trái gần như không chịu lực, trong khi thực tế chân trái của tượng lại chống đỡ hàng tấn đá cẩm thạch.

Tượng David đã thấp lùn trong Langdon nhận thức đầu tiên về sức mạnh của nghệ thuật điêu khắc. Lúc này, Langdon băn khoăn liệu mình có tới thăm kiệt tác này trong mấy ngày qua, nhưng ký ức duy nhất anh có thể nhớ được là tỉnh dậy trong bệnh viện và nhìn thấy vị bác sĩ vô tội bị sát hại ngay trước mắt mình. Rất xin lỗi. Rất xin lỗi.

Cảm giác tội lỗi khiến anh thấy buồn nôn. Mình đã làm gì?

Lúc đứng bên cửa sổ, tầm nhìn ngoại biên của anh vẫn nhận ra hình dáng một máy tính xách tay để trên bàn bên cạnh mình. Langdon đột nhiên nhận ra rằng, bất kỳ chuyện gì xảy ra với anh tới qua cũng đều có thể được đưa tin.

Nếu có thể truy cập Internet, mình sẽ tìm ra câu trả lời.

Langdon ngoảnh về phía cửa và gọi to: “Sienna!”.

Im lặng. Cô ấy vẫn ở bên căn hộ của ông hàng xóm và tìm kiếm quần áo.

Tin chắc Sienna sẽ thông cảm cho hành vi xâm nhập máy tính, Langdon mở máy và bấm nút nguồn.

Màn hình nền của Sienna nhấp nháy – vẫn là nền “mây xanh dương” căn bản của Windows. Langdon lập tức vào trang tìm kiếm Google phiên bản Ý và gõ dòng chữ Robert Langdon.

Giá mà sinh viên của mình có thể nhìn thấy mình lúc này, anh nghĩ trong lúc bắt đầu tìm kiếm. Langdon thường xuyên phê bình sinh viên về việc Google chính bản thân họ - một trò rỗi hơi kỳ quặc mới cho thấy nổi ám ảnh về danh tiếng cá nhân hiện có vẻ thịnh hành trong giới trẻ Mỹ.

Một trang kết quả tìm kiếm xuất hiện – hàng trăm đầu mục có liên quan đến Langdon, sách và các bài giảng của anh. Không phải thứ mình tìm kiếm.

Langdon thu hẹp phạm vi tìm kiếm bằng cách chọn nút thời sự.

Một trang mới xuất hiện: Kết quả tin tức cho “Robert Langdon”.

Ký tặng sách: Robert Langdon sẽ xuất hiện...

Diễn văn tốt nghiệp của Robert Langdon...

Robert Langdon xuất bản sách nhập môn về Biểu tượng cho...

Bản danh sách dài vài trang, và Langdon chẳng thấy gì gần đây – chắc chắn không có gì giúp giải thích tình huống khó chịu hiện nay của anh. Chuyện gì xảy ra tối qua? Langdon tiếp tục truy cập vào trang web The Florentine, một tờ báo tiếng Anh xuất bản tại Florence. Anh lướt qua các nhan đề, các mục tin nóng, và chuyên trang của cảnh sát, chỉ tìm thấy những bài viết về một vụ cháy chung cư, một vụ thụt kết chính phủ, và những vụ phạm tội vặt đã được sàng lọc.

Chẳng có gì sao?!

Anh dừng lại ở đoạn tin nóng về một quan chức thành phố chết vì đột quỵ đêm qua tại quảng trường bên ngoài nhà thờ lớn. Tên của vị quan chức chưa được công bố, nhưng cũng chưa có hành động tội ác nào bị tình nghi.

Cuối cùng, chẳng biết làm gì khác, Langdon đăng nhập vào tài khoản thư điện tử trường Harvard và kiểm tra tin nhắn, băn khoăn liệu mình có thể tìm được câu trả lời ở đó hay không. Tất cả những gì anh tìm được là cả chuỗi thư từ các đồng nghiệp, sinh viên, và bạn bè, rất nhiều thư trong số đó đề cập những cuộc hẹn gặp trong tuần tới.

Có vẻ như chẳng có ai biết mình biến mất.

Langdon tắt máy tính và đóng màn hình lại, tâm trạng càng lúc càng không chắc chắn. Anh định rời đi thì một thứ đập vào mắt. Ở góc bàn của Sienna, trên chồng tạp chí và tài liệu y khoa cũ, có một bức ảnh chụp lấy ngay. Bức ảnh ghi lại hình ảnh Sienna Brooks và vị bác sĩ đồng nghiệp có râu của cô đang cười với nhau trong một hành lang bệnh viện.

Bác sĩ Marconi, Langdon nghĩ, lòng cảm thấy có lỗi khi anh nhặt tấm ảnh lên xem.

Lúc đặt tấm ảnh trở lại chồng sách, anh ngạc nhiên nhận ra cuốn sách nhỏ

màu vàng trên cùng – một quyển chương trình biểu diễn đã cũ của Nhà hát London Globe. Theo tờ bìa, đây là tác phẩm Giác mộng đêm hè của Shakespeare... được dàn dựng gần hai mươi lăm năm trước.

Trên quyển chương trình là một lời nhắn viết tay nguệch ngoạc bằng bút viết bảng Magic Marker: 'Em yêu, đừng bao giờ quên em là một phép màu'.

Langdon nhặt quyển chương trình lên, và một tập bài báo đã được cắt rời rơi xuống mặt bàn. Anh vội vàng sắp xếp lại, nhưng khi mở đến trang kẹp tập bài báo, anh sửng lại.

Anh đắm đắm nhìn bức ảnh chụp diễn viên nhí đóng vai nhân vật tiêu yêu Puck ranh mãnh của Shakespeare. Bức ảnh có hình một bé gái chưa tới năm tuổi, với mái tóc vàng óng buộc kiểu đuôi ngựa quen thuộc.

Dòng chữ bên dưới bức ảnh ghi: 'Một minh tinh ra đời'.

Nội dung bài viết nói về một thần đồng sân khấu – Sienna Brooks – với chỉ số IQ ngoại hạng, có khả năng ghi nhớ lời thoại của tất cả nhân vật chỉ trong một đêm và trong những buổi diễn tập đầu tiên, đã thường xuyên nhắc vở cho các diễn viên khác. Sở thích của cô bé năm tuổi này là đàn vĩ cầm, cờ vua, sinh học và hóa học. Là con của một cặp vợ chồng giàu có sống ở vùng ngoại ô Blackheath của London, cô gái đã nổi danh trong giới khoa học. Lên bốn tuổi, cô đã đánh bại một đại kiện tướng cờ vua và còn có khả năng đọc thạo bằng ba thứ tiếng.

Chúa ơi, Langdon nghĩ. Sienna. Chuyện này giải thích được vài điều đây.

Langdon nhớ lại một trong những sinh viên đã tốt nghiệp nổi tiếng của Harvard từng là thần đồng có tên Saul Kripke, lúc lên sáu tuổi đã tự học tiếng Do thái và đọc được tất cả sách của Descartes khi mới mười hai tuổi. Gần đây hơn, Langdon nhớ có đọc về một hiện tượng thần đồng khác có tên Moshe Kai Cavalin, người có bằng đại học với điểm trung bình 4.0, giành danh hiệu quốc gia về võ thuật khi mới mười một tuổi và xuất bản một cuốn sách nhan đề Chúng ta có thể làm được lúc mười bốn tuổi.

Langdon nhặt một bài viết khác lên, bài báo có bức ảnh Sienna lúc bảy tuổi:
TIÊU THIÊN TÀI CÓ IQ 208.

Langdon không hề biết rằng chỉ số IQ thậm chí có thể lên cao đến mức đó. Theo bài viết, Sienna Brooks là một cây vĩ cầm bậc thầy, có thể thành thạo một ngôn ngữ chỉ trong một tháng, và đang tự dạy mình giải phẫu học và

sinh lý học.

Anh xem một bài viết khác cắt ra từ một tạp chí y học: TƯƠNG LAI CỦA TƯ DUY: KHÔNG PHẢI MỌI BỘ ÓC ĐỀU ĐƯỢC TẠO RA GIỐNG NHƯ NHAU.

Bài viết này có ảnh của Sienna, lúc này có lẽ đã mười tuổi, vẫn là một cô bé tóc vàng, đứng bên cạnh một cỗ máy y tế lớn. Bài viết có cả đoạn phỏng vấn một bác sĩ, người giải thích rằng các ảnh chụp PET tiểu não của Sienna cho thấy cơ quan này có cấu tạo khác hẳn những tiểu não khác, trong trường hợp của cô thì đây là một cơ quan lớn hơn, thon gọn hơn, có khả năng xử lý nội dung hình ảnh – không gian theo những cách thức hầu hết người khác không thể thực hiện được. Vị bác sĩ cho rằng ưu thế sinh lý học của Sienna là nhờ mức tăng tế bào thần kinh cao vọt một cách khác thường ở não, giống như một ổ ung thư, chỉ khác ở chỗ nó làm tăng các mô não có ích chứ không phải những tế bào ung thư nguy hiểm.

Langdon lại tìm được một bài báo từ một tờ báo của thị trấn.

LỜI NGUYÊN CỦA SỰ KIỆT XUẤT.

Lần này không có bức ảnh nào, nhưng bài viết nói đến một thiên tài nhỏ tuổi, Sienna Brooks, người đã cố gắng theo học ở các trường bình thường nhưng luôn bị những học sinh khác dè bĩu vì cô không thể thích ứng. Bài viết nói về tình trạng cô lập mà những thanh niên có tài nhưng các kỹ năng xã hội không tương xứng với trí thông minh của họ và thường xuyên cảm thấy bị tẩy chay.

Sienna, theo bài viết này, đã bỏ trốn khỏi nhà năm lên tám tuổi, và đủ thông minh để tự sống mà không hề bị phát hiện suốt mười ngày. Người ta tìm thấy cô bé trong một khách sạn hạng sang ở London, nơi cô giả vờ là con gái của một vị khách, đánh cắp được chìa khóa, và đặt phòng bằng tài khoản của người khác. Rõ ràng cô đã có cả tuần đọc toàn bộ một nghìn sáu trăm trang cuốn Giải phẫu học của Gray. Khi giới chức hỏi tại sao cô lại đọc những tài liệu y khoa đó, cô bảo họ rằng cô muốn tìm hiểu xem có chuyện gì không ổn với bộ óc của mình.

Trong lòng Langdon rất có cảm tình với cô gái nhỏ. Anh không thể hình dung nổi một đứa trẻ cảm thấy cô độc như thế nào vì quá khác biệt như vậy. Anh gấp những bài báo, dừng lại ngắm bức ảnh Sienna lúc năm tuổi đóng vai Puck. Nghĩ đến cuộc gặp gỡ siêu thực sáng nay của anh với Sienna, Langdon phải thừa nhận rằng dường như cô phù hợp một cách kỳ lạ với vai

một tiêu yêu ranh mãnh trong mơ. Langdon chỉ mong rằng anh, giống như các nhân vật trong vở kịch, lúc này có thể tỉnh lại và vờ coi như những trải nghiệm gần đây nhất của mình chỉ là một giấc mơ.

Langdon cẩn thận sắp xếp tất cả bài báo về đúng chỗ và gập quyển chương trình biểu diễn lại, lòng chợt cảm thấy buồn khi nhìn thấy dòng chữ trên bìa lần nữa: Em yêu, đừng bao giờ quên em là một phép màu.

Anh nhìn xuống biểu tượng quen thuộc trên trang bìa của tập tài liệu. Đó chính là đồ hình Hy Lạp vẫn thường trang trí ở hầu hết các cuốn chương trình biểu diễn trên khắp thế giới – một biểu tượng đã hai nghìn năm trăm tuổi, đồng nghĩa với sân khấu lịch.

Cặp đôi mặt nạ bi hài.

Langdon nhìn hai gương mặt biểu tượng cho Hài kịch và Bi kịch đang đăm đăm nhìn mình, và đột nhiên anh nghe thấy tiếng vo ve rất lạ trong tai – cứ như thể có một đường dây dẫn đang từ từ kéo căng trong óc anh vậy. Một cơn đau chợt bùng lên trong đầu. Hình ảnh một chiếc mặt nạ bông bênh ngay trước mắt anh. Langdon thở hổn hển, giơ tay lên, ngồi xuống chiếc ghế tựa và nhắm nghiền mắt lại, tay ôm chặt lấy đầu.

Trong vùng tối của anh, những hình ảnh kì quái lại quay cuồng trở lại... dữ dội và sống động.

Người phụ nữ tóc bạc với chiếc búa đang gọi anh từ phía bên kia dòng sông máu. Tiếng kêu tuyệt vọng của bà xuyên qua bầu tử khí, át hẳn tiếng kêu của những kẻ bị hành hạ và đang hấp hối, những kẻ mà mắt anh có thể thấy rõ đang cố quẫy đạp trong đau đớn. Langdon lại nhìn thấy đôi chân chổng lên trời có vẽ chữ R, cái xác bị chôn vùi một nửa với đôi chân quẫy đạp điên cuồng tuyệt vọng trong không khí.

Hãy tìm và sẽ thấy! Người phụ nữ nói về phía Langdon. Thời gian đang cạn dần!

Langdon lại cảm nhận được nhu cầu khẩn thiết phải giúp đỡ bà ấy... giúp tất cả. Anh cuống cuống gọi to về phía người phụ nữ ở bên kia dòng sông máu. Bà là ai?!

Một lần nữa, người phụ nữ giơ tay vén mạng che, để lộ gương mặt ẩn trọng mà Langdon đã nhìn thấy trước đó.

Ta là sự sống, bà ấy đáp.

Không hề báo trước, một cái bóng khổng lồ xuất hiện trên bầu trời phía trên người phụ nữ - chiếc mặt nạ đáng sợ với cái mũi chim dài và đôi mắt xanh lè dữ dần nhìn chòng chọc vào Langdon.

Và... ta là cái chết, giọng nói vỡ òa.

Chương 8

Langdon mở choàng mắt và hít một hơi thảng thốt. Anh vẫn ngồi nguyên bên bàn của Sienna, tay ôm đầu, tim đập loạn xạ.

Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra với mình thế này?

Hình ảnh người phụ nữ tóc bạc và cái mặt nạ có mỏ cú lớn vờn trong tâm trí anh. Ta là sự sống. Ta là cái chết. Anh cố gắng xua đi hình ảnh đó, nhưng có cảm giác như nó đã bám rễ vĩnh viễn vào tâm trí mình. Trên bàn phím trước mặt, hai cái mặt nạ trên bìa quyển chương trình biểu diễn dăm dăm nhìn anh.

Trí nhớ của anh sẽ lộn xộn và không được sắp xếp, Sienna từng nói như vậy. Quá khứ, hiện tại và khả năng tương tượng sẽ bị lẫn lộn với nhau.

Langdon cảm thấy chóng mặt.

Đâu đó trong căn hộ, có tiếng điện thoại đổ chuông. Đó là tiếng chuông kiểu cũ, lạnh lạnh, vọng đến từ gian bếp.

“Sienna!”, Langdon gọi to và đứng dậy.

Không có tiếng đáp. Cô ấy vẫn chưa về. Chỉ sau hai hồi chuông, cơ chế trả lời tự động kích hoạt.

“Xin chào, tôi nghe”, giọng Sienna nghe đầy vui vẻ trong tin nhắn trả lời.
“Xin hãy để lại tin nhắn hoặc gọi lại sau.”

Có tiếng bíp, và một phụ nữ vẻ hoảng loạn có chất giọng Đông Âu khá nặng bắt đầu để lại lời nhắn. Giọng bà ấy vang vọng ra tận hành lang.

“Sienna, Danikova đây! Cô ở đâu rồi? Kinh khủng lắm! Bác sĩ Marconi bạn cô, chết rồi! Bệnh viện đang náo loạn! Cảnh sát đến đây rồi! Mọi người khai

với họ rằng cô chạy ra ngoài và tìm cách cứu bệnh nhân! Tại sao thế? Cô không hề biết anh ta. Giờ cảnh sát muốn nói chuyện với cô đây! Họ đã lấy hồ sơ nhân viên! Tôi biết thông tin trong đó đều sai – địa chỉ sai, không có số điện thoại, thị thực làm việc giả - cho nên hôm nay họ không tìm ra cô, nhưng rồi họ sẽ tìm ra đây! Tôi cố gắng báo trước cho cô. Rất tiếc, Sienna.”

Cuộc gọi kết thúc.

Langdon lại cảm thấy nổi ân hận chiếm ngự lấy anh. Căn cứ vào lời lẽ của tin nhắn, bác sĩ Marconi đã cho phép Sienna làm việc tại bệnh viện. Giờ đây sự hiện diện của Langdon đã khiến cho Marconi mất mạng, còn hành động bản năng cứu một người xa lạ của Sienna đã dẫn tới những hệ quả nghiệt ngã cho tương lai của cô.

Đúng lúc đó thì có tiếng của đóng mạnh ở phía bên kia căn hộ.

Cô ấy trở lại rồi.

Một lát sau, tiếng máy trả lời tự động được bật lên. “Sienna, Danikova đây! Cô ở đâu rồi?”

Langdon nhả mặt, biết rõ nội dung Sienna sắp nghe thấy. Trong khi máy bật lại tin nhắn, Langdon nhanh tay tắt quyền chương trình biểu diễn, sắp xếp lại mặt bàn. Sau đó, anh luồn qua sảnh để trở lại phòng tắm, cảm thấy bồi rối vì đã lờ mờ biết về quá khứ của Sienna.

Mười giây sau, có tiếng gõ nhẹ vào cửa phòng tắm.

“Tôi để quần áo của anh trên tay nắm cửa”, Sienna nói, giọng mang ý trêu chọc.

“Cảm ơn cô rất nhiều”, Langdon đáp.

“Khi nào xong, anh ra ngoài bếp nhé”, cô nói tiếp. “Có thứ rất quan trọng tôi cần cho anh xem trước khi chúng ta gọi cho ai đó.”

Sienna mệt mỏi lần qua sảnh về gian buồng ngủ giản dị trong căn hộ. Cô lấy từ tủ quần áo chiếc quần bò xanh và áo lên, mang tất cả vào buồng tắm riêng.

Đăm đăm nhìn bóng mình trong gương, cô giơ tay nắm lấy bím tóc đuôi

ngựa dày dặn vàng óng và kéo mạnh, khiến cho mái tóc giả tụt khỏi mảng da đầu trơn lóc.

Cô gái ba mươi hai tuổi không có tóc dăm dăm nhìn mình trong gương.

Sienna đã trải qua không ít thử thách trong cuộc đời, và mặc dù đã cố rèn bản thân luôn dựa vào trí tuệ để vượt qua khó khăn, nhưng tình thế khó xử hiện tại cũng khiến cô chấn động mạnh về mặt tình cảm.

Cô đặt mái tóc giả sang bên và rửa mặt mũi, tay chân. Sau khi lau khô, cô thay quần áo và đội tóc giả trở lại, chỉnh cho ngay ngắn. Sienna hiếm khi chấp nhận chuyện than thân trách phận, nhưng giờ đây, khi nước mắt đang dâng lên từ sâu thẳm trong lòng, cô biết mình không thể làm gì khác ngoài việc để nó trào ra.

Và cô khóc.

Cô khóc vì cuộc sống mà cô không kiểm soát nổi.

Cô khóc vì người thầy bị sát hại ngay trước mắt cô.

Cô khóc vì cảm giác cô độc kinh khủng chiếm ngự trong tim cô.

Nhưng, trên hết thầy, cô khóc cho tương lai... bỗng chốc có cảm giác thật bất ổn.

Chương 9

Ở sàn dưới chiếc thuyền sang trọng The Mendacium, chuyên gia điều phối Laurence Knowlton ngồi trong gian buồng kính kín mít của mình, dăm dăm nhìn màn hình máy tính mà không sao tin nổi đoạn video mà vị khách hàng của họ gửi lại.

Theo kế hoạch mình phải đưa thứ này cho giới truyền thông vào sáng mai ư?

Trong suốt mười năm làm việc cho Consortium, Knowlton đã thực hiện đủ mọi nhiệm vụ kỳ quặc mà anh ta biết rõ đều thuộc loại bất chính và phi pháp. Làm việc trong lĩnh vực không lấy gì làm sạch sẽ về mặt đạo đức là chuyện bình thường tại Consortium – một tổ chức với nền tảng đạo đức duy nhất là sẽ làm bất kỳ việc gì để giữ lời hứa với khách hàng.

Tuân thủ. Không hỏi. Bất kể chuyện gì.

Thế nhưng, kịch bản đăng tải video này khiến Knowlton không yên tâm. Trước đây, cho dù có phải thực hiện nhiệm vụ kỳ quặc đến đâu anh ta cũng luôn hiểu lý do... nắm chắc động cơ... hiểu rõ kết quả dự kiến.

Đoạn video đang tạm dừng.

Có gì đó rất khác thường.

Khác hẳn.

Ngồi lại bên máy tính, Knowlton cho video chạy lại lần nữa, hy vọng thêm một giây xem lại có thể hé thêm chút ánh sáng. Anh ta bật to tiếng và đắm mình vào đoạn video dài chín phút.

Vẫn như lần trước, video bắt đầu với tiếng vỗ khe khẽ trong một không gian kín đầy nước chìm vào thứ ánh sáng đỏ bí ẩn. Một lần nữa, máy quay lia xuống dưới, xuyên qua mặt nước được chiếu sáng để hiện rõ nền hang đầy bùn. Và một lần nữa, Knowlton đọc được nội dung trên tấm biển chìm dưới nước.

TẠI NƠI NÀY, VÀO NGÀY NÀY,

THẾ GIỚI THAY ĐỔI MÃI MÃI.

Thật đáng ngại là tấm biển bóng láng đó lại ký tên vị khách của Consortium. Ngày này lại là ngày mai... khiến cho Knowlton càng lúc càng lo lắng. Nhưng chính những gì tiếp theo mới thực sự khiến Knowlton hoảng hồn.

Lúc này máy quay lia ngang sang trái, cho thấy một thứ đáng chú ý lửng lơ dưới nước ngay bên cạnh tấm biển.

Ở đây, được cột chặt xuống nền bằng một sợi dây ngắn, là một quả cầu bằng nhựa mỏng đang bập bênh. Mỏng manh và lập lòe như một bong bóng xà phòng ngoại cỡ, khối cầu trong suốt đó lơ lửng như một trái bóng chìm dưới nước... không phải được bơm đầy helium, mà là một thứ chất lỏng màu vàng nâu sền sệt. Cái túi vô định hình này căng phồng, có đường kính khoảng ba mươi cen-ti-met, và bên trong lớp màng trong suốt, đám chất lỏng xỉn màu dường như đang cuộn xoáy chậm chậm, tựa hồ mắt một cơn bão đang âm thầm mạnh dần lên.

Lạy Chúa, Knowlton nghĩ thầm, cảm thấy lạnh buốt. Cái túi đáng ngờ kia thậm chí trông càng đáng ngại hơn trong lần xuất hiện thứ hai.

Hình ảnh từ từ chuyển sang nền đen.

Một hình ảnh mới xuất hiện – vách hang ẩm ướt, phản chiếu bóng nước hắt ánh sáng nhảy nhót. Trên vách xuất hiện một bóng đen... bóng một người... đứng trong hang.

Nhưng đầu người này hình thù... méo mó.

Thay vì có mũi, người này có một cái mỏ dài... cứ như thể một nửa người gã là chim

Khi gã cất tiếng nói, giọng gã nghèn nghẹt... và gã nói bằng giọng điệu hùng biện rất lạ... ngữ điệu đều đặn... như thể gã là người lĩnh xướng trong một dàn hợp xướng cổ điển nào đó.

Knowlton ngồi bất động, hơi thở nặng nề, trong khi bóng đen cái mỏ kia nói.

“Ta là Vong linh.

Nếu các người đang xem đoạn phim này, tức là cuối cùng linh hồn ta đã yên nghỉ.

Bị xua đuổi xuống dưới mặt đất, ta đành phải nói chuyện với thế giới từ sâu thẳm trong lòng đất, lặn trốn đến lòng hang tăm tối này, nơi thứ nước đỏ như máu tích tụ trong cái đầm không một ánh sao phản chiếu.

Nhưng đây là thiên đường của ta... nơi nuôi dưỡng hoàn hảo đứa con yếu ớt của ta.

Hỏa ngục.

Ít lâu nữa các người sẽ biết đến thứ ta để lại.

Nhưng, ngay tại đây, ta cảm nhận được bước chân của những linh hồn ngu dốt truy lùng ta... sẵn sàng không từ mọi cách để ngăn cản hành động của ta.

Hãy tha thứ cho chúng, có lẽ các người nói vậy, vì chúng không biết chúng làm gì. Nhưng lịch sử sẽ đến khi ngu dốt không còn là một tội lỗi có thể tha thứ nữa... Khi chỉ có trí tuệ mới có quyền được miễn thứ.

Bằng sự thuần khiết của lương tri, ta để lại cho các người toàn bộ món quà của Hy vọng, của cứu rỗi, của ngày mai.

Nhưng vẫn có kẻ săn đuổi ta như một con chó, được tiếp sức bằng niềm tin tự cho là đúng rằng ta là kẻ điên rồ. Có mỹ nhân tóc bạc dám gọi ta là quái vật! Cũng như lũ giáo sĩ đui mù vận động cho cái chết của Copernicus, mụ phi báng ta là quỷ dữ, sợ rằng ta đã nhìn ra Chân lý.

Nhưng ta không phải là nhà tiên tri.

Ta chính là sự cứu rỗi của các người.

Ta là Vong linh.”

Chương 10

“Anh ngồi đi”, Sienna nói. “Tôi có vài câu hỏi cho anh.”

Khi vào bếp, Langdon cảm thấy chân mình bước vững vàng hơn. Lúc này anh mặc bộ đồ hiệu Brioni của hàng xóm vừa như in. Ngay cả đôi giày mềm cũng rất thoải mái, và trong đầu Langdon đã có lưu ý sẽ đổi sang đi giày Ý khi trở về nhà.

Nếu mình về được nhà, anh nghĩ bụng.

Sienna đã thay đổi hẳn – một vẻ đẹp tự nhiên. Cô vừa đổi sang chiếc quần bò rất tôn dáng và áo len màu kem, cả hai thứ trang phục như càng làm thân hình yếu điệu của cô thêm nổi bật. Mái tóc cô vẫn vẫn ra sau thành đuôi ngựa, và khi không còn vẻ quyền uy nhờ những vật dụng ngành y, dường như cô yếu đuối hơn. Langdon nhận thấy đôi mắt cô sưng đỏ, như thể cô vừa khóc, và cảm giác tội lỗi lại xâm chiếm lấy anh.

“Sienna, tôi rất xin lỗi. Tôi đã nghe hết lời nhắn trên điện thoại. Tôi không biết phải nói sao.”

“Cảm ơn anh”, cô đáp. “Nhưng lúc này chúng ta cần tập trung vào chính bản thân anh. Anh ngồi đi.”

Lúc này giọng cô rần rỏi hơn, gợi nhớ đến những bài báo mà Langdon vừa đọc về trí tuệ và thời niên thiếu sớm phát triển của cô.

“Tôi cần anh suy nghĩ”, Sienna nói, tay ra hiệu cho anh ngồi xuống. “Anh có nhớ làm thế nào chúng ta tới được căn hộ này không?”

Langdon không dám chắc câu hỏi này có liên quan đến tình huống trước mặt. “Trên một chiếc taxi”, anh nói, ngồi xuống bên bàn. “Có người bắn chúng ta.”

“Bắn anh, thưa Giáo sư. Chúng ta cần phải rõ ràng về chuyện đó.”

“Vâng. Xin lỗi.”

“Thế anh có nhớ được có mấy phát súng lúc chúng ta còn trên taxi không?”

Câu hỏi ngớ ngẩn. “Có, hai phát. Một trúng gương bên hông xe, và một bắn vỡ cửa kính sau.”

“Tốt lắm, giờ thì anh nhắm mắt lại.”

Langdon nhận ra cô đang kiểm tra trí nhớ của mình. Anh bèn nhắm mắt lại.

“Tôi đang mặc đồ gì?”

Langdon có thể nhìn rõ cô. “Giày đế bằng màu đen, quần bò xanh, và áo len cổ chữ V màu kem. Tóc cô vàng, dài đến vai, vắn ra phía sau. Mắt cô màu nâu.”

Langdon mở mắt và ngắm cô, rất hài lòng khi thấy trí nhớ thị giác của mình vẫn hoạt động bình thường.

“Tốt lắm. Khả năng nhận thức thị giác của anh rất tốt, càng xác nhận chứng mất trí của anh đã không còn, và anh không hề bị thương tổn gì vĩnh viễn liên quan đến quá trình ghi nhớ. Anh có nhớ được điều gì mới về mấy ngày qua không?”

“Thật tiếc là không hề. Thế nhưng tôi lại nhìn thấy những hình ảnh ấy lúc cô ra ngoài.”

Langdon kể cho cô nghe hình ảnh ảo giác về người phụ nữ che mạng, người chết, và những đôi chân có chữ R bị chôn vùi một nửa quấy đạp. Rồi anh kể cho cô về cái mặt nạ có mô hình quái lơ lửng trên bầu trời.

“‘Ta là cái chết’ ư?”, Sienna hỏi, vẻ mặt bồn chồn.

“Vâng, đó là những gì nó nói.”

“Được rồi... Tôi đoán như thế cũng giống ‘Ta là Vishnu, kẻ hủy diệt thế giới’.”

Người phụ nữ trẻ vừa dẫn lại lời Robert Oppenheimer lúc ông ta thử nghiệm quả bom nguyên tử đầu tiên.

“Còn cái mặt nạ mắt xanh lè... mũi hình mỏ chim ư?”, Sienna nói, vẻ khó hiểu. “Anh có ý tưởng gì để lý giải tại sao trí nhớ anh lại gọi ra hình ảnh đó không?”

“Chẳng có ý tưởng gì cả, nhưng kiểu mặt nạ đó rất thịnh hành thời trung cổ”, Langdon dừng lại. “Người ta gọi đó là mặt nạ dịch hạch.”

Trông Sienna mặt bình tĩnh một cách kỳ lạ. “Mặt nạ dịch hạch ư?”

Langdon giải thích nhanh gọn rằng trong thế giới biểu tượng của anh, hình dáng đặc thù của chiếc mặt nạ mỏ chim gần như đồng nghĩa với Cái chết Đen – trận đại dịch tràn qua châu Âu vào thế kỷ XIV, giết một phần ba dân số ở một vài vùng. Hầu hết mọi người tin rằng chữ “đen” trong tên gọi chỉ tình trạng da thịt nạn nhân tím đen lại do hoại tử và xuất huyết dưới da, nhưng thực tế từ đen là để chỉ nỗi khiếp sợ mà dịch bệnh này gieo rắc trong dân chúng.

“Cái mặt nạ mỏ dài đó”, Langdon nói, “được các bác sĩ bệnh dịch hạch thời trung cổ đeo để ngăn không cho bệnh xâm nhập vào lỗ mũi họ trong lúc điều trị người bị nhiễm bệnh. Còn giờ đây, cô chỉ nhìn thấy chúng được dùng làm phục trang trong lễ hội Venice Carnevale – lời nhắc nhở kì khôi về một giai đoạn đen tối trong lịch sử nước Ý”.

“Và anh chắc chắn mình nhìn thấy cái mặt nạ như thế trong ảo ảnh của mình chứ?”, Sienna hỏi, lúc này giọng cô run run. “Một mặt nạ của bác sĩ bệnh dịch hạch thời trung cổ à?”

Langdon gật đầu. Một cái mặt nạ mỏ chim thì khó mà nhầm lẫn được.

Cách Sienna nhíu mày khiến Langdon có cảm giác rằng cô đang cố nghĩ ra cách tốt nhất để nói với anh vài tin không hay. “Và người phụ nữ cứ nhắc anh ‘tìm kiếm và sẽ thấy’ phải không?”

“Đúng. Vẫn như lúc trước. Nhưng vấn đề là tôi không rõ mình cần tìm cái

gì.”

Sienna từ từ thở hắt ra một hơi dài, nét mặt hết sức nghiêm trọng. “Tôi nghĩ có lẽ tôi biết. Và thêm nữa... Tôi nghĩ có thể anh cũng đã tìm thấy nó.”

Langdon trợn mắt nhìn. “Cô đang nói gì thế?!”

“Robert, đêm qua khi anh tới bệnh viện, anh mang theo một thứ rất không bình thường trong túi áo khoác. Anh còn nhớ nó là gì không?”

Langdon lắc đầu.

“Anh mang theo một vật... một vật khá đáng chú ý. Tôi tình cờ thấy nó khi chúng tôi lau rửa cho anh.” Cô làm hiệu về phía chiếc áo Harris Tweed dính máu của Langdon, vẫn còn nằm trên bàn. “Nó vẫn trong túi áo đây, nếu anh có ý định nhìn xem.”

Về ngậm ngừng, Langdon nhìn chiếc áo. Ít nhất điều đó giải thích tại sao cô ấy quay lại vì chiếc áo của mình. Anh vớ lấy chiếc áo khoác dính máu và lần tìm cái túi, từng cái một. Chẳng có gì cả. Anh lục lại lần nữa. Cuối cùng, anh nhún vai quay về phía cô, “Ồ đây chẳng có gì hết.”

“Thế còn túi bí mật thì sao?”

“Cái gì? Áo khoác của tôi làm gì có túi bí mật.”

“Không ư?” Trông cô rất bối rối. “Vậy cái áo này... là của người khác ư?”

Đầu óc Langdon lại rối tung lên. “Không, đây là áo khoác của tôi.”

“Anh chắc chứ?”

Quá chắc, anh nghĩ bụng. Thực tế, nó là hiệu Camcerley mà tôi ưa chuộng đấy.

Anh lật ngược lớp lót áo và chìa cho Sienna xem nhãn hiệu có mang biểu tượng mà anh ưa chuộng trong thế giới thời trang – quả cầu của hãng Harris Tweed được trang trí mười ba viên đá quý hình khuy cùng một chữ thập Maltese trên đỉnh.

Hãy để người Scot triệu hồi các chiến binh Thiên Chúa giáo trên vải dệt chéo.

“Nhìn cái này đi”, Langdon nói, tay chỉ hai chữ cái R.L. được thêu bằng tay thêm vào nhãn hiệu. Anh luôn thích thú những mẫu may đo của Harris Tweed, và vì lý do ấy, anh thường trả thêm tiền để người ta thêu chữ cái tên anh vào nhãn hiệu. Ở trường đại học, nơi hàng trăm chiếc áo khoác vải len liên tục được cởi ra rồi mặc vào trong phòng ăn và trên giảng đường, Langdon không hề muốn bị mặc nhầm áo do câu thả.

“Tôi tin anh”, cô nói, cầm lấy chiếc áo khoác từ tay anh. “Giờ anh nhìn đây.”

Sienna mở rộng chiếc áo khoác để lộ lớp lót gầy gầy. Chỗ đó, được giấu kín trong lớp vải lót, là một cái túi khá lớn có hình thù rất gọn ghẽ.

Thế quái nào nhỉ?!

Langdon chắc chắn rằng anh chưa bao giờ nhìn thấy cái túi này trước đó.

Cái túi có một đường chỉ giấu kín, được may rất khéo.

“Nó không hề có ở đó lúc trước!”, Langdon dứt khoát.

“Vậy thì tôi đoán rằng anh chưa bao giờ nhìn thấy... thứ này đúng không?” Sienna thò tay vào túi và moi ra một vật kim loại rất đẹp mà cô nhẹ nhàng đặt vào tay Langdon.

Langdon trợn mắt nhìn xuống vật đó với vẻ hoang mang cực độ.

“Anh có biết thứ này là gì không?”, Sienna hỏi.

“Không...”, anh lắp bắp. “Tôi chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì như thế này.”

“Chà, thật không may, tôi lại biết rõ đây là gì. Và tôi tin chắc nó chính là lý do có người tìm cách giết anh.”

Lúc này điều phối viên Knowlton đang đi đi lại lại trong buồng riêng trên tàu The Mendacium, càng lúc càng thấy bồn chồn khi nghĩ đến đoạn video anh ta được giao phải cung cấp cho cả thế giới biết vào sáng mai.

Ta là Vong linh ư?

Có tin đồn rằng vị khách hàng đặc biệt này bị sang chấn tâm thần trong mấy

tháng qua, nhưng đoạn video dường như xác định những lời đồn đó là không có cơ sở.

Knowlton biết mình có hai lựa chọn. Anh ta có thể chuẩn bị phát tán đoạn video vào ngày mai như đã hứa, hoặc có thể mang nó lên gác gặp Thị Trưởng để đưa ra ý kiến về quyết định thứ hai.

Mình đã biết ý kiến của ông ấy rồi, Knowlton nghĩ bụng, vì chưa bao giờ thấy Thị Trưởng có hành động gì khác ngoài những việc đã hứa với khách hàng. Ông ấy sẽ bảo mình cung cấp đoạn video này cho thế giới, không cần hỏi làm gì... và ông ấy sẽ nổi điên với mình vì việc này.

Knowlton hướng sự chú ý trở lại đoạn video đã được tua đến một vị trí đặc biệt đáng lo ngại. Anh ta bắt đầu cho chạy lại, và cái hang có thứ ánh sáng kỳ dị lại xuất hiện kèm với tiếng nước róc rách. Bóng người hiện ra lù lù trên vách hang đang nhỏ nước – một gã đàn ông cao lớn với cái mỏ chim dài.

Bằng chất giọng nghèn nghẹt, cái bóng quái dị cất tiếng:

“Đã đến thời kỳ Tăm tối mới.

Nhiều thế kỷ trước, châu Âu chìm sâu trong cảnh khốn cùng – dân chúng túm tụm với nhau, chết đói, chìm trong tội lỗi và vô vọng. Họ giống như một cánh rừng chật chội, ngọt ngào vì những kẻ vô dụng, chờ đợi tia sét của Chúa trời – tia lửa sẽ làm đám cháy bùng lên, lan rộng trên mặt đất và thiêu sạch đám vô dụng, một lần nữa đưa ánh mặt trời tới những gốc cây khỏe mạnh.

Chọn lọc là Quy luật Tự nhiên của Chúa trời.

Hãy tự hỏi bản thân, sau Cái chết Đen là gì?

Tất cả chúng ta đều biết câu trả lời.

Thời kỳ Phục Hưng.

Sự tái sinh.

Luôn là như thế. Tiếp sau cái chết là sự sinh sôi.

Để đến được Thiên đường, con người phải đi qua Hỏa ngục.

Điều này, thầy đã dạy chúng ta.

Thế mà kẻ ngu dốt tóc bạc lại dám gọi ta là quái vật ư? Chắc mù vẫn không hiểu rõ môn toán học của tương lai chẳng? Cả những điều kinh hoàng nó sẽ mang theo nữa?

Ta là Vong linh.

Ta là sự cứu rỗi của các người.

Và vì thế ta đứng lên, sâu trong lòng hang này, phóng mắt nhìn qua đầm nước không một ánh sao phản chiếu. Tại đây, trong dinh lũy đã bị nhận chìm này, Hỏa ngục cháy âm ỉ bên dưới làn nước.

Sớm muộn nó sẽ bùng lên thành ngọn lửa.

Và đến khi đó, chẳng có gì trên trái đất có thể ngăn được nó.”

Chương 11

Vật nằm trong bàn tay Langdon nặng hơn hẳn so với kích thước của nó. Thon và trơn láng, cái hình trụ bằng kim loại nhẵn thín ấy dài khoảng mười lăm phân và tròn cả hai đầu, giống như một quả ngư lôi thu nhỏ

“Trước khi mạnh tay cầm vào thứ đó”, Sienna lên tiếng, “có lẽ anh cần nhìn mặt bên kia đã”. Cô mỉm cười với anh nhưng khá căng thẳng. “Anh nói anh là giáo sư về các biểu tượng phải không?”

Langdon chăm chú nhìn cái ống trụ, xoay nó trong lòng bàn tay cho tới khi một biểu tượng màu đỏ tươi hiện rõ bên hông ống.

Cơ thể anh ngay lập tức cứng đờ.

Khi còn là sinh viên ngành biểu tượng học, Langdon đã biết rằng một số hình ảnh ghê gớm có sức mạnh gieo rắc nỗi sợ hãi ngay lập tức vào tâm trí con người... nhưng cái biểu tượng trước mắt anh thì khỏi phải nói. Phản ứng của anh hoàn toàn mang tính bản năng và ngay tức thì, anh đặt cái ống lên bàn rồi ngồi phịch xuống ghế.

Sienna gật đầu. “Vâng, phản ứng của tôi cũng y như vậy.”

Dấu hiệu trên ống là một biểu tượng ba nhánh đơn giản.

Biểu tượng khét tiếng này, như Langdon từng đọc được, do Dow Chemical nghĩ ra vào những năm 1960, để thay thế cho chuỗi đồ họa cảnh báo được sử dụng không mấy hiệu quả trước đó. Như tất cả những biểu tượng thành công khác, biểu tượng này đơn giản, đặc trưng và dễ tạo. Khéo léo khơi gợi mối liên hệ với mọi thứ, từ cặp cày của đến những phi tiêu của ninja, biểu tượng “nguy hiểm sinh học” hiện đại này trở thành một nhãn hiệu toàn cầu truyền tải ý nghĩa nguy hiểm trong mọi ngôn ngữ.

“Cái ống nhỏ xíu này là một ống tuýp sinh học”, Sienna nói. “Nó dùng để mang những chất nguy hiểm. Chúng tôi thỉnh thoảng nhìn thấy chúng trong lĩnh vực y khoa. Bên trong là một lớp bọt bao bọc lấy ống chất mẫu để có thể mang đi an toàn. Trong trường hợp này...” Cô chỉ vào biểu tượng nguy hiểm sinh học. “Tôi đoán là một tác nhân hóa học chết người... hoặc có thể là một... loại virus?”, cô ngừng lại. “Các mẫu Ebola [9] đầu tiên được mang về từ châu Phi qua một cái ống y hết như thế.”

Đây không phải toàn bộ những gì Langdon muốn nghe. “Nhưng nó làm cái quái gì trong áo khoác của tôi chứ! Tôi là một giáo sư lịch sử nghệ thuật mà, tại sao tôi lại mang cái thứ này?”

Hình ảnh những xác người quần quai lại lóe lên trong trí anh... và lơ lửng phía trên cái mặt nạ dịch hạch.

Rất xin lỗi... Rất xin lỗi!

“Cho dù thứ này từ đâu đến”, Sienna nói, “nó cũng là một vật có độ bền cao. Titan lót chì. Gần như không thể xuyên thủng, thậm chí bằng phóng xạ. Tôi đoán là vấn đề cấp chính phủ.” Cô chỉ vào ô màu đen cỡ bằng con tem ngay bên cạnh biểu tượng nguy hiểm sinh học. “Xác nhận bằng dấu tay. Bảo đảm an ninh trong trường hợp bị thất lạc hoặc đánh cắp. Những ống như thế này chỉ một người đặc biệt mới mở được.”

Mặc dù Langdon cảm giác đầu óc mình lúc này đang làm việc với tốc độ bình thường nhưng anh vẫn thấy như thể đang phải cố hết sức. Mình đang mang theo một ống tuýp niêm phong bằng vân tay.

“Khi tôi phát hiện cái ống này trong áo khoác của anh, tôi muốn cho riêng bác sĩ Marconi xem, nhưng tôi không có cơ hội làm vậy lúc anh chưa tỉnh lại. Tôi đã định thử đặt ngón tay anh lên cái ô kia trong lúc anh đang bất tỉnh, nhưng tôi lại không rõ thứ gì trong ống, và...”

“Ngón tay TÔI ư?”, Langdon lắc đầu. “Làm sao có chuyện thứ này được lập

trình để tôi là người mở nó chứ. Tôi có biết gì về hóa sinh đâu. Tôi chưa từng có thứ gì như thế này cả.”

“Anh chắc chứ?”

Langdon rất chắc chắn. Anh vươn tay và đặt ngón cái của mình vào ô vuông. Chẳng có gì xảy ra cả. “Thấy chưa? Tôi đã nói...”

Cái ống titan phát ra tiếng kêu rất to, và Langdon giật tay về như phải bỏng. Khôn nạn. Anh dăm dăm nhìn cái ống như thể nó sắp tự mở toang và bắt đầu xì ra một thứ khí độc chết người. Sau ba giây, nó lại phát ra tiếng động, rõ ràng đang tự khóa lại.

Không nói gì, Langdon quay sang nhìn Sienna.

Cô bác sĩ trẻ thở hắt ra, trông bệch bạc. “Chà, rõ ràng chính anh là người được chỉ định mang nó đi rồi.”

Với Langdon, toàn bộ tấn kịch này thật phi lý. “Không thể như thế. Trước hết, làm cách nào tôi tha được mẫu kim loại này qua chốt an ninh sân bay chứ?”

“Có lẽ anh bay bằng máy bay riêng? Hoặc có lẽ người ta giao cho anh khi anh đến Ý?”

“Sienna, tôi cần gọi cho lãnh sự. Ngay bây giờ.”

“Anh không nghĩ chúng ta cần mở nó ra trước đã à?”

Trong đời mình, Langdon từng có một số hành động hấp tấp, nhưng mở một vật chứa chất độc ngay trong bếp của người phụ nữ này không phải là một trong những hành động như thế. “Tôi sẽ bàn giao thứ này cho giới chức trách. Ngay bây giờ!”

Sienna mím chặt môi, suy tính về mọi khả năng. “Được rồi, nhưng ngay khi thực hiện cuộc gọi đó, anh phải tự giải quyết. Tôi không can dự vào. Đương nhiên anh không thể gặp họ ở đây. Hoàn cảnh di trú của tôi ở Ý rất... phức tạp.”

Langdon nhìn vào mắt Sienna. “Tất cả những gì tôi biết, Sienna, là cô đã cứu mạng tôi. Tôi sẽ giải quyết chuyện này đúng như ý muốn của cô.”

Cô gật đầu cảm ơn và bước lại phía cửa sổ, chăm chú nhìn xuống con phố phía dưới. “Được rồi, chúng ta cần làm như thế này nhé!”

Sienna nhanh nhẹn vạch ra một kế hoạch. Nó rất đơn giản, khôn khéo và an toàn.

Langdon đợi cô bật chế độ chặn hiển thị người gọi trong điện thoại di động và bấm số. Các ngón tay của cô thanh mảnh nhưng di chuyển rất có chủ định.

“Thông tin thuê bao phải không?”, Sienna nói bằng tiếng Ý không thể chê vào đâu. “Xin cho tôi số máy của Lãnh sự quán Hoa kỳ tại Firenze được không?”

Cô đợi và sau đó nhanh nhẹn viết ra một số điện thoại.

“Rất cảm ơn”, cô đáp và ngắt máy.

Sienna chìa số điện thoại cho Langdon cùng với điện thoại của cô. “Anh nói đi. Anh nhớ phải nói gì chưa?”

“Trí nhớ của tôi tốt mà”, anh mỉm cười nói trong lúc bấm số máy ghi trên mẫu giấy. Đường dây bắt đầu đổ chuông.

Chẳng thấy gì cả.

Anh chuyển sang chế độ loa ngoài và đặt điện thoại lên bàn để Sienna cũng có thể nghe được. Đáp lời là một tin nhắn đã ghi âm sẵn, cung cấp thông tin chung về các dịch vụ lãnh sự và giờ làm việc, tức là phải sau 8 giờ 30 phút sáng.

Langdon nhìn đồng hồ trên bàn. Mới chỉ có sáu giờ sáng.

“Nếu đây là tình huống khẩn cấp”, đoạn ghi âm tự động nói, “quý vị có thể gọi tới số 7-7 để báo với nhân viên trực đêm”.

Langdon lập tức bấm số máy lẻ.

Đường dây lại đổ chuông.

“Lãnh sự quán Hoa Kỳ xin nghe”, một giọng nói mệt mỏi trả lời bằng tiếng Ý. “Tôi là nhân viên trực đây.”

“Anh nói được tiếng Anh chứ?”, Langdon hỏi bằng tiếng Ý.

“Đương nhiên”, người đàn ông bên kia đáp lại bằng tiếng Anh Mỹ. Giọng anh ta có vẻ khó chịu vì bị đánh thức. “Tôi giúp gì được anh?”

“Tôi là công dân Mỹ đang có mặt ở Florence và tôi bị tấn công. Tên tôi là Robert Langdon.”

“Xin cho biết số hộ chiếu”, người đàn ông ngáp nghe rõ mồn một.

“Tôi bị mất hộ chiếu. Tôi nghĩ nó bị đánh cắp. Tôi bị bắn vào đầu. Tôi ở trong bệnh viện. Tôi cần giúp đỡ.”

Nhân viên trực đột nhiên tỉnh ngủ hẳn. “Thưa ông! Ông vừa nói ông bị bắn phải không? Xin ông nói lại họ tên đầy đủ được không?”

“Robert Langdon.”

Có tiếng sột soạt trên đường dây và sau đó Langdon nghe rõ tiếng ngón tay của người đàn ông gõ lách cách trên bàn phím. Tiếng máy tính kêu “ping”. Tạm dừng. Rồi lại nghe tiếng ngón tay trên bàn phím. Lại một tiếng “ping”. Tiếp đến là ba tiếng “ping” chói lói.

Tạm dừng lâu hơn.

“Thưa ông?”, người đàn ông lên tiếng. “Tên ông là Robert Langdon phải không?”

“Vâng, đúng vậy. Và tôi đang gặp rắc rối.”

“Được rồi, thưa ông, tên ông được đánh dấu lưu ý, và tôi được chỉ dẫn lập tức nối máy cho ông với chánh văn phòng của Tổng lãnh sự.” Người đàn ông ngừng lại, như thể chính anh ta cũng không tin nổi. “Xin hãy giữ máy!”

“Đợi đã! Anh có thể cho tôi biết...”

Đường dây lại đổ chuông.

Bốn lần đổ chuông và máy được nối.

“Collins nghe đây”, một giọng cọc cằn vang lên.

Langdon hít một hơi thật sâu và cố gắng nói thật bình tĩnh và rõ ràng. “Thưa ngài Collins, tên tôi là Robert Langdon. Tôi là một công dân Mỹ đang có mặt tại Florence. Tôi bị bắt. Tôi cần giúp đỡ. Tôi muốn được tới Lãnh sự quán Hoa Kỳ ngay lập tức. Ngài có thể giúp tôi không?”

Không chút do dự, giọng nói bên kia đáp lại. “Ồn Chúa là anh vẫn còn sống, anh Langdon. Chúng tôi đang tìm kiếm anh.”

Chương 12

Lãnh sự quán biết mình ở đây ư?

Tin ấy khiến Langdon thấy nhẹ cả người. Ngài Collins – người tự giới thiệu là chánh văn phòng của Lãnh sự quán – nói chuyện với giọng chắc nịch, chuyên nghiệp, nhưng cũng có vẻ rất gấp gáp. “Anh Langdon, anh và tôi cần nói chuyện ngay lập tức. Và nhất định không phải trên điện thoại.”

Đến lúc này, dù vẫn chưa hiểu rõ chuyện gì đang xảy ra, nhưng Langdon không có ý định ngắt lời.

“Tôi sẽ cho người đến đón anh ngay”, Collins nói. “Anh ở chỗ nào?”

Sienna lo lắng di chuyển vị trí, cố lắng nghe cuộc trao đổi trên loa điện thoại. Langdon gật đầu trấn an cô, tỏ ý hoàn toàn tuân thủ theo đúng kế hoạch của cô.

“Tôi đang ở một khách sạn nhỏ có tên Pensione la Fiorentina”, Langdon nói, đánh mắt sang bên kia phố về phía khách sạn cũ kỹ Sienna đã chỉ cho mình trước đó. Anh nói cho Collins địa chỉ phố.

“Được rồi”, người đàn ông trả lời. “Đừng di chuyển. Cứ ở trong phòng anh. Sẽ có người đến đó ngay bây giờ. Phòng nào nhỉ?”

Langdon quyết định. “Ba mươi chín.”

“Được rồi. Hai mươi phút”, Collins hạ giọng. “Anh Langdon, dù anh bị thương và hơi rối trí, nhưng tôi cần biết... anh vẫn còn giữ chứ?”

Còn giữ. Langdon cảm thấy câu hỏi này, dù khó hiểu, song chỉ có thể mang một nghĩa. Mắt anh lia tới chỗ cái ống nằm trên bàn bếp. “Vâng, thưa ngài. Tôi vẫn còn giữ.”

Collins thở phào rõ to. “Lúc không nghe được tin gì của anh, chúng tôi cứ nghĩ... Chà, nói thật, chúng tôi nghĩ đến chuyện xấu nhất. Tôi yên tâm rồi. Cứ ở yên chỗ anh. Đừng di chuyển. Hai mươi phút thôi. Sẽ có người tới gõ cửa phòng anh.”

Collins ngắt máy.

Langdon cảm thấy hai vai mình nhẹ nhõm hẳn, lần đầu tiên kể từ khi anh tỉnh dậy trong bệnh viện. Lãnh sự quán biết rõ chuyện gì đang xảy ra, và chỉ lát nữa mình sẽ có câu trả lời. Langdon nhắm mắt lại và thở ra từ từ, lúc này gần như an tâm. Con đau đầu đã tan biến.

“Chà, rất MI6”, Sienna lên tiếng, giọng nửa đùa nửa thật. “Anh là điệp viên à?”

Lúc này Langdon chẳng rõ mình là gì nữa. Chuyện mất trí nhớ hai ngày và thấy mình trong một tình thế khó nhận diện làm anh khó hiểu, nhưng anh vẫn ở đây... Hai mươi phút nữa sẽ có cuộc gặp với một quan chức tòa Lãnh sự Hoa Kỳ trong một khách sạn xập xệ.

Chuyện gì đang xảy ra ở đây nhỉ?

Anh liếc nhìn Sienna, nhận ra họ sắp sửa đường ai nấy đi nhưng vẫn có cảm giác họ chưa xong việc. Anh lại nhớ tới vị bác sĩ râu rậm ở bệnh viện, nằm chết trên sàn ngay trước mắt cô. “Sienna”, anh thì thầm, “bạn của cô... bác sĩ Marconi... tôi cảm thấy thật kinh khủng”.

Cô gật đầu quả quyết.

“Và tôi rất xin lỗi đã kéo cô vào vụ này. Tôi biết tình thế của cô tại bệnh viện rất bất thường, và nếu có điều tra...” Tiếng anh tắt dần.

“Không sao”, cô nói. “Tôi không lạ gì chuyện phải di chuyển.”

Langdon cảm nhận được trong đôi mắt xa xăm của Sienna, mọi thứ với cô đều đã thay đổi vào sáng nay. Cuộc sống của chính Langdon lúc này cũng đang hỗn loạn, nhưng anh cảm thấy trái tim mình đang hướng về phía người phụ nữ này.

Cô ấy đã cứu mạng mình... và mình đã hủy hoại cuộc sống của cô ấy.

Họ ngồi im lặng suốt một phút, không khí giữa hai người càng lúc càng nặng

nè, như thể cả hai đều muốn nói, nhưng lại chẳng biết nói gì. Suy cho cùng, họ là những người xa lạ trong một hành trình ngắn ngủi kỳ lạ vừa đi tới ngã ba đường, và giờ đây mỗi người đều cần tìm một lối đi riêng.

“Sienna”, cuối cùng Langdon lên tiếng, “khi tôi giải quyết xong chuyện này với lãnh sự quán, nếu có việc gì cần tôi giúp, xin hãy...”.

“Cảm ơn anh”, cô thì thầm, và buồn bã hướng mắt ra phía cửa sổ.

Từng phút trôi qua, Sienna Brooks lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ gian bếp và tự hỏi ngày hôm nay rồi sẽ dẫn cô tới đâu. Cho dù là ở đâu, cô đều hiểu rõ rằng đến cuối ngày, thế giới của cô sẽ khác hẳn.

Cô biết, có lẽ chỉ là cảm xúc dâng trào nhất thời, nhưng cô thấy mình bị cuốn hút trước vị giáo sư người Mỹ một cách kỳ lạ. Ngoài vẻ điển trai, dường như anh còn sở hữu một trái tim nhân hậu. Trong cuộc sống tương lai, biết đâu Robert Langdon còn có thể là người cô gắn bó cùng.

Anh ấy sẽ chẳng bao giờ muốn mình, cô nghĩ bụng. Mình đã bị hủy hoại rồi.

Trong lúc cố nén tình cảm lại, bên ngoài cửa sổ có gì đó khiến cô chú ý. Cô thẳng người lên, áp mặt vào kính và đăm đăm nhìn xuống phố. “Robert, nhìn xem!”

Langdon phóng mắt nhìn xuống chiếc xe hiệu BMW đen bóng dưới phố vừa đỗ xích trước khách sạn Pensione la Fiorentina. Người điều khiển xe dong dỏng và mạnh mẽ, mặc bộ đồ da đen và đội mũ bảo hiểm. Khi người điều khiển xe điệu nghệ bước xuống và gỡ chiếc mũ bảo hiểm đen bóng ra, Sienna có thể thấy rõ Langdon nín thở.

Cái đầu đỉnh của người phụ nữ kia không lần đi đâu được.

Ả rút ra khẩu súng quen thuộc, kiểm tra bộ phận giảm thanh, và đút súng vào túi áo khoác. Sau đó, với vẻ uyển chuyển chết người, ả bước vào khách sạn.

“Robert”, Sienna thì thào, giọng cô căng lên vì sợ hãi. “Chính phủ Mỹ vừa cử người tới giết anh.”

Chương 13

Robert Langdon cảm nhận được nỗi hoang mang khi anh đứng bên cửa sổ căn hộ, dán mắt về phía khách sạn bên kia phố. Người đàn bà đầu đình vừa bước vào, nhưng Langdon không sao hiểu nổi làm cách nào mà cô có được địa chỉ.

Cảm giác bủn rủn chạy khắp người anh, khiến luồng tư duy của anh gián đoạn lần nữa. “Chính phủ tôi cử người tới giết tôi ư?”

Sienna cũng kinh ngạc không kém. “Robert, như thế có nghĩa là lần tấn công anh lúc đầu ở bệnh viện cũng được sự phê chuẩn của chính phủ anh.” Cô đứng dậy và kiểm tra lại khóa cửa căn hộ. “Nếu Lãnh sự Hoa Kỳ được phép giết anh...” Cô không nói hết suy nghĩ của mình, nhưng cô cũng không cần phải nói ra. Hàm nghĩa quá kinh khủng.

Họ nghĩ mình đã làm chuyện quái gì chứ? Tại sao chính phủ của mình lại săn đuổi mình?!

Lại một lần nữa, Langdon nghe thấy mấy chữ mà anh lẩm bẩm khi lão đảo bước vào bệnh viện.

Rất xin lỗi... rất xin lỗi!

“Ồ đây anh không an toàn”, Sienna nói. “Chúng ta không an toàn ở đây.” Cô ra hiệu về phía bên kia đường. “Người phụ nữ kia nhìn thấy chúng ta cùng chạy khỏi bệnh viện, và tôi dám cá chính phủ của anh cùng cảnh sát đang tìm cách truy lùng tôi. Căn hộ của tôi được cho thuê lại dưới tên của người khác, nhưng cuối cùng họ cũng sẽ tìm ra thôi.” Cô lại chú ý tới cái ống trên bàn. “Anh cần mở thứ đó ra, ngay bây giờ.”

Langdon nhìn cái ống titan, và chỉ thấy cái biểu tượng nguy hiểm sinh học.

“Cho dù bên trong ống đó là cái gì”, Sienna nói, “có lẽ đều có một mã nhận dạng, một nhãn hiệu cơ quan, một số điện thoại, đại loại thế. Anh cần thông tin. Tôi cần thông tin! Chính phủ của anh đã giết bạn tôi”.

Nỗi đau trong giọng nói của Sienna khiến Langdon choàng tỉnh khỏi cơn suy tưởng, và anh gật đầu, biết rõ cô nói đúng. “Được, tôi... rất xin lỗi.” Langdon co rúm người, lại nghe thấy những từ ấy lần nữa. Anh ngoảnh nhìn cái ống trên bàn, băn khoăn không biết bên trong giấu câu trả lời gì. “Mở nó ra có thể vô cùng nguy hiểm.”

Sienna nghĩ một lát. “Bất kỳ thứ gì bên trong đều được giữ gìn cực kỳ kỹ

càng, có lẽ trong một cái ống nghiệm bằng thủy tinh Plexiglas không vỡ cũng nên. Cái ống sinh học này chỉ có một vỏ bọc bên ngoài để bảo đảm trong quá trình vận chuyển thôi.”

Langdon nhìn ra ngoài cửa sổ về phía chiếc xe máy màu đen đỗ ngay trước khách sạn. Người phụ nữ vẫn chưa đi ra, nhưng sớm muộn gì cũng đoán được rằng Langdon không ở đó. Anh tự hỏi động thái tiếp theo của cô sẽ là gì... và sẽ mất bao lâu để cô đập tung cửa căn hộ này.

Langdon suy nghĩ để đưa ra quyết định. Anh nhấc ống titan lên và miễn cưỡng áp ngón cái của mình lên ô nhận diện vân tay. Sau một lúc, cái ống phát ra tiếng cách rất to.

Trước khi cái ống kịp khóa lại lần nữa, Langdon vặn hai nửa theo hai hướng ngược chiều nhau. Mới xoay một phần tư vòng, cái ống lại kêu “ping” lần thứ hai, và Langdon biết mình đã hoàn thành.

Hai tay Langdon ướt đẫm mồ hôi trong lúc anh tiếp tục vặn mở ống. Hai nửa xoay rất trơn tru theo những đường rãnh được gia công hoàn hảo. Anh cứ thế vặn, cảm giác như sắp mở được con búp bê Nga quý giá, ngoại trừ việc anh không hề biết thứ gì sắp rơi ra.

Sau năm lần vặn, hai nửa đã rời ra. Langdon hít một hơi thật sâu, nhẹ nhàng tách chúng. Khoảng trống giữa hai nửa mở rộng, và thứ bên trong bọc cao su xốp lộ ra. Langdon đặt nó lên bàn. Lớp đệm bảo vệ trông hơi giống một quả bóng bầu dục hiệu Nerf kéo dài.

Chẳng có gì cả.

Langdon nhẹ nhàng gỡ phần trên của lớp xốp bảo vệ, cuối cùng cũng để lộ ra vật nằm bên trong.

Sienna chăm chú nhìn thứ bên trong và hếch đầu, vẻ ngạc nhiên. “Rõ ràng không giống như tôi mừng tượng.”

Langdon dự đoán là một dạng ống gì đó lạ lùng, nhưng thứ bên trong cái ống sinh học lại không có vẻ gì là siêu tưởng. Vật được chạm khắc công phu kia rõ ràng làm bằng ngà voi và có kích cỡ xấp xỉ một thanh kẹo Life Savers.

“Trông rất cũ”, Sienna thì thào. “Một dạng...”

“Trụ triện”, Langdon nói với cô, thở hắt ra.

Được người Sumer phát minh vào năm 3500 trước Công nguyên, trụ triện là tiền thân của các con chữ khắc dùng trong in ấn. Mỗi con triện đều được khắc những hình ảnh trang trí và có phần thân rộng để lòng chốt trục qua, sao cho bề mặt chạm khắc có thể lăn tròn, giống như trục lăn sơn hiện đại, trên đất sét ẩm hoặc sành để “in” tuần hoàn các dải biểu tượng, hình ảnh hoặc văn tự.

Langdon phỏng đoán con triện này đương nhiên rất hiếm có và giá trị, nhưng anh vẫn không hình dung nổi tại sao nó lại được cất kín trong một cái ống titan chẳng khác gì một dạng vũ khí sinh học như vậy.

Trong khi khéo léo xoay con triện qua các ngón tay, anh nhận ra thứ này mang một hình khắc đặc biệt kinh khủng – con quỷ Satan có sừng, ba đầu đang ăn thịt ba người khác nhau cùng một lúc, mỗi miệng một người.

Thật khôi hài!

Mắt Langdon chuyển tới bảy chữ cái khắc ngay bên dưới con quỷ. Những con chữ hoa mỹ được viết đảo ngược, giống như tất cả văn tự trên trục in vậy, nhưng Langdon không gặp khó khăn gì khi đọc chúng – SALIGIA.

Sienna nheo mắt nhìn và đọc to dòng chữ. “Saligia?”

Langdon gật đầu, cảm thấy rợn người khi nghe thấy từ này được đọc to lên. “Đó là một mẹo nhớ bằng tiếng Latin được tòa thánh Vatican phát minh ra ở thời trung cổ nhằm nhắc tín đồ Thiên Chúa giáo về Bảy Trọng tội. Saligia là một từ kết hợp với các chữ cái đầu của superbia, avaritia, luxuria, invidia, gula, ira và acedia.”

Sienna cau mày. “Kiêu ngạo, tham lam, dâm ô, đồ kỵ, ham ăn, giận dữ và lười biếng.”

Langdon rất ấn tượng. “Cô biết tiếng Latin.”

“Tôi theo Công giáo từ nhỏ. Tôi biết tội lỗi.”

Langdon cố mỉm cười trong lúc đưa mắt trở lại con triện, trong lòng thắc mắc tại sao nó lại được cất giữ trong một cái ống như một vật rất nguy hiểm.

“Tôi nghĩ nó làm bằng ngà voi”, Sienna nói. “Nhưng đó là xương.” Cô đẩy con triện ra chỗ có ánh nắng và chỉ vào những đường nét trên đó. “Ngà voi tạo thành đường khắc chéo song song hình kim cương với các đường kẻ vắn

mờ, còn xương tạo thành các đường kẻ vẫn song song và vết lõ chỗ thâm màu như thế này.”

Langdon nhẹ nhàng cầm con triện lên và xem xét kỹ những vết chạm khắc. Các con triện nguyên thủy của người Sumer được chạm khắc những hình thô mộc và hình nêm. Thế nhưng, con triện này lại được chạm khắc tinh xảo hơn nhiều. Từ thời trung cổ, Langdon phán đoán. Thêm nữa, những chi tiết trang trí cho thấy chúng có mối liên hệ đáng lo ngại với những ảo giác của anh.

Sienna nhìn anh lo lắng. “Gì vậy?”

“Chủ đề tuần hoàn”, Langdon nói dứt khoát, và chỉ một những hình khắc trên con triện. “Cô thấy quỷ Satan ba đầu đang ăn thịt người này không? Đó là một hình ảnh quen thuộc từ thời trung cổ - một biểu tượng gắn liền với Cái chết Đen. Ba cái miệng đang nghiền ngấu là biểu tượng cho thấy dịch hạch tiêu diệt dân số kinh khủng thế nào.”

Sienna lo lắng liếc nhìn vào biểu tượng nguy hiểm sinh học trên ống.

Những ám chỉ tới bệnh dịch hạch đang diễn ra trong sáng nay dường như xuất hiện thường xuyên hơn anh nghĩ, và với chút do dự, anh công nhận thêm một mối liên hệ nữa. “Saligia đại diện cho tập hợp các trọng tội của loài người... mà theo quan điểm truyền bá tôn giáo trung cổ...”

“Là lý do để Chúa trời trừng phạt thế giới bằng Cái chết Đen”, Sienna lên tiếng, hoàn tất nốt ý nghĩ của anh.

“Đúng vậy.” Langdon ngừng lại, nhất thời đứt luôn mạch suy nghĩ. Anh vừa nhận ra một điều kỳ cục liên quan đến cái ống. Bình thường, một người có thể nhìn xuyên qua phần lõi rỗng của một trụ triện, như thể xuyên qua lõi một ống rỗng không, nhưng trong trường hợp này, lõi con triện lại kín mít. Có thứ gì đó được nhét bên trong mẫu xương này. Một đầu ống bắt sáng và tỏa ra ánh sáng mờ mờ.

“Có điều gì bên trong”, Langdon nói. “Và trông như được làm bằng thủy tinh.” Anh xoay ngược con triện để kiểm tra đầu bên kia, bên trong có tiếng của một vật nhỏ xíu, chạy từ đầu này mẫu xương sang đầu kia, giống như một viên bi lăn trong ống.

Langdon cứng đờ người, và anh nghe thấy rõ Sienna khẽ thở hỏn hển ngay bên cạnh.

Cái quái gì thế nhỉ?!

“Anh có nghe thấy tiếng đó không?”, Sienna thì thào.

Langdon gật đầu và thận trọng nhìn vào đầu ống. “hình như chỗ hở được bịt lại nhờ... thứ gì làm bằng kim loại.” Có lẽ là nắp của ống nghiệm chẳng?

Sienna lúi lúi. “Trông nó có phải... đã vỡ không?”

“Tôi không nghĩ vậy.” Anh thận trọng xoay ngược mẫu xương lần nữa để kiểm tra cái đầu có thủy tinh, và tiếng lóc xóc lại vang lên. Trong chớp mắt, phần thủy tinh bên trong trụ triện có biểu hiện hoàn toàn bất ngờ.

Nó bắt đầu phát sáng.

Mắt Sienna trợn lên. “Robert, dừng lại! Dừng cử động!”

Chương 14

Langdon đứng im bất động, tay giữ nguyên trong không trung, cầm trụ triện bằng xương. Rõ ràng, phần thủy tinh ở đầu ống đang phát sáng... lóe lên như thể thứ chứa bên trong đột nhiên thức dậy.

Rất nhanh, ánh sáng bên trong lại tối đen trở lại.

Sienna nhích lại gần, thở hổn hển. Cô nghiêng đầu và sẫm soi phần thủy tinh có thể nhìn thấy được bên trong mẫu xương.

“Nghiêng lại đi”, cô thì thào. “Thật chậm thôi.”

Langdon nhẹ nhàng xoay ngược mẫu xương. Lại một lần nữa, một vật rất nhỏ chạy lọc xọc dọc theo chiều dài mẫu xương rồi dừng lại.

“Thêm lần nữa đi”, cô nói. “Nhẹ thôi.”

Langdon lặp lại lần nữa, và mẫu xương lại có tiếng lọc xọc. Lần này, phần thủy tinh bên trong hơi sáng, lóe lên một lúc rồi lịm đi.

“Chắc chắn nó là một ống nghiệm”, Sienna tuyên bố, “trong có một viên bi trộn”.

Langdon đã rất quen với những viên bi trộn dùng trong các bình sơn xịt – đó là những viên bi nằm lẫn bên trong, có tác dụng trộn đều sơn khi lắc bình.

“Có thể nó chứa một dạng hợp chất hóa học lân tinh nào đó”, Sienna nói, “hoặc một cấu trúc phát quang sinh học có khả năng lóe sáng khi được kích thích”.

Langdon lại có suy nghĩ khác. Vốn đã từng thấy các loại que phát sáng hóa học và thậm chí cả những phiêu sinh vật phát sáng sinh học có khả năng sáng lên khi một chiếc thuyền khuấy đảo môi sinh của chúng, nhưng anh gần như tin chắc rằng cái ống trụ trong tay mình không hề chứa thứ nào trong số này. Anh nhẹ nhàng xoay cái ống thêm vài lần nữa cho tới khi nó lóe sáng, sau đó giữ phần đầu phát sáng trên bàn tay mình. Đúng như mong đợi, một quang sáng màu đỏ nhạt xuất hiện, rọi thẳng lên da anh.

Rất vui biết rằng một người có IQ 208 đôi khi cũng nhầm lẫn.

“Nhìn cái này xem”, Langdon nói, và bắt đầu lắc mạnh cái ống. Vật bên trong lọc xọc chạy lên chạy xuống, càng lúc càng nhanh.

Sienna nhảy lùi lại. “Anh đang làm gì thế?”

Tay vẫn lắc cái ống, Langdon bước lại phía công tắc đèn và tắt đi, khiến cho gian bếp tối hẳn. “Bên trong không phải ống nghiệm đâu”, anh nói, tay vẫn lắc mạnh hết sức. “Nó là đèn rọi Faraday đây.”

Langdon từng được một sinh viên tặng thiết bị tương tự - một cái đèn rọi tia laser dùng cho các giảng viên không thích việc lãng phí những cục pin AAA, và không ngại chuyện lắc mạnh đèn rọi trong vài giây để biến nguồn năng lượng động lực học của đèn thành điện năng. Khi lắc mạnh thiết bị này, viên bi kim loại bên trong sẽ chạy qua hàng loạt chi tiết hình má chèo và vận hành một máy phát điện nhỏ xíu. Rõ ràng có người đã quyết định nhét đèn rọi này vào một mẫu xương rồng có chạm khắc – lớp vỏ cổ xưa bao bọc lấy thứ đồ chơi điện tử hiện đại.

Đầu chiếc đèn rọi trong tay anh lúc này sáng lên rực rỡ. Langdon nhìn Sienna, cười nhả nhỏ. “Đến giờ trình diễn.”

Anh chĩa chiếc đèn rọi vỏ xương vào một khoảng trống trên tường bếp. Khi mảng tường sáng lên, Sienna hít một hơi thảng thốt. Nhưng chính Langdon mới là người giật nảy mình vì kinh ngạc.

Khoảng sáng xuất hiện trên tường không phải là một đốm laser màu đỏ nhỏ bé. Nó là một bức tranh sinh động có độ phân giải cao phóng ra từ cái ống chẳng khác gì từ một máy chiếu kiểu cũ.

Chúa ơi! Tay Langdon hơi run khi anh nhìn khung cảnh hãi hùng trên bức tường trước mặt. Thảo nào mình cứ nhìn thấy hình ảnh chết chóc.

Bên cạnh anh, Sienna lấy tay che miệng và ngấp ngừng bước lên một bước, rõ ràng thất thần vì những gì cô đang nhìn thấy.

Khung cảnh phóng ra từ mẫu xương chạm trổ kia là một bức tranh cũ về nỗi khổ của con người – hàng nghìn linh hồn trải qua những hình thức tra tấn kinh khủng ở các tầng địa ngục. Thế giới trong lòng đất được khắc họa như một lát cắt dọc của trái đất thành một cái hồ hình phễu sâu thăm thẳm. Hồ địa ngục này được chia thành nhiều cấp thu hẹp dần, theo mức độ hình phạt tăng dần, mỗi tầng thuộc về một nhóm những kẻ tội đồ bị hành hạ.

Langdon nhận ra cảnh này ngay lập tức.

Kiệt tác trước mặt anh – La Mappa dell'Inferno (Vực Địa ngục) – do Sandro Botticelli, một trong những họa sĩ Ý kiệt xuất thời Phục Hưng, vẽ ra. Là bản sơ đồ chi tiết về địa ngục, 'Vực Địa ngục' là một trong những hình ảnh đáng sợ nhất về cõi chết từng được sáng tạo ra. Tối tăm, u ám, và đáng sợ, ngay cả thời đại bây giờ, bức tranh cũng khiến nhiều người sững sờ bất động. Khác với bức 'Primavera' (Câu chuyện mùa xuân) hay 'Thần Vệ nữ chào đời' đầy sức sống và rực rỡ của mình, Botticelli tạo ra 'Vực Địa ngục' bằng tông màu trầm, gồm đỏ, nâu đỏ và nâu.

Cơn đau đầu dữ dội đột ngột trở lại, và cũng như lần đầu tiên kể từ lúc tỉnh dậy trong bệnh viện xa lạ, Langdon cảm thấy dường như từng mảnh ghép đã tự nhảy vào đúng vị trí của nó. Những ảo giác kinh dị của anh được kích thích do nhìn thấy bức vẽ nổi tiếng này.

Chắc chắn mình đã nghiên cứu bức Vực Địa ngục của Botticelli, anh nghĩ thầm, dù không nhớ được lý do tại sao.

Mặc dù bản thân hình ảnh trước mắt đã rất khó chịu nhưng chính lai lịch của bức vẽ mới là thứ khiến Langdon lúc này càng thêm bồn chồn. Langdon biết rõ rằng ý tưởng ra đời của kiệt tác mang tính tiên tri này không phải khởi nguồn trong tâm trí của Botticelli... mà trong tâm trí của một người sống trước ông ấy hai trăm năm.

Một kiệt tác nghệ thuật từ cảm hứng của người khác.

Trên thực tế, Vực Địa ngục của Botticelli là món quà sành tặng một tác phẩm văn học ở thế kỷ XIV, kiệt tác này đã trở thành một trong những áng văn chương được ca tụng nhiều nhất trong lịch sử... Một bức tranh khủng khiếp về địa ngục còn vang vọng đến tận ngày nay.

Hỏa ngục của Dante.

Bên kia phố, Vayentha lặng lẽ leo lên cầu thang dành riêng cho nhân viên phục vụ, nấp ở thềm tầng áp mái của khách sạn Pensione la Fiorentina vẫn đang im lìm. Langdon đã đưa số phòng không có thật cùng một địa điểm hẹn gặp giả cho nhân viên lãnh sự - một “cuộc gặp trong gương” như cách gọi trong nghề của ả - kỹ năng nghiệp vụ quen thuộc giúp người ta đánh giá tình hình trước khi tiết lộ vị trí thật của mình. Lúc nào cũng vậy, địa điểm giả hoặc “trong gương” được lựa chọn bởi vì nó nằm trong tầm quan sát hoàn hảo từ vị trí thật của chủ thể.

Vayentha tìm một cao điểm kín đáo trên nóc nhà để từ đó ả có thể nhìn bao quát toàn bộ khu vực. ả từ từ đưa mắt nhìn lên tòa nhà chung cư bên kia phố.

Đến lượt ngài đó, thưa ngài Langdon.

Thời điểm đó, trên boong tàu The Mendacium, Thị Trưởng bước ra phần sàn tàu bằng gỗ gụ và hít một hơi thật sâu, thưởng thức không khí mặn mòi của biển Adriatic. Con tàu này là ngôi nhà của ông ta đã nhiều năm, và lúc này đây, một loạt sự kiện đang diễn ra ở Florence đang đe dọa hủy hoại tất cả mọi thứ mà ông ta đã gây dựng.

Đặc vụ ngoại tuyến Vayentha đã để mọi việc lâm vào thế rủi ro, và ả phải đối mặt với một cuộc thẩm vấn sau khi nhiệm vụ này kết thúc, song ngay lúc này, Thị Trưởng cần đến ả.

Tốt nhất là cô ta phải giành lại quyền kiểm soát mớ bòng bong này.

Có tiếng bước chân đang nhanh nhẹn tiến lại gần từ phía sau, Thị Trưởng quay lại và thấy một nữ chuyên gia phân tích đang bước đến.

“Thưa ngài?”, chuyên gia phân tích lên tiếng, gần như ngộp thở. “Chúng ta có tin mới.” Giọng cô ta xuyên qua không khí buổi sáng với sắc thái dữ dội hiếm thấy. “Có vẻ Robert Langdon vừa truy cập vào tài khoản e-mail Harvard của anh ta từ một địa chỉ IP không rõ.” Cô ta dừng lại, mắt nhìn thẳng vào Thị Trưởng. “Giờ có thể lần ra vị trí chính xác của Langdon.”

Thị Trưởng sững sờ vì thấy có người đàn độn đến thế. Mọi việc thay đổi rồi. Ông ta khum tay và dăm dăm nhìn về bờ biển, suy ngẫm cho hết mọi nhẽ. “Cô có biết vị trí của đội SRS không?”

“Vâng, thưa ngài. Cách chỗ của Langdon chưa đầy hai dặm.”

Thị Trưởng chỉ mắt một khắc để đưa ra quyết định.

Chương 15

“Hỏa ngục của Dante”, Sienna thì thào, vẻ mặt hết sức chăm chú khi cô nhích lại gần hình ảnh ảm đạm mô tả địa ngục đang chiếu trên tường bếp nhà mình.

Hình ảnh địa ngục của Dante, Langdon nghĩ thầm, thể hiện bằng màu sắc sống động.

Được ca tụng là một trong những tác phẩm văn học xuất sắc, Hỏa ngục là tập đầu trong ba tập sách thuộc bộ Thần khúc của Dante Alighieri – một trường ca gồm mười bốn nghìn hai trăm ba mươi ba câu thơ mô tả chuyến du hành đầy mạo hiểm của Dante tới địa ngục, vượt qua luyện ngục, và cuối cùng tới thiên đường. Trong ba phần của Thần khúc – Hỏa ngục, Luyện ngục và Thiên đường – cho đến nay Hỏa ngục được đọc và nhớ đến nhiều nhất.

Được Dante Alighieri biên soạn vào đầu những năm 1300, Hỏa ngục thực sự định nghĩa lại những quan niệm thời trung cổ về kiếp đọa đày. Trước đó khái niệm “địa ngục” chưa bao giờ khiến công chúng say mê như vậy. Chỉ qua một đêm, tác phẩm của Dante đã củng cố khái niệm trừu tượng về địa ngục thành một hình ảnh rõ ràng và đáng sợ - rất bản năng, cảm nhận được, và không thể nào quên. Chẳng có gì lạ, sau khi trường ca ra đời, Nhà thờ Công giáo thấy ngay số người nhập giáo là những kẻ phạm tội tăng vọt, vì muốn tránh khỏi kiếp nạn ở địa ngục mà Dante mới vẽ ra.

Còn ở đây, theo mô tả của Botticelli, hình ảnh địa ngục đáng sợ của Dante có

cấu trúc như một cái phễu hành xác dưới lòng đất – một khung cảnh kinh khủng với lửa, lưu huỳnh, công rãnh, quái vật và cả quỷ Satan chờ đợi ở trung tâm. Cái hồ tạo thành chín cấp độ khác nhau, Chín tầng địa ngục, nơi những kẻ tội đồ bị đày xuống tùy theo mức độ tội lỗi của họ. Gần đỉnh, đám dân ô hay “những kẻ gian tà nhục dục” bị cuốn vào cơn bão bất tận, một biểu tượng về sự bất lực của họ trong việc kiểm soát dục vọng. Bên dưới, những kẻ tham ăn bị buộc phải nằm úp mặt vào một cái rãnh tằm lợm, miệng dính đầy những thứ sản phẩm do chính thói ăn uống vô độ của mình thải ra. Sâu hơn, những kẻ dị giáo bị kẹp trong những quan tài đang cháy, bị hành hạ trong ngọn lửa vĩnh cửu. Và cứ như vậy... kẻ mắc tội lỗi càng xấu xa thì càng bị đày xuống sâu hơn.

Trong suốt bảy thế kỷ kể từ khi ra đời, hình ảnh địa ngục đầy ám ảnh của Dante đã truyền cảm hứng cho nhiều phụ bản, cách diễn giải và biến tấu của những bộ óc sáng tạo vĩ đại nhất trong lịch sử. Longfellow, Chaucer, Marx, Milton, Balzac, Borges, và thậm chí một vài Đức Thánh Cha đều đã viết những tác phẩm dựa trên Hỏa ngục của Dante. Monteverdi, Liszt, Wagner, Tchaikovsky, và Puccini đã biên soạn những nhạc phẩm dựa trên tác phẩm của Dante, và một trong những nghệ sĩ thu âm mà Langdon yêu thích – Loreena McKennitt – cũng vậy. Ngay cả thế giới trò chơi điện tử và các ứng dụng trên iPad cũng không thiếu những sản phẩm liên quan đến Dante.

Langdon, vốn rất háo hức chia sẻ với sinh viên về những biểu tượng phong phú trong cách nhìn của Dante, từng nhiều lần dạy hẳn một khóa học về chuỗi hình ảnh thường xuyên được tái hiện tìm thấy cả trong Dante và các tác phẩm mang cảm hứng của ông qua nhiều thế kỷ.

“Robert”, Sienna nói, tiến lại gần hơn hình ảnh trên tường. “Nhìn chỗ này xem!” Cô chỉ vào một khu vực gần đáy của địa ngục hình phễu.

Khu vực cô chỉ vẫn được biết đến như là Malebolge – nghĩa là “rãnh quỷ”. Đó là tầng thứ tám và cũng là tầng áp chót của địa ngục, được chia thành mười rãnh riêng biệt, mỗi rãnh dành cho một tội gian dối cụ thể.

Lúc này Sienna càng phấn khích hơn. “Nhìn xem! Không phải chính anh nói, trong giấc mơ, anh nhìn thấy thứ này sao?”

Langdon nheo mắt nhìn vị trí Sienna chỉ, nhưng anh chẳng thấy gì cả. Cái máy chiếu nhỏ xíu đang cạn năng lượng, và hình ảnh bắt đầu nhòe đi. Anh nhanh nhẹn lắc mạnh tay cho tới khi nó tiếp tục phát sáng. Lúc đó, anh cẩn thận đặt nó lùi xa bức tường hơn, ngay trên mép chiếc bàn bên kia khu bếp

nhỏ, để nó phóng ra hình ảnh lớn hơn nữa. Langdon tiến lại chỗ Sienna, nhích sang bên để nghiên cứu đồ hình.

Sienna lại chỉ xuống tầng địa ngục thứ tám. “Nhìn đây. Không phải chính anh nói ảo giác của anh có một đôi chân thò lên khỏi mặt đất chổng ngược lên trời và có chữ R à?” Cô chạm tay hẫng vào một vị trí xác định trên tường. “Chúng đây thôi!”

Langdon đã xem bức tranh này rất nhiều lần, rãnh thứ mười ở Malebolge lúc nhúc những kẻ tội đồ bị chôn nửa người đầu lộn xuống dưới, chân thò lên khỏi mặt đất. Nhưng rất lạ, trong bản này, một đôi chân lại có chữ R, viết bằng bùn, đúng như Langdon đã nhìn thấy trong ảo giác.

Chúa ơi! Langdon chăm chú nhìn chi tiết nhỏ xíu đó. “Chữ R đó... chắc hẳn nó không có trong bản gốc của Botticelli!”

“Còn một chữ nữa này”, Sienna nói và chỉ tay.

Langdon nhìn theo ngón tay cô tới một rãnh khác trong Malebolge, nơi chữ E viết nguệch ngoạc trên người một nhà tiên tri giả danh bị vặn ngược đầu ra sau.

Quái quỷ gì vậy? Bức vẽ này đã bị chỉnh sửa.

Giờ đây những chữ cái khác hiện ra trước mắt anh, được viết nguệch ngoạc trên những kẻ tội đồ ở khắp mười rãnh Malebolge. Anh nhìn thấy chữ C trên người một kẻ lừa gạt bị quỷ dữ đánh đập... chữ R trên một tên trộm bị đàn rắn cắn xé... chữ A trên người một chính trị gia đồi bại bị chìm trong bể hắc ín sôi sùng sục.

“Những chữ cái này”, Langdon nói đầy chắc chắn, “nhất định không có trong bản gốc của Botticelli. Bức ảnh này đã bị chỉnh sửa bằng kỹ thuật số”.

Anh đưa mắt lên rãnh Malebolge trên cùng và bắt đầu đọc các chữ cái từ trên xuống, lần lượt qua mười rãnh.

C... A... T... R... O... V... A... C... E... R

“Catrovacer?”, Langdon nói. “Đây là tiếng Ý à?”

Sienna lắc đầu. “Cũng không phải tiếng Latin. Tôi không nhận ra.”

“Một... chữ ký chẳng?”

“Catrovacer?” Cô nhìn đầy vẻ nghi ngờ. “Tôi thấy không giống một cái tên cho lắm. Nhưng nhìn chỗ kia xem.” Cô chỉ tay vào một trong rất nhiều nhân vật ở rãnh Malebolge thứ ba.

Khi nhìn thấy nhân vật đó, Langdon lập tức có cảm giác ớn lạnh. Trong vô số những kẻ tội đồ ở rãnh thứ ba có một hình ảnh mang tính biểu tượng từ thời trung cổ - một người mặc áo choàng đeo mặt nạ có mỏ chim và ánh mắt chết chóc.

Mặt nạ dịch hạch.

“Trong bản gốc của Botticelli có bác sĩ dịch hạch không?”, Sienna hỏi.

“Chắc chắn là không. Nhân vật đó mới được thêm vào.”

“Thế Botticelli có ký tên bản gốc của mình không?”

Langdon không thể nhớ nổi, nhưng khi ánh mắt anh nhích xuống góc phải bên dưới nơi thường có chữ ký, anh nhận ra tại sao cô lại hỏi vậy. Không hề có chữ ký, nhưng nhìn thấy rõ dọc phần mép màu nâu sẫm của bức vẽ là một dòng chữ nhỏ xíu viết rời rạc: *la verità è visibile solo attraverso gli occhi della morte*.

Vốn tiếng Ý của Langdon đủ để anh hiểu được ý chính: “Chân lý chỉ có thể được nắm bắt qua cặp mắt chết chóc”.

Sienna gật đầu. “Thật kỳ lạ!”

Hai người đứng lặng trong khi hình ảnh đáng sợ trước mắt từ từ nhòa đi. Hỏa ngục của Dante, Langdon nghĩ thầm. Truyền cảm hứng cho những tác phẩm nghệ thuật mang tính tiên tri kể từ năm 1330.

Khóa học của Langdon về Dante luôn có hẳn một phần về các tác phẩm nghệ thuật trừu tượng lấy cảm hứng từ Hỏa ngục. Ngoài Vực Địa ngục nổi tiếng của Botticelli, còn có chi tiết điêu khắc không nhuộm màu thời gian Ba Vong linh trong bức chạm Công Địa ngục của Rodin [\[10\]](#)... Hình vẽ lão chèo đò Phlegyas [\[11\]](#) của Stradanus đang chèo qua những xác người chìm trên con sông Styx... Những kẻ tội đồ tham lam đang lặn lộn trong cơn bão vĩnh cửu của William Blake... Hình ảnh gợi dục lạ lùng mô tả Dante và Virgil đang nhìn hai người đàn ông khỏa thân đánh nhau của Bouguereau... Những linh

hòn bị hành hạ đang co rúm dưới cơn mưa những hòn lửa bỏng rát của Bayros... Loạt tranh màu nước và khắc gỗ kỳ lạ của Salvador Dalí... và tuyển tập đồ sộ tranh khắc axit đen trắng của Doré mô tả mọi thứ từ lỗi vào Địa ngục... tới nhân vật Satan có cánh.

Giờ đây, dường như phiên bản địa ngục trong trường ca của Dante không chỉ ảnh hưởng đến những nghệ sĩ đáng kính nhất trong suốt chiều dài lịch sử. Rõ ràng, nó còn truyền cảm hứng cho một nhân vật nữa – một sinh linh quái quai đã thay đổi bức vẽ nổi tiếng của Botticelli bằng kỹ thuật số, cho thêm mười chữ cái, một bác sĩ dịch hạch, và ký một dòng chữ đầy đe dọa nói về việc nhìn ra chân lý qua con mắt của tử thần. Nghệ sĩ này còn cất giữ bức vẽ trong một máy chiếu công nghệ cao được giấu trong mẫu xương được chạm trổ kỳ quái.

Langdon không thể nghĩ ra ai đã tạo ra một tác phẩm như vậy, nhưng giờ đây, vấn đề này dường như chỉ là thứ yếu trước một câu hỏi đáng ngại hơn nhiều.

Thế quái nào mình lại mang theo thứ này?

Khi Sienna đứng bên Langdon trong gian bếp và ngẫm nghĩ về hành động tiếp theo của mình, bất ngờ có tiếng động cơ phân khối lớn gầm lên từ đoạn phố phía dưới. Tiếp đến là tiếng rít của lốp xe và tiếng cửa xe hơi đóng mạnh.

Không hiểu chuyện gì, Sienna lao tới bên cửa sổ và nhìn ra ngoài.

Một chiếc xe thùng không biển số màu đen phanh gấp và dừng lại dưới phố. Từ trên xe ủa ra một nhóm người, tất cả đều mặc đồng phục đen với phù hiệu màu xanh lục hình tròn trên vai trái. Họ lăm lăm súng trường tự động và di chuyển đúng dáng dấp của nhà binh. Không chút do dự, bốn người lính lao tới lối vào tòa chung cư.

Sienna cảm thấy máu trong mình đông cứng. “Robert!”, cô hét lên. “Tôi không biết họ là ai, nhưng họ tìm thấy chúng ta rồi!”

Dưới phố, đặc vụ Christoph Brüder hét to ra lệnh cho người mình xông vào tòa nhà. Anh ta là người có vóc dáng vạm vỡ, những năm tháng trong quân

ngũ đã rèn luyện anh ta thành người chỉ biết thực thi nhiệm vụ một cách vô cảm và chấp hành mệnh lệnh chỉ huy. Anh ta biết rõ nhiệm vụ của mình, và biết cả những mối nguy hiểm.

Tổ chức mà anh ta phục vụ bao gồm nhiều đơn vị, nhưng đơn vị của Brüder – Giám sát và Hỗ trợ Phản ứng SRS – chỉ được triệu tập khi có một tình huống lâm vào thế “khủng hoảng”.

Khi người của mình mất hút trong tòa nhà, Brüder đứng canh cửa trước, móc thiết bị liên lạc và liên hệ người cần gặp.

“Brüder đây”, anh ta nói. “Chúng ta đã lần ra Langdon nhờ địa chỉ IP máy tính của anh ta. Nhóm của tôi đang tiến vào. Tôi sẽ thông báo khi chúng tôi bắt được anh ta.”

Phía trên đầu Brüder, nơi thêm tầng mái khách sạn Pensione la Fiorentina, Vayentha kinh hãi trợn mắt nhìn xuống đám đặc vụ đang lao vào tòa nhà chung cư như không tin vào mắt mình.

Bọn họ làm cái quái gì ở đây thế?!

Ả lùa một tay vào mái tóc đỉnh, và chột hiệu những hậu quả kinh khủng từ điệp vụ thất bại của mình đêm qua. Chỉ sơ sễnh một chút, tất cả đã thay đổi vượt khỏi tầm kiểm soát. Chuyện ban đầu tưởng như chỉ là một điệp vụ đơn giản... giờ đã biến thành một cơn ác mộng hiện hữu.

Nếu đội SRS ở đây thì mọi việc với mình chấm hết rồi.

Vayentha cuống quýt vớ lấy thiết bị liên lạc hiệu Sectra Tiger XS và gọi cho Thị Trưởng.

“Thưa ngài”, ả lắp bắp. “Đội SRS ở ngay đây! Người của Brüder đang tràn vào tòa chung cư bên kia phố!”

Ả đợi phản ứng phía bên kia, nhưng chỉ nghe thấy những tiếng lách cách sắc lạnh trên máy, rồi một giọng nói điện tử rất bình thản vang lên, “Giao thức từ chối bắt đầu”.

Vayentha hạ điện thoại và nhìn màn hình, vừa kịp thấy thiết bị liên lạc đã mất.

Mặt cắt không còn giọt máu, Vayentha cố ép mình phải chấp nhận những gì đang diễn ra. Consortium vừa chấm dứt tất cả mọi liên lạc với ả.

Không liên lạc. Không giao thiệp.

Mình đã bị từ chối.

Cảm xúc bàng hoàng chỉ thoáng qua.

Tiếp đến là nỗi sợ hãi.

Chương 16

“Nhanh lên, Robert!”, Sienna giục giã. “Theo tôi!”

Suy nghĩ của Langdon vẫn ngập tràn những hình ảnh ám đạm về địa ngục của Dante trong lúc anh vọt ra khỏi cửa, tới hành lang của tòa chung cư. Cho đến lúc này, Sienna Brooks vẫn kiểm soát được tình hình căng thẳng của buổi sáng nay bằng phong thái hết sức điềm tĩnh, nhưng lúc này, vẻ bình tĩnh của cô càng lúc càng căng lên với một cảm xúc Langdon chưa hề thấy qua ở cô - nỗi sợ hãi thật sự.

Trong hành lang, Sienna chạy trước, vọt nhanh qua chiếc thang máy đã chạy xuống dưới, chắc chắn là do những người đàn ông lúc này đang tiến vào sảnh bấm nút. Cô chạy nhanh về phía cuối hành lang và mất hút vào khu vực cầu thang bộ mà không hề nhìn lại phía sau.

Langdon bám sát cô, cơ thể trượt đi trên đôi giày mềm để trơn đi mượn. Cái máy chiếu bé xíu trong túi áo ngực Brioni nảy lên, đập vào ngực Langdon trong lúc anh chạy. Đầu anh lại lóe lên những chữ cái kỳ lạ điềm xuyết ở tầng thứ tám của địa ngục: CATROVACER. Anh nhớ đến những cái mặt nạ dịch hạch và dòng chữ ký lạ lùng: Chỉ có thể nắm được chân lý qua cặp mắt chết chóc.

Langdon cố liên kết những yêu tố rời rạc này, nhưng lúc này chưa thấy điều gì có ý nghĩa cả. Cuối cùng, khi anh chạy đến một chỗ chiếu nghỉ của cầu thang, Sienna đã ở đó, đang chăm chú lắng nghe. Langdon nghe rõ tiếng bước chân chạy lên cầu thang từ phía dưới.

“Có lối thoát khác không?”, Langdon thì thào.

“Theo tôi”, cô nói nhanh.

Sienna đã giữ được mạng sống của Langdon một lần trong ngày hôm nay, cho nên anh chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài cách phải tin tưởng người phụ nữ này. Langdon hít một hơi thật sâu và nhảy nhanh xuống thang ngay sau cô.

Họ xuống được một tầng, nghe rõ tiếng giày ủng tiếng đến gần hơn, vang vọng phía dưới họ chỉ một hoặc hai tầng.

Tại sao cô ấy lại chạy thẳng về phía họ nhỉ?

Langdon chưa kịp phản đối thì Sienna đã nắm lấy tay anh và kéo tuột anh ra khỏi khu vực thang bộ để chạy vào hành lang vắng tanh của khu nhà - một hành lang dài với những cánh cửa khóa kín.

Làm gì có chỗ nấp!

Sienna gạt một công tắc đèn và vài bóng đèn tắt ngấm, nhưng hành lang lờ mờ vẫn không đủ để che giấu họ. Sienna và Langdon vẫn bị nhìn rõ ở đây. Tiếng bước chân rầm rập gần như đã áp sát họ, và Langdon biết những kẻ tấn công sẽ xuất hiện trên cầu thang bất kỳ lúc nào và có thể nhìn thẳng tới chỗ sảnh này.

“Tôi cần áo khoác của anh”, Sienna thì thào trong lúc kéo tuột áo khoác của Langdon khỏi người anh. Sau đó cô ép Langdon bò rạp sau lưng cô ngay ở một khuôn cửa thụt vào. “Đừng nhúc nhích!”

Cô ta làm gì không biết? Cô ta lộ liễu thế này cơ mà!

Mấy người lính xuất hiện trên cầu thang, lao vội lên trên nhưng hơi dừng lại khi nhìn thấy Sienna trong hành lang tối om.

“Vì Chúa!”, Sienna quát lên với họ, giọng cô rên rỉ. “Có chuyện lộn xộn quái gì vậy?”

Hai người đàn ông nheo mắt, rõ ràng không tin lắm trước những gì họ đang nhìn thấy.

Sienna vẫn quát họ bằng tiếng Ý. “Mới giờ này mà đã ồn ào quá đấy!”

Giờ thì Langdon đã thấy Sienna trùm cái áo khoác đen của anh lên trên đầu

và vai như tấm khăn choàng của một bà già. Cô gập người, cố tạo tư thế che chắn để họ không nhìn thấy Langdon đang nép người trong bóng tối, và lúc này, hoàn toàn bất ngờ, cô cà nhắc tiến một bước về phía họ và rít lên như một bà già ốm yếu.

Một gã lính giơ cánh tay lên, ra hiệu cho cô quay trở lại căn hộ của mình. “Bà già! Quay về phòng đi!”

Sienna tập tễnh tiến thêm một bước, vung vẩy nắm tay đầy giận giữ. “Chúng mày làm chồng tao tỉnh dậy đấy, ông ấy đang ốm!”

Langdon nghe mà đầy hoang mang. Họ làm anh chồng ốm đau của cô tỉnh giấc ư!

Một tên lính khác giơ súng máy lên và nhắm thẳng vào cô. “Đứng lại không ăn đạn đấy!”

Sienna đứng khựng lại, nguyên rủa không thương tiếc trong lúc tập tễnh lùi về phía sau, tránh xa bọn họ.

Đám lính chạy lên, mắt hút trên gác.

Không hẳn là một màn diễn kịch Shakespeare, Langdon nghĩ bụng, nhưng rất ấn tượng. Rõ ràng kinh nghiệm đóng kịch có thể là một vũ khí lợi hại.

Sienna gỡ áo khoác khỏi đầu và ném trả lại cho Langdon. “Được rồi, theo tôi!”

Lần này, Langdon làm theo không chút do dự.

Họ xuống đến chiếu nghỉ phía trên sảnh chính, nơi có hai người lính nữa vào bước vào thang máy để đi lên. Ngoài phố, một gã lính khác đứng quan sát bên cạnh chiếc xe thùng, bộ đồng phục đen của gã ôm chặt lấy thân hình lực lưỡng. Sienna và Langdon im lặng lén nhanh xuống tầng ngầm.

Nhà để xe tầng ngầm tối om và nồng nặc mùi nước tiểu. Sienna chạy tới góc để xe máy. Cô dừng lại trước một chiếc Trike màu bạc - loại xe ba bánh trông chẳng khác gì hậu duệ cục mịch của chiếc Vespa Ý và chiếc xe đạp ba bánh dành cho người lớn. Cô lùa tay bên dưới tấm chắn bùn trước của chiếc Trike và gỡ lấy một hộp nam châm nhỏ. Bên trong là chiếc chìa khóa, cô tra vào ổ và rô máy.

Mấy giây sau, Langdon đã ngồi lên xe phía sau cô. Langdon ngồi chên vênh ở phần ghế nhỏ xíu, mò mẫm hai bên sườn, cố tìm chỗ bám hay cái gì đó để ngồi cho vững.

“Không phải lúc e then đâu”, Sienna nói, tóm lấy hai cánh tay anh và đặt ôm quanh phần eo thon thả của mình. “Anh sẽ cần bám chặt đấy.”

Langdon làm đúng như vậy lúc Sienna cho chiếc Trike lao lên dốc. Chiếc xe khỏe hơn so với anh hình dung, và họ gần như rời hẳn mặt đất khi phóng vọt khỏi nhà để xe, lao vào vùng ánh sáng buổi sớm mai, cách xa lối vào chính đến năm mươi thước. Gã lính vạm vỡ ở phía trước tòa nhà ngay lập tức xoay người và nhìn thấy Langdon cùng Sienna lao vọt đi, chiếc Trike của họ phát ra tiếng nổ chói tai khi Sienna tăng hết ga.

Langdon vắt véo ngồi ở phía sau, ngó qua vai nhìn lại phía gã lính lúc này đã giương vũ khí lên và ngắm bắn rất cẩn thận. Langdon cố gắng hết sức. Một phát đạn vang lên, nảy khỏi chắn bùn sau chiếc Trike, vừa may trượt qua trụ xương sống của Langdon.

Lạy chúa!

Sienna ngoặt gấp sang trái ở giao lộ, và Langdon cảm thấy mình đang trượt đi nên phải cố giữ thăng bằng.

“Nghiêng về phía tôi!”, cô hét lên.

Langdon ngả về phía trước, lấy lại thăng bằng lần nữa trong lúc Sienna cho chiếc Trike lao xuống một đường phố rộng hơn. Sau khi họ chạy hết một khối nhà, Langdon mới bắt đầu dám thở lại.

Đám người đó là lũ nào không biết?

Sienna vẫn tập trung vào đoạn đường phía trước mặt trong lúc phóng nhanh dọc đại lộ, luôn lách giữa dòng giao thông buổi sáng sớm. Vài khách bộ hành tỏ vẻ ngạc nhiên khi họ chạy ngang qua, rõ ràng không hiểu được khi nhìn thấy một người đàn ông hơn một mét tám trong chiếc áo Brioni lại ngồi phía sau một phụ nữ mảnh mai.

Langdon và Sienna chạy qua ba khối nhà và đang tiếng gần đến một giao lộ chính thì có tiếng còi ré lên phía trước. Một xe thùng đen bóng nhoáng rẽ ngoặt ở góc phố, ôm cua vào giao lộ rồi tăng tốc lao thẳng và phía họ. Chiếc xe thùng trông giống hệt xe của đám lính ở tòa chung cư.

Sienna lập tức ngoặt sang phải và đạp phanh gấp. Ngực Langdon áp chặt vào lưng cô khi cô cho xe trượt vào một điếm đỗ khuất khỏi tầm nhìn phía sau một chiếc xe tải chở hàng đã đỗ sẵn. Cô lái chiếc Trike nép sát ba đờ xích sau của xe tải và tắt máy.

Họ có nhìn thấy chúng ta không!?

Cô và Langdon cúi thấp xuống và đợi... nín thở.

Chiếc xe thùng phóng ào qua không chút do dự, rõ ràng là chưa hề nhìn thấy họ. Tuy nhiên, khi chiếc xe lao qua, Langdon thoáng nhìn thấy người bên trong.

Ở ghế sau, một phụ nữ có tuổi quỵên rũ bị hai người lính kèm chặt giống như một kẻ bị bắt. Đôi mắt bà sụp xuống và đầu bà gật gù như thể đang bị hôn mê hoặc có lẽ say thuốc. Bà đeo một cái bùa và có mái tóc dài rũ xuống thành từng lọn.

Trong khoảng khắc, cổ họng Langdon như nghẹn ứ, và anh nghĩ mình vừa nhìn thấy một bóng ma.

Chính là người phụ nữ trong ảo giác của anh.

Chương 17

Thị Trưởng bước nhanh ra khỏi phòng điều khiển, đi dọc theo mạn phải tàu The Mendacium, cố gắng tập trung suy nghĩ. Những gì vừa xảy ra ở chung cư tại Florence thật không thể tưởng tượng nổi.

Ông ta đi vòng quanh con tàu đúng hai vòng rồi bước thẳng về văn phòng của mình và lấy một chai single malt [\[12\]](#) Highland Part năm mươi năm tuổi. Ông ta không rót ra ly mà đặt chai xuống và xoay lưng về phía nó - một cách riêng để nhắc rằng ông ta vẫn đang kiểm soát được mọi việc.

Theo bản năng, cặp mắt ông ta di chuyển tới một tập sách bọc da dày dặn trên giá sách - một món quà của khách hàng... vị khách mà lúc này ông ta biết rõ mình đừng bao giờ nên gặp.

Một năm trước... làm sao ta biết được chứ?

Thông thường, Thị Trưởng không trực tiếp phỏng vấn các khách hàng,

nhưng vị khách này do một nguồn đáng tin cậy giới thiệu nên ông ta đành chấp nhận ngoại lệ.

Hôm đó là một ngày biển hoàn toàn tĩnh lặng. Vị khách lên boong tàu The Mendacium bằng trực thăng riêng. Đó là một nhân vật nổi tiếng trong lĩnh vực của ông ta, khoảng bốn mươi sáu tuổi, râu tóc gọn gàng, và rất cao, với đôi mắt màu lục như nhìn xoáy vào người khác.

“Ngài biết đấy”, người đàn ông lên tiếng, “một người bạn chung của chúng ta giới thiệu với tôi về các dịch vụ của ngài”. Vị khách duỗi cặp chân dài và tỏ ra hết sức tự nhiên trong văn phòng được trang bị sang trọng của Thị Trưởng. “Nên cho phép tôi được nói với ngài những gì tôi cần.”

“Thực tế thì không cần”, Thị Trưởng ngắt lời, để tỏ rõ với người kia rằng ai mới là người chủ động. “Quy tắc của tôi yêu cầu rằng ngài không nói gì với tôi cả. Tôi sẽ giải thích những dịch vụ mà tôi cung cấp, và ngài sẽ quyết định xem ngài quan tâm đến dịch vụ nào, nếu có.”

Vị khách trông có vẻ ngạc nhiên nhưng chấp thuận và chăm chú lắng nghe. Cuối cùng, những gì vị khách cao ngồng muốn hóa ra lại rất bình thường với Consortium - cơ bản chỉ là biến ông ấy thành “vô hình” một thời gian để ông ấy có thể tránh xa những cặp mắt săn tìm trong lúc theo đuổi một công việc.

Đúng là trò trẻ con!

Consortium sẽ hoàn toàn thành công việc này bằng cách cho ông ấy một nhân dạng giả và một địa điểm bảo mật, hoàn toàn không có kết nối gì, nơi ông ấy có thể làm việc trong bí mật tuyệt đối - bất kể công việc gì. Consortium chưa bao giờ thắc mắc xem khách hàng cần đến một dịch vụ vì mục đích gì, mà luôn chọn cách biết càng ít về những người họ làm việc cùng càng tốt.

Suốt một năm trời, với một khoản lợi nhuận đáng kinh ngạc, Thị Trưởng cung cấp chỗ trú ẩn an toàn cho người đàn ông có đôi mắt màu lục, nhân vật hóa ra lại là một khách hàng lý tưởng. Thị Trưởng không liên hệ gì với ông ấy, và tất cả mọi hóa đơn đều được trả đúng thời hạn.

Thế rồi, thứ hai tuần trước, mọi việc thay đổi.

Rất bất ngờ, vị khách hàng liên hệ lại, yêu cầu gặp riêng Thị Trưởng. Nghĩ đến tổng số tiền vị khách đã thanh toán, Thị Trưởng chấp nhận.

Phải khó khăn lắm mới nhận ra người đàn ông râu tóc bù xù xuất hiện trên tàu chính là nhân vật bánh bao, điềm tĩnh Thị Trưởng đã giao kèo làm ăn cách đó một năm. Cặp mắt màu lục sắc lém một thời ánh lên vẻ hoang dại. Trông anh ta chẳng khác gì người... bệnh.

Chuyện gì xảy ra với ông ta vậy? Ông ta đang làm việc gì vậy không biết?

Thị Trưởng dẫn vị khách có vẻ rất bồn chồn vào văn phòng mình.

“Con quỷ tóc bạc”, vị khách lấp bắp. “Càng ngày mục ta càng tiếp cận gần hơn.”

Thị Trưởng liếc mắt xuống tập hồ sơ của vị khách, mắt dừng lại ở bức ảnh một người phụ nữ tóc bạc trông rất quyến rũ. “Vâng”, Thị Trưởng nói, “con quỷ tóc bạc của ngài. Chúng tôi đều biết rõ kẻ thù của ngài. Và dù mục có thể rất mạnh nhưng suốt cả năm, chúng tôi đã bảo vệ ngài trước mục, và chúng tôi sẽ tiếp tục làm như vậy”.

Người đàn ông dùng ngón tay cuộn những lọn tóc nhờn dầu đầy vẻ bồn chồn. “Đừng để vẻ đẹp của mục đánh lừa ông, mục ta là một kẻ thù nguy hiểm.”

Đúng, Thị Trưởng nghĩ, nhưng vẫn cảm thấy không hài lòng vì vị khách của mình lại gây chú ý cho một người có sức ảnh hưởng đến vậy. Người phụ nữ tóc bạc có khả năng tiếp cận và nguồn lực to lớn, do đó bà ta không phải hạng đối thủ mà Thị Trưởng muốn đối đầu.

“Nếu mục hay lũ quỷ của mục tìm ra tôi...”, vị khách bắt đầu nói.

“Họ sẽ không làm được”, Thị Trưởng trấn an. “Không phải chúng tôi đã che giấu ngài và cung cấp mọi thứ ngài yêu cầu ư?”

“Phải”, người đàn ông nói. “Thế nhưng, tôi sẽ ngủ ngon hơn nếu...” Ông ta ngừng lại, cố tĩnh tâm. “Tôi cần biết rằng nếu có chuyện gì xảy ra với tôi, ngài sẽ thực hiện nốt những nguyện vọng cuối cùng của tôi.”

“Nguyện vọng đó là gì?”

Người đàn ông thò tay vào túi và lấy ra một phong bì nhỏ dán kín. “Nội dung bên trong phong bì này là một mã truy cập vào một két an toàn ở Florence. Bên trong két, ngài sẽ thấy một vật nhỏ. Nếu có chuyện gì xảy ra với tôi, tôi cần ngài chuyển vật đó đi. Đó là một món quà.”

“Được rồi!” Thị Trưởng cầm bút để ghi chép lại. “Và tôi sẽ chuyển nó cho ai?”

“Cho con quý tóc bạc.”

Thị Trưởng ngược lên. “Một món quà cho kẻ khiến ngài khổ sở ư?”

“Nhưng là cái gai cho mục.” Mắt ông ta ánh lên vẻ man dại. “Một lưỡi câu nhỏ xíu chế tác rất khéo léo từ xương. Mục ta sẽ phát hiện ra đó là một tấm bản đồ... Virgil của riêng mục... một tùy tùng theo tới trung tâm địa ngục của mục.”

Thị Trưởng sẫm soi vị khách một lúc lâu. “Sẽ đúng như ngài muốn. Coi như mọi việc đã hoàn thành.”

“Vấn đề thời gian sẽ rất quan trọng”, người đàn ông đề nghị. “Món quà không được chuyển đi quá sớm. Ngài phải giữ kín nó cho tới khi...” Ông ta ngừng lại, bỗng nhiên chìm trong suy tưởng.

“Tới khi nào?”, Thị Trưởng nhắc.

Người đàn ông đứng phắt dậy và bước vòng ra phía sau bàn của Thị Trưởng, vô lấy một chiếc bút đánh dấu màu đỏ và khoanh vào một ngày trên cuốn lịch bàn cá nhân của Thị Trưởng một cách điên cuồng. “Cho tới ngày này.”

Thị Trưởng mím môi và thở hắt ra, cố nén sự khó chịu trước thái độ tro trên của vị khách. “Hiểu rồi”, Thị Trưởng nói. “Tôi sẽ không làm gì cho tới ngày được đánh dấu, đến thời điểm đó thì vật ở trong két an toàn, cho dù nó là gì, sẽ được gửi cho người phụ nữ tóc bạc. Tôi hứa với ngài.” Ông ta đếm số ngày trên quyển lịch tới đúng ngày đã được khoanh lại. “Tôi sẽ thực hiện nguyện vọng của ngài đúng mười bốn ngày nữa tính từ lúc này.”

“Và không được sớm hơn dù chỉ một ngày”, vị khách nhắc nhở về bồn chồn.

“Tôi hiểu”, Thị Trưởng quả quyết. “Không sớm hơn một ngày nào.”

Thị Trưởng cầm lấy phong bì, nhét vào tập tài liệu của vị khách, và viết những ghi chú cần thiết để đảm bảo rằng những nguyện vọng của khách hàng được thực hiện chính xác. Vị khách không mô tả rõ đặc điểm chính xác của vật trong két an toàn, và Thị Trưởng cũng muốn mọi việc cứ như thế này. Không để tâm nhiều là một nền tảng trong triết lý của Consortium. Cung cấp dịch vụ, Không đặt câu hỏi. Không phán xét.

Vai vị khách chùng xuống và ông ta thở hắt ra nặng nề. “Cảm ơn ngài.”

“Còn gì nữa không?”, Thị Trưởng hỏi, vẻ rất muốn tránh xa vị khách đã hoàn toàn biến đổi này.

“Còn, vẫn còn.” Ông ta thò tay vào túi và lấy ra một thẻ nhớ màu đỏ thẫm nhỏ nhắn. “Đây là một tệp video.” Ông ta đặt thẻ nhớ trước mặt Thị Trưởng. “Tôi muốn nó được đưa đến cho truyền thông thế giới.”

Thị Trưởng tò mò ngắm vị khách. Consortium thường truyền phát đi rất nhiều thông tin cho khách hàng, nhưng đề nghị của người đàn ông này có gì đó không ổn. “Cũng đúng ngày đó ư?”, Thị Trưởng hỏi, ra hiệu về phía cái vòng tròn nguệch ngoạc trên cuốn lịch của mình.

“Đúng ngày đó”, vị khách trả lời. “Không sớm hơn một khắc.”

“Hiệu!” Thị Trưởng đánh những thông tin phù hợp vào thẻ nhớ màu đỏ. “Vậy là xong phải không?” Ông ta đứng lên, muốn kết thúc cuộc gặp gỡ.

Vị khách vẫn ngồi yên. “Chưa. Còn một điều cuối cùng.”

Thị Trưởng lại ngồi xuống.

Đôi mắt màu lục của vị khách lúc này trông dữ tợn. “Ngay sau khi ngài chuyển video này đi, tôi sẽ trở thành một người rất nổi tiếng.”

Ông đã là một người nổi tiếng rồi đấy thôi, Thị Trưởng nghĩ bụng, và nhớ tới những thành quả ấn tượng của vị khách hàng.

“Và ngài cũng sẽ có công”, người đàn ông nói. “Dịch vụ ngài cung cấp giúp tôi tạo ra kiệt tác... Một tác phẩm nghệ thuật sẽ làm thay đổi thế giới. Ngài nên tự hào với vai trò của mình.”

“Cho dù kiệt tác của ngài là gì?”, Thị Trưởng nói với vẻ nôn nóng càng lúc càng tăng, “tôi cũng rất vui vì ngài đã có được sự riêng tư cần thiết để tạo ra nó”.

“Để tỏ lòng biết ơn, tôi mang tới cho ngài một món quà chia tay.” Người đàn ông nhếch nhác lại thò tay vào túi. “Một cuốn sách.”

Thị Trưởng tự hỏi phải chăng cuốn sách này chính là tác phẩm nghệ thuật bí mật vị khách đã dày công tạo ra suốt thời gian qua. “Ngài đã viết cuốn sách

này ư?”

“Không.” Vị khách đặt một tập sách đồ sộ lên bàn. “Hoàn toàn ngược lại... cuốn sách này được viết ra cho tôi.”

Thị Trưởng nhìn cuốn sách mà vị khách vừa đưa ra bằng vẻ khó hiểu. Ông ta nghĩ thứ này được viết ra cho ông ta ư? Cuốn sách là một tác phẩm văn học kinh điển... được viết vào thế kỷ XIV.

“Hãy đọc nó”, vị khách nài nỉ kèm theo một nụ cười kỳ quái. “Nó sẽ giúp ngài hiểu tất cả những gì tôi đã làm.”

Nói xong, vị khách nhếch nhác đứng lên, chào tạm biệt, và rời đi ngay lập tức. Thị Trưởng nhìn qua cửa sổ văn phòng mình trong khi trục thăng của vị khách rời khỏi sàn tàu và quay trở lại bờ biển nước Ý.

Lúc đó Thị Trưởng mới hướng sự chú ý trở lại cuốn sách lớn trước mặt mình. Những ngón tay đầy do dự của ông ta mở trang bìa da và lật tới phần đầu tiên. Khổ thơ mở đầu của tác phẩm được viết tay rất to đẹp, chiếm trọn toàn bộ trang đầu tiên.

“HÒA NGƯỢC

Giữa chừng trong hành trình cuộc đời chúng ta

Ta thấy mình trong một khu rừng tăm tối,

vì đã mất dấu con đường phía trước.”

Trên trang đối diện, vị khách đã ký vào sách với một lời nhắn viết tay:

“Bạn thân mến của tôi, cảm ơn bạn vì đã giúp tôi tìm ra đường đi. Thế giới cũng cảm ơn bạn!”

Thị Trưởng không hiểu lời nhắn này có nghĩa gì, nhưng ông ta thấy đọc thế là đủ. Ông ta gập sách lại và đặt nó lên giá sách. Thật may, mối quan hệ công việc với nhân vật kỳ lạ này sắp chấm dứt. Thêm mười bốn ngày nữa thôi, Thị Trưởng thăm nghĩ, và hướng ánh mắt về phía cái vòng tròn đỏ rực nguệch ngoạc trên cuốn lịch cá nhân của mình.

Những ngày tiếp theo, Thị Trưởng cảm thấy rất không an tâm, với vị khách. Người đàn ông này dường như đã bị quần trí. Tuy nhiên, bất kể trực giác của

Thị Trưởng thế nào, thời gian vẫn cứ trôi đi mà không xảy ra biến cố gì.

Thế rồi, ngay trước cái ngày được khoanh tròn, một loạt sự việc tai hại xảy ra ở Florence. Thị Trưởng đã cố gắng giải quyết sự cố, nhưng nó nhanh chóng vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Cuộc khủng hoảng lên đến đỉnh điểm bằng sự việc vị khách của ông ta leo lên tháp Badia.

Ông ta nhảy xuống... và chết.

Mặc dù mất đi một khách hàng, nhất là lại theo cách thế này, nhưng Thị Trưởng vẫn giữ đúng lời với vị khách. Ông ta nhanh chóng chuẩn bị thực hiện đúng lời hứa cuối cùng của mình với người đã khuất – chuyển cho người phụ nữ tóc bạc những gì bên trong cái két an toàn ở Florence – và vấn đề thời gian chuyển hàng, như ông ta đã lưu ý, là rất quan trọng.

Không được sớm hơn cái ngày đã khoanh tròn trên lịch của ngài.

Thị Trưởng trao phong bì có chứa mật mã két an toàn cho Vayentha, người được cử đến Florence để lấy thứ bên trong – cái “lưỡi câu nhỏ xíu chế tác rất khéo léo” này. Tuy nhiên, lúc Vayentha gọi lại, tin tức của cô ta vừa gây sốc vừa rất đáng ngại. Những gì bên trong két an toàn đã bị lấy mất, và Vayentha may mắn chạy thoát. Bằng cách nào đó, người phụ nữ tóc bạc biết được tài khoản và đã dùng ảnh hưởng của mình để tiếp cận cái két, đồng thời cũng ra lệnh bắt giữ bất kỳ ai khác xuất hiện để tìm cách mở két.

Việc đó xảy ra ba ngày trước.

Vị khách có ý định rất rõ ràng rằng muốn cái vật đã bị đánh cắp là lời nguyên của ông ta dành cho người phụ nữ tóc bạc – một tiếng nói cay độc từ dưới mồ.

Nhưng nó đã được nói quá sớm...

Từ lúc đó, Consortium bước vào cuộc tranh giành quyết liệt - sử dụng mọi nguồn lực của mình để bảo vệ những nguyện vọng cuối cùng của khách hàng, cũng như bảo vệ chính mình. Trong quá trình ấy, Consortium đã vượt qua rất nhiều ranh giới mà Thị Trưởng biết sẽ rất khó quay trở lại được nữa. Lúc này, trước tất cả những gì đang diễn ra ở Florence, Thị Trưởng dăm dăm nhìn xuống mặt bàn và tự hỏi tương lai sẽ ra sao.

Trên cuốn lịch của ông ta, cái vòng tròn nguệch ngoạc của vị khách trừng trừng nhìn lại - một vòng tròn đỏ thẫm bao quanh một ngày rất đặc biệt.

Ngày mai.

Đây miễn cưỡng, Thị Trưởng nhìn chai Scotch trên bàn trước mặt mình. Thế rồi, lần đầu tiên trong mười bốn năm, ông ta rót ra một ly và uống cạn chỉ với một hớp duy nhất.

Ở sàn tàu phía dưới, điều phối viên Laurence Knowlton rút chiếc thẻ nhớ màu đỏ khỏi máy tính và đặt lên bàn trước mặt mình. Đoạn video là một trong những điều lạ lùng nhất anh ta từng xem.

Và nó dài đúng chín phút... nếu tình theo từng giây.

Cảm thấy sợ hãi một cách khác thường, anh ta đứng lên và sai bước trong căn phòng nhỏ xíu của mình, tự hỏi không biết có nên đưa đoạn video kỳ quái kia cho Thị Trưởng hay không.

Cứ việc thực hiện nhiệm vụ của mày, Knowlton tự nhủ. Không hỏi. Không phán xét.

Cố xua đoạn video ra khỏi đầu, anh ta đánh dấu vào sổ công việc một nhiệm vụ phải làm. Ngày mai, đúng như yêu cầu của vị khách, anh ta sẽ tung tệp video ra cho giới truyền thông.

Chương 18

Viale Niccolò Machiavelli được xem là đại lộ đẹp nhất ở Florence. Với những khúc cong hình chữ S rất rộng uốn lượn qua cảnh quan um tùm cây cối cùng những bờ rào và hàng cây rụng lá theo mùa, con đường này là nơi yêu thích của những người đạp xe và người mê dòng xe Ferrari.

Sienna thành thực điều khiển chiếc Trike băng qua từng khúc quanh khi họ bỏ lại phía sau khu dân cư bản thủ và tiến vào vùng không khí sạch sẽ, phủ kín tuyết của bờ tây thành phố. Họ vừa chạy qua một tháp đồng hồ nhà nguyện đang điếm đúng 8 giờ sáng.

Langdon bám chặt sau xe, tâm trí anh đang xoay vòng vòng với những hình ảnh khó hiểu về hỏa ngục của Dante... và gương mặt bí ẩn của người phụ nữ xinh đẹp tóc bạc mà anh vừa nhìn thấy. Bà ấy bị hai gã lính to lớn kẹp chặt ở

băng ghế sau của xe thùng.

Dù bà ấy là ai, Langdon nghĩ thầm, lúc này bọn họ cũng đã giữ bà ấy.

“Người phụ nữ trên xe”, Sienna nói át tiếng động cơ chiếc Trike. “Anh có chắc đó chính là người phụ nữ trong ảo ảnh của anh không?”

“Chắc chắn.”

“Vậy nhất định anh đã từng gặp bà ấy vào một lúc nào đó trong hai ngày qua. Vấn đề là tại sao anh cứ liên tục nhìn thấy bà ấy... và tại sao bà ấy lại liên tục nhắc anh tìm kiếm và sẽ thấy.”

Langdon đồng ý. “Tôi không biết... tôi không nhớ tí gì về cuộc gặp với bà ấy, nhưng mỗi lần nhìn thấy gương mặt bà, tôi lại có cảm giác mãnh liệt rằng tôi cần giúp bà ấy.”

Rất xin lỗi! Rất xin lỗi!

Langdon bỗng tự hỏi phải chăng lời xin lỗi kỳ lạ của anh chính là dành cho người phụ nữ tóc bạc. Hay mình đã làm hỏng việc của bà ấy? Ý nghĩ đó lại hình thành một nút thắt trong lòng anh.

Langdon có cảm giác như thể kho vũ khí của anh đã bị mất một món quan trọng. Mình không nhớ gì cả. Langdon có khả năng nhớ chính xác mọi hình ảnh từ thời còn niên thiếu, vậy nên trí nhớ là thứ tài sản trí tuệ mà anh phải dựa vào nhiều nhất. Với một con người đã quen với việc nhớ được mọi chi tiết phức tạp của những gì mình nhìn thấy xung quanh, thì bị mất trí nhớ chẳng khác gì cố cho một máy bay hạ cánh trong đêm tối mà không hề có rada.

“Có vẻ như cơ hội duy nhất của anh để tìm ra câu trả lời là giải mã bức Vực Địa ngục”, Sienna nói. “Cho dù nó ẩn chứa bí mật gì... dường như đó cũng chính là lý do anh bị săn đuổi.”

Langdon gật đầu, suy nghĩ về từ *catrovacer* được viết trên nền tranh - nơi có những xác người quần quai trong Hỏa ngục của Dante.

Đột nhiên, một ý nghĩ rất rõ bật ra trong đầu Langdon.

Mình tỉnh dậy tại Florence...

Trên thế giới này, không có thành phố nào có quan hệ gần gũi với Dante hơn Florence. Dante Alighieri sinh ra ở Florence, lớn lên ở Florence. Theo truyền thuyết, ông phải lòng nàng Beatrice ở Florence, và bị đày ải khỏi quê nhà Florence, phải đi lang thang khắp miền quê nước Ý trong nhiều năm, với nỗi nhớ nhà da diết.

Người sẽ rời bỏ mọi thứ người yêu quý nhất, Dante viết về sự đày ải. Đây là chính là mũi tên đầu tiên mà cây cung đày ải bắn đi.

Khi Langdon nhớ ra những lời ấy trong Khổ XVII của Thiên đàng, anh nhìn sang bên phải, có phóng tầm mắt qua sông Arno về phía những ngọn tháp phía xa của thành cổ Florence.

Langdon hình dung ra tổng thể của thành phố xưa - một mê cung toàn du khách, những chỗ đông nghịt, và ngựa xe hôi hám qua những đường phố chật hẹp xung quanh nhà thờ lớn lừng danh, các bảo tàng, nhà nguyện và khu mua sắm của Florence. Anh phỏng đoán rằng nếu anh và Sienna rời khỏi chiếc Trike, hai người có thể mất tăm trong đám đông.

“Chúng ta cần tới thành cổ”, Langdon nói, “Nếu có câu trả lời thì đó chính là nơi có thể tìm ra. Thành cổ Florence là toàn bộ thế giới của Dante.”

Sienna gật đầu đồng ý và nói qua vai, “Chỗ đó cũng an toàn hơn – có nhiều nơi để ẩn nấp. Tôi sẽ đi tới cổng chào Porta Romana, và từ đó chúng ta có thể vượt sông”.

Sông, Langdon nghĩ với một thoáng lo lắng. Hành trình đi xuống địa ngục nổi tiếng của Dante cũng bắt đầu bằng việc vượt qua một con sông.

Sienna tăng ga, và khi cảnh vật vùn vụt trôi về phía sau, trong đầu Langdon điểm lại những hình ảnh của hỏa ngục, những người chết và đang hấp hối, mùi rãnh Malebolge với vị bác sĩ dịch hạch cùng một từ lạ lùng - CATROVACER. Anh suy nghĩ về những từ viết vội góc dưới bức tranh Vực địa ngục - Chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc - và băn khoăn không biết câu nói dữ dội đó có phải trích từ trường ca của Dante không.

Mình không nhận ra nó.

Langdon thuộc lòng tác phẩm của Dante, và khả năng xuất sắc của anh, với tư cách một nhà sử học nghệ thuật chuyên về biểu tượng, khiến nhiều lúc người ta phải mời đến anh giải thích vô số biểu tượng có sẵn trên thế giới

của Dante. Thật trùng hợp, hoặc có lẽ gần như trùng hợp, anh từng có bài giảng về Hỏa ngục của Dante khoảng hai năm trước.

Dante thần thánh: Những biểu tượng của Địa ngục.

Dante Alighieri đã trở thành một trong những biểu tượng sùng bái đích thực của lịch sử, khuấy động việc thành lập các hội Dante trên khắp thế giới. Chi nhánh lâu đời nhất ở Mỹ được Henry Wadsworth Longfellow thành lập năm 1881 tại Cambridge, bang Massachusetts. Nhóm thi sĩ Fireside Poet nổi tiếng ở New England là nhóm đầu tiên ở Mỹ dịch Thần khúc, và bản dịch này vẫn nằm trong số những bản dịch được đánh giá cao và đọc nhiều nhất cho tới nay.

Là một sinh viên nổi tiếng về tác phẩm của Dante, Langdon từng được đề nghị diễn thuyết tại một sự kiện lớn do một trong những hội Dante lâu đời nhất thế giới chủ trì - Società Dante Alighieri Vienna. Sự kiện này được tổ chức tại Viện Hàn lâm Khoa học Vienna. Nhà tài trợ chính của sự kiện - một nhà khoa học giàu có và cũng là thành viên của hội Dante - đã tìm cách mượn hẳn giảng đường với hai nghìn chỗ ngồi của Viện.

Khi Langdon đến sự kiện đó, anh được chủ tọa hội thảo đón và dẫn vào trong. Lúc họ đi qua đại sảnh, Langdon không thể không chú ý đến năm từ được viết bằng kiểu chữ khổng lồ choán hết bức tường phía sau: **NẾU CHÚA SAI THÌ SAO?**

“Là một tác phẩm của Lukas Troberg”, vị chủ tọa nói nhỏ. “Dự án nghệ thuật mới nhất của chúng tôi. Anh nghĩ sao?”

Langdon nhìn dòng chữ đồ sộ, không biết phải phản ứng ra sao. “Ừm... nét bút của ông ấy rất phóng khoáng, nhưng khả năng kiểm soát chủ thể giả định của ông ấy dường như hơi yếu.”

Vị chủ tọa nhìn anh không hiểu. Langdon hy vọng cuộc tiếp xúc của anh với cử tọa sẽ khá hơn.

Cuối cùng, khi bước lên sân khấu, Langdon nhận được một tràng pháo tay nhiệt thành từ đám đông đứng kín trong phòng.

“Thưa quý ông, quý bà!”, Langdon bắt đầu nói, giọng anh vang lên trong loa. “Willkommen, bienvenue, welcome.”

Câu chào nổi tiếng từ Cabaret [\[13\]](#) khiến đám đông cười ồ tán thưởng.

“Tôi vừa được thông báo rằng cử tọa của chúng ta tối nay không chỉ có các hội viên Hội Dante, mà còn có nhiều nhà khoa học và sinh viên dự khán, những người có lẽ cũng đang khám phá Dante lần đầu tiên. Vì vậy, với những cử tọa quá bận học hành nên không đọc được các thiên trường ca Ý thời trung cổ, tôi nghĩ mình nên bắt đầu bằng phần giới thiệu tổng quan về Dante – cuộc đời, tác phẩm, và lý do tại sao ông được coi là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất trong lịch sử.”

Tiếng vỗ tay lại vang lên.

Langdon trình diễn một loạt hình ảnh của Dante bằng một thiết bị điều khiển từ xa nhỏ xíu trong tay, đầu tiên là bức chân dung to bằng người thật của Andrea del Castagno vẽ thi sĩ đứng trong khung cửa, tay cầm một cuốn sách triết học.

“Dante Alighieri”, Langdon bắt đầu trình bày. “Nhà văn kiêm triết gia Florence này sống từ năm 1265 đến 1321. Trong bức chân dung này, giống như trong tất cả các bức vẽ khác, ông đội trên đầu một chiếc cappuccio màu đỏ - loại khăn trùm vừa khít đầu có vạt che tai - cùng áo choàng Lucca màu đỏ thẫm của ông, trở thành hình ảnh Dante được tái tạo nhiều nhất.”

Langdon chuyển tới chân dung Dante của Botticelli lấy từ Phòng trưng bày Uffizi, nhấn mạnh đến những đặc điểm đáng chú ý nhất của Dante là cằm bạnh và mũi khoằm. “Đây, gương mặt độc nhất vô nhị của Dante một lần nữa được khuôn bên trong chiếc cappuccio màu đỏ của ông, nhưng trong ví dụ này, Botticelli đã thêm một vòng nguyệt quế lên khăn của ông như một biểu tượng về năng lực về chuyên môn - trong trường hợp này là nghệ thuật thi ca - một biểu tượng truyền thống vay mượn từ Hy Lạp cổ đại và vẫn được sử dụng ngày nay trong các nghi thức tôn vinh những thi sĩ đoạt giải và cả những người giành giải Nobel.”

Langdon chuyển nhanh qua vài hình ảnh nữa, tất cả đều thể hiện Dante đội mũ trùm đỏ, áo thụng đỏ, đội vòng nguyệt quế, và có cái mũ rất nổi bật. “Và để tổng hợp cái nhìn của quý vị về Dante, thì đây là một bức tượng ở quảng trường Santa Croce... và, dĩ nhiên, cả bức bích họa nổi tiếng của Giotto ở Nhà nguyện Bargello.”

Langdon để nguyên hình ảnh bức bích họa của Giotto trên màn hình và tiến ra giữa sân khấu.

“Như các vị đương nhiên đã biết, Dante nổi tiếng nhất với kiệt tác văn học

Thần khúc - một câu chuyện cực kỳ sinh động về chuyến du hành của tác giả vào địa ngục, vượt qua luyện ngục, và cuối cùng bước lên thiên đường để trò chuyện với Chúa. Theo những chuẩn mực hiện đại, Thần khúc chẳng có gì hài hước cả. Nó được coi là hài kịch vì một lý do hoàn toàn khác. Ở thế kỷ XIV, nền văn học Ý, theo yêu cầu, được chia thành hai loại: Bi kịch, đại diện cho văn học cấp cao, được viết bằng tiếng Ý chính thống, hài kịch, đại diện cho văn học cấp thấp, được viết bằng phương ngữ và dành cho đại chúng.”

Langdon chuyển các cảnh sang bức bích họa của Michelino, minh họa Dante đang đứng bên ngoài tường thành Florence, trên tay cầm một bản Thần khúc. Ở phía sau, ngọn núi bậc thang của luyện ngục vươn cao, vượt lên những cánh cổng địa ngục. Hiện nay bức vẽ được treo tại nhà thờ lớn Santa Maria del Fiore - được biết đến nhiều hơn ở Florence với tên gọi Il Duomo.

“Nhu quý vị có thể đoán ra từ nhan đề”, Langdon tiếp tục. “Thần khúc được viết bằng phương ngữ, thứ ngôn ngữ của giới bình dân. Nó hòa trộn tôn giáo, lịch sử, chính trị, triết học, và cả bình luận xã hội vào một tấm thảm hư cấu mà, dù rất uyên bác, quần chúng nhân dân vẫn dễ dàng lĩnh hội được nó. Tác phẩm trở thành một trụ cột quan trọng của văn hóa Ý đến mức phong cách hành văn của Dante được công nhận như là quy chuẩn cho ngôn ngữ Ý hiện đại.”

Langdon dừng lại một lúc để tạo hiệu ứng rồi nói nhỏ. “Thưa các bạn, không thể nào đánh giá hết được tầm ảnh hưởng từ tác phẩm của Dante Alighieri. Xuyên suốt lịch sử, có lẽ chỉ với ngoại lệ duy nhất là Kinh Thánh, không một tác phẩm văn học, nghệ thuật, âm nhạc hoặc văn học nào truyền cảm hứng cho nhiều tác phẩm ca tụng, mô phỏng, biến thể, và chú giải hơn Thần khúc.”

Sau khi liệt kê một loạt tên tuổi nhà soạn nhạc, họa sĩ và tác giả trứ danh đã sáng tạo những tác phẩm dựa trên thiên trường ca của Dante, Langdon lướt nhìn đám đông. “Xin hãy cho tôi biết, có tác giả nào ở đây tối nay không?”

Gần như một phần ba số cánh tay giơ lên. Langdon nhìn thấy sững sờ. Ôi chao, hoặc đây là nhóm cử tọa tài năng nhất trên trái đất hoặc bài trình bày điện tử hôm nay đã thật sự phát huy tác dụng.

“Chà, như tất cả các quý vị tác giả đã biết, một nhà văn không đánh giá điều gì cao hơn lời khen ngợi sách - những lời bình luận dù chỉ một dòng của một nhân vật có ảnh hưởng cũng giúp người khác muốn mua tác phẩm của quý vị. Và, ở thời trung cổ, cũng đã có những lời khen ngợi sách. Dante đã giành

được không ít lời như vậy.”

Langdon đổi hình ảnh. “Quý vị thấy thế nào nếu có được dòng này trên áo bìa sách của mình?”

“Trên trái đất này chưa từng có nhân vật nào vĩ đại hơn ông ấy.” - Michelangelo.

“Vâng”, Langdon nói, “chính là ngài Michelangelo mà tất cả các vị đều biết qua Nhà nguyện Sistine và bức tượng David. Không chỉ là họa sĩ và nhà điêu khắc bậc thầy, Michelangelo còn là một thi sĩ kiệt xuất, xuất bản gần ba trăm bài thơ, trong đó gồm một bài có nhan đề Dante, dành tặng cho người có cái nhìn khắc nghiệt về địa ngục, nguồn cảm hứng cho tác phẩm Phán quyết cuối cùng của mình. Và nếu quý vị không tin tôi, xin hãy đọc Khổ III trong Hỏa ngục của Dante và sau đó tới thăm Nhà nguyện Sistine, quý vị sẽ thấy hình ảnh rất quen thuộc này ngay phía trên bàn thờ”.

Langdon chuyển tới hình ảnh chi tiết kinh khủng về một con thú vạm vỡ đang vung mái chèo không lồ về phía đám người co rúm lại với nhau. “Đây là gã chèo đò địa ngục của Dante, Charon, đang dùng mái chèo đánh đập những hành khách không theo hàng lối.”

Lúc này Langdon chuyển sang một cảnh mới - chi tiết thứ hai về bức Phán quyết cuối cùng của Michelangelo - một người đang bị đóng đinh lên thánh giá. “Đây là nhân vật Haman Xấu xa [\[14\]](#), người mà theo Kinh Thánh, bị treo cổ tới chết. Tuy nhiên, trong trường ca của Dante, ông ta bị đóng đinh lên thánh giá. Như quý vị có thể thấy ở đây, trong Nhà nguyện Sistine, Michelangelo chọn câu chuyện của Dante thay cho câu chuyện trong Kinh Thánh”, Langdon cười và hạ giọng thì thào. “Xin đừng nói với Đức Thánh Cha!”

Đám đông cười ồ.

“Hỏa ngục của Dante tạo ra một thế giới đau đớn và thống khổ vượt xa mọi tưởng tượng trước đó của con người, và đúng là tác phẩm của ông định nghĩa cho những cái nhìn hiện đại của chúng ta về địa ngục.” Langdon ngừng lại. “Và xin hãy tin tôi, Nhà thờ Công giáo phải cảm ơn Dante rất nhiều vì điều đó. Hỏa ngục của ông hăm dọa những tín đồ sùng đạo suốt nhiều thế kỷ, và rõ ràng làm cho số người sợ hãi chằm đi lễ nhà thờ tăng lên gấp ba.”

Langdon chuyển hình ảnh. “Và điều này dẫn tới lý do tại sao tất cả chúng ta ở đây tới nay.”

Màn hình lúc này hiển thị nhan đề bài giảng của anh: DANTE THẦN THÁNH: NHỮNG BIỂU TƯỢNG CỦA ĐỊA NGỤC.

“Hỏa ngục của Dante là một nơi rất phong phú về biểu tượng và hình tượng, đến mức tôi thường dành cả một khóa học kéo dài hết học kỳ cho đề tài này. Và tối nay, tôi nghĩ không có cách nào để tiết lộ những biểu tượng trong Hỏa ngục của Dante tốt hơn là sánh bước cùng ông ấy... qua những cánh cổng địa ngục.”

Langdon bước tới mép sân khấu và quan sát đám đông. “Bây giờ, nếu chúng ta có kế hoạch làm một cuộc du ngoạn qua địa ngục, tôi đề xuất chúng ta nên sử dụng bản đồ. Và không có tấm bản đồ nào vẽ địa ngục của Dante hoàn chỉnh hơn tấm do Sandro Botticelli vẽ.”

Anh bấm điều khiển, và bức Vực Địa ngục kinh khủng của Botticelli hiện ra trước mắt đám đông. Anh nghe rõ tiếng vài người xuýt xoa khi mọi người nhìn thấy những cảnh hãi hùng đang diễn ra trong cái hang ngầm hình phễu.

“Không như một số họa sĩ, Botticelli cực kỳ trung thành trong cách hiểu văn bản Dante. Thực tế, ông ấy bỏ rất nhiều thời gian đọc Dante, đến mức nhà sử học nghệ thuật vĩ đại Giorgio Vasari đã phải nói rằng sự ám ảnh của Botticelli đối với Dante đã dẫn tới ‘những xáo trộn nghiêm trọng trong đời sống của ông’. Botticelli sáng tạo hơn hai chục tác phẩm nữa liên quan đến Dante, nhưng bản đồ này là tác phẩm nổi tiếng nhất.”

Rồi Langdon xoay người, chỉ vào góc trên bên trái của bức vẽ. “Hành trình của chúng ta sẽ bắt đầu từ chỗ này, bên trên mặt đất, nơi quý vị có thể nhìn thấy Dante trong sắc phục đỏ, cùng với người dẫn đường của mình, Virgil, đứng bên ngoài những cánh cổng địa ngục. Từ đây, chúng ta sẽ đi xuống dưới, qua chín tầng hỏa ngục của Dante, và cuối cùng đối diện với...”

Langdon nhanh chóng chuyển sang cảnh mới - hình phóng to quỷ Satan đứng như mô tả của Botticelli trong bức tranh này - một Quỷ vương ba đầu kinh khủng đang ăn thịt ba người, mỗi miếng một người.

Nghe rõ đám đông ồ lên.

“Chỉ là lướt qua những điểm thú vị sắp tới”, Langdon tuyên bố. “Nhân vật đáng sợ này chính là nơi hành trình tối nay kết thúc. Đây là tầng địa ngục thứ Chín, nơi quỷ Satan cư trú. Tuy nhiên...”, Langdon dừng lại. “Đến được đó cũng khá thú vị, cho nên chúng ta quay trở lại một chút... trở lại những cánh cổng địa ngục, nơi hành trình của chúng ta bắt đầu.”

Langdon chuyển thêm một cảnh nữa - một tờ in thạch bản của Gustave Doré mô tả lối vào dạng hầm tối được khoét trên bề mặt vách đá âm ỉm. Dòng chữ khắc phía trên lối vào đề: VÚT BỎ MỌI HY VỌNG, NHỮNG KẺ BUỘC VÀO ĐÂY.

“Vì vậy...”, Langdon mỉm cười nói. “Chúng ta đi vào chứ?”

Tiếng bánh xe rít lên đầu đó rất to, và cử tọa trước mắt Langdon tan biến. Anh cảm thấy mình chúi về phía trước, và đập mạnh vào lưng Sienna khi chiếc Trike phanh kít lại giữa Đại lộ Viale Machiavelli.

Langdon loạng choạng, đầu vẫn đang nghĩ tới những cánh cổng địa ngục đầy đe dọa trước mắt mình. Khi lấy lại tư thế, anh nhận ra ngay mình đang ở đâu.

“Có chuyện gì vậy?”, anh hỏi.

Sienna chỉ về phía Cổng chào Porta Romana - cánh cổng bằng đá cổ kính được xem như lối vào thành cổ Florence - ở phía trước khoảng ba trăm thước. “Robert, có chuyện rồi!”

Chương 19

Đặc vụ Brüder đứng trong căn hộ tồi tàn và cố gắng hiểu những gì anh ta đang nhìn thấy. Ai lại sống trong chỗ của nợ này chứ? Nơi đây được bài trí sơ sài và xập xệ, giống như một phòng ký túc đại học được đặt vào nhà khoa vậy.

“Đặc vụ Brüder”, một người của anh ta gọi vọng lại từ trong sảnh. “Ngài cần xem thứ này.”

Trong lúc bước tới sảnh, Brüder thắc mắc liệu cảnh sát địa phương đã bắt được Langdon chưa. Brüder muốn giải quyết cuộc khủng hoảng này “tại chỗ”, nhưng việc để Langdon chạy thoát khiến anh ta không còn sự lựa chọn nào ngoài đề nghị cảnh sát địa phương hỗ trợ và đặt trạm kiểm soát trên đường. Một chiếc xe máy nhanh nhẩu trên đường phố của như mê cung của Florence sẽ dễ dàng tránh khỏi đội xe thùng của Brüder, với những ô cửa kính bằng polycarbonate nặng nề và lốp xe đặc chống thủng giúp họ không dễ bị xâm hại nhưng lại di chuyển vô cùng ỉ ạch. Cảnh sát Ý có tiếng là

không chịu hợp tác với người ngoài, nhưng tổ chức của Brüder có ảnh hưởng rất lớn - cảnh sát, các lãnh sự quán, đại sứ quán. Khi bọn ta có yêu cầu, không ai dám thách mắc.

Brüder bước vào phòng làm việc nhỏ nơi người của anh ta đứng trước một máy tính đã mở và gõ lên lớp lót cao su. “Đây chính là máy anh ta đã sử dụng”, người kia nói. “Langdon dùng nó để truy cập vào email của mình và thực hiện một số lệnh tìm kiếm. Các tệp tin vẫn còn lưu dấu vết.”

Brüder tiến lại phía bàn.

“Có vẻ đây không phải là máy tính của Langdon”, kỹ thuật viên nói. “Nó được đăng ký cho ai đó có tên viết tắt là S.C, tôi sẽ có tên đầy đủ ngay thôi.”

Trong lúc Brüder chờ đợi, đôi mắt anh ta bị thu hút vào một tờ báo trên bàn. Anh ta nhấc lên, giở nhanh qua tập báo - một quyển chương trình biểu diễn cũ của Nhà hát London Glode và một loạt bài báo. Brüder càng đọc mắt càng mở to.

Brüder cầm theo tập tài liệu quay trở lại sảnh và yêu cầu gọi cho sếp của mình. “Tôi Brüder đây”, anh ta nói “Tôi nghĩ mình đã có nhận dạng của người đang giúp đỡ Langdon.”

“Là ai?”, giọng sếp hỏi lại.

Brüder từ từ thở hắt ra. “Ngài sẽ không tin nổi đâu!”

Cách đó hai dặm, Vayentha rập người trên chiếc BMW phóng như bay. Những xe cảnh sát phóng ào qua ả theo hướng ngược lại, hú còi inh ỏi.

Ta đã bị từ chối, ả nghĩ thầm.

Bình thường, độ rung nhẹ nhàng từ động cơ bốn thì của chiếc xe phân phối lớn giúp thân kinh ả bình tĩnh lại. Nhưng hôm nay thì không.

Vayentha đã làm việc cho Consortium mười hai năm, leo từ địa vị nhân viên hỗ trợ mặt đất lên điều phối viên chiến lược, rồi lên đến đặc vụ ngoại tuyến cấp cao. Sự nghiệp là tất cả những gì ta có. Các đặc vụ ngoại tuyến phải chấp nhận một cuộc sống bí mật, đi lại nhiều, những nhiệm vụ kéo dài, tất cả đều nhằm tránh bất kỳ mối quan hệ hay cuộc sống bên ngoài nào.

Ta đã nhận nhiệm vụ này suốt một năm, ả nghĩ thâm, vẫn không sao tin được Thị Trưởng lại bấm nút và từ chối ả một cách đột ngột như vậy.

Suốt mười hai tháng, Vayentha giám sát các giao dịch hỗ trợ cho một khách hàng của Consortium - một thiên tài lập dị có đôi mắt màu xanh lục chỉ muốn “biến mất” một thời gian để có thể làm việc mà không bị đối thủ và kẻ thù quấy rầy. Ông ta rất hiếm khi đi lại, và luôn vô hình, nhưng chủ yếu ông ta làm việc. Vayentha không được biết bản chất công việc của người này vì hợp đồng của ả chỉ đơn giản là giữ bí mật cho khách hàng trước những nhân vật thể lực đang cố tìm ra ông ta.

Vayentha đã thực hiện nhiệm vụ với mức độ chuyên nghiệp tuyệt vời, và mọi thứ đều diễn ra hoàn hảo.

Hoàn hảo, tức là... cho đến tối qua.

Trạng thái cảm xúc cùng sự nghiệp của Vayentha lao dốc kể từ lúc đó.

Giờ ta là kẻ ngoài cuộc.

Nguyên tắc từ chối, nếu được vận hành, đòi hỏi đặc vụ ngay lập tức rời bỏ nhiệm vụ hiện tại của mình và rút khỏi “đấu trường” tức thì. Nếu đặc vụ bị bắt, Consortium sẽ từ chối mọi liên can với đặc vụ. Các đặc vụ đều biết rõ là đừng cố ăn may với tổ chức, vì họ đều tận mắt chứng kiến khả năng của tổ chức trong việc thay đổi thực tế thành bất kỳ điều gì phù hợp với nhu cầu của nó.

Vayentha chỉ mới biết có hai đặc vụ bị từ chối. Rất lạ là ả chưa từng thấy họ xuất hiện trở lại nữa. ả luôn cho rằng họ đã bị triệu tập để giải trình chính thức và sa thải, với yêu cầu không bao giờ được liên lạc lại với các nhân viên của Consortium.

Nhưng lúc này Vayentha không chắc như vậy.

Ta đang quan trọng hóa vấn đề thôi, ả cố tự nhủ mình. Cho đến giờ các giải pháp của Consortium đều tao nhã hơn một sát thủ máu lạnh rất nhiều.

Cho dù như vậy, ả vẫn cảm thấy một cơn ớn lạnh chạy khắp cơ thể.

Bản năng thúc giục ả thoát khỏi mái khách sạn mà không để ai phát hiện ngay khi ả nhìn thấy nhóm của Brüder đến, và ả thắc mắc không biết có phải chính bản năng đó đã cứu mạng ả không.

Giờ thì không ai biết ta đang ở đâu.

Lúc Vayentha phóng lên phía bắc trên Đại lộ Viale del Poggio Imperiale, ả nhận ra đâu là sự khác biệt trong vài tiếng đồng hồ qua. Đêm qua, ả lo lắng giữ công việc của mình. Còn bây giờ, ả lo lắng bảo vệ tính mạng.

Chương 20

Florence từng là một thành phố có tường bao, lối vào chính là cổng chào bằng đá Porta Romana, được xây dựng năm 1326. Trong khi hầu hết tường bao của thành phố đã bị hủy nhiều thế kỷ trước, cổng Porta Romana vẫn còn nguyên, và ngày nay, giao thông đi vào thành phố đều thông qua các lối thông hình vòm sâu hoắm xuyên qua phần tường phòng vệ đồ sộ.

Bản thân cổng thành cũng là một rào chắn cao mười lăm mét bằng gạch và đá cổ xưa, với lối đi chính vẫn còn nguyên hai cánh cổng gỗ có đóng đinh đồ sộ luôn mở cho xe cộ đi qua. Sáu trục đường chính hội tụ ở ngay trước những cánh cửa này, nối thành một vòng xuyên với ô cổ trung tâm có đặt bức tượng lớn của nghệ sĩ Pistoletto, mô tả một phụ nữ đang rời khỏi cổng thành, đầu đội một bó cỏ rất lớn.

Mặc dù hiện này, địa điểm này giống như một cơn ác mộng, giao thông ồn ào hơn nhưng tòa cổng thành mộc mạc của Florence lại từng là địa điểm của Fiera dei Contratti - Khu đấu xảo khế ước - nơi những người cha bán con gái mình cho những cuộc hôn nhân theo giao ước, thường là buộc họ nhảy múa gọi dục để giành được những món hồi môn cao hơn.

Sáng nay, còn cách cổng thành vài trăm bước, Sienna bất ngờ phanh lại và hốt hoảng chỉ tay. Langdon ngồi ở ghế sau chiếc Trike nhìn về phía trước và lập tức hiểu ra nỗi lo sợ của cô. Trước mặt họ, một hàng dài xe cộ chạy rà rà rồi dừng lại. Xe cộ ở vòng xuyên bị ách lại vì một rào chắn của cảnh sát và lúc này có thêm vài xe cảnh sát khác chạy tới. Những sĩ quan có vũ trang đi từ xe này tới xe khác, hỏi han.

Không thể là vì chúng ta được, Langdon nghĩ bụng. Không lẽ nào?

Một người đi xe đạp mồ hôi nhễ nhại đạp xe về phía họ, rời xa đám xe cộ, ngược lên phía Đại lộ Viale Machiavelli. Anh ta điều khiển loại xe đạp nằm ngả người, đôi chân trần của anh ta duỗi dài phía trước.

Sienna gọi to về phía anh ta bằng tiếng Ý. “Có chuyện gì thế?”

“Tôi không biết!”, anh ta hét to đáp lại, trông đầy vẻ lo lắng. “Cảnh sát!” Anh ta hồi hả đạp qua, vẻ rất muốn thoát khỏi khu vực này.

Sienna ngoảnh lại phía Langdon, vẻ mặt đang lại. “Chặn đường. Quân cảnh.”

Có tiếng còi rít lên phía sau họ một quãng, Sienna thò ra trên yên xe, dăm dăm nhìn ngược trở lại phía Đại lộ Viale Maachiavelli, cố giấu vẻ sợ hãi.

Chúng ta bị kẹt ở giữa rồi, Langdon thầm nghĩ, phóng mắt nhìn khắp khu vực xem có lối thoát nào không - một giao lộ, công viên, lối chạy xe - nhưng tất cả những gì anh thấy là những tư gia ở mé bên trái và một bức tường đá cao ngất bên phải.

Tiếng còi hú nghe to hơn.

“Lên kia”, Langdon hồi thúc, chỉ tay về phía một công trường xây dựng vắng vẻ cách đó gần ba mươi thước, nơi cái máy trộn bê tông di động ít nhiều cũng có thành một chỗ ẩn náu.

Sienna cho xe lao lên vỉa hè và phóng nhanh về phía công trường. Họ đổ phía sau máy trộn, nhưng nhận ra rằng nó chỉ đủ che kín chiếc Trike mà thôi.

“Theo tôi,” Sienna nói, chạy nhanh về phía một kho nhỏ chứa dụng cụ nép trong bụi cây sát bức tường đá.

Đó đâu phải là kho chứa dụng cụ, Langdon nhận ra ngay, mũi nhăn lại khi họ đến gần hơn. Đó là buồng vệ sinh di động mà.

Khi Langdon và Sienna tới bên ngoài buồng vệ sinh hóa chất của công nhân xây dựng, họ nghe rõ tiếng xe cảnh sát tiến lại gần phía sau. Sienna giật mạnh tay nắm cửa, nhưng nó không nhúc nhích. Một sợi xích nặng trĩch cùng chiếc chìa khóa khóa chặt cánh cửa. Langdon nắm lấy cánh tay Sienna và kéo cô vòng ra phía sau buồng vệ sinh, đẩy cô vào khoảng trống rất hẹp giữa buồng vệ sinh và bức tường đá. Hai người vừa may lọt được vào đó, nhưng không khí thì rất hôi thối và khó chịu.

Langdon len vào ngay sau cô vừa lúc một chiếc Subaru Forester đen sì với dòng chữ CẢNH SÁT lộ lộ bên sườn xuất hiện. Chiếc xe từ từ lăn bánh qua chỗ họ.

Quân cảnh Ý, Langdon nghĩ, lòng đầy hoài nghi. Anh thắc mắc không biết những sĩ quan này có được lệnh nổ súng ngay khi nhìn thấy đối tượng không.

“Ai đó đang ráo riết tìm chúng ta”, Sienna thì thào. “Và bằng cách nào đó họ đã làm được”

“Nhờ GRS chẳng?”, Langdon nói to. “Có lẽ là cái máy chiếu có thiết bị dò tìm bên trong?”

Sienna lắc đầu. “Tin tôi đi, nếu thứ đó có thể lần tìm được thì cảnh sát đã ở ngay trên đầu chúng ta rồi.”

Langdon thay đổi vóc người cao lớn của mình, cố gắng cho thoải mái hơn trong không gian chật hẹp xung quanh. Anh thấy mình mặt đối mặt với một bức graffiti theo phong cách nhả nhận được vẽ vội phía sau buồng vệ sinh.

Cứ để nó cho người Ý.

Hầu hết các buồng vệ sinh di động ở Mỹ kín đặc những hình vẽ nông nhênh, nhang nhác giống những cặp vú hoặc dương vật to tướng. Còn hình graffiti trên buồng vệ sinh này trong giống tập vở nháp của một sinh viên nghệ thuật hơn – một con mắt người, một bàn tay được khắc họa khá rõ nét, một người nhìn nghiêng, và một con rồng rất bay bướm.

“Tình trạng phá hoại tài sản tại Ý không phải ở đâu cũng giống thế này”, Sienna nói, rõ ràng là đã đọc được ý nghĩ của anh. “Viện Nghệ thuật Florence ở ngay phía bên kia bức tường đá này.”

Như để khẳng định cho lời nói của Sienna, một nhóm sinh viên xuất hiện cách đó một quãng, thong thả tiến về phía họ cùng với đồ nghề nghệ thuật trên tay. Họ đang nói chuyện phiếm, châm thuốc hút, và tỏ vẻ ngạc nhiên về thứ đang chặn đường mình tại Porta Romana.

Langdon và Sienna khom xuống thấp hơn để tránh khỏi tầm nhìn của nhóm sinh viên, và trong lúc làm như vậy, bất ngờ một ý nghĩ kỳ lạ nảy ra với Langdon.

Những kẻ tội đồ bị chôn nửa người với đôi chân thò lên không trung.

Có lẽ nó nảy ra từ cái mùi chất thải của con người, hoặc có lẽ từ anh chàng đạp xe với đôi chân trần khua khoảng trước mặt, nhưng cho dù lý do là gì thì

Langdon cũng nhớ đến cái thế giới kinh khủng ở Malebolge và những đôi chân trần chống ngược thò lên khỏi mặt đất.

Anh đột ngột ngoảnh lại người bạn đồng hành. “Sienna, trong bản Vực Địa ngục của chúng ta, những đôi chân chống ngược ở rãnh thứ mười phải không nhỉ? Tầng thấp nhất của Malebolge ấy?”

Sienna nhìn anh ngỡ ngác, như thể thời điểm này không phải lúc. “Đúng, ở dưới cùng.”

Trong chớp mắt, Langdon quay trở lại Vienna lúc đang có bài giảng. Anh đang đứng trên sân khấu, chỉ còn một lúc nữa là đến phần kết thúc, và vừa cho cử tọa xem bức chạm của Doré mô tả Geryon - con quái vật có cánh với cái đuôi chích chất độc ngay phía trên Malebolge.

“Trước khi chúng ta gặp Satan”, Langdon tuyên bố, giọng nói trầm ấm của anh vang rền trên loa, “chúng ta phải đi qua mười rãnh Malebolge, nơi trừng phạt những kẻ gian dối - những kẻ cố ý phạm tội”.

Langdon thay đổi ảnh chiếu để cho cử tọa xem một chi tiết về Malebolge và sau đó lần lượt dẫn dắt họ đi xuống qua từng rãnh. “Từ trên xuống dưới chúng ta có: Những kẻ lừa gạt bị quỷ sứ đánh đập... những kẻ nịnh bợ ngoi ngóp trong phân người... bọn trục lợi trong giới tăng lữ bị chôn ngược nửa người, chân thò lên không... đám phù thủ thủy bị vặn ngược đầu ra sau... các chính trị gia tham nhũng trong bể hắc ín sôi sùng sục... bọn đạo đức giả phải mặc áo choàng bằng chì nặng nề... những tên trộm cắp bị rấn cắn... các vị chương lý dối trá bị lửa thiêu... những kẻ gieo rắc xích mích bị quỷ sứ phanh thây... và cuối cùng là những kẻ dối trá, bị các chứng bệnh ngoài sức tưởng tượng.” Langdon quay lại phía cử tọa. “Chắc hẳn Dante dành rãnh cuối cùng này cho những kẻ dối trá vì đã có rất nhiều điều dối trá được nói ra liên quan đến ông, khiến ông bị trục xuất khỏi quê hương Florence yêu dấu của mình.”

“Anh Robert?”, giọng Sienna vang lên.

Langdon giật mình trở về với hiện tại.

Sienna đang dăm dăm nhìn anh có chút ngạc nhiên. “Chuyện gì thế?”

“Bản Vực Địa ngục của chúng ta”, anh nói đầy phấn khích. “Tác phẩm đã bị thay đổi!” Anh moi máy chiếu từ túi áo khoác và lắc thật mạnh hết mức trong không gian chật hẹp. Viên bi tròn kêu xè xè rất to, nhưng những tiếng

còi hú đã át tất cả. “Người nào tạo ra hình ảnh này đã sắp xếp lại lại trật tự các tầng ở Malebolge!”

Khi máy chiếu bắt đầu sáng lên, Langdon chĩa nói về bề mặt bằng phẳng trước mặt họ. Vực địa ngục xuất hiện, sáng rõ trong quầng sáng mờ mờ.

Botticelli hiện trên một cái buồng vệ sinh hóa chất, Langdon trầm nghĩ, cảm thấy xấu hổ. Đây chắc chắn là nơi kinh tởm nhất mà một tác phẩm của Botticelli từng được trình diễn. Langdon đưa mắt xuống dưới, qua hết mười rãnh và bắt đầu gạt gù đầy phấn khích.

“Đúng rồi!”, anh kêu lên, “Bản này sai! Rãnh cuối cùng ở Malebolge lẽ ra phải toàn những người bệnh tật, chứ không phải những người bị chôn ngược đầu. Tầng thứ mười dành cho những kẻ dôi trá, không phải cho bọn trục lợi trong giới tăng lữ!”

Trông Sienna đầy tò mò. “Nhưng... tại sao ai đó lại thay đổi chi tiết ấy chứ?”

“Catrovacer”, Langdon thì thào, mắt nhìn những chữ cái nhỏ xíu đã được thêm vào mỗi tầng. “Tôi không nghĩ đó là những gì từ này thật sự muốn ám chỉ.”

Bất chấp vết thương đã xóa sạch trí nhớ của Langdon về hai ngày qua, giờ đây anh vẫn cảm thấy đầu óc mình làm việc rất tốt. Anh nhắm mắt lại và hình dung ra cả hai bản Vực Địa ngục trong đầu để phân tích những điểm khác biệt. Các thay đổi ở Malebolge không nhiều như Langdon tưởng... và anh cảm thấy như có một tấm rèm bất ngờ được vén lên.

Đột nhiên, mọi thứ sáng rõ như pha lê.

Hãy tìm kiếm và anh sẽ tìm thấy.

“Thế nào?”, Sienna háo hức.

Miệng Langdon khô khốc. “Tôi biết tại sao mình lại ở Florence rồi.”

“Thật chứ?”

“Phải, và tôi biết lẽ ra tôi phải đến chỗ nào.”

Sienna nắm lấy cánh tay anh. “Chỗ nào?!”

Langdon cảm thấy như thể bàn chân anh vừa chạm xuống một nền đất rắn chắc lần đầu tiên kể từ lúc anh tỉnh lại trong bệnh viện. “Mười chữ cái này”, anh thì thào. “Thực tế chúng chỉ tới một vị trí chính xác trong thành cổ này. Đây là nơi tìm ra câu trả lời.”

“Chỗ nào trong thành cổ?”, Sienna giục. “Anh đã nghĩ ra được gì rồi?”

Có những tiếng cười vang lên từ mé bên kia buồng vệ sinh. Một nhóm sinh viên nghệ thuật nữa đang đi ngang qua, cười đùa và huyền thuyên bằng đủ thứ ngôn ngữ. Langdon thận trọng nhìn qua buồng vệ sinh, dõi theo bước họ đi. Rồi anh quan sát đám cảnh sát. “Chúng ta phải tiếp tục di chuyển. Tôi sẽ giải thích ở trên đường.”

“Trên đường ư?”, Sienna lắc đầu. “Chúng ta sẽ chẳng bao giờ lọt qua được Porta Romana.”

“Cứ ở yên đây trong ba mươi giây”, anh bảo cô, “sau đó theo tôi”.

Nói xong, Langdon lách ra ngoài, bỏ mặc người bạn mới ngỡ ngàng ở lại một mình.

Chương 21

“Xin lỗi!”, Robert Langdon đuổi theo nhóm sinh viên. “Xin thứ lỗi!”

Tất cả bọn họ quay lại và Langdon giả bộ như nhìn xung quan một lượt như một du khách bị lạc đường.

“Học viện Nghệ thuật Quốc gia ở đâu nhỉ?”, Langdon hỏi bằng thứ tiếng Ý nhất gừng.

Một cậu chàng xăm trổ thản nhiên rút một điếu thuốc và đáp lại vẻ không mấy thân thiện, “Chúng tôi không nói tiếng Ý”. Giọng điệu cậu ta mang ngữ điệu Pháp.

Một cô gái trách móc cậu bạn xăm trổ và lịch sự chỉ tay dọc theo bức tường dài về phía Porta Romana. “Quá về phía kia, cứ đi thẳng về phía trước.”

“Cứ đi thẳng về phía trước”, Langdon dịch lại. “Rất cảm ơn!”

Đúng lúc đó, Sienna xuất hiện mà không để ai nhìn thấy từ phía sau buồng

vệ sinh và tiến lại. cô gái ba mươi hai tuổi yêu điệu bước đến gần nhóm sinh viên, Langdon đặt một bàn tay lên vai cô. “Đây là em gái tôi, Sienna. Cô ấy là giáo viên nghệ thuật.”

Cậu trai xăm trở làm bả “T-I-L-F [\[15\]](#)”, và đám bạn trai của cậu ta cười phá lên.

Langdon mặc kệ bọn họ. “Chúng tôi đến Florence để nghiên cứu những địa điểm khả dĩ, chuẩn bị cho một năm giảng dạy ở nước ngoài. Chúng tôi đi cùng các bạn có được không?”

“Được thôi ạ”, cô gái người Ý mỉm cười nói.

Khi cả nhóm tiến về phía cảnh sát ở Porta Romana, Sienna đã say sưa trò chuyện cùng đám sinh viên còn Langdon lẩn vào giữa nhóm, cúi thấp xuống, cố gắng không để lọt vào tầm nhìn.

Hãy tìm kiếm và anh sẽ thấy, Langdon nghĩ thầm, mạch đập của anh rộn lên vì cảm giác phấn khích khi hình dung ra mùi rãnh ở Malebolge.

Catovacer. Mười chữ cái này, Langdon nhận ra, đặt ở lõi một trong những bí mật khó hiểu nhất trong thế giới nghệ thuật, một câu đố trải qua hàng thế kỷ nhưng vẫn chưa có lời giải. Năm 1563, mười chữ cái này được dùng để đánh vắn một thông điệp cao tít trên bức tường bên trong Cung điện Vecchio nổi danh của Florence, được viết cách mặt đất khoảng mười hai mét, khó lòng nhìn thấy được nếu không có ống nhòm. Nó vẫn giấu mình ở đó cho tới những năm 1970, khi một thầy thuốc chẩn bệnh giờ đây đã nổi danh phát hiện ra, và ông đã mất nhiều thập kỷ cố gắng khám phá ý nghĩa của nó. Mặc dù có nhiều giả thuyết khác nhau, nhưng cho tới ngày nay ý nghĩa của thông điệp vẫn là một bí ẩn.

Với Langdon, bức mật mã giống như một sân chơi quen thuộc - một bến cảng an toàn để tránh khỏi vùng biển xa lạ đang nổi sóng này. Rốt cuộc, lịch sử nghệ thuật và những bí ẩn cổ xưa mới là lãnh địa thật sự của Langdon chứ không phải các ống nghiệm chất độc sinh học và súng ống.

Phía trước, lại có thêm xe cảnh sát bắt đầu đổ về Porta Romana.

“Chúa ơi”, cậu trai xăm trở nói. “Người họ đang săn tìm chắc phải làm việc gì đó rất kinh khủng.”

Cả nhóm đi tới cổng chính của Học viện Nghệ thuật bên tay phải, nơi một

đám đông sinh viên đã tụ tập để xem sự việc diễn ra ở Porta Romana. Nhân viên bảo vệ hưởng mức lương tối thiểu của nhà trường liếc nhìn thẻ sinh viên một cách qua loa chiếu lệ lúc đám sinh viên ồ ạt tràn vào trong, nhưng rõ ràng anh ta chú ý đến những gì đang diễn ra cùng với đám cảnh sát hơn.

Có tiếng phanh xe rít lên, vang khắp quảng trường khi một xe thùng màu đen đã quá quen thuộc đỗ xích tại Porta Romana.

Langdon không cần nhìn lần thứ hai.

Không nói một lời, anh và Sienna chớp lấy cơ hội, lên qua cổng cùng với những người bạn mới của họ.

Con đường đi vào Học viện Nghệ thuật Quốc gia đẹp đến ngỡ ngàng, gần như vương giả. Những cây sồi sum suê cành lá, tạo thành một vòm lá khuôn lấy tòa nhà ở phía xa - một cấu trúc đồ sộ sơn vàng đã ngả màu, với một vòm cổng ba lối vào và một bãi cỏ hình bầu dục trải rộng.

Langdon biết rõ tòa nhà này được đặt mua, giống như rất nhiều tòa nhà khác trong thành phố, bởi một triều đại nổi tiếng không kém từng thống trị chính giới Florence trong ban thế kỷ XV, XVI và XVII.

Gia tộc Medici.

Chỉ riêng tên gọi đó đã trở thành một biểu tượng của Florence. Suốt giai đoạn trị vì kéo dài ba thế kỷ, gia tộc Medici đã tích lũy được số tài sản và có tầm ảnh hưởng không sao hình dung nổi, đồng thời sản sinh ra bốn giáo hoàng, hai hoàng hậu của nước Pháp, và cơ sở tài chính lớn nhất châu Âu. Cho tới ngày này, những ngân hàng hiện đại vẫn sử dụng phương pháp kế toán do gia tộc Medici nghĩ ra - hệ thống bút toán kép gồm cả bên có và bên nợ.

Tuy nhiên, di sản vĩ đại nhất của nhà Medici lại không phải về tài chính hay chính trị, mà về nghệ thuật. Có lẽ là những nhà bảo trợ hào phóng nhất mà thế giới nghệ thuật từng biết, gia tộc Medici chi các khoản hào phóng giúp tiếp sức cho trào lưu Phục Hưng. Danh sách các nhân vật được bảo trợ của nhà Medici gồm da Vinci, Galileo và Botticelli - người có bức vẽ nổi tiếng nhất, bức Thân Vệ nữ chào đời, chính là kết quả của một khoản tiền thưởng từ Lorenzo de' Medici. Người này đã yêu cầu một bức vẽ gợi dục để treo phía trên giường ngủ của vợ chồng người em họ như một món quà cưới.

Lorenzo de' Medici - sinh thời được biết đến với biệt danh Lorenzo Cao

thượng bởi tính cách hào phóng - cũng chính là một nghệ sĩ kiêm thi sĩ kỳ tài được mệnh danh có một con mắt siêu việt. Năm 1489, Lorenzo say mê tác phẩm của một nhà điêu khắc Florence trẻ tuổi và đã mời anh ta chuyển tới sống tại lâu đài của gia đình Medici, nơi anh có thể hành nghề trong môi trường mỹ thuật, thi ca và văn hóa đỉnh cao. Dưới sự giám hộ của nhà Medici, chàng thiếu niên trưởng thành và cuối cùng đã tạc lên hai bức điêu khắc lừng danh nhất trong lịch sử - Pietà và David. Ngày nay, chúng ta biết đến người đó với tên gọi Michelangelo - một tài năng sáng tạo, đôi khi được xem như món quà lớn nhất mà gia tộc Medici tặng cho nhân loại.

Nghĩ đến niềm đam mê nghệ thuật của nhà Medici, Langdon tưởng tượng rằng gia tộc này sẽ rất hài lòng khi biết rằng tòa nhà trước mặt anh - ban đầu được xây dựng làm chuồng ngựa chính của gia tộc Medici - đã được cải tạo thành Học viện Nghệ thuật. Địa điểm thanh bình truyền cảm hứng cho các nghệ sĩ trẻ này lại từng được chọn làm chuồng ngựa riêng của nhà Medici chỉ vì nó ở gần một trong những khu vực cưỡi ngựa đẹp nhất Florence. Vườn Boboli.

Langdon liếc nhìn sang trái, nơi có thể nhìn rõ cả rừng toàn những ngọn cây phía bên kia một bức tường cao ngất. Không gian rộng lớn của vườn Boboli giờ đây là một địa điểm du lịch quen thuộc. Langdon tin chắc rằng nếu có thể vào được khu vườn này, anh và Sienna sẽ lẩn qua đó và đi vòng tránh khỏi Porta Romana mà không bị phát giác. Xét cho cùng, khu vườn rất rộng và không thiếu chỗ để ẩn náu - những khu rừng, mê cung, hang động. Quan trọng hơn, băng ngang qua vườn Boboli sẽ dẫn họ tới Cung điện Pitti, tòa thành bằng đá từng là nơi ngự chính của đại công tước nhà Medici, và nơi có một trăm bốn mươi gian phòng này vẫn là một trong những điểm du lịch thường xuyên nhất ở Florence.

Nếu chúng ta có thể tới được Cung điện Pitti, Langdon nghĩ thầm, thì cây cầu dẫn đến thành cổ chỉ cách đó một tầm ném đá.

Langdon hết sức bình thản chỉ về phía bức tường cao bao quanh khu vườn. “Làm thế nào vào được trong vườn?”, anh hỏi. “Tôi rất muốn cho em gái mình thăm vườn trước khi chúng tôi đi dạo quanh học viện.”

Cậu trai xăm trổ lắc đầu. “Anh chị không thể vào được vườn từ đây đâu. Lối vào chỗ Cung Pitti cơ. Anh chị phải lái xe qua Porta Romana và đi vòng.”

“Vớ vẩn”, Sienna buột miệng.

Tất cả mọi người ngoảnh lại và đăm đăm nhìn cô, kể cả Langdon.

“Thôi đi”, cô cười bẽn lễn với đám sinh viên trong lúc vẫn lại túm tóc đuôi ngựa vàng óng của mình. “Có phải các cậu đang bảo tôi rằng các cậu không hề lên vào vườn để hút cần sa và giết thời gian phải không?”

Đám trẻ đưa mắt nhìn nhau rồi phá lên cười.

Anh chàng xăm trổ tỏ ra vô cùng hối lỗi. “Chị ơi, chị nên về đây dạy học thôi.” Cậu ta dẫn Sienna tới bên hông tòa nhà và đi vòng qua góc tới một bãi đỗ xe phía sau. “Chị nhìn thấy nhà xưởng bên trái không? Có một bụi cũ phía sau đó. Cứ trèo lên nóc là chị có thể nhảy xuống bên kia tường.”

Sienna thực hành ngay. Cô liếc lại nhìn Langdon kèm theo một nụ cười kẻ cả. “Đi nào, anh trai Bob. Trừ phi anh già quá nên không trèo rào được nữa”

Chương 22

Người phụ nữ tóc bạc trên xe thùng dựa đầu vào ô cửa sổ chống đạn và nhắm mắt lại. Bà cảm thấy thế giới quay cuồng dưới chân. Những viên thuốc người ta cho bà uống khiến bà cảm thấy mệt rũ.

Mình cần chăm sóc y tế, bà nghĩ.

Mặc dù vậy, gã vệ sĩ có vũ trang bên cạnh bà đã nhận được mệnh lệnh nghiêm ngặt: Không quan tâm đến các nhu cầu của bà cho đến khi nhiệm vụ của họ kết thúc thành công. Căn cứ vào những âm thanh hỗn loạn xung quanh thì rõ ràng sắp đến lúc đó rồi.

Giờ thì cảm giác chóng mặt càng tăng lên, và bà cảm thấy rất khó thở. Trong lúc cố nén một cơn buồn nôn mới đang cùn lên, bà tự hỏi sao cuộc đời lại xô đẩy mình đến giao lộ kỳ quái này. Câu trả lời quá phức tạp nên không thể giải đáp được khi bà đang ở trạng thái mê man như lúc này, nhưng bà biết rõ nó bắt đầu từ đâu.

New York.

Hai năm trước.

Bà bay tới Manhattan từ Geneva, nơi bà giữ cương vị giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới, một vị trí uy tín và được nhiều người thêm khát. Bà đã đảm nhận công việc này suốt gần một thập kỷ. Là một chuyên gia về bệnh lây truyền

và dịch tễ học, bà được mời tới Liên Hiệp Quốc để trình bày về hiểm họa của bệnh dịch tại các nước thuộc thế giới thứ ba. Bà nói chuyện rất lạc quan và khiến người khác vững dạ, phác họa ra một vài hệ thống phát hiện sớm bệnh tật rất mới mẻ cùng các kế hoạch điều trị mà WHO và những tổ chức khác vạch ra. Bà đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ.

Ngay sau bài diễn thuyết, trong khi bà đang trò chuyện cùng một số học giả còn nán lại trong sảnh thì một nhân viên Liên Hiệp Quốc đeo phù hiệu ngoại giao cấp cao sai bước tiến lại, xen vào giữa cuộc trò chuyện.

“Thưa tiến sĩ Sinskey, Hội đồng Quan hệ Đối ngoại vừa liên hệ với chúng tôi. Có người ở đó muốn nói chuyện với bà. Đã có xe đợi sẵn bên ngoài.”

Bối rối và có phần lo lắng, tiến sĩ Elizabeth Sinskey cáo lui và chuẩn bị hành lý đi công tác qua đêm. Khi chiếc limousine lao vào Đại lộ Một, bà bắt đầu có cảm giác lo lắng kỳ lạ.

Hội đồng Quan hệ Đối ngoại ư?

Elizabeth Sinskey, như hầu hết mọi người, đã nghe nhiều lời đồn đại.

Thành lập vào những năm 1920 với tư cách nhóm chuyên gia cố vấn bí mật, trong số thành viên của Hội đồng có mặt gần như tất cả các ngoại trưởng, gần chục vị Tổng thống, đa số các đời giám đốc CIA, các thượng nghị sĩ, thẩm phán cùng những tên tuổi huyền thoại như Morgan, Rothschild, và Rockefeller. Tập hợp trí tuệ, ảnh hưởng chính trị và tài sản ít tai bì kịp của các thành viên giúp cho Hội đồng Quan hệ Đối ngoại nổi tiếng là “Câu lạc bộ bí mật quyền lực nhất trên trái đất.”

Là giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới, Elizabeth không xa lạ gì việc tiếp xúc gần gũi với các nhân vật tai to mặt lớn. Thời gian công tác rất lâu ở WHO, kết hợp với bản tính thẳng thắn, đã giúp bà được một tờ tạp chí tin tức lớn gần đây xếp vào top hai mươi nhân vật có ảnh hưởng nhất thế giới. gương mặt đại diện cho sức khỏe của thế giới, họ đã viết như vậy bên dưới ảnh của bà, chi tiết mà Elizabeth cảm thấy rất hài hước bởi vì bà từng là một đứa trẻ ốm yếu.

Bà mắc bệnh hen suyễn nặng năm lên sáu tuổi và được điều trị bằng một loại tân dược liều cao đầy hứa hẹn - loại glucocorticoid hay steroid hormone đầu tiên trên thế giới - giúp chữa khỏi các triệu chứng suyễn một cách thần kỳ. Nhưng thật không may, tác dụng phụ khôn lường của thuốc không xuất hiện ngay, mà mãi nhiều năm sau này khi Sinskey đến tuổi dậy thì nhưng không

thấy xuất hiện chu kỳ kinh nguyệt. Bà không bao giờ quên được thời khắc đen tối tại phòng mạch của bác sĩ, năm bà mười chín tuổi, khi biết rằng hệ sinh sản của mình đã bị tổn thương vĩnh viễn.

Elizabeth Sinskey sẽ chẳng bao giờ có con.

Thời gian sẽ chữa lành nỗi đau, bác sĩ của bà an ủi, nhưng nỗi buồn và cơn giận dữ vẫn trào dâng trong lòng bà. Thật ác nghiệt, loại thuốc đã cướp đi của bà khả năng thụ thai lại không thể lấy đi của bà những bản năng rất xác thịt muốn được làm việc ấy. Suốt nhiều thập kỷ, bà đã phải vật lộn với khát khao thỏa mãn cái ước vọng không thể thành hiện thực này. Thậm chí cho đến bây giờ, ở tuổi sáu mươi mốt, bà vẫn cảm thấy nhói đau với nỗi trống rỗng mỗi lần nhìn thấy một người mẹ và đứa con thơ.

“Ngay phía trước rồi, tiến sĩ Sinskey”, người lái limousine nói.

Elizabeth nhanh tay vuốt những lọn tóc màu bạc dài và nhìn lại gương mặt mình trong gương. Bà chưa kịp định hình thì xe đã dừng lại, và người lái xe giúp bà bước lên vỉa hè một khu dân cư giàu có của Manhattan.

“Tôi sẽ đợi bà ở đây”, người lái xe nói. “Chúng ta có thể đi luôn ra sân bay khi bà sẵn sàng.”

Tổng hành dinh của Hội đồng Quan hệ Đối ngoại tại New York là một tòa nhà kiểu tân cổ điển không mấy gây chú ý nằm ở góc phố Park và Đại lộ Sáu tám, vốn từng là trụ sở của tập đoàn Standard Oil. Bề ngoài của tòa nhà hòa hợp với cảnh quan trang nhã xung quanh, nên không hề gọi ra dấu hiệu gì về mục đích đặc biệt của nó.

“Tiến sĩ Sinskey”, cô nhân viên lễ tân có vóc người đầy đà chào bà. “Xin đi theo lối này! Ông ấy đang đợi bà.”

Được rồi, nhưng ông ấy là ai nhỉ? Bà theo chân nhân viên lễ tân đi dọc hành lang sang trọng tới một cánh cửa đóng kín. Cô gái gõ nhanh rồi mở cửa và ra hiệu cho Elizabeth bước vào.

Bà đi vào, khép cánh cửa lại phía sau lưng.

Phòng họp nhỏ hẹp và tối chỉ được chiếu sáng nhờ quầng sáng của một màn hình video. Ngay phía trước màn hình, một bóng người mảnh khảnh và cao lêu nghêu đối diện với bà. Mặc dù không sao nhìn rõ gương mặt ấy, nhưng bà cảm nhận được quyền lực ở đây.

“Tiên sĩ Sinskey”, giọng nói sắc lạnh của người đàn ông vang lên. “Cảm ơn bà đã tới gặp tôi.” Chất giọng không lẫn vào đâu được của người đàn ông cho thấy ông ta là người cùng quê hương Thụy Sĩ với Elizabeth, hoặc có lẽ là Đức.

“Mời bà ngồi”, ông ta nói, ra hiệu về phía chiếc ghế đặt gần mé trước căn phòng.

Không giới thiệu gì sao? Elizabeth ngồi xuống. Hình ảnh kỳ quái đang được trình chiếu trên màn hình video làm bà thấy bất an. Có lẽ nào?

“Sáng nay tôi có mặt tại buổi trình bày của bà”, bóng người kia nói. “Tôi đã đi cả quãng đường dài để nghe bà nói chuyện. Một buổi diễn thuyết rất ấn tượng.”

“Cảm ơn ông”, bà đáp.

“Cũng cho phép tôi được nói rằng bà đẹp hơn tôi tưởng tượng rất nhiều... bất kể tuổi tác và quan điểm thiên cận của bà về y tế thế giới.”

Elizabeth sửng sốt. Lời nhận xét hết sức khó chịu. “Sao cơ?”, bà gắng hỏi, mắt nhìn đăm đăm vào khoảng tối. “Ông là ai? Và tại sao lại mời tôi đến đây?”

“Xin thứ lỗi cho câu đùa vô duyên của tôi”, bóng đen cao kều đáp lại. “Hình ảnh trên màn hình sẽ giải thích lý do tại sao bà lại ở đây.”

Sinskey nhìn hình ảnh hải hùng - một bức vẽ mô tả một biển người, những toán người bệnh tật, tất cả giẫm đạp lên nhau trong đồng lúc nhúc các xác người trần truồng.

“Nghệ sĩ vĩ đại Doré”, người đàn ông nói. “Cách diễn đạt đặc biệt dữ dội của ông về hình ảnh địa ngục của Dante Alighieri. Tôi hy vọng bà vẫn thấy nó dễ chịu... bởi vì đó là nơi chúng ta sẽ đến.” Ông ta ngừng lại, từ từ lướt về phía bà. “Và cho phép tôi nói với bà lý do tại sao.”

Ông ta vẫn tiếp tục tiến về phía bà, dường như càng lúc càng cao hơn sau mỗi bước chân. “Nếu tôi cầm mảnh giấy này và xé làm đôi...” Ông ta dừng lại bên bàn, nhặt một tờ giấy lên và xé toạc làm đôi. “Và sau đó nếu tôi đặt hai nửa chồng lên nhau...” Ông ta chồng hai nửa tờ giấy. “Và rồi nếu tôi lặp lại thao tác...” Ông ta lại xé giấy, xếp chồng lên nhau. “Tôi tạo ra một tập giấy lúc này dày gấp bốn lần tờ giấy ban đầu, phải không?” Dường như đôi

mắt ông ta lóe lên vẻ căm hờn trong bóng tối căn phòng.

Elizabeth không sao đánh giá được ông ta qua ngữ điệu hung hăng. Bà không nói gì cả.

“Nói một cách giả thuyết”, ông ta tiếp tục, nhích lại gần hơn, “nếu tờ giấy ban đầu chỉ dày một phần mười milimet và tôi cứ lặp lại thao tác này - giả sử năm mươi lần... liệu bà có biết tập giấy sẽ cao chừng nào không?”

Elizabeth nổi cáu. “Tôi biết”, bà đáp với thái độ hằn học hơn cả dự tính. “Nó sẽ là một phần mười milimet nhân hai lũy thừa năm mươi. Như thế gọi là cấp số nhân. Cho phép tôi hỏi tôi sẽ làm gì ở đây?”

Người đàn ông cười khẩy và gật đầu cảm kích. “Đúng, và bà có đoán được giá trị thực tế sẽ như thế nào không? Một phần mười milimet nhân hai lũy thừa năm mươi chẳng? Bà có biết tập giấy của chúng ta sẽ cao chừng nào không?” Ông ta chỉ dừng lại một lát. “Tập giấy của chúng ta, chỉ sau năm mươi lần nhân đôi, giờ đã gần như đủ kín đường tới... mặt trời.”

Elizabeth không lấy làm ngạc nhiên. Sức mạnh đáng kinh ngạc của tăng trưởng theo cấp số nhân là điều bà liên tục gặp phải trong công việc của mình. Những vòng tuần hoàn của quá trình nhiễm bệnh... quá trình tái tạo của các tế bào nhiễm bệnh... con số ước tính tỉ lệ tử vong. “Tôi xin lỗi nếu tôi có phần ngây ngô”, bà nói, chẳng buồn che giấu thái độ bực dọc của mình. “Nhưng tôi không hiểu ý ông.”

“Ý tôi ư?” Ông ta cười khàn. “Ý tôi là lịch sử tăng trưởng dân số nhân loại của chúng ta thậm chí còn ấn tượng hơn nữa. Dân số trái đất, giống như tập giấy của chúng ta, lúc mới đầu có là bao... nhưng tiềm năng thì ghê gớm.”

Ông ta lại bước tới. “Hãy nghĩ tới chuyện này. Dân số trái đất mất hàng nghìn năm – từ buổi bình minh sơ khai của loài người tới đầu những năm 1800 - để đạt một tỉ người. Thế rồi, thật kinh ngạc, chỉ mất khoảng một trăm năm để dân số tăng gấp đôi lên hai tỉ vào những năm 1920. Sau đó, mới chỉ năm mươi năm, dân số lại tăng gấp đôi thành bốn tỉ vào những năm 1970. Như bà có thể hình dung, chúng ta đang trên đường đạt tới tám tỉ rất nhanh. Ngay hôm nay, loài người đã bổ sung thêm một phần tư triệu người cho hành tinh. Một phần tư triệu. Và điều này diễn ra hằng ngày - dù nắng hay mưa. Hiện tại, mỗi năm, chúng ta bổ sung thêm một con số tương đương toàn bộ nước Đức.”

Người đàn ông cao lêu nghêu dừng phắt lại, bóng ông ta đè lên Elizabeth.

“Bà bao nhiêu tuổi rồi?”

Lại một câu hỏi khiếm nhã nữa, mặc dù là người đứng đầu WHO, bà đã quen gặp phải thái độ đối nghịch với phép ngoại giao. “Sáu mươi một.”

“Bà có biết rằng nếu bà sống thêm mười chín năm, lúc đến tuổi tám mươi, bà sẽ chứng kiến dân số tăng lên gấp ba lần trong đời bà không. Một đời - gấp ba lần. Hãy nghĩ đến mọi hàm ếch. Bà biết đấy, Tổ chức Y tế Thế giới của bà lại nâng mức dự đoán, tiên liệu rằng sẽ có khoảng chín tỉ người trên trái đất trước nửa đầu thế kỷ này. Các loài động vật đang bị tuyệt chủng với tốc độ tăng chóng mặt. Nhu cầu đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng eo hẹp tăng vọt. Nước sạch ngày càng khan hiếm. Theo bất kỳ tiêu chuẩn đánh giá sinh học nào thì các giống loài của chúng ta đều đã vượt quá con số bền vững. Và khi đối mặt thảm họa này, Tổ chức Y tế Thế giới - người gác cổng cho vấn đề sức khỏe của hành tinh - lại đang đầu tư cho những thứ như cứu chữa bệnh tiểu đường, làm đầy các ngân hàng máu, chống lại bệnh ung thư.” Ông ta ngừng lại, nhìn xoáy thẳng vào bà. “Và vì thế mà tôi mời bà tới đây để hỏi thẳng bà tại sao Tổ chức Y tế Thế giới lại không quyết tâm giải quyết vấn đề này trước nhất?”

Giờ thì Elizabeth giận sôi lên. “Cho dù ông là ai thì ông cũng biết rất rõ WHO nhìn nhận tình trạng quá tải dân số rất nghiêm túc. Gần đây, chúng tôi đã chi hàng triệu đô-la để cử các bác sĩ tới châu Phi nhằm phát bao cao su miễn phí và giáo dục người dân về kiểm soát sinh đẻ.”

“Và, đúng!”, người đàn ông lêu nghêu chế giễu. “Và cả một đội quân giáo sĩ Công giáo còn đông hơn nữa đã theo chân bà tiến vào và bảo người dân châu Phi rằng nếu họ sử dụng bao cao su, tất cả bọn họ sẽ xuống địa ngục. Châu Phi hiện có một vấn đề môi trường rất mới - những bãi rác ngập tràn bao cao su chưa sử dụng.”

Elizabeth phải rất cố gắng kiềm chế mới không nói gì. Về điểm này thì ông ta đúng, và các tín đồ Công giáo hiện đại đang đấu tranh lại cách can thiệp của Vatican về vấn đề sinh sản. Đáng chú ý nhất, bản thân Melinda Gates, một tín đồ Công giáo sùng đạo, cũng can đảm đối diện với thái độ giận dữ của nhà thờ khi cam kết dành năm trăm sáu mươi triệu đô la giúp cải thiện quyền tiếp cận phương pháp hạn chế sinh đẻ trên toàn thế giới. Elizabeth Sinskey đã nhiều lần công khai nói rằng Bill và Melinda Gates xứng đáng được phong thánh vì những gì họ đã làm bằng quỹ cá nhân nhằm cải thiện tình hình sức khỏe thế giới. Buồn thay, tổ chức duy nhất có thể phong thánh lại không hề nhận ra bản chất Thiên Chúa giáo trong những nỗ lực của họ.

“Tiến sĩ Sinskey”, bóng người tiếp tục nói. “Tổ chức Y tế Thế giới không nhận ra rằng chỉ có một vấn đề y tế mang tính toàn cầu duy nhất.” Ông ta lại chỉ vào hình ảnh kinh khủng trên màn hình - cái biển người lúc nhúc. “Và nó đây!”, ông ta ngừng lại. “Tôi biết bà là một nhà khoa học, và vì thế có lẽ không phải là một sinh viên nghiên cứu kỹ thuật hay nghệ thuật kinh điển, nên cho phép tôi cung cấp một hình ảnh nữa có thể nói với bà bằng thứ ngôn ngữ bà hiểu rõ hơn.”

Căn phòng sầm tối một lúc, rồi màn hình sáng trở lại.

Hình ảnh nói là hình ảnh Elizabeth đã nhìn thấy nhiều lần... và nó luôn đem lại một cảm giác rất khó tả về sự tất yếu.

Căn phòng chìm trong im ắng nặng nề.

“Phải”, cuối cùng người đàn ông lêu nghêu nói. “Tâm lý sợ hãi ngấm ngấm là phản ứng hoàn toàn thích đáng khi xem biểu đồ này. Nhìn nó có phần giống như trợn trừng mắt nhìn thẳng vào đèn pha một đầu tàu đang lao tới.” Người đàn ông chậm rãi quay lại phía Elizabeth và nở một nụ cười nhún nhường, khó khăn. “Bà có hỏi gì không, tiến sĩ Sinskey?”

“Chỉ có một câu thôi”, bà đáp trả. “Ông đưa tôi tới đây để rao giảng hay sỉ nhục tôi?”

“Không hề!” Giọng ông ta trở nên phỉnh phờ lạ lùng. “Tôi mời bà tới đây để hợp tác. Tôi tin chắc bà hiểu tình trạng quá tải dân số là một vấn đề y tế. Nhưng điều tôi sợ bà không hiểu là nó ảnh hưởng đến linh hồn con người. Dưới sức ép của quá tải dân số, những người chưa từng nghĩ đến việc trộm cắp sẽ trở thành trộm cắp để nuôi sống gia đình mình. Những người chưa từng nghĩ đến việc giết người sẽ giết người để nuôi con cái. Tất cả những tội lỗi đáng chết mà Dante đề cập – tham lam, tham ăn, dối trá, giết người và những tội khác - sẽ bắt đầu lan tràn... trở nên thịnh hành trong xã hội loài người, và càng tăng mạnh do những thứ tiện nghi phù phiếm của chúng ta. Chúng ta đang đối mặt với một trận chiến để bảo vệ linh hồn con người.”

“Tôi là một chuyên gia sinh học. Tôi cứu những mạng sống... không phải linh hồn.”

“Vâng, tôi có thể cam đoan với bà việc cứu những mạng sống sẽ ngày càng khó khăn trong những năm tới. Tình trạng quá tải dân số phát triển nhanh hơn sự bất mãn về tinh thần rất nhiều. Có một thông điệp trong... Machiavelli.”

“Đúng”, bà ngắt lời, nhắc lại nguyên văn câu trích dẫn mà bà nhớ nằm lòng. “‘Khi mọi nơi trên thế giới kín đặc dân cư đến mức họ không thể sống nổi ở quê hương cũng không biết chuyển đi đâu nữa... thế giới sẽ tự thanh lọc’.” Bà đăm đăm nhìn ông ta. “Tất cả chúng tôi ở WHO đều rất quen với câu trích đó.”

“Tốt lắm, vậy chắc bà biết rằng Machiavalli còn nói về các dịch bệnh như là cách tự thanh lọc rất tự nhiên của thế giới?”

“Đúng, và như tôi đã đề cập trong bài thuyết trình của mình, chúng tôi đều nhận thức rất rõ mối quan hệ tương liên trực tiếp giữa mật độ dân số và khả năng xảy ra các đại dịch quy mô lớn, nhưng chúng tôi liên tục nghĩ ra các phương pháp phát hiện và điều trị mới. WHO vẫn tự tin rằng chúng tôi có thể ngăn chặn được các dịch bệnh trong tương lai.”

“Thật đáng tiếc!”

Elizabeth trở mắt nhìn về không tin nổi. “Xin lỗi, tôi không hiểu!”

“Tiến sĩ Sinsky”, người đàn ông nói kèm theo một tiếng cười lạ lùng, “bà nói về việc kiểm soát dịch bệnh cứ như thể đó là một việc hay ho vậy!”

Bà há hốc miệng nhìn người đàn ông, sững sốt không nói lên lời.

“Bà hiểu ra rồi đây!”, người đàn ông lên giọng nói, giọng như một luật sư đang kết luận vụ án của mình. “Tôi đứng đây cùng với giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới - nhân vật cừ nhất mà WHO có. Một suy nghĩ kinh khủng, nếu bà nghĩ kỹ. Tôi cho bà xem hình ảnh về nỗi khốn khổ sắp xảy ra này!”

Ông ta thay đổi màn hình, trở lại hình ảnh những xác người. “Tôi đã nhắc bà nhớ về sức mạnh đáng sợ của tình trạng gia tăng dân số không được kiểm soát.” Ông ta chỉ tập giấy nhỏ của mình. “Tôi đã khai sáng cho bà về thực tế rằng chúng ta đang đứng trên bờ vực của sự suy sụp về mặt tinh thần.” Ông ta ngừng lại và hướng thẳng về phía bà. “Và phản ứng của bà? Bao cao su miễn phí ở châu Phi.”

Người đàn ông nhếch mép cười giễu cợt. “Việc này có khác gì vung vãi ruồi để chặn một tiểu hành tinh đang lao vào. Trái bom hẹn giờ không còn nhích từng giây nữa. Nó đã nổ tung rồi, và nếu không có những giải pháp quyết liệt, con số theo cấp số mũ sẽ thành Chúa trời mới của bà... và ‘Ngài’ sẽ là một vị Chúa báo thù rửa hận. Ngài sẽ mang tới cho bà hình ảnh địa ngục của Dante ngay ngoài kia, trên Đại lộ Park... Những đám người lúc nhúc ngoi

ngóp trong đồng phân của chính mình. Một sự sàng lọc toàn cầu do chính Tự nhiên sắp đặt.”

“VẬY Ừ?”, Elizabeth găt. “VẬY HÃY CHO TÔI BIẾT, TRONG HÌNH ẢNH CỦA ÔNG VỀ MỘT TƯƠNG LAI BỀN VỮNG, THẾ NÀO LÀ DÂN SỐ LÝ TƯỞNG CỦA TRÁI ĐẤT? CON SỐ KỲ DIỆU MÀ NHÂN LOẠI CÓ THỂ HY VỌNG DUY TRÌ CHÌNH MÌNH MỘT CÁCH ỔN ĐỊNH... VÀ TƯƠNG ĐỐI THOẢI MÁI LÀ GÌ?”

Người đàn ông cao ngồng mỉm cười, rõ ràng đánh giá cao câu hỏi. “BẤT KỲ NHÀ SINH HỌC MÔI TRƯỜNG HAY CHUYÊN GIA THỐNG KÊ NÀO CŨNG SẼ CHO BÀ BIẾT RẰNG CƠ HỘI TỐT NHẤT ĐỂ NHÂN LOẠI TỒN TẠI LÂU DÀI ĐỀU ĐI KÈM VỚI MỨC DÂN SỐ TOÀN CẦU KHOẢNG BỐN TỈ.”

“BỐN TỈ Ừ?”, Elizabeth vặc lại. “DÂN SỐ BÂY GIỜ ĐÃ LÀ BẢY TỈ, CHO NÊN MUỘN MẮT RỒI!”

Đôi mắt xanh lục của người đàn ông cao ngồng lóe lên ánh lửa. “VẬY Ừ?”

Chương 23

Robert Langdon đáp huých xuống nền đất xốp cây cối um tùm phía bên trong bức tường bao quanh khu vực phía nam của vườn Boboli. Sienna đáp xuống bên cạnh anh và đứng lên, phủi bụi rồi quan sát xung quanh một lượt.

Họ đang đứng trên một tràng rêu và dương xỉ ở rìa một vạt rừng nhỏ. Từ đây Cung điện Pitti hoàn toàn bị chắn tầm nhìn, và Langdon cảm thấy họ ở xa cung điện cũng ngang với khoảng cách người ta có thể đi vào vườn. Ít nhất, không có nhân viên hay du khách tìm tới chỗ xa xôi này vào thời điểm sáng tinh mơ như bây giờ.

Langdon chăm chú nhìn một lối đi rải sỏi duyên dáng uốn lượn chạy sâu vào rừng trước mắt họ. Ở vị trí con đường khuất hẳn sau những rặng cây là một bức tượng cẩm thạch được đặt ở vị trí đặc địa để thu hút mọi ánh mắt. Langdon không lấy làm ngạc nhiên. Vườn Boboli được ưu ái đón nhận tài năng thiết kế xuất sắc của Niccolò Tribolo, Giorgio Vasari, và Bernardo Buontalenti - một nhóm những nhân tài về thẩm mỹ đã sáng tạo nên một kiệt tác có thể đi bách bộ được trên tấm toan rộng hơn bốn mươi héc ta này.

“Nếu đi về phía đông bắc, chúng ta sẽ đến được cung điện”, Langdon nói, chỉ tay theo lối đi. “Chúng ta có thể lẩn vào du khách ở đó và thoát ra ngoài

mà không bị phát hiện. Tôi đoán nó mở cửa lúc 9 giờ.”

Langdon liếc mắt kiểm tra lại thời gian nhưng chỉ thấy cổ tay mình, nơi vẫn có chiếc đồng hồ Mickey, hoàn toàn trống trơn. Anh thần thờ tự hỏi liệu nó còn nằm ở bệnh viện cùng với số quần áo còn lại của anh và anh có thể lấy lại được nó không.

Sienna bước đi đầy kiên quyết. “Robert, trước khi đi tiếp, tôi muốn biết chúng ta định đi đâu? Lúc này anh đã nghĩ ra điều gì? Rãnh quỹ Malebolge à? Anh nói nó không đúng trật tự?”

Langdon ra hiệu về phía một khu vực có cây cối ngay trước mặt. “Chúng ta hãy tránh khỏi tầm nhìn trước đã.” Anh dẫn cô men theo lối đi lượn vòng vào một hốc kín - một “gian phòng”, theo cách nói của giới kiến trúc cảnh quan - nơi có mấy băng ghế giả gỗ và một đài phun nước nhỏ. Không khí phía dưới những tán cây lạnh hơn hẳn.

Langdon lấy máy chiếu ra khỏi túi và bắt đầu lắc mạnh. “Sienna, người tạo ra hình ảnh số này không chỉ cho thêm các chữ cái vào những kẻ tội đồ ở Malebolge mà còn thay đổi trật tự các dạng tội lỗi.” Anh nhảy lên đứng trên ghế, cao hơn hẳn Sienna, và chĩa máy chiếu xuống chân mình. Bức Vực Địa ngục của Botticelli hiện lên mờ mờ trên mặt ghế bằng phẳng bên cạnh Sienna.

Langdon chỉ vào khu vực phân tầng ở dưới đáy vực hình phễu. “Cô có nhìn thấy những chữ cái ở mười rãnh Malebolge không?”

Sienna tìm mấy chữ đó trên hình chiếu và đọc từ trên xuống dưới, “Catrovacer.”

“Đúng rồi, chẳng có nghĩa gì cả!”

“Nhưng khi đó anh nhận ra mười cái rãnh đã bị xáo trộn phải không?”

“Thực tế còn dễ hơn thế. Nếu những tầng rãnh này là một cỗ mười lá bài thì cỗ bài đó chẳng xáo trộn gì nhiều nếu xén bớt đi một lớp. Sau khi xén đi, các lá bài vẫn giữ nguyên trật tự, nhưng lại bắt đầu bằng một lá bài khác.”

Langdon chỉ tay xuống mười rãnh Malebolge. “Theo văn bản của Dante, tầng trên cùng của chúng ta lẽ ra là những kẻ lừa gạt bị quỷ sứ đánh đập. Thế nhưng, trong bản này, những kẻ lừa gạt xuất hiện... tí dưới rãnh thứ bảy.”

Sienna nhìn kỹ hình ảnh lúc này đang mờ dần bên cạnh mình, và gật đầu.

“Đúng, tôi thấy rồi. Rãnh đầu tiên giờ lại là thứ bảy.”

Langdon bỏ máy chiếu vào túi rồi nhảy xuống đường. Anh nhặt lấy một que nhỏ và vạch các chữ cái ra một khoảng đất ngay bên đường. “Đây là các chữ cái theo thứ tự xuất hiện trong bản địa ngục đã bị chỉnh sửa của chúng ta.”

C

A

T

R

O

V

A

C

E

R

“Catrovacer”, Sienna đọc

“Đúng. Và đây là chỗ ‘cổ bài’ bị xén mất!” Langdon vẽ một vạch bên dưới chữ cái thứ bảy và đợi Sienna nghiên cứu bản vẽ đó

C

S

T

R

O

V

A

–

C

E

R

“À”, cô nói nhanh, “Catrova, Cer.”

“Đúng, và sắp xếp lại các lá bài theo đúng trật tự, đơn giản là chúng ta không xén cổ bài và đặt phần dưới lên trên. Hai nửa hoán đổi vị trí cho nhau.”

Sienna nhìn các chữ cái. “Cer. Catrova.” Cô nhún vai, trông không có biểu cảm gì. “Vẫn chẳng có nghĩa gì...”

“Cer catrova”, Langdon lặp lại. Một lát sau, anh nói lại mấy từ này này lần nữa, đọc liền mạch với nhau. “Cercatrova.” Cuối cùng, anh đọc lên cùng với một quãng ngừng xen vào giữa. “Cerca... Trova.”

Sienna thở rõ mạnh và ngược mắt lên nhìn Langdon.

“Đúng vậy”, Langdon mỉm cười nói. “Cerca trova.”

Hai từ tiếng Ý cerca và trova có nghĩa đen là “tìm kiếm” và “tìm thấy”. Khi kết hợp thành một cụm từ cerca trova, chúng đồng nghĩa với câu cách ngôn trong Kinh Thánh “Hãy tìm và người sẽ thấy”.

“Những ảo giác của anh!”, Sienna thốt lên, gần như không thở nổi. “Người phụ nữ che mạng! bà ấy liên tục bảo anh tìm kiếm và sẽ thấy!” Cô nhảy cẫng lên. “Robert, anh có nhận ra điều này có nghĩa là gì không? Nó có nghĩa là mấy cụm từ cerca trova đã nằm sẵn trong tiềm thức của anh! Anh không thấy vậy ư? Chắc chắn anh đã giải mã cụm từ này từ trước khi anh đến bệnh viện! Có lẽ anh đã nhìn thấy hình ảnh trong máy chiếu này... Nhưng quên rồi!”

Cô ấy nói đúng, anh nhận ra như vậy, bởi vì anh đã quá quen với mật mã này đến mức không nhận ra mình đã từng trải qua toàn bộ việc này rồi.

“Robert, anh từng nói rằng bức Vực Địa ngục chỉ đến một địa điểm cụ thể trong thành cổ. Nhưng tôi vẫn không hiểu đó là nơi nào.”

“Mấy từ *cerca trova* không gọi lên điều gì cho cô sao?”

Cô nhún vai.

Langdon cười thầm. Rốt cuộc cũng có thứ Sienna không biết. “Hóa ra cụm từ này chỉ cụ thể tới một bức tranh tường nổi tiếng tại Cung điện Vecchio - Trận Marciano của Giorgio Vasari trong Sảnh Năm trăm. Gần trên đỉnh bức tranh, rất khó nhìn thấy, Vasari có viết cụm từ *cerca trova* bằng cỡ chữ rất bé. Người ta đưa ra nhiều giả thuyết để lý giải tại sao ông lại làm như vậy, nhưng chưa tìm được bằng chứng kết luận nào.”

Bỗng nhiên có tiếng rít chói tai của một chiếc máy bay nhỏ vang lên phía trên đầu, nó xuất hiện hoàn toàn bất ngờ và lướt qua tán rừng. Âm thanh nghe rất gần, Langdon và Sienna như hóa đá khi nó vụt qua.

Khi chiếc máy bay đi khỏi, Langdon dỗi mắt nhìn theo qua những tán cây. “Một cái trực thăng đồ chơi”, anh nói, thờ phào trong lúc nhìn theo chiếc trực thăng dài hơn một mét, điều khiển bằng song vô tuyến đang chao nghiêng ở phía xa. Tiếng của nó nghe như một co muỗi khổng lồ đang nổi khùng.

Tuy nhiên, Sienna trông vẫn hết sức cảnh giác. “Cúi thấp xuống!”

Chắc chắn như vậy, chiếc trực thăng nhỏ xúu đảo một vòng và lúc này đang quay trở lại chỗ họ, lướt sát những ngọn cây, vọt qua họ lần nữa, nhưng lần này chệch sang trái họ, ở phía trên một trảng rừng khác.

“Nó không phải đồ chơi đâu!”, cô thì thào. “Nó là một máy bay trinh thám không người lái. Có lẽ màng cả máy quay video để gửi hình ảnh trực tiếp về... cho ai đó.”

Quai hàm Langdon cứng đờ khi anh nhìn thấy chiếc trực thăng bay nhanh theo hướng nó xuất hiện lúc nãy - Porta Romana và Học viện Nghệ thuật.

“Tôi không biết anh đã làm gì”, Sienna nói, “nhưng rõ ràng một vài người rất có thể lực đang sốt sắng tìm anh”.

Chiếc trực thăng lại chao nghiêng lần nữa và bắt đầu bay chậm chậm dọc theo bức tường bao mà họ vừa nhảy qua.

“Chắc ai đó ở Học viện Nghệ thuật đã nhìn thấy chúng ta và nói gì đó”, Sienna nói, chân bước theo con đường. “Chúng ta phải ra khỏi đây. Ngay

bây giờ!”

Khi chiếc máy bay không người lái vè vè bay về phía đầu kia của khu vườn, Langdon dùng chân xóa những chữ cái mà anh đã vạch trên lối đi và vội bước theo Sienna. Đầu óc anh quay cuồng với những ý nghĩ về *cerca trova*, bức bích họa của Giorgio Vasari, cũng như phát hiện của Sienna rằng anh đã từng giải mã thông điệp trong máy chiếu. Hãy tìm và sẽ thấy.

Đột nhiên, ngay khi họ bước vào trảng rừng thứ hai, Langdon có một ý nghĩ khá bất ngờ. Anh đã đã đứng sững lại trên lối đi đầy cây cối, vẻ mặt đầy sững sờ.

Sienna cũng dừng lại. “Robert? Có chuyện gì thế?!”

“Tôi vô tội”, anh tuyên bố.

“Anh đang nói chuyện gì thế?”

“Những người đang ăn lòng tôi... Tôi từng nghĩ đó là vì tôi đã làm điều gì đó kinh khủng.”

“Đúng, ở bệnh viện anh cứ nhắc đi nhắc lại ‘rất xin lỗi’.”

“Tôi biết. Nhưng khi ấy tôi nghĩ tôi đã nói tiếng Anh.”

Sienna ngạc nhiên nhìn anh. “Anh đã nói tiếng Anh!”

Lúc này cặp mắt xanh biếc của Langdon đầy phấn khích. “Sienna, lúc tôi cứ nhắc đi nhắc lại ‘rất xin lỗi’ không phải là tôi xin lỗi đâu. Là tôi đang lầm lẫn về thông điệp bí mật trong bức bích họa ở Cung điện Vecchio!” Anh vẫn như nghe rõ giọng nói mê sảng của chính mình. Rá... xin lỗi! Rá... xin lỗi!

Sienna như mê đi.

“Cô không hiểu sao?”, Langdon cười toe toét. “Tôi không hề nói ‘rất xin lỗi, rất xin lỗi’!. Tôi đang đọc tên của họa sĩ - Va... sari, Vasari!” [\[16\]](#)

Chương 24

Vayentha đập mạnh phanh.

Đuôi chiếc xe phân khối lớn của ả lão đảo, rít to và để lại một vệt dài trên Đại lộ Viale del Poggio Imperiale, sau đó đột ngột dừng phía sau cả dòng xe cộ. Viale del Poggio đang trong giờ tắc nghẽn.

Ta không có thời gian cho việc này.

Vayentha ngهن cổ nhìn qua những chiếc xe hơi, cố gắng xem chuyện gì gây ra tình trạng tắc nghẽn này. ả đã buộc phải phóng xe theo một vòng tròn rất rộng để tránh đội SRS và toàn bộ tình trạng hỗn độn ở tòa chung cư, và lúc này ả cần lọt vào thành cổ để dọn ra khỏi phòng khách sạn nơi ả đã trú ngụ mấy ngày qua vì nhiệm vụ này.

Ta đã bị từ chối – ta cần biến ngay khỏi thành phố!

Thế nhưng, chuỗi đen đui của ả dường như vẫn tiếp tục. Tuyến đường ả chọn để vào thành cổ có vẻ như đã bị chặn. Không lòng dạ nào chờ đợi, Vayentha lách xe sang một bên và chạy dọc theo làn hẹp dành riêng cho xe gặp sự cố cho tới khi nhìn thấy một giao lộ xe cộ ùn lại. Phía trước là một vòng xuyên tắc nghẽn, nơi có sáu trục đường lớn gặp nhau. Đây chính là Porta Romana - một trong những giao lộ đông đúc nhất của Florence - cánh cổng đi vào thành cổ.

Có chuyện quái gì ở đây không biết?!

Giờ thì Vayentha nhìn thấy toàn bộ khu vực này dày đặc cảnh sát - chặn đường hay đặt chốt kiểm tra gì đó. Một lát sau, ả nhận ra một thứ ở trung tâm hiện trường, thứ khiến cho ả chịu thất bại - chiếc xe thùng màu đen quen thuộc với vài đặc vụ mặc đồ đen đang lớn tiếng ra lệnh cho nhân viên công lực địa phương.

Trừ phi...

Rõ ràng, những người này là thành viên nhóm SRS, nhưng Vayentha không đoán nổi họ đang làm gì ở đây.

Vayentha nuốt khan, không dám hình dung ra tình huống đó. Langdon đã thoát khỏi Brüder chẳng? Điều đó thật khó tưởng tượng khi mọi cơ hội trốn thoát gần như bằng không. Lại nữa, Langdon không hành động một mình, và Vayentha đã tận mắt chứng kiến tài nghệ xoay sở của người phụ nữ tóc vàng đi cùng anh.

Gần đó, một sĩ quan cảnh sát xuất hiện, đang đi từ xe này sang xe khác, chia

ra tấm hình chụp một người đàn ông điển trai với mái tóc nâu dày dặn. Vayentha ngay lập tức nhận ra ảnh chụp trên báo của Robert Langdon. Tim ả như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Brüder cũng để anh ta thoát...

Langdon vẫn đang trong cuộc chơi!

Là một chiến lược gia lão luyện, Vayentha lập tức bắt tay vào việc đánh giá xem thực tế này có thể làm thay đổi tình thế của ả như thế nào.

Lựa chọn một – rút lui như yêu cầu.

Vayentha đã khiến Thị Trưởng rơi vào một tình thế rất tồi tệ và vì việc này mà ả bị từ chối. Nếu may mắn, ả sẽ phải đối mặt với một buổi thẩm vấn chính thức và có lẽ chấm dứt sự nghiệp. Tuy nhiên, nếu ả không may đánh giá nhầm mức độ nghiêm trọng của tình thế đó thì có lẽ cả quãng đời còn lại, ả sẽ luôn phải đề phòng và tự hỏi không biết Consortium đang lẩn mặt ở đâu.

Còn một lựa chọn thứ hai.

Hoàn thành nhiệm vụ của mày.

Tiếp tục nhiệm vụ là chuyện hoàn toàn đối nghịch với quy trình từ chối vừa áp dụng với ả, nhưng vì Langdon vẫn đang lẩn trốn, nên lúc này Vayentha lại có cơ hội tiếp tục thực hiện chỉ thị ban đầu của mình.

Nếu như Brüder không tóm được Langdon, ả nghĩ bụng, mạch đập rộn lên. Và nếu ta thành công...

Vayentha biết đây là chuyện một mất một còn, nhưng nếu Langdon tìm cách thoát khỏi vòng vây của Brüder, còn Vayentha vẫn có thể nhập cuộc và kết thúc công việc thì ả sẽ đơn thương độc mã cứu vãn tình hình cho Consortium, khi đó Thị Trưởng sẽ không còn lựa chọn nào ngoài việc tha bổng cho ả.

Ta sẽ tiếp tục công việc của mình, ả nghĩ. Có khi còn được thăng tiến.

Trong nháy mắt, Vayentha nhận ra giờ đây toàn bộ tương lai của ả đều phụ thuộc vào công việc then chốt duy nhất. Ta phải tìm ra Langdon... trước Brüder.

Việc đó thật không dễ. Brüder có trong tay nhân lực hùng hậu tùy ý sử dụng cũng như vô số công nghệ giám sát tiên tiến. Còn Vayentha chỉ làm việc một mình. Tuy nhiên, ả đã nắm được một thông tin mà Brüder, Thị Trưởng và cảnh sát đều không có.

Ta đã nghĩ ra Langdon sẽ mò tới chỗ nào.

Ả rồ ga chiếc BMW, xoay một trăm tám mươi độ và quay ngược lại lối vừa này. Ponte alle Grazie, ả nghĩ, trong đầu hình dung ra cây cầu dẫn lên phía bắc. Đâu phải chỉ có một lối đi vào thành cổ.

Chương 25

Không phải là lời xin lỗi, Langdon trầm ngâm. Tên của một họa sĩ.

“Vasari”, Sienna lắp bắp, mọi suy nghĩ như lùi lại hẳn một bước dài. “Họa sĩ đã giấu cùm từ *cerca trova* trong bức bích họa của mình.”

Langdon chỉ biết mỉm cười. Vasari. Vasari. Không chỉ thắp lên một tia sáng trong tình thế khó khăn kỳ lạ mà phát hiện này cũng giúp Langdon phải băn khoăn xem mình đã làm việc gì kinh khủng khiến anh cứ luôn miệng nói xin lỗi.

“Robert, rõ ràng anh đã nhìn thấy bức Botticelli này trên máy chiếu trước khi bị thương, và biết nó chứa đựng một mật mã chỉ dẫn tới bức họa của Vasari. Đó là lý do vì sao anh tỉnh lại và cứ liên tục gọi tên Vasari!”

Langdon cố suy đoán xem tất cả việc này có ý nghĩa gì. Giorgio Vasari - một họa sĩ, kiến trúc sư kiêm nhà văn thế kỷ XVI - là người Langdon thường nhắc đến như “sử gia nghệ thuật đầu tiên của thế giới.” Mặc dù Vasari đã sáng tạo hàng trăm bức vẽ, và thiết kế hàng chục công trình, nhưng di sản lâu dài nhất của ông chính là cuốn sách có ảnh hưởng mạnh mẽ, Cuộc đời của các họa sĩ, điêu khắc gia và kiến trúc sư xuất sắc nhất, một tập hợp tiêu sử của các nghệ sĩ Ý, đến giờ vẫn là tài liệu bắt buộc cho những sinh viên học lịch sử nghệ thuật.

Cụm từ *cerca trova* đưa Vasari trở lại mối quan tâm chính thống khoảng ba mươi năm trước, khi “thông điệp bí mật” của ông được phát hiện trên bức bích họa đồ sộ tại Sảnh Năm trăm trong Cung điện Vecchio. Những con chữ bé xíu xuất hiện trên lá cờ trận màu xanh lục, gần như không thể nhìn thấy

trong cảnh chiến tranh hỗn loạn. Mặc dù vẫn chưa có sự thống nhất về lý do tại sao Vasari lại cho thêm thông điệp kỳ lạ này vào bức bích họa của mình, nhưng giả thuyết hàng đầu cho rằng đó là manh mối cho thế hệ tương lai biết tới sự tồn tại của một bức bích họa đã thất lạc của Leonardo da Vinci, được giấu trong khoảng trống ba phân phía sau bức tường đó.

Sienna lo lắng ngược nhìn qua các tán cây. “Vẫn có một điều tôi không hiểu. Nếu anh không nói ‘rất xin lỗi, rất xin lỗi’... thì tại sao người ta lại tìm cách giết anh?”

Langdon cũng đang thắc mắc điều này.

Tiếng động cơ xa xa của chiếc máy bay trinh sát không người lái to dần, và Langdon biết đến lúc phải quyết định. Dù không hiểu được bức Trận Marciano của Vasari có liên hệ như thế nào tới Hỏa Ngục của Dante, hoặc nguyên nhân của vết thương do đạn bắn vào đêm trước, nhưng cuối cùng anh đã nhìn thấy một con đường hữu hình trước mắt.

Cerca trova.

Hãy tìm và sẽ thấy.

Langdon lại nhìn thấy người phụ nữ tóc bạc gọi anh từ phía bên kia sông. Thời gian đang cạn dần! Nếu có câu trả lời, Langdon có cảm giác chúng phải nằm ở Cung điện Vecchio.

Lúc này anh chợt nhớ đến câu ngạn ngữ cổ của những người thợ lặn tự do Grecia ngày xưa, những người chuyên săn tôm hùm trong các hang san hô ở quần đảo Aegea. Khi bơi vào một đường hầm tối tăm, sẽ có lúc anh không thể trở về nếu không còn đủ dưỡng khí. Lựa chọn duy nhất của anh là bơi thẳng vào chỗ chưa biết... và cầu mong có một lối thoát.

Langdon tự hỏi liệu họ đã đến lúc đó chưa.

Anh dõi mắt nhìn vườn mê cung lối đi ngay trước mắt. Nếu anh và Sienna có thể tới Cung điện Pitti và ra khỏi vườn thì thành cổ chỉ còn cách một quãng ngắn. Họ chỉ phải đi bộ qua phía bên cây cầu nổi tiếng nhất thế giới - Ponte Vecchio. Nơi đó luôn đông đúc và sẽ là một chỗ ẩn náu rất tốt. Từ đó, Cung điện Vecchio chỉ còn cách có vài dãy phố.

Tiếng chiếc máy bay không người lái gần hơn, Langdon chợt cảm thấy kiệt sức. Việc anh nhận ra rằng mình không hề nói “rất xin lỗi” khiến anh cảm

thấy mâu thuẫn với chuyện anh phải chạy trốn cảnh sát.

“Rốt cuộc họ cũng sẽ bắt được tôi, Sienna ạ!”, Langdon nói. “Có lẽ tốt hơn là tôi đừng chạy nữa.”

Sienna nhìn hoảng hốt. “Robert, mỗi lần anh dừng lại là có người nhắm bắn anh! Anh cần tìm hiểu kỹ xem anh đã dính vào chuyện gì. Anh cần xem xét bức bích họa đó của Vasari và hy vọng nó thức tỉnh trí nhớ của anh. Có lẽ nó sẽ giúp anh biết được cái máy chiếu từ đâu ra và tại sao anh lại mang theo nó.”

Langdon nhớ lại người phụ nữ đầu đình lạnh lùng hạ sát bác sĩ Marconi... những người lính nã đạn vào họ... quân cảnh Ý vây lấy Porta Romana... Và giờ đây một máy bay thám sát không người lái đang lùng tìm họ khắp vườn Boboli. Anh im lặng, dụi đôi mắt mỗi một trong lúc cân nhắc mọi lựa chọn của mình.

“Robert!”, giọng Sienna vang lên. “Còn một chuyện nữa... một chuyện có vẻ không mấy quan trọng, nhưng giờ đây dường như lại rất quan trọng.”

Langdon ngược mắt lên, đáp lại giọng nói nghiêm nghị của cô.

“Tôi đã định nói với anh ở căn hộ”, cô nói, “nhưng...”

“Chuyện gì nào?”

Sienna mím môi, trông không được thoải mái. “Lúc anh đến bệnh viện, anh bị hôn mê và cố tìm cách giao tiếp.”

“Đúng”, Langdon nói, “cứ lắm bả ‘Vasari, Vasari’”.

“Vâng, nhưng trước đó... trước khi chúng tôi kịp lấy máy ghi âm, vào những khắc đầu tiên sau khi anh đến, tôi vẫn nhớ anh nói một điều khác. Anh chỉ nói đúng một lần, nhưng tôi tin là mình đã hiểu.”

“Tôi đã nói gì?”

Sienna ngược nhìn về phía chiếc máy bay và sau đó quay lại Langdon. “Anh nói, ‘Tôi nắm giữ chìa khóa tìm ra nó... nếu tôi thất bại, khi đó tất cả sẽ chết’”.

Langdon chỉ biết tròn mắt.

Sienna nói tiếp. “Tôi nghĩ anh nhắc đến vật trong túi áo khoác của mình, nhưng giờ thì tôi không dám chắc.”

Nếu tôi thất bại, khi đó tất cả sẽ chết? Máy từ này tác động đến Langdon rất mạnh. Những hình ảnh chết chóc đầy hăm dọa lóe lên trước mắt anh... Hỏa ngục của Dante, biểu tượng hiểm họa sinh học, vị bác sĩ dịch hạch. Lại một lần nữa, gương mặt của người phụ nữ tóc bạc xinh đẹp hiện ra, cầu xin anh từ phía dòng sông máu Hãy tìm và sẽ thấy! Thời gian đang cạn dần!

Giọng Sienna kéo anh trở lại. “Rốt cuộc, dù cái máy chiếu này dẫn tới đâu... hay anh đang phải tìm thứ gì, đó nhất định là thứ cực kỳ nguy hiểm. Sự thực là có người đang tìm cách giết chúng ta...” Giọng cô hơi run run, và phải mất một lúc để định thần. “Hãy nghĩ về điều đó. Họ vừa bắn anh ngay giữa thanh thiên bạch nhật... bắt cả tôi – người ngoài cuộc vô tội. Đừng như không ai tìm cách thương thuyết. Chính phủ của anh thù địch với anh... Anh gọi cho họ cầu cứu nhưng họ lại cử người tới giết anh.”

Langdon nhìn mông lung xuống đất. Việc tòa Lãnh sự Hoa Kỳ tiết lộ vị trí của Langdon cho kẻ sát nhân hay chính tòa lãnh sự cử sát thủ tới cũng không đáng quan tâm. Bởi vì kết quả cuối cùng vẫn như nhau. Chính phủ của mình không đứng về phía mình.

Langdon nhìn sâu vào đôi mắt màu nâu của Sienna và thấy sự can trường. Mình khiến cô ấy dính vào vì cái gì? “Ước gì tôi biết được thứ chúng ta đang tìm. Điều đó sẽ giúp tất cả việc này trở lại đâu vào đấy.”

Sienna gật đầu. “Cho dù là gì, tôi nghĩ chúng ta cần phải tìm ra nó. Ít nhất nó sẽ cho chúng ta động lực.”

Lập luận của cô ấy thật khó phản bác. Nhưng Langdon vẫn cảm thấy điều gì đó khúc mắc. Nếu tôi thất bại, khi đó tất cả sẽ chết. Suốt buổi sáng anh đã phải đánh vật với những biểu tượng kinh khủng của hiểm họa sinh học, dịch bệnh và địa ngục của Dante. Phải thừa nhận, anh không có bằng chứng rõ ràng xem mình đang tìm kiếm thứ gì, nhưng anh không ngốc đến mức không cân nhắc tới khả năng tình huống này có liên quan đến một thứ dịch bệnh chết người hoặc một hiểm họa sinh học quy mô lớn. Nhưng nếu đúng như vậy thì tại sao chính phủ lại tìm cách loại trừ anh.

Phải chăng bằng cách nào đó mình có liên can tới một vụ tấn công tiềm năng?

Điều đó cũng hết sức phi lý. Vẫn còn gì đó khác đang diễn ra ở đây.

Langdon lại nghĩ tới người phụ nữ tóc bạc. “Trong ảo giác của tôi còn có người phụ nữ. Tôi cảm thấy mình cần tìm bà ấy.”

“VẬY thì hãy tin vào cảm giác của anh”, Sienna nói. “Trong điều kiện của anh, kim chỉ nam tốt nhất anh có chính là tiềm thức. Đây là tâm ký thông thường – nếu lòng anh bảo hãy tin tưởng người phụ nữ đó, tôi nghĩ anh nên làm đúng những gì bà ấy muốn.”

“Hãy tìm và sẽ thấy”, họ đồng thanh nói.

Langdon thở phào, biết rằng con đường của mình đã sáng tỏ.

Tất cả những gì mình có thể làm là tiếp tục bơi xuống đường hầm này.

Khi đã quyết tâm trở lại, anh xoay người và bắt đầu để ý xung quanh, cố gắng nắm bắt tình thế. Đường nào ra khỏi khu vườn này nhỉ?

Họ đang đứng dưới những tán cây ở rìa một quảng trường rộng nơi có vài lối đi cắt nhau. Cách một quãng bên trái, Langdon chú ý tới một đầm nước hình bầu dục với hòn đảo nhỏ được tô điểm bằng cây chanh và một bức tượng. Isolotto, anh thầm nghĩ, nhận ra ngay tác phẩm điêu khắc nổi tiếng mô tả anh hùng Perseus cưỡi một con ngựa chìm nửa người đang vọt lên khỏi mặt nước.

“Cung điện Pitti ở lối này”, Langdon nói, chỉ về phía đông, rời xa khỏi tượng Isolotto, tới lối đi chính của khu vườn - Viottolone, chạy theo hướng đông tây dọc toàn bộ chiều dài của khu vườn. Viottolone rộng bằng một con đường hai làn xe với hai hàng cây bách mảnh mai bốn trăm năm tuổi.

“Không có chỗ trú ẩn”, Sienna nói, đưa mắt nhìn con đường không được nguy trang và ra hiệu về phía chiếc máy bay đang lượn vòng tròn.

“Cô nói đúng”, Langdon nói kèm một nụ cười méo xệch. “Đó là lý do chúng ta phải chọn đường hầm bên cạnh.”

Lần này anh lại chỉ tay về phía một hàng rào rậm rạp kế bên lối vào Viottolone. Bức tường cây cối dày đặc có một cổng vòm nhỏ trở vào trong. Qua cổng vào, có một lối đi hẹp chạy tít ra xa - một đường hầm nằm song song với Viottolone. Nó được khép kín một đầu bằng một khoảng những cây sồi xanh được xén tỉa và chăm chút cẩn thận từ những năm 1600, hướng cành vào mé trong, trùm lên lối đi, đan lấy nhau phía trên đầu tạo thành một mái che bằng tán lá. Tên gọi của lối đi, La Cerchiata - theo nghĩa đen là

“hình tròn” hoặc “đánh đai” - xuất phát từ vòm lá của những hàng cây được uốn cong trông giống như những đai thùng, hay cerchi, tức là “vòng tròn”.

Sienna nhanh chóng bước tới lối vào và chăm chú quan sát bên trong đường hầm râm mát. Sau đó cô quay trở lại chỗ anh và mỉm cười. “Tốt hơn hẳn!”

Không bỏ phí thời gian, cô luôn qua lối vào và khuất trong những hàng cây.

Langdon luôn coi La Cerchiata là một trong những địa điểm thanh bình nhất Florence. Tuy nhiên, hôm nay, khi anh nhìn Sienna biến mất trong lối đi tối tăm, anh lại nghĩ đến những người thợ lặn tự do Grecia đang bơi vào đường hầm san hô và cầu mong tới được lối ra.

Langdon nhanh chóng cầu nguyện rồi vội vã đi theo cô.

Cách họ nửa dặm phía sau, bên ngoài Học viện Nghệ thuật, đặc vụ Brüder sai bước qua đám đông cảnh sát và sinh viên, ánh mắt lạnh băng của anh ta rẽ đám đông trước mặt. Anh ta đi thẳng tới sở chỉ huy dã chiến, vừa được chuyên gia theo dõi của anh ta thiết lập trên mũ xe thùng màu đen.

“Từ máy bay trinh sát không người lái”, tay chuyên gia nói, trao cho Brüder một màn hình máy tính bảng. “Chụp được vài phút trước.”

Brüder kiểm tra các ảnh tĩnh video, dừng lại trước bản phóng to hơi nhòe hai gương mặt – một người đàn ông tóc sẫm màu và một cô gái tóc vàng để đuôi ngựa – cả hai nép trong bóng râm và đang nhìn lên bầu trời qua các tán cây.

Robert Langdon.

Sienna brooks.

Không nghi ngờ gì nữa!

Brüder quay sang tờ bản đồ vườn Boboli trải rộng trên mũ xe. Lựa chọn của họ rất tệ, anh ta nghĩ, mắt nhìn sơ đồ khu vườn. Mặc dù lộn xộn, rối rắm, và có rất nhiều chỗ ẩn nấp, nhưng khu vườn cũng bị những bức tường cao vây kín ở mọi phía. Vườn Boboli là thứ gần gũi với một tuyệt lộ tự nhiên nhất mà Brüder từng nhìn thấy trên thực địa.

Họ sẽ không bao giờ thoát ra được.

“Giới chức địa phương đã phong tỏa mọi lối ra”, tay chuyên gia nói. “Và đang bắt đầu rà quét.”

“Giữ liên lạc với tôi”, Bruder nói.

Anh ta chậm rãi nhướng mắt về phía ô cửa sổ polycarbonate dày cộp của xe, và nhìn thấy người phụ nữ tóc bạc ngồi ở ghế sau.

Thứ thuốc họ đưa rõ ràng đã làm tê liệt mọi giác quan của bà ấy - mạnh hơn Bruder hình dung. Tuy nhiên, anh ta có thể khẳng định rằng bà ấy biết rõ những gì đang xảy ra, căn cứ vào vẻ hãi hùng trong mắt bà ấy.

Trông bà ấy không vui, Bruder nghĩ. Mà tại sao bà ấy lại như vậy?

Chương 26

Một tia nước bắn vọt lên không chừng sáu mét.

Langdon nhìn tia nước nhẹ nhàng rơi trở lại mặt đất và biết rằng họ đang đến gần. Họ đã tới phía cuối đường hầm tạo thành từ vòm lá La Cerchiata và chạy băng qua một bãi cỏ trống để luồn vào khoảng rừng toàn cây bản. Lúc này họ đang nhìn ra đài phun nước nổi tiếng nhất của Boboli - bức tượng của Stoldo Lorenzi mô tả thần biển Neptune tay cầm cây đinh ba. Được người địa phương gọi nôm na là “Đài phun nước cái đĩa”, công trình này được coi là điểm trung tâm của khu vườn.

Sienna dừng lại ở rìa lùm cây và ngược mắt nhìn qua các tán lá. “Tôi không thấy cái máy bay đâu!”

Langdon cũng không còn nghe thấy tiếng nó nữa, vì tiếng của đài phun nước khá ồn ã.

“Chắc nó đang được tiếp nhiên liệu”, Sienna nói. “Đây là cơ hội của chúng ta, đường nào đây?”

Langdon dẫn cô đi về bên trái, và họ bắt đầu lần xuống một đoạn dốc cao. Khi ra khỏi lùm cây, họ đã nhìn thấy ngay Cung điện Pitti.

“Tòa nhà nhỏ nhắn xinh xắn”, Sienna thì thào.

“Cách nói khiêm tốn đặc trưng nhà Medici”, anh đáp lại vẻ bông đùa,

Vẫn còn cách xa họ gần một phần tư dặm, song mặt chính bằng đá của Cung điện Pitti như thông trị toàn bộ khung cảnh, trải rộng sang hai bên. Ngoại thất bằng đá trát vữa nhám phòng lên đem lại cho công trình một thần thái uy quyền cương nghị, thần thái ấy càng mạnh mẽ hơn nhờ thiết kế lặp đi lặp lại của những ô cửa chớp cùng các ô hở lấy sáng hình vòm. Theo truyền thống, các cung điện trang trọng đều tọa lạc trên những khu đất cao để bất kỳ ai trong khu vườn cũng phải ngược nhìn. Tuy nhiên, Cung điện Pitti lại nằm ở thung lũng thấp gần sông Aron, nghĩa là những người ở trong vườn Boboli đều phải nhìn xuống mới thấy nó.

Tác dụng này càng gây ấn tượng hơn. Một kiến trúc sư đã mô tả rằng cung điện dường như do chính tự nhiên tạo ra, như thể những khối đá đồ sộ trong một vụ sạt lở đất đã trôi xuống cả đoạn dốc dài và dồn lại thành một đống gòn gòn dưới chân dốc. Mặc dù có vị thế phòng thủ kém vì ở trên khu đất thấp, kết cấu đá vững vàng của Cung điện Pitti vẫn ấn tượng đến mức Napoleon từng sử dụng nó như một căn cứ quyền lực trong thời gian ông lưu trú tại Florence.

“Nhìn kìa”, Sienna nói, chỉ tay về những cánh cửa gần nhất của cung điện.
“Có tin tốt lành rồi.”

Langdon cũng nhìn theo. Vào cái buổi sáng lạ lùng này thì hình ảnh được mong chờ nhất không phải là tòa cung điện mà là từng đoàn du khách ùn ùn kéo ra khỏi tòa nhà, tràn vào những khu vườn mé dưới. Cung điện đã mở cửa, nghĩa là Langdon và Sienna có thể lên vào trong rồi băng qua tòa nhà để thoát ra ngoài dễ dàng hơn. Một khi đã ra khỏi cung điện, Langdon biết họ sẽ thấy sông Arno bên phải, và sau khi vượt qua đó, họ sẽ tới được những ngọn tháp của thành cổ.

Anh và Sienna vẫn di chuyển dần xuống đường dốc. Trên đường xuống, họ đi ngang qua Đài vòng Boboli - địa điểm tổ chức những màn trình diễn opera đầu tiên trong lịch sử - nằm nép mình như cái móng ngựa bên sườn đồi. Hết quãng đường dốc, họ băng qua cột tháp Ramses II và tác phẩm “nghệ thuật” kém may mắn được đặt ở đế tháp. Các sách hướng dẫn du lịch nhắc đến tác phẩm này như là “phần đế bằng đá đồ sộ từ Nhà tắm Caracalla ở Rome”, nhưng Langdon luôn nhìn nhận nó theo đúng ý nghĩa thật – cái bồn tắm lớn nhất thế giới. Người ta thật sự cần đặt thứ này ở nơi khác.

Cuối cùng, họ cũng tới được khu phía sau của cung điện và đi bộ từ tôn, kín đáo lẩn vào đoàn du khách đầu tiên trong ngày. Họ di chuyển ngược chiều dòng người, đi xuống một đoạn đường hẻm hẹp để vào giếng trời, một

khoảnh sân trong nhà nơi có những vị khách đang ngồi thưởng thức ly cà phê buổi sáng trong quán cà phê tiện lợi của cung điện. Không khí tràn ngập mùi cà phê mới, Langdon bỗng nhiên thêm được ngồi xuống và tận hưởng một bữa sáng lịch sự. Hôm nay không phải lúc rồi, anh nghĩ khi hai người băng qua đóm lọt vào một hành lang rộng dẫn về phía cửa chính của cung điện.

Lúc tới gần cửa, Langdon và Sienna vấp phải đám du khách dồn ứ lại ngày càng đông ở cổng để quan sát gì đó bên ngoài. Langdon cố nhìn qua đám đông ra khu vực phía trước cung điện.

Theo như anh còn nhớ thì lối vào rộng rãi của Cung Pitti nhìn không mấy dễ chịu. Thay vì bãi cỏ và cảnh quan được cắt tỉa chăm chút, sân phía trước là một khoảng trống lát đá trải rộng toàn bộ sườn đồi, lan cả xuống Đại lộ Via dei Guicciardini như một dốc trượt băng lát đá hoành tráng.

Langdon đã nhìn thấy thứ khiến đám đông tò mò ở dưới chân đồi.

Phía dưới Quảng trường Pitti, có đến nửa tá xe cảnh sát đang đổ dồn đến từ mọi hướng. Một nhóm nhỏ sĩ quan đang tiến lên đồi, tay mang vũ khí và tỏa ra để chặn toàn bộ phía trước cung điện.

Chương 27

Khi cảnh sát tiến vào Cung điện Pitti thì Sienna và Langdon đã đi rồi. Họ men theo đúng lối cũ bên trong cung điện và tránh xa lực lượng cảnh sát đang tiến vào. Họ lẩn nhanh qua giếng trời và quán cà phê, nơi những tiếng xì xầm đang loang ra, đám du khách nháo nhác nhìn ngó, cố tìm xem đâu là nguyên nhân của tình trạng hỗn loạn này.

Sienna ngạc nhiên khi giới chức tìm thấy họ nhanh như vậy. Cái máy bay không người lái biến mất vì họ đã phát hiện ra bọn mình.

Cô và Langdon tìm lại được đường hầm hẹp lúc họ từ vườn đi xuống, và không do dự lần ngay vào đó để leo ngược lên những bậc thang. Đầu cầu thang chệch sang trái về phía một bức tường chắn khá cao. Khi chạy men theo tường, họ thấy bức tường bên cạnh mình càng lúc càng thấp xuống, cho tới khi họ có thể nhìn vượt qua tường sang phía vườn Boboli.

Langdon lập tức nắm lấy tay Sienna và kéo cô lùi lại, khuất khỏi tầm nhìn

phía sau bức tường chắn. Sienna cũng đã nhìn thấy.

Cách đó ba trăm thước, trên đầu dốc phía trên khán đài vòng, một toán cảnh sát đang đi xuống, lung sục trong các lùm cây, hỏi han du khách, và liên lạc với nhau bằng bộ đàm.

Chúng ta mắc kẹt rồi!

Lần đầu tiên gặp Robert Langdon, Sienna không thể tưởng tượng nổi mọi việc lại trở nên phức tạp như bây giờ. Như thế này còn hơn cả mình dự tính. Lúc rời khỏi bệnh viện cùng với Langdon, cô cứ nghĩ họ đang chạy trốn một ả đầu đinh có súng. Giờ thì họ đang trốn chạy cả một đội quân và giới chức Ý. Cô nhận ra cơ hội trốn thoát của họ lúc này gần như bằng không.

“Còn lối nào thoát ra không?”, Sienna thở hắt hỏi.

“Tôi không nghĩ là còn”, Langdon nói. “Khu vườn này là một thành phố có tường bao, giống như...” Anh đột ngột dừng lại, ngoảnh nhìn về phía đông. “Giống như... Vatican vậy.” Một tia hy vọng kỳ lạ chợt hiện trên gương mặt anh.

Sienna không rõ Vatican có liên quan gì đến tình thế mắc kẹt của họ lúc này, nhưng Langdon bỗng gạt đầu, mắt đăm đăm nhìn về phía đông tới khu vực phía sau cung điện.

“Chỉ một quãng ngắn”, anh nói, hồi hả kéo cô theo anh. “Nhưng có thể có một lối khác ra khỏi đây.”

Hai bóng người đột nhiên hiện ra trước mặt họ, vừa ngoặt gấp chỗ góc bức tường chắn, gần như đâm sầm vào Sienna và Langdon. Cả hai nhân vật này đều mặc đồ đen, và trong lúc hoảng hốt, Sienna nghĩ đó là những người lính cô đã chạm trán ở tòa chung cư. Nhưng khi họ đi qua, cô nhận ra họ chỉ là những du khách - người Ý, cô đoán vậy, căn cứ vào trang phục đồ da đen thời trang của họ.

Sienna chợt nảy ra một ý, cô níu lấy cánh tay một du khách và cố gắng mỉm cười với ông ấy hòa nhã hết mức. “Làm ơn chỉ cho chúng tôi lối tham quan Galleria del costume?”, cô hỏi bằng tiếng Ý trôi chảy lối tới phòng trưng bày trang phục nổi tiếng của cung điện. “Tôi và anh trai bị muộn giờ một tour riêng.”

“Rất sẵn lòng!” Vị khách cười tươi với cả hai, vẻ sẵn lòng giúp đỡ họ. “Cứ

đi thẳng theo lối này!” Ông ấy quay đi và chỉ về phía tây, men theo bức tường chắn, ngược hẳn hướng Langdon đang quan sát.

“Cảm ơn rất nhiều!”, Sienna lại mỉm cười khi hai người đàn ông bỏ đi.

Langdon gật đầu về ấn tượng với Sienna, rõ ràng hiểu hết ý định của cô. Nếu cảnh sát tiến hành hỏi han du khách, có thể họ sẽ tưởng rằng Langdon và Sienna đã đi tới phòng trưng bày trang phục mà theo tâm bản đồ ở trên bức tường trước mặt họ, nơi này nằm ở đầu phía tây của cung điện... xa hết mức so với hướng của họ lúc này.

“Chúng ta cần phải tới được lối đi đằng kia”, Langdon nói, ra hiệu qua khoảng sân trống trải về phía lối đi chạy xuống một quả đồi khác cách xa cung điện. Lối đi rải sỏi vụn nằm nép trên sườn đồi, bên những hàng rào cây sum suê, đủ chỗ ẩn mình trước những nhân viên công quyền lúc này đang tiến xuống đồi, chỉ còn cách khoảng một trăm thước.

Sienna cho rằng cơ hội họ băng được qua khu trống trải để tới lối đi kín đáo kia là rất nhỏ. Mọi du khách đều tập trung ở đây, nhìn đám cảnh sát với ánh mắt tò mò. Tiếng kêu loáng thoáng của chiếc máy bay không người lái nghe rõ dần, đang tiến lại từ phía xa.

“Làm ngay hoặc hết cơ hội”, Langdon nói, nắm lấy tay Sienna và kéo cô lao ra khoảng sân trống, luồn qua đám đông du khách đang dồn lại. Sienna phải cố kìm lòng không chạy, nhưng Langdon giữ chặt tay cô, đi nhanh nhưng hết sức bình tĩnh qua đám người.

Cuối cùng, khi đến được đầu đường, Sienna liếc nhìn lại phía sau để xem liệu họ có bị phát giác không. Những sĩ quan cảnh sát duy nhất lọt vào tầm nhìn đều đang ngoảnh sang hướng khác, ánh mắt họ đều dõi lên bầu trời về phía tiếng động cơ của chiếc máy bay đang bay lại gần.

Cô cúi xuống và bước vội theo Langdon.

Trước mặt họ lúc này, đường chân trời của thành cổ Florence cổ kính hiện lên phía trên những tán cây, nhìn rõ mồn một phía trước. Cô thấy phần mái vòm ngói đỏ của Vương cung Thánh đường Duomo cùng ngọn tháp chuông Giotto xanh, đỏ, trắng. Phía xa, cô nhận ra lối châu mai của cung điện Vecchio - cái đích dường như không thể đặt chân tới của họ, nhưng khi họ đi xuống, những tường bao rất cao che kín tầm nhìn đã giúp họ trốn thoát.

Khi xuống đến chân đồi, Sienna thở không ra hơi và thắc mắc liệu Langdon

có ý tưởng gì về nơi họ đang đến không. Con đường dẫn thẳng vào một khu vườn mê cung, nhưng Langdon rất tự tin rẽ trái, đi vào một khoảnh sân rộng rãi rải sỏi, men theo mép sân, lần sau hàng rào bên dưới những bóng cây vươn cao. Khoảnh sân vắng tanh, giống bãi đỗ xe của nhân viên hơn một khu du lịch.

“Chúng ta đang đi đâu đây?”, rít cuộc Sienna cũng phải lên tiếng, thở hổn hển.

“Gần đến rồi.”

Gần đến đâu? Toàn bộ khoảnh sân được bao kín trong những bức tường cao tới ba tầng nhà. Lối ra duy nhất Sienna nhìn thấy là một cánh cổng cho xe ở bên trái, lúc này đóng kín trong khung cửa bằng sắt rèn đồ sộ trông như xuất hiện nguyên vẹn cùng với tòa cung điện từ thời của những đội quân cướp bóc. Phía ngoài chướng ngại này, cô thấy rất nhiều cảnh sát tụ tập tại Quảng trường Pitti.

Langdon vẫn bám sát hàng rào cây cối bao quanh, tiến về phía trước, đến chỗ bức tường trước mặt họ. Sienna đưa mắt nhìn mặt tiền để xem có ô cửa nào ngỏ không, nhưng tất cả những gì cô nhìn thấy chỉ là một hốc tường, đặt những bức tượng gốm ghiếc nhất cô từng biết.

Lạy Chúa lòng thành, nhà Medici có đủ tiền chi cho bất kỳ tác phẩm nghệ thuật nào trên trái đất, nhưng họ lại chọn thứ này sao?

Bức tượng trước mặt họ mô tả một gã lùn trần truồng, béo ị cưỡi trên con rùa khổng lồ. Bìu của gã ép chặt vào mai rùa, còn miệng con rùa nhều nước rờn rờn, như thể đang bị ồm.

“Tôi biết”, Langdon nói, vẫn không ngừng sải bước. “Đó là tượng Braccio di Bartolo - một gã lùn phục vụ cung đình nổi tiếng. Nếu cô muốn biết nhận xét của tôi thì tôi cho rằng lẽ ra người ta nên tống gã vào một cái bồn tắm thật lớn.”

Langdon quay ngoắt sang phải, đi xuống một dãy bậc mãi đến lúc này Sienna mới nhìn thấy.

Một lối thoát ư?!

Tia hy vọng sớm tàn.

Khi rẽ vào và đi xuống bậc thang theo sau Langdon, cô nhận ra họ đang lao vào một ngõ cụt - một đường đi không lối thoát với những bức tường cao gấp đôi lúc trước.

Hơn nữa, giờ đây Sienna cảm thấy chuyển đi đằng đẵng của họ sắp kết thúc ở một cái miệng hang há hốc khoét sâu vào bức tường hậu. Đây không thể là nơi anh ấy đưa cả hai tới được!

Phía trong lối vào hang toang hoác, toàn những nhũ đá sắc như dao găm đầy hăm dọa. Trong lòng hang, những yếu tố địa chất vẫn đang hình thành, quyện với nhau và chảy dọc vách hang như thể lớp đá đang tan chảy... biến thành những hình dạng kỳ dị. Với tâm trạng hoảng hốt của Sienna thì trông chúng chẳng khác gì những hình người bị chôn một nửa và trồi ra khỏi vách hang như thể đang bị đá ăn thịt. Toàn bộ cảnh tượng này gợi cho Sienna nhớ điều gì đó trong bức Vực Địa ngục của Botticelli.

Còn Langdon, chẳng hiểu sao không hề bối rối mà cứ tiếp tục chạy thẳng vào miệng hang. Trước đó anh đã nhắc đến thành phố Vatican, nhưng Sienna chắc chắn không hề có lòng hang quái đản nào bên trong những bức tường của Tòa thánh.

Khi họ đến gần hơn, Sienna đưa mắt nhìn phần phía trên lối vào - một cấu trúc ma quái gồm những nhũ đá và khối đá u ám trồi ra trông như đang nhấn chìm hai người phụ nữ ngồi dựa vào đó, bên sườn có một tấm khiên mang sáu quả đạn, hay palle, chính là hình gia huy nổi tiếng của gia tộc Medici.

Langdon đột nhiên ngoặt sang trái, rời khỏi lối vào và tiến tới một nơi mà lúc trước Sienna không để ý - một cánh cửa màu xám nhỏ ở bên trái hang. Làm bằng gỗ và đá cũ, cánh cửa có vẻ chẳng mấy quan trọng, giống như một cửa nhà kho nhỏ hay phòng chứa dụng cụ tôn tạo cảnh quan.

Langdon chạy nhanh tới cánh cửa, rõ ràng hy vọng có thể mở được, nhưng nó không hề có tay nắm - chỉ có một lỗ khóa bằng đồng - và đương nhiên là chỉ có thể mở từ bên trong.

“Khốn kiếp!” Giờ đây mắt Langdon đầy vẻ lo lắng, mọi hy vọng lúc trước của anh tan biến. “Tôi cứ hy vọng...”

Bất ngờ, tiếng động cơ rì rì của chiếc máy bay không người lái vang lên rất to phía ngoài những bức tường cao bao quanh họ. Sienna ngoảnh lại, nhìn thấy chiếc máy bay đang lượn lên phía trên cung điện và bay về phía họ.

Rõ ràng, Langdon cũng đã nhìn thấy nó, anh nắm lấy tay Sienna và chạy vội về phía hang. Họ vừa kịp biến mất bên dưới những nhũ đá của hang chỉ trong tích tắc.

Một kết cục hợp lý, cô nghĩ thầm. Đâm đầu lao qua những cánh cổng địa ngục.

Chương 28

Khoảng bốn trăm mét về phía đông, Vayentha đỗ xe máy lại. ả đã băng ngang thành cổ qua lối Ponte alle Grazie và sau đó đi vòng tới Ponte Vecchio - cây cầu bộ hành nổi tiếng nối Cung điện Pitti với thành cổ. Sau khi gài mũ bảo hiểm vào xe, ả sải bước lên cầu thang và hòa vào dòng du khách buổi sớm.

Một làn gió nhẹ thàng Ba mát mẻ thổi ngược lên từ sông, làm mái tóc kiểu đầu đinh cũn cốn của Vayentha càng dựng lên, nhắc ả nhớ rằng Langdon biết ả trông như thế nào. ả dừng lại một trong nhiều quầy hàng rong trên cầu và mua chiếc mũ bóng chày hiệu AMO FIRENZE, kéo mũ sụp xuống che bớt mặt.

ả chỉnh lại bộ đồ da để không lộ chỗ phồng lên do khẩu súng và chiếm một vị trí gần giữa cầu, hững hờ dựa vào một cây cột và ngoảnh mặt về phía Cung điện Pitti. Từ đây, ả có thể quan sát tất cả khách bộ hành đang vượt sông Arno để đi vào trung tâm Florence.

Langdon đi bộ, ả tự nhủ. Nếu anh ta tìm cách vòng qua Porta Romana thì cây cầu này là lối hợp lý nhất để vào thành cổ.

Phía tây, theo hướng Cung điện Pitti, ả nghe rõ những tiếng còi và tự hỏi không biết thế này là tin vui hay tin buồn. Họ vẫn đang tìm anh ta chẳng? Hay họ đã tóm được anh ta rồi. Trong lúc Vayentha dỏng tai tìm kiếm manh mối về những câu chuyện đang xảy ra thì một âm thanh đột ngột vang lên - tiếng rồ rồ rất to ở đâu đó trên đầu. ả nhìn lên trời và nhận ra thứ đó ngay lập tức - một chiếc trực thăng nhỏ điều khiển từ xa đang vọt lên rất nhanh phía trên cung điện rồi sà xuống trên những ngọn cây về góc đông bắc của vườn Boboli.

Một máy bay trinh thám không người lái, Vayentha nghĩ, thoáng thấy chút hy vọng. Nếu nó bay trên trời thế kia thì Brüder vẫn chưa tìm thấy Langdon

rồi.

Chiếc máy bay bay rất nhanh. Rõ ràng nó đang sục sạo góc đông bắc của khu vườn, nơi gần Ponte Vecchio và vị trí của Vayentha nhất, điều đó càng khiến ả nhen nhóm thêm hy vọng.

Nếu Langdon thoát khỏi Brüder, chắc chắn anh ta sẽ di chuyển theo hướng này.

Tuy nhiên, Vayentha đang quan sát thì chiếc máy bay đột nhiên bỏ nhào mất hút phía sau bức tường đá cao. ả vẫn nghe thấy tiếng nó lượn lờ ở đâu đó phía dưới hàng cây... Rõ ràng đã tìm ra thứ gì đó đáng để quan tâm.

Chương 29

Hãy tìm kiếm và anh sẽ thấy, Langdon nghĩ trong lúc cùng Sienna nép người trong hang tối lờ mờ. Chúng ta đã tìm kiếm một lối thoát... và tìm thấy một ngõ cụt.

Đài phun nước có hình dạng phức tạp ở chính giữa hang là một vật chắn tốt, nhưng khi Langdon nhìn ra ngoài từ phía sau nó, anh cảm thấy mọi việc đã quá muộn.

Chiếc máy bay không người lái vừa bỏ nhào xuống lối cụt có tường cao, đột ngột dừng ngay phía ngoài hang rồi bay đứng lơ lửng một chỗ, chỉ cách mặt đất khoảng ba mét, hướng về phía hang, phát ra tiếng kêu ro ro giống hệt một giống côn trùng bị chọc tức đang đợi con mồi.

Langdon lùi lại và thì thào cho Sienna biết tin không hay. “Tôi nghĩ nó biết chúng ta ở đây.”

Tiếng rền rĩ rất to của chiếc máy bay dội lại từ các vách đá, gần như khiến người trong hang điếc tai. Langdon thấy thật khó tin là họ lại bị giữ làm con tin bởi một máy bay trực thăng thu nhỏ, nhưng anh biết rằng việc cố chạy thoát sẽ chẳng có kết quả. Giờ chúng ta làm gì đây? Chỉ đợi thôi ư? Kế hoạch lọt vào phía sau cánh cửa xám ban đầu vốn hợp lý, trừ việc anh không nhận ra cánh cửa đó chỉ có thể mở được từ bên trong.

Khi mắt đã quen với lòng hang tối tăm, Langdon bắt đầu quan sát xung quanh họ, tự hỏi liệu còn lối thoát nào không. Anh chẳng nhìn thấy gì khả dĩ.

Trong lòng hang toàn những hình khắc người và động vật, tất cả đều đang dần bị ăn mòn trên những bức tường thấm nước. Chán nản, Langdon nhướng mắt nhìn lên trần hang, toàn những nhũ đá chĩa xuống đầy hăm dọa.

Một nơi rất tốt để chết.

Động Buotalenti - được đặt theo tên người kiến tạo ra nói là Bernardo Buotalenti - được nhiều người cho là nơi kỳ dị nhất ở Florence. Ban đầu được dự kiến là một dạng nhà cưỡi cho du các du khách trẻ tới thăm quan Cung điện Pitti, hệ thống hang ba lòng này được bài trí pha trộn giữa phong cách tượng tượng theo chủ nghĩa tự nhiên và kiến trúc Gothic. Kiểu bài trí này gồm những chi tiết giống như các khối kết thành giọt và đá bọt nhều chảy, nhìn như đang nuốt lấy hoặc thổ ra vô số những hình thù được tạo tác. Dưới thời gia tộc Medici, hang này có nước chảy xuống những bức tường bên trong, vừa có tác dụng làm mát trong những ngày hè nóng nực đồng thời tạo hiệu ứng của một cái hang thực sự.

Langdon và Sienna ẩn mình trong lòng hang đầu tiên và cũng là lớn nhất phía sau đài phun nước không rõ hình dạng ở trung tâm. Xung quanh họ là những hình thù sặc sỡ gồm người chẵn cừ, nông dân, nhạc công, động vật, và thậm chí cả bản sao bốn tù nhân của Michelangelo, tất cả đều như đang cố gắng thoát ra khỏi lớp đá đang ngoạm lấy họ. Tít phía trên cao, ánh sáng buổi sớm rọi xuống qua ô sáng trên trần, nơi từng có quả cầu thủy tinh rất lớn chứa đầy nước đựng những con cá chép đỏ rực bơi lội trong ánh nắng.

Langdon tự hỏi các vị khách thời Phục Hưng sẽ phản ứng như thế nào trước sự sẫm tối của một chiếc trục thẳng thật - một giấc mơ huyền tưởng của chính nghệ sĩ người Ý Leonardo da Vinci - bay lơ lửng bên ngoài hang.

Đúng lúc đó, tiếng động cơ đình ta như óc của chiếc máy bay tắt ngấm. Nó không hề nhỏ dần mà chỉ là... đột ngột tắt phụt.

Ngơ ngác, Langdon nhìn ra từ phía sau đài phun nước và thấy rõ chiếc máy bay đã đáp xuống. Lúc này, nó đậu yên ở khoảng sân rải sỏi, trông không còn đáng ngại, đặc biệt là khi ống kính máy quay như cái vòi châm nọc độc phía trước chéch khỏi họ, lệch sang một bên, hướng về phía cánh cửa nhỏ màu xám.

Cảm giác nhẹ nhõm của Langdon chỉ vụt qua. Phía sau chiếc máy bay một trăm thước, gần bức tượng gã lùn và con rùa, ba người lính mang vũ khí đang rải bước xuống thang, tiến thẳng về phía hang.

Nhóm lính mặc đồng phục màu đen quen thuộc với phù hiệu xanh lá cây trên vai. Người đàn ông vạm vỡ đi đầu có cặp mắt vô hồn gọi cho Langdon nhớ tới chiếc mặt nạ dịch hạch trong ảo giác của mình.

Ta là cái chết.

Langdon không hề nhìn thấy chiếc xe thùng của họ cũng như người phụ nữ tóc bạc bí ẩn ở đâu cả.

Ta là sự sống.

Khi những người lính tiến vào, một trong số họ dừng lại ở chân cầu thang và xoay người về phía sau, rõ ràng muốn ngăn những người khác xuống khu vực này. Hai người còn lại tiếp tục tiến về phía hàng.

Langdon và Sienna lại di chuyển mặc dù chỉ là để trì hoãn điều tồi tệ sẽ xảy ra. Họ bò lù lũi về phía sau để luồn vào lòng hang thứ hai nhỏ hơn, sâu và tối hơn. Nơi này cũng có một tác phẩm nghệ thuật ở chính giữa - bức tượng cặp tình nhân quấn lấy nhau - giờ là chỗ trú ẩn mới cho Langdon và Sienna.

Langdon nấp kín trong bóng tối, thận trọng nhìn qua để bức tượng và quan sát những kẻ đột kích đang tiến vào. Khi hai người lính tới chỗ chiếc máy bay, một người dừng lại và cúi xuống nhắc nó lên để kiểm tra máy quay.

Không biết cái máy bay đã phát hiện ra bọn mình chưa? Langdon tự hỏi, cảm thấy e ngại vì mình đã biết câu trả lời.

Người lính thứ ba và cũng là người cuối cùng, nhân vật vạm vỡ có đôi mắt lạnh lẽo, vẫn lạnh lùng tiến thẳng về phía Langdon. Anh ta tiến tới gần cửa hang. Hẳn sẽ vào. Đúng lúc Langdon chuẩn bị lùi lại sau bức tượng và nói với Sienna thế là hết rồi, thì anh chứng kiến một chuyện bất ngờ.

Người lính kia, thay vì bước vào hang, bỗng nhiên ngoặt sang trái và biến mất.

Hắn đi đâu nhỉ? Hắn không biết bọn mình ở đây à?

Một lát sau, Langdon nghe thấy tiếng đập - tiếng nắm tay nện trên gỗ.

Cánh cửa nhỏ màu xám, Langdon nghĩ thầm. Chắc chắn hắn biết nó dẫn đi đâu.

Nhân viên an ninh Cung điện Pitti tên Ernesto Russo lúc nào cũng muốn chơi bóng đá kiểu châu Âu, nhưng ở cái tuổi hai mươi chín và quá béo, cuối cùng anh đành phải chấp nhận rằng giấc mơ thời niên thiếu sẽ chẳng bao giờ trở thành hiện thực. Suốt ba năm qua, Ernesto làm chân bảo vệ tại Cung điện Pitti, luôn ngồi trong cái buồng bé bằng bao diêm, và đảm nhận công việc tẻ nhạt này.

Ernesto không lạ gì những du khách tò mò cứ gõ vào cánh cửa nhỏ màu xám bên ngoài văn phòng nơi anh vẫn ngồi, và anh thường mặc kệ cho tới khi họ chán. Nhưng hôm nay tiếng gõ rất mạnh và liên tục.

Bực bội, anh cố tập trung vào cái ti vi của mình, lúc này đang phát lại trận bóng ồ ồ - đội Fiorentina gặp Juventus. Tiếng gõ càng to hơn. Cuối cùng, vừa nguyên rửa đám du khách, Ernesto vừa chui ra khỏi buồng trực rồi theo hành lang hẹp đi về phía tiếng gõ. Được nửa đường, anh dừng lại trước cánh cửa chấn song thép đồ sộ vẫn luôn chặn kín lối đi này, ngoại trừ vào một vài giờ đặc biệt.

Anh nhập chuỗi số bên ổ khóa và mở cửa, kéo nó sang bên. Sau khi bước qua cửa, anh làm theo đúng thủ tục và đóng cánh cửa thép phía sau mình. Rồi anh bước lại cánh cửa gỗ màu xám.

“Cửa đóng!”, anh quát to qua cửa, hy vọng người bên ngoài sẽ nghe thấy. “Các vị không được vào đây!”

Tiếng đập cửa vẫn tiếp tục.

Ernesto nghiêng rặng. Lại dân New York đây mà, anh phán đoán. Lúc nào cũng muốn cho bằng được. Lý do duy nhất đội bóng Red Bulls của họ có được thành công trên vũ đài thế giới là vì họ “chôm chia” được một trong những huấn luyện viên giỏi nhất châu Âu.

Tiếng đập cửa vẫn tiếp tục, Ernesto miễn cưỡng mở cửa và đẩy hé ra vài phân. “Cửa đóng mà!”

“Có chuyện gì vậy?”, Ernesto hỏi, vẻ cảnh giác.

Phía sau gã lính kia, một gã thứ hai đang cúi xuống, chỉnh sửa thứ gì đó có vẻ như là một chiếc trục thẳng đồ chơi. Cách xa hơn một chút, một gã nữa đứng canh cầu thang, Ernesto nghe rõ tiếng còi cảnh sát gần đó.

“Anh nói được tiếng Anh không?” Giọng gã lính rõ ràng không phải dân New York. Vùng nào của châu Âu nhỉ?

Ernesto gật đầu. “Một chút thôi!”

“Có ai đi qua cánh cửa này sáng nay không?”

“Không, thưa ngài! Không có ai cả.”

“Tốt lắm. Khóa chặt cửa nhé. Không cho phép ai ra vào. Rõ chưa?”

Ernesto nhún vai. Dù sao đó cũng là công việc của anh. “Rõ, tôi hiểu mà. Nội bất xuất, ngoại bất nhập.”

“Cho tôi biết, cánh cửa này là lối vào duy nhất phải không?”

Ernesto ngẫm nghĩ. Về mặt kỹ thuật, cánh cửa này hiện được xem là một lối ra, đó là lý do nó không có tay nắm ở bên ngoài, nhưng anh hiểu những gì người kia hỏi. “Phải, tiếp cận vào đây chỉ có duy nhất cánh cửa này. Không còn lối nào khác.” Lối vào cũ bên trong cung điện đã bị bịt kín nhiều năm rồi.

“Thế còn lối thoát bí mật nào khác từ vườn Boboli không? Ngoài những cổng thông thường?”

“Không, thưa ngài. Chỗ nào cũng có tường cao. Đây là lối thoát bí mật duy nhất.”

Gã lính gật đầu. “Cảm ơn anh đã giúp đỡ!” Gã ra hiệu cho Ernesto đóng và khóa cửa lại.

Ernesto làm theo vẻ khó hiểu. Rồi anh quay trở lại hành lang, mở khóa cánh cửa chắn song thép, đi qua đó, khóa lại như cũ rồi quay lại với trận đấu bóng của mình.

Chương 30

Langdon và Sienna đã chớp được một cơ hội.

Trong khi gã lính vạm vỡ đang đập cửa, họ đã bò sâu hơn vào trong hang và lúc này đang ẩn trong lòng hang cuối cùng. Không gian chật chội này được

trang trí bằng những hình gồm khảm và tượng thần rừng đẽo gọt xù xì. Ở chính giữa là bức điêu khắc to bằng kích thước người thật mô tả Thần Vệ nữ tắm. Trùng hợp là trong tình cảnh này, bức tượng như đang lo lắng ngoảnh nhìn qua vai.

Langdon và Sienna thu mình ở phần khuất của bệ tượng hẹp, chờ đợi, chăm chú nhìn cây măng đá hình cầu nhô lên phía vách hang sâu nhất.

“Mọi lối ra đều kín mít!”, một gã lính nói lớn đầu đó bên ngoài. Gã nói thứ tiếng Anh không rõ giọng nên Langdon không thể nhận diện được. “Cho máy bay hoạt động trở lại đi. Tao sẽ kiểm tra cái hang ở đây.”

Langdon cảm thấy Sienna cứng người ngay bên cạnh anh.

Mấy giây sau, những tiếng giày ủng nặng nề tiến vào trong hang. Tiếng bước chân nhanh qua lòng hang thứ nhất, nghe to dần khi gã lính tiến vào lòng hang thứ hai, thẳng về phía họ.

Langdon và Sienna nép vào nhau sát hơn.

“Này!”, một giọng nói khác vang lên phía xa, “Tóm được chúng rồi!”

Tiếng bước chân dừng lại.

Giờ thì Langdon có thể nghe rõ ai đó chạy vội trên lối đi trải sỏi về phía hang. “Có người nhận diện!”, giọng nói thờ hỏn hỏn xác nhận. “Chúng tôi vừa nói chuyện với mấy khách du lịch. Vài phút trước, người đàn ông và người phụ nữ đó hỏi họ hướng đi tới phòng trưng bày trang phục... nằm ở phía chái tây của cung điện.”

Langdon liếc nhìn Sienna. Dường như cô thoáng mỉm cười.

Gã lính lấy lại nhịp thở, tiếp tục nói. “Các lối ra phía tây là những lối đầu tiên bị chặn... và khả năng cao là chúng ta dồn họ mắc kẹt trong vườn rồi.”

“Thực thi nhiệm vụ của mày đi!”, gã lính gần hơn đáp. “Và gọi cho tao ngay khi mày xong việc.”

Có tiếng bước chân hối hả chạy đi lạo xạo trên sỏi, tiếng chiếc máy bay không người lái cất cánh trở lại, và sau đó, thật may... Tất cả chìm vào im lặng hoàn toàn.

Langdon định xoay sang bên để ngó qua bộ tượng nhưng Sienna nắm lấy tay anh chặn lại. Cô đưa một ngón tay lên môi và hát đầu về phía bóng người mờ mờ in trên vách hang phía sau. Gã lính chỉ huy vẫn đứng im lặng ở cửa hang.

Hắn đợi cái gì nhỉ?

“Brüder đây”, gã đột ngột lên tiếng. “Chúng tôi dồn được họ rồi. Tôi sẽ xác nhận lại ngay!”

Gã đang gọi điện thoại, và giọng gã nghe rất gần, như thể đang đứng ngay bên cạnh họ. Cái hang lúc này như một chiếc micro hình parabol, thu hết âm thanh về phía sau.

“Còn nữa”, Brüder nói. “Tôi vừa nhận được tin cập nhật từ bên tòa án. Căn hộ của cô gái kia có vẻ là cho thuê lại. Đồ đạc không có nhiều. Rõ ràng là chỉ ở ngắn hạn. Chúng tôi đã tìm thấy ống nghiệm, nhưng không thấy nhiều máy chiếu. Tôi nhắc lại, không thấy máy chiếu. Chúng tôi cho rằng nó vẫn đang nằm trong tay Langdon.”

Langdon cảm thấy lạnh toát khi nghe gã lính nói ra tên mình.

Tiếng bước chân to hơn, và Langdon nhận ra rằng gã lính đang tiến sâu vào hang. Dáng gã trông không còn vẻ hùng dũng mấy phút trước và lúc này nghe như thể đi dạo, khám phá trong hang trong khi nói chuyện điện thoại.

“Đúng”, gã lính nói. “Bên tòa án cũng xác nhận một cuộc gọi ra ngoài duy nhất ngay trước khi chúng tôi ập vào căn hộ.”

Lãnh sự quán Hoa Kỳ, Langdon nghĩ thầm, nhớ lại chuyện điện thoại của anh và việc ả sát thủ đầu đình đến rất nhanh. Đường như ả đó đã biến mất, và bị thay thế bằng cả đội lính chuyên nghiệp này.

Bọn mình không thể chạy trốn chúng được mãi.

Tiếng giầy của gã lính trên nền đá giờ chỉ còn khoảng sáu mét và đang tiến lại gần. Gã đã bước vào lòng hang thứ hai và nếu tiếp tục đi đến cuối chắc chắn gã sẽ phát hiện bọn họ nép sau phần đế hẹp của bức Thần Vệ nữ.

“Sienna Brooks”, gã lính đột ngột xác nhận, mấy từ đó nghe rất rành rọt.

Sienna giật thót người bên cạnh Langdon, cô ngược mắt lên, cứ nghĩ gã lính

sẽ chòng chọc nhìn xuống cô. Nhưng chẳng có ai ở đó cả.

“Giờ sẽ kiểm tra máy tính xách tay của cô ta”, giọng nói tiếp tục, cách khoảng ba mét. “Tôi chưa có báo cáo, nhưng chắc chắn là cùng cái máy tính chúng tôi dò tìm khi Langdon truy cập vào tài khoản email Harvard của anh ta.”

Nghe được tin này, Sienna ngoảnh sang Langdon vẻ không tin nổi, miệng há hộc nhìn anh với nét mặt sừng sốt... và tiếp đến là cảm giác bị phản bội.

Langdon cũng đờ đẫn không kém. Ra chúng lần được bọn mình bằng cách đó ư?! Thận chí đến lúc đó anh cũng không nghĩ ra được. Mình chỉ cần thông tin thôi mà! Langdon chưa kịp nói lời xin lỗi thì Sienna đã ngoảnh đi, nét mặt cô không biểu lộ gì.

“Đúng vậy”, gã lính nói tiếp, tiến đến lối vào lòng hang thứ ba, chỉ cách Langdon và Sienna gần hai mét. Thêm hai bước chân nữa, chắc chắn gã sẽ nhìn thấy họ.

“Chính xác”, gã nói, bước thêm một bước nữa. Đột nhiên, gã dừng lại. “Chờ chút!”

Langdon cứng đờ, sẵn sàng với tình huống bị phát hiện.

“Chờ chút, tôi mất tín hiệu”, gã lính nói, và sau đó lùi lại vài bước về phía lòng hang thứ hai. “Tín hiệu kém. Được rồi...” Gã lắng nghe một lúc, sau đó đáp. “Được, tôi đồng ý, nhưng ít nhất chúng tôi biết đang đối đầu với ai.”

Nói xong, bước chân gã rút nhẹ dần ra khỏi hang, di chuyển trên bề mặt trái sỏi rồi sau đó biến mất.

Vai Langdon chùng xuống, anh quay sang Sienna, lúc này vẫn còn nguyên vẻ sợ hãi và giận dữ trong ánh mắt.

“Anh đã dùng máy tính của tôi?”, cô hỏi. “Để kiểm tra email của anh à?”

“Tôi xin lỗi... tôi nghĩ cô hiểu. Tôi cần tìm ra...”

“Vì thế bọn chúng tìm ra chúng ta! Và giờ chúng biết tên tôi!”

“Tôi xin lỗi, Sienna. Tôi không nhận ra...”. Langdon áp úng về hồi lỗi.

Sienna quay đi, dăm dăm nhìn vô hồn về phía mảng đá hình củ hành trên vách hang phía sau. Họ không nói gì suốt gần một phút. Langdon tự hỏi liệu Sienna có nhớ đến những đồ vật riêng tư đặt trên bàn của cô - chương trình biểu diễn vở Giác mộng đêm hè và bài báo nói về cuộc đời cô khi còn là một cô bé phi thường. Cô ấy có nghi ngờ mình đã thấy chúng không nhỉ? Dầu có thì cô cũng không hỏi, và Langdon thấy mình đã gây cho cô đủ phiền toái rồi nên anh không định nhắc đến nữa.

“Họ biết tôi là ai”, Sienna nhắc lại, giọng cô nhẹ đến mức Langdon gần như không nghe thấy. Mười giây tiếp theo, Sienna hít thở chậm rãi vài lần, như thể đang cố chấp nhận thực tế mới mẻ này. Trong lúc cô làm như vậy, Langdon cảm thấy vẻ cương nghị của cô đang từ từ trở lại.

Rất đột ngột, Sienna đứng thẳng lên. “Chúng ta phải đi”, cô nói. “Bọn chúng sẽ không mất nhiều thời gian để nhận ra chúng ta không hề ở trong khu trưng bày trang phục.”

Langdon đứng lên theo cô. “Đúng, nhưng đi... đâu đây?”

“Tòa thánh?”

“Sao cơ?”

“Cuối cùng tôi cũng hiểu ra ý anh nói lúc trước... điếm chung giữa Tòa thánh và vườn Boboli.” Cô ra hiệu về phía cánh cửa nhỏ màu xám. “Đó là lối vào, phải không?”

Langdon miễn cưỡng gật đầu. “Thực tế, đó là lối ra, nhưng tôi đoán nó là một lối tắt. Tiếc là chúng ta không thể đi qua.” Langdon đã nghe cuộc trò chuyện giữa anh chàng bảo vệ và gã lính nên biết rõ cánh cửa này không phải là một lựa chọn.

“Nhưng nếu chúng ta có thể đi qua”, Sienna nói, vẻ ranh mãnh thoáng trở lại trong giọng nói của cô, “anh có biết thế nghĩa là sao không?”. Một nụ cười nụ cười thoáng hiện trên môi cô. “Thế nghĩa là trong ngày hôm nay, anh và tôi đã hai lần được nghệ sĩ Phục Hưng này giúp đỡ đấy!”

Langdon bật cười vì mấy phút trước anh đã có ý nghĩ đúng như vậy. “Vasari. Vasari.”

Sienna cười thoải mái hơn, và Langdon cảm thấy cô đã tha thứ cho anh, ít nhất là lúc này. “Tôi nghĩ đó là ý trời”, cô nói, nghe có phần nghiêm trọng.

“Chúng ta nên đi qua cánh cửa đó.”

“Được... và chúng ta sẽ qua mặt anh chàng bảo vệ à?”

Sienna bẻ đốt ngón tay và bước ra khỏi hang. “Không, tôi sẽ nói chuyện với anh ta.” Cô liếc về phía Langdon, vẻ quyết tâm trở lại trong mắt cô. “Tin tôi đi, ngài giáo sư, tôi có thể thuyết phục được người khác khi tôi phải làm vậy.”

Lại có tiếng đập vào cánh cửa màu xám.

Chắc nịch và kiên quyết.

Nhân viên bảo vệ Ernesto Russo càu nhàu đầy bực dọc. Gã lính lạ mặt có cặp mắt lạnh lẽo rõ ràng đã quay lại, nhưng thời điểm xuất hiện thì không thể tệ hơn được nữa. Trận bóng đá trên truyền hình đang vào phút bù giờ trong khi đội Fiorentina thiếu một cầu thủ và số phận như chỉ mảnh treo chuông.

Tiếng đập vẫn tiếp tục.

Ernesto không phải thẳng ngốc. Anh biết sáng nay ngoài kia đang có chuyện gì đó rắc rối - toàn nghe tiếng còi và binh lính - nhưng anh không phải hạng người tự dây dưa vào những chuyện không ảnh hưởng trực tiếp đến mình.

Chỉ có điên mới chõ mũi vào việc của người khác.

Thêm nữa, gã lính kia rõ ràng là nhân vật rất quan trọng, cho nên phớt lờ gã có thể không khôn ngoan chút nào. Công ăn việc làm ở Ý giai đoạn này không dễ kiếm, kể cả những việc nhàm chán. Ernesto liếc nhìn trận đấu lần cuối rồi đi về phía tiếng đập cửa.

Anh vẫn không thể tin được rằng mình được trả công để ngồi trong buồng bé tí suốt ngày và xem ti vi. Có lẽ hai lần mỗi ngày, lại có một tour VIP ở bên ngoài, sau khi đã đi hết quãng đường từ bảo tàng Uffizi. Ernesto sẽ đón họ, mở khóa cánh cửa chắn song thép, để cả nhóm đi qua cánh cửa xám, để tour của họ kết thúc trong vườn Boboli.

Lúc này, tiếng đập cửa nghe càng gấp gáp hơn, Ernesto mở cánh cửa chắn song thép, đi qua đó, và khóa lại phía sau mình.

“Ai đấy?”, anh quát át cả tiếng đập cửa trong lúc tiến vội đến cánh cửa xám.

Không có tiếng trả lời. Tiếng đập vẫn tiếp tục.

Khùng thật! Cuối cùng anh mở cửa và kéo sang bên, cứ ngỡ sẽ nhìn thấy ánh mắt vô hồn lúc trước.

Nhưng khuôn mặt này hấp dẫn hơn rất nhiều.

“Chào anh”, một phụ nữ xinh xắn tóc vàng óng cất tiếng và mỉm cười trìu mến với anh. Cô chìa một tờ giấy gấp gọn, khiến anh thò ngay tay ra nhận lấy một cách đầy bản năng. Ngay khi anh vừa cầm lấy tờ giấy và nhận ra nó chỉ là thứ vứt đi nhặt từ dưới đất, người phụ nữ đã dùng hai bàn tay nhỏ nhắn nắm chặt cổ tay anh và bấm ngón tay cái vào vùng xương ngay bên dưới lòng bàn tay anh.

Ernesto cảm thấy như một lưỡi dao vừa chọc qua cổ tay. Tiếp theo cú chọc nhói buốt là trạng thái tê rần như điện giật. Người phụ nữ bước về phía anh, và ấn ngày càng mạnh thêm, khiến cơn đau cứ thế lặp lại. Anh đảo đầu lùi lại, cố gắng giật tay ra, nhưng hai chân cũng đờ ra và nhũn xuống, khiến anh khuyu gối.

Những việc tiếp theo xảy ra trong chớp mắt.

Một người đàn ông cao ráo trong bộ cánh sẫm màu xuất hiện ở ngưỡng cửa, lách vào trong và nhanh chóng đóng cánh cửa màu xám lại. Ernesto với tay lấy bộ đàm, nhưng bị một bàn tay mềm mại từ phía sau gáy Sienna siết chặt lại, và các cơ cứng đờ, khiến anh phải há miệng để thở. Người phụ nữ lấy bộ đàm trong khi người đàn ông tiến lại, trông có vẻ hoảng hốt trước những hành động của cô không kém gì Ernesto.

“Choáng nhẹ thôi”, người phụ nữ tóc vàng nói nhanh với người đàn ông.
“Điểm huyết kiểu Trung Hoa thôi mà. Không phải vô cơ thuật này có mặt khắp nơi suốt ba nghìn năm qua.”

Người đàn ông trở mặt đầy ngạc nhiên.

“Chúng tôi không muốn làm anh đau đâu”, người phụ nữ thì thào với Ernesto bằng tiếng Ý, nói lỏng áp lực ở cổ.

Ngay khi lực bấm giảm bớt, Ernesto cố gắng vùng vẫy thoát ra, nhưng lực bấm lập tức trở lại, và các cơ của anh lại cứng đờ. Anh há hốc miệng vì đau,

khó khăn lắm mới thở được.

“Chúng tôi cần đi qua đây”, cô nói bằng tiếng Ý. Cô ra hiệu về cánh cửa chấn song thép, thật may là Ernesto đã khóa lại phía sau mình. “Chìa khóa đâu?”

“Tôi không có chìa khóa”, anh cố nói.

Người đàn ông cao ráo vượt qua họ tới cửa thép và kiểm tra kết cấu. “Là loại khóa mã số”, anh ta nói vọng lại chỗ người phụ nữ, giọng rõ là người Mỹ.

Người phụ nữ khom xuống bên cạnh Ernesto, đôi mắt màu hạt dẻ của cô lạnh như băng. “Mã số là gì?”, cô hỏi.

“Tôi không thể!”, anh ta trả lời. “Tôi không được phép...”

Có gì đó ở đầu cột sống anh, và Ernesto cảm thấy cả cơ thể cứng đờ. Một khắc sau, anh ngất đi.

Khi tỉnh lại, Ernesto cảm thấy như đang nửa tỉnh nửa mê mất vài phút. Anh nhớ lại một phần cuộc trò chuyện... cảm giác đau buốt... có lẽ bị đâm chằng? Tất cả rất nhạt nhòa.

Khi mớ bùng nhùng đã tan đi, anh nhìn thấy một cảnh tượng lạ lùng – đôi giày của anh nằm trên nền đất gần đó nhưng dây giày đã bị gỡ mất. Đến khi đó anh mới nhận ra mình không sao cựa quậy được. Anh đang nằm nghiêng với hai tay và chân bị bẻ quặt ra phía sau, rõ ràng đã bị chặt bằng dây giày. Anh cố gắng hét to, nhưng không nghe thấy tiếng gì vọng lại. Miệng anh bị nhét tịt. Cảm giác sợ hãi thật sự ập đến chỉ trong nháy mắt, khi anh ngược nhìn lên và thấy ti vi vẫn đang chiếu trận đấu bóng. Mình đang ở trong buồng của mình... BÊN TRONG cánh cửa chấn song thép.

Cách đó một quãng, Ernesto nghe thấy tiếng bước chân đang chạy xa dần dọc theo hành lang... rồi im lặng. Không thể như vậy được! Bằng cách nào đó, người phụ nữ tóc vàng đã thuyết phục được Ernesto làm một việc anh được thuê để đừng bào giờ làm – tiết lộ mật mã mở khóa lối vào Hành lang Vasari nổi tiếng.

Chương 31

Tiến sĩ Elizabeth Sinskey cảm thấy lúc này những cơn buồn nôn và chóng mặt đang đến nhanh hơn. Bà ngồi rũ người trên băng ghế sau chiếc xe thùng đỗ trước Cung điện Pitti. Người lính ngồi bên cạnh bà đang quan sát bà với vẻ càng lúc càng lo lắng.

Trước đó một lúc, bộ đàm của người lính này kêu sột soạt - chuyện gì đó liên quan đến một phòng trưng bày trang phục - khiến cho Elizabeth bừng tỉnh khỏi trạng thái đầu óc tối tăm. Bà mơ thấy con quái vật có cặp mắt xanh lè.

Bà như quay trở lại căn phòng tối om tại Hội đồng Quan hệ Đối ngoại ở New York, lắng nghe những lời say sưa điên rồ của kẻ lạ mặt bí ẩn mời bà tới đó. Người đàn ông nhìn không rõ ấy đi đi lại lại phía trước căn phòng - một cái bóng cao lêu nghêu in bóng lên hình chiếu rùng rợn lúc nhúc những con người trần trùng đang hấp hối, lấy cảm từ Hỏa ngục của Dante.

“Cần ai đó đảm nhận cuộc chiến này”, nhân vật ấy kết luận, “hoặc đây chính là tương lai của chúng ta. Toán học khẳng định điều này. Loài người giờ đang trôi nổi trong cõi luyện ngục của thái độ lãn nhàn, thiếu quyết đoán và lòng tham cá nhân... nhưng những tầng địa ngục đang chờ đợi, ngay dưới chân chúng ta, đợi để nuốt lấy tất cả chúng ta”.

Elizabeth vẫn quay cuồng trước những ý tưởng kinh khủng mà người đàn ông này vừa nói ra trước mặt bà. Bà không thể chịu đựng được thêm và đứng bật dậy. “Những gì ông gợi ý là...”

“Lựa chọn còn lại duy nhất của chúng ta”, người đàn ông ngắt lời.

“Thực tế”, bà đáp, “tôi sẽ phải nói rằng, đó là ‘phạm tội!’”

Người đàn ông nhún vai. “Đường tới thiên đàng phải đi qua địa ngục. Dante đã dạy chúng ta như vậy.”

“Ông điên rồi!”

“Điên ư?”, người đàn ông lặp lại, nghe như bị tổn thương. “Tôi ư? Tôi không nghĩ vậy. Điên rồ là KẺ [17] dăm dăm nhìn xuống vực thẳm và không chịu tin rằng nó đang tồn tại ở đó. Điên rồ là một con đà điều rúc đầu vào trong bao cát trong khi cả bày linh cầu đang tiến gần xung quanh.”

Trước khi Elizabeth kịp bênh vực tổ chức của mình thì người đàn ông đã đổi hình ảnh trên màn hình.

“Và nói đến linh cầu”, ông ta nói, chỉ vào hình ảnh mới. “Đây chính là bày linh cầu hiện đang bao vây loài người... và chúng đang tiến lại gần rất nhanh.”

Elizabeth kinh ngạc nhìn hình ảnh quen thuộc trước mắt bà. Đó là một biểu đồ do WHO công bố trong năm trước, mô tả vấn đề môi trường chính yếu mà WHO cho rằng có tác động lớn nhất đến ý tế toàn cầu.

Danh sách này gồm:

Nhu cầu về nước sạch, nhiệt độ bề mặt toàn cầu, suy thoái tầng ozone, tiêu thụ các nguồn tài nguyên đại dương, tuyệt chủng giống loài, nồng độ CO₂, nạn phá rừng, và mực nước biển toàn cầu.

Tất cả những chỉ số tiêu cực này đều tăng trong thế kỷ qua. Nhưng giờ đây, tất cả đều đang tăng vọt với tốc độ đáng kinh ngạc.

Elizabeth luôn có những phản ứng tương tự mỗi lần bà nhìn thấy biểu đồ này – một cảm giác bất lực. Bà là nhà khoa học, tin vào sự hữu ích của các số liệu thống kê, và biểu đồ này đã vẽ lên bức tranh đáng sợ không phải về tương lai xa vời... mà là một tương lai rất gần.

Đã nhiều lần trong cuộc đời mình, Elizabeth Sinskey bị ám ảnh vì không còn khả năng có con. Nhưng, khi nhìn thấy biểu đồ, bà gần như cảm thấy nhẹ nhõm vì đã không sinh ra một đứa trẻ trên cõi đời này.

Đây là tương lai cho con của ta ư?

“Trong năm mươi năm qua”, người đàn ông cao kều nói, “tội lỗi của chúng ta chống lại Mẹ Thiên nhiên tăng lên kinh khủng”. Ông ta ngừng lại. “Tôi lo sợ cho linh hồn loài người. Khi WHO công bố biểu đồ này, các chính trị gia, những kẻ quyền lực, và các nhà hoạt động môi trường của thế giới vội triệu tập những hội nghị khẩn, tất cả đều cố gắng đánh giá xem vấn đề trong số này nghiêm trọng nhất và thực tế chúng ta có thể hy vọng giải quyết được những gì. Kết quả? Ở phương diện kín đáo, họ vò đầu bứt tai và khóc lóc. Ở phương diện công khai, họ trấn an chúng ta rằng họ đang tìm kiếm các giải pháp nhưng đây vốn là những vấn đề phức tạp.”

“Những vấn đề này vốn phức tạp!”

“Vớ vẩn!”, người đàn ông ngắt lời. “Bà thừa biết rằng biểu đồ này mô tả mối quan hệ đơn giản nhất - một hàm số dựa trên một biến số duy nhất! Mọi

đường trên biểu đồ này đều tăng lên trong mối tương quan trực tiếp chỉ với một giá trị - cái giá trị tất cả mọi người đều sợ phải thảo luận. Dân số toàn cầu!”

“Trên thực tế, tôi nghĩ điều đó hơi...”

“Hơi phức tạp hơn phải không? Thực tế, không hề! Chẳng có gì đơn giản. Nếu bà muốn có thêm nước sạch bình quân đầu người, bà cần có số người ít hơn trên trái đất. Nếu bà muốn giảm lượng khí thải xe cộ, bà cần lái ít xe hơn. Nếu bà muốn các đại dương lại đầy ắp cá, bà cần ít người ăn cá hơn!”

Ông ta nhìn bà chòng chọc, giọng điệu trở nên sôi nổi hơn. “Hãy mở to mắt ra đi! Chúng ta đang trên bờ vực diệt vong của nhân loại, và các nhà lãnh đạo thế giới đang ngồi trong phòng họp để mất thời gian với những nghiên cứu về điện mặt trời, tái chế, và xe hơi hybrid đúng không? Lẽ nào bà - một phụ nữ có trình độ khoa học - lại không nhìn ra điều đó? Suy thoái tầng ozone, thiếu nước, và ô nhiễm không phải là dịch bệnh - chúng chỉ là những triệu chứng. Căn bệnh là tình trạng quá tải dân số thế giới, chúng ta sẽ chẳng làm được gì hơn là dán một miếng băng gạc lên khối u ác tính đang phát triển trên rất nhanh.”

“Ông xem loài người như một căn bệnh ung thư ư?”, Elizabeth vặn hỏi.

“Ung thư đơn giản là một tế bào mạnh khỏe tái tạo vượt ngoài tầm kiểm soát. Tôi cho rằng bà thấy ý tưởng của tôi là khó chịu, nhưng tôi có thể cam đoan bà sẽ thấy những phương án khác còn kém mỹ miều hơn rất nhiều khi điều đó xảy ra. Nếu chúng ta không hành động dũng cảm thì...”

“Dũng cảm ư?”, bà lắp bắp. “Dũng cảm không phải là từ ông đang tìm kiếm. Phải là điên rồ!”

“Tiến sĩ Sinskey”, người đàn ông nói, giọng bình tĩnh đến kỳ lạ. “Tôi mời riêng bà đến đây bởi vì tôi hy vọng rằng bà - một tiếng nói khôn ngoan của Tổ chức Y tế Thế giới - có thể sẵn lòng hợp tác với tôi và triển khai một giải pháp khả thi.”

Elizabeth trợn mắt nhìn không sao tin nổi. “Ông nghĩ Tổ chức Y tế Thế giới sẽ hợp tác với ông... triển khai một ý tưởng như thế này sao?”

“Nói thật là đúng thế?”, ông ta nói. “Tổ chức của bà gồm những bác sĩ, và khi các bác sĩ có bệnh nhân bị hoại tử, họ không do dự cắt bỏ chân của người đó để cứu mạng anh ta. Đôi khi, quy trình hành động duy nhất là giải pháp ít

tàn nhẫn hơn.”

“Chuyện này hoàn toàn khác!”

“Không. Chuyện này cũng giống hệt. Sự khác biệt duy nhất là quy mô.”

Elizabeth cảm thấy nghe đến đây đã quá đủ. Bà đứng phắt dậy. “Tôi phải đi để kịp máy bay.”

Người đàn ông cao kêu tiến một bước đầy hăm dọa về phía bà, chặn lối ra. “Xin nói thẳng. Dù có sự hợp tác của bà hay không, tôi cũng có thể tự mình triển khai ý tưởng này rất dễ dàng.”

“Xin nói thẳng”, bà đáp trả. “Tôi coi như việc này là một lời đe dọa khủng bố và sẽ giải quyết nó theo cách như thế.” Bà rút điện thoại ra.

Người đàn ông cười phá lên. “Bà sẽ báo rằng tôi nói những điều chỉ mang tính giả thuyết thôi ư? Thật tiếc, bà sẽ phải đợi mới thực hiện được cuộc gọi. Căn phòng này được che chắn bằng điện tử. Điện thoại của bà sẽ không có tín hiệu đâu.”

Ta không cần tín hiệu, kẻ điên rồ ạ. Elizabeth giờ điện thoại lên, và khi người đàn ông chưa kịp nhận ra chuyện gì xảy ra thì bà đã chụp ảnh gương mặt ông ta. Ánh đèn flash phản chiếu đôi mắt xanh lè của ông ta, trong khoảnh khắc, bà nghĩ ông ta trông rất quen.

“Dù ông là ai”, bà nói, “ông cũng đã phạm một sai lầm khi gọi tôi tới đây. Ngay khi tôi tới sân bay, tôi sẽ biết ông là ai, và ông sẽ có tên trong danh sách theo dõi tại WHO, CDC và ECDC với tư cách một cách một kẻ khủng bố sinh học tiềm năng. Chúng tôi sẽ cho người theo sát ông ngày đêm. Nếu ông tìm cách mua chất liệu, chúng tôi sẽ biết. Nếu ông xây dựng một phòng thí nghiệm, chúng tôi sẽ biết. Không có chỗ nào cho ông ẩn nấp cả”.

Người đàn ông đứng im phăng phắc một lúc, như thể ông ta định nhào tới tới chiếc điện thoại của bà. Cuối cùng, ông ta chùng xuống và bước sang bên cùng với nụ cười nham hiểm kỳ quái. “Vậy có vẻ như màn khiêu vũ của chúng ta đã bắt đầu.”

Chương 32

Il Corridoio Vasariano - hành lang Vasari - được Giorgio Vasari thiết kế năm 1564 theo lệnh của người đứng đầu gia tộc Medici, Đại Công tước Cosimo I, để tạo thành một lối đi an toàn từ tư dinh của ngài tại Cung điện Pitti tới trụ sở hành chính nằm ở Cung điện Vecchio bên kia sông Arno.

Tương tự như đường hầm Passetto nổi tiếng của tòa thánh Vatican, Hành lang Vasari là một lối đi bí mật hoàn hảo. Nó kéo dài gần một ki-lô-mét từ góc phía đông của vườn Boboli tới trung tâm của cung điện cũ, chạy ngang qua cầu Ponte Vecchio và uốn lượn qua Bảo tàng Uffizi.

Ngày nay Hành lang Vasari vẫn là một nơi trú ẩn an toàn, mặc dù không phải cho các quý tộc nhà Medici mà là cho các tác phẩm nghệ thuật. Với dãy tường bảo vệ dường như vô tận, hành lang chính là chỗ cất giữ vô vàn bức tranh hiếm hoi đổ về từ Bảo tàng Uffizi nổi tiếng thế giới, nơi hành lang này chạy ngang qua.

Langdon đã đi vào đó vài năm trước trong một chuyến du lịch riêng. Chiều hôm ấy, anh đã dừng lại để chiêm ngưỡng kho tranh đẹp lạ thường trong hành lang, bao gồm cả bộ sưu tập chân dung tự họa đồ sộ nhất thế giới. Anh cũng dừng lại vài lần để ngó qua những ô cửa quan sát của hành lang, nơi mọi khách bộ hành có thể phán đoán được lộ trình của mình dọc theo lối đi nằm ở trên cao này.

Tuy nhiên, sáng hôm nay, Langdon và Sienna di chuyển qua hành lang bằng cách chạy, mong chóng thoát khỏi những kẻ đang truy đuổi họ ở đầu bên kia càng xa càng tốt. Langdon tự hỏi sẽ mất bao lâu để người ta phát hiện ra anh chàng bảo vệ bị trói. Đường hầm trải dài hun hút trước mắt, Langdon cảm thấy mỗi bước đi lại dẫn họ tới gần thứ họ đang tìm kiếm.

Cerca trova... cặp mắt chết chóc... và một câu trả lời xem kẻ nào đang truy đuổi mình.

Tiếng động cơ của chiếc trực thăng không người lái lúc này nghe xa tít phía sau họ. Càng đi sâu vào đường hầm, Langdon càng nhớ ra lối đi này quả thật là một công trình kiến trúc đầy tham vọng. Nằm cao hơn thành phố gần hết chiều dài của nó, Hành lang Vasari giống như một con rắn lớn, uốn mình qua những tòa nhà, suốt từ Cung điện Pitti, vượt qua sông Arno, chạy vào trung tâm thành phố Florence. Lối đi hẹp, quét vôi trắng dường như trải dài vô tận, thỉnh thoảng mới hơi rẽ sang trái hoặc phải để tránh vật cản, nhưng luôn luôn tiến về phía đông... qua sông Arno.

Bất ngờ có những tiếng âm vang phía trước họ, ngay trong hành lang, và Sienna dừng phất lại. Langdon cũng đứng lại, bình thần đặt một bàn tay lên vai cô, ra hiệu về phía ô cửa quan sát gần đó.

Khách du lịch ngay bên dưới.

Langdon và Sienna tiến lại phía ô cửa và nhìn ra, lúc này họ đang ở phía trên Ponte Vecchio - cây cầu đá thời Trung cổ có chức năng như lối đi cho khách bộ hành tiến vào thành cổ. Bên dưới họ, những vị khách du lịch đầu tiên trong ngày đang thích thú tận hưởng phiên chợ họp ngay trên cầu, mở ra kể từ những năm 1400. Ngày hôm nay, những người bán hàng chủ yếu là thợ kim hoàn và người làm đồ trang sức, nhưng không phải lúc nào cũng như vậy. Ban đầu, cây cầu là nơi họp chợ bán thịt ngoài trời rất lớn của Florence, nhưng năm 1593 những người bán thịt bị xua đuổi vì mùi thịt ôi lọt vào Hành lang Vasari khiến khứu giác tinh tế của Đại Công tước vô cùng khó chịu.

Đâu đó trên cây cầu phía dưới, Langdon nhớ lại, chính là nơi một trong những tội ác khét tiếng nhất của Florence từng xảy ra. Năm 1216, một quý tộc trẻ tuổi tên Buondelmonte đã vì tình yêu đích thực mà từ chối cuộc hôn nhân do gia đình sắp đặt, và vì quyết định đó, chàng đã bị giết một cách tàn bạo ngay trên cây cầu này.

Cái chết của chàng, từ lâu vẫn được coi là “vụ án mạng đẫm máu nhất Florence”, vì nó tạo ra mối bất hòa giữa hai phe chính trị đầy quyền thế - gia tộc Guelph và gia tộc Ghibelline. Ngay sau đó, họ đã phát động chiến tranh huynh đệ tương tàn suốt nhiều thế kỷ. Vì mối cừ thù chính trị này mà Dante phải rời khỏi Florence. Nhà thi hào đã đau đớn đưa vào sự kiện đó vào Thần khúc: Ôi Buondelmonte, theo lời khuyên của kẻ khác, chàng thoái thác lời hứa hôn của mình, và dẫn tới tội ác như vậy!

Ngày đó, có thể tìm thấy ba tấm bảng riêng biệt gần vị trí vụ án mạng - mỗi tấm trích một dòng khác nhau từ Khổ XVI trong Thiên đường của Dante. Một trong số đó nằm ở đầu cầu Ponte Vecchio và đây tính chất điềm báo thế này:

NHỮNG TRONG THỜI KỲ THÁI BÌNH

CUỐI CÙNG, ĐỊNH MỆNH ĐÃ MANG TỚI CHO VỊ THẦN

GIÁM HỘ BẰNG ĐÁ BỊ THƯƠNG [\[18\]](#) TRÊN CÂY CẦU

CỬA THÀNH PHỐ FLORENCE... MỘT NẠN NHÂN.

Langdon rời mắt khỏi cây cầu, nhìn xuống nước sông xám xịt. Ở phía đông, ngọn tháp lẻ loi của Cung điện Vecchio nổi bật hẳn lên.

Mặc dù Langdon và Sienna mới chỉ qua được nửa sông Arno, nhưng anh thấy rõ rằng họ đã vượt qua giới hạn quay lại từ lâu.

Cách gần mười mét phía dưới, trên nền đá cuội của cầu Ponte Vecchio, Vayentha sốt ruột quan sát đám đông qua lại mà không thể ngờ được rằng cơ hội lập công chuộc tội duy nhất của ả, chỉ vài phút trước đã đi qua ngay trên đầu.

Chương 33

Sâu trong khoang con tàu The Mendacium đã buông neo, điều phối viên Knowlton ngồi một mình trong buồng của mình, cố tập trung vào công việc nhưng không được. Đây lo lắng, anh ta xem lại đoạn video và suốt một giờ qua vẫn đang phân tích đoạn độc thoại dài chín phút nửa thiên tài nửa điên cuồng.

Knowlton tua lại từ đầu, tìm kiếm bất kỳ manh mối nào anh ta có thể bỏ sót. Anh ta bỏ qua tấm biển chìm dưới nước... bỏ qua cái túi treo lơ lửng đựng đầy thứ chất lỏng màu nâu vàng đục đục... và tìm tới khoảnh khắc cái bóng có mũi chim xuất hiện – một cái bóng dị dạng in lên vách hang đang nhỏ nước... được thấp một quãng sáng đỏ yếu ớt.

Knowlton lắng nghe giọng nói đã bị bóp méo, cố giải mã thứ ngôn ngữ phức tạp. Đoạn độc thoại trôi qua khoảng một nửa, cái bóng trên tường đột nhiên phình to hơn và âm thanh giọng nói tăng hẳn.

“Địa ngục của Dante không phải hư cấu... nó là lời tiên tri!

Nổi thống khổ cùng cực. Những bất hạnh giày vò. Đây là viễn cảnh của ngày mai.

Nhân loại, nếu không được kìm hãm, sẽ giống như một đại dịch, một thứ ung thư... Dân số đang tăng lên qua mỗi thế hệ kế tiếp nhau cho tới khi những

tiện nghi trần tục từng nuôi dưỡng đức hạnh và tình huynh đệ của chúng ta mai một thành hư không... khơi gợi những con quái vật ngay trong chúng ta... tranh đấu sống mái để nuôi sống con cháu chúng ta.

Đây chính là địa ngục chín tầng của Dante.

Đây là những gì đang chờ đợi.

Khi tương lai lao thẳng vào chúng ta, được tiếp sức bằng phép toán học kinh khủng của Malthus, chính là lúc chúng ta chao đảo bên trên tầng địa ngục thứ nhất... chuẩn bị rơi xuống nhanh hơn chúng ta hình dung.”

Knowlton cho dừng đoạn video. Toán học của Malthus ư? Tìm kiếm nhanh trên Internet cung cấp cho anh ta thông tin về một nhà toán học kiêm nhân khẩu học nổi bật người Anh ở thế kỷ XIX có tên Thomas Robert Malthus, người đã dự đoán sự sụp đổ tất yếu trên toàn cầu do tình trạng quá tải dân số.

Knowlton lo sợ khi thấy tiểu sử Malthus còn có cả một đoạn trích bi quan từ cuốn sách Luận về nguyên tắc dân số của ông.

“Sức mạnh của dân số vượt xa sức mạnh tạo ra sinh kế cho con người trên trái đất, đến mức tình trạng chết yểu sẽ viếng thăm loài người dưới một hình thức nào đó. Những thói xấu của loài người chính là tác nhân tích cực cho việc giảm dân số. Nhiều nhan nhản, chúng là điềm báo trước cho sự hủy diệt, và thường tự chúng sẽ hoàn tất công việc kinh khủng ấy. Nhưng nếu chúng thất bại trong cuộc chiến tiêu diệt này, mùa đau ốm, các căn bệnh, trận dịch, và dịch hạch sẽ tràn tới mạnh mẽ và quét một lúc hàng nghìn hàng vạn người. Nếu thành công vẫn chưa trọn vẹn, nạn đói không thể tránh khỏi sẽ lên theo sau, và bằng một đòn khủng khiếp sẽ đưa dân số về tương ứng với lương thực của thế giới.”

Tim đập thình thịch, Knowlton nhìn lại hình ảnh đang tạm dừng của bóng đen có mũi hình mỏ chim.

Nhân loại, nếu không được kìm hãm, sẽ giống như một thứ ung thư.

Nếu không được kìm hãm. Knowlton không thích cách nói đó lắm.

Ngón tay đầy do dự, anh ta cho đoạn video chạy tiếp.

Giọng nói bị bóp méo tiếp tục vang lên.

“Không làm gì tức là đón chào địa ngục của Dante... chật chội và đói khát, đăm đăm trong Tội lỗi.

Và ta mạnh dạn hành động.

Một số kẻ sẽ co rúm lại vì sợ hãi, nhưng sự cứu rỗi nào cũng có giá của nó.

Sẽ có ngày thế giới hiểu rõ sự hy sinh cao cả của ta.

Vì ta là Cứu rỗi.

Ta là Vong linh.

Ta là cánh cửa đi vào kỷ nguyên Hậu loại người.”

Chương 34

Cung điện Vecchio giống hệt một quân cờ khổng lồ. Với phần mặt tiền hình tứ giác vững chãi và những bức tường có lỗ châu mai vuông vức, tòa cung điện hình quân xe đồ sộ này tọa lạc ở vị trí rất phù hợp, trấn giữ góc đông nam của Quảng trường Signoria.

Tòa tháp duy nhất rất lạ thường của cung điện, vươn lên ở trung tâm pháo đài vuông vức này, như một mặt cắt rất đặc trưng in trên đường chân trời và trở thành một biểu tượng độc nhất vô nhị của Florence.

Là trung tâm quyền lực của chính quyền Ý, tòa cung điện khiến cho những vị khách tới đây có ấn tượng đặc biệt về vô số tượng nam giới. Tượng thần biển Neptune vạm vỡ của Ammannati đứng khỏa thân trên lưng bốn con hải mã – biểu tượng cho địa vị thống trị của Florence trên biển. Một bản sao tượng David của Michelangelo – nhân vật nam giới khỏa thân được chiêm ngưỡng nhiều nhất trên thế giới – đứng kiêu hãnh ngay lối vào cung điện. Cùng nhập hội với David là Hercules và Cacus – hai nhân vật nam khỏa thân khổng lồ khác – phối hợp cùng những dân thần của Neptune, chào đón các vị khách tới cung điện bằng cách phô ra hơn một tá dương vật.

Thông thường, những lần tới tham quan Cung điện Vecchio của Langdon đều bắt đầu từ Quảng trường Signoria - một trong những quảng trường anh ưa thích nhất ở châu Âu, mặc dù nó có quá nhiều tượng nam giới khỏa thân. Sẽ không thể coi là đã tới thăm quảng trường nếu chưa nhâm nhi một tách cà

phê espresso tại quán Caffè Rivoire, rồi chiêm ngưỡng những chú sư tử nhà Medici tại Loggia dei Lanzi – khu trưng bày tượng điêu khắc ngoài trời của quảng trường.

Những hôm nay, Langdon và người bạn đồng hành dự định tiến vào cung điện Vecchio qua Hành lang Vasari, giống như các công tước nhà Medici vẫn thường làm lúc sinh thời – đi qua Bảo tàng Uffizi nổi tiếng và bám theo hành lang uốn lượn phía trên những cây cầu, đường sá và qua những tòa nhà, tiến thẳng vào trung tâm của cung điện cũ. Cho đến lúc này, họ chưa hề nghe thấy tiếng bước chân bám theo phía sau, nhưng Langdon vẫn rất sốt ruột mong thoát ra khỏi hành lang.

Giờ thì chúng mình đến nơi rồi, Langdon nhận ra như vậy, mắt hướng về cánh cửa gỗ nặng nề trước mặt. Lối vào cung điện cũ.

Cánh cửa đó, mặc dù có kết cấu khóa chắc chắn, vẫn được gia cố thêm một then ngang, hình thành một lối thoát khẩn cấp đồng thời ngăn bất kỳ kẻ nào ở phía bên kia xâm nhập vào Hành lang Vasari mà không có thể từ.

Tiếng ổ khóa nảy lên.

Ô cửa gỗ hé ra vài phân, Langdon ghé mắt nhìn ra bên ngoài. Một hốc phòng nhỏ. Vắng vẻ. Im ắng.

Khẽ thở phào, Langdon bước qua cửa và ra hiệu cho Sienna theo sau.

Chúng ta đã vào trong.

Đứng bên trong một hốc phòng đầu đó trong Cung điện Vecchio, Langdon đợi một lát và cố gắng trấn tĩnh lại. Trước mặt họ là một hành lang dài chạy vuông góc với hốc phòng. Bên trái họ, cách một quãng, có những tiếng nói vọng lên hành lang, bình tĩnh và vui vẻ. Cung điện Vecchio, giống như Điện Capitol ở Hoa Kỳ, vừa là điểm du lịch vừa là trụ sở làm việc của chính phủ. Vào giờ này, những giọng nói họ đang nghe thấy chắc chắn là của các viên chức đang hồi hả ra vào văn phòng, sẵn sàng cho một ngày làm việc mới.

Langdon và Sienna nhích dần trong hành lang và ngó qua góc tường. Đúng như dự đoán, phía cuối hành lang là một tiền sảnh có hơn chục viên chức chính quyền đứng nhâm nhi cà phê espresso buổi sáng và chuyện phiếm với đồng nghiệp trước giờ làm việc

“Bích họa Vasari”, Sienna thì thào, “anh nói nó ở trong Sảnh Năm trăm phải

không?”

Langdon gật đầu và chỉ qua tiền sảnh đông đúc về phía một khuôn cửa trở thẳng vào một hành lang đá. “Rất tiếc, lại phải đi qua tiền sảnh đó.”

“Anh chắc chứ?”

Langdon gật đầu. “Chúng ta sẽ không có cách nào vượt qua đó mà không bị phát hiện.”

“Họ đều là nhân viên chính phủ. Họ sẽ không quan tâm đến chúng ta đâu. Cứ việc đi tới như thể anh là người ở đây.”

Sienna tiến lại, nhẹ nhàng vuốt phẳng chiếc áo vét hiệu Brioni của Langdon và chỉnh lại cổ áo. “Trông anh bảnh rồi đây, Robert.” Cô e thẹn mỉm cười nhìn anh, chỉnh lại áo len của mình, và bước ra.

Langdon vội vã bám theo cô, cả hai đường hoàng sai bước về phía tiền sảnh. Khi họ bước vào, Sienna bắt đầu nói với anh rất nhanh bằng tiếng Ý – chuyện gì đó liên quan đến bảo hộ nông trại – say sưa khoa chân múa tay trong lúc nói. Họ tiến thẳng tới bức tường ngoài cùng, giữ một khoảng cách với những người khác. Langdon vô cùng ngạc nhiên vì đúng là không hề có một nhân viên nào để ý đến họ.

Khi đã đi qua tiền sảnh, họ nhanh chóng tiếp cận hành lang. Langdon nhớ lại chương trình biểu diễn kịch Shakespeare. Yêu nữ lấu cá. “Cô đúng là một diễn viên”, anh thì thào.

“Tôi buộc phải làm thế”, cô đáp lời, giọng có phần xa cách kỳ lạ.

Lại một lần nữa, Langdon cảm thấy có điều gì đó trong quá khứ của người phụ nữ trẻ này còn đau đớn hơn cả những gì anh biết, và càng lúc càng hối hận vì đã lôi cô vào tình huống rắc rối nguy hiểm cùng mình. Anh tự nhủ rằng lúc này chưa có gì xong xuôi cả, ngoại trừ nhìn nhận cho thấu đáo.

Cứ tiếp tục bơi qua đường hầm... và cầu mong nhìn thấy ánh sáng.

Khi tới gần khuôn cửa, Langdon thở phào nhận thấy trí nhớ của mình vẫn rất tốt. Một tấm biển nhỏ có mũi tên chỉ qua góc tường vào hành lang cùng lời ghi: IL SALONE DEI CINQUECENTO. Sảnh Năm trăm, Langdon nghĩ, tự hỏi không biết những câu trả lời nào đang đợi họ bên trong. Chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc. Điều này có nghĩa là gì nhỉ?

“Có thể phòng vẫn khóa”, Langdon lưu ý khi họ đến gần góc tường. Mặc dù Sảnh Năm trăm là một điểm du lịch quen thuộc nhưng sáng nay lại chưa mở cửa.

“Anh có nghe thấy tiếng đó không?”, Sienna hỏi, và dừng phất lại

Langdon đã nghe thấy. Có tiếng âm ì rất to tiến lại gần ngay chỗ góc tường. Xin hãy nói với tôi rằng đó không phải là một chiếc máy bay không người lái trong nhà. Rất thận trọng, Langdon ngó qua góc ô cửa. Cách đó ba mươi thước là một cánh cửa gỗ đơn giản kỳ lạ mở vào Sảnh Năm trăm. Rất tiếc, chính giữa cửa lại là một nhân viên bảo vệ to béo đang đẩy cỗ máy đánh bóng sàn chạy điện theo vòng tròn.

Nhân viên gác cửa.

Langdon chú ý đến ba biểu tượng trên một tấm biển nhựa bên ngoài cửa. Ngay cả những nhà biểu tượng học ít kinh nghiệm nhất cũng nhận ra các biểu tượng quen thuộc này: Một máy quay có dấu X, một cốc uống nước có dấu X, và hai hình người, một nam và một nữ.

Langdon hành động ngay, sải bước nhanh về phía nhân viên bảo vệ, hơi chậm bước khi lại gần người đó hơn. Sienna rảo bước sát theo sau anh.

Nhân viên bảo vệ ngược lên, có vẻ hơi giật mình. “Xin lỗi!” Ông ta giơ tay chặn Langdon và Sienna lại.

Langdon mỉm cười khổ sở, đúng hơn là nhăn nhó với ông ta và ra hiệu về phía mấy biểu tượng gần cửa. “Nhà vệ sinh”, anh nói, giọng anh cuống quýt. Đó không phải là một câu hỏi.

Ông bảo vệ lưỡng lự một chút, vẻ sẵn sàng từ chối yêu cầu của họ, nhưng cuối cùng nhìn thấy dáng đi không lầy gì làm thoải mái của Langdon, ông ta gạt đầu về thông cảm và vẫy tay cho họ qua.

Khi tới cửa, Langdon nháy mắt nhanh với Sienna. “Lòng trắc ẩn là một ngôn ngữ phổ thông.”

Chương 35

Đã có thời, Sảnh Năm trăm là gian phòng rộng nhất thế giới. Nó được xây

dựng năm 1494 để làm nơi hội họp cho toàn thể Consiglio Maggiore – Đại hội đồng gồm đúng năm trăm ủy viên của nền Cộng hòa – vì thế thành tên của sảnh. Vài năm sau, theo lệnh của Cosimo I, phòng được cải tạo và mở rộng đáng kể. Cosimo I, nhân vật quyền thế nhất nước Ý, đã chọn Giorgio Vasari làm giám công kiêm kiến trúc sư của dự án.

Để hoàn thành công trình đặc biệt này, Vasari đã cho nâng phần mái cũ và cho ánh sáng tự nhiên tràn vào qua các cửa sổ con rất cao ở cả bốn mặt gian phòng, tạo thành một không gian trang nhã trưng bày những bức tranh, tác phẩm điêu khắc và kiến trúc đẹp nhất của Florence.

Sàn của gian phòng này luôn thu hút ánh mắt của Langdon trước tiên, vì nó như tuyên bố rằng đây không phải là một không gian bình thường. Phần sàn bằng đá son cùng hệ thống đường kẻ ô màu đen tạo cho không gian rộng một nghìn một trăm mười lăm mét vuông này vẻ vững chãi, sâu và cân bằng.

Langdon từ từ nhướn mắt nhìn về đầu kia của gian phòng, nơi sáu bức điêu khắc - Những kỳ công của Hercules – xếp hàng dọc theo tường như một toán binh sĩ. Langdon cố ý bỏ qua tác phẩm Hercules và Diomedes vẫn thường xuyên bị chê bai, mô tả những thân hình trần truồng mắc cứng trong một trận đấu vật trông rất quyết liệt, với động tác “bóp dương vật” đầy tính sáng tạo vẫn luôn khiến Langdon phát hãi.

Để bắt mắt hơn là tác phẩm Thần Chiến thắng đẹp mê hồn của Michelangelo đứng ở bên trái, choán hết hốc chính giữa của bức tường phía nam. Cao gần ba mét, tác phẩm điêu khắc này dự định dành cho phần mộ của vị giáo hoàng gây nhiều tranh cãi Julius II – được mệnh danh là Đức Thánh Cha Đáng sợ - một nhiệm vụ Langdon luôn thấy rất châm biếm, nếu xét đến quan điểm về tình dục đồng giới của Vatican. Bức tượng mô tả Tommaso dei Cavalieri, chàng thanh niên mà Michelangelo yêu say đắm và cũng là người ông viết tặng hơn ba trăm bài thơ.

“Tôi không thể tin là mình lại chưa bao giờ đến đây!”, Sienna thì thào bên cạnh anh, giọng cô đột nhiên nhẹ nhàng và đầy thành kính. “Nơi này... đẹp quá!”

Langdon gật đầu, nhớ lại lần đầu anh tới thăm khu vực này, nhân một buổi hòa nhạc cổ điển đặc biệt của nghệ sĩ piano lừng danh thế giới Mariele Keymel. Mặc dù đại sảnh này là nơi hội họp chính trị và thiết triều của ngài Đại Công tước, nhưng giờ đây nó được dành cho các nhạc sĩ, nhà diễn thuyết và những buổi dạ tiệc – từ sử gia nghệ thuật Maurizio Seracini đến dạ tiệc

khai trương chỉ có hai màu đen-trắng của Bảo tàng Gucci. Nhiều lúc Langdon tự hỏi Cosimo I sẽ cảm thấy thế nào về chuyện phải chia sẻ đại sảnh riêng vốn rất chân phương của mình với các vị CEO và người mẫu thời trang.

Langdon hướng ánh mắt sang những bức bích họa đồ sộ tô điểm cho các bức tường. Lịch sử kỳ lạ của chúng còn bao gồm kỹ thuật vẽ thử nghiệm bất thành của Leonardo da Vinci, với kết quả là một “kiệt tác tan chảy”. Cũng đã từng có một “cuộc thi tài” nghệ thuật do Piero Soderini và Machiavelli dẫn dắt, sử dụng hai người khổng lồ của thời Phục Hưng – Michelangelo và Leonardo – đấu với nhau, bằng cách ra lệnh cho họ sáng tạo ra những bích họa ở các bức tường đối diện nhau trong cùng một căn phòng.

Tuy nhiên, hôm nay, Langdon quan tâm đến một trong những điểm kỳ quặc mang tính lịch sử khác của căn phòng này.

Cerca trova.

“Cái nào là của Vasari?”, Sienna hỏi, đưa mắt nhìn các bích họa.

“Gần như tất cả”, Langdon đáp, biết rõ việc đề cải tạo căn phòng, Vasari cùng các phụ tá đã phải vẽ lại gần như mọi thứ bên trong, từ những bức bích họa nguyên gốc tới ba mươi chín ô trang trí phân trần “treo” nổi tiếng của gian phòng.

“Nhưng bích họa kia”, Langdon nói, chỉ bức bích họa ở bên phải họ, “mới là bức chúng ta muốn xem – Trận Marciano của Vasari”.

Bức tranh mô tả cảnh đối đầu quân sự quả là đồ sộ - dài một trăm sáu mươi lăm mét và cao hơn ba tầng nhà. Nó được khắc họa bằng các gam màu nâu đỏ và xanh lục – một đại cảnh dữ dội với lính, ngựa, giáo mác cùng những lá cờ va đụng nhau trên một sườn đồi ở vùng quê.

“Vasari, Vasari”, Sienna thì thào. “Và thông điệp bí mật của ông ấy được giấu đâu đó trong bức tranh ấy ư?”

Langdon gật đầu trong lúc nheo mắt nhìn lên đỉnh bức bích họa khổng lồ, cố gắng định vị lá cờ trận màu lục đặc biệt, Vasari đã vẽ lên đó thông điệp bí ẩn của ông - CERCA TROVA. “Gần như không thể nhìn thấy từ dưới này mà không dùng ống nhòm”, Langdon nói, chỉ tay lên bức tranh, “nhưng ở khoảng giữa trên cùng, ngay phía dưới hai ngôi nhà nông trại trên sườn đồi, có một lá cờ màu xanh lục hơi nghiêng nhỏ xíu và...”

“Tôi nhìn thấy rồi”, Sienna nói, tay chỉ lên góc trên bên phải, rất đúng vị trí.

Langdon ao ước có được cặp mắt tinh tường hơn.

Hai người bước lại gần bức bích họa cao ngất, Langdon ngược nhìn về tráng lệ của nó. Cuối cùng, họ đã ở đây. Vấn đề duy nhất lúc này là Langdon không biết chắc tại sao họ lại đến đây. Anh đứng im lặng rất lâu, dăm dăm nhìn những chi tiết trong kiệt tác của Vasari.

Nếu ta thất bại... khi đó tất cả sẽ chết.

Một cánh cửa hé mở phía sau họ, và ông bảo vệ cùng cái máy lau sàn ngó vào, về ngập ngừng. Sienna vẫy tay chào đầy thân thiện. Ông bảo vệ nhìn họ một lát rồi khép cửa lại.

“Chúng ta không có nhiều thời gian đâu, Robert”, Sienna giục. “Anh cần nghĩ xem. Bức tranh có gợi cho anh điều gì không? Bất kỳ ký ức gì không?”

Langdon chăm chú nhìn cảnh chiến trận hỗn loạn phía trên họ.

Chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc.

Langdon từng nghĩ có lẽ trong bức bích họa có một xác chết với ánh mắt vô hồn nhìn về phía một manh mối nào đó trong bức tranh... hoặc thậm chí là một vị trí nào đó trong gian phòng. Tiếc thay, lúc này Langdon thấy rằng có đến hàng chục xác chết trong bức bích họa, và không cái xác nào đáng chú ý cũng như không có cặp mắt người chết nào hướng tới bất kỳ nơi nào đặc biệt.

Chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc ư?

Anh cố gắng mừng tượng các đường kết nối từ xác chết này tới xác chết khác, bản khoản không biết có thể tạo ra hình thù gì không nhưng chẳng thấy gì cả.

Đầu Langdon lại căng rần rật trong lúc cố lục tung những tầng sâu trí nhớ của mình. Đầu đó, giọng của người phụ nữ tóc bạc vẫn thì thầm: Hãy tìm kiếm và sẽ thấy.

“Tìm cái gì chứ?”, Langdon muốn hét to lên.

Anh cố nhắm mắt lại và từ từ thở ra. Anh xoay vai vài lần và cố gắng giải

phóng mình khỏi tất cả những suy nghĩ có ý thức, hy vọng chạm đến bản năng sâu thẳm.

Rất xin lỗi.

Vasari.

Cerca trova.

Chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc.

Bản năng mách bảo, chắc chắn anh đã tìm đúng chỗ. Và dù lúc này không hiểu nổi tại sao, anh vẫn có cảm nhận rõ rệt rằng chẳng mấy chốc mình sẽ thông suốt mọi chuyện.

Đặc vụ Brüder hững hờ nhìn đồng quần áo chèn nhung màu đỏ trong tủ trưng bày trước mắt mình và rửa thẳm. Đội SRS của anh ta đã lục soát khắp khu trưng bày phục trang, nhưng không tìm thấy Langdon và Sienna Brooks ở đâu cả.

Giám sát và hỗ trợ phản ứng, anh ta giận dữ nghĩ. Kể từ lúc nào một thằng cha giáo sư đại học lại thoát khỏi tay SRS chứ? Bọn họ biến đi chỗ quái nào rồi!

“Mọi lỗi ra đều đã phong tỏa”, một người của anh ta khẳng định. “Khả năng duy nhất là bọn họ vẫn còn trong khu vườn.”

Điều này dường như khá hợp lý nhưng Brüder lại có cảm giác rằng Langdon và Sienna Brooks đã tìm được một lối thoát nào đó.

“Cho máy bay bay lại đi”, Brüder quát. “Và lệnh cho giới chức địa phương mở rộng phạm vi tìm kiếm bên ngoài các bức tường.” Mẹ kiếp!

Trong khi người của mình tỏa đi, Brüder vớ lấy điện thoại và gọi cho người có trách nhiệm. “Brüder đây”, anh ta nói. “Tôi e là chúng ta đang gặp phải vấn đề rất nghiêm trọng. Thực tế là rất nhiều vấn đề.”

Chương 36

Chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc.

Sienna lặp lại những từ này trong lúc tiếp tục xem xét từng phân một trong quang cảnh chiến trận dữ dội của Vasari, hy vọng có thể thấy chi tiết gì đó nổi bật.

Cô nhìn thấy những đôi mắt chết chóc ở khắp mọi nơi.

Bọn mình đang tìm kiếm cặp mắt nào đây?

Cô tự hỏi liệu cặp mắt chết chóc có ám chỉ tới những xác chết thối rữa rải rác khắp châu Âu do dịch hạch không.

Ít nhất điều đó cũng giải thích cho cái mặt nạ dịch hạch...

Bất ngờ, một bài đồng dao trẻ con nảy ra trong tâm trí Sienna: Cổ đeo chuỗi hồng hoa. Túi đầy cỏ với hoa. Hóa thành đám tro tàn. Tất cả đều ra ma.

Cô thường hát bài đồng dao này khi còn là một nữ sinh ở Anh cho tới khi nghe nói bài đồng dao xuất xứ từ trận dịch hạch ở London năm 1665. Người ta cho rằng, chuỗi hồng hoa là nói đến những cục hạch sưng tấy có quầng đỏ trên da phát triển thành chuỗi và là dấu hiệu cho thấy một người đã bị nhiễm bệnh. Người bệnh thường mang theo trong túi áo đầy các loại thảo dược hoặc hoa với hy vọng được bảo vệ trước mùi cơ thể đang bị hủy hoại của chính họ cũng như mùi hôi thối của cả thành phố, nơi hàng trăm nạn nhân dịch hạch bỏ mạng mỗi ngày, và xác họ được hỏa thiêu sau đó. Hóa thành đám tro tàn [\[19\]](#). Tất cả đều ra ma.

“Ồn chúa”, Langdon đột ngột buột miệng, xoay người về phía bức tường đối diện.

Sienna tò mò. “Có gì không ồn à?”

“Đó là tên một tác phẩm nghệ thuật từng được trưng bày ở đây.Ồn chúa.”

Bối rối, Sienna nhìn Langdon vội vã băng ngang phòng về phía một cánh cửa kính nhỏ và cố gắng mở ra. Cửa đã bị khóa. Anh áp mặt vào kính, khum hai bàn tay quanh mắt và nhìn vào bên trong.

Dù Langdon đang cố tìm kiếm cái gì, Sienna cũng hy vọng anh tìm thấy thật nhanh. Ông bảo vệ vừa xuất hiện lần nữa, lần này mang vẻ mặt nghi ngờ rất rõ ràng khi nhìn thấy Langdon đi tới sẫm soi một cánh cửa khóa kỹ.

Sienna rói rít vẫy tay với ông bảo vệ, nhưng ông ta lạnh lùng nhìn cô một lúc

lâu và đi mất.

Lo Studiolo.

Nằm phía sau cánh cửa kính, ngay đối diện mấy từ *cerca trova* được giấu kỹ trong Sảnh Năm trăm, là một gian nhỏ xíu không có cửa sổ. Được Vasari thiết kế như một phòng làm việc bí mật cho Công tước Francesco I, gian Studiolo vuông vức có trần uốn thành vòm tròn như hầm rượu, khiến cho người ở bên trong có cảm giác như đang ở trong một hòm châu báu cỡ lớn.

Rất phù hợp là nội thất gian phòng cũng lấp lánh những món đồ đầy thẩm mỹ. Hơn ba mươi bức tranh hiếm có trang hoàng cho những bức tường và trần nhà, được treo sát nhau đến mức không còn không gian trống nào trên tường. Cú ngã của Icarus... Phóng dụ đời người... Mẹ Thiên nhiên tặng Prometheus bảo ngọc...

Lúc nhìn qua lớp kính vào không gian rục rờ phía sau, Langdon thì thào với chính mình “Cặp mắt chết chóc”.

Lần đầu tiên Langdon ở bên trong Lo Studiolo là cách đây vài năm, trong một chuyến tham quan riêng theo các lối đi bí mật của cung điện. Anh đã sửng sò khi biết có vô số cánh cửa, cầu thang và lối đi bí mật trong cung điện, chẳng khác gì tổ ong, kể cả một vài hạng mục được giấu kín phía sau những bức vẽ bên trong Lo Studiolo.

Tuy nhiên, các lối đi bí mật không phải là thứ khiến Langdon quan tâm. Thay vào đó, anh chú ý đến một tác phẩm nghệ thuật hiện đại rất táo bạo được trưng bày ở đây – Ông Chúa – một tác phẩm gây tranh cãi của Damien Hirst, từng gây sóng gió khi xuất hiện bên trong Studiolo lừng danh của Vasari.

Một cái khuôn đầu lâu kích thước thật bằng platinum đặc, bề mặt phủ kín hơn tám nghìn viên kim cương nạm sáng lấp lánh hiện ra. Hiệu ứng vô cùng ấn tượng. Hai hốc mắt trống rỗng của cái sọ lấp loáng ánh sáng và đầy sức sống, tạo ra một cặp biểu tượng đối lập nhau – sự sống và cái chết, vẻ đẹp và sự hãi hùng. Mặc dù cái sọ kim cương của Hirst đã bị chuyển khỏi Lo Studiolo từ lâu nhưng ký ức về nó đã làm Langdon nảy ra một ý tưởng.

Cặp mắt chết chóc, anh nghĩ bụng. Một cái đầu lâu là chuẩn xác, phải không nhỉ?

Đầu lâu là một chủ đề thường xuyên xuất hiện trong Hỏa Ngục của Dante,

nổi tiếng nhất là hình phạt tàn khốc đối với Bá tước Ugolino ở tầng địa ngục thấp nhất – ông ta bị kết án phải mãi mãi gặm đầu lâu của một vị tổng giám mục xấu xa.

Phải chăng bọn mình đang tìm một cái đầu lâu?

Langdon biết rõ, gian Studiolo bí ẩn được xây dựng theo kiểu “tủ bách khoa toàn thư” truyền thống. Gần như tất cả bức vẽ của gian phòng đều lắp bản lề bí mật, có thể xoay thành những học tủ, nơi công tước cất giữ những món đồ lạ lùng mà ông quan tâm – các mẫu khoáng vật hiếm hoi, những sợi lông vũ đẹp mắt, một hóa thạch vỏ ốc anh vũ hoàn hảo, và thậm chí người ta còn cho rằng có cả xương ống chân của một nhà sư được trang trí bằng bạc.

Rất tiếc, Langdon ngờ rằng tất cả món đồ trong các học tủ đều đã được dọn đi từ lâu, và anh chưa từng nghe nói có bất kỳ hộp sọ nào được trưng bày ở đây, trừ tác phẩm của Hirst.

Suy nghĩ của anh bị đứt quãng bởi tiếng cửa đóng mạnh ở đầu sảnh bên kia. Những tiếng bước chân vội vã băng qua sảnh tiến lại rất nhanh.

“Thưa ông!”, một giọng nói giận dữ quát lên. “Sảnh này không mở cửa!”

Langdon quay lại nhìn thấy một nữ nhân viên đang tiến về phía mình. Cô ấy nhỏ, với mái tóc nâu cắt ngắn. Cô ấy đang mang bầu rất lớn. Người phụ nữ hỏi há tiến lại phía họ, tay chỉ vào đồng hồ và lớn tiếng gì đó về việc khu vực này chưa mở cửa. Lúc tiến lại gần hơn, cô bắt gặp ánh mắt Langdon và lập tức dừng sững lại, sững sốt đưa tay che miệng.

“Giáo sư Langdon!”, cô ấy kêu lên, vẻ bối rối. “Tôi xin lỗi! Tôi không biết anh ở đây. Chào mừng anh trở lại!”

Langdon cứng đờ người.

Anh tin chắc mình chưa bao giờ gặp người phụ nữ này trước đó.

Chương 37

“Tôi suýt nữa không nhận ra anh, thưa giáo sư!”, người phụ nữ nói bằng thứ tiếng Anh nặng nề trong lúc tiến lại gần Langdon. “May nhờ trang phục của anh.” Cô mỉm cười trêu mếu và gật đầu tán thưởng bộ cánh Brioni của

Langdon. “Rất thời trang. Trông anh chẳng khác gì người Ý.”

Miệng Langdon khô khốc, nhưng anh cố nở một nụ cười nhã nhặn lúc người phụ nữ đến bên anh. “Xin... chào chị!”, anh đáp ứng. “Chị khỏe không?”

Cô ấy bật cười, tay ôm lấy bụng. “Kiệt sức mất rồi. Con bé Catalina đêm nào cũng quấy đạp.” Người phụ nữ nhìn quanh phòng, vẻ ngơ ngác. “Ngài Tiểu Mái vòm không hề nói anh sẽ quay lại đây hôm nay. Tôi cứ ngỡ ông ấy đi cùng anh?”

Ngài Tiểu Mái vòm ư? Langdon hoàn toàn không hiểu cô đang nói đến ai.

Người phụ nữ rõ ràng nhận ra vẻ bối rối của anh và phì cười trấn an. “Không sao, tất cả mọi người ở Florence đều gọi ông ấy bằng biệt danh đó. Ông ấy không bận tâm đâu.” Cô nhìn xung quanh. “Ông ấy dẫn anh vào à?”

“Đúng vậy”, Sienna lên tiếng và bước lại từ bên kia sảnh, “nhưng ông ấy có cuộc hẹn ăn sáng. Ông ấy nói các chị sẽ không phiền nếu chúng tôi ngắm nghĩa quanh quần ở đây”. Sienna nhiệt tình chìa tay ra. “Tôi là Sienna. Em gái của anh Robert.”

Người phụ nữ bắt tay Sienna có phần hơi quá trịnh trọng. “Tôi là Marta Alvarez. Cô thật là may mắn vì có hẳn giáo sư Langdon làm hướng dẫn viên riêng.”

“Vâng”, Sienna tán dương, cố giấu động tác đảo mắt. “Anh ấy rất thông minh.”

Không khí chợt im ắng và có phần gượng gạo khi người phụ nữ ngắm nhìn Sienna. “Buồn cười nhỉ”, cô ấy nói, “tôi chẳng thấy có nét nào giống nhau. Có lẽ trừ chiều cao của cô.”

Langdon cảm thấy như sắp có vụ va chạm tàu hỏa đến nơi. Ngay lúc này hoặc hết cơ hội.

“Marta”, Langdon ngắt lời, hy vọng mình đã nghe chính xác tên của người phụ nữ. “Tôi xin lỗi làm phiền chị nhưng... tôi đoán có lẽ chị biết lý do vì sao tôi lại ở đây.”

“Nói thật là không hề”, cô ấy trả lời, mắt hơi nheo lại. “Tôi không tài nào tưởng tượng được là anh đang làm gì ở đây.”

Tim Langdon đập rộ lên, và trong khoảnh khắc im lặng gượng gạo sau đó, anh nhận ra canh bạc của mình sắp thua đến nơi. Đột nhiên Marta nhoẻn miệng rồi bật cười to.

“Thưa giáo sư, tôi đùa thôi! Dĩ nhiên, tôi có thể đoán tại sao anh quay lại. Thành thật mà nói, tôi không biết tại sao anh lại thấy việc đó thú vị, nhưng vì anh và ngài Tiểu Mái vom đã bỏ gần một tiếng trên đó đêm qua nên tôi đoán anh quay lại để cho em gái anh xem phải không?”

“Phải ...”, anh vội đáp. “Chính xác đây. Tôi rất muốn chỉ cho Sienna xem, nếu việc đó không... phiền?”

Marta ngược nhìn lên ban công tầng hai và nhún vai: “Không sao. Tôi cũng lên đó bây giờ.”

Tim Langdon đập rộ lên khi anh nhìn lên ban công tầng hai ở phía sau sảnh. Mình đã ở trên đó tối qua ư? Anh chẳng nhớ gì cả. Cái ban công ấy, anh biết rõ, ngoài việc ở đúng độ cao với máy từ cerca trova, còn là lối vào bảo tàng của cung điện, nơi Langdon luôn tới thăm mỗi khi anh ở đây.

Marta định dẫn họ đi qua sảnh thì chợt dừng lại, như thể vừa nghĩ ra gì đó. “Này, giáo sư, chẳng lẽ chúng ta không thể tìm được thứ gì đó đỡ kinh dị hơn cho cô em gái đáng yêu của anh xem à?”

Langdon chẳng biết nói sao.

“Chúng ta sẽ xem thứ kinh dị à?”, Sienna hỏi. “Cái gì thế? Anh ấy không hề nói với tôi.”

Marta mỉm cười duyên dáng và liếc nhìn Langdon. “Giáo sư, anh có muốn tôi cho em gái anh biết về nó không, hay anh muốn tự mình làm việc đó hơn?”

Langdon gằn như vồ lấy cơ hội đó. “Tất nhiên rồi, Marta, tại sao chị không kể cho cô ấy nghe chứ?”

Marta quay lại phía Sienna, nói rất chậm rãi. “Tôi không biết anh trai cô đã kể với cô những gì, nhưng chúng ta sẽ lên bảo tàng để xem một cái mặt nạ rất khác thường.”

Mắt Sienna hơi mở to. “Mặt nạ gì cơ? Có phải cái mặt nạ dịch hạch xấu òm người ta vẫn đeo dịp Carnevale không?”

“Đoán giỏi lắm”, Marta nói, “nhưng không, không phải mặt nạ dịch hạch đâu. Là một loại mặt nạ khác hẳn. Người ta gọi là mặt nạ người chết.”

Marta nghe rõ tiếng Langdon há miệng sững sốt. Cô lờ mắt nhìn anh, rõ ràng nghĩ rằng anh đang cố tình tỏ ra kịch tính một cách thái quá để dọa cô em gái.

“Đừng có nghe anh trai cô”, cô ấy nói. “Mặt nạ người chết là một phong tục rất phổ biến vào thế kỷ XVI. Về cơ bản nó chỉ là cái khuôn thạch cao theo đúng gương mặt của ai đó, được đúc một thời gian sau khi người đó qua đời.”

Mặt nạ người chết. Langdon cảm thấy tia sáng đầu tiên kể từ lúc anh tỉnh lại ở Florence. Hỏa Ngục của Dante... Nhìn qua cặp mắt chết chóc. Mặt nạ!

Sienna lên tiếng hỏi, “Người ta dùng khuôn mặt ai để đúc chiếc mặt nạ?!”

Langdon đặt tay lên vai Sienna và cố gắng trả lời một cách bình thản nhất. “Một thi sĩ nổi tiếng của Ý. Tên ông ấy là Dante Alighieri.”

Chương 38

Mặt trời Địa Trung Hải chiếu rực rỡ trên boong tàu The Mendacium trong lúc nó lắc lư theo những đợt sóng trên biển Adriatic. Cảm thấy mệt mỏi, Thị Trưởng uống cạn ly Scotch thứ hai và thẫn thờ nhìn ra ngoài cửa sổ phòng làm việc.

Tin tức từ Florence không được tốt.

Có lẽ một phần do lần đầu tiên uống rượu sau một thời gian rất dài, nên ông ta cảm thấy mất phương hướng và bất lực một cách lạ lùng, như thể con tàu này đã mất động cơ và đang trôi nổi vô định theo thủy triều.

Cảm giác là một điều rất xa lạ với Thị Trưởng. Trong thế giới của ông ta, luôn tồn tại một thứ la bàn đáng tin cậy – quy trình – và nó chưa bao giờ chỉ đường sai cả. Quy trình là thứ giúp ông ta đưa ra những quyết định khó khăn mà không cần phải xem xét lại.

Cũng chính quy trình yêu cầu phải từ chối Vayentha, và Thị Trưởng thực hiện việc đó không chút do dự. Ta sẽ xử lý cô ả ngay khi vụ khủng hoảng

hiện tại chấm dứt.

Cũng chính quy trình đòi hỏi Thị Trường biết về các khách hàng của mình càng ít càng tốt. Cách đây rất lâu ông ta đã quyết định rằng Consortium không có trách nhiệm đạo đức để phán xét họ.

Cung cấp dịch vụ.

Tin tưởng khách hàng.

Không đặt câu hỏi.

Giống như lãnh đạo của hầu hết các công ty khác, Thị Trường chỉ cung cấp dịch vụ với giả định rằng các dịch vụ ấy sẽ được thực hiện trong khuôn khổ luật pháp. Nói cho cùng, hãng Volvo không có trách nhiệm bảo đảm rằng những bà mẹ nôn nóng [20] sẽ không phóng nhanh qua khu vực trường học, cũng chẳng khác gì việc hãng Dell sẽ phải chịu trách nhiệm nếu có ai đó sử dụng một máy tính của họ để tấn công tài khoản ngân hàng.

Còn lúc này, trước tất cả mọi chuyện đang diễn ra, Thị Trường thậm rủa cái đầu mối liên hệ đáng tin cậy đã giới thiệu vị khách hàng này cho Consortium.

“Ông ấy sẽ không đòi hỏi nhiều về hậu mãi và chi tiền rất hào phóng”, đầu mối liên hệ quả quyết với ông ta. “Ông ấy rất giỏi, là một siêu sao trong lĩnh vực của mình, và vô cùng giàu có. Ông ấy chỉ cần biến mất trong một hoặc hai năm thôi. Ông ấy muốn mua khoảng thời gian yên tĩnh để thực hiện một dự án quan trọng.”

Thị Trường đã đồng ý mà không cần suy nghĩ nhiều. Bộ trí chổ lưu trú dài hạn luôn là dịch vụ dễ kiếm tiền, và Thị Trường tin tưởng vào khả năng của đầu mối liên hệ.

Đúng như mong đợi, công việc đem lại bộn tiền.

Cho tới tuần trước.

Giờ đây, trước tình trạng hỗn loạn mà người đàn ông này gây ra, Thị Trường thấy mình đi vòng quanh chai Scotch và đếm từng ngày mong cho trách nhiệm của mình với vị khách này nhanh kết thúc.

Điện thoại trên bàn réo vang, Thị Trường nhận ra đó là Knowlton, một trong

những điều phối viên hàng đầu của mình, đang gọi từ tầng dưới.

“Ừ”, ông ta đáp.

“Thưa ngài”, Knowlton bắt đầu nói, giọng đầy lo lắng. “Tôi không muốn làm phiền ngài chuyện này, nhưng có lẽ ngài đã biết, chúng ta có nhiệm vụ đăng tải một đoạn video lên cho truyền thông vào ngày mai.”

“Phải”, Thị Trưởng trả lời. “Đã chuẩn bị xong chưa?”

“Đã xong, nhưng tôi nghĩ có lẽ ngài cần xem trước khi đưa lên.”

Thị Trưởng sững lại, không hiểu lời đề nghị. “Đoạn video có nhắc đến tên chúng ta hay làm ảnh hưởng thế nào đó đến chúng ta không?”

“Không, thưa ngài, nhưng nội dung khá phiền phức. Ông khách xuất hiện trên màn hình và nói...”

“Thôi đi”, Thị Trưởng ra lệnh, sững sốt vì một điều phối viên cao cấp lại dám đề xuất việc phá vỡ quy trình ngang nhiên như vậy. “Nội dung là thứ vô hình. Cho dù vấn đề gì thì đoạn video của ông ta cũng phải được công bố, dù qua hay không qua chúng ta. Ông khách đó có thể dễ dàng công bố đoạn video này bằng hình thức điện tử, nhưng ông ấy thuê chúng ta. Ông ấy trả tiền chúng ta. Ông ấy tin tưởng chúng ta.”

“Vâng, thưa ngài!”

“Anh không được trả tiền để làm một nhà phê bình phim”, Thị Trưởng cảnh cáo. “Anh được trả tiền để giữ lời hứa. Hãy thực hiện công việc của mình.”

Trên cầu Ponte Vecchio, Vayentha vẫn đợi, đôi mắt sắc lẹm của ả quét qua hàng trăm gương mặt trên cầu. ả rất cảnh giác và cảm thấy chắc chắn rằng Langdon chưa đi qua mặt mình, nhưng chiếc máy bay không người lái đã im tiếng, rõ ràng nhiệm vụ truy tìm của nó không còn cần thiết nữa.

Chắc Brüder đã tóm được anh ta.

Đầy miễn cưỡng, ả bắt đầu nghĩ tới viễn cảnh u ám về một phiên điều trần ở Consortium. Hay còn tệ hơn nữa.

Vayentha lại nghĩ tới hai đặc vụ đã từng bị từ chối... chẳng bao giờ còn nghe nói đến họ nữa. Chắc họ chỉ chuyển sang công việc khác, ả tự trấn an mình.

Thế nhưng lúc này, ả đang tự hỏi liệu ả có nên phóng xe vào vùng đồi núi Tuscany, biến mất và sử dụng những kỹ năng của mình để bắt đầu một cuộc sống mới hay không.

Nhưng ta có thể trốn tránh họ được bao lâu?

Rất nhiều mục tiêu đã tận mắt chứng kiến khi Consortium đã để bạn vào tầm ngắm thì chuyện giữ bí mật trở thành điều ảo tưởng. Vấn đề chỉ là thời gian mà thôi.

Lẽ nào sự nghiệp của ta lại kết thúc như thế này? ả tự hỏi, vẫn không tài nào chấp nhận được rằng công việc suốt mười hai năm ròng rã của ả ở Consortium lại chấm hết vì một loạt những sự cố không may. Suốt cả năm trời ả đã thận trọng giám sát những nhu cầu của vị khách hàng mắt xanh. Ông ấy nhảy lều tự sát đâu phải lỗi của ta... và dường như ta đang rơi theo ông ấy.

Cơ hội chuộc tội duy nhất của ả là qua mặt được Brüder... nhưng ngay từ đầu ả đã biết đây là một việc ít có khả năng thành công.

Đêm qua ta đã có cơ hội, nhưng ta lại thất bại.

Lúc miễn cưỡng quay lại chiếc xe máy của mình, Vayentha đột nhiên nhận ra một âm thanh phía xa... tiếng rít chói lói quen thuộc.

Ngỡ ngàng, ả ngược nhìn lên. Trước vẻ ngạc nhiên của ả, chiếc trực thăng giám sát không người lái vừa cất cánh trở lại, lần này gần phía đầu kia của Cung điện Pitti. Vayentha nhìn theo trong lúc chiếc máy bay nhỏ xíu bắt đầu bay thành vòng tròn phía trên cung điện.

Chiếc máy bay trở lại hoạt động chỉ có thể đồng nghĩa với một việc.

Họ vẫn chưa tóm được Langdon!

Anh ta ở chỗ quái nào nhỉ?

Tiếng rít chói tai trên đầu lại kéo Tiến sĩ Elizabeth Sinskey ra khỏi cơn mê. Chiếc máy bay lại bay lên à? Nhưng mình nghĩ...

Bà đối tư thế trên băng ghế sau của chiếc xe thùng, nơi anh chàng đặc vụ trẻ vẫn ngồi bên cạnh. Bà lại nhắm mắt, cố chống lại cơn đau và buồn nôn. Nhưng chủ yếu là cố chống lại nỗi sợ hãi.

Thời gian đang cạn dần.

Mặc dù kẻ thù của bà đã nhảy lầu tự sát, bà vẫn thấy bóng của hắn trong những giấc mơ, thuyết giảng cho bà trong bóng tối của Hội đồng Quan hệ Đối ngoại.

Rất cần người có hành động táo bạo, hắn ta tuyên bố, đôi mắt xanh lè lóe lên. Nếu không phải chúng ta, thì ai? Nếu không phải lúc này, thì bao giờ?

Elizabeth sẽ ngăn chặn hắn ngay khi có cơ hội. Bà sẽ không bao giờ quên lúc thoát vôi khỏi cuộc gặp gỡ đó và lao vào ghế sau chiếc limousine, rồi băng qua Manhattan về phía Sân bay quốc tế JFK. Sốt ruột muốn biết ngay gã điên này là kẻ nào, bà rút điện thoại di động và nhìn kỹ tấm hình vừa chụp được.

Khi nhìn tấm hình, bà thốt lên kinh ngạc. Tiến sĩ Elizabeth Sinskey biết chính xác người đàn ông này là ai. Tin mừng là rất dễ lần theo dấu vết hắn. Nhưng rủi thay hắn lại là một thiên tài trong lĩnh vực của mình – hắn lựa chọn trở thành một con người rất nguy hiểm.

Chẳng có gì sáng tạo... có sức phá hủy... hơn một bộ óc xuất chúng với một mục tiêu.

Lúc đến sân bay ba mươi phút sau đó, bà gọi cho đội của mình và đưa người đàn ông này vào danh sách theo dõi khủng bố sinh học của tất cả cơ quan chức năng trên thế giới – CIA, CDC, ECDC, và tất cả tổ chức tương tự trên toàn cầu.

Đó là những gì mình có thể làm cho tới khi trở lại Geneva, bà nghĩ.

Kiệt sức, bà mang hành lý tới quầy làm thủ tục và trao cho cô nhân viên hộ chiếu cùng vé của mình.

“Ồ, Tiến sĩ Sinskey”, cô nhân viên mỉm cười nói. “Một quý ông rất lịch thiệp vừa gửi một tin nhắn cho bà.”

“Sao cơ?”, Elizabeth không hề biết ai đó lại nắm được thông tin chuyến bay của bà.

“Ông ấy rất cao?”, cô nhân viên nói. “Với đôi mắt màu xanh lục?”

Elizabeth buông rơi hành lý. Ông ta ở đây ư? Bằng cách nào?! Bà nhìn

quanh, ngắm soi những gương mặt phía sau mình.

“Ông ấy đã đi rồi”, cô nhân viên nói, “nhưng ông ấy muốn chúng tôi trao cho bà thứ này”. Cô ấy đưa cho Elizabeth một tờ giấy gấp lại.

Elizabeth run run mở tờ giấy và đọc lời nhắn viết bằng tay.

Đó là một câu trích nổi tiếng rút ra từ tác phẩm của Dante Alighieri.

“Những nơi tăm tối nhất của địa ngục

dành riêng cho những kẻ

giữ thái độ trung dung

trong những thời kỳ khủng hoảng đạo đức.”

Chương 39

Marta Alvarez mỗi một ngược nhìn cầu thang dốc đứng dẫn từ Sân Năm trăm lên bảo tàng trên tầng hai.

Mình có thể làm được mà, cô ấy tự nhủ.

Là nhân viên quản lý văn hóa và nghệ thuật tại Cung điện Vecchio, Marta đã leo lên cầu thang này không biết bao nhiêu lần, nhưng gần đây, khi đã mang thai hơn tám tháng, việc leo lên cầu thang này trở nên nhọc nhằn hơn rất nhiều.

“Marta, chị có chắc chúng ta không cần đi cầu thang máy không?” Robert Langdon nhìn đầy vẻ quan tâm và ra hiệu về phía buồng thang máy nhỏ gần đó, được bảo tàng lắp đặt dành cho những vị khách tàn tật.

Marta mỉm cười biết ơn nhưng lắc đầu. “Tôi đã nói với anh tối qua, bác sĩ của tôi nói việc tập luyện rất tốt cho đứa bé. Thêm nữa, thưa giáo sư, tôi biết anh sợ bị nhốt trong không gian chật hẹp.”

Langdon giật mình trước câu nói của cô ấy. “Ồ, vâng. Tôi quên mất mình đã nói đến chuyện đó.”

Quên mất đã nói đến chuyện đó ư? Marta bối rối. Mới chưa đầy mười hai

giờ trước, và chúng ta đã thảo luận rất lâu về sự cố thời niên thiếu để lại tâm lý sợ hãi đó cơ mà.

Đêm qua, trong khi người bạn đồng hành phục phịch mắc lăm bệnh của Langdon, ngài Tiểu Mái vòm, lên gác bằng thang máy thì Langdon hộ tống Marta đi bộ. Trên đường đi, Langdon đã kể lại cho cô ấy câu chuyện khó quên về sự cố bị ngã xuống cái giếng hoang khi còn nhỏ và việc này khiến anh mắc chứng sợ những không gian chật chội.

Lúc này, cô em gái của Langdon vượt lên phía trước, túm tóc đuôi ngựa vàng óng của cô lúc lắc sau lưng, trong khi đó, Langdon và Marta từ từ đi lên, dừng lại vài lần để cô ấy có thể lấy lại nhịp thở. “Tôi ngạc nhiên là anh muốn nhìn lại cái mặt nạ”, cô ấy nói. “Trong tất cả các tác phẩm ở Florence, thứ này có vẻ ít thú vị nhất.”

Langdon nhún vai về lấp lửng. “Tôi quay lại chủ yếu để Sienna được ngắm nó. Nhân tiện, cảm ơn chị vì đã cho chúng tôi vào đây lần nữa.”

“Dĩ nhiên là thế rồi.”

Xét ra thì danh tiếng của Langdon chắc chắn cũng đủ để tới qua thuyết phục Marta mở phòng trưng bày, nhưng thực tế anh có ngài Tiểu Mái vòm đi cùng có nghĩa là cô ấy thật sự không có lựa chọn nào khác.

Ignazio Busoni – người mang biệt danh ngài Tiểu Mái vòm – là một nhân vật tiếng tăm trong giới văn hóa ở Florence. Là giám đốc lâu năm của Museo dell’Opera del Duomo, Ignazio giám sát tất cả lĩnh vực của di tích nổi bật nhất Florence này – Il Duomo – Vương cung Thánh đường có mái vòm màu đỏ đồ sộ nổi bật cả trong lịch sử cũng như cảnh quan của Florence. Niềm đam mê của ông ấy dành cho các danh thắng, kết hợp với trọng lượng cơ thể ngót trăm cân và khuôn mặt đỏ như gà chọi khiến ông được gắn cái biệt danh rất đôn hậu là ngài Tiểu Mái vòm – Il Duomino.

Marta không biết Langdon quen thân với ngài Tiểu Mái vòm như thế nào, nhưng ông ấy gọi cho cô chiều hôm qua và nói muốn đưa một vị khách kín đáo tới xem chiếc mặt nạ người chết của Dante. Khi biết vị khách bí mật hóa ra chính là người biểu tượng học kiêm sử gia nghệ thuật người Mỹ nổi tiếng Robert Langdon, Marta cảm thấy hơi kích động vì có cơ hội dẫn hai nhân vật nổi tiếng này vào khu trưng bày của cung điện.

Khi họ lên đến đỉnh cầu thang, Marta đặt tay lên hông, thở thật sâu. Sienna đã đứng bên lan can ban công, nhìn xuống Sân Năm trăm.

“Vị trí tôi rất thích để quan sát căn phòng”, Marta thở hắt lên. “Cô có góc nhìn hoàn toàn khác đối với các bức bích họa. Tôi nghĩ anh trai cô đã kê cho cô nghe về thông điệp bí ẩn giấu trong bức tranh kia phải không?” Cô ấy chỉ tay.

Sienna sốt sắng gật đầu. “Cerca trova.”

Trong khi Langdon nhìn về phía gian phòng, Marta quan sát anh. Nhờ ánh sáng của những ô cửa sổ gác lửng, cô ấy không thể không nhận ra Langdon trông không ấn tượng như tối qua. Cô thích bộ cánh mới của anh, nhưng anh cần cạo râu. Gương mặt anh có vẻ xanh xao và mệt mỏi. Thêm nữa, đầu tóc anh, tối qua vốn dày và thơm tắp, sáng nay trông rất tẽ, như thể anh vẫn chưa tắm gội.

Marta quay lại phía bức bích họa trước khi anh nhận ra ánh mắt cô. “Chúng ta đang đứng gần như cùng độ cao với cerca trova”, Marta nói. “Cái vị có thể nhìn thấy mấy chữ đó bằng mắt thường.”

Cô em gái của Langdon tỏ ra dửng dưng với bức bích họa. “Kể cho tôi nghe về cái mặt nạ người chết của Dante đi. Tại sao nó lại ở Cung điện Vecchio này?”

Anh nào, em này, Marta nghĩ và lăm bằm trong bụng, vẫn không hiểu tại sao cái mặt nạ lại khiến họ say sưa đến vậy. Cái mặt nạ người chết của Dante có một lịch sử rất lạ lùng, đặc biệt là gần đây, và Langdon không phải là người đầu tiên hứng thú gần như phát rồ với nó. “Chà, nói tôi xem cô biết gì về Dante?”

Cô gái trẻ tóc vàng xinh đẹp nhún vai. “Thì cũng chỉ những điều mọi người học ở trong trường thôi. Dante là thi sĩ người Ý nổi tiếng nhất với tác phẩm Thần khúc, mô tả chuyến đi tưởng tượng của ông qua địa ngục.”

“Mới đúng một phần”, Marta đáp. “Trong trường ca, rốt cuộc Dante cũng thoát khỏi địa ngục, đi qua luyện ngục và cuối cùng đến được thiên đường. Nếu cô đã từng đọc Thần khúc, cô sẽ thấy hành trình của ông được chia thành ba phần – Hỏa Ngục, Luyện ngục và Thiên đường.” Marta ra hiệu cho họ theo cô đi dọc ban công về phía lối vào bảo tàng. “Thế nhưng, lý do chiếc mặt nạ nằm tại Cung điện Vecchio chẳng liên quan gì đến Thần khúc cả. Nó gắn với thực tiễn lịch sử. Dante sống ở Florence, và ông rất yêu thành phố này. Ông là một công dân Florence xuất chúng và quyền thế, nhưng khi diễn ra thay đổi về quyền lực chính trị, Dante đã ủng hộ nhằm phe, cho nên ông

bị trục xuất ra khỏi tường thành và cảm không bao giờ được trở về.”

Marta dừng lại để thở khi họ đến gần lối vào bảo tàng. Cô lại đặt tay lên hông, ngả ra sau và tiếp tục nói. “Một số người cho rằng việc bị trục xuất là lý do vì sao mặt nạ người chết của Dante lại buồn như vậy, nhưng tôi có một giả thuyết khác. Tôi hơi lãng mạn, và tôi nghĩ rằng gương mặt buồn rầu liên quan đến một phụ nữ có tên Beatrice nhiều hơn. Các vị thấy đấy, Dante dành cả đời mình yêu điên cuồng một thiếu phụ tên là Beatrice Portinari. Nhưng buồn thay, Beatrice lại cưới một người đàn ông khác, nghĩa là Dante không những phải sống trong cảnh xa thành Florence yêu dấu của mình, mà còn phải rời xa cả người phụ nữ ông yêu say đắm. Tình yêu của ông dành cho Beatrice trở thành chủ đề chính trong Thần khúc.”

“Hay quá”, Sienna nói với giọng điệu cho thấy cô chẳng nhập tâm lấy một từ. “Nhưng tôi vẫn chưa rõ tại sao cái mặt nạ người chết lại được cất ở cung điện này?”

Marta nhận thấy việc nhấn đi nhấn lại này của cô gái trẻ vừa lạ thường vừa gần như bất lịch sự. “Chà”, cô tiếp tục trong khi bước đi, “khi Dante mất, ông vẫn bị cấm không được về Florence, và xác ông được an táng tại Ravenna. Nhưng vì người yêu đích thực của ông, Beatrice, được chôn cất ở Florence và vì Dante yêu Florence đến vậy nên việc mang mặt nạ người chết của ông đến đây giống như là một lễ vật từ tâm dành cho ông”.

“Tôi hiểu rồi”, Sienna nói. “Thế còn việc chọn tòa cung điện này?”

“Cung điện Vecchio là biểu tượng lâu đời nhất của Florence, và ở thời Dante, đây là trung tâm của thành phố. Thực tế, có một bức vẽ nổi tiếng trong thánh đường mô tả Dante đứng bên ngoài tường thành phố, bị trục xuất, trong khi nhìn rõ ở hậu cảnh là tòa tháp cung điện yêu dấu của ông. Xét theo nhiều khía cạnh, bằng cách cất mặt nạ người chết của ông ấy ở đây, chúng ta cảm thấy như cuối cùng Dante cũng được trở về nhà.”

“Hay quá”, Sienna nói, cuối cùng cũng có vẻ thỏa lòng. “Cảm ơn chị!”

Marta đến cửa bảo tàng và gõ ba lần. “Tôi, Marta đây! Chúc một buổi sáng tốt lành!”

Có tiếng chìa khóa lạch cạch phía trong và cánh cửa mở ra. Một nhân viên bảo vệ già mỉm cười mỗi một với cô ấy và kiểm tra đồng hồ đeo tay của mình. “Hơi sớm đấy”, ông ấy mỉm cười nói.

Marta vừa giải thích vừa ra hiệu về phía Langdon, và ông bảo vệ lập tức tươi cười nét mặt. “Chào ngài! Chào mừng trở lại đây!”

“Chào bác!”, Langdon đáp lại rất thân thiện trong khi ông bảo vệ ra hiệu cho tất cả vào trong.

Họ băng qua một gian phòng nhỏ, nơi ông bảo vệ ngắt hệ thống an ninh rồi mở cánh cửa thứ hai nặng nề hơn. Khi cửa mở ra, ông ấy bước sang bên, dang tay ra mời chào. “Xin mời vào bảo tàng!”

Marta mỉm cười cảm ơn và dẫn các vị khách vào trong.

Không gian dùng làm bảo tàng này ban đầu được thiết kế làm nơi làm việc của chính quyền, tức là thay vì là một không gian trưng bày ngổn ngang, nó là một mê cung gồm các gian phòng có diện tích vừa phải cùng rất nhiều hành lang, tất cả choán lấy nửa tòa nhà.

“Mặt nạ người chết của Dante ở góc kia thôi”, Marta nói với Sienna. “Nó được trưng bày trong một không gian hẹp gọi là hành lang, đúng ra chỉ là một lối đi giữa hai gian phòng lớn hơn. Cái mặt nạ được cất trong một tủ đồ cổ đặt chìm trong bức tường bên nên không dễ nhận ra cho tới khi các vị tới gần nó. Vì lý do này, có nhiều khách tham quan đi qua cái mặt nạ mà không hề chú ý đến nó!”

Langdon sải bước nhanh hơn, mắt nhìn thẳng về phía trước, cứ như thể cái mặt nạ có một sức mạnh lạ lùng gì đó tác động đến anh. Marta huých Sienna và thì thào, “Rõ ràng anh trai cô không hề quan tâm đến bất kỳ vật nào khác của chúng tôi, nhưng chừng nào cô đã đến đây thì đừng bỏ qua bức tượng bán thân Machiavelli hay quả cầu Mappa Mundi trong Phòng Bản đồ”.

Sienna gật đầu lịch thiệp và vẫn bước đi, mắt cô cũng nhìn thẳng về phía trước, Marta khó khăn lắm mới theo kịp. Khi họ đến gian phòng thứ ba, cô ấy đã tụt lại sau một chút và cuối cùng đành dừng lại.

“Giáo sư?”, cô ấy gọi to, thở hổn hển. “Anh... có muốn cho em gái anh xem... thứ gì đó của phòng trưng bày... trước khi chúng ta xem cái mặt nạ này không?”

Langdon quay lại, có vẻ bối rối, như thể vừa trở lại hiện tại từ một ý nghĩ xa xăm nào đó. “Xin lỗi chị nói gì cơ?”

Marta thở không ra hơi, chỉ vào một tủ trưng bày gần đó. “Một trong

những... bản in lâu đời nhất cuốn Thần khúc?”

Khi nhìn thấy Marta thấm mồ hôi trên trán và cố gắng lấy lại nhịp thở, Langdon có vẻ xấu hổ. “Chị Marta, thứ lỗi cho tôi! Dĩ nhiên rồi, vâng, xem nhanh văn bản đó cũng rất thú vị.”

Langdon vội vã quay lại, để Marta hướng dẫn họ tới chỗ chiếc tủ cổ. Bên trong là một cuốn sách bọc da đã sờn, mở đến trang nhan đề rất hoa mỹ: *La Divina Commedia: Dante Alighieri*.

“Tuyệt vời”, Langdon thốt lên, đẩy kính ngạo. “Tôi nhận ra trang đầu sách. Tôi không biết các vị lại có một ấn bản Numeister gốc.”

Dĩ nhiên anh biết rõ mà, Marta nghĩ bụng, vẻ khó hiểu. Tôi đã cho anh xem hiện vật này tối hôm qua!

“Giữa thế kỷ XV”, Langdon nói vội với Sienna, “Johann Numeister đã tạo ra bản sách in đầu tiên của tác phẩm này. Vài trăm bản được in ra, nhưng chỉ còn khoảng chục bản. Chúng rất hiếm”.

Giờ thì Marta hiểu rằng Langdon đang cố tình giả ngây giả ngốc để có thể ra vẻ ta đây với cô em gái của mình. Việc đó dường như không hay ho cho lắm với một vị giáo sư có tiếng là khiêm tốn trong giới học thuật.

“Bản sách này mượn từ Thư viện Laurentia”, Marta kể. “Nếu cô và Robert chưa từng ghé thăm nơi đó thì rất nên đến ngay đi. Họ có hẳn một cầu thang đặc biệt do chính Michelangelo thiết kế, là lối lên phòng đọc công cộng đầu tiên trên thế giới. Sách ở đó còn được xích luôn vào ghế ngồi để không ai có thể lấy mang đi được. Dĩ nhiên, nhiều cuốn sách chỉ là các bản sao thôi.”

“Tuyệt vời”, Sienna nói, mắt ngó sâu hơn vào thư viện. “Lối này tới chỗ cái mặt nạ phải không?”

Sao phải nôn nóng thế nhỉ? Marta cần thêm một phút nữa để lấy lại nhịp thở. “Vâng, nhưng có thể hai vị muốn nghe chi tiết này.” Cô ấy chỉ tay qua hốc tường về phía một cầu thang nhỏ mắt hút lên trần nhà. “Lối đó dẫn lên một sàn quan sát trên mái, nơi các vị có thể nhìn xuống trần treo nổi tiếng của Vasari. Tôi rất sẵn sàng đợi ở đây nếu các vị muốn...”

“Nào, chị Marta”, Sienna vọt miệng. “Tôi rất muốn xem cái mặt nạ. Chúng tôi không có nhiều thời gian.”

Marta dăm dăm nhìn người phụ nữ trẻ xinh xắn, vẻ khó hiểu. Cô rất không thích việc người chưa quen biết nhiều gọi nhau bằng tên riêng. Tôi là Bà Alvarez, cô thăm mắng. Và tôi đang đặc cách với các vị đây.

“Được rồi, Sienna”, Marta sẵng giọng. “Cái mặt nạ ngay lối này thôi.”

Marta chẳng phí thời gian kể lể thêm cho Langdon và cô em gái của anh trong lúc họ đi qua dãy các phòng trưng bày để tới chỗ cái mặt nạ. Đêm qua, Langdon và Tiểu Mái vòm đã dành gần nửa tiếng trong khu vực hành lang chật hẹp để quan sát chiếc mặt nạ rồi, Marta, vốn rất tò mò trước vẻ sốt sắng của hai người đàn ông với món đồ đó, nên đã hỏi xem thái độ quan tâm ấy của họ có liên quan gì đến một loạt sự kiện bất thường xung quanh cái mặt nạ trong năm qua không. Langdon và Tiểu Mái vòm tỏ ra bối rối và không trả lời rõ ràng.

Giờ đây, trong lúc họ tiến tới hành lang, Langdon bắt đầu giải thích cho cô em gái quy trình đơn giản thường áp dụng để tạo ra một cái mặt nạ người chết. Marta thích thú nghe những mô tả cực kỳ chính xác của anh, không như lời thừa nhận không thật của anh rằng anh chưa từng nhìn thấy bản sao hiếm có cuốn Thần khúc của bảo tàng.

“Ngay sau khi có người qua đời”, Langdon mô tả, “người chết được tắm liệm, mặt được phủ một lớp dầu ô liu. Sau đó, da được đắp một lớp thạch cao ướt, phủ kín mọi thứ - miệng, mũi, mi mắt - từ chân tóc xuống đến cổ. Khi lớp thạch cao đã cứng lại, có thể dễ dàng nhấc nó ra và sử dụng như một cái khuôn để đổ thạch cao mới vào. Chỗ thạch cao này khô lại thành một bản sao chi tiết hoàn hảo đúng với khuôn mặt người quá cố. Tục này đặc biệt phổ biến khi muốn tưởng nhớ những nhân vật lỗi lạc và thiên tài - Dante, Shakespeare, Voltaire, Tasso, Keats - tất cả họ đều có mặt nạ người chết”.

“Cuối cùng chúng ta cũng đến đây”. Marta nói khi cả ba người đến bên ngoài hành lang. Cô ấy bước sang bên và ra hiệu cho em gái của Langdon vào trước nhất. “Cái mặt nạ nằm trong tủ trưng bày dựa vào bức tường bên trái cô. Chúng ta đề nghị các vị vui lòng ở ngoài khu vực rào chắn.”

“Cảm ơn chị!” Sienna bước vào hành lang hẹp đi về phía tủ trưng bày, và ngó vào bên trong. Mắt cô lập tức mở to, và cô ngó lại nhìn anh trai với vẻ khiếp đảm.

Marta đã nhìn thấy phản ứng này cả nghìn lần. Các vị khách tới đây thường đều nhảy dựng lên và lùi ngược lại khi lần đầu tiên nhìn thấy cái mặt nạ - bộ

mặt nhăn nhúm một cách kỳ dị, cái mũi khoằm và đôi mắt nhắm nghiền của Dante.

Langdon sải bước tiến vào ngay sau Sienna, đến bên cạnh cô và nhìn vào trong tủ trưng bày. Anh lập tức lùi lại, gương mặt anh cũng toát lên vẻ kinh ngạc.

Marta cầu nài. Lại làm màu làm mè rồi. Cô vào theo họ. Nhưng khi ngó vào tủ, cô cũng há hốc miệng kêu thành tiếng rất to. Ôi lạy Chúa!

Marta Alvarez cứ ngỡ sẽ nhìn thấy cái mặt nạ người chết quen thuộc của Dante nhìn lại mình, nhưng không phải, tất cả những gì cô nhìn thấy là lớp vải sa tanh màu đỏ của cái tủ và cái giá nơi vẫn thường đặt mặt nạ.

Marta bung miệng và kinh hãi nhìn tủ trưng bày trống rỗng. Nhịp thở của cô tăng nhanh và cô phải bám lấy một trụ rào để đứng vững. Cuối cùng, ánh mắt cô rời khỏi cái tủ trống trơn và xoay về phía những người bảo vệ gác đêm ở lối vào chính.

“Cái mặt nạ của Dante!”, cô hét lên như một ả điên. “Cái mặt nạ của Dante đã biến mất!”

Chương 40

Marta Alvarez run rẩy trước cái tủ trưng bày trống trơn. Cô hy vọng cảm giác căng thẳng đang lan khắp bụng chỉ là tâm lý hoảng sợ chứ không phải là cơn đau đẻ.

Cái mặt nạ người chết của Dante đã biến mất!

Hai nhân viên bảo vệ lúc này đã biết sự việc và vừa vào hành lang, nhìn cái tủ trống trơn, và lập tức hành động. Một người chạy tới phòng kiểm soát video gần đó để truy cập vào đoạn phim từ máy quay an ninh đêm qua, trong khi người kia vừa kết thúc cuộc gọi cho cảnh sát báo mất trộm.

“Cảnh sát sẽ đến sau hai mươi phút nữa!”, anh ta nói với Marta và ngắt cuộc gọi với cảnh sát.

“Hai mươi phút nữa cơ à?”, cô ấy hỏi lại. “Chúng ta có một vụ trộm nghệ thuật nghiêm trọng đây.”

Người bảo vệ giải thích rằng anh ta được biết hầu hết cảnh sát trong thành phố hiện đang giải quyết một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hơn nhiều, và họ đang cố gắng tìm một nhân viên còn rảnh đến để lấy lời khai.

“Vẫn còn gì nghiêm trọng hơn cơ à?”, cô ấy thắc mắc.

Langdon và Sienna liếc nhìn nhau lo lắng, và Marta cảm thấy hai vị khách của mình đang bị quá tải về cảm xúc. Chẳng có gì lạ cả! Đơn giản là họ muốn ghé qua để chiêm ngưỡng chiếc mặt nạ nhưng lúc này, họ phải chứng kiến hậu quả của một vụ trộm cắp nghệ thuật ghê gớm. Đêm qua, bằng cách nào đó, có kẻ đã tiếp cận được phòng trưng bày và đánh cắp cái mặt nạ người chết của Dante.

Marta biết trong bảo tàng có nhiều đồ vật còn giá trị hơn thế, cho nên cô cố gắng tự trấn an rằng như vậy vẫn còn may mắn. Thế nhưng, đây là vụ trộm cắp đầu tiên trong lịch sử bảo tàng này. Mình thậm chí không biết quy trình xử lý!

Marta đột nhiên cảm thấy yếu đuối hẳn, và cô phải tiến lại bám vào một cột rào chống.

Cả hai nhân viên bảo vệ phòng trưng bày đều có vẻ hoang mang khi họ kể lại cho Marta nghe chính xác những hành động của họ cùng các sự việc đêm qua: Lúc 10 giờ, Marta vào đây cùng với Tiểu Mái vòm và Langdon. Một lúc không lâu sau đó, cả ba người cùng nhau đi ra. Nhân viên bảo vệ đã khóa mọi cánh cửa lại, cài đặt chế độ báo động, và theo như họ biết, không hề có ai ở trong hay bên ngoài phòng trưng bày kể từ lúc đó.

“Không thể nào!”, Marta gất lên bằng tiếng Ý. “Cái mặt nạ nằm ở trong tủ khi cả ba chúng tôi rời khỏi đó tối qua, cho nên rõ ràng có ai đã ở bên trong phòng trưng bày kể từ lúc ấy!”

Mấy nhân viên bảo vệ đều ngơ ngác. “Chúng tôi không hề nhìn thấy gì cả!”

Giờ này, cảnh sát đang trên đường tới hiện trường, Marta cố gắng vác cái bụng bầu của mình di chuyển thật nhanh tới phòng điều khiển an ninh. Langdon và Sienna lo lắng bám sát sau cô ấy.

Đoạn video an ninh, Marta nghĩ bụng. Nó sẽ cho chúng ta biết đích xác kẻ nào ở đây tối qua!

Cách đó ba dãy nhà, trên cầu Ponte Vecchio, Vayentha lần vào chỗ khuất khi

hai sĩ quan cảnh sát lách qua đám đông, rà soát toàn bộ khu vực cùng ảnh của Langdon.

Khi họ tới gần Vayentha, bộ đàm của một người lao xao lên tiếng – một thông báo định kỳ cho tất cả các chốt. Nội dung thông báo ngắn gọn bằng tiếng Ý, nhưng Vayentha vẫn nắm được ý chính: Bất kỳ sĩ quan nào rảnh trong khu vực Cung điện Vecchio đều phải thông báo để tới lấy lời khai tại cung điện bảo tàng này.

Mấy viên cảnh sát tỏ ra do dự, còn tai Vayentha thì vênh lên.

Bảo tàng cung điện Vecchio ư?

Vụ thất bại tối qua – sự cố đã hủy hoại sự nghiệp của ả - diễn ra trong những ngõ phố ngay bên ngoài Cung điện Vecchio.

Thông báo của phía cảnh sát vẫn tiếp tục bằng tiếng Ý đầy âm thanh nhiễu đến mức không hiểu nổi, ngoại trừ hai từ nghe rất rõ ràng. Cái tên Dante Alighieri.

Cơ thể ả lập tức căng cứng. Dante Alighieri ư?! Chắc chắn đây không phải là sự trùng hợp. ả xoay người về phía Cung điện Vecchio và định vị tòa tháp có lỗ châu mai vượt lên trên mái của các tòa nhà gần đó.

Chính xác thì đã có chuyện gì xảy ra ở bảo tàng? ả thắc mắc. Và từ khi nào?!

Gạt các tình tiết sang bên, Vayentha từng làm chuyên gia phân tích hiện trường đủ lâu để biết rằng khả năng trùng hợp hiếm xảy ra hơn rất nhiều so với hầu hết mọi người hình dung. Bảo tàng Cung điện Vecchio... Và Dante? Chắc chắn chuyện này phải có liên quan tới Langdon.

Vayentha từ lâu đã nghi ngờ rằng Langdon sẽ quay lại thành cổ. Chỉ có việc đó mới hợp lý – thành cổ là nơi Langdon có mặt tối hôm qua khi mọi thứ thất bại.

Lúc này, dưới ánh sáng ban ngày, Vayentha tự hỏi Langdon làm cách nào quay lại được khu vực xung quanh Cung điện Vecchio để cố tìm kiếm thứ gì đó. Có rất nhiều cây cầu, nhưng có vẻ chúng đều cách xa vườn Boboli.

Bên dưới, ả chú ý tới một nhóm chèo thuyền bốn người đang lướt trên mặt nước và đi qua phía dưới cầu. Trên thân thuyền có dòng chữ CẦU LẠC BỘ

CHÈO THUYỀN FLORENCE / SOCIETÀ CANOT-TIERI FIRENZE.

Những mái chèo trắng-đỏ nổi bật của con thuyền vung lên rồi hạ xuống đều tăm tắp.

Lẽ nào Langdon đã đi thuyền qua sông? Có vẻ điều đó không đúng, nhưng có gì đó mách bảo ả rằng nội dung thông báo của cảnh sát về Cung điện Vecchio là một manh mối ả cần chú ý.

“Xin vui lòng để lại tất cả máy ảnh!” một phụ nữ nói bằng thứ tiếng Anh giọng Ý.

Vayentha quay lại, thấy một quả cầu tua rua bằng len màu cam có xếp nếp đang vẫy trên cây gậy trong khi một nữ hướng dẫn viên du lịch cố gắng dẫn nhóm du khách của mình vượt qua cầu Ponte Vecchio.

“Trên đầu quý vị là kiệt tác lớn nhất của Vasari!”, cô hướng dẫn viên nói bằng vẻ nhiệt thành được rèn luyện kỹ, giơ quả cầu len lên không và hướng ánh mắt của tất cả mọi người lên trên.

Vayentha không hề chú ý về hướng này trước đó, nhưng có vẻ đó là một cấu trúc nhà ở tầng hai chạy phía trên các cửa hàng giống như một tòa chung cư hẹp vậy.

“Hành lang Vasari”, cô hướng dẫn viên nói. “Nó dài gần một cây số và là lối đi an toàn cho gia tộc Medici di chuyển giữa Cung điện Pitti và Cung điện Vecchio.”

Mắt Vayentha mở to lúc ả nhìn công trình kiến trúc như đường hầm phía trên đầu. ả đã nghe nói về hành lang này, nhưng không biết nhiều về nó.

Nó dẫn thẳng tới cung điện Vecchio ư?

“Với một số rất ít ỏi những nhân vật quan trọng”, cô hướng dẫn viên tiếp tục, “thậm chí ngày nay họ vẫn có thể tiếp cận hành lang này. Đó là một bảo tàng nghệ thuật kỳ vĩ chạy dài suốt lộ trình từ Cung điện Vecchio tới góc đông bắc vườn Boboli”.

Những gì cô hướng dẫn viên nói tiếp sau đó, Vayentha không còn nghe nữa.

ả đã lao bỏ về phía chiếc mô tô của mình.

Chương 41

Những vết khâu trên da đầu Langdon lại giật nhói nhói khi anh và Sienna chen nhau vào phòng điều khiển video cùng với Marta và hai nhân viên bảo vệ. Không gian chật chội này tương đương một cái buồng thay lễ phục được cải tạo lại cùng với cả dãy ổ cứng đang chạy ro ro và các màn hình máy tính. Không khí bên trong nóng đến ngột ngạt và sặc mùi khói thuốc lá hôi rình.

Langdon lập tức cảm thấy những bức tường đang đóng sập lại xung quanh mình.

Marta ngồi xuống trước màn hình video đang ở chế độ chạy lại và hiển thị một hình ảnh đen trắng rất nhiễu của khu vực hành lang, góc quay từ phía trên cửa. Thời gian hiển thị trên màn hình cho biết đoạn phim được truyền tín hiệu từ giữa buổi sáng hôm qua – chính xác là hai mươi tư giờ trước – rõ ràng là trước khi bảo tàng mở cửa và rất lâu trước khi Langdon cùng vị Tiểu Mái vòm bí ẩn xuất hiện vào tối hôm đó.

Anh chàng bảo vệ tua nhanh đoạn video, và Langdon nhìn thấy cả đoàn du khách ào ào kéo vào hành lang, di chuyển giật cục rất nhanh. Từ góc nhìn này, không thể thấy được chiếc mặt nạ, nhưng rõ ràng nó vẫn nằm trong tủ trưng bày vì du khách liên tục dừng lại để nhìn vào trong hoặc chụp ảnh trước khi di chuyển tiếp.

Làm ơn nhanh lên nào, Langdon nghĩ thầm, vì biết rõ cảnh sát đang trên đường tới. Anh băn khoăn không rõ anh và Sienna có nên cáo lỗi và rút lui không, nhưng họ cần xem đoạn video này bởi bất kỳ điều gì trên đoạn ghi hình này cũng sẽ trả lời cho rất nhiều câu hỏi liên quan đến chuyện quái quỷ đang diễn ra lúc này.

Đoạn video vẫn tiếp tục chạy, giờ nhanh hơn, và bóng chiều tà bắt đầu di chuyển ngang qua gian phòng. Khách du lịch ra vào cho tới khi đám đông bắt đầu thưa dần, và rồi đột ngột biến mất hoàn toàn. Khi thời gian ghi trên hình vượt qua 17 giờ, đèn đóm của bảo tàng đều tắt, và tất cả chìm vào im lặng.

5 giờ chiều. Giờ đóng cửa.

“Cho chạy nhanh lên đi”, Marta yêu cầu, nhóm người về phía trước và chăm chú nhìn lên màn hình.

Anh chàng bảo vệ cho đoạn video chạy tiếp, mốc thời gian trôi rất nhanh, đột ngột cho tới lúc 10 giờ tối, đèn trong bảo tàng nhấp nháy sáng lên.

Anh chàng bảo vệ vội cho đoạn băng chậm lại tốc độ bình thường.

Một lúc sau, cái dáng bụng bầu quen thuộc của Marta Alvarez xuất hiện trong hình. Theo sát cô ấy là Langdon, bước vào trong chiếc áo khoác hiệu Harris Tweed Camberley, quần khaki, và đôi giày da lười quen thuộc. Anh thậm chí còn nhìn rõ chiếc đồng hồ Chuột Mickey của mình lấp ló bên dưới ống tay áo trong lúc di chuyển.

Mình ở đó... trước khi bị bắn.

Langdon cảm thấy cực kỳ lo ngại khi nhìn chính mình đang làm mọi việc mà anh hoàn toàn không nhớ tí gì. Mình đã ở đây tối qua... quan sát cái mặt nạ người chết ư? Bằng cách nào đó, trong khoảng thời gian từ lúc đó đến giờ, anh lại để mất quần áo, chiếc đồng hồ Chuột Mickey và hai ngày trong đời mình.

Khi đoạn video tiếp tục chạy, anh và Sienna chen nhau lại gần sát phía sau Marta và những nhân viên bảo vệ để nhìn cho rõ hơn. Đoạn phim không tiếng tiếp tục, cho thấy Langdon và Marta đến bên tủ trưng bày và ngắm chiếc mặt nạ. Trong lúc đó, một cái bóng to lớn hiện ra tối sầm cả ô cửa đằng sau anh, và một người đàn ông to béo xuất hiện trong khuôn hình. Ông ta mặc bộ đồ màu nâu nhạt, tay xách cặp, và chật vật lăm mớ lách được qua cửa. Cái bụng to phưỡn của ông ta thậm chí làm cho bà bầu Marta cũng trở nên thon thả.

Langdon nhận ra người đàn ông này ngay lập tức. Ignazio thì phải?!

“Đó là ông Ignazio Busoni”, Langdon thì thào vào tai Sienna. “Giám đốc của Museo dell’Opera del Duomo. Một người quen của tôi đã vài năm rồi. Chỉ có điều tôi chưa từng nghe nói ông ấy được gọi là Tiểu Mái vòm.”

“Cái tên quá hợp”, Sienna khẽ đáp.

Vài năm qua, Langdon đã tư vấn cho Ignazio về các hiện vật và lịch sử liên quan đến Il Duomo – Vương cung Thánh đường do ông ấy chịu trách nhiệm – nhưng tham quan Cung điện Vecchio có vẻ nằm ngoài lĩnh vực của Ignazio. Dẫu sao, Ignazio Busoni, ngoài việc là một nhân vật có ảnh hưởng trong giới nghệ thuật Florence, còn là một học giả rất mê Dante.

Một nguồn thông tin đáng tin cậy về cái mặt nạ người chết của Dante.

Khi tập trung trở lại với đoạn video, Langdon nhìn thấy Marta đang kiên trì đợi ở bức tường hậu của hành lang trong khi anh và Ignazio nghiêng người phía trên rào chắn để có thể nhìn gần chiếc mặt nạ nhất. Trong khi hai người đàn ông tiếp tục xem xét và thảo luận kéo dài vài phút, có thể nhìn rõ Marta sốt ruột xem đồng hồ đeo tay ở phía sau lưng họ.

Langdon ước gì đoạn video an ninh có cả âm thanh. Không biết mình và Ignazio nói những gì? Mình và ông ấy tìm kiếm cái gì?

Vừa lúc ấy, trên màn hình, Langdon bước qua rào chắn và cúi sát xuống chiếc tủ, mặt anh chỉ cách lớp kính vài phân. Marta lập tức can thiệp, rõ ràng nhắc nhở và Langdon lùi lại với thái độ biết lỗi.

“Xin lỗi vì tôi khất khe như vậy”, Marta lên tiếng, liếc mắt qua vai nhìn lại anh. “Nhưng như tôi đã nói với các vị, cái tủ trưng bày là đồ cổ và cực kỳ mỏng manh. Chủ nhân của chiếc mặt nạ kiên quyết yêu cầu chúng tôi bắt mọi người phải đứng sau rào chắn. Ông ấy thậm chí còn không cho nhân viên của chúng tôi mở tủ khi ông ấy vắng mặt.”

Phải mất một lúc những lời nói của cô ấy mới được lĩnh hội. Chủ nhân của chiếc mặt nạ ư? Langdon cứ đinh ninh chiếc mặt nạ là tài sản của bảo tàng.

Sienna cũng ngạc nhiên không kém và lập tức xen vào. “Hóa ra bảo tàng không sở hữu chiếc mặt nạ à?”

Marta lắc đầu, đưa mắt trở lại màn hình. “Một nhà tài trợ giàu có đã đặt mua chiếc mặt nạ người chết của Dante từ bộ sưu tập của chúng tôi nhưng để nó trưng bày vĩnh viễn ở đây. Ông ấy ra giá cho mượn rất thấp, và chúng tôi vui vẻ chấp thuận.”

“Khoan đã”, Sienna lên tiếng. “Ông ấy trả tiền mua mặt nạ... và để các vị giữ nó?”

“Thỏa thuận như vậy rất phổ biến”, Langdon nói. “Kết hợp từ thiện mà – một cách cho các nhà tài trợ đem những khoản trợ cấp cho bảo tàng mà không cần nêu rõ món quà là đồ từ thiện.”

“Nhà tài trợ đó là một người khác thường”, Marta nói. “Một học giả thiên tài về Dante, nhưng hơi... nói thế nào nhỉ... cuồng?”

“Ông ấy là ai?”, Sienna hỏi, giọng điệu hờ hững của cô vẫn không giấu được vẻ khân trương.

“Ai à?”, Marta cau mày, vẫn dăm dăm nhìn màn hình. “Chà, có lẽ cô đã đọc về ông ấy trong các bản tin gần đây – tỉ phú người Thụy Sĩ Bertrand Zobrist?”

Với Langdon, các tên chỉ lảng máng quen, nhưng Sienna túm vội lấy cánh tay Langdon và bóp mạnh, trông như thể cô vừa nhìn thấy ma.

“Ồ, vâng...”, Sienna ngắc ngư, mặt xám ngoét. “Bertrand Zobrist. Nhà sinh hóa nổi tiếng. Kiếm bộn tiền nhờ các bằng sáng chế sinh học khi tuổi đời còn rất trẻ.” Cô ngừng lại, nuốt khan. Cô nghiêng người và thì thầm với Langdon. “Về cơ bản Zobrist đã sáng chế ra lĩnh vực điều khiển chuỗi phôi.”

Langdon không hiểu điều khiển chuỗi phôi nghĩa là gì, nhưng nó có vẻ rất đáng ngại, đặc biệt là gần đây lại xuất hiện những hình ảnh liên quan đến dịch hạch và chết chóc. Anh tự hỏi liệu Sienna có biết nhiều về Zobrist không bởi vì cô đọc rất nhiều về lĩnh vực y học... hoặc có lẽ vì cả hai đều là những người tuổi trẻ tài cao. Các nhà bác học có theo dõi công việc của nhau không nhỉ?

“Lần đầu tiên tôi nghe nói về Zobrist là vài năm trước”, Sienna giải thích, “khi ông ấy có một số tuyên bố cực kỳ khiêu khích trên truyền thông về tăng trưởng dân số”. Cô ngừng lại, gương mặt tối sầm. “Zobrist là người đề xướng Phương trình Khải huyền Dân số.”

“Sao cơ?”

“Về cơ bản thì đó là một sự ghi nhận bằng toán học rằng dân số trên trái đất đang gia tăng, con người sống thọ hơn, và các nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta đang cạn dần. Phương trình dự đoán rằng xu hướng hiện tại không thể dẫn đến kết quả nào khác hơn là sự sụp đổ tất yếu của xã hội. Zobrist công khai tiên liệu rằng loài người sẽ không tồn tại thêm được một thế kỷ nữa... trừ phi chúng ta trải qua một sự kiện tuyệt chủng quy mô lớn nào đó”, Sienna thờ dãi nả nề và nhìn thẳng vào mắt Langdon. “Thực tế, Zobrist từng được trích lời nói rằng ‘điều tốt đẹp nhất từng xảy ra ở châu Âu chính là Cái chết Đen’.”

Langdon sững sờ nhìn cô. Anh cảm thấy sồn tóc gáy, hết như lúc hình ảnh chiếc mặt nạ dịch hạch vụt đến trong tâm trí. Cả buổi sáng anh đã cố gắng chống chọi với ý niệm rằng tình trạng tiến thoái lưỡng nan của anh hiện thời

có liên quan đến một đại dịch chết người... nhưng cái ý niệm ấy càng lúc càng khó đẩy lui.

Việc Bertrand Zobrist mô tả Cái chết Đen như là điều tốt đẹp nhất từng đến với châu Âu hẳn là khá bất ngờ, nhưng Langdon biết rằng nhiều sử gia cũng đã ghi chép lại những lợi ích kinh tế xã hội lâu dài mà thảm kịch vào thế kỷ XIV này mang lại cho châu Âu. Trước khi xảy ra đại dịch, đặc điểm của thời Trung cổ chính là tình trạng quá tải dân số, nạn đói, và khó khăn về kinh tế. Cái chết Đen bất ngờ ập đến, dù rất kinh khủng, đã giúp “làm vãn bầy người” một cách hiệu quả, tạo ra sự dư thừa thức ăn và cơ hội, điều mà theo nhiều sử gia, chính là một tác nhân then chốt giúp mang đến thời kỳ Phục Hưng.

Khi nghĩ đến biểu tượng nguy hiểm sinh học trên ống nghiệm có chứa tấm bản đồ địa ngục đã được chỉnh sửa của Dante, một ý nghĩ đáng sợ bám riết lấy anh: Cái máy chiếu nhỏ xíu kỳ lạ do một ai đó tạo ra... Bertrand Zobrist – một nhà hóa sinh và cực kỳ mê cuồng Dante – giờ đây có lẽ là một ứng cử viên rất hợp lý.

Cha đẻ của giải pháp điều khiển chuỗi phôi di truyền. Langdon cảm thấy các mảnh ghép lúc này đang ráp đúng vị trí. Nhưng tiếc thay bức tranh đang định hình lại càng lúc càng đáng sợ.

“Tua nhanh phần này đi”, Marta ra lệnh cho anh chàng bảo vệ, giọng đầy sốt ruột, muốn bỏ qua đoạn ghi hình Langdon và Ignazio Busoni nghiên cứu cái mặt nạ để có thể tìm ra ai là người đã đột nhập vào bảo tàng và đánh cắp nó.

Anh chàng bảo vệ nhấn nút tua nhanh, và mốc thời gian tăng lên.

Ba phút... sáu phút... tám phút.

Trên màn hình, có thể nhìn thấy Marta đứng phía sau hai người, liên tục phải thay đổi tư thế và nhìn đồng hồ.

“Tôi rất xin lỗi vì chúng tôi nói chuyện lâu như vậy!”, Langdon nói. “Trông chị không được thoải mái.”

“Là lỗi của tôi”, Marta đáp. “Cả hai vị đều nhắc tôi nên về nhà và bộ phận bảo vệ sẽ cho các vị ra nhưng tôi cảm thấy như thế là khiếm nhã.”

Đột nhiên, trên màn hình, Marta biến mất. Anh chàng bảo vệ cho đoạn video trở lại tốc độ bình thường.

“Không sao”, Marta nói. “Tôi nhớ có đi vào nhà vệ sinh.”

Anh chàng bảo vệ gạt đầu và lại bấm nút tua nhanh, nhưng anh ta chưa kịp bấm thì Marta đã túm lấy tay anh ta. “Khoan đã!”

Cô ấy nghiên đầu và dăm dăm nhìn màn hình vẽ không hiểu.

Langdon cũng đã nhìn thấy. Sao lại như vậy?!

Trên màn hình, Langdon vừa thò tay vào túi chiếc áo khoác vài tweed của mình, lôi ra một đôi găng tay phẫu thuật và lồng vào hai tay.

Cùng lúc đó, Tiểu Mái vòm chuyển ra vị trí phía sau Langdon, mắt chăm chú nhìn ra hành lang nơi Marta mới đi khỏi một lúc trước để vào nhà vệ sinh. Một lúc sau, người đàn ông to béo gạt đầu với Langdon theo nghĩa dường như là hiện trường không còn ai.

Bọn mình làm quái gì thế nhỉ?!

Langdon nhìn chính mình trên màn hình trong khi đôi tay đeo găng của anh vươn ra chạm vào mép cửa tủ... sau đó, rất nhẹ nhàng, kéo về phía sau cho tới khi cái bản lề cổ xưa xê dịch và cánh cửa từ từ mở ra... để lộ ra chiếc mặt nạ người chết của Dante.

Marta Alvarez há hốc miệng kêu thành tiếng đầy kinh hãi và đưa tay lên che mặt.

Cùng chung nỗi hãi hùng với Marta, Langdon không tin vào mắt mình khi nhìn thấy chính anh thò tay vào tủ, nhẹ nhàng dùng cả hai tay nắm lấy chiếc mặt nạ người chết của Dante và nhấc nó ra.

“Lạy Chúa lòng lành!”, Marta bật kêu, đứng phắt dậy và xoay lại đối diện với Langdon. “Chính anh làm việc đó ư? Tại sao?”

Langdon chưa kịp trả lời thì một nhân viên bảo vệ đã rút ra một khẩu Beretta đen xì và chĩa thẳng vào ngực anh.

Lạy Chúa!

Robert Langdon nhìn trân trân họng súng của người bảo vệ và cảm thấy căn phòng nhỏ xíu này đang đóng kín lại quanh anh. Marta Alvarez đã đứng hẳn dậy, trợn trừng nhìn anh, mặt toát lên nỗi hoài nghi và bị phản bội. Trên màn

hình an ninh phía sau lưng cô ấy, lúc này Langdon đang giơ chiếc mặt nạ ra phía ánh sáng xem xét nó.

“Tôi chỉ lấy nó ra một lát thôi”, Langdon thanh minh, lòng thầm mong điều đó là sự thật. “Ignazio khẳng định với tôi chị sẽ không phiền lòng!”

Marta không trả lời. Cô ấy như hóa đá, rõ ràng đang cố nghĩ xem tại sao Langdon lại nói dối mình... và thực tế làm sao Langdon lại có thể bình tĩnh đứng bên cạnh và xem đoạn băng khi anh biết nó sẽ tiết lộ những gì.

Mình không hiểu tại sao chính mình lại mở cái tủ!

“Robert”, Sienna thì thào. “Nhìn xem! Anh tìm thấy gì đó!” Sienna vẫn chăm chú xem đoạn băng, tập trung tìm cho ra câu trả lời bất kể tình thế khó khăn của họ lúc này.

Trên màn hình, giờ đây Langdon đang giơ cao chiếc mặt nạ và nghiêng nó về phía ánh sáng, sự chú ý của anh rõ ràng tập trung vào một thứ gì đó rất đáng quan tâm ở phía sau món đồ.

Từ góc máy quay này, tiếng tích tắc, chiếc mặt nạ che khuất một phần gương mặt Langdon ở vị trí làm cho đôi mắt của Dante trùng khớp với của Langdon. Anh lại nhớ lời tuyên bố - chỉ có thể nắm bắt được chân lý qua cặp mắt chết chóc - và cảm thấy lạnh toát.

Langdon không rõ mình đang kiểm tra cái gì ở phía sau chiếc mặt nạ nhưng ở thời khắc đó trong đoạn video, khi anh chia sẻ phát hiện của mình với Ignazio, người đàn ông béo ị ấy giật lùi lại, lập tức lần tìm cặp kính và quan sát lần nữa... rồi lần nữa. Ông ấy bắt đầu lắc đầu lia lịa và đi tới đi lui trong hành lang đầy kích động.

Đột nhiên, cả hai người ngẩng lên, rõ ràng đã nghe thấy tiếng gì đó trong hành lang – chắc chắn là Marta đang từ nhà vệ sinh quay lại. Langdon vội vàng lôi từ trong túi áo mình ra một chiếc túi Ziploc lớn, nhét chiếc mặt nạ người chết vào và nhẹ nhàng trao nó cho Ignazio. Ông này lại cất nó vào cặp của mình, với vẻ hơi do dự. Langdon nhanh nhẹn đóng ô cửa kính trên chiếc tủ trưng bày lúc này trống trơn, và hai người nhanh chóng sải bước ra sảnh để đón đầu Marta trước khi cô ấy phát hiện ra vụ trộm cắp của họ.

Cả hai người bảo vệ lúc này đều đã chĩa súng vào Langdon.

Marta như đứng không vững, phải vịn vào bàn làm điểm tựa. “Tôi không

hiếu!”, cô ấy kêu lên. “Anh và Ignazio Busoni đã đánh cắp chiếc mặt nạ người chết của Dante ư?!”

“Không!”, Langdon khẳng khăng, cố hết sức chống chế. “Chúng tôi đã được chủ nhân của nó cho phép mang chiếc mặt nạ ra khỏi tòa nhà.”

“Được phép của chủ nhân ư?”, cô ấy hỏi vặn. “Từ Bertrand Zobrist sao!?”

“Phải! Ông Zobrist đồng ý để chúng tôi kiểm tra một số dấu vết ở phía sau! Chúng tôi gặp ông ấy chiều hôm qua!”

Ánh mắt Marta bắn ra những tia lửa. “Giáo sư, tôi chắc chắn rằng anh không hề gặp Bertrand Zobrist chiều hôm qua.”

“Chắc chắn chúng tôi đã...”

Sienna đặt một tay lên cánh tay Langdon. “Robert...”, cô thở dài ủ rũ. “Cách đây sáu ngày, Bertrand Zobrist đã lao xuống từ đỉnh tháp Badia, cách đây chỉ vài tòa nhà thôi.”

Chương 42

Vayentha bỏ lại chiếc mô tô của mình ngay phía bắc Cung điện Vecchio và đi bộ men theo đường bao của Quảng trường Signoria. Trong lúc len lỏi qua điện thờ ngoài trời của khu Longia dei Lanzi, ả không thể không chú ý thấy rằng tất cả bức tượng dường như đều đang thể hiện các sắc thái của một chủ đề duy nhất: Những biểu hiện đầy bạo lực của việc nam giới áp chế phụ nữ.

Bắt cóc đám phụ nữ Sabine.

Chiếm đoạt Polyxena.

Perseus cầm thủ cấp Medusa.

Hay đây, Vayentha nghĩ thầm, kéo mũ trùm xuống mắt và len lỏi qua đám đông để tiến về lối vào cung điện, nơi đang đón những du khách đầu tiên trong ngày. Theo tất cả dấu hiệu ở đây thì mọi việc vẫn hết sức bình thường tại Cung điện Vecchio này.

Không có cảnh sát, Vayentha nghĩ. Ít nhất là chưa có.

Ả kéo cao áo khóa áo khoác lên tới cổ để bảo đảm không làm lộ vũ khí của mình và bước thẳng qua cổng vào. Theo những tấm biển chỉ dẫn tới II Museo di Palazzo, ả băng qua hai tiền sảnh lộng lẫy và theo một cầu thang đồ sộ leo lên tầng hai.

Trong lúc lên tầng, ả nhớ lại nội dung trao đổi của cảnh sát.

Bảo tàng Cung điện Vecchio... Dante Alighieri.

Chắc chắn Langdon ở đó.

Những tấm biển của bảo tàng dẫn Vayentha vào một khu trưng bày rộng lớn được trang hoàng vô cùng ấn tượng – Sảnh Năm trăm – nơi nhiều nhóm du khách chen lấn vào nhau, chiêm ngưỡng những bức bích họa đồ sộ trên tường. Vayentha chẳng thèm bận tâm đến chuyện chiêm ngưỡng nghệ thuật ở đây nên nhanh chóng xác định một tấm biển khác ở góc bên phải căn phòng, chỉ thẳng lên một lối cầu thang.

Trong khi băng qua gian sảnh, ả chú ý thấy một nhóm sinh viên đại học tụ tập quanh một tác phẩm điêu khắc duy nhất, cười nói và chụp ảnh.

Tấm biển đề: Hercules và Diomedes.

Vayentha nhìn những bức tượng và lầm bầm.

Bức điêu khắc mô tả hai nhân vật anh hùng trong thần thoại Hy Lạp – cả hai đều hoàn toàn khỏa thân – đang quấn lấy nhau trong một keo đấu vật. Hercules đang kẹp Diomedes cằm đầu xuống đất, chuẩn bị quẳng anh ta đi, trong khi Diomedes đang tóm chặt cơ quan sinh dục của Hercules, như thể muốn nói “Người có chắc người muốn quẳng ta đi không?”

Vayentha nhăn mặt. Câu chuyện về việc nắm đực cà của người khác.

Ả rời mắt khỏi bức tượng quái lạ và nhanh chóng leo lên cầu thang về phía khu vực bảo tàng.

Ả lên đến một ban công rất cao nhìn xuống sảnh. Hơn chục du khách đang đợi bên ngoài lối vào bảo tàng.

“Tạm lùi giờ mở cửa”, một du khách nhanh nhẩu thông báo, lộ mặt ra từ phía sau chiếc máy quay cá nhân của mình.

“Có biết tại sao không?”, ả hỏi.

“Không, nhưng nghe trong lúc đợi chúng ta lại thấy quang cảnh rất tuyệt!”. Người đàn ông vung tay lướt qua toàn bộ Sảnh Năm trăm bên dưới.

Vayentha bước lại mép lan can và nhìn xuống gian phòng rộng thênh thang phía dưới. Dưới tầng, một sĩ quan cảnh sát duy nhất đang tiến đến, chẳng có vẻ gì gấp gáp, cũng không mấy người chú ý thấy anh ta đang băng qua phòng tới phía cầu thang.

Anh ta đến để lấy lời khai, Vayentha nghĩ thầm. Tác phong uể oải của nhân viên công lực lúc lên cầu thang cho thấy đây là một công việc rất bình thường – chẳng có vẻ gì giống như tình trạng nháo nhào tìm kiếm Langdon ở cổng Porta Romana.

Nếu Langdon ở đây thì tại sao người ta lại không vây kín tòa nhà nhỉ?

Hoặc Vayentha đã phỏng đoán sai rằng Langdon ở đây, hoặc cảnh sát địa phương và Brüder chưa nhận ra và hợp tác với nhau.

Lúc viên sĩ quan lên đến đỉnh cầu thang và len lỏi về phía lối vào bảo tàng, Vayentha thân nhiên quay đi và vờ đang chăm chú nhìn ra ngoài cửa sổ. Nghĩ đến lệnh từ chối cùng tầm ảnh hưởng rộng rãi của Thị Trưởng, ả không dại gì để bị nhận ra.

“Chú ý!”, một giọng nói vang lên đâu đó.

Tim Vayentha như hụt một nhịp khi viên sĩ quan dừng lại ngay sát sau lưng ả. ả nhận ra giọng nói kia phát ra từ bộ đàm của anh ta.

“Chờ lực lượng tiếp viện!” giọng nói lại vang lên.

“Chờ lực lượng tiếp viện ư!” Vayentha cảm thấy có gì đó vừa thay đổi.

Vừa lúc ấy, bên ngoài cửa sổ, Vayentha nhận ra một vật màu đen đang lớn dần ở chân trời phía xa. Nó đang từ hướng vườn Boboli bay về phía Cung điện Vecchio.

Cái máy bay, Vayentha nhận ra ngay. Brüder biết rồi. Và anh ta đang tới lối này.

Điều phối viên của Consortium Laurence Knowlton vẫn đang dẫn vật bản

thân về chuyện gọi cho Thị Trưởng. Anh ta biết rõ hơn hết là nên đề nghị Thị Trưởng xem trước đoạn video của ông khách trước khi nó được đăng tải cho giới truyền thông vào ngày mai.

Nội dung quá không phù hợp.

Quy trình là nhất.

Knowlton vẫn còn nhớ y nguyên “câu thần chú” mà các điều phối viên trẻ được học khi bắt đầu giải quyết nhiệm vụ cho tổ chức. Không hỏi. Chỉ việc thực thi.

Đầy do dự, anh đặt chiếc thẻ nhớ màu đỏ vào dãy công việc thực hiện trong sáng mai, lòng vẫn băn khoăn không biết giới truyền thông sẽ phản ứng sao với thông điệp quái dị này. Liệu họ có dám công bố nó không?

Dĩ nhiên họ sẽ làm. Nó do Bertrand Zobrist gửi tới mà.

Zobrist không chỉ là một nhân vật thành công đến kinh ngạc trong lĩnh vực hóa sinh, ông ta còn đang là chủ đề thời sự gây xôn xao sau vụ tự sát vào tuần trước. Đoạn video dài chín phút này sẽ giống một lời nhắn từ dưới mồ, và nội dung kinh khủng của nó sẽ làm cho người ta gần như không thể tắt nó đi.

Đoạn video này sẽ lan đi chỉ trong vài phút sau khi được tung ra.

Chương 43

Marta Alvarez đẩy kích động lúc bước ra khỏi phòng video chật hẹp, bỏ lại Langdon cùng cô em gái thô lỗ của anh trước họng súng của những nhân viên bảo vệ. Marta bước tới một ô cửa sổ và nhìn xuống Quảng trường Signoria, cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận ra một chiếc xe cảnh sát đỗ ở phía trước.

Đến lúc rồi!

Marta vẫn không thể nào hình dung tại sao một người được kính nể trong lĩnh vực chuyên môn của mình như Robert Langdon lại ngang nhiên lừa dối cô như vậy, lợi dụng sự đặc cách trong chuyên môn mà cô dành cho anh, và còn đánh cắp một hiện vật vô giá.

Ignazio Busoni còn hỗ trợ anh ta nữa ư!? Thật không thể tưởng tượng nổi!

Với ý định nói vài suy nghĩ của mình với Ignazio, Marta rút điện thoại di động và bấm số văn phòng của Tiểu Mái vòm, nằm cách đó chỉ vài dãy nhà, tại bảo tàng Museo dell'Opera del Duomo.

Đường dây chỉ đổ chuông đúng một lần.

“Văn phòng ông Ignazio Busoni đây”, một giọng nữ quen thuộc vang lên.

Marta vốn thân thiện với thư ký của Ignazio nhưng lúc này không có tâm trạng để buồn chuyện. “Eugenia, Marta đây. Tôi cần nói chuyện với Ignazio.”

Đường dây ngừng bật rồi đột nhiên cô thư ký bật khóc nức nở.

“Có chuyện gì vậy?”, Marta hỏi.

Eugenia thốt thức báo cho Marta biết rằng cô ấy vừa đến văn phòng và biết tin Ignazio bị một cơn trụ tim nặng đêm qua trong một con hẻm gần Duomo. Lúc khoảng nửa đêm ông ấy cố gọi cho cấp cứu nhưng các nhân viên y tế đến không kịp. Busoni đã qua đời.

Hai chân Marta gần như khụy xuống. Sáng nay cô đã nghe thời sự thông báo một quan chức không rõ danh tính của thành phố qua đời đêm trước, nhưng cô không bao giờ nghĩ đó lại là Ignazio.

“Eugenia, nghe này”, Marta vội nói, cố gắng giữ bình tĩnh trong lúc giải thích nhanh mọi việc cô vừa chứng kiến trên các máy quay video của Cung điện – chiếc mặt nạ người chết của Dante đã bị Ignazio và Robert Langdon đánh cắp và Langdon hiện đã bị bắt giữ.

Marta không biết mình trông đợi phản ứng thế nào từ Eugenia, nhưng chắc chắn những gì cô nghe được nằm ngoài dự kiến.

“Robert Langdon à!?”, Eugenia hỏi. “Chị có ở cùng Langdon không?!”

Eugenia dường như không chú ý tới điểm mấu chốt của câu chuyện. Có, nhưng cái mặt nạ...

“Tôi cần nói chuyện ngay với anh ấy!”, Eugenia gần như hét lên.

Bên trong phòng an ninh, đầu Langdon tiếp tục ong ong trong khi những nhân viên bảo vệ chĩa vũ khí vào anh. Đột ngột, cánh cửa bật mở và Marta Alvarez xuất hiện.

Qua cánh cửa để ngỏ, Langdon nghe rõ tiếng rít từ xa của chiếc máy bay không người lái đầu đó bên ngoài, tiếng động cơ rền rĩ của nó đi kèm với tiếng còi hú đang đến gần. Họ đã tìm ra vị trí của bọn mình.

“Cảnh sát đang đến đây”, Marta nói với mấy nhân viên bảo vệ, rồi cử một người trong số họ ra hướng dẫn nhân viên công lực vào bảo tàng. Người còn lại vẫn ở phía sau, hòng súng chĩa vào Langdon.

Trước vẻ ngạc nhiên của Langdon, Marta đưa chiếc điện thoại di động cho anh. “Có người muốn nói chuyện với anh”, cô nói, giọng đầy bí ẩn. “Anh cần mang máy ra khỏi đây thì mới có sóng.”

Cả nhóm rời khỏi phòng điều khiển chật chội để ra khu vực trung bày ngay bên ngoài, nơi ánh nắng tràn vào qua những cửa sổ thật lớn nhìn xuống khung cảnh ấn tượng của Quảng trường Signoria. Mặc dù vẫn đứng trước hòng súng nhưng Langdon cảm thấy nhẹ nhõm hơn hẳn khi thoát ra khỏi không gian tù túng.

Marta ra hiệu anh lại gần cửa sổ và trao điện thoại cho anh.

Langdon cầm lấy, vẻ ngờ ngạc và đưa máy lên tai. “Vâng? Tôi Robert Langdon đây.”

“Chào anh”, người phụ nữ nói bằng thứ tiếng Anh nhát gừng, nặng trịch. “Tôi là Eugenia Antonucci, thư ký của Ignazio Busoni. Anh và tôi, chúng ta gặp nhau tối qua khi anh đến văn phòng ông ấy.”

Langdon chẳng nhớ được gì. “Vâng?”

“Tôi rất lấy làm tiếc phải nói với anh chuyện này, nhưng Ignazio, ông ấy đã chết vì đau tim tối qua rồi.”

Langdon bóp chặt chiếc điện thoại. Ignazio Busoni đã chết rồi ư?!

Giờ người phụ nữ kia thôn thức khóc, giọng cô ấy đượm buồn. “Ignazio gọi cho tôi trước khi chết. Ông ấy để lại cho tôi một tin nhắn và bảo tôi dứt khoát phải để anh nghe. Tôi sẽ bật cho anh.”

Langdon nghe thấy mấy tiếng sột soạt, và một lúc sau, đoạn ghi âm giọng Ignazio Busoni không ra hơi vang đến tai anh.

“Eugenia”, ông ấy thở hổn hển, rõ ràng đang trong đau đớn. “Hãy bảo đảm rằng Robert Langdon nghe được tin nhắn này. Tôi đang gặp chuyện. Tôi không nghĩ mình sẽ quay về đến văn phòng.” Ignazio rên rỉ và có một quãng im lặng kéo dài. Khi bắt đầu nói tiếp, giọng ông ấy yếu hẳn. “Robert, tôi hy vọng anh thoát. Chúng vẫn bám sau tôi... và tôi... tôi không được khỏe. Tôi đang cố gắng gọi cho một bác sĩ, nhưng...” Lại một đoạn im lặng kéo dài, như thể Tiểu Mái vòm đang cố tập trung chút sinh lực cuối cùng và sau đó... “Robert, nghe kỹ này. Những gì anh tìm thấy đã được cất giấu an toàn. Cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên. Thiên đường Hai mươi lăm.” Ông ấy dừng lại một lúc lâu và sau đó thì thào, “Chúc may mắn”.

Đến đó lời nhắn kết thúc.

Tim Langdon đập nhanh, và anh biết mình vừa chứng kiến những lời cuối cùng của một người đang hấp hối. Việc những lời ấy được gửi riêng tới anh chẳng giúp anh bớt lo lắng. Thiên đường Hai mươi lăm ư? Cổng đã mở cho mình ư? Langdon suy nghĩ. Ý ông ấy là cánh cổng nào chứ?! Điều duy nhất có chút ý nghĩa là Ignazio nói rằng chiếc mặt nạ đã được cất giấu an toàn.

Eugenia trở lại đầu dây. “Giáo sư, anh có hiểu lời nhắn này không?”

“Có, nhưng chỉ một chút thôi.”

“Tôi có thể làm được gì không?”

Langdon suy nghĩ câu hỏi này một lúc lâu. “Hãy bảo đảm không có ai khác nghe được tin nhắn này.”

“Kê cả cảnh sát à? Một thám tử sắp đến để lấy lời khai của tôi.”

Langdon cứng người. Anh nhìn người bảo vệ vẫn đang chĩa súng vào mình. Rất nhanh, Langdon xoay người về phía cửa sổ và hạ giọng, thì thào thật nhanh, “Eugenia... chuyện này nghe có vẻ lạ lùng, nhưng vì Ignazio, tôi cần cô xóa lời nhắn đó và đừng nói với cảnh sát rằng cô vừa nói chuyện với tôi. Rõ chưa? Tình hình rất phức tạp và...”

Langdon cảm thấy họng súng ấn vào sườn anh nên quay lại nhìn người bảo vệ, chỉ cách vài phân, đang chìa bàn tay còn lại ra để đòi lại chiếc điện thoại của Marta.

Trên má, có một khoảng im lặng dài, và cuối cùng Eugenia nói, “Anh Langdon, sếp của tôi tin tưởng anh... cho nên tôi cũng vậy.”

Rồi cô ấy tắt máy.

Langdon đưa điện thoại lại cho người bảo vệ. “Ignazio Busoni chết rồi”, anh nói với Sienna. “Ông ấy chết vì truy tìm đêm qua sau khi rời khỏi bảo tàng này”, Langdon ngừng lại. “Chiếc mặt nạ vẫn an toàn. Ignazio đã giấu nó trước khi chết. Và tôi nghĩ ông ấy để lại cho tôi một manh mối để tìm nó.” Thiên đường hai mươi lăm.

Hy vọng lóe lên trong mắt Sienna, nhưng khi Langdon quay lại phía Marta, trông cô ấy đầy vẻ nghi ngờ.

“Chị Marta”, Langdon nói. “Tôi có thể lấy lại chiếc mặt nạ của Dante cho chị, nhưng chị cần để chúng tôi đi. Ngay lập tức.”

Marta cười to. “Tôi sẽ không làm chuyện đó đâu. Anh là người đã đánh cắp chiếc mặt nạ! Cảnh sát đang đến...”

“Chị Alvarez”, Sienna nói xen vào. “Tôi xin lỗi, nhưng chúng tôi đã không thành thật với chị.”

Langdon vờ kinh ngạc. Sienna đang làm gì thế?! Anh hiểu hết câu nói bằng tiếng Ý đó.

Marta cùng ngỡ ngàng không kém trước những lời của Sienna, mặc dù vẻ bất ngờ của cô dường như là do sự thật rằng Sienna đột nhiên nói bằng thứ tiếng Ý trôi chảy và không lẩn vào đâu.

“Trước hết, tôi không phải là em gái của anh Robert Langdon”, Sienna nói bằng giọng đầy hối lỗi.

Chương 44

Marta Alvarez lùi lại một bước và khoanh tay nhìn kỹ người phụ nữ trẻ tóc vàng đứng trước mặt mình.

“Tôi xin lỗi”, Sienna tiếp tục, vẫn nói bằng thứ tiếng Ý trôi chảy. “Chúng tôi đã nói dối chị nhiều chuyện.”

Người bảo vệ cũng lúng túng không kém Marta, mặc dù anh ta vẫn giữ nguyên vị trí.

Giờ Sienna nói thật nhanh, vẫn bằng thứ tiếng Ý, kể với Marta rằng cô làm việc tại một bệnh viện ở Florence, nơi Langdon đã đến vào tối hôm trước cùng với một vết thương do đạn bắn vào đầu. Cô giải thích rằng Langdon chẳng nhớ được gì về các sự kiện đã khiến anh phải vào bệnh viện, và rằng anh rất ngạc nhiên trước đoạn video an ninh chẳng kém gì Marta.

“Cho chị ấy xem vết thương của anh”, Sienna ra lệnh cho Langdon.

Khi nhìn thấy những vết khâu bên dưới mái tóc rối bù của Langdon, Marta ngồi xuống bậu cửa sổ và đưa hai tay ôm lấy mặt vài giây.

Suốt mười phút qua, Marta không chỉ biết rằng chiếc mặt nạ người chết của Dante đã bị đánh cắp trong ca trực của cô, mà còn biết rằng hai tên kẻ trộm lại chính là một vị giáo sư người Mỹ được kính nể ở Florence mà cô tin tưởng, người vừa qua đời. Hơn nữa, cô nàng Sienna Brooks, người Marta cứ đinh ninh là cô em gái người Mỹ mất to của Robert Langdon, hóa ra lại là một bác sĩ, đang thừa nhận đã nói dối và nói được tiếng Ý trôi chảy.

“Chị Marta”, Langdon lên tiếng, giọng trầm xuống và đầy thấu hiểu. “Tôi biết mọi việc thật khó tin, nhưng tôi thật sự không nhớ gì đêm qua. Tôi không biết tại sao Ignazio và tôi lại lấy chiếc mặt nạ.”

Marta cảm nhận được từ ánh mắt anh rằng anh đang nói sự thật.

“Tôi sẽ trả lại chiếc mặt nạ cho chị”, Langdon nói. “Tôi hứa với chị. Nhưng tôi không thể tìm lại nó trừ khi chị để chúng tôi đi. Tình hình rất phức tạp. Chị cần để chúng tôi đi, ngay bây giờ.”

Mặc dù rất muốn chiếc mặt nạ vô giá sẽ trở về, nhưng Marta không hề có ý định để ai đi cả. Cảnh sát đâu rồi?! Cô ấy nhìn xuống chiếc xe cảnh sát duy nhất trên Quảng trường Signoria. Rất lạ là những nhân viên công lực vẫn chưa đến được bảo tàng. Marta cũng nghe thấy âm thanh rì rì rất lạ tai ở phía xa, giống như tiếng ai đó đang sử dụng cửa máy. Và nó càng lúc càng to hơn.

Cái gì thế nhỉ?

Giọng Langdon giờ đây cầu khẩn. “Chị Marta, chị biết Ignazio mà. Ông ấy không bao giờ lấy chiếc mặt nạ mà không có lý do chính đáng. Ở đây có một

bức tranh lớn hơn nhiều. Chủ nhân của chiếc mặt nạ, Bertrand Zobrist, là một người rất phức tạp. Chúng tôi nghĩ có lẽ ông ta liên quan đến việc gì đó rất kinh khủng. Tôi không có thời gian để giải thích tất cả, nhưng tôi xin chị hãy tin chúng tôi.”

Marta chỉ dăm dăm nhìn. Chẳng có chi tiết nào trong những lời này có ý nghĩa cả.

“Chị Alvarez”, Sienna nói, nhìn thẳng vào Marta với ánh mắt lạnh lùng. “Nếu chị lo lắng cho tương lai của mình, và của con chị, thì chị cần để chúng tôi đi, ngay bây giờ.”

Marta khoanh tay che chắn trước bụng, cực kỳ không vui trước lời đe dọa thấy rõ nhằm vào đứa con chưa chào đời của mình.

Tiếng rền rĩ điếc tai bên ngoài nghe to hơn, và khi Marta ngó ra ngoài cửa sổ, cô không nhìn thấy nguồn phát ra âm thanh đó, nhưng cô nhìn thấy một thứ khác.

Người bảo vệ cũng nhìn thấy nó, mắt anh ta mở to.

Bên dưới Quảng trường Signoria, đám đông đang rẽ ra để lấy lối cho một đoàn xe cảnh sát tiến vào mà không hề hự còi, đi đầu là hai chiếc xe thùng màu đen, lúc này phanh kết lại bên ngoài cửa cung điện. Những người lính mặc đồng phục đen nhảy ra, mang theo súng lớn và chạy vào trong cung điện.

Marta cảm giác sợ hãi. Họ là những kẻ nào vậy?!

Người bảo vệ cũng cảnh giác không kém.

Âm thanh rền rĩ điếc tai đột nhiên rít lên, và Marta lùi vội lại khi nhìn thấy một chiếc trực thăng nhỏ hiện ra bên ngoài cửa sổ.

Chiếc máy bay bay về về cách không đầy mười thước, gần như thể nó đang soi mói những người trong phòng. Đó là một chiếc máy bay nhỏ, có lẽ chỉ dài một thước, với một ống màu đen dài gắn phía trước. Cái ống đó chĩa thẳng về phía họ.

“Nó sắp bắn đây!”. Sienna hét lên. “Mọi người nằm xuống!” Cô ngồi thụp xuống bên dưới bậc cửa sổ, còn Marta cứng người vì sợ hãi nhưng vẫn làm theo mọi người một cách bản năng. Anh chàng bảo vệ cũng thụp xuống, chĩa

khẩu súng vào chiếc máy bay nhỏ bé.

Trong tư thế lom khom của mình bên dưới bậu cửa, Marta có thể nhìn rõ Langdon vẫn đứng im, nhìn sững Sienna với vẻ khó hiểu, rõ ràng anh không tin rằng đang có mối nguy hiểm. Sienna chỉ thụp xuống sàn một chớp mắt rồi bật dậy, nắm lấy cổ tay Langdon và bắt đầu kéo anh về phía hành lang. Chỉ một khắc sau, họ đã cùng nhau tọt lồi vào chính cửa tòa nhà.

Anh chàng bảo vệ bật nhôm dẫy và phủ phục như một tay súng bắn tỉa, nâng vũ khí của mình nhắm về phía hành lang nơi hai người đang chạy đi.

“Đừng bắn!”, Marta hạ lệnh. “Họ không thể thoát được đâu!”

Langdon và Sienna biến mất ở góc nhà, và Marta biết chỉ vài giây nữa là hai người sẽ đâm sầm vào những nhân viên công lực đang tiến vào từ hướng kia.

“Nhanh lên!”, Sienna giục, vội vã cùng Langdon chạy ngược trở lại lối họ đi vào. Cô hy vọng họ có thể ra đến cửa chính trước khi lao vào đám cảnh sát, nhưng giờ cô nhận ra cơ hội làm việc này gần như bằng không.

Langdon cũng nhận thấy như vậy. Không cần thông báo, anh dừng phắt lại tại một chỗ hành lang giao nhau khá rộng. “Chúng ta sẽ không thể ra khỏi lối này đâu.”

“Đi nào!”, Sienna vội vã ra hiệu cho anh chạy theo. “Robert, chúng ta không thể cứ đứng đực ở đây!”

Langdon có vẻ rối trí, ngó sang bên trái, về phía hành lang ngắn dẫn tới một gian phòng nhỏ lờ mờ ánh sáng. Tường của gian phòng treo đầy những tấm bản đồ cổ, và ở chính giữa phòng là một quả cầu sắt khổng lồ. Langdon nhìn quả cầu kim loại và bắt đầu chậm rãi gật gù, sau đó gật lia lịa.

“Lối này”, Langdon nói, lao thẳng về phía quả cầu sắt.

Robert! Sienna chạy theo nhưng có phán đoán ngược lại. Hành lang đó rõ ràng dẫn sâu hơn vào bảo tàng, cách xa lối thoát.

“Anh Robert?”, cô hỗn hển và cuối cùng cũng bắt kịp anh. “Anh đang đưa chúng ta đi đâu?!”

“Qua Armenia”, anh đáp.

“Cái gì?!”

“Armenia”, Langdon nhắc lại, mắt anh sán chặt về phía trước. “Tin anh đi!”

Phía dưới một tầng nhà, lẫn trong đám du khách khiếp sợ trên ban công Sảnh Năm trăm, Vayentha cúi đầu xuống khi đội SRS của Brüder vượt qua ả vào trong bảo tàng. Dưới nhà, tiếng những cánh cửa đóng sầm vang vọng khắp sảnh khi đám cảnh sát bịt kín khu vực.

Nếu Langdon thực sự ở đây, anh ta đã bị mắc kẹt.

Thật không may, chính Vayentha cũng vậy.

Chương 45

Với lớp ván ốp bằng gỗ sồi và phần trần gỗ ám áp, Sảnh Bản đồ thế giới giống như một thế giới tách biệt hẳn với nội thất bằng thạch cao và đá ốp khô cứng của Cung điện Vecchio. Ban đầu là gian phòng cất giữ mũ áo của tòa nhà, không gian rộng rãi này gồm hàng chục buồng nhỏ và tủ từng được sử dụng để cất giữ hành trang của Đại Công tước. Ngày nay, các bức tường được trang trí toàn bản đồ - năm mươi ba bức vẽ bằng tay trên da thuộc – mô tả thế giới theo nhận thức vào những năm 1550.

Bộ sưu tập bản đồ vô cùng ấn tượng của sảnh này còn nổi bật với sự hiện diện của một quả cầu khổng lồ ở chính giữa phòng. Vẫn được biết đến với tên gọi Mappa Mundi, trái cầu cao một mét tám này từng là quả cầu có thể quay được to nhất ở thời đại của nó. Người ta đồn rằng có thể xoay tròn nó dễ dàng chỉ bằng một ngón tay. Ngày nay, quả cầu là trạm dừng chân cuối cùng cho du khách sau khi đã đi hết chặng đường dài dằng dặc qua các phòng trưng bày và tới một lối cut, nơi họ vây quanh quả cầu và ra về theo đúng lối họ đã vào.

Langdon và Sienna hồn hên chạy đến Sảnh Bản đồ. Trước mặt họ, Mappa Mundi đứng sừng sững, nhưng Langdon thậm chí không liếc mắt nhìn nó, anh hướng mắt tới những bức tường bên ngoài của gian phòng.

“Chúng ta cần tìm Armenia!”, Langdon nói. “Tám bản đồ Armenia!”

Lúng túng thấy rõ trước yêu cầu của anh, Sienna lao bỏ tới bức tường bên phải của gian phòng để tìm kiếm tấm bản đồ Armenia.

Langdon lập tức bắt tay vào việc tìm kiếm dọc bức tường bên trái, lần bước theo chu vi của gian phòng.

Ả Rập, Tây Ban Nha, Hy Lạp...

Mỗi quốc gia được khắc họa rất chi tiết, nếu như ta nhớ rằng các bức vẽ này được làm ra từ hơn năm trăm năm trước, ở một thời kỳ nhiều nơi trên thế giới còn chưa được vẽ trên bản đồ hoặc khám phá.

Armenia đâu nhỉ?

So với trí nhớ vô cùng chính xác của mình thì những gì Langdon còn nhớ được về “chuyến tham quan các lối đi bí mật” tại nơi này vài năm về trước rất mờ mịt, một phần do ly rượu Gaja Nebbiolo thứ hai mà anh uống trong bữa trưa ngay trước chuyến tham quan. Thật khéo thay, từ nebbiolo lại có nghĩa là “mờ sương”. Mặc dù vậy, lúc này Langdon vẫn nhớ đã được từng xem một tấm bản đồ duy nhất trong gian phòng này - Armenia – tấm bản đồ nắm giữ một đặc tính vô song.

Mình biết nó ở trong này, Langdon nghĩ, tiếp tục lướt nhìn dãy bản đồ dường như bất tận.

“Armenia!”, Sienna reo lên. “Đằng này!”

Langdon xoay lại và thấy cô đang đứng trong góc sâu bên phải của gian phòng. Khi anh chạy đến, Sienna chỉ vào tấm bản đồ Armenia với vẻ mặt như nói, “Chúng ta tìm thấy Armenia rồi, giờ làm sao?”

Langdon biết họ không có đủ thời gian để giải thích. Thay vào đó, anh chỉ vươn tay, nắm lấy phần khung gỗ rất lớn của tấm bản đồ, và kéo mạnh nó về phía mình. Toàn bộ tấm bản đồ trượt tuột vào phòng, cùng với một phần bức tường và ván ốp, để lộ ra một lối đi bí mật.

“Được rồi”, Sienna nói, giọng đầy ấn tượng. “Armenia là đây.”

Không chút do dự, Sienna vội vã bước qua lối vào, chẳng chút e dè tiến vào không gian tối om phía trước. Langdon theo sau cô và nhanh chóng kéo bức tường đóng lại phía sau họ.

Mặc dù nhớ không rõ lắm về chuyến tham quan các lối đi bí mật, Langdon vẫn rất ấn tượng với lối đi này. Anh và Sienna vừa đi qua, đúng như vậy, lớp kính trong suốt để bước vào Cung điện Vô hình – cái thế giới bí mật tồn tại phía sau những bức tường của Cung điện Vecchio – một lãnh địa tối mật mà chỉ duy nhất vị công tước đương trị vì thời đó cùng những người thân cận nhất với ông ấy mới có thể tiếp cận được.

Langdon dừng lại một lúc bên trong khuôn cửa và làm quen với không gian xung quanh họ - một hành lang bằng đá lờ mờ nhờ ánh sáng tự nhiên yếu ớt lọt vào qua một loạt cửa sổ gắn chì. Lối đi này dẫn xuống dưới năm mươi thước tới một cánh cửa gỗ.

Anh xoay sang bên trái, nơi có cầu thang nhỏ đi lên nhưng bị chặn bằng một sợi xích. Tấm biển phía trên cầu thang để rõ:

USCITA VIETATA

Langdon leo thẳng lên cầu thang.

“Dừng anh!”, Sienna cảnh báo. “Nó nói ‘KHÔNG CÓ LỐI RA’ đây.”

“Cảm ơn”, Langdon nói kèm theo một nụ cười chế giễu. “Anh đọc được tiếng Ý mà.”

Anh tháo sợi xích, mang trở lại cánh cửa bí mật và nhanh nhẹn dùng nó để buộc chặt bức tường xoay. Anh luồn sợi xích qua tay nắm cửa và quấn quanh một cái mấu cố định gần đó để cánh cửa không thể kéo mở ra từ phía bên kia được nữa.

“Ồ”, Sienna bẽn lẽn nói. “Ý tưởng hay đấy.”

“Nó không giữ chân bọn họ được lâu đâu”, Langdon nói. “Nhưng chúng ta sẽ không cần nhiều thời gian. Theo anh.”

Cuối cùng khi tấm bản đồ Armenia bị giật tung, đặc vụ Brüder cùng lính của gã tràn vào hành lang hẹp để đuổi theo, nhắm thẳng tới cánh cửa gỗ đầu bên kia. Khi cả bọn tràn ra ngoài, Brüder cảm thấy một luồng khí lạnh quất thẳng vào mặt, đồng thời lóa mắt vì ánh nắng chói chang.

Gã bước lên lối đi bên ngoài, len lỏi theo phần mái của cung điện. Mắt gã lần theo con đường dẫn thẳng tới một cánh cửa nữa, cách đó khoảng năm mươi thước, và lại chui vào trong tòa nhà.

Brüder đánh mắt về bên trái lối đi, nơi phần mái vòm cao ngất của Sảnh Năm trăm vươn lên như một trái núi. Không thể vượt qua. Giờ Brüder nhìn sang bên phải, nơi lối đi bám sát một vách tường dựng đứng chiếu thẳng xuống một giếng trời sâu hoắm. Chết ngay lập tức.

Mắt gã lại nhìn thẳng về phía trước. “Lối này!”

Brüder và người của gã tiến vội theo lối đi về phía cánh cửa thứ hai trong khi chiếc máy bay thám thính lượn vòng tròn như một con kền kền trên đầu.

Khi Brüder cùng người của gã xông qua cửa, tất cả dừng phắt lại, gần như xô thẳng vào nhau.

Họ đang đứng trong một gian phòng bằng đá nhỏ xíu không còn lối thoát nào khác ngoài cánh cửa mà cả bọn vừa bước qua. Chỉ có duy nhất một cái bàn gỗ dựa vào tường. Phía trên đầu, những hình người kỳ quái được mô tả trong các bức tranh vẽ trên trần như trợn mắt nhìn họ, vẻ giễu cợt.

Đây là một lối cụt.

Một người lính của Brüder tiến vội lên và đọc lướt bảng thông tin trên tường. “Khoan đã”, anh ta nói. “Nó nói có một finestra ở đây – một kiểu cửa sổ bí mật chẳng?”

Brüder nhìn quanh nhưng chẳng thấy ô cửa sổ bí mật nào cả. Gã bước lại và tự mình đọc tấm bảng.

Rõ ràng nơi này từng là phòng làm việc riêng của Công nương Bianca Cappello và có một cửa sổ bí mật – una finestra segrata – để Bianca có thể ngầm quan sát chồng bà phát biểu bên dưới Sảnh Năm trăm.

Brüder đưa mắt tìm kiếm gian buồng một lần nữa, và nhận ra một lỗ hồng gắn lưới mắt cáo rất nhỏ được giấu kín ở bức tường bên. Chẳng lẽ bọn họ thoát qua lối đó?

Gã hùng hổ tiến lại và kiểm tra lỗ hồng, có vẻ quá nhỏ cho một người bằng cỡ Langdon chui qua. Brüder áp mặt vào tấm lưới và nhìn qua, để khẳng định chắc chắn rằng không có ai thoát qua đường này. Ở phía bên kia tấm lưới là một khoảng trống chạy thẳng qua vài tầng nhà, xuống sàn Sảnh Năm trăm.

Vậy thì bọn chúng biến đi đằng quái nào?!

Lúc quay lại gian buồng đá nhỏ xíu, Brüder cảm thấy toàn bộ tâm trạng chán chường của ngày hôm nay đang trào dâng trong lòng. Trong một khoảnh khắc hiếm hoi không tiết chế được cảm xúc, đặc vụ Brüder ngửa cổ và gầm lên một tiếng giận dữ.

Tiếng gầm làm inh tai trong không gian chật hẹp.

Từ phía dưới, trong Sảnh Năm trăm, đám du khách cùng sĩ quan cảnh sát đều ngoái nhìn lên lỗ hồng gắn lưới mắt cáo trên tường cao. Căn cứ vào những tiếng vọng lại, gian phòng làm việc riêng của Công nương giờ đang được dùng làm chuồng nhốt một con thú hoang.

Sienna Brooks và Robert Langdon đứng khuất trong bóng tối đặc quánh.

Mấy phút trước, Sienna nhìn thấy Langdon khôn ngoan dùng sợi xích để giữ chặt tấm bản đồ Armenia có thể di chuyển được, rồi mới chạy tiếp. Tuy nhiên, trước vẻ ngạc nhiên của cô, thay vì tiếp tục tiến vào hành lang, Langdon lại leo lên cầu thang dốc đứng đề biển:

KHÔNG CÓ LỖI RA

“Anh Robert!”, cô thì thào vẻ bối rối. “Tám biển đó nói ‘Không có lỗi ra’ mà! Thêm nữa, em nghĩ chúng ta cần đi xuống!”

“Đúng thế”, Langdon nói, ngoái nhìn lại. “Nhưng đôi khi chúng ta cần đi lên... để đi xuống.” Anh nháy mắt khích lệ cô. “Em còn nhớ cái rốn của Satan không?”

Anh ấy đang nói chuyện gì nhỉ? Sienna bước lên theo anh, cảm thấy mất phương hướng.

“Em đã từng đọc Hỏa Ngục chưa?”, Langdon hỏi.

Rồi... nhưng em nghĩ lúc em bảy tuổi.

Một lúc sau, cô sực nhớ ra. “Ồ, cái rốn của Satan!”, cô nói. “Giờ em nhớ rồi.”

Phải mất một lúc lâu, nhưng giờ Sienna đã nhận ra Langdon đang nói đến đoạn kết trong Hỏa Ngục của Dante. Trong mấy khổ thơ này, để thoát ra khỏi địa ngục, Dante phải leo xuống cái bụng đầy lông lá của quỷ Satan, và khi tới được rốn của Satan – được xem là trung tâm của trái đất – thì lực hấp

dẫn của trái đất đột ngột đổi hướng, và để tiếp tục leo xuống luyện ngục, Dante lại phải tìm cách leo lên.

Sienna chẳng nhớ gì mấy về Hỏa Ngục ngoài nỗi thất vọng khi chứng kiến những biến động đột ngột của lực hấp dẫn ở trung tâm trái đất, vì rõ ràng tài năng của Dante không bao gồm việc am hiểu về tính chất vật lý của các lực vector.

Họ lên đến đỉnh cầu thang, Langdon mở cánh cửa duy nhất họ thấy ở đó, trên cửa có ghi:

SALA DEI MODELLI DI ARCHITECTTURA [\[21\]](#).

Langdon giục cô vào bên trong, đóng và chốt chặt cửa lại phía sau.

Gian phòng nhỏ hẹp và trống trơn, chỉ có vài cái hòm trưng bày các bản mẫu bằng gỗ những thiết kế kiến trúc của Vasari dành cho phần nội thất của cung điện. Sienna không hề để tâm lắm đến các bản mẫu này. Tuy nhiên, cô lại để ý thấy rằng gian phòng không hề có cửa lớn, cửa sổ và đúng như thông báo... không có lối thoát.

“Vào giữa thế kỷ XIV”, Langdon thì thào, “Công tước vùng Athens lên nắm quyền lực tại cung điện và cho xây lối thoát bí mật này phòng trường hợp bị tấn công. Nó được gọi là Cầu thang Công tước Athens, và dẫn xuống một cửa hầm nhỏ ở con phố bên cạnh. Nếu chúng ta đi được tới đó, sẽ không ai nhìn thấy chúng ta thoát ra”. Anh chỉ tay vào một bản mẫu. “Nhìn xem. Có nhìn thấy gì ở bên cạnh không?”

Anh ấy đưa mình lên đây để cho mình xem các bản mẫu sao?

Sienna ném một cái nhìn lo lắng vào mô hình thu nhỏ và thấy một cầu thang bí mật dẫn thẳng từ nóc cung điện xuống tận phố, được giấu kín giữa các bức tường bên trong và bên ngoài của tòa nhà.

“Em nhìn thấy cầu thang rồi, Robert”, Sienna gắt, “nhưng chúng hoàn toàn ở phía đối diện của cung điện. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ tới được đó!”.

“Biết tin tưởng một chút đi em”, anh nói kèm theo một nụ cười méo xệch.

Có tiếng đổ vỡ đột ngột vọng lại từ bên dưới cho họ biết rằng tấm bản đồ Armenia vừa bị giật tung. Họ đứng như trời trồng trong khi lắng nghe tiếng bước chân của đám lính bước vào hành lang, không ai trong số đó nghĩ rằng

con môi của họ sẽ còn leo lên cao hơn nữa... đặc biệt lại theo một cầu thang nhỏ xíu có gắn biển:

KHÔNG CÓ LỐI RA

Khi những tiếng động phía dưới lắng đi, Langdon tự tin sải bước qua phòng trưng bày, lách qua các hiện vật, tiến thẳng đến thứ trông như một cái tủ lớn ở bức tường đằng kia. Cái tủ khoảng một mét vuông và ở vị trí cách sàn khoảng một mét. Không chút do dự, Langdon nắm lấy tay tủ và kéo mạnh cánh cửa ra.

Sienna sững sốt.

Không gian bên trong có vẻ như một khoảng trống sâu, như thể cánh cửa tủ là một cánh cổng dẫn vào thế giới khác. Phía sau là một vùng tối đen.

“Theo anh”, Langdon nói.

Anh cầm lấy chiếc đèn pin duy nhất treo trên bức tường bên cạnh khung cửa. Sau đó, bằng sự nhanh nhẹn và mạnh mẽ đến ngạc nhiên, vị giáo sư nhắc mình chui qua lỗ hổng và biến mất trong cái hang thỏ ấy.

Chương 46

Tầng áp mái, Langdon nghĩ thầm. Tầng áp mái ẩn tượng nhất trên trái đất.

Không khí bên trong khoảng trống tỏa ra toàn mùi bụi và cũ kỹ, như thể hàng thế kỷ bụi thạch cao giờ đây trở nên mịn và nhẹ đến mức không chịu nằm yên mà cứ lơ lửng trong không khí. Không gian rộng rãi ấy phát ra những tiếng cọt kẹt và rền rĩ, khiến Langdon có cảm giác mình vừa chui vào bụng một con thú đang còn sống.

Khi lấy được thang bằng trên thanh vì kèo rộng bản, anh giơ đèn pin lên, để cho quang sáng xuyên qua bóng tối.

Trải dài trước mắt anh là một đường hầm dường như bất tận chằng chịt một mạng lưới bằng gỗ gồm những hình tam giác và tứ giác hình thành từ vị trí giao cắt của những trụ, xà, vì kèo cùng nhiều thành phần kết cấu khác tạo thành bộ xương vô hình của Sản Năm trăm.

Phần không gian áp mái đồ sộ này là nơi Langdon từng xem xét trong

chuyên tham quan các lối đi bí mật mà anh còn nhớ mang máng cách đây vài năm. Khuôn cửa sổ quan sát trông như chạn bát được khoét trong tường của một gian phòng trưng bày mô hình kiến trúc nên khách khứa có thể xem xét các mô hình vì kèo, sau đó soi đèn pin qua lỗ hồng và xem kết cấu thật.

Lúc này, Langdon đã ở bên trong phần xép áp mái, anh ngạc nhiên khi thấy cấu trúc vì kèo này rất giống cấu trúc một kho thóc cũ ở New England - một tập hợp trụ và vì kèo truyền thống với các mối nối kiểu “mũi tên của thần Jupiter”.

Sienna cũng đã trèo qua lỗ hồng và đứng thẳng bằng trên một thanh rầm bên cạnh anh, thấy rõ là mát phượng hương. Langdon vung vẩy đèn pin ra trước và sau để cho cô thấy cảnh tượng hết sức đặc biệt.

Từ đầu bên này, nhìn xuyên suốt chiều dài của tầng áp mái chẳng khác gì nhìn qua một cái ống dài gồm những tam giác cân đang chia thẳng, hướng về một điểm mát hút xa vời nào đó. Dưới chân họ, tầng áp mái không hề có chỗ đặt chân, và các rầm đỡ nằm ngang của nó hoàn toàn lộ thiên, trông giống như cả loạt thanh tà vẹt đường sắt khổng lồ.

Langdon chỉ thẳng xuống đường ống hun hút chạy dài, nói bằng giọng cổ ghìm âm lại. “Không gian này nằm ngay phía trên Sân Năm trăm. Nếu chúng ta tới được đầu bên kia, anh biết cách tới được Cầu thang Công tước Athens.”

Sienna phóng ánh mắt đầy hoài nghi vào cái mê cung rầm và vì kèo trải rộng trước mặt họ. Lối đi duy nhất họ thấy rõ để vượt qua tầng áp mái chính là nhảy giữa các thanh giằng giống như bọn trẻ con vẫn làm trên các đường tàu hỏa. Các thanh giằng rộng bản, mỗi thanh đều gồm vài xà rầm bó lại với nhau bằng đai sắt lớn tạo thành một cụm chắc chắn, đủ rộng để đứng thẳng bằng bên trên. Tuy nhiên, thử thách là ở chỗ khoảng cách giữa các thanh xà quá lớn khó có thể nhảy qua một cách an toàn.

“Em không thể nhảy giữa những thanh xà này được đâu”, Sienna thì thào.

Langdon cũng ngờ rằng chính anh khó lòng làm được, và một khi ngã xuống là cầm chắc cái chết. Anh soi cây đèn pin xuống khoảng trống giữa các thanh rầm chống.

Phía dưới họ hơn hai mét, treo lên các thanh sắt là một bề mặt nằm ngang phủ bụi dày – một kiểu sàn gì đó – mở rộng hút tầm mắt họ. Mặc dù trông nó có vẻ rất chắc chắn nhưng Langdon biết mặt sàn đó cơ bản gồm những giàn

khung phủ bụi. Đây chính là “mặt sau” của phần trần treo trong Sảnh Năm trăm – một bề mặt gồm những nẹp gỗ làm khuôn cho ba mươi chín bức tranh của Vasari, tất cả được treo nằm ngang thành một dạng kết cấu giống như nhiều mảnh vải may ghép lại.

Sienna chỉ xuống bề mặt phủ bụi bên dưới hai người. “Chúng ta có thể leo xuống dưới kia và đi trên đó không?”

Không thể trừ khi cô muốn rơi qua một bức tranh của Vasari để lọt xuống Sảnh Năm trăm.

“Thực tế có một cách hay hơn”, Langdon bình tĩnh nói, không muốn làm cô sợ hãi. Anh bắt đầu di chuyển theo trụ chống về phía xương sống trung tâm của tầng áp mái.

Trong lần tham quan trước, ngoài việc ngó qua cái cửa sổ quan sát trong căn phòng mô hình kiến trúc, Langdon còn khám phá phần áp mái bằng chân, chui vào đây qua một khuôn cửa ở đầu bên kia của tầng áp mái. Nếu không bị rượu vang làm lu mờ trí nhớ thì Langdon chắc chắn có một lối đi vững chãi chạy dọc theo xương sống trung tâm của tầng áp mái, giúp du khách tiếp cận được một sàn quan sát rộng rãi ở chính giữa khu vực này.

Tuy nhiên, khi đến được trung tâm của trụ chống, Langdon tìm thấy một lối đi chẳng giống gì với lối anh còn nhớ được trong lần tham quan của mình.

Ngày hôm đó mình uống bao nhiêu Nebbiolo không biết?

Thay vì một kết cấu vững chắc phục vụ du khách, anh chỉ nhìn thấy một đồng ván lỏng lẻo được đặt vuông góc ngang qua các thanh xà để tạo thành lối đi tạm bợ - giống sợi dây làm xiếc hơn là cây cầu.

Rõ ràng, lối đi vững chắc dành cho du khách, bắt nguồn từ đầu bên kia, chỉ dài tới sàn quan sát trung tâm mà thôi. Từ chỗ đó, du khách lại theo đúng dấu chân của mình quay lại. Còn cái xà thẳng bằng trước mặt Langdon cùng Sienna lúc này chắc chắn được lắp để những người thợ có thể làm việc tại khu vực áp mái còn lại ở đầu bên này.

“Giống như chúng ta đang đi trên ván vậy”, Langdon nói, mắt nhìn những tấm ván hẹp với vẻ không lấy gì làm chắc chắn.

Sienna nhún vai, không hề lúng túng. “Cũng đâu có tệ hơn Venice vào mùa lụt.”

Langdon nhận ra cô có lý. Trong chuyến đi nghiên cứu gần đây nhất của anh tới Venice, Quảng trường St. Mark ngập sâu đến ba mươi centimet nước, và anh đã đi bộ từ khách sạn Danieli tới Vương cung Thánh đường trên những tấm ván gỗ kê trên các khối xỉ than và những cái xô úp ngược. Dĩ nhiên, khả năng làm ướt giày đế mềm rất khác với khả năng ngã xuyên qua một kiệt tác thời Phục Hưng rồi tử vong.

Langdon gạt mọi ý nghĩ ra khỏi tâm trí, bước lên tấm ván hẹp, cố tỏ ra quả quyết với hy vọng sẽ giúp trấn an cảm giác lo lắng mà Sienna đang cố giấu. Tuy nhiên, bất chấp bề ngoài tự tin, tim anh vẫn đập thình thịch khi di chuyển qua tấm ván đầu tiên. Lúc anh ra đến gần giữa, tấm ván oằn xuống dưới sức nặng của anh, kêu rảng rặc. Anh bước nhanh chân hơn, và cuối cùng cũng tới được đầu kia tương đối an toàn trên trụ giằng thứ hai.

Langdon thở ra một hơi rồi quay lại để soi đèn sáng cho Sienna, định đưa ra mấy lời động viên cô. Nhưng rõ ràng cô không cần đến. Quảng sáng của anh vừa soi tỏ tấm ván, cô đã vượt qua hết chiều dài của nó với sự khéo léo tuyệt vời. Tấm ván gần như không oằn dưới thân hình mảnh mai của cô, và chỉ trong mấy giây cô đã có mặt bên anh ở đầu kia.

Như được khuyến khích, Langdon quay lại và tiếp tục tiến lên tấm ván tiếp theo. Sienna đợi cho tới khi anh đã qua hẳn và có thể quay lại chiếu sáng đèn cho mình rồi mới đi theo, bám sát anh. Bằng nhịp độ đều đặn, họ cứ đi tới. Hai bóng người lần lượt di chuyển dưới ánh sáng của cây đèn pin duy nhất. Đâu đó bên dưới họ, tiếng bộ đàm cảnh sát lạo xạo vọng lên qua lớp trần mỏng. Langdon thoáng mỉm cười. Chúng ta đang lượn lờ ngay bên trên Sảnh Năm trăm, không trọng lượng và vô hình.

“Anh Robert?”, Sienna thì thào. “Anh nói Ignazio bảo anh tìm chiếc mặt nạ ở đâu?”

“Ông ấy có dặn... nhưng dưới dạng một loại mặt nạ.” Langdon nhanh chóng giải thích rằng Ignazio rõ ràng không muốn hé lộ về vị trí của chiếc mặt nạ trong máy trả lời, và vì thế ông ấy chia sẻ thông tin theo một hình thức khó hiểu hơn. “Ông ấy nói đến thiên đường, anh cho rằng là một cách ám chỉ tới phần cuối của Thần khúc. Chính xác lời ông ấy là ‘Thiên đường Hai mươi lăm’.”

Sienna ngược nhìn lên. “Chắc chắn ý ông ấy là Khổ XXV.”

“Anh đồng ý”, Langdon nói. Một khổ thơ cơ bản tương tự với một chương

sách, từ này gợi nhớ lại truyền thống “hát” bằng miệng các thiên sử thi. Thân khúc chính xác gồm một trăm khổ thơ, được chia làm ba phần.

Hỏa Ngục có từ khổ I đến XXXIV

Luyện ngục có từ khổ I đến XXXIII

Thiên đường có từ khổ I đến XXXIII

Thiên đường Hai mươi lăm, Langdon trầm nghĩ, rất mong trí nhớ rành mạch của mình đủ mạnh để nhớ được toàn bộ phần nội dung. Mặc dù không giúp tìm ra chính xác, chúng ta vẫn phải tìm một bản sách.

“Còn nữa”, Langdon tiếp tục. “Điều cuối cùng Ignazio dặn anh là: ‘Cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên’”. Anh ngừng lại, quay lại nhìn Sienna. “Khổ XXV có lẽ gợi ý cho một địa điểm cụ thể ở Florence này. Rõ ràng là một nơi nào đó có cổng.”

Sienna cau mày. “Nhưng thành phố này có đến hàng chục cổng.”

“Phải, đó là lý do tại sao chúng ta phải đọc Khổ XXV của Thiên đường.” Anh nhướn miệng cười đầy hy vọng với cô. “Nói gì thì nói, em cũng không thuộc toàn bộ Thân khúc có phải không?”

Cô lặng thinh nhìn anh. “Mười bốn nghìn dòng chữ Ý cổ mà em đọc khi còn là một đứa trẻ sao?” Cô lắc đầu. “Anh là một người có trí nhớ kỳ dị, giáo sư ạ. Còn em chỉ là một bác sĩ.”

Trong khi họ tiếp tục đi tới, Langdon cảm thấy hơi buồn vì sau tất cả những gì họ đã trải qua cùng nhau, Sienna rõ ràng vẫn muốn giữ kín sự thật về trí thông minh tuyệt vời của mình. Cô ấy chỉ là một bác sĩ thôi ư? Langdon bật cười khan. Cô nàng bác sĩ khiêm tốn nhất trên đời, anh nghĩ thầm, nhớ lại tập báo cáo mình đã đọc về những tài năng đặc biệt của cô. Tuy nhiên, dù rất tiếc nhưng không lấy gì làm lạ, tài năng ấy không bao gồm việc nhớ trọn vẹn một trong những trường ca dài nhất trong lịch sử.

Họ im lặng đi tiếp, vượt qua vài xà rầm nữa. Cuối cùng, Langdon nhìn thấy trong khoảng tối phía trước một hình khối khiến anh phấn chấn. Sàn quan sát! Tấm ván không lấy gì làm chắc chắn mà họ đang bước bên trên dần thẳng tới một kết cấu vững chãi hơn nhiều và có hẳn thành lan can. Nếu trèo lên cái sàn đó, họ có thể tiếp tục đi cho tới khi thoát khỏi tầng áp mái, qua cánh cửa, mà theo trí nhớ của Langdon, là rất gần Cầu thang Công tước

Athens.

Đến gần sàn hơn, Langdon liếc nhìn xuống phần trần treo hơn hai mét bên dưới. Cho đến lúc này, các ô trần nhà phía dưới đều giống nhau. Tuy nhiên, ô trần phía trước rất lớn, lớn hơn nhiều so với những ô khác.

Bức lễ phong thánh của Cosimo I đây mà, Langdon dăm chiêu.

Ô trần hình tròn rất lớn này là bức vẽ quý giá nhất của Vasari – ô trần trung tâm của Sân Năm trăm. Langdon thường trình chiếu những hình ảnh của tác phẩm này cho sinh viên của mình, chỉ ra các chi tiết giống với bức Lễ phong thánh của Washington trong điện Capitol ở Hoa Kỳ - một tác phẩm khiêm nhường gợi nhắc rằng nước Mỹ non trẻ đã tiếp nhận nhiều thứ từ Ý chứ không chỉ khái niệm về một nền Cộng hòa.

Nhưng hôm nay, Langdon quan tâm đến việc vượt nhanh qua bức Lễ phong thánh hơn là nghiên cứu nó. Trong lúc tăng tốc độ di chuyển, anh hơi ngoái đầu lại để nói khẽ với Sienna rằng họ đã gần đến đó.

Vừa làm như vậy, bàn chân phải của anh lờ đã nên không đặt đúng chính giữa tấm ván, chiếc giày đế mềm đi mượn của anh lệch ra ngoài mép một nửa. Anh bị lệch khớp mắt cá chân và chúi về phía trước, nửa ngã, nửa xô tới, cố gắng bước nhanh thêm một bước nữa để lấy lại thăng bằng.

Nhưng đã quá muộn.

Đầu gối anh va mạnh vào tấm ván, còn hai tay anh vươn hết cỡ một cách tuyệt vọng về phía trước, cố gắng bấu lấy thanh giằng. Chiếc đèn pin rơi lạch cạch xuống một khoảng trống tối om bên dưới, đập thẳng vào lớp vải toan, mắc vào đó như một tấm lưới. Chân Langdon lắc mạnh, vừa hay đẩy anh bám an toàn vào thanh giằng tiếp theo trong khi tấm ván trượt luôn xuống dưới, rơi mạnh lên phần khung gỗ bao quanh tấm toan bức Lễ phong thánh của Vasari sâu hơn hai mét phía dưới.

Tiếng động vang vọng khắp tầng áp mái.

Kinh hãi, Langdon lồm cồm bò dậy và quay lại phía Sienna.

Trong ánh sáng lờ mờ của chiếc đèn pin bị rớt đang nằm trên lớp vải toan phía dưới, Langdon có thể nhìn thấy Sienna đang đứng trên thanh giằng phía sau mình, giờ đây bị mắc kẹt hẳn vì không còn cách nào vượt qua. Mắt cô nói rõ những gì Langdon đã biết. Tiếng động của tấm ván rơi chắc chắn đã tổ giác

bon họ.

Mắt Vayentha hướng thẳng lên phần trần nhà lộng lẫy.

“Chuột trên tầng áp mái chẳng?”, người đàn ông cầm máy quay bông đùa khi nghe tiếng động dội xuống.

Những con chuột rất to, Vayentha nghĩ bụng, ngược mắt nhìn bức tranh hình tròn ở chính giữa trần sảnh. Lúc này, một đám bụi nhỏ đang trút xuống từ giữa các khung tranh, và Vayentha có thể nhìn rõ một chỗ phình lên chút ít trên lớp toan, gần như thể có ai đó đang ấn nó xuống từ phía trên.

“Có lẽ một sĩ quan cảnh sát nào đó đánh rơi khẩu súng của anh ta từ sàn quan sát rồi”, người đàn ông nói, đưa mắt nhìn chỗ lồi trên bức vẽ. “Chị nghĩ họ đang tìm cái gì? Chuyện này xem ra rất thú vị.”

“Một sàn quan sát à?”, Vayentha hỏi lại. “Thực tế mọi người có thể lên trên đó à?”

“Chắc chắn rồi.” Anh ta làm hiệu về phía lối vào bảo tàng. “Ngay phía trong cánh cửa kia là một cái cửa dẫn thẳng lên lối đi trên tầng áp mái. Chị có thể nhìn thấy công trình vì kèo của Vasari. Thật phi thường.”

Tiếng Brüder đột ngột lại âm vang khắp Sảnh Năm trăm. “Vậy thì họ biến đi đằng quái nào?”

Những lời nói của gã, cũng giống như tiếng gầm thồm thiết của gã lúc trước, phát ra từ sau tấm lưới ở tít trên bức tường cao bên trái Vayentha. Rõ ràng Brüder đang ở trong một gian phòng sau tấm lưới cách đúng một tầng nhà bên dưới phần trần trang trí của gian phòng.

Mắt Vayentha lại hướng chỗ phình ra ở tấm toan trên đầu.

Đám chuột trên tầng áp mái, ả nghĩ thầm. Đang tìm kiếm một lối thoát.

Ả cảm ơn người đàn ông cầm máy quay và nhanh chóng tiếp cận vào bảo tàng. Cánh cửa đã đóng, nhưng hiện giờ có rất nhiều cảnh sát ra vào, ả đoán rằng nó không hề khóa.

Quả thật, trực giác của ả đã đúng.

Chương 47

Bên ngoài quảng trường, trong đám cảnh sát đang hỗn loạn đổ tới có một người đàn ông trung niên đứng trong bóng râm của Loggia dei Lanzi. Ông ta đang quan sát mọi việc với vẻ rất chăm chú. Người đàn ông đeo một cặp kính hiệu Plume Paris, cà vạt họa tiết cánh hoa, và một bên tai có chiếc khuyên vàng nhỏ xíu.

Vừa đứng quan sát cảnh náo loạn, ông ta vừa gãi gãi cổ. Người đàn ông này bị mẩn ngứa suốt đêm, và có vẻ càng lúc càng nặng, biểu hiện là những nốt nhỏ trên cằm, cổ, má và cả trên mắt.

Lúc mất xuống móng tay mình, ông ta thấy rướm máu. Ông ta rút một chiếc khăn ra và lau móng tay, đồng thời thấm cả những nốt mụn rướm máu trên cổ và má.

Khi đã lau sạch, ông ta lại hướng ánh mắt về hai chiếc xe thùng màu đen đỗ bên ngoài cung điện. Chiếc xe gần nhất có hai người ngồi ở băng ghế sau.

Một trong số đó là gã lính có vũ trang mặc đồ đen.

Người kia là một phụ nữ tóc bạc đã đứng tuổi nhưng rất xinh đẹp, đeo một chiếc bùa màu lam.

Người lính trông như thể đang chuẩn bị một ống tiêm dưới da.

Bên trong chiếc xe thùng, tiến sĩ Elizabeth Sinskey thần thờ nhìn ra ngoài về phía cung điện, tự hỏi không biết cuộc khủng hoảng này đã tồi tệ đến mức độ nào rồi.

“Thưa bà”, một giọng nói trầm trầm vang lên bên cạnh bà.

Bà lão đảo quay lại phía người lính kèm bên mình. Anh ta đang nắm lấy cánh tay bà và cầm một ống tiêm. “Xin hãy ngồi yên!”

Mũi kim tiêm nhọn hoắt xuyên vào da thịt bà.

Người lính đã hoàn thành mũi tiêm. “Giờ xin hãy ngủ lại đi!”

Khi nhắm mắt lại, bà vẫn kịp nhận ra có một người đàn ông đang nhìn bà từ trong bóng râm. Ông ta đeo một cặp kính thời trang và chiếc cà vạt sành

điều. Khuôn mặt ông ta nổi mẩn và đỏ ửng. Bà nhất thời nghĩ mình biết ông ta, nhưng khi mở mắt nhìn lại thì người đàn ông đã biến mất.

Chương 48

Trong bóng tối của tầng áp mái, Langdon và Sienna giờ đã bị chia tách bởi một khoảng trống rộng tới sáu mét. Phía dưới họ hơn hai mét, tấm ván bị rút đã nằm yên trên phần khung gỗ căng tấm toan vẽ bức Lễ phong thánh của Vasari. Cái đèn pin, lúc này vẫn sáng, nằm trên tấm toan, tạo thành một vết lõm nhỏ, giống như một hòn đá nằm trên tấm bạt lò xo.

“Tấm ván sau lưng em”, Langdon thì thào. “Em có thể bắc nó tới thanh giằng này không?”

Sienna nhìn tấm ván. “Không thể làm được mà không khiến đầu kia rớt xuống tấm toan.”

Langdon rất e ngại rằng việc cuối cùng họ cần lúc này là gây ra một cú va chạm nữa xuyên thủng tấm toan của Vasari.

“Em có ý này”, Sienna nói, di chuyển nghiêng dọc theo thanh giằng, tiến tới bức tường bên. Langdon bám theo cây xà rầm của mình, mỗi bước chân càng lúc càng trở nên nguy hiểm khi họ đánh liều rời xa khỏi quãng sáng đèn pin. Lúc tới được bức tường bên, họ gần như đã chìm trong bóng tối.

“Dưới đó”, Sienna thì thào, chỉ tay vào khoảng tối phía dưới họ. “Gờ khung tranh. Nó được cố định vào bức tường bên. Nó sẽ đỡ được em.”

Langdon chưa kịp phản đối thì Sienna đã tụt khỏi thanh giằng, tận dụng các xà rầm đỡ làm cầu thang. Cô dễ dàng xuống được đến gờ của phần khuôn gỗ. Nó kêu ken két, nhưng vẫn giữ nguyên. Sau đó, Sienna nhích từng chút men theo tường, bắt đầu tiến về phía Langdon như thể đang nhích dần ngang qua mép của một tòa nhà cao. Khuôn gỗ lại kêu ken két lần nữa.

Khác gì băng mỏng, Langdon trầm nghĩ. Cần ở gần bờ.

Khi Sienna đi được một nửa đường, và đang tiếp cận thanh giằng nơi anh đứng bên trên trong bóng tối, Langdon chợt thấy le lói chút hy vọng rằng họ có thể thoát ra khỏi đây kịp lúc.

Đột nhiên, đầu đó trong bóng tối phía trước, Langdon nghe thấy tiếng một cánh cửa đóng mạnh lại và những bước chân di chuyển nhanh đang tiến lại theo lối đi. Quầng sáng của một ngọn đèn pin xuất hiện, quét khắp tầng áp mái, càng lúc càng gần. Langdon cảm thấy niềm hy vọng của mình vụt tắt. Có ai đó đang tiến tới, di chuyển dọc lối đi chính và chặn luôn lối thoát của họ.

“Sienna, cứ đi đi”, anh thì thào, phản ứng theo bản năng. “Cứ tiếp tục đi hết chiều dài bức tường. Có một lối thoát ở đầu kia. Anh sẽ chạy cản đầu.”

“Đừng!”, Sienna thì thào gấp gáp. “Anh Robert, quay lại đi!”

Nhưng Langdon đã di chuyển, quay ngược lại, men theo thanh giăng về phía xương sống trung tâm của tầng áp mái, bỏ mặc Sienna trong bóng tối, đang nhích dần qua bức tường bên, phía dưới anh hơn hai mét.

Khi Langdon đến được trung tâm tầng áp mái, một cái bóng không rõ mặt cùng với cây đèn pin cũng vừa đến được sàn quan sát được nâng cao lên. Bóng người đó dừng lại chỗ tay vịn thấp và chĩa quầng sáng đèn thẳng vào mắt Langdon.

Quầng sáng chói mắt, Langdon lập tức giơ tay đầu hàng. Anh cảm thấy tình thế hiện giờ không thể nguy hiểm hơn được nữa – đứng chênh vênh tít cao phía trên Sảnh Năm trăm, bị một quầng sáng rất mạnh làm chói mắt.

Langdon đợi một tiếng súng hoặc một mệnh lệnh, nhưng chỉ có sự im lặng. Một lúc sau, quầng sáng rời khỏi mặt anh và bắt đầu vung vẩy trong phần bóng tối phía sau lưng anh, rõ ràng đang tìm kiếm gì đó... hoặc ai đó. Khi quầng sáng rời khỏi mắt, Langdon vừa kịp nhận ra bóng của người đang chặn đường thoát của mình. Đó là một phụ nữ, thon thả và mặc toàn đồ đen. Anh tin chắc rằng bên dưới cái mũ bóng chày của ả là mái tóc đầu đinh.

Các cơ của Langdon cứng lại khi trí nhớ của anh toàn hình ảnh của bác sĩ Marconi nằm chết trên sàn bệnh viện.

Ả đã tìm ra mình. Ả ở đây để kết thúc công việc.

Langdon vụt nhớ tới cảnh những người thợ lặn tự do người Hy Lạp đang bơi sâu vào trong một đường hầm, vượt qua cả điểm có thể quay lại, và rồi đâm sầm vào một lối cụt lạnh lẽo.

Sát thủ lại vung quầng sáng đèn rơi vào mắt Langdon.

“Ông Langdon”, ả thì thào. “Bạn của ông đâu rồi?”

Langdon cảm thấy lạnh toát. Ả sát thủ này ở đây để giết cả hai chúng ta.

Langdon đánh mắt rời khỏi phía Sienna, liếc lại khoảng tối họ đến khi này. “Cô ấy không liên quan gì đến việc này. Cô cần tôi mà.”

Langdon cầu mong lúc này Sienna đã men dọc theo bức tường. Nếu vòng được qua sàn quan sát, thì cô có thể lặn lẽ leo trở lại lối đi trung tâm, ngay phía sau lưng ả đàn bà đầu đinh, và di chuyển về phía cửa.

Ả sát thủ lại nhấc đèn lên và quét vào khoảng không gian tầng áp mái trông vắng phía sau lưng anh. Khi quầng ánh sáng tạm thời rời khỏi mắt, Langdon vẫn kịp thoáng thấy một dáng người trong bóng tối phía sau ả.

Ôi, lạy Chúa, không.

Thực tế, Sienna đang lặn qua một thanh giằng về phía lối đi trung tâm, nhưng rủi thay, cô lại chỉ ở phía sau kẻ tấn công có mười thước.

Sienna, không! Em ở quá gần! Ả sẽ nghe thấy em mất!

Quầng sáng lia trở lại mắt Langdon.

“Nghe kỹ đây, thưa giáo sư, ả sát thủ thì thào. “Nếu ông muốn sống, tôi khuyên ông nên tin tôi. Nhiệm vụ của tôi đã thất bại. Tôi không có lý do gì để hại ông. Ông và tôi giờ cùng một phe, và tôi biết cách giúp ông.”

Langdon không nghe rõ mấy vì ý nghĩ của anh đang tập trung vào Sienna. Ở góc nhìn nghiêng, anh thoáng thấy cô đang thâm leo lên lối đi phía sau sàn quan sát, quá gần với ả đàn bà cầm súng.

Chạy đi! Anh thậm mong. Tìm cách chuồn ngay khỏi đây!

Thế nhưng trước sự thảng thốt của Langdon, Sienna lại bám sát mặt đất, cúi thật thấp trong bóng tối và im lặng quan sát.

Mắt Vayentha sẫm soi khoảng tối phía sau Langdon. Cô ả biến đi đằng quái nào nhỉ? Bọn họ tách khỏi nhau chẳng?

Vayentha phải tìm cách không để cặp đôi đang trốn chạy này lọt vào tay Brüder. Đó là hy vọng duy nhất của ta.

“Sienna?!” Vayentha đánh liều gọi thầm trong cổ họng. “Nếu cô nghe được tiếng tôi thì hãy nghe cho kỹ. Cô không nên để đám người dưới kia tóm được. Họ sẽ không hiền lành đâu. Tôi biết một lối thoát. Tôi có thể giúp cô. Tin tôi đi.”

“Tin cô ư?”, Langdon vặn hỏi, giọng anh đột ngột đủ lớn để bất kỳ ai ở gần đó cũng có thể nghe được. “Cô là một kẻ giết người!”

Sienna ở gần đây, Vayentha nhận ra ngay. Langdon đang nói cho ả nghe... cố gắng cảnh báo ả đây mà.

Vayentha thử lại lần nữa. “Sienna, tình hình rất phức tạp, nhưng tôi có thể đưa hai người ra khỏi đây. Hãy cân nhắc lựa chọn của cô. Cô bị mắc kẹt rồi. Cô không còn lựa chọn nào khác.”

“Cô ấy còn một lựa chọn”, Langdon nói to. “Và cô ấy đủ thông minh để chạy càng xa càng tốt.”

“Mọi chuyện đều đang thay đổi rồi”, Vayentha kiên trì. “Tôi không còn lý do gì để làm hại hai người.”

“Cô đã giết bác sĩ Marconi! Và tôi đoán cô cũng là người đã bắn vào đầu tôi!”

Vayentha biết rằng người đàn ông này sẽ không bao giờ tin ả không có ý định giết anh ta.

Thời gian trò chuyện đã hết. Mình chẳng còn gì nói để thuyết phục anh ta.

Không chút do dự, ả thò tay vào áo khoác da và rút khẩu súng giảm thanh ra.

Không động đậy trong bóng tối, Sienna vẫn bò rạp trên lối đi cách chưa đầy mười thước phía sau ả đàn bà đứng đối diện Langdon. Ngay cả trong bóng tối, cái dáng của ả đàn bà vẫn không thể lẫn vào đâu được. Trước vẻ hãi hùng của Sienna, ả đang vung vẩy chính khẩu súng mà ả đã dùng để giết bác sĩ Marconi.

Ả sắp bắn, Sienna biết như vậy, cảm nhận rõ ngôn ngữ cơ thể của ả đàn bà.

Rất quả quyết, ả bước thêm hai bước đầy hăm dọa về phía Langdon, dừng lại ở phần tay vịn bao quanh sàn quan sát phía trên bức Lễ phong thánh của Vasari. Ả sát thủ lúc này tới gần Langdon hết mức. Ả giờ súng lên và chĩa

thăng vào ngực Langdon.

“Thứ này chỉ gây đau đớn trong tích tắc thôi”, ả nói, “nhưng đó là lựa chọn duy nhất của tôi”.

Sienna phản ứng theo bản năng.

Nhịp rung bất ngờ trên những tấm ván dưới chân Vayentha vừa đủ khiến ả hơi xoay đi lúc bóp cò. Lúc khẩu súng của ả nhả đạn, ả biết nó không còn chĩa vào Langdon nữa.

Có gì đó đang tiến lại phía sau lưng ả.

Tiến lại rất nhanh.

Vayentha xoay lại tại chỗ, chuyển khẩu súng của mình đúng một trăm tám mươi độ về phía kẻ tấn công mình, và một mái tóc vàng óng ánh lên trong bóng tối khi có ai đó lao sầm hết tốc lực vào Vayentha. Khẩu súng lại nhả đạn, nhưng người ấy cúi thấp dưới cả thất lưng để xông cả cơ thể lên thật mạnh. Hai chân Vayentha rời khỏi sàn gỗ và nửa người ả đập mạnh vào phần tay vịn rất thấp của sàn quan sát. Khi cơ thể ả văng ra ngoài rào chắn, ả vung mạnh hai tay, cố gắng níu lấy bất cứ thứ gì ngăn không cho mình rơi xuống, nhưng đã quá muộn. Ả bổ nhào qua rào chắn.

Vayentha rơi qua bóng tối, cố gắng hết sức để tránh cú va đập xuống phần sàn bụi bặm cách sàn quan sát hơn hai mét phía dưới. Nhưng lạ thay, cú tiếp đất của ả mềm hơn ả tưởng, như thể ả vừa rơi trúng một chiếc võng vải, lúc này trĩu xuống dưới sức nặng của ả.

Mất phương hướng, Vayentha nằm ngửa và trợn trừng nhìn lên kẻ tấn công mình. Sienna Brooks đang ngó qua lan can nhìn ả. Choáng váng, Vayentha mở mồm định nói, nhưng đột nhiên, ngay bên dưới ả, có một tiếng rách toạc rất to.

Lớp vải đang đỡ sức nặng của ả rách toang.

Vayentha lại rơi xuống.

Lần này, ả rơi chỉ đúng ba giây, đủ để ả thấy mình vẫn trợn trừng nhìn lên phần trần nhà được phủ kín bằng những bức tranh rực rỡ. Bức vẽ ngay bên trên ả - một tấm toan tròn rất lớn mô tả Công tước Cosimo I có các thiên sứ vây quanh trên một đám mây thiên đường – giờ để lộ ra một khoảng đen

ngòm cắt qua phần chính giữa.

Rồi, sau một tiếng va chạm đột ngột, toàn bộ thế giới của Vayentha chìm vào bóng tối.

Tít trên cao, như hóa đá vì không tin vào mắt mình, Robert Langdon đắm đắm nhìn qua bức Lễ phong thánh đã bị xé rách xuống khoảng không gian sâu hoắm phía dưới. Trên sàn đá của Sảnh Năm trăm, ả đàn bà đầu đình nằm bất động, một vũng máu thẫm đang loang nhanh từ đầu ả. ả vẫn nắm chặt khẩu súng trong tay.

Langdon ngược mắt nhìn Sienna, cũng đang đắm đắm nhìn xuống, sững sờ vì cảnh tượng thê thảm phía dưới. Nét mặt Sienna sốc nặng. “Em không có ý định...”

“Em chỉ phản ứng theo bản năng thôi”, Langdon thì thào. “Ả định giết anh.”

Từ phía dưới, những tiếng hét hoảng hốt vọng lên qua tấm toan đã bị xé rách.

Rất nhẹ nhàng, Langdon hướng dẫn Sienna rời khỏi rào chắn. “Chúng ta cần tiếp tục di chuyển.”

Chương 49

Trong phòng làm việc bí mật của Công nương Bianca Cappello, đặc vụ Brüder nghe rõ một tiếng thịch kinh người kéo theo những tiếng la thất thanh càng lúc càng rõ trong Sảnh Năm trăm. Gã nhảy bổ tới tấm lưới trên tường và nhìn qua đó. Cảnh tượng trên nền đá trang nhã phía dưới khiến gã mất vài giây để suy xét.

Cô nhân viên quản lý bảo tàng bụng mang dạ chứa đã đến bên cạnh gã chỗ tấm lưới, lập tức bụm miệng, đứng chết trân vì kinh hoảng trước cảnh tượng phía dưới – một xác người rũ rượi nằm giữa vòng vây của các du khách đang hoảng loạn. Ánh mắt của cô nhân viên quản lý từ từ ngược lên trần Sảnh Năm trăm rồi thốt lên một tiếng rên đau đớn. Brüder nhìn theo ánh mắt của cô ta lên một ô trần hình tròn – một tấm toan tranh vẽ với vết rách lớn cắt ngang phần chính giữa.

Gã quay lại phía cô nhân viên quản lý. “Làm cách nào lên đó!?”

Ở đầu bên kia tòa nhà, Langdon và Sienna hỏn hỏn leo từ tầng áp mái xuống và lao qua cửa. Chỉ trong vài giây, Langdon đã tìm thấy cái hỏc phòng nhỏ, ẩn kín phía sau một tấm rèm đỏ thẫm. Anh vẫn nhớ rõ nó nhờ chuyến tham quan các lối đi bí mật của mình.

Cầu thang Công tước Athens.

Tiếng những bước chân chạy vội vã và tiếng hò hét lúc này như đang vọng đến từ mọi hướng, và Langdon biết thời gian của họ không còn nhiều. Anh kéo tấm rèm sang bên, và cùng Sienna chui qua để sang một chiếu nghỉ nhỏ.

Không nói một lời, họ bắt đầu lần xuống cầu thang đá. Lối đi được thiết kế ngoắt ngoéo và hẹp một cách đáng sợ. Càng xuống sâu, lối đi dường như càng chậ hẹp. Langdon cảm thấy như thể những bức tường đang nhích vào để nghiền nát anh, nhưng thật may, họ không phải đi xa thêm nữa.

Đã đến mặt đất.

Không gian ở dưới chân cầu thang là một buồng đá nhỏ xíu, và mặc dù lối ra của nó chắc chắn là một trong những cánh cửa nhỏ nhất trên đời nhưng đó vẫn là một hình ảnh tươi đẹp chào đón họ. Chỉ cao khoảng một mét hai, cánh cửa được làm bằng gỗ nặng trĩch với những đinh sắt tán và một chốt trong rất to để ngăn không cho mọi người lọt vào.

“Em nghe thấy những âm thanh đường phố phía sau cửa”, Sienna thì thào, vẻ mặt vẫn còn kinh hãi. “Bên kia là đâu nhỉ?”

“Via della Ninna”, Langdon đáp, hình dung ra một con hẻm dành cho người đi bộ rất đông đúc. “Nhưng có thể có cảnh sát.”

“Họ sẽ không nhận ra chúng ta đâu. Họ sẽ tìm kiếm một cô gái tóc vàng và một anh chàng tóc sẫm màu.”

Langdon nhìn cô vẻ lạ lùng. “Vậ chính xác thì chúng ta là...”

Sienna lắc đầu, một vẻ kiên nghị u uẩn thoáng lướt qua trên mặt cô. “Em không muốn anh nhìn thấy em như thế này, Robert ạ, nhưng rất tiếc đây chính là hình ảnh thực sự của em.” Rất bất ngờ, Sienna giơ tay và tóm lấy mái tóc vàng óng của mình. Rồi cô kéo mạnh, toàn bộ mái tóc tuột xuống.

Langdon bật ngược lại, giật mình trước sự thật rằng Sienna đội tóc giả cũng như diện mạo hoàn toàn thay đổi của cô khi không còn tóc nữa. Thực tế đầu

Sienna Brooks hoàn toàn trơn lóc, lớp da đầu nhẵn nhụi của cô trơn láng và xanh xao, giống như một bệnh nhân ung thư phải trị liệu bằng hóa chất. Hóa ra cô ấy bị bệnh sao?

“Em biết”, cô nói. “Chuyện rất dài. Giờ cúi xuống.” Cô gior mái tóc giả lên, rõ ràng có ý muốn đội lên đầu Langdon.

Cô ấy nghiêm túc thật sao? Langdon miễn cưỡng cúi xuống, và Sienna trùm mái tóc vàng lên đầu anh. Mái tóc vừa khít, nhưng cô cố gắng chỉnh trang nó cho thật ổn. Sau đó cô lùi lại và ngắm nghía anh. Không hài lòng, cô đưa tay nói cà vạt của anh, và kéo phần vòng cổ lên trên trán anh, thắt lại thành một chiếc băng đô giữ chặt lấy mái tóc giả trên đầu anh.

Giờ Sienna bắt đầu chỉnh trang bản thân, xắn cao ống quần và kéo tất xuống đến mắt cá. Khi đứng lên, cô nhếch môi cười. Nàng Sienna Brooks đáng yêu giờ đây đã là một gã đầu trơn mê nhạc rook. Tài cải trang của cựu nữ diễn viên kịch Shakespeare thật đáng kinh ngạc.

“Hãy nhớ”, cô nói, “chín mươi phần trăm nhận dạng cá nhân là ngôn ngữ cơ thể, cho nên khi anh di chuyển, hãy giống như một tay chơi nhạc rook có tuổi.

Có tuổi, anh có thể làm được, Langdon nghĩ bụng. Còn tay chơi nhạc rook thì anh không chắc lắm.

Langdon chưa kịp có ý kiến gì, Sienna đã tháo chốt cánh cửa nhỏ rồi mở ra. Cô khom người và chui ra đường phố rải sỏi đông đúc. Langdon theo sau, gần như bò trên cả bốn chân khi anh đứng trong ánh sáng ban ngày.

Ngoài một vài ánh mắt thẳng thốt nhìn “đôi đũa lệch” chui ra từ một ô cửa nhỏ ở tầng hầm của cung điện Vecchio, không ai buồn nhìn họ lần thứ hai. Chỉ vài giây sau, Langdon và Sienna đã di chuyển về phía đông, lẩn vào đám đông.

Người đàn ông đeo kính Plume Paris lau vội da thịt đang lấm tẩm máu của mình trong lúc len lỏi qua đám đông, cố giữ khoảng cách an toàn phía sau Robert Langdon và Sienna Brooks. Bất chấp cách cải trang khôn khéo của họ, ông ta vẫn nhận ra họ chui ra từ một cánh cửa nhỏ trên hẻm Via della Ninna và lập tức biết ngay họ là ai.

Ông ta bám theo họ được vài dãy nhà thì mệt đứt hơi, ngực đau dữ dội, buộc ông ta phải thở hổn hển. Ông ta cảm thấy như bị nện mạnh vào ức.

Nghiên chặt răng để nhìn đau, ông ta gắng chú ý đến Langdon và Sienna trong lúc tiếp tục theo họ qua các đường phố ở Florence.

Chương 50

Mặt trời buổi sáng giờ đã lên cao, tạo thành những cái bóng đồ dài trên những con hẻm hẹp len lỏi qua các toà nhà của Florence cổ kính. Các chủ cửa hàng đã bắt đầu kéo mở lưới sắt bảo vệ cửa hàng và quầy rượu của mình, không khí đã弥漫 mùi thơm của cà phê espresso buổi sáng cùng món bánh sừng bò mới nướng.

Mặc dù đói cồn cào, Langdon vẫn tiếp tục đi. Mình phải tìm ra cái chiếc mặt nạ và xem đằng sau giấu cái gì.

Khi Langdon dẫn Sienna lên phía bắc dọc theo phố Via dei Leoni, anh vẫn cảm thấy không dễ quen với hình ảnh chiếc đầu trọc lóc của cô. Diện mạo thay đổi hoàn toàn của cô nhắc nhở rằng anh chỉ biết qua loa về cô. Giờ họ đang di chuyển về phía Quảng trường Duomo – khu quảng trường nơi người ta thấy xác của Ignazio Busoni sau khi thực hiện cuộc điện đàm cuối cùng.

Robert, Ignazio đã cố gắng nói, dù không thở được. Những gì anh tìm thấy đã được cất giấu an toàn. Cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên. Thiên đường Hai mươi lăm. Chúc may mắn.

Thiên đường Hai mươi lăm, Langdon nhắc lại, vẫn cảm thấy khó hiểu vì trong lúc vội vàng không kịp suy nghĩ, Ignazio Busoni vẫn nhớ ra tác phẩm của Dante để nhắc đến một khổ thơ cụ thể. Rõ ràng khổ thơ đó có điều gì đó khiến Busoni nhớ. Cho dù là gì, Langdon biết mình sẽ phải tìm ra thật nhanh, ngay khi có trong tay một bản trường ca, việc anh có thể dễ dàng làm được ở rất nhiều địa điểm phía trước.

Mái tóc giả dài đến vai của anh giờ bắt đầu gây ngứa ngáy, và mặc dù cảm thấy có gì đó kỳ cục trong cách hóa trang của mình, nhưng anh phải thừa nhận rằng khả năng hóa trang ngẫu hứng của Sienna quả là một cách đánh lừa hiệu quả. Không ai nhìn họ lần thứ hai, ngay cả lực lượng cảnh sát tăng cường vừa hồi hả đi qua họ về phía Cung điện Vecchio.

Sienna vẫn hoàn toàn im lặng đi bên cạnh anh mấy phút liền, Langdon phải liếc mắt nhìn lại để bảo đảm rằng cô vẫn ổn. Dường như cô ở cách xa mấy dặm, có lẽ đang cố chấp nhận thực tế rằng cô vừa giết người phụ nữ truy

đuổi họ.

“Em nói gì đi chứ!”, anh đánh bạo, hy vọng kéo tâm trí cô thoát khỏi hình ảnh ả đàn bà đầu đình nằm chết trên sàn cung điện.

Sienna từ từ ra khỏi trạng thái trầm tư. “Em đang nghĩ đến Zobrist”, cô chậm rãi nói. “Cố gắng nhớ lại bất kỳ điều gì khác mà em biết về ông ta.”

“Và?”

Cô nhún vai. “Hầu hết những gì em biết đều đến từ một bài viết gây tranh cãi mà ông ta viết cách đây vài năm. Nó thật sự khiến em ấn tượng. Trong cộng đồng y khoa, bài viết đó lập tức lan nhanh như virus.” Cô cau mày. “Xin lỗi, em không nên dùng từ đó.”

Langdon cười khan. “Em cứ nói tiếp đi.”

“Bài viết của ông ta cơ bản nói rằng loài người đang trên bờ vực tuyệt chủng, và trừ phi trải qua một thảm họa làm giảm mạnh tăng trưởng dân số toàn cầu, nếu không loài người chúng ta sẽ không thể sống nổi một trăm năm nữa.”

Langdon ngoảnh lại và nhìn sững cô. “Chỉ một thế kỷ thôi sao?”

“Đó là một luận điểm khá nghiệt ngã. Khung thời gian được dự báo ngắn hơn rất nhiều so với những dự báo trước đó, nhưng nó lại được củng cố bằng một số dữ liệu khoa học rất thuyết phục. Ông ta có thêm nhiều kẻ thù do tuyên bố rằng tất cả bác sĩ cần ngừng công việc chuyên môn, bởi vì việc làm tăng tuổi thọ của loài người chỉ càng làm vấn đề dân số trầm trọng thêm.”

Giờ Langdon đã hiểu tại sao bài viết lại lan truyền nhanh trong cộng đồng y học.

“Không có gì lạ”, Sienna tiếp tục. “Zobrist lập tức bị tấn công từ mọi phía – các chính trị gia, giới tăng lữ, Tổ chức Y tế Thế giới – tất cả đều xem ông ta là một gã điên tiên liệu về ngày tận thế và đang cố tìm cách gây hoảng loạn. Họ rất phật ý trước tuyên bố của ông ta rằng giới trẻ ngày nay, nếu họ lựa chọn việc sinh đẻ, sẽ khiến con cái mình chứng kiến sự cáo chung của loài người. Zobrist chứng minh quan điểm của mình bằng một ‘Đồng hồ Ngày tận thế,’ thể hiện rằng nếu toàn bộ thời gian tồn tại của loài người trên trái đất này được nén lại thành một giờ... thì giờ đây chúng ta đang ở những giây cuối cùng.”

“Thực tế anh đã nhìn thấy đồng hồ đó trên mạng”, Langdon nói.

“Vâng, chính là của ông ta, và nó cũng gây phẫn nộ. Tuy nhiên, phản ứng mạnh mẽ nhất chống lại Zobrist lại nảy sinh khi ông ta tuyên bố rằng những tiến triển của ông ta trong lĩnh vực điều khiển gene sẽ rất hữu dụng cho nhân loại nếu chúng được sử dụng không phải để chữa bệnh mà để tạo ra bệnh tật.”

“Cái gì cơ?”

“Vâng, ông ta cho rằng công nghệ của mình cần được sử dụng để hạn chế tăng trưởng dân số bằng cách tạo ra những loại bệnh lai tạo mà nền y học hiện đại chúng ta không thể cứu chữa được.”

Langdon cảm thấy càng lúc càng kinh hãi khi hình dung ra hình ảnh “các loại virus tự tạo” lai ghép lạ lùng mà một khi được tung ra, sẽ hoàn toàn không thể ngăn chặn được.

“Chỉ trong vài năm ngắn ngủi”, Sienna nói, “Zobrist đã từ chỗ là niềm tự hào của thế giới y học biến thành một kẻ bị xã hội ruồng bỏ. Một kẻ bị nguyên rủa”. Cô dừng lại, nét mặt thoáng chút thương cảm. “Thật sự không có gì lạ khi ông ta phản ứng và tự sát. Thậm chí còn buồn hơn nữa vì luận điểm của ông ta có thể là đúng.”

Langdon suyt ngã. “Xin lỗi! Em nghĩ ông ấy đúng ư?!”

Sienna trịnh trọng nhún vai. “Robert, nếu nói từ góc độ khoa học thuần túy – hoàn toàn logic, không hề cảm tính – em có thể nói với anh không chút nghi ngại rằng nếu không có một sự thay đổi mạnh mẽ nào đó, loài người chúng ta sẽ diệt vong. Và kết cục đó sẽ đến rất nhanh. Đó sẽ không phải là lửa, lưu huỳnh, khả huyền, hay chiến tranh hạt nhân... mà là sự sụp đổ hoàn toàn do hành tinh này quá tải dân số. Số liệu toán học là không thể tranh cãi.”

Langdon cứng người.

“Em đã nghiên cứu nhiều về sinh học”, cô nói, “và một giống loài đi đến tuyệt chủng chỉ đơn giản là do tình trạng quá đông đúc trong môi trường của nó là điều hoàn toàn bình thường. Anh hãy hình dung một quần thể tảo mặt nước sống trong một cái hồ nhỏ trong rừng, tận hưởng sự cân bằng dưỡng chất hoàn hảo của hồ nước. Nếu không được kiểm soát, chúng sinh sản tràn lan và sẽ nhanh chóng chiếm lĩnh toàn bộ mặt hồ, che kín mặt trời và ngăn cản quá trình gia tăng dưỡng chất trong hồ. Khi tiêu diệt sạch mọi thứ trong

môi trường của mình, táo nhanh chóng chết và biến mất không để lại dấu vết”. Cô thở dài nã nê. “Loài người cũng rất dễ gặp số phận tương tự. Sẽ sớm hơn và nhanh hơn bất kỳ ai trong chúng ta có thể hình dung.”

Langdon cảm thấy vô cùng bồn chồn. “Nhưng... dường như điều đó là không thể.”

“Không có gì là không thể, Robert, chỉ là không tưởng tượng nổi. Tâm trí con người có một cơ chế phòng vệ bản ngã nguyên thủy phủ nhận tất cả những thực tế tạo ra quá nhiều áp lực mà não phải xử lý. Cơ chế đó gọi là phủ nhận.”

“Anh đã nghe nói đến ‘phủ nhận’”, Langdon chua chát, “nhưng anh không nghĩ nó tồn tại”.

Sienna đảo mắt. “Nghe thì hay ho, nhưng tin em đi, điều đó rất thật. Phủ nhận là một phần quan trọng trong cơ chế ứng phó của con người. Không có nó, mỗi buổi sáng tất cả chúng ta đều tỉnh giấc trong tâm trạng hoảng hốt về cách chúng ta từ giã cõi đời. Có nó, tâm trí của chúng ta ngăn chặn những nỗi sợ hãi hiện sinh bằng cách tập trung vào những căng thẳng mà chúng ta có thể giải quyết, chẳng hạn đi làm đúng giờ hoặc đóng tiền thuế. Nếu có những nỗi lo sợ hiện sinh lớn hơn, chúng ta vứt bỏ chúng rất nhanh, tập trung trở lại các nhiệm vụ đơn giản và những điều tầm thường hằng ngày.”

Langdon nhớ lại một nghiên cứu về dấu vết trên mạng gần đây của sinh viên một số trường đại học trong nhóm Ivy League [22] cho thấy ngay cả những người có hiểu biết cao cũng thể hiện khuynh hướng phủ nhận mang tính bản năng. Theo nghiên cứu ấy, đa phần sinh viên đại học, sau khi bấm chọn một bản tin ảm đạm về tình trạng băng vùng cực tan hay tuyết chùng giống loài, sẽ nhanh chóng thoát khỏi trang tin đó để chọn tin gì đó giúp tâm trí họ thoát khỏi nỗi sợ hãi. Những đề tài thường được lựa chọn gồm những tin thể thao nổi bật, video hài, và tin đồn thổi về những người nổi tiếng.

“Theo thần thoại cổ”, Langdon nói, “một người anh hùng mang sự phủ nhận chính là biểu hiện cao nhất của thái độ ngạo mạn và tự phụ. Không người nào tự phụ hơn kẻ tin rằng bản thân mình hoàn toàn vô hại trước những hiểm nguy của thế giới. Rõ ràng Dante cũng đồng ý như vậy, xem thói tự phụ là tội lỗi xấu xa nhất trong số bảy trọng tội... và trừng phạt những kẻ tự phụ ở tầng sâu nhất của địa ngục”.

Sienna ngẫm nghĩ một lúc rồi tiếp tục. “Bài viết của Zobrist kết tội nhiều nhà

lãnh đạo của thế giới đang có thái độ cực kỳ phủ nhận... chỉ biết rúc đầu vào cát. Ông ta đặc biệt lên án Tổ chức Y tế Thế giới.”

“Anh cá rằng chuyện đó cũng không tệ.”

“Họ phản ứng bằng việc xem ông ta như một kẻ cuồng tín tôn giáo đứng ở góc phố giờ cao tám biển ghi rằng “Tận thế đang đến gần.”

“Quảng trường Harvard có một vài kẻ như vậy.”

“Vâng, và tất cả chúng ta đều chẳng để tâm đến họ bởi vì không ai trong chúng ta có thể hình dung ra điều đó sẽ đến. Nhưng hãy tin em, chỉ vì tâm trí con người không thể hình dung ra điều gì đó đang xảy đến... như thế không có nghĩa là nó sẽ không đến.”

“Em nói như thể mình là một người hâm mộ Zobrist.”

“Em là người hâm mộ chân lý”, cô quyết liệt đáp lại, “ngay cả khi phải chấp nhận chân lý đau lòng”.

Langdon im lặng, một lần nữa cảm thấy có khoảng cách rất kỳ lạ với Sienna vào lúc này, và cố gắng hiểu sự kết hợp rất lạ thường giữa niềm say mê với suy xét độc lập của cô.

Sienna ngược nhìn anh, nét mặt cô dịu lại. “Robert, nhìn này, em không nói rằng Zobrist đúng khi cho rằng đại dịch giết chết một nửa dân số chính là câu trả lời cho vấn đề quá tải dân số. Em cũng không nói rằng chúng ta cần ngừng chạy chữa cho người ốm. Những gì em đang nói là con đường hiện tại của chúng ta là một lộ trình đi tới sự hủy diệt. Tăng trưởng dân số là cấp số mũ xảy ra ngay trong một hệ thống không gian hữu hạn với những nguồn tài nguyên hạn chế. Kết cục sẽ đến rất đột ngột. Trải nghiệm của chúng ta sẽ không phải là việc từ từ cạn kiệt khí đốt... mà nó giống như lao mình xuống từ một vách đá.”

Langdon thở hắt ra, cố gắng xử lý tất cả những điều anh vừa nghe thấy.

“Nói đến vách đá”, cô tiếp lời, thẫn thờ chỉ lên bầu trời phía bên phải, “em tin chắc rằng đó chính là nơi Zobrist đã nhảy xuống”.

Langdon ngược mắt và nhìn thấy họ vừa đi qua mặt tiền bằng đá mộc mạc của Bảo tàng Bargello nằm bên tay phải họ. Phía sau bảo tàng, đỉnh nhọn của tòa tháp Badia vươn cao vượt lên các kết cấu xung quanh. Anh đắm đắm

nhìn đỉnh tòa tháp, tự hỏi tại sao Zobrist lại nhảy xuống, hy vọng đó không phải vì ông ta đã làm điều gì kinh khủng và không muốn đối diện với những gì đang xảy đến.

“Những người phê phán Zobrist”, Sienna nói, “muốn chỉ ra điểm nghịch lý ở chỗ nhiều công nghệ gene mà ông ta phát triển hiện lại giúp làm tăng đáng kể tuổi thọ”.

“Điều đó chỉ càng làm phức tạp thêm vấn đề dân số.”

“Chính xác. Zobrist từng công khai nói rằng ông ta ao ước có thể làm lại mọi việc và loại bỏ một số đóng góp của mình đối với tuổi thọ nhân loại. Em cho rằng điều đó hoàn toàn có ý nghĩa về mặt lý luận. Chúng ta càng sống lâu, càng phải dành nhiều nguồn tài nguyên của mình cho người già và người bệnh.”

Langdon gật đầu. “Anh đọc được rằng ở Hoa Kỳ, khoảng sáu mươi phần trăm chi phí chăm sóc sức khỏe dành cho những bệnh nhân trong sáu tháng cuối cùng của họ.”

“Đúng vậy, và trong khi lý trí chúng ta nói rằng ‘Điều này thật điên rồ,’ thì tim chúng ta lại nói ‘Phải giúp bà nội sống càng lâu càng tốt’.”

Langdon gật đầu. “Đó là mâu thuẫn giữa thần Apollo và Dionysus [23] – một song đề nổi tiếng trong thần thoại – cuộc chiến từ xa xưa giữa lý trí và trái tim, vốn hiếm khi cùng muốn một thứ.”

Langdon từng nghe nói rằng các hội nghị của Hội người cai rượu cũng viện dẫn thần thoại này để mô tả những người nghiện rượu cứ dăm dăm nhìn ly rượu, lý trí họ biết rằng thứ đó sẽ làm hại mình, nhưng trái tim họ lại thèm thường cái cảm giác dễ chịu mà nó mang lại. Thông điệp rõ ràng là: Đừng bao giờ cảm thấy cô độc vì ngay cả thần thánh cũng mâu thuẫn.

“Ai cần đến hành động quyền sinh cao cả? [24]”, Sienna chột thì thào.

“Em nói sao cơ?”

Sienna ngược lên. “Cuối cùng em cũng nhớ ra tên bài viết của Zobrist. Bài viết đó là: ‘Ai cần đến hành động quyền sinh cao cả?’.”

Langdon chưa bao giờ nghe nói đến cụm từ quyền sinh cao cả, nhưng anh đoán được căn cứ vào gốc từ tiếng Hy Lạp – agathos và thusia. “Quyền sinh

cao cả... chắc là ‘sự hy sinh tốt đẹp’ phải không?”

“Gần như vậy. Nghĩa thực tế của nó là ‘một hành động tự hy sinh vì lợi ích chung’”, cô ngừng lại. “Nó còn được biết đến như là hành động tự sát cao cả.”

Thực tế Langdon đã từng nghe nói đến thuật ngữ này, lần thứ nhất liên quan đến một người cha bị phá sản tự sát để gia đình mình có thể nhận tiền bảo hiểm sinh mạng, và lần thứ hai mô tả một kẻ giết người hàng loạt cảm thấy ân hận nên đã tự kết liễu sinh mạng vì sợ rằng hắn không thể kiểm soát được động lực giết người của mình.

Thế nhưng, ví dụ rùng rợn nhất Langdon còn nhớ là trong cuốn tiểu thuyết năm 1967 nhan đề Cuộc đào tẩu của Logan, mô tả một xã hội tương lai trong đó mọi người đều hoan nghênh hành động tự sát ở tuổi hai mươi một – như thế sẽ tận hưởng trọn vẹn tuổi thanh xuân mà không để tuổi già hoặc số đông dân số tạo áp lực cho các nguồn tài nguyên hữu hạn của hành tinh. Nếu Langdon nhớ đúng thì phiên bản điện ảnh Cuộc đào tẩu của Logan đã tăng “tuổi tận số” từ hai mươi mốt lên ba mươi, rõ ràng nhằm cố gắng làm cho bộ phim dễ chấp nhận hơn với nhóm khán giả từ mười tám đến hai mươi lăm tuổi.

“Như vậy, bài luận giải của Zobrist...”, Langdon nói. “Anh không chắc mình hiểu được nhan đề. ‘Ai cần đến hành động quyên sinh cao cả?’ Liệu ông ta có nói vậy để châm biếm không? Giống như ai cần đến những vụ tự sát cao cả mà... tất cả chúng ta đều thực hiện?”

“Thực tế không hề, nhan đề đó là cách chơi chữ.”

Langdon lắc đầu, không hiểu.

“Ai cần tự sát – giống như trong W-H-O [\[25\]](#) – Tổ chức Y tế Thế giới. Trong bài viết của mình, Zobrist sỉ vả giám đốc WHO – tiến sĩ Elizabeth Sinskey – người giữ cương vị đó lâu năm và theo Zobrist, bà ấy kiểm soát dân số một cách nghiêm túc. Bài viết của ông ta nói rằng WHO sẽ tốt đẹp hơn nếu giám đốc Sinskey tự sát.”

“Một gã đáng thương.”

“Những hiểm nguy của việc là một thiên tài, em đoán vậy. Thông thường, những bộ óc đặc biệt, vốn có khả năng tập trung cao hơn những người khác, hay làm vậy để trả giá cho sự chín muồi về mặt cảm xúc.”

Langdon nhớ lại những bài viết của anh đã xem về cô bé Sienna, một thần đồng có chỉ số IQ 208 và chức năng trí tuệ ngoại hạng.

Langdon tự hỏi phải chăng khi nói về Zobrist, cô đang nói về chính mình ở một mức độ nào đó. Anh cũng thắc mắc không biết cô còn giữ bí mật của mình bao lâu nữa.

Phía trước mặt, Langdon nhận ra địa điểm mình đang tìm kiếm. Sau khi băng qua Via dei Leoni, Langdon dẫn cô tới một giao lộ rất hẹp – không hơn một con hẻm. Tấm biển đầu phố ghi VIA DANTE ALIGHIERI.

“Nghe như em biết rất nhiều về bộ não con người”, Langdon nói. “Có phải đó là lĩnh vực nghiên cứu chính của em trong trường y không?”

“Không, nhưng khi còn nhỏ, em đọc rất nhiều. Em quan tâm đến khoa học não bộ bởi vì em có một số ... vấn đề sức khỏe.”

Langdon nhìn cô vẻ tò mò, hy vọng cô sẽ nói tiếp.

“Bộ não của em...”, Sienna nói khẽ. “Nó phát triển khác hẳn hầu hết trẻ em, và nó gây ra một số... vấn đề. Em bỏ nhiều thời gian cố gắng hiểu xem có chuyện gì không ổn với mình, và trong quá trình đó, em học được nhiều điều về khoa học thần kinh.” Cô nhìn vào mắt Langdon. “Và đúng, tình trạng hồi đầu của em có liên quan đến vấn đề sức khỏe.”

Langdon lảng mắt, bối rối vì đã hỏi chuyện đó.

“Đừng lo”, cô nói. “Em đã học cách sống chung với nó.”

Khi họ di chuyển vào khoảng không khí lạnh lẽo của ngõ phố bị phủ bóng, Langdon ngẫm lại tất cả những điều anh vừa biết về Zobrist và những quan điểm triết lý đáng ngại của ông ta.

Một câu hỏi cứ lờn vờn trong đầu anh. “Đám lính này”, Langdon bắt đầu nói. “Những kẻ đang cố giết chúng ta. Chúng là ai? Thật vô nghĩa. Nếu Zobrist đã tung ra một loại dịch bệnh tiềm tàng thì tất cả mọi người phải cùng một phe, hợp tác để ngăn chặn lại chứ?”

“Không nhất thiết, Zobrist có thể là một kẻ bị ruồng bỏ trong cộng đồng y học, nhưng có lẽ lại có một đội quân những kẻ hâm mộ tư tưởng của mình - những người tán đồng rằng loại bỏ bớt đồng loại là một tội ác cần thiết để cứu lấy hành tinh. Với tất cả những gì chúng ta biết thì đám lính này đang cố

gắng bảo đảm cho việc thực hiện kịch bản của Zobrist.”

Đội quân môn đồ riêng của Zobrist ư? Langdon ngẫm nghĩ về khả năng đó. Phải thừa nhận rằng lịch sử có rất nhiều kẻ quá khích và tin đồ sẵn sàng tự sát vì đủ thứ quan niệm điên khùng – niềm tin cho rằng thủ lĩnh của họ là Đấng Cứu thế, niềm tin cho rằng một con tàu vũ trụ đang đợi họ đằng sau Mặt trăng, niềm tin cho rằng Ngày Phán xét đã cận kề. Nghiên cứu về kiểm soát dân số ít nhất cũng có nền tảng khoa học, nhưng Langdon vẫn cảm thấy có gì đó không ổn với đám lính này.

“Anh không thể tin được cả một đội lính tinh nhuệ lại chủ tâm tán thành việc sát hại những người vô tội... trong khi lo sợ rằng chính họ cũng có thể bị bệnh và chết.”

Sienna nhìn anh bối rối. “Robert, anh nghĩ những người lính làm gì khi họ lâm trận? Họ giết người dân vô tội và mạo hiểm với tính mạng mình. Bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra một khi người ta tin vào một lý do.”

“Một lý do? Là lan một bệnh dịch ư?”

Sienna nhìn anh, đôi mắt nâu của cô như thăm dò. “Robert, lý do này không phải là lây lan một bệnh dịch... nó là cứu lấy thế giới.” Cô ngừng lại. “Một đoạn trong bài viết của Bertrand Zobrist được rất nhiều người nói đến là câu hỏi mang tính giả thuyết rất sắc bén. Em muốn anh trả lời câu hỏi đó.”

“Câu hỏi gì?”

“Zobrist đã hỏi thế này: Nếu anh có thể gạt một công tắc và ngẫu nhiên giết chết một nửa số dân trên trái đất thì anh có làm việc đó không?”

“Dĩ nhiên là không.”

“Được rồi. Nhưng sẽ ra sao khi nói rằng nếu anh không thay đổi ý kiến ngay thì loài người sẽ diệt vong trong vòng một trăm năm tới?”, cô ngừng lại. “Anh có thay đổi không? Thậm chí nếu điều có nghĩa là anh có thể phải giết chết bạn bè, gia đình và thậm chí có lẽ chính anh nữa?”

“Sienna, có lẽ anh không thể...”

“Đó là một câu hỏi mang tính giả thuyết”, cô nói. “Anh có giết một nửa dân số ngày nay để cứu loài người khỏi bị diệt vong không?”

Langdon cảm thấy quá bối rối trước chủ đề kinh khủng mà họ đang thảo luận, nên anh thở phào khi nhìn thấy lá cờ đỏ quen thuộc treo bên hông một tòa nhà bằng đá phía trước.

“Nhìn kìa”, anh nói, và chỉ tay. “Chúng ta đến đây rồi.”

Sienna lắc đầu. “Như em đã nói. Phủ nhận.”

Chương 51

Nhà lưu niệm Casa di Dante nằm trên phố Via Santa Margherita và dễ nhận ra nhờ lá cờ lớn được treo trên mặt tiền bằng đá trong hẻm:

MUSEO CASA DI DANTE

Sienna nhìn lá cờ với vẻ không lấy gì làm chắc chắn: Chúng ta sẽ tới nhà Dante ư?”

“Không hẳn”, Langdon nói. “Dante sống ở góc phố kia. Đây đúng hơn là bảo tàng... Dante.” Langdon đã từng tham quan địa điểm này, rất hào hứng với bộ sưu tập nghệ thuật mà hóa ra chỉ gồm những phiên bản tái tạo lại các tác phẩm nổi tiếng có liên quan đến Dante trên khắp thế giới, nhưng rất đáng xem khi tất cả những thứ ấy được gom lại dưới cùng một mái nhà.

Đột nhiên trông Sienna đầy vẻ hy vọng. “Anh nghĩ họ có trưng bày một bản Thần khúc cổ à?”

Langdon cười khan. “Không, nhưng anh biết họ có một cửa hàng quà tặng bán những bưu thiếp cỡ lớn đăng nguyên vẹn nội dung Thần khúc của Dante với cỡ chữ rất nhỏ.”

Cô liếc nhìn anh hơi có phần kinh hãi.

“Anh biết. Nhưng thế còn hơn không. Vấn đề duy nhất là mắt anh đang kém cho nên em sẽ phải đọc bản in đó.”

“Đóng cửa”, một ông già gọi to khi nhìn thấy họ tiến đến cửa. “Nghỉ ngày lễ.”

Đóng cửa nghỉ ngày Sabbath ư? Langdon bỗng lại cảm thấy mất phương hướng. Anh nhìn Sienna. “Hôm nay không phải là... thứ Hai sao?”

Cô gật đầu. “Dân Florence chọn ngày Sabbath vào thứ Hai.”

Langdon làu bàu, chợt nhớ ra lịch tuần khác hẳn của thành phố này. Vì lợi nhuận du lịch tăng nhanh vào ngày cuối tuần nên nhiều thương gia ở Florence chọn chuyển “ngày nghỉ ngơi” theo Thiên Chúa giáo từ Chủ nhật sang thứ Hai để tránh nghỉ lễ Sabbath làm ảnh hưởng quá nhiều đến thu nhập của mình.

Thật không may, Langdon nhận ra, điều này cũng có thể làm tiêu tan lựa chọn khác của anh: Cửa hàng trao đổi sách bìa mềm – một trong những cửa hàng sách ở Florence mà Langdon ưa chuộng – nơi chắc chắn có sẵn các bản Thần khúc.

“Anh còn ý tưởng nào khác không?”, Sienna nói.

Langdon nghĩ một lúc lâu và cuối cùng gật đầu. “Có một chỗ ở ngay góc phố nơi những người mến mộ Dante thường tụ họp. Anh cá là ở đó có người có bản sách để chúng ta mượn.”

“Có thể cũng đóng cửa đấy”, Sienna dè chừng. “Gần như mọi chỗ trong thành phố đều chuyển ngày Sabbath sang ngày khác Chủ nhật.”

“Nơi này thì không hề nghĩ đến việc đó đâu”, Langdon mỉm cười đáp. “Đó là nhà thờ.”

Phía sau họ năm mươi thước, ẩn mình trong đám đông, người đàn ông bị phát ban trên da và đeo khuyên tai vàng đứng dựa vào một bức tường, tranh thủ cơ hội này để lấy lại nhịp thở. Nhưng tình trạng của ông ta không khá hơn được, và triệu chứng phát ban trên mặt gần như không thể xem thường, đặc biệt là phần da nhạy cảm ngay bên trên mắt. Ông ta tháo bỏ cặp kính Plume Paris và khẽ lấy tay áo lau qua hốc mắt, cố gắng không làm mụn vỡ bung. Lúc đeo lại kính, ông ta thấy “con mồi” của mình lại tiếp tục di chuyển. Ông ta gượng bám theo, tiếp tục đi sau họ, cố gắng thở nhẹ nhàng hết mức.

Cách phía sau Langdon và Sienna vài dãy nhà, bên trong Sảnh Năm trăm, đặc vụ Brüder đứng phía trên thân thể mềm oặt của người đàn bà đầu đinh đã quá quen thuộc, lúc này đang nằm rũ trên nền nhà. Gã quỳ xuống và gỡ lấy

khẩu súng ngắn của ả, thận trọng khóa chốt an toàn trước khi trao cho một người của mình.

Cô quản lý bảo tàng bụng mang dạ chứa Marta Alvarez đứng cách xa một bên. Cô vừa kể vắn tắt lại cho Brüder nghe mọi chuyện diễn ra với Robert Langdon kể từ đêm hôm trước, kể cả chi tiết Brüder vẫn đang cố gắng xử lý.

Langdon cho biết đang bị chứng quên tạm thời.

Brüder rút điện thoại và bấm số. Đầu dây bên kia đổ chuông ba lần thì có tiếng sếp của gã trả lời, nghe xa xăm và không lấy gì làm quyết đoán.

“Ừ, đặc vụ Brüder hả? Nói đi.”

Brüder nói thật chậm rãi để bảo đảm rằng mọi lời của gã đều được hiểu rõ. “Chúng tôi vẫn đang cố gắng xác định vị trí của Langdon và cô gái, nhưng có một tình tiết khác.” Gã ngừng lại. “Và nếu như điều đó đúng thì... nó làm thay đổi mọi chuyện.”

Thị Trưởng đi tới đi lui trong văn phòng của mình, cố tìm cơn thôi thúc muốn rót thêm một ly Scotch nữa, và cố ép mình phải đối diện với cuộc khủng hoảng vẫn tiếp diễn này.

Trong sự nghiệp, chưa bao giờ ông ta phản bội khách hàng hoặc không giữ đúng thỏa ước, và chắc chắn ông ta không có ý định như vậy vào lúc này. Đồng thời ông ta cũng ngờ rằng có thể mình đang bị vướng vào một kịch bản có mục đích, lôi kéo ông ta rời xa những gì đã hình dung ban đầu.

Một năm trước, nhà di truyền học nổi tiếng Bertrand Zobrist xuất hiện trên tàu The Mendadium và đề nghị có một nơi ẩn náu an toàn để làm việc. Lúc đó, Thị Trưởng cho rằng Zobrist đang lên kế hoạch phát triển một sản phẩm y học bí mật mà quyền sáng chế sẽ làm tăng khối tài sản khổng lồ cho Zobrist. Đó không phải là lần đầu Consortium được các nhà khoa học và kỹ sư hoang tưởng thích làm việc biệt lập thuê để tránh việc những ý tưởng giá trị của họ bị đánh cắp.

Với suy nghĩ đó, Thị Trưởng chấp nhận vị khách và không lấy gì làm ngạc nhiên khi biết rằng những người ở Tổ chức Y tế Thế giới săn lùng Zobrist. Thị Trưởng cũng không suy nghĩ gì thêm khi đích thân Giám đốc WHO- tiến sĩ Elizabeth Sinskey – có vẻ xem việc tìm ra vị khách của họ là nhiệm vụ

riêng của bà.

Consortium vẫn luôn phải đối mặt với những đối thủ quyền lực.

Như đã thỏa thuận, Consortium thực hiện hợp đồng của mình với Zobrist, không hề đặt câu hỏi gì, ngăn cản mọi nỗ lực của Sinskey nhằm tìm ra ông ta trong suốt thời gian bản hợp đồng đã ký với nhà khoa học có hiệu lực.

Gần như trọn thời gian.

Còn chưa đầy một tuần trước khi bản hợp đồng hết hạn, không hiểu bằng cách nào mà Sinskey tìm ra Zobrist ở Florence và ập đến, liên tục quấy nhiễu và truy đuổi ông ta cho tới khi ông ta tự sát. Lần đầu tiên trong sự nghiệp, Thị Trưởng thất bại trong việc cung cấp dịch vụ bảo vệ mà mình đã thỏa thuận, và điều đó ám ảnh ông ta, cùng với cái chết kỳ quái của Zobrist.

Ông ta tự sát chứ nhất định không chịu để bị bắt ư?

Zobrist đang cố bảo vệ cái quái gì nhỉ?

Sau cái chết của Zobrist, Sinskey đã tịch thu một thứ lấy được từ két an toàn của Zobrist, và giờ đây, Consortium lao vào một cuộc chiến trực tiếp với Sinskey tại Florence – tìm kiếm một kho báu đáng giá...

Tìm kiếm cái gì?

Theo bản năng, Thị Trưởng liếc nhìn về phía giá sách và tập sách nặng trĩch được tay Zobrist có cặp mắt man dại trao cho ông ta hai tuần trước.

Thần khúc.

Thị Trưởng vớ lấy cuốn sách và mang nó trở lại bàn làm việc của mình, rồi nặng nề vút nó xuống. Bằng mấy ngón tay đầy do dự, ông ta lật giở bìa sách tới trang đầu tiên và đọc lại câu đề tặng.

“Bạn thân mến của tôi, cảm ơn bạn vì đã giúp tôi tìm ra đường đi

Thế giới cũng cảm ơn bạn.”

Trước hết, Thị Trưởng nghĩ thầm, ông và ta chưa bao giờ là bạn bè.

Ông ta đọc câu đề tặng thêm ba lần nữa. Rồi ông ta đưa mắt nhìn cái vòng

tròn đỏ tươi mà vị khách đã khoanh nguyệt ngoạc trên cuốn lịch, chỉ rõ ngày đến hẹn – ngày mai.

Thế giới cảm ơn bạn ư?

Ông ta quay đầu nhìn ra đường chân trời một lúc lâu.

Ông im lặng nghĩ về đoạn video và như vẫn nghe rõ tiếng điều phối viên Knowlton trong cuộc điện đàm trước đó. Tôi nghĩ có lẽ ngài cần xem trước khi đưa lên... Nội dung khá phiền phức.

Cuộc gọi vẫn còn khiến Thị Trưởng khó xử. Knowlton là một trong những điều phối viên giỏi nhất của ông ta, và việc đề nghị như vậy hoàn toàn không phải là tích cách của anh ta. Anh ta biết tốt hơn hết là nên trình lên cấp cao hơn trong quy trình nhiều cấp.

Đặt cuốn Thần khúc lên giá, Thị Trưởng bước lại chỗ chai Scotch và rót cho mình nửa ly.

Ông ta đưa ra một quyết định rất khó khăn.

Chương 52

Vẫn được xem như Nhà thờ Dante, thánh đường Santa Margherita dei Cerchi giống một nhà nguyện hơn là một nhà thờ. Căn nhà thờ cúng nhỏ xíu chỉ có một gian này là địa điểm quen thuộc với những người hâm mộ Dante, họ thành kính coi đó như một thánh địa, nơi diễn ra hai thời khắc then chốt trong cuộc đời của đại thi hào.

Theo lời kể, chính tại nhà thờ này, năm lên chín tuổi, lần đầu tiên Dante để mắt đến Beatrice Portinari – người phụ nữ mà ông phải lòng ngay từ cái nhìn đầu tiên, và là người ông đau đáu dành trọn trái tim suốt cả đời. Trước nỗi đau khổ tột cùng của Dante, Beatrice kết hôn với một người đàn ông khác, và sau đó qua đời khi tuổi đời còn rất trẻ, mới chỉ hai mươi tư.

Cũng chính tại nhà thờ này, vài năm sau, Dante kết hôn với Gemma Donati – một phụ nữ theo mô tả của đại văn hào và cũng là thi sĩ Boccaccio, là người vợ mà Dante đã chọn làm. Mặc dù có con chung nhưng hai vợ chồng họ không có nhiều tình cảm dành cho nhau, và sau khi Dante bị trục xuất, cũng chẳng ai trong số họ sốt sắng muốn gặp lại nhau.

Tình yêu trọn đời của Dante đã và sẽ luôn là nàng Beatrice Portinari đã đi xa. Dante biết rất ít về Beatrice, nhưng ký ức về nàng trong ông lại mãnh liệt đến mức bóng ma của nàng đã trở thành cảm hứng cho những tác phẩm vĩ đại nhất của ông.

La Vita Nuova, tập thơ được ca tụng của Dante, tràn ngập những dòng thơ tôn vinh “nàng Beatrice thần thánh”. Còn sùng kính hơn thế nữa, Thần khúc xem Beatrice, chứ không phải ai khác, chính là vị cứu tinh đã chỉ dẫn Dante đi qua thiên đường. Trong cả hai tác phẩm, Dante đều ao ước được gặp người phụ nữ mình không thể với tới ấy.

Ngày nay, Nhà thờ Dante trở thành địa điểm linh thiêng cho những trái tim tan vỡ, đau khổ vì tình yêu của họ không được đền đáp. Phần mộ của nàng Beatrice nằm ngay bên trong nhà thờ, và ngôi mộ giản dị đó trở thành một địa điểm hành hương cho cả những người hâm mộ Dante cũng như những kẻ thất tình.

Sáng hôm nay, Langdon và Sienna tìm đường vượt qua Florence cổ kính để tới nhà thờ. Đường phố tiếp tục thu hẹp lại cho tới khi chỉ còn toàn những lối đi cho khách bộ hành. Một chiếc xe hơi biển địa phương hiếm hoi xuất hiện, nhích từng phân qua mê cung và buộc khách bộ hành phải nép sát vào những tòa nhà khi nó đi qua.

“Nhà thờ ngay góc phố kia thôi”, Langdon bảo Sienna, hy vọng rằng du khách bên trong sẽ có thể giúp đỡ họ. Anh biết cơ hội tìm ra một hội viên Hội Bác ái tốt bụng lúc này cao hơn. Sienna lấy lại mái tóc giả của cô và trả Langdon chiếc áo khoác, và cả hai trở lại như bình thường, từ một tay mê nhạc rock và cô ả đầu trọc biến thành vị giáo sư đại học và một phụ nữ trẻ đầu tóc gọn gàng.

Langdon thấy nhẹ nhõm hẳn khi lại được là chính mình.

Khi họ rảo bước vào một ngõ phố còn chật chội hơn nữa – Via del Presto – Langdon đưa mắt nhìn các khuôn cửa. Lối vào nhà thờ lúc nào cũng khó xác định vì bản thân căn nhà quá nhỏ, không được trang hoàng gì, và bị ép chặt giữa hai tòa nhà khác. Người ta có thể đi qua nó mà không hề chú ý. Có điều lạ là tìm ra nhà thờ này không phải bằng mắt mà bằng tai thường lại dễ dàng hơn.

Một trong những đặc điểm riêng của Nhà thờ Santa Margherita dei Cerchi là nơi này thường xuyên diễn ra các buổi hòa nhạc. Những khi không có lịch hòa nhạc, nhà thờ thường chơi lại bản thu các buổi hòa nhạc trước đó để

khách tham quan có thể thưởng thức âm nhạc bất kỳ lúc nào.

Đúng như dự tính, khi cả hai dọc theo ngõ phố, Langdon bắt đầu nghe thấy giai điệu nhẹ nhàng của các bản thu âm, càng lúc càng rõ hơn, cho tới khi anh và Sienna đứng trước lối vào kín đáo. Dấu hiệu duy nhất cho thấy đây là địa điểm cần tìm chỉ là một tấm biển nhỏ - một thứ hoàn toàn tương phản với lá cờ đỏ rực ở Museo Casa di Dante – cho biết đây là nhà thờ của Dante và Beatrice.

Khi Langdon và Sienna rời khỏi phố để bước vào khoảng tối của nhà thờ, không khí mát dịu hẳn và tiếng nhạc nghe rõ hơn. Không gian bên trong mộc mạc và giản dị, nhỏ hơn những gì Langdon còn nhớ. Chỉ có một vài khách du lịch, hòa vào nhau, người ghi sổ tay, người ngồi lặng lẽ trên những dãy ghế dài thưởng thức âm nhạc, hoặc chiêm ngưỡng bộ sưu tập tác phẩm nghệ thuật.

Ngoại trừ phần bàn thờ do Neri di Bicci vẽ mang đề tài Đức mẹ Maria, gần như tất cả các tác phẩm nghệ thuật nguyên gốc trong nhà thờ này đều được thay thế bằng những tác phẩm đương đại nói về hai nhân vật nổi tiếng – Dante và Beatrice – vốn là lý do để đa phần du khách tìm tới nhà thờ nhỏ bé này. Hầu hết các tranh vẽ đều mô tả ánh mắt khát khao của Dante trong lần hội ngộ đầu tiên với Beatrice, mà theo chính lời kể của thi hào, ngay lập tức ông đã phải lòng nàng. Chất lượng các bức vẽ rất khác biệt và đa phần, theo cảm nhận của Langdon, có vẻ hào nhoáng và đặt không đúng chỗ. Trong cách bài trí như thế, chiếc mũ đỏ với hai vạt che tai nổi tiếng của Dante trông như thứ gì đó đánh cắp của ông già Noel. Tuy nhiên, chủ đề lặp đi lặp lại nhiều là ánh mắt khao khát của thi hào dành cho nàng thơ của ông, Beatrice, cho thấy rõ ràng đây là một nhà thờ của tình yêu đau khổ - không được viên mãn, không được đền đáp, và không thể với tới.

Theo bản năng, Langdon ngó sang bên trái, chăm chú nhìn ngôi mộ khiêm nhường của Beatrice Portinari. Đây là lý do chính để người ta tới thăm nhà thờ này, mặc dù chẳng có gì nhiều để xem ngoài ngôi mộ và món đồ nổi tiếng đặt bên cạnh nó.

Một chiếc giỏ bằng liễu gai.

Sáng nay, như mọi khi, chiếc giỏ liễu gai giản dị được đặt cạnh mộ Beatrice. Và sáng nay, như mọi khi, nó đựng đầy những mảnh giấy gấp lại, mỗi mảnh là một lá thư viết tay của một vị khách gửi cho nàng Beatrice.

Beatrice Portinari tựa hồ đã trở thành vị thánh bảo trợ của những người tình không may mắn, và theo truyền thống đã có từ lâu, người ta có thể đặt những lời nguyện cầu viết tay gửi cho Beatrice vào trong giỏ với hy vọng rằng nàng sẽ can thiệp nhân danh người viết. Có lẽ nàng sẽ run rủi cho ai đó yêu họ hơn nữa, hoặc giúp họ tìm thấy tình yêu đích thực của mình, hoặc thậm chí cho họ sức mạnh quên đi mối tình đã mất.

Từ nhiều năm trước, khi khổ sở lùng tìm một cuốn sách về lịch sử nghệ thuật, Langdon đã dừng lại nhà thờ này để đặt một mảnh giấy vào giỏ, khăn cầu nguyện thơ của Dante dùng ban cho anh tình yêu đích thực, mà tặng cho anh một phần cảm hứng đã giúp Dante viết ra cuốn sách đồ sộ của ông.

Hãy cất tiếng hát trong ta, hỡi Nàng thơ, và qua ta kể lại câu chuyện...

Dòng mở đầu trong trường ca Odyssey của Homer dường như chính là lời khăn cầu rất thích hợp, và Langdon thậm tin bức thư của anh đã đánh thức nguồn cảm hứng thiêng liêng của Beatrice, vì ngay khi trở về nhà, anh đã bắt đầu viết ra cuốn sách một cách dễ dàng.

“Xin lỗi!”, giọng Sienna đột ngột vang lên. “Mọi người vui lòng cho tôi hỏi chút được không?” Tất cả mọi người sao?

Langdon xoay lại nhìn Sienna đang lớn tiếng nói với số du khách tản mát, khiến tất cả đều nhìn về phía cô, có vẻ gì đó cảnh giác...

Sienna mỉm cười thân thiện với mọi người và hỏi bằng tiếng Ý xem có ai tình cờ có bản Thần khúc của Dante không. Sau vài ánh mắt lạ lùng và những cái lắc đầu, cô cố gắng hỏi lại bằng tiếng Anh, nhưng cũng chẳng hơn gì.

Một phụ nữ đứng tuổi hơn đang quét bàn thờ suýt rất to với Sienna và giờ một ngón tay lên môi ra hiệu im lặng.

Sienna quay lại phía Langdon và cau mày, như thể muốn nói “Giờ thì làm sao?”

Lời hỏi han của Sienna hoàn toàn không phải là điều Langdon hình dung trong đầu, nhưng anh phải thừa nhận rằng anh dự liệu cô nhận được phản ứng tốt đẹp hơn so với những gì vừa rồi. Trong những lần tới thăm trước, Langdon thấy không ít du khách đang đọc Thần khúc trong không gian thiêng liêng này, rõ ràng vì muốn hoàn toàn chìm trong trải nghiệm của Dante.

Hôm nay thì không hề như vậy.

Langdon đưa mắt nhìn một cặp vợ chồng già đang ngồi gần phía trước nhà thờ. Cái đầu hói của ông cụ cúi gập về phía trước, cằm chạm hẳn vào ngực, rõ ràng ông đang ngủ gật. Bà cụ ngồi bên cạnh ông, với hai sợi cáp tai nghe màu trắng lủng lẳng bên dưới mái đầu bạc, dường như rất tỉnh táo.

Có chút hy vọng đây, Langdon nghĩ bụng, len theo lối đi cho tới khi ở vị trí song song với cặp vợ chồng già. Đúng như Langdon hy vọng, đôi tai nghe màu trắng của bà cụ chạy xuống một chiếc iPhone đặt trên đùi. Cảm giác đang bị người khác nhìn, bà ngược lên và rút tai nghe ra.

Langdon không rõ bà cụ nói ngôn ngữ gì, nhưng thành công toàn cầu của iPhone, iPad và iPod khiến những tên gọi này trở thành những từ vựng hiểu được trên khắp thế giới giống như biểu tượng nam/nữ ở các nhà vệ sinh trên toàn cầu.

“iPhone?”, Langdon hỏi, mắt nhìn chiếc máy của bà.

Bà cụ lập tức tươi nét mặt, gật đầu đầy tự hào. “Một thứ đồ chơi thông minh”, bà thì thào bằng giọng Anh. “Con trai tôi tặng cho tôi đấy. Tôi đang nghe email của mình. Anh có tin không – nghe email của tôi nhé! Báu vật nhỏ xinh này đọc thư cho tôi nghe. Với đôi mắt kèm nhèm của tôi thì điều đó đúng là tuyệt vời.”

“Cháu cũng có một cái”, Langdon mỉm cười nói trong lúc ngồi xuống cạnh bà, cẩn thận không làm ông chồng đang say ngủ của bà tỉnh giấc. Nhưng chẳng hiểu sao cháu lại để mất nó tới qua.”

“Ôi, tệ quá! Cậu đã thử tính năng ‘tìm kiếm iPhone’ chưa? Con trai tôi nói...”

“Cháu dốt quá, cháu chưa kích hoạt tính năng ấy.” Langdon nhìn bà bẽn lễn và ngập ngừng đánh bạo, “Nếu không quá phiền, bác làm ơn cho cháu mượn máy của bác chỉ một lát thôi được không? Cháu cần tra cứu một thứ trên mạng. Việc đó giúp cháu rất nhiều.”

“Được thôi!” Bà cụ tháo tai nghe và nhét điện thoại vào tay anh. “Không có gì đâu! Tội nghiệp cậu.”

Langdon cảm ơn bà và cầm lấy điện thoại. Trong khi bà cụ bên cạnh anh kể lể về việc bà sẽ cảm thấy kinh khủng như thế nào nếu đánh mất chiếc

iPhone, Langdon mở cửa sổ tìm kiếm của Google và nhấn nút microphone. Khi điện thoại phát ra một tiếng kêu, Langdon đọc thật rõ ràng chuỗi tìm kiếm của mình.

“Dante, Thần khúc, Thiên đường, Khổ XXV.”

Bà cụ tỏ ra kinh ngạc, rõ ràng vẫn chưa hề biết về tính năng này. Khi các kết quả tìm kiếm bắt đầu xuất hiện trên màn hình bé xíu, Langdon liếc nhanh về phía Sienna, lúc này đang lật giở một tài liệu in gì đó gần cái giỏ thư gửi cho Beatrice.

Không xa chỗ Sienna đứng, một người đàn ông đeo cà vạt đang quỳ trong bóng tối, thành tâm cầu nguyện, đầu cúi thấp. Langdon không thể nhìn rõ mặt ông ta, nhưng anh cảm thấy buồn thay cho người đàn ông cô độc có lẽ vừa đánh mất người mình yêu thương và đến đây để tìm chút an ủi.

Langdon tập trung trở lại chiếc iPhone, và chỉ sau vài giây đã có thể chọn đường dẫn tới một địa chỉ cung cấp bản Thần khúc số hóa truy cập miễn phí, vì tác phẩm thuộc sở hữu công cộng rồi. Khi trang màn hình mở ra đúng Khổ XXV, anh phải thừa nhận rằng công nghệ anh vừa sử dụng rất ấn tượng. Mình đến phải chấm dứt việc làm một gã khờ quá coi trọng những cuốn sách bọc da, anh tự nhủ. Sách điện tử thực sự có ưu thế riêng.

Trong khi bà cụ nhìn lên, mặt có phần lo lắng và nói gì đó về chuyện giá cước dữ liệu cao khi lướt mạng Internet ở nước ngoài, Langdon cảm thấy cánh cửa cơ hội của mình rất hẹp, và anh chăm chú tập trung vào trong web trước mặt.

Văn bản rất nhỏ, nhưng ánh sáng mờ mờ trong nhà nguyện khiến cho màn hình được chiếu sáng dễ nhìn hơn. Langdon rất hài lòng khi tình cờ vào đúng bản dịch của Mandelbaum – một bản dịch hiện đại rất thịnh hành do giáo sư quá cố người Mỹ Allen Mandelbaum thực hiện. Vì bản dịch xuất sắc này, Mandelbaum đã nhận được vinh dự cao nhất của nước Ý, Huân chương Ngôi sao Đoàn kết Italia. Mặc dù phải thừa nhận bản dịch của ông ít tính thi ca hơn bản của Longfellow nhưng nó lại có vẻ dễ lĩnh hội hơn.

Hôm nay mình cần ý nghĩa sáng sủa hơn là thi pháp, Langdon nghĩ thầm, hy vọng nhanh chóng tìm ra trong nội dung văn bản chi tiết ám chỉ đến một địa điểm cụ thể ở Florence – nơi Ignazio giấu chiếc mặt nạ người chết của Dante.

Màn hình bé xíu của chiếc iPhone chỉ hiển thị được sáu dòng văn tự một lúc,

và khi bắt đầu đọc, Langdon nhớ lại cả đoạn. Trong phần mở đầu của Khổ XXV, Dante nhắc đến chính Thần khúc, nỗi mất mát vật chất mà ông phải chấp nhận khi viết tác phẩm, và niềm hy vọng trong đau đớn rằng có lẽ trường ca tuyệt vời của ông có thể chiến thắng được bản án trục xuất nghiệt ngã đến tàn bạo, đẩy ông rời xa khỏi Florence yêu thương.

KHỔ XXV

“Nếu điều đó xảy ra... nếu bài thơ thiêng liêng này –
tác phẩm được cả thiên đường và mặt đất chia sẻ
làm cho ta hao gầy qua những năm tháng đặng đặng –
có thể vượt qua sự bạo tàn
đã ngăn cản ta với quê hương yêu dấu nơi ta nằm ngủ,
một chú cừu chống lại cả đàn sói hằm hè...”

Dù đoạn thơ này là chi tiết gợi nhớ rằng Florence chính là quê hương mà Dante nhung nhớ khi viết Thần khúc, nhưng Langdon chẳng thấy chỗ nào nói đến một địa điểm cụ thể trong thành phố.

“Cậu biết gì về mức cước phí dữ liệu không?”, bà cụ xen vào, mắt nhìn chiếc iPhone của mình với vẻ sốt ruột thấy rõ. “Tôi vừa nhớ ra con trai tôi dặn hãy cẩn thận khi lướt web ở nước ngoài.”

Langdon trấn an bà rằng anh sẽ chỉ dùng một phút nữa và đề nghị thanh toán tiền cho bà, nhưng cho dù như vậy, anh vẫn cảm thấy bà cụ sẽ chẳng bao giờ để anh đọc hết cả một trăm dòng của Khổ XXV.

Anh nhanh chóng chuyển xuống sáu dòng tiếp theo và tiếp tục đọc.

“Khi đó cùng với giọng nói khác, mái tóc khác,

Ta sẽ trở về như một thi sĩ và đội lên,

ngay bên nước rửa tội của ta, chiếc vương miện nguyệt quế;

vì ở đó lần đầu tiên ta thấy lối vào đức tin

thứ giúp cho các linh hồn được Chúa đón chào, và khi đó, với đức tin ấy, thánh Peter đặt vòng hoa lên trán ta.”

Langdon cũng chỉ nhớ lảng máng đoạn này – một cách ám chỉ vòng vo đến thỏa thuận chính trị mà các kẻ thù của Dante đưa ra cho ông. Theo lịch sử, “đàn sói” xua đuổi Dante khỏi Florence đã tuyên bố ông có thể quay về thành phố chỉ khi nào ông đồng ý chấp nhận sỉ nhục công khai - tức là đứng trước toàn thể giáo đoàn, một mình chõ bồn nước rửa tội và chỉ được khoác áo vải bố, như một cách thừa nhận lỗi lầm của mình.

Trong đoạn thơ Langdon vừa đọc, Dante, sau khi khước từ thỏa thuận ấy, đã tuyên bố rằng nếu ông trở về bồn nước rửa tội của mình, ông sẽ không mặc áo vải bố của một kẻ có tội mà là vương miện nguyệt quế của một thi sĩ.

Langdon đưa ngón dưới tay trở kéo xuống tiếp, nhưng bà cụ bất ngờ phản đối, chìa tay về phía chiếc iPhone, rõ ràng đã nghĩ lại việc cho mượn máy.

Langdon không nghe thấy gì. Trong tích tắc trước khi anh chạm được vào màn hình, mắt anh lướt qua một dòng văn bản mà anh đã nhìn thấy lần thứ hai.

“Ta sẽ trở về như một thi sĩ và đội lên,

ngay bồn nước rửa tội của ta, chiếc vương miện nguyệt quế...”

Langdon dăm dăm nhìn những con chữ, thấy rõ trong tâm trạng nôn nóng tìm kiếm chi tiết nhắc đến một địa điểm cụ thể, anh gần như đã bỏ qua một khả năng ngay trong những dòng mở đầu.

“ngay bồn nước rửa tội”

Florence là quê hương của những bồn nước rửa tội được tôn vinh nhiều nhất trên thế giới, nơi đã được sử dụng trong suốt hơn bảy trăm năm để thanh tẩy và rửa tội cho những công dân Florence trẻ tuổi – trong số đó có cả Dante Alighieri.

Langdon lập tức nhớ tới hình ảnh công trình có bồn nước đó. Đó là một dinh thự bát giác rất đẹp, còn tuyệt vời hơn cả Duomo ở nhiều khía cạnh. Giờ anh tự hỏi có phải mình đã đọc được tất cả những gì cần đọc hay không.

Phải chăng tòa nhà ấy là địa điểm Ignazio nói đến?

Một tia sáng lóe lên trong tâm trí Langdon khi một hình ảnh diễm lệ hiện ra – dãy cánh cửa đồng ấn tượng – lấp lánh tỏa sáng trong ánh mặt trời buổi sớm.

Mình biết Ignazio đang cố gắng nói gì với mình rồi!

Mọi ngõ vực còn sót lại đều tan biến ngay sau đó khi anh nhớ ra rằng Ignazio Busoni là một trong những người hiếm hoi ở Florence có thể mở được những cánh cửa đó.

Robert, cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên.

Langdon trao chiếc iPhone lại cho bà cụ và hết lời cảm ơn bà.

Anh chạy lại chỗ Sienna và nói nhỏ đầy phấn khởi, “Anh biết Ignazio nói về cánh cổng nào rồi! Cổng Thiên đường!”

Sienna tỏ vẻ hồ nghi. “Cổng Thiên đường à? Chúng không nằm... trên thiên đường chứ?”

“Thực ra”, Langdon nói, cười chế nhạo và tiến thẳng ra cửa, “nếu em biết nơi nào cần thăm thì Florence chính là thiên đường”.

Chương 53

“Ta sẽ trở về như một thi sĩ... ngay bồn nước rửa tội của ta.”

Những lời Dante liên tục dội lên trong tâm trí Langdon khi anh dẫn Sienna đi về phía bắc, men theo một lối đi hẹp mang tên Via dello Studio. Đích đến của họ nằm ở phía trước, và cứ mỗi bước đi, Langdon lại thêm tự tin rằng họ đang đi đúng đường và bỏ lại những kẻ đeo bám phía sau.

Cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên.

Khi họ đến gần cuối ngõ phố sâu như một vực thẳm, Langdon nghe thấy âm thanh nhộn nhạo của hoạt động phía trước. Đột ngột, đầu kia ngõ phố kết thúc, và họ thoát ra một không gian rộng rãi.

Quảng trường Duomo.

Khu quảng trường mênh mông cùng với hệ thống các kiến trúc phức tạp này là trung tâm du lịch, quảng trường nhộn nhịp toàn xe bus chở du khách cùng từng đoàn tham quan nhà thờ lớn danh tiếng của Florence.

Đi đến mé phía nam của quảng trường, lúc này Langdon và Sienna đứng đối diện hông nhà thờ với phần bên ngoài ốp cẩm thạch xanh lục, hồng và trắng lộng lẫy. Với quy mô cũng như kiến trúc nghệ thuật khiến người ta phải nín thở, tất cả các chiều của nhà thờ đều vươn dài đến mức gần như phi thường, tổng chiều dài của nó gần ngang bằng với Đài tưởng niệm Washington nếu nằm cạnh nhau.

Mặc dù đã từ bỏ kiểu chạm khắc đá cầu kỳ đơn sắc truyền thống để tiếp nhận kiểu pha trộn nhiều màu sắc, công trình này vẫn thuần túy theo phong cách Gothic – cổ kính, đồ sộ, và bền vững. Phải thừa nhận, ngay từ lần đầu tiên đến Florence, Langdon đã thấy công trình này vô cùng hoàn mỹ. Tuy nhiên, trong những chuyến tiếp theo, anh đều phải bỏ ra hàng giờ nghiên cứu công trình, bị cuốn hút bởi những hiệu ứng mỹ thuật khác thường, và thán phục vẻ đẹp ngoạn mục của nó.

Nhà thờ Il Duomo – hay gọi một cách trịnh trọng hơn là Vương cung Thánh đường Santa Maria del Fiore – ngoài việc cho Ignazio một biệt danh, thì từ lâu cũng đem lại cho Florence không chỉ một trái tim tinh thần mà còn cả hàng thế kỷ kịch nghệ và tình tiết. Quá khứ không mấy bình yên của tòa nhà này xuất phát từ những cuộc tranh luận kéo dài và căng thẳng về bức bích họa bị phỉ báng Phán quyết cuối cùng của Vasari bên trong mái vòm tới cuộc thi quyết liệt nhằm lựa chọn kiến trúc sư để hoàn tất phần mái vòm.

Cuối cùng Filippo Brunelleschi giành được hợp đồng và hoàn thiện mái vòm – hạng mục lớn nhất thời đó. Hiện nay có thể thấy tượng của chính Brunelleschi ngồi bên ngoài Cung điện Canonici đang mãi nguyện nhìn lên kiệt tác của mình.

Sáng hôm nay, khi ngược mắt nhìn lên trời về phía mái vòm lợp ngói đỏ nổi tiếng, từng là một kỳ công kiến trúc ở thời đại của nó, Langdon nhớ lại thời khắc ngu ngốc khi anh quyết định leo lên mái vòm để rồi phát hiện ra rằng những cầu thang chật hẹp đông nghịt khách du lịch của công trình cũng kinh khủng chẳng kém gì những không gian khép kín mà anh từng gặp phải. Cho dù như vậy, Langdon vẫn rất biết ơn thử thách mà anh đã chịu đựng khi leo lên “Mái vòm Brunelleschi”, vì nó khuyến khích anh đọc một cuốn sách thú vị cùng tên của Ross King.

“Anh Robert?”, Sienna lên tiếng. “Anh đi tiếp chứ?”

Langdon rời ánh mắt khỏi mái vòm, nhận ra rằng mình đang đứng giữa đường để chiêm ngưỡng công trình. “Anh xin lỗi.”

Họ tiếp tục di chuyển, men theo mép ngoài của quảng trường. Thánh đường lúc này ở bên phải họ, và Langdon nhìn thấy du khách đang túa ra từ các lối thoát bên sườn, gạch bỏ địa điểm này khỏi danh sách những nơi nhất thiết phải tới tham quan.

Phía đằng trước là hình dáng không thể nhầm lẫn của một gác chuông – hạng mục thứ hai trong ba công trình nằm trong quần thể Thánh đường. Vẫn được nhiều người biết đến như là tháp chuông Giotto, gác chuông này hiển nhiên thuộc về Vương cung Thánh đường kề bên. Được trang điểm bằng đá ốp màu hồng, xanh lục và trắng giống hệt Thánh đường, tòa tháp vuông vức vươn lên trời, tới một độ cao chóng mặt, gần một trăm mét. Langdon luôn kinh ngạc là công trình mảnh mai này lại có thể đứng vững suốt nhiều thế kỷ, trải qua những trận động đất và thời tiết khắc nghiệt, đặc biệt nếu biết được đỉnh của nó nặng như thế nào khi phần tháp nhọn trên đỉnh còn đỡ hơn chín tấn chuông.

Sienna bước nhanh bên cạnh anh, lo lắng lướt mắt nhìn bầu trời phía sau tòa tháp chuông, rõ ràng đang tìm kiếm chiếc máy bay do thám, nhưng không thấy nó ở đâu cả. Có khá đông người, dù bây giờ vẫn còn rất sớm, và Langdon thấy rất nên ẩn mình trong đám đông.

Khi tới gần gác chuông, họ đi qua một dãy họa sĩ biếm họa đứng bên giá vẽ, phác thảo những hình vẽ trào phúng sắc sảo của các du khách – một cậu nhóc mắt nhắm mắt nhắm lợi trên chiếc ván trượt, một cô gái có hàm răng như ngựa đang cầm cây gậy đánh bóng, một cặp vợ chồng đi hưởng tuần trăng mật đang hôn nhau trên lưng một con kỳ lân. Langdon thấy rất thú vị là hoạt động này được phép diễn ra trên chính những viên sỏi thiêng liêng nơi Michelangelo từng đặt giá vẽ của mình khi còn nhỏ.

Langdon và Sienna tiếp tục đi nhanh quanh chân tháp chuông Giotto, rẽ sang phải, băng qua quảng trường rộng rãi thẳng tới trước Vương cung Thánh đường. Ở đây có rất đông du khách từ khắp thế giới đang chĩa những chiếc điện thoại có máy ảnh và cả những máy quay video về phía mặt tiền chính sắc sảo.

Langdon không buồn ngược lên vì anh đã chú ý tới một công trình nhỏ hơn

hiều vừa xuất hiện trong tầm mắt. Nằm đối diện lối vào phía trước của Thánh đường là hạng mục thứ ba, cũng là cuối cùng, của quần thể Vương cung Thánh đường.

Đó cũng là địa điểm ưa chuộng của Langdon.

Nhà rửa tội San Giovanni.

Được trang trí bằng đá ốp cùng loại nhưng nhiều màu sắc và các trụ hỗ trợ giống như Thánh đường, Nhà rửa tội khác biệt với tòa nhà lớn nhờ hình dạng ấn tượng của nó – một hình bát giác hoàn hảo. Giống như một chiếc bánh ngọt nhiều lớp, theo mô tả của một số người, tòa kiến trúc tám cạnh này gồm ba tầng rõ rệt vươn cao dần đến phần mái màu trắng.

Langdon biết hình bát giác chẳng liên quan gì đến thẩm mỹ mà hoàn toàn chỉ mang tính biểu tượng. Trong Thiên Chúa giáo, con số tám tượng trưng cho sự tái sinh và tái tạo. Hình bát giác còn là hình ảnh gợi nhớ sáu ngày Chúa sáng tạo ra bầu trời và trái đất, ngày nghỉ Sabbath – Chủ nhật, và ngày thứ tám khi những người Thiên Chúa giáo được “tái sinh” và “tái tạo” nhờ lễ rửa tội. Bát giác đã trở thành một hình phổ biến của các nhà rửa tội trên khắp thế giới.

Mặc dù Langdon coi Nhà rửa tội này là một trong những tòa nhà ấn tượng nhất Florence nhưng anh vẫn luôn thấy việc lựa chọn địa điểm này có phần không được bình thường. Nhà rửa tội này, gần như không giống nơi nào khác trên trái đất, là trung tâm thu hút sự chú ý nếu nằm đơn lẻ. Tuy nhiên, ở đây, trong cái bóng của hai hạng mục “anh em” kia, Nhà rửa tội tạo ra ấn tượng về một thứ quá ư tầm thường.

Cho tới khi các vị bước vào bên trong, Langdon nhủ thầm, hình dung ra phần nội thất chạm khắc tuyệt mỹ đến mức những người chiêm ngưỡng trước kia đã phải thốt lên rằng trần nhà của Nhà rửa tội chẳng khác gì thiên đường. Nếu em biết nơi nào cần thăm, Langdon đã nói với Sienna, thì Florence chính là thiên đường.

Trong nhiều thế kỷ, điện thờ tám cạnh này là nơi diễn ra lễ rửa tội của vô số nhân vật quyền quý – trong đó có Dante.

Ta sẽ trở về như một thi sĩ... ngay bồn nước rửa tội của ta.

Do bị trục xuất, Dante chẳng bao giờ được phép trở về nơi linh thiêng này – nơi ông chịu lễ rửa tội – mặc dù Langdon càng lúc càng thấy hy vọng rằng

chiếc mặt nạ người chết của Dante, trải qua một chuỗi những sự kiện diễn ra đêm qua, cuối cùng cũng đã thay mặt cho thi hào tìm được đường trở về.

Nhà rửa tội, Langdon nghĩ. Đây chắc là nơi Ignazio giấu chiếc mặt nạ trước khi chết. Anh nhớ lại lời nhắn tuyệt vọng của Ignazio trên điện thoại, và trong một khắc rợn mình, Langdon hình dung ra người đàn ông béo tốt ôm chặt lấy ngực, lao đảo băng qua quảng trường để chui vào một ngõ hẹp, và gọi cuộc điện thoại cuối cùng sau khi cất chiếc mặt nạ an toàn trong Nhà rửa tội này.

Cổng đã mở cho anh.

Mắt Langdon vẫn dán chặt vào Nhà rửa tội lúc anh và Sienna lách qua đám đông. Lúc này Sienna di chuyển với vẻ phấn khích đến mức Langdon gần như phải rảo chân mới theo kịp. Thậm chí còn cách một quãng nhưng anh đã có thể nhìn rõ những cánh cửa chính đồ sộ của Nhà rửa tội lấp lánh trong ánh nắng.

Những cánh cửa cao hơn bốn mét rưỡi chế tác bằng đồng mạ đã khiến Lorenzo Ghiberti mất hơn hai mươi năm mới hoàn thành. Chúng đều được trang trí bằng mười ô dày đặc hình ảnh trong Kinh Thánh trang nhã và tuyệt vời đến mức Giorgio Vasari đã phải tả những cánh cửa này “hoàn hảo không thể chê ở mọi phương diện và... là kiệt tác tuyệt vời nhất từng được tạo ra”.

Tuy nhiên, chính Michelangelo mới là người đưa ra lời chứng thực khiến cho những cánh cửa này có biệt danh còn mãi đến tận hôm nay. Michelangelo đã nhận xét chúng đẹp đến mức rất phù hợp để sử dụng làm... Cổng Thiên đường.

Chương 54

Linh Thánh bằng đồng, Langdon thăm nghĩ trong lúc chiêm ngưỡng những cánh cửa tuyệt đẹp trước mắt họ. Cánh cổng Thiên đường lấp lánh của Ghiberti gồm mười ô vuông, mỗi ô mô tả một cảnh quan trọng rút ra từ Kinh Cựu ước. Từ vườn Địa đàng tới Moses và đền thờ vua Solomon, câu chuyện kể bằng hình thức điêu khắc của Ghiberti mở ra qua hai cột dọc, mỗi bên năm ô.

Chuỗi cảnh trí độc đáo tuyệt vời này theo thời gian đã khởi nguồn cho một hình thức thi tài trong giới nghệ sĩ và sử gia nghệ thuật, với tất cả mọi người,

từ Botticelli tới những nhà phê bình hiện đại, đều khẳng định sở thích của họ dành cho “Ô đẹp nhất”. Qua nhiều thế kỷ, người ta nhất trí chung rằng “quán quân” vẫn là cảnh Jacob và Esau - ô chính giữa của cột bên trái - được lựa chọn vì số lượng phương pháp nghệ thuật rất ấn tượng cần vận dụng để chế tác nó. Tuy nhiên, Langdon ngờ rằng lý do đích thực khiến ô này thắng thế là vì Ghiberti đã chọn nó để ký tên mình.

Vài năm trước, Ignazio Busoni đã tự hào cho Langdon xem những cánh cửa này, ngượng ngùng thừa nhận rằng sau nửa thiên niên kỷ phơi mình trước lũ lụt, phá hoại và ô nhiễm không khí, những cánh cửa mạ vàng đã được đổi bằng những bản mô phỏng chính xác, còn bản gốc hiện được cất giữ an toàn bên trong Bảo tàng Opera del Duomo để tu bổ. Langdon đã lịch sự kìm nén không nói với Busoni rằng anh biết rất rõ họ đang chiêm ngưỡng đồ giả, và rằng trên thực tế, những bản sao này là bộ cánh cửa Ghiberti “giả mạo” thứ hai mà Langdon từng gặp - bộ thứ nhất là khi anh nghiên cứu những mô-cung tại Thánh đường Grace ở San Francisco và tình cờ phát hiện ra rằng bản sao Cổng Thiên đường của Ghiberti đã được dùng làm cửa trước của Thánh đường này từ giữa thế kỷ XX.

Khi đứng trước kiệt tác của Ghiberti, mắt anh bị thu hút bởi tấm biển thông tin ngắn gọn lấp gần đó, bên trên đề một cụm từ đơn giản bằng tiếng Ý khiến anh chú ý và giật mình.

La peste nera. Cụm từ này có nghĩa là “Cái chết Đen”. Chúa ơi, Langdon nghĩ bụng, nó xuất hiện khắp mọi nơi mình đến! Theo tấm biển đó, những cánh cửa này được đặt làm “lễ vật” dâng lên Chúa trời - một biểu hiện tỏ lòng biết ơn vì Người đã giúp Florence sống sót qua đại dịch.

Langdon cố nhìn lại Cổng thiên đường trong khi những lời của Ignazio vang lên trong tâm trí anh. Cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên.

Mặc dù Ignazio đã hứa hẹn, nhưng Cổng thiên đường vẫn đóng chặt như mọi khi, ngoại trừ vào những kỳ nghỉ lễ tôn giáo hiếm hoi. Bình thường, khách du lịch đi vào Nhà rửa tội từ một bên khác, qua cửa phía bắc.

Sienna đã nhón chân tới bên cạnh anh, cố gắng quan sát đám đông. “Không hề có tay nắm cửa”, cô nói. “Không có lỗ khóa. Chẳng có gì cả.”

Đúng, Langdon nghĩ, biết rằng Ghiberti không có ý định phá hủy kiệt tác của mình bằng một thứ gì đó trần tục như là tay nắm cửa. “Cánh cửa mở vào trong. Người ta khóa từ bên trong.”

Sienna ngẫm nghĩ một lúc, rồi mím môi. “Vậy từ ngoài này... không ai biết liệu những cánh cửa này có khóa hay không.”

Langdon gật đầu. “Anh hy vọng đó chính là điều Ignazio nghĩ.”

Anh bước vài bước sang bên phải và nhìn về một cánh cửa ít trang hoàng hơn ở bên sườn phía bắc của tòa nhà – lối vào dành cho du khách. Một thuyết trình viên trông có vẻ chán nản đang hút thuốc ở đó và từ chối trả lời du khách bằng cách chỉ vào tấm biển ở lối vào:

APERTURA [\[26\]](#) 13:00 – 17:00

Vài giờ nữa mới mở cửa, Langdon nghĩ và cảm thấy hài lòng. Và chưa có ai ở bên trong.

Theo thói quen, anh nhìn đồng hồ đeo tay và lại nhớ ra rằng chiếc đồng hồ Chuột Mickey đã biến mất.

Khi anh quay lại chỗ Sienna, cô đã nhập vào một nhóm du khách đang chụp ảnh qua hàng rào sắt được dựng cách vài mét phía trước Cổng Thiên đường để ngăn du khách tiếp xúc quá gần kiệt tác của Ghiberti.

Cánh cổng bảo vệ này làm bằng gang đúc màu đen, trên đỉnh gắn những mũi nhọn sơn vàng, và trông chẳng khác gì những tường rào tư gia đơn giản bao quanh các ngôi nhà vùng ngoại ô. Buồn cười là tấm biển cung cấp thông tin về Cổng Thiên đường lại không được gắn trên những cánh cổng đẹp đẽ bằng đồng, mà trên cánh cổng bảo vệ tầm thường.

Langdon đã nghe nói về việc bố trí tấm biển thông tin đôi khi gây nhầm lẫn cho khách du lịch, và vừa hay có một phụ nữ mập lùn mặc bộ đồ len hiệu Juicy Couture len qua đám đông, đọc tấm biển, cau mày nhìn cách cổng gang và chế diễu, “Cổng thiên đường cơ à? Cửa khi, trông như hàng rào ngăn chó ở nhà tôi!”. Rồi cô ta lạch bạch bỏ đi khi chưa ai kịp giải thích điều gì.

Sienna nhích tới và vịn vào cánh cổng bảo vệ, hờ hững nhòm qua các lan sắt để quan sát kết cấu khóa ở phía sau.

“Nhìn kìa”, cô thì thào, mở to mắt, ngoảnh về phía Langdon, “Cái khóa ở phía sau không khóa.”

Langdon cũng nhìn qua rào sắt và thấy cô nói đúng. Chiếc khóa đặt ở vị trí

như thể đã khóa chặt, nhưng khi nhìn gần hơn, anh có thể thấy nó hoàn toàn không khóa.

Cổng đã mở cho anh, nhưng anh phải nhanh lên.

Langdon ngược mắt nhìn Cổng Thiên đường phía sau hàng rào. Nếu đúng là Ignazio để ngỏ những cánh cửa đồ sộ của Nhà rửa tội thì chỉ việc đẩy là chúng mở ra. Tuy nhiên, lọt được vào trong mà không gây chú ý cho tất cả mọi người trên quảng trường, đương nhiên bao gồm cả cảnh sát và bảo vệ của Duomo, mới là việc khó khăn.

“Nhìn kia!”, một phụ nữ đột nhiên kêu ré lên ở gần đó. “Anh ta sắp nhảy!” Giọng cô ấy đầy kinh hãi. “Tháp chuông đằng kia kia!”

Langdon rời mắt khỏi những cánh cửa, và nhìn thấy người phụ nữ đang hét lên... chính là Sienna. Cô đứng cách đó năm thước, tay chỉ về phía tháp chuông Giotto và kêu to, “Ồ trên đỉnh ấy! Anh ta sắp nhảy!”.

Mọi cặp mắt đều ngược lên trời, tìm kiếm trên đỉnh tháp chuông. Gần đó, những người khác bắt đầu chỉ trỏ, nheo mắt, hỏi nhau.

“Có ai đó định nhảy xuống à?!”

“Đâu cơ?!”

“Tôi không nhìn thấy anh ta!”

“Trên kia, ở bên trái phải không?!”

Chỉ mất vài giây, mọi người trên khắp quảng trường đều cảm thấy hoảng loạn và có chung hành động – cùng ngược nhìn lên đỉnh tháp chuông. Với tốc độ của đám cháy đang thiêu rụi một cánh đồng cỏ khô, tâm lý sợ hãi lan khắp quảng trường cho tới khi toàn bộ đám đông đều ngóng cổ, nhìn lên, và chỉ trỏ.

Tiếp thị kiêu lây lan, Langdon nghĩ, biết rằng anh chỉ có một khắc để hành động. Lập tức, anh nắm lấy hàng rào gang đúc rồi đẩy nó mở ra vừa lúc Sienna trở lại bên cạnh anh và cùng anh lách vào không gian chật chội phía sau. Khi đã đóng lại cổng phía sau, họ quay lại đối diện với những cánh cửa bằng đồng cao bốn mét rưỡi. Hy vọng đã hiểu đúng lời Ignazio, Langdon tì vai vào một bên cánh cửa đồ sộ và đập mạnh chân.

Chẳng có gì xảy ra, và rồi, rất từ từ, cánh cửa nặng nề bắt đầu nhúc nhích. Cánh cửa đã mở! Cổng Thiên đường mở khoảng ba mươi phân, và Sienna không bỏ phí thời gian nghiêng người lách qua. Langdon cũng theo sát, nghiêng mình lách qua khe hở rất hẹp để tiến vào không gian tối om của Nhà rửa tội.

Họ cùng quay đầu và đẩy cánh cửa theo hướng ngược lại, nhanh chóng khép cánh cổng đồ sộ lại bằng một lực dứt khoát. Lập tức, tiếng ồn ào hỗn loạn bên ngoài im bật, chỉ còn sự im lặng.

Sienna chỉ thanh xà gỗ dài trên sàn dưới chân họ, rõ ràng vẫn được đặt vào các hốc tường hai bên cửa để làm then. “Chắc Ignazio đã tháo nó cho anh”, cô nói.

Họ cùng nâng thanh xà và đặt trở lại hốc, khóa chặt Cổng Thiên đường và nhốt họ an toàn bên trong.

Langdon và Sienna im lặng đứng lúc lâu, dựa vào cửa và lấy lại nhịp thở. So với những tiếng ồn ào của quảng trường bên ngoài, bên trong Nhà rửa tội là cảm giác bình yên như thể ở trên thiên đường.

Bên ngoài Nhà rửa tội San Giovanni, người đàn ông đeo kính Plume Paris và chiếc cà vạt in hoa lách qua đám đông, mặc kệ những ánh mắt lo lắng nhận ra tình trạng phát ban rướm máu của ông ta.

Ông ta tới chỗ những cánh cửa bằng đồng mà Robert Langdon cùng người bạn đồng hành tóc vàng của anh vừa biến mất. Thậm chí đứng ở bên ngoài, ông ta vẫn nghe rõ tiếng chèn cửa nặng nề từ bên trong.

Không thể vào bằng đường này rồi.

Không khí trên quảng trường từ từ trở lại bình thường. Những du khách đang chăm chú nhìn lên vẻ đề phòng giờ không còn quan tâm nữa. Không có ai nhảy xuống cả. Tất cả mọi người tiếp tục việc của mình.

Người đàn ông lại thấy ngứa ngáy, tình trạng phát ban của ông ta thêm nặng. Giờ đầu ngón tay của ông ta đang sưng vù và nứt nẻ. Ông ta đút tay vào túi để cố không gãi. Tim ông ta tiếp tục đập mạnh khi đi vòng quanh tòa nhà bát giác để tìm lối vào khác.

Ông ta vừa kịp vòng qua góc tường khác thì cảm thấy một cơn đau nhói ở cổ và nhận thấy mình lại đang gãi lấy gãi để.

Chương 55

Người ta đồn rằng, một khi bước vào Nhà rửa tội San Giovanni, sẽ không thể không ngẩng đầu nhìn lên phía trên. Mặc dù đã vào trong gian phòng này nhiều lần, nhưng lúc này Langdon vẫn cảm nhận được ảnh hưởng huyền bí của nơi đây, anh ngược mắt nhìn lên trần nhà.

Cao tít phía trên đầu, bề mặt mái vòm bát giác của Nhà rửa tội rộng hơn hai mươi tư mét từ một cạnh bất kỳ tới cạnh đối diện. Nó phát ra ánh sáng lấp lánh như thể được làm bằng than đá đang cháy âm ỉ. Bề mặt màu vàng hổ phách láng bóng phản chiếu ánh sáng xung quanh không đều nhau hắt lên từ hơn một triệu viên gạch ốp men- những mảnh gốm khảm không dùng vữa nhỏ xíu được cắt bằng tay từ một loại gốm men thạch anh thủy tinh. Chúng được sắp xếp thành sáu vòng tròn đồng tâm mô tả những quang cảnh lấy ra từ Kinh Thánh.

Thêm vào vẻ âm đạm của phần phía trên gian phòng, ánh sáng tự nhiên xuyên vào không gian tối tăm qua một ô mắt trần ở chính giữa – giống điện Patheon ở Rome – được tăng cường bằng một dãy ô cửa sổ cao và hẹp., khoét sâu vào tường, nơi từng cột ánh sáng lọt qua, tập trung đến mức trông như đặc quánh, giống những xà rầm kết cấu chống đỡ ở những góc thay đổi.

Khi cùng Sienna bước sâu hơn vào phía bên trong, Langdon để ý quan sát phần trần nhà khảm gốm huyền thoại – một cách thể hiện thiên đường và địa ngục nhiều tầng, giống như mô tả trong Thần khúc.

Dante Alighieri đã tới thăm nơi này khi còn bé, Langdon nghĩ thầm. Cảm hứng từ phía trên.

Lúc này ánh mắt Langdon dừng hẳn lại ở trung tâm của phần khảm gốm. Ngay phía trên bàn thờ chính là một bức tượng Chúa Jesus cao hơn bảy mét, ngồi phán xét những kẻ được cứu rỗi và những kẻ bị nguyên rủa.

Bên tay phải của Jesus, những người ngay thẳng nhận phần thưởng là sự trường sinh. Tuy nhiên, bên tay trái của Người, những kẻ tội lỗi lại bị ném đá, nung trên cọc nhọn, và bị tất cả các loại sinh vật ăn thịt.

Quan sát cảnh hành hạ là quỷ Satan bằng gốm khảm rất lớn, được khắc họa như một con thú địa ngục ăn thịt người. Langdon luôn cảm thấy kinh hãi khi nhìn thấy hình ảnh này, thứ hơn bảy trăm năm trước đã trừng mắt nhìn

xuống cậu bé Dante Alighieri, dọa nạt và cuối cùng truyền cảm hứng cho phần khắc họa sinh động của cậu về những gì ẩn náu ở tầng địa ngục cuối cùng.

Bức tranh gốm khảm đầy hăm dọa phía trên đầu mô tả con quỷ có sừng đang ngấu nghiến một người. Đôi chân nạn nhân lủng lảng thõng xuống từ miệng Satan chẳng khác gì đôi chân của những kẻ tội đồ bị chôn vùi một nửa trong rãnh Malebodge của Dante.

Lo ‘mperador del doloroso regno, Langdon nghĩ bụng, nhớ lại lời văn nguyên tác tiếng Ý của Dante. Vị hoàng đế của vương quốc kinh khủng.

Hai con rắn lớn uốn mình trườn từ tai của Satan cũng đang ăn thịt những kẻ tội đồ, cảm giác rằng Satan có ba đầu, chính xác như Dante đã mô tả về nhân vật này trong Khổ cuối cùng của Hỏa ngục. Langdon lọc lại trí nhớ và nhớ lại những phân mảnh trong trí tưởng tượng của Dante.

Trên đầu quỷ có ba bộ mặt... ba cái cằm rờn rờn máu tươi... ba cái miệng như máy nghiền... nghiền ngấu một lúc ba kẻ tội đồ.

Langdon biết rằng quỷ Satan với ba phần mang ý nghĩa biểu tượng: Đặt Satan trong thế cân bằng hoàn hảo với Chúa ba ngôi.

Lúc ngược nhìn lên cảnh tượng hãi hùng này, Langdon cố gắng hình dung ra hiệu quả mà bức tranh gốm khảm tạo ra với cậu bé Dante, người đến dự các buổi lễ tại nhà thờ này trong nhiều năm liền, và nhìn Satan trừng mắt với mình mỗi lần cậu cầu nguyện. Tuy nhiên, sáng nay, Langdon có cảm giác bất an rằng vua quỷ đang trừng mắt với chính anh.

Anh vội cup mắt nhìn xuống ban công tầng hai và hành lang đứng của Nhà rửa tội – khu vực duy nhất phụ nữ được phép đứng để xem lễ rửa tội, rồi nhìn đến ngôi mộ treo của Giáo hoàng đối cử John XXIII. Xác ông nằm yên nghỉ ở bức tường tít trên cao giống như một người hang hay chủ thể trong trò thăng thiên của một nhà ảo thuật.

Cuối cùng, mắt anh mới hướng tới phần nền ốp gạch men trang trí, nơi nhiều người tin có ám chỉ đến thiên văn học thời Trung cổ. Anh đưa mắt lướt qua những hoa văn đen trắng phức tạp tới chính giữ phòng.

Nó kia rồi, anh nghĩ thầm, biết rõ mình đang nhìn đúng vị trí nơi Dante Alighieri được rửa tội trong giai đoạn nửa sau thế kỉ XIII. “Ta trở về như một thi sĩ... ngay bồn nước rửa tội của ta”, Langdon nói, giọng anh vang

vọng qua không gian trống vắng. “Nó đây rồi.”

Sienna trông có vẻ lo lắng khi mắt cô nhìn đến khu vực chính giữa sàn nhà, nơi lúc này Langdon đang chỉ tay. “Nhưng... ở đó chẳng có gì cả.”

“Không còn thấy nữa”, Langdon trả lời.

Tất cả những gì còn lại là một bề mặt tám cạnh màu nâu đỏ rất lớn. Khu vực tám cạnh bằng phẳng một cách khác thường này đã phá vỡ hoa văn của sàn nhà được trang trí kỹ càng, trông khác gì một hố lớn vá vúi qua loa, mà thực tế đúng là như vậy.

Langdon giải thích nhanh rằng cái bồn rửa tội nguyên gốc của nơi này từng là một cái bể bát giác lớn đặt ở chính giữa gian phòng. Trong khi các bồn hiện đại thường là những bể được nâng cao lên thì những bồn thời xưa lại đúng với nghĩa đen của từ bồn - “suối nguồn” hoặc “đài phun” - và trong trường hợp này là một bể nước sâu để những người làm lễ có thể dìm mình trong đó. Langdon thắc mắc gian phòng đá này sẽ vang như thế nào khi trẻ con hét lên vì sợ hãi lúc bị dìm xuống bể nước lạnh như đá từng tọa lạc ở giữa phòng.

“Lễ rửa tội ở đây rất lạnh lẽo và đáng sợ”, Langdon nói. “Nghĩ lễ khai tâm đích thực. Thậm chí còn nguy hiểm. Người ta cho rằng Dante từng nhảy vào bồn để cứu một đứa trẻ chết đuối. Nhưng dù thế nào thì cái bồn nguyên thủy cũng đã bị lấp lại vào một thời điểm nào đó trong thế kỷ XVI”.

Sienna bắt đầu quét mắt khắp tòa nhà với vẻ lo lắng thấy rõ. “Nhưng nếu bồn rửa tội của Dante đã không còn thì... Ignazio giấu chiếc mặt nạ ở đâu chứ?”

Langdon hiểu nỗi lo lắng của cô. Không thiếu gì chỗ giấu trong gian buồng mênh mêng này - phía sau những cây cột, tượng, mộ phần, bên trong các hốc tường, trên bàn thờ, thậm chí trên gác.

Tuy nhiên, Langdon cảm thấy rất tự tin khi anh xoay người nhìn về cánh cửa nơi họ vừa bước vào. “Chúng ta nên bắt đầu từ chỗ đó”, anh nói, tay chỉ một khu vực sát tường ngay bên phải cổng Thiên đường.

Trên một nền cao, phía sau cánh cửa có trang trí, là một bệ lục giác cao bằng đá cẩm thạch có chạm khắc, trông giống một bàn thờ nhỏ hoặc bàn hành lễ. Mặt ngoài được chạm trổ cầu kỳ đến mức trông nó giống như một mặt đá ngọc trai. Trên nóc bệ cẩm thạch ấy là phần mặt gỗ nhẵn thín với đường kính khoảng một mét.

Sienna có vẻ không chắc chắn lắm khi theo Langdon lại gần đó. Lúc họ bước lên các bậc cấp và tiến vào bên trong cánh cổng bảo vệ, Sienna nhìn rõ hơn và thẳng thốt giật mình, nhận ra thứ mình đang nhìn thấy.

Langdon mỉm cười. Chính xác, nó không phải là bàn thờ hay bàn. Phần mặt gỗ nhẵn thín bên trên thực ra là cái nắp đậy – nắp của một cấu trúc rỗng.

“Bồn rửa tội phải không?”, cô hỏi.

Langdon gật đầu. “Nếu Dante được rửa tội ngày hôm nay, nhất định phải là cái bệ ở chỗ này.” Không bỏ phí thời gian, anh quả quyết hít một hơi thật sâu và đặt tay lên cái nắp gỗ, thoáng chút để phòng khi chuẩn bị di chuyển nó.

Langdon nắm chặt mép của cái nắp và đẩy sang một bên, thận trọng cho nắp trượt khỏi bệ cẩm thạch và đặt lên sàn bên cạnh bồn. Sau đó anh ngó vào bên trong không gian trống rỗng, tối om rộng ngót sáu mươi phân.

Cảnh tượng kỳ lạ khiến Langdon phải nuốt khan.

Từ trong bóng tối, cái mặt nạ người chết của Dante Alighieri đang nhìn lại anh.

Chương 56

Hãy tìm và anh sẽ thấy.

Langdon đứng bên mép bồn rửa tội và dăm dăm nhìn xuống cái mặt nạ người chết nhợt nhạt, nhăn nhúm đang nhìn thẳng lên trên. Cái mũi khoằm và cái cằm chìa ra không lần đi đâu được.

Dante Alighieri.

Gương mặt vô hồn trông đã đủ kinh dị, nhưng vị trí của nó trong bồn có gì đó dường như siêu nhiên. Mất một lúc, Langdon vẫn không dám chắc mình đang nhìn thấy gì.

Không lẽ cái mặt nạ... lơ lửng?

Langdon cúi xuống thấp, nhìn kỹ hơn quang cảnh trước mắt, Bồn nước sâu vài thước – giống một cái giếng hơn là bể nông - thành bồn dựng đứng chạy thẳng xuống phần đáy lục giác đổ đầy nước. Rất lạ là cái mặt nạ dường như

treo lủng lơ trong bồn, ngay phía trên mặt nước như thể có phép lạ.

Phải mất một lúc Langdon mới nhận ra điều gì gây nên ảo giác đó. Bồn nước có một trụ dựng đứng ở chính giữa chỉ cao phân nửa bồn và đầu mút có một đĩa kim loại nhỏ vượt lên khỏi mặt nước. Cái đĩa đó có vẻ là một vòi phun trang trí và có lẽ là chỗ để đặt một đĩa trẻ ngời lên, nhưng lúc này nó là bệ đỡ cho cái mặt nạ của Dante được nhấc cao lên khỏi mặt nước một cách an toàn.

Cả Langdon và Sienna đều không nói một lời nào khi họ đứng bên nhau nhìn xuống khuôn mặt nhăn nhúm của Dante Alighieri, vẫn được bọc kín trong chiếc túi Ziploc của anh, như thể ông đã bị chết ngạt. Mất một lúc, hình ảnh gương mặt đăm đăm nhìn lên từ một bể nước gợi lên trong Langdon cái trải nghiệm hãi hùng của chính anh khi còn là một cậu bé, bị kẹt dưới đáy giếng, tuyệt vọng nhìn lên trên.

Cố xua ý nghĩ đỏ khỏi tâm trí, anh thận trọng cúi xuống và cầm lấy một bên mép mặt nạ, vị trí lẽ ra là tai của Dante. Mặc dù khuôn mặt rất nhỏ so với tiêu chuẩn hiện đại, nhưng cái đĩa cổ lại nặng hơn anh tưởng. Anh từ từ nhấc mặt nạ ra khỏi bồn và giờ nó lên để cả anh và Sienna đều có thể kiểm tra nó gần hơn.

Cho dù nhìn qua lớp túi nhựa, cái mặt nạ trông vẫn giống như người thật. Từng nếp nhăn và dị tật trên gương mặt của thi sĩ đều được khắc họa lại trong lớp thạch cao ướt. Trừ một vết nứt cũ chính giữa mặt nạ, còn lại hiện vật này ở trong điều kiện hoàn hảo.

“Lật ngược lại xem”, Sienna thì thào. “Xem phía sau nào.”

Langdon cũng đang định làm việc đó. Máy quay an ninh tại Cung điện Vecchio cho thấy rõ ràng Langdon và Ignazio phát hiện được gì đó ở mặt sau của chiếc mặt nạ - thứ đáng quan tâm đến mức hai người đàn ông này phải mang cả hiện vật ra khỏi Cung điện.

Hết sức cẩn thận để không làm rơi cái mặt nạ thạch cao dễ vỡ, Langdon lật ngược mặt nạ và đặt úp xuống trên lòng bàn tay phải của mình để họ có thể xem xét mặt sau. Không như phần gương mặt nhăn nhúm dãi dầu mưa nắng của Dante, phía trong mặt nạ nhẵn thín và trống trơn. Vì không dùng để đội nên mặt sau của chiếc mặt nạ được đổ thạch cao nhằm tăng thêm độ cứng cáp, tạo thành một bề mặt lồi không tỉ vết, giống như một bát súp nông.

Langdon không biết mình hy vọng tìm thấy gì ở mặt sau chiếc mặt nạ, nhưng

chắc chắn là không phải như thế này.

Chẳng có gì cả.

Hoàn toàn chẳng có gì.

Chỉ là một bề mặt trơn trợt, nhẵn nhụi.

Sienna có vẻ cũng bối rối không kém. “Chỉ là thạch cao trơn thôi mà”, cô thì thào. “Nếu thế thì anh và Ignazio đã nhìn thấy gì chứ?”

Anh không biết, Langdon nghĩ, tay kéo căng túi nhựa để nhìn cho rõ hơn. Ở đây chẳng có gì cả. Với tâm trạng càng lúc càng chán ngán, Langdon đưa chiếc mặt nạ vào một quầng sáng và xem xét thật kỹ. Khi anh lật ngược món đồ để nhìn cho rõ hơn, trong thoáng chốc anh nảy ra ý nghĩ rằng có thể mình đã nhìn thấy một mảng bột màu nhẹ gắn trên đỉnh - một chuỗi dấu vết chạy theo chiều ngang ở mặt trong phần trán của Dante.

Khiếm khuyết tự nhiên chẳng? Hay có lẽ... là thứ gì khác. Langdon lập tức xoay người và chỉ tay về phía một ô đá cẩm thạch có lắp bản lề trên bức tường phía sau họ. “Tìm trong đó xem”, anh bảo Sienna. “Xem có khăn lau không?”

Sienna tỏ vẻ hoài nghi, nhưng vẫn làm theo, mở toang cánh tủ kín đáo, nơi chứa ba thứ - van điều khiển mức nước trong bồn, công tắc điều khiển ngọn đèn rọi trong bồn, và một chồng khăn vải lạnh.

Sienna ngạc nhiên nhìn Langdon, nhưng Langdon đã từng tới thăm nhiều nhà thờ trên toàn thế giới nên biết rõ các bồn rửa tội gần như lúc nào cũng có sẵn tã lót trẻ em cho các vị cha xứ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp - tình huống trẻ sơ sinh đi tiểu bất ngờ trong lúc được ban tên thánh khá phổ biến.

“Tốt quá”, anh nói, mắt nhìn chồng khăn. “Giữ cái mặt nạ mấy giây giúp anh nhé?” Anh nhẹ nhàng chuyển chiếc mặt nạ vào tay Sienna và bắt đầu làm việc.

Trước hết, Langdon đặt cái nắp hình lục giác lên bồn để phục hồi lại chiếc bàn nhỏ trông như bàn thờ mà họ nhìn thấy lúc đầu. Rồi anh vớ lấy vài chiếc khăn lạnh trong tủ và trải rộng ra như khăn bàn. Cuối cùng, anh bật công tắc đèn, ngọn đèn trên đầu sáng lên, chiếu rõ khu vực rửa tội và bề mặt nắp bể.

Sienna nhẹ nhàng đặt chiếc mặt nạ lên trên bề mặt trong khi Langdon lấy thêm

khăn và dùng găng bếp lò để thả chiếc mặt nạ trong túi Ziploc ra, cẩn thận không chạm vào nó bằng tay trần. Một lúc sau, chiếc mặt nạ người chết của Dante đã nằm ngửa lên dưới ánh đèn sáng rực, giống như đầu của một bệnh nhân đã được gây mê trên bàn phẫu thuật.

Các đường nét đầy biểu cảm của chiếc mặt nạ hiện ra dưới ánh đèn càng góm ghiếc hơn, những nếp nhăn của tuổi già nổi bật nhờ lớp thạch cao phai màu. Langdon không bỏ phí thời gian dùng những găng lót tay tạm bợ của mình lật chiếc mặt nạ lại và nó úp xuống.

Mặt sau của mặt nạ trông đỡ cũ kỹ hơn hẳn mặt trước - sạch sẽ và trắng trẻo chứ không xám xịt và vàng ệch.

Sienna nghiêng đầu, trông có vẻ ngờ ngác. “Anh có thấy mặt bên này trông mới hơn không?”

Phải thừa nhận, sự khác biệt màu sắc rõ ràng hơn so với những gì Langdon hình dung, nhưng mặt này chắc chắn cùng niên đại với mặt trước. “Độ già hóa không đồng đều”, anh nói “Mặt sau của mặt nạ bị phần đế trưng bày che nên không bị hiệu ứng già hóa do ánh mặt trời.” Langdon ghi nhớ cần tăng gấp đôi độ SPF [\[27\]](#) kính râm của mình.

“Khoan đã”, Sienna nói, cúi sát xuống nhìn chiếc mặt nạ. “Xem này! Trên trán ấy! Chắc chắn đó là thứ anh và Ignazio nhìn thấy.”

Mắt Langdon lướt nhanh trên bề mặt trắng nhẵn tới đúng chỗ bột màu mà anh nhận thấy lúc trước qua lớp nhựa - một dấu vết mờ chạy ngang phía bên trong phần trán của Dante. Tuy nhiên, lúc này, dưới ánh sáng mạnh, Langdon nhìn thấy rõ những vết này không phải là khiếm khuyết tự nhiên. Chúng do con người tạo ra.

“Đó là... chữ viết”, Sienna thì thào, lời nói như nghẹn lại trong họng cô. “Nhưng...”

Langdon sẫm soi dòng chữ khắc trên lớp thạch cao. Đó là một dòng chữ cái được viết tay bằng thứ chữ bay bướm màu vàng nâu nhạt.

“Tất cả chỉ có vậy thôi sao?”, Sienna nói, giọng đầy giận dữ.

Langdon gần như không nghe thấy tiếng cô. Ai viết dòng chữ này? Anh tự hỏi. Ai đó thời Dante chăng? Có vẻ không chắc lắm. Nếu như vậy, một sử gia nghệ thuật nào đó đã nhận ra nó từ rất lâu trong quá trình vệ sinh hay

phục chế thường xuyên rồi, và dòng chữ này đã trở thành một phần trong câu chuyện về chiếc mặt nạ. Langdon chưa bao giờ nghe nói về nó cả.

Một khả năng khác chắc chắn hơn vụt đến trong tâm trí anh.

Bertrand Zobrist.

Zobrist là chủ nhân của chiếc mặt nạ và vì thế có thể dễ dàng tiếp cận nó bất cứ khi nào ông ta muốn. Ông ta có thể viết dòng chữ lên phía sau chiếc mặt nạ cách đây không lâu và sau đó đặt nó vào tủ cô mà không để ai biết. Chủ nhân chiếc mặt nạ, Marta đã nói với họ, thậm chí còn không cho nhân viên của chúng tôi mở tủ khi ông ấy vắng mặt.

Langdon nhanh chóng giải thích luận điểm của mình.

Có vẻ Sienna chấp nhận suy luận của anh, nhưng rõ ràng điều đó khiến cô lo lắng. “Chẳng có nghĩa gì cả”, cô nói, vẻ bồn chồn “Nếu chúng ta tin Zobrist đã bí mật viết gì đó đằng sau chiếc mặt nạ người chết của Dante, và còn kỳ công tạo ra cái máy chiếu tí hon đó để chỉ dẫn đến chiếc mặt nạ... thì tại sao ông ta lại không viết gì đó có nghĩa hơn? Ý em là, nó rất vô nghĩa! Anh và em đã tìm kiếm chiếc mặt nạ trọn một ngày, và đây là tất cả những gì chúng ta tìm được sao?”

Langdon tập trung trở lại dòng chữ ở phía sau mặt nạ. Thông điệp viết tay rất ngắn - chỉ dài đúng bảy chữ cái - và phải thừa nhận là trông hoàn toàn không rõ mục đích.

Sienna thất vọng cũng là điều dễ hiểu.

Tuy nhiên, Langdon lại cảm thấy ớn lạnh về những khám phá sắp tới, gần như ngay lập tức nhận ra rằng bảy chữ cái này sẽ cho anh biết mọi điều anh cần về những gì sắp phải làm tiếp theo.

Hơn nữa, anh phát hiện ra một mùi hương thoang thoảng từ chiếc mặt nạ - thứ mùi tiết lộ lý do tại sao lớp thạch cao ở mặt sau lại trắng hơn hẳn mặt trước - và sự khác biệt này chẳng liên quan gì đến quá trình già hóa hay ánh mặt trời cả.

“Em không hiểu”, Sienna nói. “Các chữ cái đều giống nhau.”

Langdon bình tĩnh gật đầu trong lúc nghiên cứu dòng văn tự - bảy chữ cái giống hệt nhau được viết cẩn thận bằng kiểu chữ hoa mỹ phía trong phần

trán của Dante.

“Bảy chữ P”, Sienna nói. “Chúng ta biết làm gì với thứ này?”

Langdon bình tĩnh mỉm cười và ngược mắt nhìn cô. “Anh gợi ý chúng ta làm đúng những gì lợi nhắ này bảo chúng ta làm.”

Sienna trợn mắt nhìn. “Bảy chữ P là... lời nhắ sao?”

“Đúng vậy”, anh cười nói. “Và nếu em đã từng tìm hiểu về Dante, thì nó rất rõ ràng.”

Bên ngoài Nhà rửa tội San Giovanni, người đàn ông đeo cà vạt quệt móng tay vào khăn tay và chăm nhẹ những nốt mụn trên cổ. Ông ta cố gắng không để ý đến cảm giác bỏng rát trong mắt lúc đánh mắt nhìn về phía đích đến của mình.

Lối vào dành cho khách du lịch.

Ngoài cửa, một thuyết trình viên dáng vẻ mệt mỏi mặc áo cộc đang hút thuốc và chỉ cho những du khách còn ngỡ ngàng thấy lịch làm việc của khu di tích, được viết theo thời gian quốc tế.

GIỜ MỞ CỬA 13:00 - 17:00

Người đàn ông bị phát ban nhìn đồng hồ đeo tay. Mới có 10 giờ 02 phút sáng. Nhà rửa tội còn đóng cửa thêm mấy tiếng nữa. Ông ta nhìn tay thuyết trình viên một lúc rồi quyết định hành động. Ông ta tháo chiếc khuyên vàng đeo trên tai và đút vào túi. Sau đó, ông ta móc ví ra và kiểm tra bên trong. Ngoài mấy chiếc thẻ tín dụng đủ loại và một mớ tiền euro, ông ta còn mang theo hơn 3000 đô la Mỹ tiền mặt

Thật may, thói tham lam là một tội lỗi mang tính quốc tế.

Chương 57

Peccatum... Peccatum... Peccatum...

Bảy chữ P viết ở phía sau chiếc mặt nạ người chết của Dante lập tức kéo suy

ngữ của Langdon trở về với nội dung tác phẩm Thần khúc. Trong thoáng chốc, anh nhớ lại sân khấu ở Vienna, nơi anh trình bày bài giảng “Dante Thần thánh: Những biểu tượng của địa ngục”.

“Giờ chúng ta đi xuống”, giọng anh vang vọng qua loa, “băng qua chín tầng địa ngục tới trung tâm trái đất, mặt đối mặt với quỷ Satan”.

Langdon chuyển hình chiếu qua một loạt hình ảnh quỷ Satan ba đầu từ những tác phẩm nghệ thuật khác nhau - Vực Địa ngục của Botticelli, hình gốm khảm trong nhà rửa tội Florence, và con quỷ đen đúa khủng khiếp của Andrea di Cione, lông của nó bết máu đỏ của các nạn nhân.

“Chúng ta”, Langdon tiếp tục, “cùng nhau leo xuống bộ ngực xù xì của Satan, đảo ngược hướng vì lực hấp dẫn thay đổi, và chui lên từ thế giới tối tăm... để lại nhìn thấy những vì sao một lần nữa”.

Langdon cho chạy hình chiếu tới hình ảnh mà anh vừa trình chiếu lúc trước - bức vẽ mang tính biểu tượng của Domenico di Michelino từ bên trong thánh đường, mô tả Dante mặc áo choàng đỏ đứng bên ngoài tường thành Florence. “Và nếu quan sát thật kỹ... các vị sẽ thấy những ngôi sao ấy.”

Langdon chỉ lên bầu trời đầy sao trên đầu Dante. “Như các vị thấy, bầu trời được cấu tạo thành chín quả cầu đồng tâm bao quanh trái đất. Cấu trúc thiên đường chín tầng này tương ứng và cân bằng với chín tầng địa ngục. Như các vị có thể đã biết, con số Chín là một đề tài quen thuộc của Dante.”

Langdon ngừng lại, nhấp một ngụm nước và để cho đám đông lấy lại nhịp thở sau hành trình đáng sợ đi xuống rồi thoát ra khỏi địa ngục.

“Cho nên, sau khi đã kinh qua những điều hãi hùng của hỏa ngục, hẳn các vị đều rất hào hứng tiến về phía thiên đường. Nhưng rất tiếc, trong thế giới của Dante, chẳng có gì dễ dàng cả.” Anh bật ra một tiếng thở dài nhằm gây ấn tượng. “Để lên được thiên đường tất cả chúng ta đều phải - cả theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng - leo lên một ngọn núi.”

Langdon chỉ tay vào bức tranh của Michelino. Ở chân trời, phía sau Dante, cử tọa có thể thấy một quả núi duy nhất hình nón vươn lên bầu trời. Xoáy tròn ốc bên trên quả núi là một con đường lượn tròn liên tục hình nón - chín lần - vươn lên thành nhiều bậc cao dần về phía đỉnh. Dọc theo con đường ấy là những hình người trần truồng khổ sở lê bước đi tới, chịu đựng rất nhiều cực hình trên đường đi.

“Tôi đang cho quý vị xem Núi Luyện ngục”, Langdon tuyên bố. “Và buồn thay, con đường đi lên gồm chín vòng mệt mỏi này là lộ trình duy nhất từ vực sâu của hỏa ngục đi tới hào quang của thiên đường. Trên con đường này, các vị có thể thấy những linh hồn nản hồi hận đang đi lên... từng người phải trả một cái giá thích hợp cho một tội lỗi nhất định. Những kẻ đố kỵ phải leo lên với hai mắt bị khâu lại để họ không thể thêm khát được nữa, những kẻ tự phụ phải vác theo đá nặng trên lưng khiến họ phải cúi rạp trong tư thế khúm núm, những kẻ tham ăn phải leo lên mà không có thức ăn hoặc nước uống, do đó phải chịu cơn đói kinh khủng, và những kẻ đầy dục vọng phải vượt qua lửa nóng để thanh lọc bản thân khỏi sức nóng của dục vọng.” Anh ngừng lại. “Nhưng trước khi các vị được hưởng đặc quyền leo lên ngọn núi này và gột bỏ tội lỗi của mình các vị phải nói chuyện với nhân vật này,”

Langdon chuyển màn hình tới hình cận cảnh một bức vẽ của Micholino, trong đó một thiên thần có cánh ngồi trên ngai đặt dưới chân Núi Luyện ngục. Dưới chân thiên thần đó là một hàng dài những kẻ tội lỗi biết sám hối đợi được phép đi vào con đường leo lên cao. Rất lạ là thiên thần ấy cầm một thanh kiếm dài, dường như đang đâm mũi kiếm vào mặt của người đầu tiên trong hàng.

“Có ai biết”, Langdon hỏi to, “thiên thần này đang làm gì không?”.

“Đâm vào đầu ai đó phải không?”, một giọng nói đánh bạo.

“Không phải.”

Một giọng khác. “Đâm vào mắt ai đó?”

Langdon lắc đầu. “Ai có ý kiến khác không?”

Một giọng tí phía sau vang lên đầy chắc chắn. “Viết lên trán anh ta.”

Langdon mỉm cười. “Có vẻ ai đó ở phía sau biết rõ Dante của mình.” Anh lại ra hiệu về phía bức tranh. “Tôi nhận ra nhân vật trông như thiên thần này đang đâm vào trán kẻ xấu số kia, nhưng không phải vậy. Theo văn bản của Dante, thiên thần canh gác luyện ngục dùng mũi kiếm của mình viết gì đó lên trán các vị khách trước khi họ bước vào. “Vậy thiên thần viết gì?” - các vị hẳn sẽ đặt câu hỏi như vậy.”

Langdon ngừng lại để tăng hiệu quả. “Thật lạ, ông ấy viết một chữ cái duy nhất... được lặp lại bảy lần. Có ai biết thiên thần viết bảy lần chữ cái gì trên trán Dante không?”

“P!”, một giọng nói rất to từ đám đông.

Langdon mỉm cười. “Đúng, Chữ P. Chữ P này mang nghĩa peccatum - từ trong tiếng Latin chi 'tội lỗi'. Và thực tế nó được viết bảy lần, tượng trưng cho Septem Peccata Mortalia, còn được gọi là...”

“Bảy Trọng tội!”, ai đó nói to.

“Tuyệt vời. Và vì thế, chỉ bằng cách leo lên qua từng cấp luyện ngục các vị mới có thể chuộc lại tội lỗi của mình. Với mỗi cấp các vị leo qua, một thiên thần sẽ xóa bớt một chữ P trên trán các vị cho tới khi các vị lên tới đỉnh, trán được xóa sạch cả bảy chữ P và linh hồn các vị được gột sạch mọi tội lỗi.” Anh nháy mắt. “Nơi này được gọi là luyện ngục vì một lý do.”

Langdon giật mình thoát khỏi suy tưởng và nhìn thấy Sienna đang đăm đăm nhìn anh từ bên kia bồn rửa tội. “Bảy chữ P à?”, cô nói, kéo anh trở về với thực tại và ra hiệu về phía chiếc mặt nạ người chết của Dante. “Anh nói đó là một thông điệp phải không? Cho chúng ta biết cần phải làm gì à?”

Langdon giải thích nhanh tượng tượng của Dante về Núi Luyện ngục, những chữ P đại diện cho Bảy Trọng tội, và quy trình làm sạch chúng trên trán.

“Rõ ràng”, Langdon kết luận, “Bertrand Zobrist, vốn là người mê Dante, rất quen với bảy chữ P và hiểu quá trình tẩy sạch chúng khỏi trán như là một cách thức để tiến tới thiên đường”.

Sienna có vẻ nghi ngờ. “Anh nghĩ Bertrand Zobrist viết những chữ P này lên chiếc mặt nạ vì ông ta muốn chúng ta... theo đúng nghĩa đen sẽ tẩy sạch chúng trên chiếc mặt nạ người chết ư? Đó là việc mà anh nghĩ chúng ta cần làm à?”

“Anh nhận ra...”

“Robert, kể cả chúng ta tẩy sạch mấy chữ cái này, liệu điều đó giúp gì cho chúng ta chứ?! Chúng ta sẽ chỉ có được một chiếc mặt nạ hoàn toàn trơn.”

“Có thể có.” Langdon nở một nụ cười đầy hy vọng. “Cũng có thể không. Anh nghĩ có nhiều thử không thể chỉ nhìn bằng mắt.” Anh di chuyển về phía chiếc mặt nạ. “Em còn nhớ anh đã nói với em rằng phía sau chiếc mặt nạ nhạt màu hơn vì quá trình già hóa không đều không?”

“Vâng.”

“Có thể anh sai”, anh nói. “Sự khác biệt về màu quá rõ nên không thể do già hóa được, và kết cấu bề ngoài của mặt sau rất gai”.

“Gai là sao?”

Langdon chỉ cho cô thấy kết cấu bề ngoài ở mặt sau thô hơn mặt trước và cũng nhám hơn, giống như giấy ráp. “Trong thế giới nghệ thuật kết cấu bề mặt thô ráp thế này được gọi là gai, và họ thích vẽ lên một bề mặt gai sần bởi vì sơn bám lên đó tốt hơn”

“Em không hiểu.”

Langdon mỉm cười. “Em có biết thạch cao là gì không?”

“Có chứ, họa sĩ dùng nó để phủ lót toan và...” Cô đột ngột ngừng lại, ý của anh thể hiện rất rõ.

“Chính xác”, Langdon nói. “Họ dùng thạch cao để tạo ra một bề mặt trắng sạch và gai, và đôi khi để phủ lên những bức vẽ không muốn có nếu họ định dùng lại tấm toan đã vẽ.”

Giờ trông Sienna đầy phân kích. “Và anh nghĩ có lẽ Zobrist che đi thứ gì đó phía sau chiếc mặt nạ người chết bằng thạch cao phải không?”

“Điều đó lý giải cho lớp gai sần và màu sáng hơn. Nó cũng thể giải thích lý do tại sao ông ta lại muốn chúng ta xóa sạch bảy chữ P”

Sienna có vẻ bối rối trước ý cuối anh vừa nói.

“Người thử xem”, Langdon nói, nhắc chiếc mặt nạ đưa lên sát mặt cô giống như một cha cố đang làm lễ Ban thánh thể.

Sienna rúm lại. “Thạch cao có mùi như một con cún lông ướt nhẹ vậy.”

“Không phải tất cả thạch cao đều vậy. Thạch cao thường có mùi như phấn viết. Mùi chó lông ướt là thạch cao acrylic,”

“Nghĩa là... ?”

“Nghĩa là nước có thể hòa tan.”

Sienna nghiêng đầu, và Langdon có thể cảm nhận được bánh xe đang chuyển động. Cô từ từ đưa mắt nhìn chiếc mặt nạ và sau đó đột nhiên quay lại Langdon, mắt mở to. “Anh nghĩ có gì đó bên dưới lớp thạch cao à?”

“Điều đó giúp lý giải rất nhiều.”

Sienna lập tức nắm lấy nắp bồn rửa tội hình lục giác và kéo nó sang bên, để lộ mặt nước phía dưới. Cô nhặt lấy một chiếc khăn lạnh mới và nhúng vào nước rửa tội. Sau đó cô chìa chiếc khăn đang rỏ nước tong tong cho Langdon. “Anh làm đi.”

Langdon úp chiếc mặt nạ xuống lòng bàn tay trái và cầm lấy chiếc khăn ướt. Anh vẩy bớt nước thừa rồi bắt đầu thấm khăn ướt vào mặt trong phần trán của Dante, làm ướt toàn bộ chỗ có bảy chữ P mỹ miều. Sau vài lần thấm bằng ngón tay trở, anh lại nhúng khăn xuống bồn và tiếp tục. Lớp mực đen bắt đầu lờ mờ hiện ra.

“Thạch cao đang tan dần”, anh hào hứng nói, “Lớp mực cũng đang bong ra.”

Khi thực hiện quy trình đến lần thứ ba, Langdon bắt đầu nói bằng giọng đều đều ừ ừ và thành kính, vang vọng khắp nhà rửa tội. “Bằng phép rửa tội, Chúa Jesus giải thoát con khỏi tội lỗi và đưa con lên với cuộc đời mới nhờ nước và Chúa Thánh thần.”

Sienna đăm đăm nhìn Langdon như thể anh bị mất trí, Anh nhún vai. “Có vẻ hợp đây chứ.”

Cô đảo tròn mắt và nhìn lại chiếc mặt nạ. Khi Langdon tiếp tục thấm nước, lớp thạch cao nguyên thủy bên dưới lớp thạch cao mới hiện ra rõ hơn, sắc vàng của nó hợp hơn với những gì Langdon kỳ vọng nhìn thấy trên một hiện vật lâu đời như thế này. Khi chữ P cuối cùng biến mất, anh lau khô chỗ đó bằng một chiếc khăn sạch và giơ cái mặt nạ lên cho Sienna quan sát.

Cô bật kêu to một tiếng.

Đúng như Langdon dự liệu, thực tế có gì đó ẩn giấu bên dưới lớp thạch cao mới - một lớp văn tự thứ hai - những chữ cái được viết trực tiếp lên bề mặt màu vàng nhạt của lớp thạch cao nguyên thủy.

Tuy nhiên, lần này, các chữ cái lại tạo thành một từ.

Chương 58

“Ám [28] ư?”. Sienna hỏi. “Em không hiểu.”

Anh cũng không chắc. Langdon nghiên cứu dòng chữ hiện ra bên dưới bảy chữ P – một từ duy nhất được viết rõ bên trong phần trán của Dante.

Ám

“Như trong... quý ám phải không?”, Sienna hỏi.

Có lẽ. Langdon ngược mắt nhìn lên chỗ bức gổm khảm hình quỷ Satan đang ăn thịt những linh hồn khốn khổ chẳng bao giờ có thể gột rửa sạch tội lỗi của mình. Dante... bị ám ư? Có vẻ không có nghĩa cho lắm.

“Có thể còn nữa”, Sienna quả quyết, cầm lấy chiếc mặt nạ trên tay Langdon và sẫm soi nó gần hơn. Một lúc sau, cô bắt đầu gật gù. “Đúng, nhìn phía cuối của từ này xem... mé bên kia vẫn còn chữ nữa.”

Langdon nhìn lại, giờ nhìn thấy bóng mờ của phần chữ nữa hiện lên qua lớp thạch cao mới đã thấm ướt ở cả hai mé của từ ám.

Rất hào hứng, Sienna vớ lấy khăn và tiếp tục thám quanh từ đó cho tới khi lại có thêm chữ xuất hiện, được viết thành một vòng cung.

Ôi các người bị ám ảnh về tri thức vững vàng.

Langdon khẽ huýt sáo. “Ôi, các người bị ám ảnh vì tri thức vững vàng... hãy làm theo lời dạy giấu ở đây... bên dưới lớp màn thơ phú khó hiểu...”

Sienna trở mắt nhìn anh. “Sao cơ?”

“Nội dung đó được rút ra từ một trong những khổ thơ nổi tiếng nhất trong Hỏa ngục của Dante”, Langdon nói đầy phấn chấn. “Chính Dante thúc giục những độc giả thông thái nhất của mình hãy tìm kiếm tri thức được giấu bên dưới những vần thơ khó hiểu của ông.”

Langdon thường trích dẫn đúng dòng thơ này khi dạy về biểu tượng văn chương. Chẳng khác gì một tác giả đang vẫy tay rồi rít và gọi to: “Này, các độc giả! Ở đây có một biểu tượng hai nghĩa!”

Sienna bắt đầu chà phía sau chiếc mặt nạ, mạnh tay hơn hẳn.

“Cẩn thận đấy!”, Langdon nhắc.

“Anh nói đúng”, Sienna nói, tay càng hăng hái tây lớp thạch cao. “Phần còn lại câu trích của Dante nằm ở đây - đúng như anh nhớ.” Cô ngừng lại để nhúng khăn vào bồn và vắt bớt nước.

Langdon thù người đứng nhìn trong khi nước trong bồn rửa tội chuyển sang màu đục đục do thạch cao tan ra. 'Chúng con xin thứ lỗi với San Giovanni', anh nghĩ thầm, cảm thấy không thoải mái vì cái bồn thiêng liêng đang bị sử dụng như một cái chậu rửa.

Khi Sienna nhấc khăn ra khỏi nước, nó vẫn đang nhỏ tong tong. Cô gần như không vắt trước khi áp chiếc khăn sũng nước vào chính giữa mặt nạ và kỳ soàn soạt như thể đang rửa một bát súp vậy.

“Sienna!”, Langdon nhắc nhở. “Đó là một đồ cổ...”

“Toàn bộ mặt sau đều có chữ!”, cô nói trong lúc chà xát mạnh mẽ lên chiếc mặt nạ. “Và nó được viết bằng...” Cô ngừng nói, nghiêng đầu sang trái và xoay chiếc mặt nạ sang phải, như thể đang cố đọc một bên.

“Viết bằng gì cơ?”, Langdon hỏi, vì không thể nhìn rõ.

Sienna ngừng kỳ cọ mặt nạ và dùng một chiếc khăn mới lau khô nó. Sau đó cô ngồi xuống trước mặt anh để cả hai cùng xem xét kết quả.

Khi nhìn thấy mặt trong chiếc mặt nạ, Langdon vô cùng kinh ngạc. Toàn bộ bề mặt lõm phủ kín văn tự, có lẽ phải đến cả trăm chữ. Bắt đầu từ trên đỉnh với dòng chữ Ôi các người bị ám ảnh về tri thức vĩnh vàng, phần chữ viết tiếp tục chạy theo một dòng liền mạch duy nhất, xoay tròn sang bên phải chiếc mặt nạ để chạy xuống dưới đáy, nơi nó lại xoay ngược lên và tiếp tục chạy xuống đáy, rồi lại xoay lên ở phía bên trái tới vị trí ban đầu, cứ tiếp tục đường đi tương tự như thể theo một vòng tròn thu hẹp hơn một chút.

Đường đi của các con chữ gợi nhớ đến con đường xoáy tròn ốc của Núi Luyện ngục dẫn lên thiên đường. Chuyên gia biểu tượng học Langdon lập tức nhận ra ngay đường xoắn ốc chính xác này. Đường Archimedean đáng đối thuận chiều kim đồng hồ. Anh còn nhận thấy số vòng xoay từ chữ đầu tiên, Ôi, tới đoạn cuối cùng ở trung tâm là một con số quen thuộc.

Chín.

Gần như nín thở, Langdon chậm chậm xoay chiếc mặt nạ thành từng vòng tròn, đọc nội dung văn tự cuộn dần vào phía trong của mặt lõm, xoay về phía trung tâm.

Ôi những người bị ám ảnh về tri thức vĩnh vàng, hãy làm theo lời dạy giấu ở đây... bên dưới lớp màn thơ phú khó hiểu. Hãy tìm gã tổng trấn bội bạc của Venice, kẻ cắt rời đầu ngựa... và moi xương cả người mù lòa. Hãy quỳ gối bên trong bảo quản mạ vàng của tri thức thánh thiêng, và áp tai xuống mặt đất, lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt. Hãy lặn sâu vào tòa cung điện bị chìm... vì ở đây, trong bóng tối, con quái vật chôn địa phủ chờ đợi, lặn ngụp trong thứ nước đỏ như máu... của cái đầm không hề phản chiếu ánh sao.

“Gần như đúng nguyên văn khổ thơ đầu của Dante”, Langdon nói. “Ôi những người bị ám ảnh về tri thức vĩnh vàng, hãy làm theo lời dạy giấu ở đây... bên dưới lớp màn thơ phú khó hiểu.”

“Thế những gì còn lại thì sao?”, Sienna hỏi thúc.

Langdon lắc đầu. “Anh không nghĩ vậy. Nó được viết bằng giọng thơ tương tự, nhưng anh biết nội dung này không phải của Dante. Giống như là có người bắt chước văn phong của ông ấy thôi.”

“Zobrist”, Sienna thì thào. “Chắc chắn là ông ta.”

Langdon gật đầu. Một phỏng đoán khả dĩ. Xét cho cùng, Zobrist bằng cách thay đổi bức Vực Địa ngục của Botticelli, đã cho thấy ông ta có khả năng hợp tác với những bậc thầy và thay đổi những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại cho phù hợp với nhu cầu của mình.

“Phần nội dung còn lại rất lạ”, Langdon nói, lại xoay chiếc mặt nạ và đọc dần vào phía trong. “Nó nói đến việc... chặt đầu ngựa... moi xương cả người mù.” Anh bỏ qua một đoạn để đọc tới dòng cuối cùng, được viết thành một vòng tròn rất khít ở chính giữa chiếc mặt nạ. Anh thở ra thảng thốt. “Nó còn nói đến 'nước đỏ như máu'.”

Sienna nhướng mày. “Giống như ảo giác của anh về người phụ nữ tóc bạc à?”

Langdon gật đầu, vẻ bối rối trước nội dung văn tự. Nước đỏ như máu... của cái đầm không hề phản chiếu ánh sao ư?

”Nhìn này”, cô thì thào, đọc qua vai anh và chỉ tay vào một từ ở nửa chừng đường xoay ốc. “Một vị trí cụ thể.”

Mắt Langdon đi tìm ra cái từ mà anh bỏ qua trong lần đọc đầu tiên. Đó chính là tên của một trong những thành phố độc đáo và ấn tượng nhất thế giới, Langdon cảm thấy một cơn ớn lạnh, vì biết rằng đó cũng chính là thành phố nơi Dante Alighieri bị nhiễm thứ bệnh dịch chết người đã cướp đi sinh mạng của ông.

Venice.

Langdon và Sienna im lặng nghiên cứu những dòng thơ khó hiểu một lúc lâu. Bài thơ này thật rùng rợn và đáng ngại, lại khó giải mã. Việc sử dụng các từ 'tổng trấn' và 'đầm' khẳng định chắc chắn với Langdon rằng bài thơ đích thực nhắc đến Venice - một thành phố ngập nước độc đáo ở Ý, bao gồm hàng trăm đầm nước được nối thông với nhau, do một người đứng đầu nhà nước Venice gọi là Tổng trấn cai quản trong nhiều thập kỷ.

Lúc mới xem, Langdon không thể nhận ra chính xác bài thơ này chỉ nơi nào ở Venice, nhưng có vẻ chắc chắn nó thúc giục người đọc theo những chỉ dẫn của nó.

Áp tai xuống mặt đất, lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt.

“Nó ám chỉ dưới lòng đất”, Sienna nói, đọc cùng với anh.

Langdon gật đầu một cách khó nhọc trong lúc đọc dòng tiếp theo.

Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm... vì ở đây, trong bóng tối con quái vật chôn địa phủ chờ đợi.

“Robert?”, Sienna hỏi về bồn chồn. “Loại quái vật nào chứ?”

“Địa phủ”, Langdon đáp, “Có nghĩa là 'sống bên dưới mặt đất’”

Langdon chưa kịp nói tiếp thì có tiếng then cửa rất to vang khắp nhà rửa tội. Lối vào dành cho du khách rõ ràng vừa được mở từ bên ngoài.

“Cảm ơn rất nhiều”, người đàn ông bị phát ban trên mặt nói bằng tiếng Ý.

Tay thuyết trình viên của nhà rửa tội lo lắng gật khi rút túi 500 đô la tiền mặt và liếc quanh để đảm bảo không có ai đang theo dõi.

“Năm phút thôi đấy”, thuyết trình viên nhắc nhở, thận trọng hé cánh cửa vừa được tháo chốt đủ rộng cho người đàn ông bị phát ban lách vào trong. Thuyết trình viên đóng cửa lại, nhốt người đó ở bên trong và chặn kín mọi âm thanh từ bên ngoài.

Lúc đầu tay thuyết trình viên từ chối cảm thông với người đàn ông than vãn đã phải đi tít từ Mỹ tới để cầu nguyện tại Nhà rửa tội San Giovanni, với hy vọng chữa khỏi căn bệnh ngoài da quái ác của mình. Nhưng cuối cùng, anh ta tỏ ra cảm thông, dĩ nhiên có sự hâu thuẫn của món quà lót tay trị giá 500 đô la để đổi lấy năm phút ở một mình trong nhà rửa tội, kèm theo tâm lý càng lúc càng lo ngại rằng người đàn ông trông dễ lây bệnh này sẽ đứng bên cạnh mình suốt ba tiếng nữa cho tới khi nhà rửa tội mở cửa.

Giờ đây, khi đã rón rén đi vào nhà rửa tội hình bát giác, người đàn ông cảm thấy tầm mắt mình bị thu hút lên trên. Quái quỷ. Trần nhà chẳng giống thứ gì ông ta đã từng nhìn thấy. Một con quỷ ba đầu trợn mắt nhìn thẳng xuống ông ta, và ông ta vội đưa mắt nhìn xuống nền nhà.

Chỗ này có vẻ vắng người.

Họ đi đằng quái nào rồi?

Nhìn khắp gian phòng một lượt, mắt ông ta chạm tới bàn thờ chính. Đó là một khối cẩm thạch đồ sộ hình chữ nhật được bố trí trong một hốc tường, phía sau một rào chắn bằng cột trụ và dây vải để ngăn khách tham quan.

Bàn thờ có vẻ là nơi ẩn nấp duy nhất trong toàn bộ gian phòng này. Hơn nữa, một đoạn dây vải lại đang phát phơ nhẹ, như thể nó vừa bị chạm vào.

Phía sau bàn thờ, Langdon và Sienna khom người im lặng. Họ chỉ kịp thời gian thu dọn những chiếc khăn bản và đặt lại nắp bồn nước trước khi nhào vào trốn phía sau bàn thờ chính, nhưng vẫn cẩn thận mang theo chiếc mặt nạ người chết. Kế hoạch sẽ là ẩn náu lại đây cho tới khi gian phòng toàn khách du lịch, khi đó họ sẽ lên ra ngoài cùng đám đông.

Cánh cửa phía bắc nhà rửa tội đã mở hoàn toàn – ít nhất là một lúc – bởi vì Langdon nghe thấy những âm thanh vọng lại từ quảng trường, nhưng sau đó cánh cửa được đóng lại rất đột ngột, và tất cả lại chìm vào im ắng.

Giờ đây, khi đã im ắng trở lại, Langdon nghe thấy những tiếng bước chân di

chuyển trên sàn đá.

Một thuyết trình viên chẳng? Kiểm tra phòng trước khi mở cửa đón du khách chẳng?

Anh không còn đủ thời gian để tắt ngọn đèn rọi phía trên bồn rửa tội và tự hỏi liệu vị thuyết trình viên này có nhận ra không. Rõ ràng là không. Tiếng bước chân di chuyển mạnh mẽ về hướng họ, dừng lại trước bàn thờ chỗ đoạn dây Langdon và Sienna vừa nhảy qua.

Im lặng kéo dài.

“Robert, là tôi đây”, một giọng đàn ông đầy giận dữ vang lên.

“Tôi biết anh đã trở lại đó. Chui ngay ra đây và giải thích xem nào.”

Chương 59

Chẳng việc gì phải giả vờ như mình không hề có mặt ở đây.

Langdon ra hiệu cho Sienna vẫn khom người an toàn để không bị nhìn thấy, tay cầm chiếc mặt nạ người chết của Dante mà anh đã bỏ trở lại cái túi Ziploc.

Sau đó, rất chậm rãi, Langdon đứng lên. Anh đứng sững như một vị linh mục phía sau bàn thờ của nhà rửa tội, đưa mắt nhìn giáo đoàn chỉ có một người của mình. Người lạ mặt đối diện với anh có mái tóc nâu nhuộm bạc, đeo kính hàng hiệu, và những nốt phát ban rất kinh khủng trên mặt và cổ. Ông ta gãi cổ sồn sột, cặp mắt sung mọng của ông ta ném ra những tia nhìn khó hiểu và giận dữ.

“Anh cần cho tôi biết anh đang làm cái quái gì ở đây, Robert?!”, ông ta cắn vụn, chân bước qua đoạn dây và tiến về phía Langdon. Giọng ông ta đặc âm Mỹ.

“Chắc chắn tôi sẽ nói”, Langdon lịch thiệp trả lời. “Nhưng trước hết, hãy cho tôi biết ông là ai.”

Người đàn ông dừng sững lại, vẻ mặt đầy ngờ vực. “Anh nói sao cơ?!”

Langdon cảm thấy có gì đó hơi quen quen trong ánh mắt của người đàn ông,

giọng nói ông ta cũng vậy. Mình đã gặp ông ấy... bằng cách nào đó, ở nơi nào đó. Langdon bình tĩnh nhắc lại đề nghị của anh. “Xin hãy cho tôi biết ông là ai và làm sao ông biết tôi.”

Người đàn ông vung tay lên vẻ không tin nổi. “Jonathan Ferris? Tổ chức Y tế Thế giới? Người đã bay tới Đại học Harvard và đón anh!?”

Langdon cố gắng phân tích những gì mình đang nghe thấy.

“Tại sao anh không gọi lại?!” người đàn ông vặn hỏi, vẫn gãi lấy gãi để cổ và má, lúc này nhìn đỏ tấy và phồng rộp. “Và cô ả mà tôi nhìn thấy vào đây cùng anh là ai vậy? Có phải cô ta là người bây giờ anh đang hợp tác phải không?”

Sienna vẫn bò lom khom bên cạnh Langdon và lập tức lên tiếng “Bác sĩ Ferris phải không? Tôi là Sienna Brooks. Tôi cũng là một bác sĩ. Tôi làm việc tại Florence này. Giáo sư Langdon bị bắn vào đầu đêm qua. Anh ấy bị mất chứng rối loạn trí nhớ, và anh ấy không biết ông là ai hay chuyện gì đã xảy ra với anh ấy hai ngày qua. Tôi ở đây bởi vì muốn giúp anh ấy.”

Nghe những lời nói của Sienna vang vọng khắp nhà rửa tội vắng vẻ, người đàn ông nghiêng đầu, vẻ ngờ ngác, như thể ý của cô không lấy gì làm bảo đảm. Sau một lúc kinh ngạc, ông ta lùi lại một bước, cố đứng dựa vào một trụ chống cho vững.

“Ôi... Chúa ơi”, ông ta lắp bắp. “Thế là rõ mọi chuyện rồi.”

Langdon nhìn vẻ giận dữ tan biến trên gương mặt người đàn ông.

“Robert”, người mới đến thì thào, “chúng tôi nghĩ anh đã...”, ông ấy lắc đầu như thể cố gắng sắp xếp mọi tình tiết cho phù hợp. “Chúng tôi nghĩ anh đã trở mặt... rằng có lẽ họ trả nhiều tiền cho anh... hoặc đe dọa anh... Chúng tôi không nắm được!”

“Tôi là người duy nhất anh ấy nói chuyện”, Sienna nói. “Tất cả những gì anh ấy biết là đêm qua anh ấy tỉnh dậy trong bệnh viện của tôi và có người tìm cách giết anh ấy. Thêm nữa, anh ấy cũng có những ảo giác kinh khủng - những xác chết, các nạn nhân bệnh dịch và một người phụ nữ nào đó có mái tóc bạc và một cái bùa răn cứ nói với anh ấy...”

“Elizabeth!”, người đàn ông nói. “Đó là tiến sĩ Elizabeth Sinskey! Robert, bà ấy là người đã mời anh tới giúp chúng tôi!”

“Chà, nếu đúng là bà ấy”, Sienna nói. “Tôi hy vọng anh biết rằng bà ấy đã gặp rắc rối. Chúng tôi nhìn thấy bà ấy bị kẹt ở ghế sau một chiếc xe thùng đầy lính tráng, và bà ấy trông như say thuốc hay gì đó”

Người đàn ông chậm rãi gạt đầu, nhắm mắt lại. Mi mắt ông ấy trông sưng mọng và đỏ.

“Mặt anh bị sao vậy?”, Sienna hỏi.

Ông ấy mở mắt ra. “Sao cơ?”

“Da của anh? Trông như anh đã nhiễm phải thứ gì đó. Anh có mệt không?”

Người đàn ông trông đầy vẻ sững sốt, và cho dù chắc chắn câu hỏi của Sienna thẳng thừng đến mức có phần hơi lỗ mãng nhưng Langdon cũng không khỏi thắc mắc về điều đó. Nghĩ tới số lượng những thứ ám chỉ tới dịch bệnh mà anh đã gặp ngày hôm nay, hình ảnh da tấy đỏ quả thật rất đáng ngại...

“Tôi ổn thôi”, người đàn ông nói. “Đó là do thứ xà phòng khôn kiếp ở khách sạn. Tôi dị ứng nặng với đậu nành, và hầu hết các loại xà phòng thơm của Ý đều có đậu nành. Tôi đã đại dột không kiểm tra kỹ.”

Sienna thở phào nhẹ nhõm, giờ vai cô trùng xuống hẳn. “Ồn Chúa anh không ăn thứ đó. Chứng viêm da tiếp xúc là do sóc mẫn cảm.”

Họ cùng cười ngượng ngịu.

Sienna đánh bạo, “Xin cho tôi biết cái tên Bertrand Zobrist có ý nghĩa gì với anh không?”

Người đàn ông sững sờ, trông như thể ông ấy vừa mặt đối mặt với quỷ sứ ba đầu.

“Chúng tôi tin mình vừa tìm được một thông điệp từ ông ta”, Sienna nói. “Nó chỉ tới một nơi nào đó ở Venice. Điều đó có ý nghĩa gì với anh không?”

Giờ mắt người đàn ông trở nên dữ tợn. “Lạy Chúa, có đấy. Rất nhiều! Nó chỉ tới chỗ nào!?”

Sienna hít một hơi, rõ ràng đã sẵn sàng kể cho người đàn ông mọi chuyện về bài thơ xoáy tròn ốc mà cô và Langdon vừa phát hiện trên chiếc mặt nạ,

nhưng theo bản năng, Langdon đã kín đáo đặt một bàn tay lên tay cô. Có vẻ người đàn ông là một đồng minh, nhưng sau tất cả sự việc hôm nay, tâm trí Langdon mách bảo anh đừng vội tin ai cả. Hơn nữa, cà vạt của người đàn ông có đeo một quả chuông, và anh có cảm giác người đàn ông này rất có thể chính là người đang cầu nguyện trong nhà thờ Dante lúc trước. Ông ta đã bám theo bọn mình chẳng?

“Làm sao anh tìm được chúng tôi ở đây?”, Langdon hỏi.

Người đàn ông vẫn còn bối rối khi biết rằng Langdon không nhớ được mọi việc. “Robert, anh gọi cho tôi đêm qua nói rằng anh đã dàn xếp cuộc gặp mặt với một giám đốc bảo tàng tên là Ignazio Busoni. Sau đó anh biến mất. Anh không hề gọi lại. Khi nghe tin Ignazio Busoni chết, tôi rất lo. Tôi đến đây tìm anh suốt buổi sáng. Tôi nhìn thấy cảnh sát ở bên ngoài Cung điện Vecchio và trong khi đợi tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra, tình cờ tôi nhìn thấy anh chui ra khỏi một ô cửa nhỏ cùng với...” Ông ta liếc nhìn về phía Sienna, rõ ràng không nhớ được tên cô.

“Sienna”, cô nhắc. “Brooks.”

“Tôi xin lỗi... cùng với bác sĩ Brooks. Tôi bám theo hai người hy vọng biết được anh đang làm chuyện quái gì.”

“Tôi nhìn thấy anh trong Nhà thờ Cerchi, đang cầu nguyện, tôi có nhầm không?”

“Đúng đấy! Tôi cố gắng phán đoán xem anh đang làm gì nhưng không có tác dụng! Dường như anh rời khỏi nhà thờ chẳng khác gì một người đang thi hành nhiệm vụ, cho nên tôi bám theo anh. Khi thấy hai người lên vào nhà rửa tội, tôi quyết định đã đến lúc phải trực diện gặp anh. Tôi chi tiền cho tay thuyết trình viên chỉ để có mấy phút được một mình ở trong này”

“Hơi hấp tấp” Langdon nhận xét, “nếu anh nghĩ tôi phản anh”.

Người đàn ông lắc đầu. “Có gì đó mách bảo tôi rằng anh sẽ không bao giờ làm vậy. Giáo sư Robert Langdon ư? Tôi biết nhất định có lời giải thích khác. Nhưng bị mất trí nhớ sao? Thật không tin nổi. Tôi chưa bao giờ đoán ra được.”

Người đàn ông với những nốt tấy đỏ lại bắt đầu gãi sồn sột “Nghe này, tôi chỉ có năm phút thôi. Chúng ta cần ra khỏi đây ngay. Nếu tôi tìm được hai người thì những kẻ đang tìm cách giết anh cũng có thể tìm ra anh. Có rất

những chuyện xảy ra mà tôi không hiểu. Chúng ta cần tới Venice. Ngay lập tức. Cần rời khỏi Florence mà không để ai nhìn thấy. Những kẻ đang giữ tiền sĩ Sinskey... những kẻ truy đuổi anh... chúng có tai mắt ở khắp mọi nơi.” Ông ta ra hiệu về phía cửa.

Cuối cùng Langdon cũng cảm thấy như thể mình sắp có được câu trả lời nào đó. “Đám lính mặc đồng phục đen là ai? Tại sao họ lại cố tìm cách giết tôi?”

“Chuyện dài lắm”, người đàn ông nói. “Trên đường đi tôi sẽ giải thích.”

Langdon cau mày, hoàn toàn không thích câu trả lời thế này.

Anh ra hiệu cho Sienna và kéo cô ra một bên, nói thật nhanh với cô.

“Em có tin anh ta không? Em nghĩ sao nào?”

Sienna nhìn Langdon như thể anh đang hóa dại vì hời vậ. “Em nghĩ gì ư? Em nghĩ anh ta là người của Tổ chức Y tế Thế giới! Em nghĩ anh ta là ván cược tốt nhất cho chúng ta để có câu trả lời!”

“Thế còn tình trạng phát ban?”.

Sienna nhún vai. “Đúng như những gì anh ta nói - viêm da tiếp xúc nặng.”

“Và nếu không phải như những gì anh ta nói thì sao?”, Langdon thì thào. “Nếu... là gì đó khác?”

“Gì khác chứ?” Cô nhìn anh vẻ hoài nghi. “Robert, không phải là dịch hạch, nếu đó là những gì anh đang nghĩ. May thay, anh ta là một bác sĩ. Nếu anh ta bị một căn bệnh chết người và biết mình lây nhiễm, anh ta sẽ không khinh suất ra ngoài để lây nhiễm cho cả thế giới đâu.”

“Thế nếu anh ta không nhận ra mình bị dịch hạch thì sao?”

Sienna mím môi, nghĩ ngợi một lúc. “Thế thì em sợ rằng anh và em đã nhiễm cả rồi... cùng với tất cả mọi người trong khu vực.”

“Em biết đây, cách cư xử với bệnh nhân của em có thể hữu dụng.”

“Cứ thẳng thắn thôi.” Sienna đưa cho Langdon túi Ziploc có chiếc mặt nạ người chết. “Anh mang người bạn nhỏ của chúng ta theo nhé.”

Khi trở lại chỗ bác sĩ Ferris, hai người nhận ra ông ta vừa kết thúc một cuộc điện đàm.

“Tôi vừa gọi cho lái xe của tôi”, người đàn ông nói.” Anh ấy sẽ đón chúng ta ở bên ngoài...” Bác sĩ Ferris dừng lại đột ngột, đăm đăm nhìn vào tay Langdon là lần đầu tiên thấy khuôn mặt lúc chết của Dante Alighieri.

“Lạy Chúa!”, Ferris nói, co rúm lại. “Thứ quái gì vậy?”

“Chuyện dài lắm”, Langdon đáp. “Tôi sẽ giải thích trên đường đi.”

Chương 60

Biên tập viên New York Jonas Faukman tỉnh giấc vì tiếng điện thoại nổi từ nhà tới văn phòng của mình réo vang. Anh lật người và nhìn đồng hồ: 4 giờ 28 phút sáng.

Trong giới xuất bản sách, những cuộc gọi khẩn cấp lúc đêm muộn hiếm gặp chẳng kém gì chuyện thành công chỉ sau một đêm. Bực bội, Faukman chuối ra khỏi giường và đi vội tới phòng làm việc.

“Xin chào?”, giọng nói trên máy là một giọng nam trung quen thuộc. “Jonas, thật may cậu có ở nhà. Robert đây. Tôi hy vọng không khua cậu dậy.”

“Đương nhiên cậu khua tôi dậy rồi! Mới có bốn giờ sáng thôi!”

“Xin lỗi, tôi đang ở nước ngoài.”

Ở Harvard họ không dạy về các múi giờ à?

“Tôi đang gặp rắc rối chút, Jonas, và tôi cần giúp đỡ.” Giọng Langdon nghe rất căng thẳng. “Nó liên quan đến thẻ Netjets hạng doanh nghiệp của cậu.”

“Netjets à?”, Faukman bật cười. “Robert, chúng tôi ở trong ngành xuất bản sách. Chúng tôi không có quyền tiếp cận các máy bay tư.”

“Cả hai chúng ta đều biết cậu đang nói dối mà, anh bạn.”

Faukman thở dài. “Được rồi, để tôi nói lại. Chúng tôi không có quyền tiếp cận các máy bay tư cho các tác giả sách về lịch sử tôn giáo. Nếu cậu muốn viết cuốn Năm mươi sắc thái của thánh tượng học thì chúng ta có thể nói

chuyện tiếp.”

“Jonas, dù chuyến bay tốn kém bao nhiêu, tôi cũng sẽ thanh toán cho cậu. Tôi hứa đấy. Tôi đã bao giờ thất hứa với cậu chưa?”

Còn hơn là cậu lỡ hạn chót lần cuối của cậu những ba năm cơ đấy. Tuy nhiên, Faukman cảm thấy giọng Langdon có vẻ khẩn trương. “Cho tôi biết đang có chuyện gì. Tôi sẽ cố gắng giúp.”

“Tôi không có thời gian giải thích, nhưng tôi thật sự cần cậu làm việc này cho tôi. Đó là vấn đề sinh tử đấy.”

Faukman đã làm việc với Langdon đủ lâu để quen với khiếu hài hước của anh, nhưng anh ta không hề nghe thấy vẻ đùa cợt trong giọng nói lo lắng của Langdon lúc này. Anh chàng hết sức nghiêm túc. Faukman thở hắt ra và gắng trấn tĩnh. Giám đốc tài chính của mình sẽ câu đầu rút ruột mình mất. Ba mươi giây sau, Faukman đã viết ra các chi tiết yêu cầu chuyến bay đặc biệt của Langdon.

“Mọi thứ ổn chứ?”, Langdon hỏi, rõ ràng cảm thấy vẻ do dự và ngạc nhiên của anh chàng biên tập viên trước những chi tiết đặt chuyến bay.

Trung tâm điều hành tại Hoa Kỳ của NetJets đặt tại Gohimbus, bang Ohio, với một đội hỗ trợ bay trên điện thoại toàn thời gian.

Đại diện mảng dịch vụ chủ sở hữu, Deb Kier vừa nhận được cuộc gọi từ một chủ doanh nghiệp ở New York. “Chờ chút thưa ngài”, cô nói, chính lại tai nghe và gõ thiết bị nhập thông tin của mình. “Về mặt kỹ thuật thì đây là một chuyến bay của Netjets châu Âu, nhưng tôi có thể giúp ngài được.” Cô nhanh chóng truy cập hệ thống Netjets châu Âu, có trung tâm đặt tại Paço de Arcos, Bồ Đào Nha, sau đó kiểm tra vị trí hiện tại của các máy bay ở Ý và xung quanh đó.

“Được rồi, thưa ngài”, cô nói, “chúng tôi có một chiếc Citation Excel tại Monaco, chúng tôi có thể điều sang Florence trong vòng chưa đầy một tiếng. Như thế có tiện cho ngài Langdon không ạ?”

“Hy vọng như vậy”, người đàn ông từ công ty xuất bản trả lời, nghe như đã kiệt sức và hơi khó chịu. “Chúng tôi rất biết ơn.”

“Đó là hân hạnh của chúng tôi”, Deb nói. “Và ngài Langdon muốn bay tới Geneva phải không?”

“Đúng vậy!”

Deb tiếp tục gõ máy. “Tất cả đã xong”, cuối cùng cô nói. “Ngài Langdon được xác nhận ở Trạm điều hành cơ sở cố định Tassignano tại Lucca, khoảng năm mươi dặm về phía tây Florence. Ông ấy sẽ khởi hành lúc 11 giờ 20 phút sáng theo giờ địa phương. Ông Langdon cần có mặt tại Trạm mười phút trước khi khởi hành. Ngài sẽ không có dịch vụ di chuyển trên bộ, không có phục vụ ăn, và ngài cần cung cấp thông tin hộ chiếu, để chúng tôi hoàn tất mọi việc. Ngài còn yêu cầu gì nữa không ạ?”

“Một công việc mới chăng?”, anh ấy cười nói. “Cảm ơn cô. Cô giúp được nhiều lắm.”

“Rất hân hạnh. Chúc ngủ ngon.” Deb kết thúc cuộc gọi và quay trở lại màn hình của mình để hoàn tất việc đặt chỗ. Cô nhập thông tin hộ chiếu của Robert Langdon và định tiếp tục thì thấy màn hình hiện ra một hộp thoại cảnh báo màu đỏ. Deb đọc thông báo, mắt cô mở to.

Chắc là nhầm lẫn thôi.

Cô cố gắng nhập lại hộ chiếu của Langdon. Lời cảnh báo lại xuất hiện lần nữa. Lời cảnh báo này sẽ xuất hiện trên bất kỳ máy tính hàng không nào trên thế giới mà Langdon tìm cách đặt chuyến bay.

Deb Kier dăm dăm nhìn một lúc lâu với vẻ không tin nổi. Cô biết NetJets giữ thông tin riêng của khách hàng rất kỹ càng, nhưng lời cảnh báo này phá bỏ mọi quy tắc bảo mật quyền riêng tư của công ty họ.

Deb Kier lập tức gọi cho bộ phận chức năng.

Đặc vụ Brüder tắt điện thoại di động và bắt đầu dẫn người của mình quay lại những chiếc xe thùng.

“Langdon di chuyển rồi”, gã nói. “Anh ta đi một máy bay riêng tới Geneva. Khởi hành chưa đầy một giờ nữa từ Trạm điều hành Lucca, năm mươi dặm về phía tây. Nếu đi ngay, chúng ta có thể tới đó trước khi anh ta cất cánh.”

Cũng lúc đó, một chiếc ô tô mui kín hiệu Fiat thuê riêng đang lao lên phía bắc dọc theo Đại lộ Panzani, bỏ lại Quảng trường Duomo phía sau và nhắm thẳng tới nhà ga xe lửa Santa Maria của Florence.

Ở ghế sau, Langdon và Sienna cúi thật thấp trong khi bác sĩ Ferris ngồi ở phía trước cùng với tài xế. Việc đặt chỗ với Netjets là ý tưởng của Sienna. Nếu may mắn, nó sẽ đủ để đánh lạc hướng và cho phép ba người bọn họ an toàn vượt qua nhà ga Florence, nơi chắc chắn sẽ dày đặc cảnh sát nếu không làm vậy. Thật may, tới Venice chỉ mất hai giờ đi bằng tàu hỏa, và đi lại bằng xe lửa trong phạm vi nội địa thì không cần đến hộ chiếu.

Langdon nhìn Sienna, lúc này dường như đang sẫm soi bác sĩ Ferris với vẻ lo lắng. Người đàn ông này đang đau đớn thấy rõ, hơi thở của ông ta nặng nề, như thể mỗi lần hít vào cũng làm ông ta đau đớn.

Mình hy vọng cô ấy nói đúng về tình trạng bệnh, Langdon nghĩ thầm, mắt nhìn những chỗ phát ban của người đàn ông và tưởng tượng ra những mầm bệnh đang lững lờ trong không khí bên trong chiếc xe nhỏ xíu, tù túng. Ngay cả đầu ngón tay của ông ta trông cũng sưng vù và đỏ tấy. Langdon cố xua nỗi lo lắng ra khỏi tâm trí mình và nhìn ra ngoài cửa sổ.

Khi đến nhà ga, họ đi ngang qua Đại Khách sạn Baglioni, nơi vẫn thường tổ chức các sự kiện của một hội nghị nghệ thuật mà Langdon tham dự hằng năm. Nhìn thấy tòa nhà, Langdon nhận ra mình sắp làm một việc mà anh chưa từng làm trong đời.

Mình rời khỏi Florence mà chưa kịp tới thăm chàng David.

Với lời xin lỗi thầm gửi tới Michelangelo, Langdon đưa mắt nhìn về nhà ga phía trước... và hướng dòng ý nghĩ tới Venice.

Chương 61

Langdon sẽ tới Geneva à?

Tiến sĩ Elizabeth Sinskey cảm thấy càng lúc càng mệt khi bà ngồi nghiêng ngả như đảo đồng ở băng ghế sau chiếc xe thùng, lúc này đang phóng như bay ra khỏi Florence, nhắm thẳng hướng tây về phía sân bay tư nhân bên

ngoài thành phố.

Geneva không có nghĩa gì rồi, Sinskey tự nhủ.

Mối liên hệ tương thích duy nhất đến Geneva là: Đây chính là địa điểm đặt tổng hành dinh của WHO. Langdon đang tìm mình ở đó chẳng? Dường như chuyện đó không hợp lý tí nào bởi lẽ Langdon biết bà đang ở Florence này.

Giờ một ý nghĩ khác vụt đến với bà.

Chúa ơi... hay Zobrist đang nhắm vào Geneva?

Zobrist là người mê các biểu tượng, và phải thừa nhận rằng việc tạo ra một “điểm không bề mặt” [29] tại tổng hành dinh Tổ chức Y tế Thế giới là khá hợp lý, nếu xét đến cuộc chiến kéo dài giữa hắn với Sinskey. Thế nhưng, nếu Zobrist tìm kiếm một điểm bùng phát dễ dàng cho một đại dịch thì Geneva không phải là lựa chọn hay. So với các đô thị khác, thành phố này cách biệt về mặt địa lý và khá lạnh vào thời điểm này trong năm. Hầu hết các đại dịch đều bắt rễ trong những môi trường ẩm áp và đông dân cư hơn. Geneva ở trên mực nước biển hơn ba trăm mét, và khó có thể là một địa điểm thích hợp để bắt đầu một đại dịch. Cho dù Zobrist cố khinh thường ta đến đâu chẳng nữa.

Cho nên câu hỏi vẫn còn đó - tại sao Langdon lại đến đó? Đích đến kỳ lạ của vị giáo sư người Mỹ lại là một điểm khác nữa trong bản danh sách càng lúc càng dài liệt kê những hành vi không thể lý giải được của anh ta bắt đầu từ tối qua, và bất chấp những nỗ lực hết công suất, Sinskey thấy rất khó đi đến một lời giải thích thỏa đáng nào cho những việc làm ấy.

Anh ta đứng về phe ai?

Phải thừa nhận, Sinskey mới chỉ biết Langdon có vài ngày, nhưng bà thường đánh giá nhân cách rất chính xác, và bà không tin một người như Robert Langdon lại có thể bị tiền bạc mua chuộc. Thế mà anh ta lại phá vỡ hợp đồng với chúng ta tối qua. Bây giờ có vẻ như anh ta đang chạy quanh như một gã ma cà bông lên cơn. Hay anh ta bị thuyết phục bằng cách nào đó nên tin rằng những hành động của Zobrist có ý nghĩa kếp?

Ý nghĩ ấy khiến bà rùng mình ớn lạnh.

Không, bà tự trấn an mình. Ta biết tiếng tăm của anh ta quá rõ, anh ta hơn thế nhiều.

Lần đầu Sinskey gặp Robert Langdon là bốn đêm trước trong khoang một chiếc máy bay vận tải C-130 được trưng dụng làm trung tâm điều phối di động của Tổ chức Y tế Thế giới,

Mới chỉ hơn 7 giờ lúc máy bay đáp xuống Hanscom Field, chưa đầy mười lăm dặm từ Cambridge, bang Massachusetts. Sinskey không chắc mình trông đợi gì ở vị học giả lừng danh mà bà đã liên lạc qua điện thoại, nhưng bà vui sướng đến ngạc nhiên khi anh bước tự tin lên ván cầu để chui vào khoang sau máy bay và chào bà bằng một nụ cười vô tư.

“Tiến sĩ Sinskey phải không ạ?”, Langdon bắt tay bà khá chặt

“Chào giáo sư, rất vinh dự được gặp anh.”

“Tôi cũng rất hân hạnh. Cảm ơn vì tất cả những gì bà đã làm”

Langdon là một người đàn ông khá cao, có diện mạo tươi tắn của cư dân thành phố và giọng nói trầm. Sinskey bất ngờ khi thấy quần áo anh mặc lúc đó lại chính là trang phục lên lớp - áo khoác vải tuyết, quần ka-ki, và giày lười đế mềm - dễ khiến người khác có ấn tượng rằng anh đã nhiều lần phải rời khỏi trường mà không được báo trước. Trông anh cũng trẻ và có dáng gọn hơn so với bà tưởng tượng, điều đó chỉ càng khiến Elizabeth nhớ tới tuổi tác của chính mình.

Mình gần bằng tuổi mẹ anh ta.

Bà mỉm cười mỗi một nhìn anh. “Cảm ơn vì anh đã tới, giáo sư.”

Langdon ra hiệu về phía người cộng sự chẳng lấy gì làm hài hước mà Sinskey đã phái đi đón mình. “Người bạn của bà đây chưa cho tôi nhiều cơ hội cân nhắc mọi việc.”

“Không sao. Tôi trả tiền cho anh ta làm việc đó mà.”

“Cái bùa đẹp quá”, Langdon nói, mắt nhìn chiếc vòng cổ của bà. “Lam ngọc thạch thì phải?”

Sinskey gật đầu và cúi nhìn cái bùa bằng chất đá màu da trời của mình, được tạo tác thành biểu tượng con rắn quấn quanh cây gậy dựng đứng. “Biểu tượng hiện đại cho ngành y khoa. Và tôi tin chắc anh có biết nó được gọi là 'y hiệu' - 'thương thần tượng' [\[30\]](#).”

Langdon đột ngột ngược lên, như thể có gì đó muốn nói.

Bà chờ đợi. “Vâng?”

Rõ ràng nhận ra mình có phần bốc đồng, anh mỉm cười nhã nhặn và đôi chủ đề. “Vậy tại sao tôi lại có mặt ở đây?”

Elizabeth ra hiệu về phía khu vực thảo luận tạm thời chỗ một chiếc bàn thép không gỉ. “Mời anh ngồi. Tôi có việc cần anh xem xét.”

Langdon thong thả đi tới chỗ bàn, và Elizabeth nhận thấy mặc dù vị giáo sư có vẻ tò mò với cuộc gặp bí mật này nhưng anh không hề bối rối. Đây là một người luôn thấy thoải mái với chính mình. Bà tự hỏi liệu anh có còn thấy thành thơi một khi anh biết lý do được mời tới đây.

Elizabeth mời Langdon ngồi ổn định rồi không cần mào đầu, lấy ra cái vật mà bà cùng nhóm của mình đã tịch thu được từ một hộp tủ an toàn ở Florence chưa đầy mười hai tiếng trước.

Chờ Langdon nghiên cứu cái ống hình trụ có chạm khắc nhỏ xíu một lúc lâu, Elizabeth mới nói vắn tắt những gì bà đã biết. Vật này là một trụ triện cổ có thể dùng để in. Nó mang theo một hình ảnh đặc biệt kinh khủng - một gã quỷ Satan ba đầu cùng với một chữ duy nhất: Saligia.

“Saligia”, Langdon nói, “là cách nói tiếng Latin để nhắc ta nhớ tới...”.

“Bảy Trọng tội”, Elizabeth nói. “Vâng, chúng tôi đã tìm hiểu về nó.”

“Vâng...” Giọng Langdon có vẻ lúng túng. “Có lý do gì bà muốn tôi xem xét thứ này không?”

“Thực tế là có.” Sinskey lấy lại cái ống trụ và bắt đầu lắc mạnh, làm viên bi chạy lạo xạo.

Langdon ngỡ ngác trước hành động của bà, nhưng anh chưa kịp hỏi bà đang làm gì thì đầu mút cái ống trụ bắt đầu sáng lên, về bà chĩa nó vào một tấm cách nhiệt trên vách chiếc máy bay đã được dọn sạch nội thất.

Langdon huýt sáo nhẹ và tiến lại phía hình ảnh được chiếu

“Bức Vực Địa ngục của Botticelli”, Langdon nói. “Dựa theo Hỏa ngục của Dante. Mặc dù tôi đoán có lẽ bà cũng đã biết rồi.”

Elizabeth gật đầu. Bà và đồng nghiệp đã xác định danh tính bức vẽ qua Internet, và rất ngạc nhiên khi biết đó là tác phẩm của Botticelli, một họa sĩ nổi danh với những kiệt tác sáng tạo, lý tưởng hóa như Thần Vệ nữ chào đời và Câu chuyện mùa xuân. Sinskey yêu cả hai tác phẩm mặc dù chúng đều mô tả sự sinh sôi nảy nở và sức sáng tạo của cuộc sống - điều chỉ càng khiến bà nhớ đến bi kịch không thể mang thai của mình - tâm sự hối tiếc duy nhất trong cuộc đời đầy ý nghĩa của bà.

“Tôi hy vọng”, Sinskey nói, “rằng anh có thể nói cho tôi biết về những biểu tượng ẩn giấu trong bức vẽ này”.

Lần đầu tiên trong buổi tối hôm nay, trông Langdon tỏ ra bồn chồn “Có phải đó là lý do bà gọi tôi đến đây không? Tôi nghĩ bà đã nói đó là một chuyện khẩn cấp.”

“Xin làm ơn!”

Langdon thở dài kiên nhẫn. “Tiến sĩ Sinskey, nói chung, nếu bà muốn biết về một bức tranh cụ thể thì bà nên liên hệ với bảo tàng nơi lưu giữ tác phẩm gốc. Trong trường hợp này, đó phải là Thư viện Tông đồ của Vatican. Tòa thánh có rất nhiều chuyên gia siêu hạng ngành thánh tượng có khả năng...”

“Tòa thánh rất ghét tôi.”

Langdon nhìn bà thẳng thốt: “Ghét bà ư? Tôi cứ nghĩ mình là người duy nhất.”

Bà mỉm cười buồn bã. “WHO thấy rõ rằng việc có sẵn các biện pháp tránh thai là một trong những chìa khóa giải quyết vấn đề sức khỏe toàn cầu - vừa để ngăn chặn các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục như AIDS và cũng để kiểm soát dân số tổng thể.”

“Nhưng Tòa thánh lại cảm thấy hoàn toàn khác”

“Đúng vậy. Họ bỏ ra rất nhiều công sức và tiền bạc truyền bá cho các nước thế giới thứ ba tin rằng phòng tránh thai là xấu xa.”

“À, vâng”, Langdon nói kèm theo một nụ cười ranh mãnh.

“Còn ai nói với thế giới về chuyện quan hệ tình dục tốt hơn một đám những cụ ông độc thân tuổi bát tuần nữa chứ?”

Sinskey càng lúc càng thấy thích vị giáo sư này.

Bà lắc lắc cái ống trụ để nạp lại năng lượng cho nó và sau đó chiếu hình ảnh lên tường lần nữa. “Giáo sư, hãy nhìn kỹ hơn xem.”

Langdon bước lại phía hình ảnh, chăm chú xem xét nó, trong lúc vẫn tiến lại càng lúc càng gần hơn. Đột nhiên, anh dừng phắt lại. “Thật lạ lùng. Nó đã bị thay đổi.”

Không làm anh ta mất nhiều thời gian, “Phải, và tôi muốn anh cho tôi biết những chỗ thay đổi mang ý nghĩa gì.”

Langdon im lặng, nhìn khắp toàn bộ hình ảnh, dừng lại để ghi ra mười chữ cái đọc thành catrovacer, sau đó là chiếc mặt nạ dịch hạch, rồi cả câu trích dẫn lạ lùng ở quanh rìa nói về “đôi mắt chết chóc”.

“Ai đã làm việc này?”, Langdon hỏi. “Nó từ đâu mà ra?”

“Nói thật, lúc này anh biết càng ít càng tốt. Điều tôi hy vọng là anh có thể phân tích những thay đổi này và cho chúng tôi biết chúng mang ý nghĩa gì.” Bà ra hiệu về phía chiếc bàn ở góc.

“Ồ đây ư? Ngay bây giờ ư?”

Bà gật đầu. “Tôi biết đó là một đòi hỏi có phần quá đáng, nhưng tôi không biết giải thích làm sao cho hết tầm quan trọng của chuyện này đối với chúng tôi,” bà ngừng lại. “Nó chính là vấn đề sinh tử.”

Langdon lo lắng nhìn bà. “Giải mã thứ này có thể phải mất một lúc, nhưng tôi cho rằng nếu nó quan trọng với bà đến thế.

“Cảm ơn anh”, Sinskey nói trước khi anh kịp thay đổi suy nghĩ “Anh có cần phải gọi ai khác không?”

Langdon lắc đầu và bảo bà anh đang có kế hoạch về một kỳ nghỉ cuối tuần yên tĩnh một mình,

Quá tốt, Sinskey để anh ở lại bàn làm việc cùng với cái máy chiếu, giấy, bút chì và một chiếc máy tính xách tay có kết nối vệ tinh bảo mật. Dù cực kỳ bận khoăn về lý do tại sao WHO lại quan tâm đến một bức vẽ đã bị cải biên của Botticelli, nhưng Langdon vẫn nghiêm túc bắt tay vào việc.

Tiến sĩ Sinskey định ninh anh có thể kết thúc việc tìm hiểu hình ảnh kia chỉ trong vài tiếng mà không cần nghỉ, cho nên bà cũng tập trung giải quyết một số công việc của riêng mình. Thỉnh thoảng bà lại nghe thấy anh lắc lắc cái máy chiếu và viết loạt xoạt lên giấy. Gần mười phút trôi qua, Langdon buông bút và tuyên bố, “Cerca trova”.

Sinskey ngược nhìn lên. “Cái gì cơ?”

“Cerca trova”, anh nhắc lại. “Hãy tìm và sẽ thấy. Đó là những gì mật mã này muốn nói.”

Sinskey vội đi lại và ngồi xuống sát cạnh anh, lắng nghe một cách say sưa trong lúc Langdon giải thích xem các tầng địa ngục của Dante đã được thay đổi như thế nào, và rằng khi được đặt lại đúng thứ tự thì chúng sẽ tạo thành cụm từ tiếng Ý cerca trova.

Tim kiếm và sẽ thấy ư? Sinskey tự hỏi. Đó là thông điệp mà gã điên ấy gửi tới mình sao? Cụm từ nghe giống như một lời thách thức trực tiếp. Ký ức đang nhiễu loạn của bà về những lời cuối cùng của kẻ điên kia trong cuộc gặp gỡ của họ tại Hội đồng Quan hệ Đối ngoại lại trở lại trong tâm trí: Vậy có vẻ như màn khiêu vũ của chúng ta đã bắt đầu.

“Trông bà tái nhợt kìa”, Langdon nói và chăm chú nhìn bà. “Tôi đoán đây không phải là thông điệp bà mong đợi phải không?”

Sinskey cô trấn tĩnh, vượt vượt chiếc bùa trên cổ mình. “Không hẳn. Cho tôi biết... anh có tin tám bán đồ địa ngục này đang gợi ý tôi tìm kiếm thứ gì đó không?”

“Có, Cerca trova.”

“Và nó gợi ý tôi tìm ở chỗ nào?”

Langdon xoa xoa cằm mình trong khi các nhân viên WHO khác bắt đầu quay lại xung quanh, vẻ háo hức chờ nghe thông tin. “Không nói gì nhiều... không hề, mặc dù tôi có ý tưởng về chỗ bà nên bắt đầu.”

“Nói cho tôi biết đi”, Sinskey yêu cầu, có vẻ ép buộc hơn mức Langdon nghĩ.

“Chà, bà cảm thấy Florence, ở Ý, thế nào?”

Sinskey đờ người, phải cố hết sức không thể hiện phản ứng gì. Nhưng các nhân viên của bà thì khả năng kiềm chế không bằng. Tất cả bọn họ cùng nhìn nhau thảng thốt. Một người vớ lấy điện thoại và bấm số. Một người khác vội vàng bước qua cửa tới phía trước máy bay.

Langdon ngơ ngác. “Tôi đã nói gì à?”

Chắc chắn rồi, Sinskey nghĩ. “Điều gì khiến anh nói đó là Florence?”

“Cerca trova”, anh đáp lại, nhanh nhẹn kể lại bí mật đã có từ lâu liên quan đến bức tranh tường của Vasari tại Cung điện Vecchio.

Đích thị là Florence, Sinskey nghĩ, cảm thấy đã nghe đủ. Rõ ràng, không thể là trùng hợp ngẫu nhiên khi kẻ thù của bà lại nhảy lầu tự sát cách Cung điện Vecchio ở Florence chưa đầy ba dặm nhà.

“Giáo sư”, bà nói, “khi tôi cho anh thấy lá bùa của tôi lúc trước và gọi đó là một thương thần trượng, anh sửng lại, như thể anh muốn nói gì đó, nhưng khi đó anh do dự và dường như đã thay đổi suy nghĩ. Anh định nói điều gì?”

Langdon lắc đầu. “Không có gì cả. Chuyện vợ vẫn thôi. Thịnh thoảng thói quen nghề nghiệp làm tôi có chút đoán”.

Sinskey nhìn xoáy vào mắt anh. “Tôi hỏi bởi vì tôi cần biết tôi có thể tin được anh không. Anh định nói gì nào?”

Langdon nuốt khan và hắng giọng. “Không liên quan lắm nhưng bà nói lá bùa của bà là một biểu tượng y học cổ, đúng là vậy. Nhưng khi bà gọi nó là thương thần trượng, bà đã mắc phải một nhầm lẫn rất phổ biến. Thương thần trượng có hai con rắn trên một cây gậy và có cánh ở trên đỉnh. Chiếc bùa của bà chỉ có một con rắn và không có cánh. Biểu tượng của bà gọi là...”

“Cây gậy Asclepius.”

Langdon nghiêng đầu ngạc nhiên. “Vâng. Rất chính xác.”

“Tôi biết. Tôi chỉ kiểm tra mức độ thành thực của anh thôi.”

“Sao cơ?”

“Tôi tò mò muốn biết liệu anh có nói cho tôi biết sự thật hay không, cho dù điều đó có thể khiến tôi khó chịu đến đâu.”

“Nghe có vẻ như tôi không qua được bài kiểm tra.”

“Đừng làm như vậy lần nữa. Hoàn toàn trung thực là cách duy nhất anh và tôi có thể làm việc với nhau trong vụ này.”

“Làm việc với nhau ư? Chúng ta vẫn chưa kết thúc ở đây à?”

“Chưa, thưa giáo sư, chúng ta chưa kết thúc. Tôi cần anh đến Florence để giúp tôi tìm một thứ.”

Langdon nhìn sững mà không tin nổi. “Tối nay sao?”

“Tôi e là như vậy. Tôi chưa nói với anh về bản chất nghiêm trọng thật sự của tình huống này.”

Langdon lắc đầu. “Bà nói gì với tôi không thành vấn đề. Tôi không muốn bay đến Florence.”

“Tôi cũng vậy”, bà đánh giọng. “Nhưng rất tiếc, thời gian của chúng ta đang cạn dần.”

Chương 62

Mặt trời giữa trưa chiếu lên phần nóc khá trang nhã của đoàn tàu Frecciargento cao tốc ở Ý khi nó lao về phía bắc, cắt thành một đường cong yêu kiều qua vùng nông thôn Tuscan. Mặc dù đang rời khỏi Florence với vận tốc một trăm bảy mươi tư dặm mỗi giờ, nhưng đoàn tàu “mũi tên bạc” gần như không hề tạo ra tiếng ồn, những tiếng lanh canh nhẹ nhàng lặp đi lặp lại cùng chuyển động lắc lư khe khẽ của nó đem lại cảm giác khá dễ chịu cho hành khách.

Với Robert Langdon, một tiếng đồng hồ vừa qua là khoảng thời gian mờ mịt.

Lúc này, trên đoàn tàu cao tốc Frecciargento, Langdon, Sienna và bác sĩ Ferris ngồi ở một trong những salottini riêng - loại buồng nhỏ hạng nhất có bốn ghế da và một bàn gấp. Ferris đã dùng thẻ tín dụng của mình mua toàn bộ buồng, cùng với bánh mì kẹp và nước khoáng, những thứ Langdon và Sienna ngấu nghiến hết sạch sau khi đã rửa ráy trong phòng vệ sinh cạnh buồng riêng của họ.

Khi cả ba người ổn định chỗ để thực hiện chuyến đi bằng tàu hỏa dài hai

tiếng tới Venice, bác sĩ Ferris lập tức nhìn đăm đăm chiếc mặt nạ người chết của Dante nằm trên mặt bàn ở giữa họ, trong cái túi Ziploc. “Chúng ta cần biết chính xác chiếc mặt nạ này chỉ dẫn chúng ta tới nơi nào ở Venice”

“Và phải thật nhanh”, Sienna nói thêm, giọng cô đầy khẩn trương. “Có lẽ đó là hy vọng duy nhất của chúng ta nhằm ngăn chặn đại dịch của Zobrist.”

“Khoan đã”, Langdon nói, chặn một tay lên chiếc mặt nạ, “Anh đã hứa một khi chúng ta an toàn lên được đoàn tàu này, sẽ cho tôi một số câu trả lời về mấy ngày qua. Cho tới giờ, tất cả những gì tôi biết là WHO đã tuyên bố tôi tại Cambridge để giúp giải mã bức Vực Địa ngục của Zobrist. Ngoài ra, anh chưa nói gì với tôi cả.”

Bác sĩ Ferris trở mình về không thoải mái và lại bắt đầu gãi những chỗ mẩn ngứa trên mặt và cổ. “Tôi có thể nhận thấy anh đang thất vọng”, ông ta nói. “Tôi biết chắc rất khó chịu khi không nhớ được những gì đã xảy ra, nhưng nói theo y khoa...” Ông ta liếc nhìn Sienna để xác nhận và sau đó nói tiếp. “Tôi đề nghị anh đừng tiêu tốn năng lượng cố nhớ lại những tình tiết mà anh không thể nhớ. Với các nạn nhân bị chứng mất trí nhớ, tốt nhất là để những điều đã quên chìm vào quên lãng luôn.”

“Vậy à?” Langdon cảm thấy bức bối. “Chả ra làm sao cả! Tôi cần một vài câu trả lời! Tổ chức của anh đưa tôi tới Ý, nơi tôi bị bắn và đánh mất vài ngày của đời mình! Tôi muốn biết việc đó xảy ra như thế nào!”

“Robert”, Sienna dịu dàng nói xen vào, cô trấn an anh. “Bác sĩ Ferris nói đúng. Hoàn toàn không tốt cho anh khi thông tin dồn dập đến cùng một lúc. Hãy nghĩ đến những tình tiết nhỏ mà anh thực sự nhớ được - người phụ nữ tóc bạc, 'tìm và sẽ thấy', những cái xác quần quai trong bức Vực Địa ngục - các hình ảnh đan xen trong tâm trí anh thành một chuỗi hồi tưởng lộn xộn không thể kiểm soát nổi khiến cho anh gần như mất hết năng lực. Nếu bác sĩ Ferris kể lại mấy ngày qua, gần như chắc chắn ông ấy sẽ khơi gợi được những ký ức khác và các ảo giác của anh có thể bắt đầu trở lại, Chứng mất trí nhớ cũ là một trạng thái đáng sợ. Kích thích những ký ức nhằm chỗ có thể cực kỳ nguy hiểm cho tâm thần.”

Ý nghĩ đó không hề có trong Langdon.

“Chắc chắn anh cảm thấy mất phương hướng”, Ferris nói thêm, “nhưng lúc này anh cần giữ tâm lý ổn định để tiếp tục hành động. Việc đoán ra được thông điệp của mặt nạ này là điều rất quan trọng.”

Sienna gật đầu.

Langdon thầm nhận ra các bác sĩ có vẻ đều thống nhất ý kiến.

Langdon ngồi im lặng, cố gắng chế ngự những cảm giác bất an của mình. Gặp một người hoàn toàn xa lạ và nhận ra thực tế bạn đã biết người đó vài ngày rồi là một cảm giác rất lạ. Lại nữa, Langdon nghĩ, có gì đó hơi quen quen trong đôi mắt của anh ta.

“Giáo sư”, Ferris nói đầy cảm thông. “Tôi có thể thấy anh không tin tưởng tôi, và điều này hoàn toàn dễ hiểu nếu xét đến tất cả những gì anh đã trải qua. Một trong những hiệu ứng phụ phổ biến của chứng mất trí nhớ là đa nghi nhẹ và ngờ vực.”

Có lý đấy, Langdon nghĩ, bởi lẽ tôi thậm chí còn không thể tin vào trí não của mình.

“Nói đến đa nghi”, Sienna đùa, rõ ràng cố gắng làm dịu không khí, “anh Robert đã nhìn thấy tình trạng phát ban của anh và nghĩ anh bị nhiễm dịch hạch”. “Chỗ phát ban này á? Tin tôi đi, giáo sư, nếu tôi bị dịch hạch, tôi sẽ không điều trị bằng kháng sinh histamine bày bán tự do đâu”, ông ta móc một tuýp thuốc nhỏ trong túi và đưa cho Langdon. Quả nhiên, đó là một tuýp kem chống ngứa chuyên trị các phản ứng dị ứng còn một nửa.

“Tôi xin lỗi về chuyện đó”, Langdon nói, cảm thấy mình thật ngớ ngẩn. “Ngày dài quá mà.”

“Không sao cả”, Ferris nói.

Langdon xoay người về phía cửa sổ, nhìn những gam trầm của vùng thôn quê nước Ý kết hợp trong một bức tranh thanh bình. Những vườn nho và trang trại giờ trở nên thưa thớt hơn khi bình nguyên nhường chỗ cho những quả đồi thấp vùng Apennines. Chỉ lát nữa, đoàn tàu sẽ chạy vào con đèo ngoằn ngoèo và sau đó lại xuống thấp, tiến về phía đông, tới biển Adriatic.

Mình đang tới Venice, anh thầm nghĩ. Để tìm một kiếm một đại dịch.

Cái ngày lạ lùng hôm nay khiến Langdon cảm giác như thể mình đang di chuyển qua một khung cảnh chẳng có gì khác ngoài những hình thù mơ hồ không có chi tiết cụ thể. Như một giấc mơ.

Mia mai thay, những cơn ác mộng lại thường khiến người ta tỉnh giấc, nhưng

Langdon cảm thấy như thể mình vừa choàng tỉnh trong một cơn ác mộng.

“Anh nghĩ gì vậy?”, Sienna thì thầm bên cạnh anh

Langdon ngược lên, mỉm cười mỗi mệp. “Anh đang nghĩ anh sẽ tỉnh giấc ở nhà và nhận ra tất cả chuyện này chỉ là một cơn ác mộng.”

Sienna nghiêng đầu, vẻ bẽn lễn. “Anh sẽ không nhớ em nếu anh tỉnh dậy và thấy rằng em không hề có thật à?”

Langdon đành cười. “Có chứ, anh sẽ nhớ em chút chút.”

Cô đập nhẹ lên đùi anh. “Đừng có nằm mơ giữa ban ngày nữa đi, giáo sư, và làm việc nào.”

Langdon miễn cưỡng đưa mắt trở lại khuôn mặt nhúm của Dante Alighieri trên chiếc bàn trước mặt đang trân trân nhìn mông lung lên trần. Anh nhẹ nhàng nhấc chiếc mặt nạ thạch cao lên và lật ngược nó trên tay mình, chăm chú nhìn phần mặt sau lõm, ngay dòng đầu tiên của thông điệp xoáy tròn ốc:

Ôi, các người bị ám ảnh bởi tri thức vững vàng...

Langdon e rằng lúc này mình không thể hiểu nổi.

Thế nhưng anh vẫn bắt tay vào việc.

Hai trăm dặm phía trước đoàn tàu đang lao vùn vụt, con tàu The Mendacium vẫn buồng neo trên biển Adriatic. Ở boong dưới, điều phối viên Laurence Knowlton nghe thấy những tiếng gõ khe khẽ lên buồng kính của mình và thò tay bấm một cái nút bên dưới bàn làm việc, biến vách tường mờ đục thành trong suốt. Bên ngoài, một dáng người thấp nhỏ, rám nắng hiện ra.

Thị Trưởng.

Trông ông ta rất cau có.

Không nói một lời, ông ta bước vào, khóa trái cửa buồng, và bật công tắc để biến buồng kính trở thành mờ đục như cũ. Người ông ta nồng nặc mùi rượu.

“Đoạn video Zobrist để lại cho chúng ta”, Thị Trưởng lên tiếng.

“Vâng, thưa ngài?”

“Tôi muốn xem. Ngay bây giờ.”

Chương 63

Lúc này Robert Langdon vừa hoàn thành việc ghi lại đoạn thông điệp xoáy tròn ốc từ chiếc mặt nạ người chết ra giấy để có thể phân tích nó kỹ hơn. Sienna và bác sĩ Ferris tùm lại hỗ trợ, và Langdon phải cố hết sức để không chú ý đến việc Ferris cứ liên tục gãi và thở dốc.

Anh ta không sao, Langdon nhủ thầm, cố tập trung vào những dòng thơ trước mặt mình.

“Ôi những người bị ám ảnh về tri thức vững vàng,

hãy làm theo lời dạy giấu ở đây...

bên dưới lớp màn thơ phú khó hiểu.”

“Như tôi đã nói lúc trước”, Langdon bắt đầu, “Khở mở đầu trong bài thơ của Zobrist lấy nguyên văn từ Hỏa ngục của Dante một lời cảnh báo với độc giả rằng những câu chữ ấy mang một ý nghĩa sâu xa hơn”.

Tác phẩm đầy ngụ ý của Dante có vô vàn những luận giải được giấu kỹ về tôn giáo, chính trị và triết học đến mức Langdon thường gợi ý sinh viên của mình rằng thi hào người Ý này cần được nghiên cứu nhiều như Kinh Thánh – đọc thật kỹ các dòng để cố gắng hiểu ý nghĩa sâu xa hơn.

“Các học giả về phúng dụ thời Trung cổ”, Langdon nói tiếp, “nhìn chung chia những phân tích của họ thành hai hạng mục – 'văn bản' và 'hình ảnh'... Văn bản là nội dung đúng nghĩa đen của tác phẩm, còn hình ảnh là thông điệp mang tính biểu tượng”.

“Được rồi”, Ferris hào hứng nói. “Vậy thực tế rằng nhà thơ bắt đầu với dòng thơ này...”

“Tức là”, Sienna xen vào, “việc đọc qua của chúng ta chỉ lật mở một phần câu chuyện. Nghĩa thực có thể ẩn giấu”.

“Đúng, đại loại như thế đấy.” Langdon đưa mắt trở lại văn bản và tiếp tục đọc to.

“Hãy tìm gã tổng trấn bội bạc của Venice,

kẻ cắt rời những đầu ngựa...

và moi xương cả người mù lòa,”

“Chà”, Langdon nói, “tôi không chắc về những con ngựa không đầu và xương của kẻ mù lòa, nhưng nghe như thể chúng ta cần phải tìm một vị tổng trấn cụ thể”.

“Em cho rằng... ngôi mộ của một tổng trấn chẳng?”, Sienna hỏi.

“Hay một bức tượng hoặc chân dung?”, Langdon đáp lại. “Đã nhiều thế kỷ không còn các tổng trấn.”

Tổng trấn của Venice cũng tương đương với công tước của các thành bang nước Ý khác, và hơn một trăm vị đã từng cai trị Venice trong suốt cả một nghìn năm, bắt đầu từ năm 697 sau Công nguyên. Dòng dõi của họ kết thúc cuối thế kỷ XVIII với cuộc chinh phạt của Napoleon, nhưng vinh quang và quyền lực của họ vẫn là chủ đề mà nhiều sử gia vô cùng say mê.

“Như hai người có thể đã biết”, Langdon nói, “hai điểm du lịch phổ biến nhất ở Venice - Dinh Tổng trấn và Thánh đường St.Mark - đều được các tổng trấn xây dựng cho chính mình. Nhiều người trong số họ được an táng ngay trong đó”.

“Và anh có biết”, Sienna hỏi, mắt nhìn bài thơ, “liệu có vị tổng trấn nào được coi là đặc biệt nguy hiểm không?”.

Langdon cúi nhìn dòng thơ đang được nghiên cứu. Hãy tìm gã tổng trấn bội bạc của Venice. “Anh không biết ai cả, nhưng bài thơ không dùng từ 'nguy hiểm', mà dùng từ 'bội bạc'. Có một sự khác biệt, ít nhất trong thế giới của Dante. Bội bạc là một trong Bảy Trọng tội - thực tế là tội nặng nhất - bị trừng phạt tại tầng địa ngục thứ Chín và cũng là cuối cùng.”

Bội bạc, theo định nghĩa của Dante, là hành vi phản bội một người yêu thương. Ví dụ khét tiếng nhất trong lịch sử về tội này chính là Judas phản bội Jesus đáng kính, một hành động Dante khinh bỉ đến mức tống Judas xuống khu vực trong cùng của hỏa ngục - một khu vực được đặt tên Judecca, theo

tên của gã cư dân nhục nhã nhất.

“Hiểu rồi”, Ferris nói, “như vậy chúng ta đang tìm một vị tổng trấn phạm tội bội bạc”.

Sienna gật đầu tán thành. “Điều đó sẽ giúp chúng ta hạn chế được danh sách khả năng”, cô ngừng lại, mắt nhìn văn bản. “Nhưng dòng tiếp theo này... một vị tổng trấn 'cắt rời những đầu ngựa' à?” Cô ngược mắt nhìn Langdon. “Có vị tổng trấn nào cắt đầu ngựa không?”

Hình ảnh Sienna nhắc đến khiến Langdon nhớ tới cảnh tượng khủng khiếp trong truyện Bó già. “Thôi đừng nhắc đến nữa. Nhưng theo câu này, ông ta còn 'mọi xương cả người mù lòa' nữa.” Anh đưa mắt nhìn Ferris. “Điện thoại của anh có Internet không?”

Ferris nhanh nhẹn lấy điện thoại và chìa ra những ngón tay phát ban sưng múp. “Các phím có thể hơi khó bấm với tôi.”

“Đề tôi”, Sienna nói, nhận lấy chiếc điện thoại của ông ta. “Tôi sẽ tìm kiếm các vị tổng trấn Venice, liên quan đến những con ngựa mất đầu và xương của người mù lòa”. Cô bắt đầu bấm rất nhanh trên bàn phím nhỏ xíu.

Langdon đọc lại bài thơ lần nữa, và sau đó tiếp tục đọc to.

“Hãy quỳ gối bên trong bảo quán mạ vàng của tri thức thánh thiêng...

và áp tai xuống mặt đất,

lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt.”

“Tôi chưa bao giờ nghe nói đến một bảo quán”, Ferris nói

“Đó là một từ cổ mang nghĩa 'đền thờ được các nàng thơ bảo vệ’”, Langdon đáp. “Thời kỳ của người Hy Lạp cổ, một bảo quán là nơi những người được khai sáng tụ họp để chia sẻ các ý tưởng và thảo luận về văn chương, âm nhạc và nghệ thuật. Bảo quán đầu tiên do Ptolemy xây dựng tại Thư viện Alexandria nhiều thế kỷ trước Công nguyên, và sau đó hàng trăm bảo quán mọc lên khắp thế giới-”

“Bác sĩ Brooks”, Ferris nói, nhìn về phía Sienna đầy hy vọng. “Cô có thể tra xem có bảo quán nào ở Venice không?”

“Thực tế có hàng trăm nơi”, Langdon nói kèm một nụ cười khô hài. “Giờ đây chúng được gọi là bảo tàng”

“Á à...”, Ferris đáp lại. “Tôi đoán chúng ta sẽ phải quét qua một mạng lưới rộng hơn đây.”

Sienna vẫn bám vào điện thoại, không hề cảm thấy phiền phức vì có quá nhiều nhiệm vụ mà rất bình tĩnh xem danh sách liệt kê. “Được rồi, vậy là chúng ta tìm một bảo tàng nơi có thể lần ra một vị tổng trấn chặt đầu ngựa và moi xương người mù lòa. Robert, có bảo tàng đặc biệt nào có thể là nơi đáng tới xem không?”

Langdon đã nghĩ đến tất cả các bảo tàng nổi tiếng nhất của Venice – Gallerie dell’ Academia, Ca’ Rezzonico, Cung điện Grassi, Bộ sưu tập Peggy Guggenheim, Bảo tàng Correr - nhưng không nơi nào phù hợp với mô tả cả.

Anh nhìn lại văn bản.

Hãy quỳ gối bên trong bảo quán mạ vàng của tri thức thánh thiêng

Langdon nhăn nhó mỉm cười. “Venice không có một bảo tàng nào phù hợp hoàn toàn với khái niệm 'bảo quán mạ vàng của tri thức thánh thiêng' cả.”

Cả Ferris và Sienna đều nhìn anh đầy trông đợi.

“Thánh đường St. Mark”, anh tuyên bố. “Nhà thờ lớn nhất tại Venice.”

Ferris có vẻ không chắc chắn lắm. “Nhà thờ đó là một bảo tàng à?”

Langdon gật đầu. “Giống như Bảo tàng Vatican. Và thêm nữa, nội thất của St. Mark nổi tiếng vì được trang trí toàn bộ bằng gạch ốp làm từ vàng đặc.”

“Một bảo quán mạ vàng”, Sienna nói, nghe phần khích thấy rõ.

Langdon gật đầu, tin chắc rằng St. Mark chính là đền thờ mạ vàng được nhắc đến trong bài thơ. Trong nhiều thế kỷ, người dân Venice gọi St. Mark là Nhà thờ Vàng, và Langdon xem nội thất của nơi này là tráng lệ nhất so với bất kỳ nhà thờ nào trên thế giới.

“Bài thơ nói 'quỳ' ở đó”, Ferris nói. “Và nhà thờ chính là nơi rất hợp lý để quỳ.”

Sienna lại bầm nhoay nhoáy. “Tôi sẽ thêm St. Mark vào lệnh tìm kiếm. Đó nhất định phải là nơi chúng ta cần tìm kiếm vị tổng trấn.”

Langdon biết họ sẽ tìm ra không thiếu các vị tổng trấn tại St. Mark - nơi, theo đúng nghĩa đen, chính là thánh đường của các tổng trấn. Anh cảm thấy thêm phần chấn khi đưa mắt trở lại bài thơ.

“Hãy quỳ gối bên trong bảo quán mạ vàng của tri thức thánh thiêng...

và áp tai xuống mặt đất,

lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt.”

Tiếng nước nhỏ giọt à? Langdon thắc mắc. Có nước bên dưới St. Mark không nhỉ? Anh nhận ra câu hỏi này thật ngớ ngẩn. Toàn bộ thành phố này có nước bên dưới. Mọi tòa nhà ở Venice đều đang chìm dần và thấm nước. Langdon hình dung ra tòa thánh đường và cố gắng nghĩ xem chỗ nào bên trong có thể quỳ để nghe được tiếng nước nhỏ giọt. Và một khi nghe thấy nó... chúng ta cần làm gì chứ?

Langdon nhìn lại bài thơ và đọc nốt thật to.

“Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm...

vì ở đây, trong bóng tối, con quái vật chôn địa phủ chờ đợi,

lặn ngụp trong thứ nước đỏ như máu...

của cái đầm không hề phản chiếu ánh sao.”

“Được rồi”, Langdon nói, cảm thấy lo âu trước hình ảnh ấy, “rõ ràng, chúng ta lần theo tiếng nước nhỏ giọt... tới một cung điện bị chìm nào đó”.

Ferris gãi mặt, trông rất lo lắng. “Con quái vật chôn địa phủ là sao?”

“Ồ bên dưới mặt đất?” Sienna nói, các ngón tay cô vẫn thao tác trên điện thoại. “'Địa phủ' có nghĩa là 'bên dưới mặt đất'.”

“Phần nào đó đúng”, Langdon nói. “Mặc dù từ này có hàm nghĩa lịch sử khác - thường gắn với truyền thuyết về quái vật. Địa phủ là một hạng mục gồm các vị thần và quái vật trong thần thoại - Erinyes, Hecate và Medusa chẳng hạn. Chúng được gọi là địa phủ bởi vì chúng sống bên dưới lòng đất

và gắn với địa ngục”, Langdon nhùng lại. “Xa xưa, chúng trôi lên từ lòng đất và xuất hiện trên mặt đất để trả thù thế giới loài người.”

Im lặng kéo dài và Langdon cảm thấy tất cả bọn họ đều nghĩ đến cùng một thứ. Con quái vật địa phủ này... chỉ có thể là đại dịch của Zobrist

“...vì ở đây, trong bóng tối, con quái vật chôn địa phủ chờ đợi,

lặn ngụp trong thứ nước đỏ như máu...

của cái đầm không hề phản chiếu ánh sao.”

“Nhân tiện”, Langdon nói, cố gắng tập trung vào vấn đề, “rõ ràng chúng ta đang tìm kiếm một địa điểm dưới lòng đất, nơi ít nhất cũng giải thích cho dòng thơ cuối cùng nói đến cái đầm không hề phản chiếu ánh sao’.”

“Hay lắm”, Sienna nói, giờ đã rời mắt khỏi chiếc điện thoại của Ferris. “Nếu một cái đầm ở dưới lòng đất thì nó không thể phản chiếu bầu trời. Nhưng Venice này có các đầm nước ngầm dưới lòng đất không nhỉ?”

“Anh không biết cái nào cả”, Langdon đáp lời. “Nhưng một thành phố được xây dựng trên nước thì có lẽ có vô khối khả năng.”

“Nếu đầm nước trong nhà thì sao?”, Sienna bất ngờ hỏi, mắt nhìn cả hai. “Bài thơ nói đến 'bóng tối' của 'cung điện bị chìm'. Lúc trước anh nói rằng Dinh Tổng trấn được nối thông với thánh đường, phải không nào? Điều đó có nghĩa là các công trình ấy có rất nhiều điểm mà bài thơ nhắc đến - một bảo quản của tri thức thánh thiêng, một cung điện, liên quan đến các vị tổng trấn - và tất cả đều tọa lạc ngay tại đây trên đầm nước lớn của Venice, ở mực nước biển.”

Langdon suy nghĩ phân tích này. “Em nghĩ 'cung điện bị chìm' trong bài thơ chính là Dinh Tổng trấn à?”

“Tại sao lại không chứ? Bài thơ bảo chúng ta trước hết quỳ ở Thánh đường St. Mark, sau đó theo tiếng nước nhỏ giọt. Có lẽ tiếng nước dẫn tới cánh cửa tiếp theo đến Dinh tổng trấn. Nó có thể có phần nền chìm dưới lòng đất hay gì đó.”

Langdon đã tới tham quan Dinh Tổng trấn nhiều lần và biết rằng nó rất rộng. Là một quần thể nhiều tòa nhà, cung điện này chứa một bảo tàng quy mô lớn, một mê cung thực sự gồm nhiều gian phòng, buồng, và sân, và cả một

mạng lưới nhà tù rộng đến mức phải bố trí trong nhiều tòa nhà.

“Có thể em nói đúng”, Langdon nói, “nhưng mò mẫm tìm kiếm một cung điện như thế sẽ mất vài ngày. Anh gợi ý chúng ta làm đúng như bài thơ bảo. Trước tiên, chúng ta tới Thánh đường St Mark và tìm mộ hoặc tượng của vị tổng trấn bội bạc, sau đó chúng ta quỳ xuống”.

“Còn sau đó?”, Sienna hỏi.

“Còn sau đó”, Langdon thở dài nói, “chúng ta cầu nguyện để nghe được tiếng nước nhỏ giọt... và dẫn chúng ta tới đâu đó”.

Trong khoảnh khắc im lặng tiếp theo, Langdon hình dung ra bộ mặt đầy lo âu của Elizabeth Sinskey như anh nhìn thấy trong ảo giác, kêu gọi anh từ bên kia dòng nước. Thời gian rất gấp. Hãy tìm và sẽ thấy. Anh tự hỏi giờ Sinskey ở đâu... và liệu bà ấy có ổn không. Những tên lính mặc đồ đen rõ ràng lúc này nhận ra rằng Langdon và Sienna đã trốn thoát. Còn bao lâu nữa cho tới khi chúng đuổi theo sau bọn mình?

Khi đưa mắt nhìn lại bài thơ, Langdon cố chống lại trạng thái kiệt sức. Anh nhìn dòng thơ cuối cùng, và một ý nghĩ khác vụt đến với anh. Anh tự hỏi có nên nêu ra không. Cái đăm không hề phản chiếu ánh sao. Có lẽ không thích hợp với cuộc tìm kiếm của họ, nhưng anh quyết định vẫn nói ra. “Tôi cần nói đến một điểm khác.”

Sienna ngược mắt khỏi điện thoại di động.

“Ba phần bộ Thần khúc của Dante”, Langdon nói. “Hỏa ngục, Luyện ngục và Thiên đường. Tất cả đều kết thúc với cùng một từ.”

Sienna tỏ ra ngạc nhiên.

“Đó là từ gì vậy?”, Ferris hỏi.

Langdon chỉ xuống cuối văn bản mà anh đã viết lại. “Cũng chính là từ kết thúc bài thơ này - 'sao'”. Anh nhắc chiếc mặt nạ người chết của Dante lên và chỉ vào chính giữa xoáy tròn ốc.

Cái đăm không hề phản chiếu ánh sao.

“Thêm nữa”, Langdon tiếp tục, “trong đoạn kết của Hỏa ngục, chúng ta thấy Dante nghe tiếng nước nhỏ giọt bên trong một vực thẳm và theo âm thanh đó

đi qua một lối mở... dẫn ông ra khỏi địa ngục”.

Ferris hơi tái mặt. “Lạy Chúa.”

Vừa lúc đó, một luồng không khí ong tai ùa vào khoang tàu khi đoàn tàu Frecciargento lao mình vào đường hầm xuyên núi

Trong bóng tối, Langdon nhắm mắt lại và cố để cho tâm trí mình thư giãn. Zobrist có lẽ là một gã cuồng, anh nghĩ bụng, nhưng chắc chắn hẳn hiểu rất rõ về Dante.

Chương 64

Laurence Knowlton cảm thấy nhẹ cả người.

Thị Trưởng đã thay đổi suy nghĩ về việc xem đoạn video của Zobrist.

Knowlton thọc tay vào túi lấy chiếc thẻ nhớ đỏ thẫm rồi cắm vào máy tính của mình để cho ông chủ xem. Sức nặng từ thông điệp quái đản dài chín phút của Zobrist vẫn đang ám ảnh Knowlton, và anh ta rất nôn nóng muốn có thêm người khác cùng xem thứ đó.

Việc này sẽ không còn là trách nhiệm của mình nữa.

Knowlton nín thở khi bắt đầu cho chạy đoạn video.

Màn hình tối sẫm, và tiếng nước vỗ nhẹ tràn ngập trong gian phòng. Máy quay di chuyển qua màn sương đỏ của cái hang ngầm, và mặc dù Thị Trưởng không lộ ra phản ứng rõ rệt nào, Knowlton vẫn cảm thấy ông ta hoảng hốt và sửng sờ.

Máy quay tạm ngừng di chuyển về phía trước, xoay xuống đằm, rồi lao thẳng xuống nước, chìm sâu vài mét cho tới khi ra tấm biển titan nhẵn bóng bắt vít chặt xuống nền.

TẠI NƠI NÀY, VÀO NGÀY NÀY,

THẾ GIỚI THAY ĐỔI MÃI MÃI.

Thị Trưởng hơi nao núng. “Ngày mai”, ông ta thì thào, mắt nhìn vào ngày giờ trên đoạn video. “Và chúng ta có biết nơi này là chỗ nào không?”

Knowlton lắc đầu.

Giờ máy quay lia sang trái, để lộ ra cái túi nhựa chứa thứ chất lỏng sền sệt màu vàng nâu.

“Trời đất quỷ thần ơi?!” Thị Trường kéo một chiếc ghế lại và gồi xuống, mắt đăm đăm nhìn cái bong bóng lập lờ, giống như một quả bóng bay được cột lại dưới nước.

Cả gian phòng chìm trong bầu im lặng ngọt ngào khi đoạn video tiếp tục chạy. Một lát sau, màn hình tối om, và sau đó một bóng đen mũi hình mỏ chim quái lạ xuất hiện trên vách hang và bắt đầu nói bằng thứ ngôn ngữ bí ẩn.

“Ta là Vong linh.

Nếu người đang xem đoạn phim này, tức là cuối cùng linh hồn ta đã yên nghỉ.

Bị xua đuổi xuống dưới mặt đất, ta đành phải nói chuyện với thế giới từ sâu thẳm trong lòng đất, lần trốn đến lòng hang tăm tối này, nơi thứ nước đỏ như máu tích tụ trong cái đầm không một ánh sao phản chiếu.

Nhưng đây là thiên đường của ta... nơi nuôi dưỡng hoàn hảo đứa con yếu ớt của ta.

Hỏa ngục.”

Thị Trường ngược lên. “Hỏa ngục à?”

Knowlton nhún vai. “Như tôi đã nói, rất đáng ngại.”

Thị Trường đưa mắt nhìn lại màn hình, chăm chú theo dõi.

Cái bóng đen mũi hình mỏ chim tiếp tục nói vài phút liền, diễn giải về đại dịch, về nhu cầu sàng lọc dân số, về vai trò vẻ vang của hắn trong tương lai, về cuộc chiến của hắn chống lại những kẻ ngu dốt đang tìm cách ngăn cản hắn, và về một vài đối tượng trung thành nhận ra rằng hành động quyết liệt là cách duy nhất để cứu lấy cả hành tinh.

Cho dù cuộc chiến tranh có về cái gì thì cả buổi sáng nay Knowlton vẫn đang tự hỏi liệu Consortium có đang chiến đấu nhằm phe.

Giọng nói tiếp tục.

“Ta đã tạo ra một kiệt tác cứu rỗi, nhưng những nỗ lực của ta không được tưởng thưởng bằng các hồi kèn chào mừng và vòng hoa chiến thắng... mà bằng những lời đe dọa của thần chết.

Ta đâu có sợ chết... vì cái chết biến những người nhìn xa trông rộng thành thánh tử vì đạo... biến những ý tưởng cao quý thành hành động mạnh mẽ.

Jesus. Socrates. Martin Luther King.

Một ngày không xa ta sẽ gia nhập với họ.

Kiệt tác ta tạo ra chính là tác phẩm của Chúa trời... một món quà từ Đấng tối cao, người đã ban cho ta trí tuệ, công cụ và lòng can đảm cần có để thực hiện sự sáng tạo như vậy.

Giờ đây, cái ngày đó đang đến gần.

Hỏa ngục ngủ yên dưới chân ta, chuẩn bị phun trào... dưới con mắt giám sát của con quái vật địa phủ và tất cả cơn Cuồng nộ của nó.

Mặc dù kỳ công của ta cao quý, nhưng cũng như các người, ta không phải là kẻ xa lạ với Tội lỗi. Thậm chí ta còn phạm phải tội lỗi xấu xa nhất trong Bảy Trọng tội - sự căm dỗ cô độc nơi rất ít kẻ có thể tránh khỏi.

Thói kiêu hãnh.

Bằng cách ghi hình lại thông điệp này, ta đã gục ngã trước cảm dỗ ghê gớm của lòng Kiêu hãnh... vì háo hức bảo đảm rằng cả thế giới sẽ biết đến công trình của ta.

Và tại sao lại không chứ?

Loài người cần biết rõ nguồn gốc sự cứu rỗi của chính mình...

Tên tuổi của người đã đóng chặt mãi mãi những cánh cổng toang hoác của địa ngục!

Cứ mỗi giờ qua đi, kết quả càng thêm chắc chắn. Những phép toán – vốn nghiêm khắc như quy luật hấp dẫn - là điều không thể bàn cãi. Chính việc sự sống sinh sôi theo cấp số mũ từng suýt tiêu diệt loài người sẽ cứu nguy cho

loài người, vẻ đẹp của một sinh vật sống - dù nó tốt hay xấu - là ở chỗ nó tuân theo quy luật của Chúa với tầm nhìn duy nhất.

Hãy sinh sản thêm nhiều [\[31\]](#).

Và thế là ta dĩ độc... trị độc.”

“Đủ rồi.” Thị Trưởng nói xen vào khế đến mức Knowlton gần như không nghe thấy.

“Thưa ngài?”

“Dừng đoạn Video lại.”

Knowlton cho dừng lại, “Thưa ngài, đoạn kết thực tế lại là phần đáng sợ nhất.”

“Tôi xem đủ rồi.” Thị Trưởng trông mệt mỏi. Ông ta rảo bước trong gian buồng một lúc và sau đó đột ngột quay lại. “Chúng ta cần liên hệ với FS-2080.”

Knowlton ngẫm nghĩ về động thái này.

FS-2080 là bí số của một trong những đầu mối liên hệ đáng tin cậy của Thị Trưởng - cũng chính đầu mối liên hệ này đã giới thiệu Zobrist làm khách hàng của Consortium. Rõ ràng vào lúc này Thị Trưởng đang trách chính mình vì đã tin đánh giá của FS-2080, sự xuất hiện của Bertrand Zobrist đã làm cho thế giới quy củ của Consortium hỗn loạn.

FS-2080 là lý do của vụ khủng hoảng này.

Chuỗi tai ương vây quanh Zobrist dường như chỉ càng tệ hơn, không chỉ với Consortium, mà có lẽ cả thế giới.

“Chúng ta cần phát hiện ra ý định thật của Zobrist”, Thị Trưởng tuyên bố. “Tôi muốn biết đích xác ông ta tạo ra cái gì, và liệu đây có phải là một hiểm họa thật sự không.”

Knowlton biết rằng nếu có ai đó biết câu trả lời cho những câu hỏi này thì đó sẽ là FS-2080. Còn ai biết rõ Bertrand Zobrist hơn nữa. Đã đến lúc Consortium phải phá bỏ quy trình và đánh giá xem tổ chức đã vô tình hậu thuẫn cho âm mưu điên rồ gì trong năm qua.

Knowlton ngẫm nghĩ những khả năng có thể khi đối diện trực tiếp với FS-2080. Chỉ riêng việc bắt liên lạc đã kéo theo những rủi ro nhất định.

“Thưa ngài”, Knowlton nói, “rõ ràng nếu ngài tiếp cận với FS- 2080, ngài cần phải làm việc đó rất tế nhị”.

Mắt Thị Trường lóe lên giận dữ lúc ông ta rút điện thoại di động ra. “Chúng ta đã bước qua sự tế nhị từ lâu rồi.”

Ngồi cùng với hai bạn đồng hành trong khoang riêng của đoàn tàu Frecciargento, người đàn ông đeo cà vạt hoa và cặp kính Plume Paris phải cố hết sức không gãi những chỗ mẩn ngứa càng lúc càng tệ. Cơn đau ở ngực ông ta dường như cũng tăng lên.

Cuối cùng, khi đoàn tàu chui ra khỏi đường hầm, người đàn ông nhìn Langdon, lúc này từ từ mở mắt, rõ ràng vừa thoát ra khỏi những ý nghĩ xa xăm. Bên cạnh anh, Sienna lại bắt đầu cúi xuống điện thoại di động của ông ta, nhưng lúc đoàn tàu lao qua hầm, cô đành phải bỏ xuống vì không có tín hiệu.

Sienna có vẻ nôn nóng tiếp tục tìm kiếm trên Internet, nhưng cô chưa kịp cầm lấy điện thoại thì nó đột ngột rung lên, phát ra cả chuỗi những tiếng pip giật cục.

Nghe thấy chuông, người đàn ông bị dị ứng lập tức vớ lấy điện thoại và nhìn màn hình, cố giấu đi vẻ ngạc nhiên.

“Xin lỗi”, ông ta nói và đứng lên. “Bà cụ đang ốm nhà tôi. Tôi phải nghe máy.”

Sienna và Langdon gật đầu cảm thông khi người đàn ông xin phép và ra khỏi buồng, đi nhanh ra hành lang đến phòng vệ sinh gần đó.

Người đàn ông bị dị ứng khóa trái buồng vệ sinh khi nhận cuộc gọi. “Tôi nghe?”

Giọng nói trên máy nghiêm nghị. “Thị Trường đây.”

Chương 65

Nhà vệ sinh trên tàu Frecciargento không lớn hơn nhà vệ sinh trên một chiếc máy bay thương mại, chỉ vừa đủ không gian để xoay người. Người đàn ông bị phát ban kết thúc cuộc điện đàm với Thị Trưởng và đút điện thoại vào túi.

Tình hình đã thay đổi, ông ta nhận ra như vậy. Toàn bộ cảnh tượng đột nhiên đảo lộn, và ông ta cần một lúc để trấn tĩnh.

Bạn bè của ta giờ trở thành kẻ thù của ta mãi rồi.

Người đàn ông nói chiếc cà vạt hoa và nhìn sững vào gương mặt nổi mụn của mình trong gương. Trông ông ta còn tệ hơn so với ông ta tưởng. Song, gương mặt ông ta không đáng lo lắng bằng cơn đau trong ngực.

Hơi do dự, ông ta mở vài khuy áo và phanh áo sơ mi ra.

Ông ta gượng nhìn vào gương và xem kỹ bộ ngực trần của mình.

Chúa ơi.

Vết đen đang loang rộng.

Phần da ở chính giữa ngực là một mảng màu tím đen. Đêm qua chỗ này chỉ bằng một quả bóng golf, nhưng giờ đây nó đã to bằng quả cam. Ông ta chạm khẽ vào phần thịt mềm và cau mày.

Ông ta vội vã cài lại khuy áo sơ mi, hy vọng mình sẽ có để thực hiện những gì cần làm.

Một tiếng đồng hồ tới sẽ vô cùng quan trọng, ông ta nghĩ bụng. Một loạt nhiệm vụ vô cùng tinh vi.

Ông ta nhắm mắt và gắng lấy lại tinh thần, nhắm lại những việc cần phải diễn ra. Bạn bè của ta giờ trở thành kẻ thù của ta mất rồi, ông ta lại nghĩ thầm.

Ông ta hít vài hơi thật sâu, đau nhói, hy vọng việc đó giúp trấn tĩnh tinh thần. Ông ta biết mình cần bình tĩnh nếu định giữ kín những ý định của mình.

Sự bình tĩnh trong lòng rất quan trọng để có những hành động thuyết phục.

Người đàn ông không xa lạ gì chuyện dối trá, nhưng lúc này tim ông ta vẫn đập thành thịch. Ông ta hít một hơi thật sâu nữa, đau nhói. Mày đã lừa dối

mọi người suốt nhiều năm, ông ta tự nhủ. Đó chính là công việc mày đảm nhận.

Sau khi định thần lại, ông ta chuẩn bị quay trở về chỗ Langdon và Sienna.

Màn trình diễn cuối cùng của ta, ông ta nghĩ.

Như một hành động thận trọng cuối cùng trước khi ra khỏi nhà vệ sinh, ông ta tháo pin điện thoại di động, để bảo đảm rằng chiếc điện thoại lúc này không còn hoạt động được nữa,

Trông ông ta tái nhợt, Sienna nghĩ khi người đàn ông bị dị ứng trở lại buồng và ngồi xuống ghế kèm một tiếng thở dài đau khổ.

“Mọi việc ổn chứ?”, Sienna hỏi, vé quan tâm thấy rõ.

Ông ta gật đầu. “Vâng, cảm ơn. Mọi thứ vẫn ổn.”

Rõ ràng đã lĩnh hội được tất cả thông tin người đàn ông định chia sẻ, Sienna chuyển sang chuyện khác. “Tôi lại cần điện thoại của anh”, cô nói. “Nếu anh không phiền, tôi muốn tiếp tục tìm kiếm thêm thông tin về tổng trấn. Có lẽ chúng ta có thể có câu trả lời trước khi tới thăm St. Mark”

“Không sao”, ông ta nói, móc chiếc điện thoại từ trong túi và kiểm tra lại màn hình. “Ôi, chán thật. Pin của tôi tắt sau cuộc gọi vừa rồi. Có vẻ như giờ nó tắt hẳn rồi.” Ông ta liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Chỉ lát nữa chúng ta sẽ vào Venice. Chúng ta chỉ việc đợi thôi.”

Năm dặm ngoài khơi nước Ý, trên boong tàu The Mendacium, điều phối viên Knowlton im lặng nhìn Thị Trưởng đi vòng quanh gian buồng như một con thú bị nhốt trong chuồng. Sau cuộc điện thoại, rõ ràng Thị Trưởng đang cố vận hành cỗ máy tư duy, và Knowlton biết tốt hơn là không nên gây ồn ào trong lúc này.

Cuối cùng, người đàn ông nước da sạm nắng lên tiếng, giọng ông ta nghiêm nghị đúng như Knowlton vẫn nhớ. “Chúng ta không có lựa chọn nào khác. Chúng ta cần đưa đoạn video này cho tiến sĩ Elizabeth Sinskey.”

Knowlton ngồi chết sững, không muốn bộc lộ vẻ ngạc nhiên của mình. Con quỷ tóc bạc ư? Người chúng ta đã giúp Zobrist lẩn tránh suốt cả năm ư?
“Vâng, thưa ngài. Tôi sẽ tìm cách gửi thư điện tử đoạn video này cho bà ta phải không?”

“Chúa ơi, không! Khác gì mạo hiểm làm lộ đoạn video này cho công chúng chúng chứ? Sẽ là cả một cơn cuồng loạn. Tôi muốn tiến sĩ Sinskey có mặt trên boong tàu ngay khi các anh đưa được bà ấy tới đây.”

Knowlton trợn mắt nhìn mà không sao tin nổi. Ông ấy muốn giám đốc WHO lên tàu The Mendacium “Thưa ngài việc phá bỏ quy trình bí mật của chúng ta rõ ràng có nguy cơ...”

“Hãy làm đi, Knowlton! NGAY BÂY GIỜ!”

Chương 66

FS-2080 đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ con tàu Frecciargento đang lao vùn vụt, trông vào bóng của Robert Langdon phản chiếu trong lớp kính. Vị giáo sư vẫn đang suy nghĩ về những đáp án có thể trả lời câu đố về chiếc mặt nạ người chết mà Bertrand Zobrist đã tạo ra.

Bertrand, FS-2080 nghĩ thầm. Lạy Chúa, mình nhớ anh ấy.

Nỗi đau mắt mát nhói lên. Cái đêm hai người gặp gỡ vẫn giống như một giấc mơ kỳ lạ.

Chicago. Trận bão tuyết.

Tháng Giêng, sáu năm về trước... nhưng vẫn có cảm giác như mới hôm qua. Mình đang lê bước trên những đồng tuyết trắng dọc Đại lộ Magnificent Mile hút gió, cô áo dựng đứng lên trong cơn nhòa trắng [32] chói mắt. Dù lạnh, mình vẫn tự nhủ rằng chẳng có gì ngăn nổi mình đi tới đích đến. Tối nay là cơ hội mình được nghe Bertrand vĩ đại nói chuyện... riêng.

Mình đã đọc mọi thứ mà người đàn ông này viết ra, và mình biết mình rất may mắn có được một trong năm trăm tám vé của sự kiện này.

Khi mình đến hội trường, gần như tê cóng vì gió lạnh, mình phát hoảng khi biết rằng gian phòng gần như trống trơn. Buổi nói chuyện bị hoãn chẳng?!

Thành phố gần như ngưng hoạt động do thời tiết... nên Zobrist không đến được tối nay chẳng?!

Nhưng anh ấy vẫn đến đó.

Một dáng người cao ráo, lịch lãm bước lên sân khấu.

Anh ấy cao... rất cao... với đôi mắt màu lục lạnh lợi sâu thẳm như nắm bắt toàn bộ bí mật của thế giới. Anh ấy nhìn khắp hội trường vắng hoe - chỉ có khoảng một chục người hâm mộ - và mình cảm thấy xấu hổ vì hội trường gần như trống trơn.

Đây chính là Bertrand Zobrist!

Một sự im lặng đáng sợ khi anh ấy đăm đăm nhìn mọi người, nét mặt rắn đanh.

Sau đó, rất đột ngột, anh ấy phá lên cười, đôi mắt màu lục của anh ấy lóe sáng. “Vút cha cái khán phòng trống trơn này đi thôi”, anh ấy nói “Khách sạn của tôi ở ngay bên cạnh. Chúng ta tới quán rượu nào!”

Mọi người reo hò, và một nhóm nhỏ cùng di chuyển sang quán rượu của khách sạn kế bên, nơi bọn mình cùng quây quần trong một quán lớn và gọi đồ uống. Zobrist khiến bọn mình thích thú với những câu chuyện về sự nghiệp nghiên cứu của anh ấy, quá trình thành danh và những suy nghĩ của anh ấy về tương lai của ngành điều khiển gen. Rượu vào, chủ đề chuyển sang niềm say mê mới của Zobrist đối với triết lý Siêu nhân học [\[33\]](#).

“Tôi tin rằng Siêu nhân học là hy vọng duy nhất cho sự tồn tại lâu dài của nhân loại”, Zobrist giảng giải, vạch áo sơ mi và cho tất cả nhìn thấy hình xăm “H+” trên bả vai. “Các bạn thấy đấy, tôi cam kết hoàn toàn.”

Mình cảm thấy như thể mình đang được gặp gỡ riêng một ngôi sao nhạc rock vậy. Mình chưa bao giờ hình dung đến việc một “thiên tài di truyền học” được tôn vinh lại có sức lôi cuốn hoặc hấp dẫn riêng đến vậy. Mỗi lần Zobrist liếc nhìn mình, đôi mắt xanh lục của anh ấy lại làm dấy lên trong mình một cảm giác hoàn toàn khác lạ - một ham muốn nhục dục sâu thẳm.

Đêm trôi đi, cả nhóm thưa dần khi các vị khách lần lượt cáo lỗi rút lui. Đến nửa đêm, chỉ còn mỗi mình ngồi với Bertrand Zobrist.

“Cảm ơn anh vì buổi tối nay”, mình nói với anh ấy, hơi ngà ngà vì quá chén.

“Anh đúng là một giáo viên tuyệt vời.”

“Lại tăng bốc phải không?” Zobrist mỉm cười và ghé lại gần hơn, giờ chân bọn mình chạm nhau. “Điều đó sẽ đưa em đi tới mọi nơi đấy,”

Chuyện tán tỉnh rõ ràng không thích hợp tí nào nhưng đó là một đêm gió tuyết tại một khách sạn vắng vẻ ở Chicago và có cảm giác như thể cả thế giới ngừng lại.

“VẬY em nghĩ gì nào?”, Zobrist nói. “Uống với anh vài ly tại phòng anh nhé?”

Mình như đông cứng lại, biết rõ chắc chắn trông mình giống như một con hươu trước ánh đèn pha.

Đôi mắt của Zobrist hấp háy ân cần. “Để anh đoán nhé”, anh ấy thì thào. “Em chưa bao giờ ở cùng với một người đàn ông nổi tiếng.”

Mình cảm thấy máu dồn lên mặt, cố gắng giấu đi những cảm xúc dâng trào - xấu hổ, phẫn khích, sợ hãi. “Thực ra, nói rất thật”, mình nói với anh ấy, “em chưa bao giờ ở cùng bất kỳ người đàn ông nào”,

Zobrist mỉm cười và nhích lại sát hơn. “Anh không biết chắc em đang chờ đợi điều gì, nhưng hãy để anh là người đầu tiên của em.”

Khoảnh khắc ấy, mọi nỗi sợ hãi và thất vọng nhục dục quái lạ từ thời niên thiếu của mình biến mất, như bốc hơi vào màn đêm gió tuyết.

Lần đầu tiên trong đời, mình cảm thấy một nỗi khao khát được giải phóng khỏi tâm lý xấu hổ.

Mình muốn anh ấy!

Mười phút sau, bọn mình đã ở trong phòng khách sạn của Zobrist trần truồng trong vòng tay nhau. Zobrist không vội vàng, bàn tay kiên nhẫn của anh ấy xoa dịu những cảm xúc từ cơ thể ngây dại của mình mà mình chưa bao giờ cảm nhận được trước đó.

Đây là lựa chọn của chính mình. Anh ấy không hề ép buộc mình.

Trong vòng tay ôm ấp của Zobrist, mình cảm thấy như thể mọi thứ trên thế giới đều dừng lại vào đây. Mình nằm dài ở đó, dăm dăm nhìn qua cửa sổ ra màn

đêm gió tuyết, mình biết mình sẽ theo người đàn ông này tới bất kỳ đâu.

Đoàn tàu Frecciargento đột ngột chậm lại, FS-2080 bùng tỉnh khỏi ký ức hạnh phúc và trở lại với hiện tại buồn rầu.

Bertrand... anh đã đi rồi.

Đêm đầu tiên bên nhau của họ là bước khởi đầu của một hành trình kỳ lạ.

Mình còn hơn là người tình của anh ấy. Mình là tín đồ của anh ấy.

“Cầu Liberta”, Langdon nói, “Chúng ta sắp đến nơi rồi.”

FS-2080 gật đầu buồn bã, mắt nhìn ra vùng nước trong vịnh Veneta, nhớ lại đã từng có lần dong buồm ở đây cùng Bertrand. Một hình ảnh yên bình giờ đây tan biến thành ký ức hãi hùng cách đây một tuần.

Mình có mặt ở đó khi anh ấy nhảy khỏi tháp Badia.

Đôi mắt mình là đôi mắt cuối cùng anh ấy nhìn thấy.

Chương 67

Chiếc Netjets Citation Excel xóc nảy qua tầng không khí nhiễu loạn mạnh khi nó lao vút lên trên từ sân bay Tassignato và chao về phía Venice. Trên máy bay, tiến sĩ Elizabeth Sinskey không chú ý mấy đến chuyến khởi hành chẳng mấy êm ả trong lúc bà lơ đãng mân mê cái bùa của mình và nhìn ra khoảng không trống rỗng bên ngoài cửa sổ.

Cuối cùng họ đã thôi tiêm thuốc cho bà, và đầu óc Sinskey đã tỉnh táo hơn. Trên ghế bên cạnh bà, đặc vụ Brüder vẫn im lặng, có lẽ lang thang mắc về sự thay đổi kỳ lạ của các sự kiện vừa mới diễn ra.

Mọi thứ đều đảo ngược, Sinskey nghĩ bụng, vẫn đang phải cố gắng tin vào những gì bà vừa chứng kiến.

Ba mươi phút trước, họ ào tới cái sân bay nhỏ xíu để chặn đầu Langdon khi anh lên một chiếc máy bay tư nhân mà anh thuê. Thay tìm thấy vị giáo sư, họ chỉ thấy một chiếc Citation Excel rảnh rỗi cùng hai phi công của hãng Netjets đang rảo bước trên lối đi trải đá và kiểm tra đồng hồ đeo tay.

Chẳng thấy Robert Langdon đâu cả.

Rồi có một cuộc điện thoại gọi tới.

Khi điện thoại réo, Sinskey vẫn ở vị trí bà đã ngồi cả ngày băng ghế sau của chiếc xe thùng đen. Đặc vụ Brüder chui vào xe với vẻ ngơ ngác trên mặt khi trao điện thoại của mình cho bà.

“Một cuộc gọi khẩn cho bà, thưa bà.”

“Ai vậy?”, bà hỏi.

“Ông ấy đề nghị tôi chỉ nói với bà rằng ông ấy có thông tin khẩn cấp muốn cho bà biết về Bertrand Zobrist.”

Sinskey vô lấy điện thoại. “Tiến sĩ Elizabeth Sinskey đây.”

“Tiến sĩ Sinskey, bà và tôi chưa bao giờ gặp nhau, nhưng tổ chức của tôi chịu trách nhiệm về việc che giấu Bertrand Zobrist trước bà suốt năm qua.”

Sinskey ngồi thẳng dậy. “Cho dù các ông là lũ quái nào thì các ông cũng đang che giấu một kẻ tội phạm!”

“Chúng tôi chẳng làm gì phạm pháp, nhưng điều đó không...”

“Thật lố bịch!”

Người đàn ông ở đầu dây bên kia hít một hơi dài, kiên nhẫn, nói rất mềm mòng. “Bà và tôi sẽ có đủ thời gian để tranh luận về vấn đề đạo đức trong những hành động của tôi. Tôi biết bà không biết tôi, nhưng tôi biết khá nhiều về bà. Ông Zobrist đã trả tôi hậu hĩnh để ngăn bà và những người khác lại gần ông ấy trong năm vừa qua. Giờ tôi đang phá bỏ quy trình nghiêm ngặt của chính mình bằng việc liên lạc với bà. Nhưng, tôi tin rằng chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài việc hợp tác với nhau. Tôi e rằng Bertrand Zobrist có thể đã làm một chuyện gì đó khủng khiếp.”

Sinskey không thể đoán nổi người đàn ông này là ai, “Ông vừa mới phát hiện điều này phải không?”

“Đúng như vậy. Vừa mới đây.” Giọng ông ta nghiêm chỉnh.

Sinskey cố gắng gạt bỏ hết lớp mạng nhện. “Ông là ai?”

“Người muốn giúp bà trước khi quá muộn. Tôi có trong tay thông điệp video do Bertrand Zobrist tạo ra. Ông ta đề nghị tôi công bố cho thế giới vào... ngày mai. Tôi nghĩ bà cần xem nó ngay lập tức.”

“Nó nói gì?”

“Không nói được qua điện thoại. Chúng ta cần gặp nhau.”

“Sao tôi biết có thể tin tưởng ông?”

“Bởi vì tôi sắp nói cho bà biết Robert Langdon đang ở đâu... và tại sao anh ta lại hành động lạ lùng như vậy.”

Sinskey thấy choáng váng khi nhắc đến tên Langdon, và bà kinh ngạc nghe lời giải thích lạ lùng. Người đàn ông này dường như đã đồng lõa với kẻ thù của bà suốt năm qua, nhưng khi nghe thấy các tình tiết, lòng bà mách bảo bà cần tin những gì ông ta đang nói.

Mình không có lựa chọn nào khác ngoài việc đồng ý.

Sự hợp tác của họ dẫn tới việc trưng dụng chiếc Netjets Citation Excel 'bị bỏ rơi'. Sinskey và những người lính giờ đang đuổi về phía Venice, nơi mà theo thông tin của người đàn ông này, Langdon và hai bạn đồng hành hiện đang tới bằng tàu hỏa. Đã quá trễ để gọi cho giới chức địa phương, nhưng người đàn ông trên điện thoại nói đã biết chỗ Langdon đang tới.

Quảng trường St. Mark à? Sinskey cảm thấy một cơn ớn lạnh bà hình dung ra đám đông ở khu vực sầm uất nhất của Venice.

“Sao ông biết chỗ này?”

“Không nói trên điện thoại được”, người đàn ông nói. “Nhưng biết rằng Robert Langdon vô tình đang đi cùng với một nhân vật rất nguy hiểm.”

“Kẻ nào?”

“Một trong những kẻ tâm phúc thân cận nhất của Zobrist”. Người đàn ông thở dài nã nê, “Một kẻ tôi tin tưởng. Thật ngu ngốc, rõ ràng như vậy. Giờ đây tôi tin kẻ đó có thể là một hiểm họa ghê gớm.”

Khi chiếc máy bay tư nhân lao tới sân bay Marco Polo của Venice mang theo Sinskey và sáu người lính, suy nghĩ của Sinskey trở lại với Robert

Langdon. Cậu ấy bị mất trí nhớ ư? Cậu ấy không nhớ được gì sao? Tin lạ lùng này, mặc dù giải thích được vài việc, nhưng lại khiến Sinskey càng cảm thấy lo lắng hơn so với chuyện đã kéo vị học giả xuất chúng vào cuộc khủng hoảng này.

Mình khiến cho cậu ấy chẳng còn lựa chọn nào cả.

Gần hai ngày trước, khi Sinskey tuyển mộ Langdon, bà thậm chí còn không để anh quay về nhà lấy hộ chiếu. Thay vào đó, bà thu xếp để anh thuận lợi đi qua sân bay Florence với tư cách liên lạc viên đặc biệt cho Tổ chức Y tế Thế giới...

Khi chiếc C-130 lao âm âm lên không và nhắm về phía đông vượt Đại Tây Dương, Sinskey liếc nhìn Langdon ngồi bên cạnh và nhận thấy trông anh không được ổn. Anh đang nhìn chăm chú vào vách của phần thân máy bay không hề có cửa sổ.

“Giáo sư, anh nhận ra chiếc máy bay này không có cửa sổ phải không? Cho tới gần đây, nó vẫn được sử dụng như một phương tiện quân sự.”

Langdon quay lại, mặt tái mét. “Vâng, tôi nhận ra điều đó ngay từ lúc bước chân lên khoang. Tôi không được khỏe khi ở trong những không gian kín mít.”

“Cho nên anh đang vờ như nhìn ra một cửa sổ tưởng tượng à?”

Anh mỉm cười bẽn lễn. “Đại loại như vậy.”

“Chà, hãy xem thứ này đi”, Bà rút ra một bức ảnh chụp gã kẻ thù mắt xanh lục cao lêu đêu và để nó trước mặt anh. “Đây chính là Bertrand Zobrist.”

Sinskey đã nói cho Langdon biết về cuộc đối đầu của bà với Zobrist tại Hội đồng Quan hệ Đối ngoại, niềm say mê của hấn với phương trình Khai huyền Dân số, những nhận xét được loan truyền rộng rãi của hấn về những lợi ích mang tính toàn cầu của Cái chết Đen và đáng sợ nhất là sự biến mất hoàn toàn của hấn trong năm vừa qua.

“Làm thế nào một nhân vật nổi bật nhường ấy lại ẩn nấp được lâu vậy?”, Langdon hỏi.

“Ông ta có rất nhiều trợ giúp. Sự trợ giúp chuyên nghiệp. Thậm chí có lẽ của một chính phủ nước ngoài”

“Chính phủ nào lại chấp nhận việc tạo ra một đại địch chứ?”

“Chính là những chính phủ tìm mọi cách có được các đầu đạn hạt nhân ở chợ đen. Đừng quên rằng một đại địch hiệu quả cũng chính là một vũ khí sinh hóa tối thượng, và nó rất đáng tiền. Zobrist có thể dễ dàng nói dối các đối tác của mình và trấn an họ rằng sự sáng tạo của hắn có phạm vi hạn chế. Zobrist sẽ là người duy nhất hiểu rõ sáng tạo của hắn thực sự có tác động như thế nào.”

Langdon im lặng.

“Trong bất kỳ trường hợp nào”, Sinskey nói, “nếu không phải vì quyền lực hoặc tiền bạc thì những kẻ giúp Zobrist có thể vì chung hệ tư tưởng. Zobrist không thiếu những môn đệ làm bất kỳ việc gì vì hắn. Hắn là một nhân vật tiếng tăm. Thực tế hắn từng có bài phát biểu tại trường đại học của anh cách đây không lâu”.

“Ở Harvard sao?”

Sinskey rút ra một cây bút và viết lên mép tấm ảnh của Zobrist – chữ H kèm theo một dấu cộng. “Anh rất quen với các biểu tượng”, bà nói, “Anh có nhận ra thứ này không?”

“H cộng”, Langdon thì thào, gật đầu. “Chắc chắn rồi, cách đây mấy mùa hè, nó được trưng ở khắp trường. Tôi cứ đinh ninh của một hội thảo hóa học gì đó.”

Sinskey bật cười. “Không, đó là những dấu hiệu của Hội nghị thượng đỉnh 'Nhân văn cộng' 2010 - một trong những cuộc gặp lớn nhất về Siêu nhân học. H cộng là biểu tượng của phong trào Siêu nhân học.”

Langdon nghiêng đầu, như thể cố lĩnh hội thuật ngữ.

“Siêu nhân học”, Sinskey nói, “là một phong trào trí thức, một dạng triết thuyết, và nó nhanh chóng bén rễ trong cộng đồng khoa học. Cơ bản nó nói rằng con người cần sử dụng công nghệ để vượt lên những nhược điểm cố hữu trong cơ thể mình. Nói cách khác bước tiếp theo trong quá trình tiến hóa của con người là chúng ta bắt đầu kiến tạo bản thân mình về mặt sinh học”.

“Nghe đáng ngại quá”, Langdon nói.

“Như tất cả mọi thay đổi, chỉ là vấn đề mức độ. Về mặt kỹ thuật, chúng ta

kiến tạo bản thân đã nhiều năm - phát triển các loại vắc xin giúp trẻ em miễn dịch trước một số bệnh tật nhất định... bại liệt, đậu mùa, thương hàn. Sự khác biệt là ở chỗ giờ đây, với những đột phá của Zobrist trong lĩnh vực điều khiển di truyền chuỗi phôi, chúng ta đang học cách tạo ra những kiểu miễn dịch có thể thừa kế được, những thứ sẽ tác động đến người nhận ở cấp độ chuỗi phôi lõi - làm cho tất cả thế hệ kế tiếp miễn dịch trước bệnh đó.”

Langdon trông thẳng thốt. “Vậy loài người cơ bản sẽ trải qua một bước tiến hóa làm cho mình miễn dịch với thương hàn chẳng phải không?”

“Đúng hơn là một bước tiến hóa có sự hỗ trợ”, Sinskey đính chính. “Bình thường, quá trình tiến hóa - cho dù đó là loài cá thở bằng phổi phát triển đôi chân hay loài vượn phát triển ngón cái biết riêng rẽ - đều phải mất hàng nghìn năm. Giờ đây chúng ta có thể tạo ra những thích nghi di truyền triệt để chỉ trong một thế hệ. Những người đề xướng công nghệ này coi nó là biểu hiện cao nhất của 'sự tồn tại loài tương thích nhất' theo thuyết Darwin – con người trở thành loài học được cách cải tiến quá trình tiến hóa của chính mình.”

“Nghe giống như đang thay vai trò của Chúa vậy”, Langdon đáp.

“Tôi hoàn toàn đồng ý”, Sinskey nói. “Tuy nhiên, Zobrist cũng như nhiều nhân vật Siêu nhân học khác, lớn tiếng cho rằng chính nghĩa vụ tiến hóa của loài người là có toàn quyền sử dụng tất cả sức mạnh của mình - chẳng hạn, đột biến di truyền chuỗi phôi - để cải thiện với tư cách một giống loài. Vấn đề là cấu tạo di truyền của chúng ta giống như một ngôi nhà dựng bằng những lá bài, mỗi lá gắn kết và được hỗ trợ bởi rất nhiều lá khác, thường theo những cách thức chúng ta không hiểu được. Nếu chúng ta tìm cách loại bỏ chỉ một đặc điểm của con người thôi, chúng ta có thể khiến cho hàng trăm đặc điểm khác thay đổi theo, có lẽ tạo ra những hậu quả tai hại.”

Langdon gật đầu. “Cho nên tiến hóa mới là một quá trình dần dần.”

“Chính xác!”, Sinskey nói, cảm thấy mỗi khắc trôi qua bà càng thán phục vị giáo sư này. “Chúng ta đang chấp vá một quá trình phải mất rất lâu để tạo dựng. Đây là những quãng thời gian nguy nan. Giờ đây đúng là chúng ta có khả năng kích hoạt các chuỗi gene nhất định để làm cho con cháu chúng ta thêm khéo léo, có khả năng chịu đựng, sức mạnh và thậm chí trí thông minh - cơ bản là một chủng loài siêu hạng. Nhưng cá nhân 'được củng cố' theo giả thuyết này được nhóm Siêu nhân học gọi là hậu nhân loại, một số người trong bọn họ còn tin rằng đó sẽ là tương lai giống loài chúng ta.”

“Nghe lạ tai như thuyết Ưu sinh vậy, Langdon đáp lời.

Câu nói đó khiến cho Sinskey sờn gai ốc.

Vào những năm 1940, các nhà khoa học Quốc xã nghĩ ra một công nghệ mà họ gọi bằng thuật ngữ “thuyết Ưu sinh” – cố gắng sử dụng phương pháp điều khiển gene sơ khai để tăng tỷ lệ những người có các đặc điểm di truyền “mong muốn” nhất định, trong khi giảm tỷ lệ sinh của những người có các đặc điểm “không mong muốn bằng”.

Thanh lọc sắc tộc ở cấp độ di truyền.

“Có những điểm tương đồng”, Sinskey thừa nhận, “và dù khó hình dung người ta sẽ tạo tác một chủng người mới như thế nào, có nhiều người thông minh tin rằng điều quan trọng với sự tồn vong là chúng ta phải bắt đầu quá trình đó. Một trong những cộng tác viên của tạp chí 'Siêu nhân học H+' đã mô tả phương pháp khiến di truyền chuỗi phôi như là 'bước rõ ràng kế tiếp' và cho rằng nó 'cô đặc tiềm năng đích thực của giống loài chúng ta.'” Sinskey tạm nghỉ. “Thêm nữa, để bảo vệ cho tạp chí ấy, họ còn đăng lên bài viết trên tạp chí Discover nhan đề 'Ý tưởng nguy hiểm nhất trên thế giới’”

“Tôi nghĩ tôi đứng về nhóm thứ hai”, Langdon nói “ít nhất cũng từ quan điểm văn hóa xã hội.”

“Tại sao?”

“Chà, tôi cho rằng những hình thức thúc đẩy di truyền - rất giống phẫu thuật thẩm mỹ - khá tốn kém, phải không nào?”

“Dĩ nhiên. Không phải ai cũng đủ khả năng cải thiện bản thân hoặc con cái mình.”

“Có nghĩa là những hình thức thúc đẩy di truyền hợp pháp lập tức tạo ra một thế giới của những người có và không có. Chúng ta đã có một hố sâu ngày càng lớn giữa người giàu và người nghèo nhưng phương pháp điều khiển di truyền sẽ tạo ra một chủng tộc siêu nhân và... những người bị xem là cận nhân. Bà có nghĩ người ta lo ngại về một phần trăm người siêu giàu đang điều khiển thế giới không? Hãy hình dung nếu một phần trăm đó cũng chính là giống loài siêu việt - thông minh hơn, khỏe hơn, lạnh mạnh hơn. Đó sẽ là động cơ chín muồi cho chế độ nô lệ hoặc thanh lọc sắc tộc.

Sinskey mỉm cười với vị học giả điển trai bên cạnh. “Giáo sư, anh nắm bắt

rất nhanh những gì tôi tin là cạm bẫy nghiêm trọng nhất của phương pháp điều khiển di truyền.”

“Chà, có thể tôi nắm bắt được điều đó, nhưng tôi vẫn chưa hiểu Zobrist. Toàn bộ tư tưởng Siêu nhân học này dường như nhằm cải thiện nhân loại, làm cho chúng ta khỏe hơn, cứu chữa các bệnh chết người, làm tăng tuổi thọ của chúng ta. Nhưng quan điểm của Zobrist về tình trạng quá tải dân số dường như lại tán thành việc giết bớt người. Những ý tưởng của ông ta về Siêu nhân học và quá tải dân số có vẻ mâu thuẫn nhau, phải không?”

Sinskey thở dài nãy nê. Đó là một câu hỏi thú vị, và rủi thay, nó lại có câu trả lời rất rõ ràng và đáng ngại. “Zobrist hoàn toàn tin vào Siêu nhân học, ở chỗ làm cho giống loài tốt hơn thông qua công nghệ, tuy nhiên, hẳn cũng tin loài người sẽ tuyệt chủng trước khi có cơ hội làm được việc đó. Thực tế, nếu không có ai hành động, dân số quá đông sẽ giết chết loài người trước khi chúng ta có cơ hội nhận ra triển vọng của phương pháp điều khiển di truyền.”

Mắt Langdon mở to. “Vậy là Zobrist muốn giảm bớt loài người... để có thêm thời gian?”

Sinskey gật đầu. “Hắn từng mô tả mình giống như kẻ mắc kẹt trên một con tàu nơi hành khách tăng gấp đôi sau mỗi giờ, trong khi hắn đang cố hết sức dùng một chiếc thuyền cứu sinh trước khi con tàu chìm do chính sức nặng của nó.” Bà ngừng lại, “Hắn chủ trương đẩy bớt một nửa số người trên tàu xuống biển.”

Langdon nheo mắt “Một suy nghĩ đáng sợ.”

“Chắc chắn. Đừng nhầm lẫn về nó”, bà nói. “Zobrist tin chắc rằng việc quyết liệt kiểm chế dân số loài người một ngày nào đó sẽ được ghi nhận như là hành động tối thượng của chủ nghĩa anh hùng... thời khắc loài người chọn cách tồn tại.”

“Như tôi đã nói, thật đáng sợ.”

“Còn hơn thế vì Zobrist không hề là kẻ duy nhất mang suy nghĩ ấy. Khi Zobrist chết, hắn trở thành một kẻ tử vì đạo đối với rất nhiều người. Tôi không biết chúng ta sẽ đối phó với những ai khi đến Florence, nhưng chúng ta sẽ cần rất cẩn trọng. Chúng tôi sẽ không phải là người duy nhất cố gắng truy tìm cho ra dịch bệnh này, và vì sự an toàn của anh, chúng tôi không thể để cho kẻ nào biết anh có mặt ở Ý để truy tìm nó.”

Langdon kể cho bà nghe về người bạn của anh là Ignazio Busoni, một chuyên gia về Dante, người Langdon tin có thể giúp anh vào Cung điện Vecchio sau giờ mở cửa để xem xét bức tranh có chữ 'cerca trova', như trong máy chiếu của Zobrist. Busoni có thể cũng giúp Langdon hiểu câu trích dẫn kỳ lạ về cặp mắt chết chóc.

Sinskey vuốt mái tóc bạc dài của mình ra sau và chăm chú nhìn Langdon. “Hãy tìm và sẽ thấy, giáo sư ạ. Thời gian đang cạn dần.”

Sinskey bước lại một phòng chứa trên máy bay và lấy chiếc ống bảo quản chất nguy hiểm loại bảo mật nhất của WHO-loại có khả năng khóa bằng sinh trắc học.

“Đưa ngón tay cái của anh đây”, bà nói và đặt ống trước mặt Langdon.

Langdon có vẻ ngỡ ngác nhưng làm theo.

Sinskey cài đặt chương trình cho cái ống để Langdon là người duy nhất có thể mở được. Sau đó bà cầm lấy cái máy chiếu nhỏ xíu và đút nó vào bên trong ống.

“Hãy nghĩ nó như một hộp khóa có thể mang theo người”, bà mỉm cười nói.

“Với một biểu tượng nguy hiểm sinh học ư?” Langdon có vẻ không thoải mái.

“Đó là tất cả những gì chúng tôi có. Nói một cách lạc quan, sẽ không ai dùng nó gây rối,”

Langdon xin phép duỗi chân và sử dụng nhà vệ sinh. Trong khi anh rời đi, Sinskey cố gắng nhét cái ống đã niêm kín vào túi áo khoác của anh. Rất tiếc nó lại không vừa.

Cậu ấy không thể công nhiên mang cái máy chiếu này trước bao cặp mắt được. Bà ngẫm nghĩ một lúc và sau đó quay trở lại phòng chứa để lấy một con dao mổ và một túi chỉ khâu. Với độ chính xác chuyên nghiệp, bà rạch một đường trên lớp lót áo khoác của Langdon rồi cẩn thận khâu một chiếc túi bí mật bằng đúng kích cỡ cần để giấu cái ống nghiệm.

Khi Langdon trở lại, bà vừa hoàn thành xong đường khâu cuối cùng.

Vị giáo sư sững lại và trợn mắt nhìn như thể bà vừa làm hỏng bức Mona Lisa

vậy. “Bà nhét vào lớp lót chiếc áo Harris Tweed của tôi à?”

“Yên tâm đi, giáo sư”, bà nói. “Tôi là một bác sĩ phẫu thuật được đào tạo. Các mũi khâu đều rất chuyên nghiệp.”

Chương 68

Nhà ga Santa Lucia của Venice là một công trình thấp và trang nhã làm từ đá xám và bê tông. Nó được thiết kế theo phong cách tối giản hiện đại, với mặt tiền để trống không có ký hiệu nào ngoại trừ một biểu tượng - hai chữ cái FS có cánh - biểu tượng của hệ thống đường sắt bang, Ferrovie dello Stato.

Vì nhà ga nằm ở cực tây con kênh Đại Vận Hà [\[34\]](#) nên hành khách đến Venice chỉ cần bước một bước ra khỏi nhà ga là thấy mình hoàn toàn ngập chìm trong cảnh quan, mùi vị và âm thanh đặc trưng của Venice.

Với Langdon, mùi mẫn mòi của một làn gió đại dương trong lành đắm vị món pizza trắng của những người bán hàng rong trên phố bên ngoài nhà ga luôn là thứ đến với anh trước tiên. Hôm nay, gió từ phía đông thổi vào không khí cả mùi dầu diesel từ hàng dài taxi nước trong không đang đỗ gần đó, phía trên mặt kênh. Hàng chục chủ thuyền vẫy tay và hét mời du khách, hy vọng kéo được một vị khách lên taxi, thuyền đáy bằng, phà, hay xuồng cao tốc cá nhân.

Cảnh nhộn nhạo trên mặt nước, Langdon trầm nghĩ, mắt nhìn cảnh “kẹt xe nổi”. Ít nhiều, cảnh tắc nghẽn hẳn sẽ khiến người ta phát điên ở Boston nhưng lại rất thú vị tại Venice.

Bên kia kênh một tầm ném đá, mái vòm màu xanh đồng mang tính biểu tượng của nhà thờ San Simeone Piccolo vươn cao trên bầu trời về chiều. Nhà thờ này là một trong những công trình có kiến trúc pha trộn nhiều nhất ở châu Âu. Mái vòm dốc một cách khác thường cùng thánh đường hình tròn theo phong cách Byzantine, trong khi cổng vào điện thờ bằng đá cẩm thạch có cột đỡ rõ ràng lại theo khuôn mẫu lối vào kiểu Hy Lạp cổ điển của đền Patheon tại Rome. Trên đỉnh lối vào chính là phần trán tường ngoạn mục bằng đá cẩm thạch đẽo nổi tính tế, mô tả nhiều vị thánh tử đạo.

Venice là một bảo tàng ngoài trời, Langdon nghĩ, ánh mắt anh nhìn xuống dòng nước kênh vỗ ì oạp vào bậc cấp nhà thờ. Một bảo tàng đang từ từ chìm xuống. Mặc dù vậy, khả năng ngập lụt dường như không đáng kể so với mối

đe dọa mà Langdon sợ rằng lúc này vẫn đang ẩn nấp bên dưới thành phố này.

Và không ai có ý tưởng gì...

Bài thơ ở mặt sau chiếc mặt nạ người chết của Dante vẫn còn trong tâm trí Langdon, và anh thắc mắc liệu những dòng thơ sẽ dẫn họ tới đâu. Anh vẫn giữ bản chép lại bài thơ trong túi áo, nhưng còn chiếc mặt nạ thạch cao - theo gợi ý của Sienna - Langdon đã bọc vào giấy táo và bí mật cất bên trong một tủ khóa tự phục vụ ở ga tàu. Mặc dù đó là chỗ cất giữ rất không hợp lý đối với một hiện vật quý giá, nhưng hộc tủ chắc chắn vẫn an toàn hơn so với việc cứ mang theo chiếc mặt nạ thạch cao vô giá đi khắp thành phố toàn nước là nước này.

“Robert?”, Sienna vượt lên trước cùng với Ferris, ra hiệu về chiếc taxi nước, “Chúng ta không có nhiều thời gian”.

Langdon vội đi nhanh về phía họ, mặc dù là người say mê kiến trúc, anh gần như vẫn không thể tin được khi phải trải qua một chuyến đi vội vàng dọc theo Đại Vận Hà. Có lẽ không trải nghiệm nào tại Venice thú vị hơn việc ngồi trên phà vaporetto tuyến số 1 - loại xe buýt nước không mái che chính của thành phố - nhất là buổi tối và ngồi ở phía trước khi những thánh đường và cung điện tràn ngập ánh sáng trôi về phía sau.

Hôm nay không có phà rồi, Langdon nghĩ. Những xe buýt dưới nước này có tiếng là chậm, và taxi nước sẽ là lựa chọn nhanh hơn. Nhưng thật không may, vào thời điểm này, đoàn người đứng xếp hàng chờ taxi bên ngoài nhà ga có vẻ như dài vô tận.

Ferris, thấy rõ là không có lòng dạ nào chờ đợi, nhanh chóng đứng ra giải quyết vấn đề. Với một tập tiền mặt hậu hĩnh ông ta nhanh chóng gọi được một chiếc limousine nước - chiếc Veneziano Convertible bằng gỗ gụ Nam Phi hào nhoáng. Mặc dù chiếc thuyền trang nhã này sang quá mức cần thiết nhưng chuyến đi sẽ nhanh chóng và bảo đảm riêng tư - chỉ mất mười lăm phút chạy dọc Đại Vận Hà tới Quảng trường St. Mark.

Người lái thuyền của họ là một anh chàng điển trai mặc bộ đồ hiệu Armani may đo. Trông anh ta giống một tài tử điện ảnh hơn là lái tàu, nhưng nói cho cùng, đây là Venice, mảnh đất của nét thanh lịch Ý.

“Maurizio Pimponi”, anh chàng giới thiệu, nháy mắt với Sienna trong khi chào đón cả nhóm lên thuyền. “Vang trắng Prosecco? Rượu chanh

Limoncello? Hay sâm panh?”

“Không, cảm ơn”, Sienna đáp và nói nhanh như bắn liên thanh bằng tiếng Ý để hướng dẫn anh ta đưa họ tới Quảng trường St. Mark càng nhanh càng tốt.

“Chắc chắn rồi!” Maurizio nháy mắt lần nữa. “Thuyền của tôi là chiếc nhanh nhất ở Venezia...”

Khi Langdon và hai người kia ngồi xuống những chiếc ghế bọc vải nhung ở phần khoang không mái che, Maurizio cho động cơ Volvo Penta của thuyền chạy ngược, đưa nó lùi xa bờ một cách thành thực. Sau đó anh ta đánh tay lái sang phải và rồ máy lao tới, lách chiếc thuyền lớn của mình qua cả đám thuyền đáy bằng, khiến cho rất nhiều chủ thuyền mặc sơ mi kẻ vung tay bực bội khi những chiếc thuyền đen bóng bánh bao của họ nhấp nhô chao đảo do đợt sóng anh ta tạo ra.

“Xin lỗi nhé”, Maurizio lên tiếng cáo lỗi. “Khách VIP.”

Chỉ trong vài giây, Maurizio đã thoát ra khỏi đám đông tắc nghẽn ở ga Santa Lucia và lao băng băng về phía đông, dọc theo Đại Vận Hà. Khi họ tăng tốc bên dưới vòm cầu Ponte degli Scalzi [\[35\]](#), Langdon ngửi thấy hương vị ngọt ngào đặc trưng của món mì xào mực ống seppie al nero - loại mì giữ nguyên sắc đen của chính con mực tuyệt hảo của địa phương - đang ngào ngạt bay ra từ các nhà hàng có mái vòm dọc bờ kênh. Khi họ vòng theo một khúc quanh của con kênh, nhà thờ mái vòm đồ sộ San Geremia hiện ra trước mắt.

“Saint Lucia”, Langdon thì thầm, đọc rõ tên vị thánh còn khắc bên hông nhà thờ. “Xương của những người mù lòa.”

“Anh nói sao cơ?”, Sienna ngó lại, hy vọng Langdon có thể đoán ra thêm điều gì đó về bài thơ bí ẩn.

“Không có gì”, Langdon nói. “Ý nghĩ lạ lùng, có lẽ không có gì.” Anh chỉ về phía nhà thờ. “Hãy nhìn dòng chữ khắc? Thánh Lucia được chôn cất ở đó. Thỉnh thoảng tôi có giảng về nghệ thuật viết thánh truyện - nghệ thuật khắc họa các vị thánh Thiên Chúa giáo, và tôi vừa chợt nghĩ ra Thánh Lucia là thánh bảo trợ của người mù.”

“Thánh Lucia”, Maurizio xen vào, vẻ háo hức muốn góp chuyện, “Vị thánh của người mù! Các vị có biết chuyện không?” ông chủ thuyền ngoảnh nhìn lại họ và hét to át cả tiếng động cơ. “Lucia đẹp đến mức tất cả đàn ông đều thèm khát nàng. Cho nên, để giữ mình thanh khiết vì Chúa và bảo vệ trinh

bạch, Lucia đã tự móc mắt mình.”

Sienna xuýt xoa, “Đó là hết lòng.”

“Đề thưởng cho sự hy sinh của nàng”, Maurizio nói thêm, “Chúa ban cho nàng một đôi mắt còn đẹp hơn nữa!”.

Sienna nhìn Langdon. “Anh ta biết rõ chuyện đó vô lý đúng không?”

“Chúa khiến người ta tin bằng những cách thức huyền bí.” Langdon nhận xét, hình dung ra hai mươi bức vẽ theo trường phái Thợ Cả [\[36\]](#) nổi tiếng mô tả Thánh Lucia bung cặp nhãn cầu của mình trên một chiếc đĩa phẳng.

Có rất nhiều khảo dị về câu chuyện Thánh Lucia, nhưng tất cả đều nhắc đến việc Lucia tự móc đôi mắt khiến người ta thèm khát của mình và đặt lên một chiếc đĩa phẳng để đưa cho người theo đuổi nàng một cách cuồng si và khảng khái tuyên bố: “Đây, anh đã có thứ anh thèm muốn... và giờ tôi cầu xin anh để cho tôi được yên!”, Điều kỳ lạ là chính Kinh Thánh đã khơi nguồn cảm hứng cho hành động tự hủy hoại mình của Lucia, mãi mãi gắn kết nàng với lời răn nổi tiếng của Chúa Jesus: “Nếu mắt con làm dịp tội [\[37\]](#) con, hãy moi đôi mắt đó và vứt đi”.

'Moi', Langdon ngẫm nghĩ, nhận ra cũng chính từ này được dùng trong bài thơ. Hãy tìm gã tông trôn bội bạc của Venice, kẻ moi xương cả người mù lòa.

Cảm thấy khó hiểu với sự trùng hợp này, anh băn khoăn không biết liệu có phải đây là một ẩn ý rằng Thánh Lucia chính là người mù lòa được nhắc đến trong bài thơ không.

“Maurizio”, Langdon gọi to, tay chỉ nhà thờ San Geremia. “Hài cốt của thánh Lucia ở trong nhà thờ đó phải không?”

“Đúng rồi, một ít thôi”, Maurizio nói trong khi điều khiển thuyền bằng một tay rất điệu nghệ và ngoái lại nhìn các vị khách của mình, chẳng cần để tâm đến thuyền bè đi lại phía trước. “Nhưng hầu như là không còn. Thánh Lucia rất được yêu kính nên di cốt của bà phân tán ở nhiều nhà thờ trên khắp thế giới. Người dân Venice yêu kính Thánh Lucia nhất, dĩ nhiên rồi, và vì thế chúng tôi tưởng niệm...”

“Maurizio”, Ferris gọi to. “Thánh Lucia bị mù, anh thì không. Nhìn đằng trước kìa!”

Maurizio cười rất thoải mái và đánh tay lái vừa kịp để khéo léo tránh đâm phải một chiếc thuyền vừa sắp tới.

Sienna chăm chú nhìn Langdon. “Anh đã hiểu được gì rồi? Gã tổng trấn moi xương cả người mù lòa à?”

Langdon mím môi. “Anh không dám chắc.”

Anh nhanh chóng kể cho Sienna và Ferris câu chuyện về thánh tích của Thánh Lucia - di cốt của bà - được xem là câu chuyện lạ lùng nhất trong số truyện về các vị thánh. Người ta cho rằng, khi nàng Luda xinh đẹp khước từ những lời tán tỉnh của một kẻ quyền thế theo đuổi, gã này đã tố giác nàng và nàng bị thiêu sống, nhưng theo truyền thuyết, thân xác nàng không cháy. Vì da thịt nàng không bắt lửa nên người ta tin rằng di hài của nàng có quyền năng đặc biệt và bất kỳ ai sở hữu được chúng đều có một tuổi thọ kéo dài.

“Hài cốt có phép thần thông ư?”, Sienna hỏi

“Phải, người ta tin như vậy, và đó là lý do di hài của bà phân tán khắp thế giới. Trong suốt hai thiên niên kỷ, những nhà lãnh đạo uy quyền đều tìm cách né tránh tuổi già và cái chết bằng việc sở hữu xương cốt của thánh Lucia. Xương của bà bị đánh cắp, rồi lại bị nẫng tay trên, được hoàn trả về chỗ cũ, và bị chia nhỏ nhiều lần hơn bất kỳ vị thánh nào khác. Xương của bà đã qua tay ít nhất cả tá những nhân vật uy quyền nhất trong lịch sử.”

“Bao gồm cả một gã tổng trấn bội bạc à?”, Sienna hỏi.

Hãy tìm gã tổng trấn bội bạc của Venice, kẻ cắt rời những chiếc đầu ngựa... và moi xương cả người mù lòa.

“Rất có thể”, Langdon nói, lúc này đã nhận ra rằng Hỏa ngục của Dante có nhắc đến Thánh Lucia rất rõ. Lucia là một trong ba người phụ nữ được ban phước đã giúp gọi Virgil tới giúp Dante thoát khỏi địa ngục. Hai người phụ nữ kia là Đức mẹ Đồng trinh Mary và nàng Beatrice yêu dấu của Dante, nhưng Dante đặt Thánh Lucia ở vị trí cao nhất trong số họ.

“Nếu anh đứng trong chi tiết này”, Sienna nói, giọng đầy phấn khích, “thì cũng chính gã tổng trấn bội bạc đã cắt rời những đầu ngựa...”

“Và còn đánh cắp xương của Thánh Lucia nữa”, Langdon kết luận.

Sienna gật đầu. “Điều đó sẽ thu hẹp bản danh sách của chúng ta đáng kể

đây.” Cô đưa mắt nhìn Ferris. “Anh có chắc điện thoại của anh không hoạt động không? Chúng ta có thể tìm kiếm trên mạng về...”

“Chết giấc rồi”, Ferris nói. “Tôi vừa kiểm tra. Rất tiếc.”

“Chúng ta sắp đến đó bây giờ.” Langdon nói. “Tôi tin chắc chúng ta có thể tìm được câu trả lời gì đó tại Thánh đường St.Mark”

St.Mark là mảnh ghép duy nhất mà Langdon thấy chắc chắn trong câu đố. Bảo quán mạ vàng của tri thức thánh thiêng. Langdon hy vọng thánh đường sẽ hé lộ nhân dạng của vị tổng trấn bí ẩn... và từ đó, nếu may mắn, sẽ là tòa cung điện cụ thể mà Zobrist đã lựa chọn để tung ra đại dịch của hắn. Vì ở đây, con quái vật của địa phủ chờ đợi.

Langdon cố gắng gạt khỏi tâm trí mình bất kỳ hình ảnh nào về đại dịch, nhưng chẳng có tác dụng gì. Anh hay tự hỏi thành phố lạ thường này trông như thế nào vào thời kì hoàng kim của nó lúc là trung tâm thương mại của châu Âu, trước khi trận đại dịch hạch làm thành phố suy yếu đến mức nó bị người Ottoman chinh phục, rồi đến Napoleon. Theo những thông tin thu thập được, không còn thành phố nào trên thế giới đẹp hơn thế, sự giàu có và văn hóa của dân cư nơi đây là không thể so sánh được.

Nhưng thật mỉa mai, chính thị hiếu sùng bái những thứ xa xỉ nước ngoài của người dân ở đây đã đưa tai họa đến - bệnh dịch hạch chết người từ Trung Quốc tràn đến Venice trên lưng những con chuột bám theo các thương thuyền. Đại dịch từng tiêu diệt hai phần ba dân số Trung Quốc đã tràn đến châu Âu và nhanh chóng tàn sát một phần ba dân số ở đây - trẻ cũng như già, giàu cũng như nghèo.

Langdon đã đọc những mô tả về cuộc sống ở Venice trong thời kỳ dịch hạch bùng phát. Không có nhiều đất khô để an táng người chết, những xác người sưng tấy trôi nổi trên các dòng kênh, một số khu vực tắc nghẽn xác chết đến mức các công nhân phải làm việc như những phu kéo gỗ và đẩy các xác chết ra biển. Dường như những lời cầu nguyện không thể xoa dịu cơn cuồng nộ của đại dịch. Đến khi các quan chức của thành phố nhận ra chính lũ chuột gây ra bệnh dịch thì đã quá muộn, nhưng Venice vẫn ban hành một sắc lệnh, theo đó mọi con tàu đều phải buông neo ngoài khơi đủ bốn mươi ngày trước khi được phép bốc dỡ hàng hóa. Đến hôm nay, con số bốn mươi - quaranta trong tiếng Ý vẫn như là một lời nhắc hãi hùng về nguồn gốc của từ quarantine [\[38\]](#).

Khi thuyền của họ tăng tốc vượt qua một khúc quanh nữa trên kênh, có một tấm vải bạt đỏ thường thấy trong dịp lễ hội phát phơ làn gió nhẹ, kéo sự chú ý của Langdon khỏi những ý nghĩ u ám về cái chết để hướng đến một tòa nhà ba tầng trang nhã bên trái anh.

SÔNG BẠC VENEZIA: XÚC CẢM VÔ HẠN.

Langdon chưa bao giờ hiểu hết các ngôn từ trên băng rôn sông bạc, nhưng tòa nhà theo phong cách Phục Hưng ấn tượng chính là một phần trong cảnh quan Venice kể từ thế kỷ XVI. Từng nổi tiếng là một biệt thự tư nhân, giờ đây nó chính là sông bạc sang trọng. Vào năm 1883, đây còn là nơi chứng kiến cái chết vì đột quỵ của nhà soạn nhạc Richard Wagner ngay sau khi ông soạn xong vở opera Parsifal.

Kế bên phải sông bạc là một mặt tiền tráng võa nhám theo phong cách Baroque có treo một băng rôn còn lớn hơn, màu xanh dương thẫm, ghi rõ CA' PESARO: PHÒNG TRIỂN LÃM QUỐC TẾ NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI. Nhiều năm trước, Langdon đã từng vào trong này và xem kiệt tác Nụ hôn của Gustav Klimt khi tác phẩm được mượn từ Vienna. Tác phẩm diễn dịch bằng vàng lá chói lọi của Klimt mô tả cặp tình nhân quấn lấy nhau đã khơi gợi trong anh một cảm xúc mãnh liệt, và cho tới hôm nay, Langdon vẫn biết ơn Phòng triển lãm Ca' Pesaro của Venice vì đã đánh thức niềm say mê suốt đời của anh dành cho nghệ thuật hiện đại.

Maurizio cho thuyền chạy tới, giờ lao nhanh hơn vào dòng kênh rộng.

Phía trước, cây cầu Rialto nổi tiếng đứng sừng sững ở vị trí nửa quãng đường tới Quảng trường St. Mark. Khi họ tới gần, chuẩn bị vọt qua dưới gầm cầu, Langdon nhìn lên và thấy một bóng người đơn độc đứng bất động bên lan can, nhìn chòng chọc xuống họ với gương mặt u ám.

Bộ mặt đó vừa quen thuộc vừa đáng sợ.

Theo bản năng, Langdon lùi lại.

Bộ mặt đó xám xịt và dài thưỡn, có đôi mắt lạnh lẽo chét chóc với một cái mũi mỏ chim dài.

Chiếc thuyền vừa lướt qua phía dưới bóng người hắc ám thì Langdon nhận ra đó chỉ là một du khách đang khoe món đồ mới mua được - một trong hàng trăm chiếc mặt nạ dịch hạch được bán ra mỗi ngày tại chợ Rialto gần đó.

Tuy nhiên, ngày hôm nay, thứ phục sức kia dường như rất ma quái.

Chương 69

Quảng trường St Mark nằm ở đầu mút phía nam Đại Vận Hà của Venice, nơi thủy lộ này nhập vào biển khơi. Nhìn xuống chỗ giao thoa nguy hiểm này là pháo đài hình tam giác mọc mọc mang tên Dogana da Mar - Văn phòng Thuế quan Hàng hải - với tòa tháp canh từng trấn giữ cho Venice trước sự xâm lăng của ngoại bang. Ngày nay, tòa tháp được thay thế bằng một quả cầu vàng rất lớn và một cái chong chóng thời tiết có hình nữ thần may mắn, mỗi khi thay đổi hướng theo chiều gió đều nhắc cho các thủy thủ gắn bó với đại dương nhớ đến sự khó lường của số phận.

Khi Maurizio cho chiếc thuyền bóng bẩy lướt về cuối con kênh, biển khơi sóng vỗ hiện ra trước mặt họ đầy hăm dọa. Robert Langdon đã đi theo tuyến đường này nhiều lần trước đó, mặc dù luôn bằng một chiếc phà lớn hơn nhiều, và anh cảm thấy không thoải mái khi chiếc limousine của họ nhao lên những ngọn sóng còn đang cuộn lên từng đợt.

Để tới được cầu cảng của Quảng trường St Mark, thuyền của họ cần vượt qua một vùng đầm tắc nghẽn với hàng trăm phương tiện thủy, từ những du thuyền sang trọng đến tàu chở dầu, các thuyền buồm tư nhân, và cả những tàu lớn đồ sộ. Có cảm giác như thể họ đang ra khỏi một con đường thôn quê và hòa vào một siêu xa lộ tám làn xe vậy.

Sienna có vẻ bối rối không kém khi nhìn thấy con tàu chở khách cao mười tầng lừng lững đang lướt qua trước họ, chỉ cách có ba trăm thước. Các sàn tàu lộ nhô hành khách, tất cả đều bu lấy lan can chụp ảnh Quảng trường St Mark từ phía biển. Trong vệt nước còn lên của con tàu, ba chiếc tàu khác xếp hàng chờ đến lượt lướt qua danh thắng nổi tiếng nhất của Venice. Langdon từng nghe nói rằng trong những năm gần đây, số tàu thuyền đã tăng lên nhanh đến mức có cả chuỗi tàu biển bất tận qua lại suốt ngày đêm.

Ở vị trí cầm lái, Maurizio nhìn dãy tàu chở khách đang lướt qua và nhìn sang trái nơi có một cầu cảng có mái che nằm cách đó không xa. “Tôi đỗ ở quán rượu Harry's nhé?” Anh ta ra hiệu về phía nhà hàng nổi tiếng vì đã sáng chế ra món đồ uống Bellini [\[39\]](#). “Đi bộ đến Quảng trường St. Mark không xa lắm đâu.”

“Không được, đưa chúng tôi đi hết đường đi” Ferris yêu cầu, chỉ tay qua

đâm nước về phía những cầu cảng của Quảng trường St. Mark.

Maurizio nhún vai hiền lành. “Sẽ được như ý các vị thôi. Đi nào!”

Tiếng động cơ rồ lên và chiếc limousine bắt đầu cắt qua mặt nước gợn sóng, lao vào một trong những luồng lạch có phao tiêu đánh dấu. Những con tàu lớn chở khách đang lướt qua trông chẳng khác gì các tòa nhà nổi, lặn sóng của chúng xô những chiếc thuyền tựa như những cái phao bần.

Trước sự ngạc nhiên của Langdon, hàng chục chiếc thuyền đáy bằng cũng đang băng băng vượt đầm nước như họ. Những thân thuyền thanh mảnh - dài gần một trăm hai mươi mét và nặng hơn sáu trăm cân - có vé rất vững vàng trong vùng nước sóng gió. Mỗi thuyền do một người chèo vững chân điều khiển. Họ đứng trên bên mạn trái thân thuyền, mặc áo sơ mi kẻ sọc đen trắng truyền thống và điều khiển một mái chèo duy nhất gắn vào mép thuyền bên phải. Mặc dù sóng lớn nhưng thấy rõ chiếc thuyền đáy bằng nào cũng nghiêng nghiêng sang trái đáy bí ẩn, một điều kỳ quái mà Langdon biết là do kết cấu phi đối xứng của thuyền. Tất cả thân thuyền đáy bằng đều uốn cong về bên phải, ngược với phía lái thuyền, để khắc phục xu hướng thuyền cứ xoay sang trái do chèo thuyền bên phải.

Maurizio tự hào chỉ vào một trong những chiếc thuyền đáy bằng khi họ chạy qua nó. “Các vị thấy thiết kế kim loại ở đằng trước không?”, anh ta gọi với lại qua vai, làm hiệu về phía món đồ trang trí trang nhã nhô ra từ mũi thuyền. “Đó là bộ phận kim loại duy nhất trên thuyền đáy bằng - gọi là ferro di prua - lưỡi hái sắt mũi thuyền. Đó chính là hình ảnh của Venice!”

Maurizio giải thích rằng bộ phận trang trí hình lưỡi hái nhô lên từ mũi thuyền đáy bằng ở Venice có một ý nghĩa biểu trưng. Hình dạng uốn cong của ferro đại diện cho Đại Vận Hà, sáu răng của nó thể hiện cho sáu quận hay sestieri của Venice, và phần lưỡi thuận là mũ sắt cách điệu của quan tổng trấn Venice.

Quan tổng trấn, Langdon nghĩ thầm, ý nghĩ của anh quay trở lại với nhiệm vụ trước mắt. Hãy tìm gã tổng trấn bội bạc của Venice, kẻ cắt rời những đầu ngựa... và moi xương cả người mù lòa.

Langdon đưa mắt ngược nhìn dải đất ven bờ phía trước, nơi một công viên nhỏ có trồng cây tiếp giáp với mép nước. Vượt lên trên những ngọn cây in bóng lên bầu trời không gợn mây là tòa tháp bằng gạch đỏ của tháp chuông St. Mark, trên đỉnh có Tổng lãnh thiên thần Gabriel bằng vàng dãi mắt nhìn

xuống từ độ cao chóng mặt, gần một trăm mét.

Trong một thành phố mà mọi vật dù cao lớn đến đâu cũng đều có xu hướng dễ chìm ngấm, thì tòa tháp sừng sững Campanile di San Marco cũng chỉ giống như một ngọn đèn tín hiệu cho tất cả những ai mạo hiểm tiến vào cái mê cung kênh rạch và ngõ hẹp của Venice.

Khi một du khách bị lạc đường, chỉ cần nhìn lên bầu trời, sẽ nhận ra đường trở lại Quảng trường St. Mark. Langdon, vẫn thấy khó tin rằng tòa tháp đồ sộ này từng sụp đổ vào năm 1902, để lại một đồng gạch vụn không lồ ngay Quảng trường St Mark. Điều kỳ lạ là chỉ có duy nhất một chú mèo bị thương vong trong thảm họa đó.

Du khách tới Venice sẽ được trải nghiệm cảm giác độc đáo khi đến thăm những cảnh quan đẹp đến ngỡ ngàng của nơi này, nhưng địa điểm ưa thích của Langdon luôn là Riva degli Schiavoni. Khu vực đi dạo lát đá rộng rãi này ngay kề mép nước và được xây dựng từ thế kỷ IX bằng phù sa nạo vét. Nó chạy dài từ xưởng tàu cũ đến tận Quảng trường St Mark.

Dọc theo nó là các quán cà phê xinh xắn, những khách sạn trang nhã, và thậm chí cả nhà thờ của gia đình Antonio Vivaldi [\[40\]](#). Điểm khởi đầu của Riva là tại xưởng đóng tàu cổ của Venice - nơi mùi hương nồng nồng của chất nhựa cây đun sôi từng tràn ngập không khí khi những người thợ đóng tàu quét nhựa nóng lên những con tàu chưa hoàn thiện để bít kín các lỗ thủng. Người ta đồn rằng chính một lần tới thăm các xưởng đóng tàu này mà Dante Alighieri có cảm hứng đưa những dòng sông nhựa sôi sùng sục vào Hỏa ngục của mình như một công cụ trừng phạt.

Langdon đưa mắt sang phải bám theo Riva chạy dọc bên nước, và dừng lại ở đoạn cuối rất ấn tượng của khu vực đi dạo này. Ở đây, trên rìa tận cùng phía nam của Quảng trường St Mark, không gian lát đá rộng rãi này tiếp xúc trực tiếp với biển. Vào thời hoàng kim của Venice, chỗ vách bờ dựng đứng này được tự hào đặt tên là “rìa của tất cả nền văn minh”.

Hôm nay, khoảng không gian dài ba trăm thước nơi Quảng trường St. Mark gặp gỡ biển cả, vẫn như mọi khi có không dưới trăm chiếc thuyền đáy bằng sơn đen bập bênh va vào bờ neo, mũi thuyền hình lưỡi hái nhô lên ngụp xuống trên nền những tòa nhà bằng đá cẩm thạch trắng của quảng trường.

Langdon vẫn không hiểu vì lý do gì mà cái thành phố nhỏ bé – chỉ rộng gấp đôi công viên Central Park ở New York - vươn lên từ biển khơi này lại có

thể trở thành đế chế rộng lớn và giàu có nhất phương Tây.

Khi Maurizio cho thuyền chạy lại gần hơn, Langdon có nhận ra quảng trường chính đông nghịt người. Napoleon từng gọi Quảng trường St. Mark là “phòng khách của châu Âu”, và theo cảnh tượng nhìn thấy, “gian phòng” này đang chủ trì một đại tiệc đông nghịt khách khứa. Toàn bộ quảng trường trông như thể bị chìm dưới sức nặng của các vị khách tới chiêm ngưỡng.

“Chúa ơi”, Sienna thì thào, mắt nhìn đám đông khách tham quan.

Langdon không rõ có phải cô nói như vậy vì sợ rằng Zobrist có thể đã lựa chọn một địa điểm đông đúc như thế này để tung ra đại dịch của hắn, hay bởi vì cô cảm thấy rằng trên thực tế Zobrist có thể có lý khi cảnh báo về những hiểm họa của tình trạng quá tải dân số.

Mỗi năm Venice đón tiếp một số lượng du khách đông kinh khủng - ước tính chiếm đến một phần ba dân số thế giới - khoảng hai mươi triệu khách trong năm 2000. Với con số một tỉ người được bổ sung vào dân số thế giới kể từ thời gian đó, giờ đây hàng năm, thành phố này đang phải rên rỉ dưới sức nặng của thêm ba triệu du khách nữa. Venice, giống như chính hành tinh này, chỉ có một không gian nhất định, và đến một lúc nào đó sẽ không còn khả năng nhập đủ lương thực, xử lý đủ lượng chất thải, hay tìm đủ giường ngủ cho tất cả những người muốn tới thăm nó.

Ferris đứng gần đó, nhưng mắt không nhìn về phía đất liền mà lại nhìn ra biển, quan sát tất cả những con tàu đang tiến vào.

“Anh ổn chứ?”, Sienna hỏi, mắt nhìn ông ta về tò mò.

Ferris quay phắt lại. “Ồ, tốt thôi... chỉ đang suy nghĩ.” Ông ta hướng lên phía trước và gọi Maurizio: “Đậu cày gần St. Mark càng tốt nhé”.

“Không thành vấn đề!” Anh chàng lái thuyền vẫy tay. “Hai phút thôi.”

Chiếc limousine nước giờ đã đến ngang tầm Quảng trường St. Mark, và Dinh Tổng trấn đứng uy nghiêm bên tay phải họ, nổi bật trên bờ biển.

Là một ví dụ hoàn hảo cho kiến trúc Venetian Gothic, tòa cung điện này chẳng khác gì một bài tập về cách tiết chế sự tao nhã. Không hề có những tháp pháo hay tháp canh vẫn gắn liền với cung điện của Pháp hay Anh, công trình này được tạo hình như một lăng trụ vuông vức rất lớn, đem lại không gian vô cùng rộng rãi phía bên trong, là nơi lưu trú của chính phủ trọng yếu

cùng bộ máy hỗ trợ của tổng trấn.

Nhìn từ đại dương, tòa cung điện đồ sộ bằng đá vôi trắng trông có vẻ ngạo nghễ nếu không tiết chế một cách thận trọng hiệu ứng ấy bằng cách bổ sung thêm những mái cổng, cột trụ, hàng lang ngoài và những lỗ rỗng cửa hình lá bốn thùy. Những hoa văn kỳ lạ bằng đá vôi hồng xuất hiện khắp mặt ngoài, gợi cho Langdon nhớ đến pháo đài Alhambra [\[41\]](#) ở Tây Ban Nha.

Khi thuyền áp sát bờ neo hơn, Ferris có vẻ lo lắng trước đám đông phía trước cung điện. Một đám đông khác tụ tập trên cầu, và mọi thành viên đều đang chỉ tay xuống một dòng kênh hẹp cắt giữa hai khu rộng lớn của Dinh Tổng trấn.

“Họ đang nhìn gì thế?”, Ferris thắc mắc, giọng đầy lo lắng.

“Il Ponte del Sospiri”, Sienna đáp. “Một cây cầu nổi tiếng của Venice.”

Langdon nhìn xuống con kênh chật hẹp về phía một đường hầm kín mít có chạm trổ rất đẹp uốn vòng giữa hai tòa nhà. 'Cầu thở dài', anh nghĩ thầm, nhớ lại một bộ phim mình rất thích khi còn bé là A Little Romance, được xây dựng dựa trên câu chuyện rằng nếu lúc hoàng hôn, hai người trẻ tuổi hôn nhau dưới cây cầu này trong khi Nhà thờ St. Mark đổ chuông, thì tình yêu của họ sẽ mãi mãi bền vững. Cái ý niệm vô cùng lãng mạn ấy đọng lại trong Langdon suốt cả đời anh. Dĩ nhiên, còn có lý do nữa là bộ phim có diễn viên chính là một thiếu nữ mười bốn tuổi đáng yêu có tên Diane Lane, khiến cho Langdon lập tức mê mẩn. Đó là thứ tình cảm thời niên thiếu mà Langdon chưa bao giờ muốn lãng quên.

Nhiều năm sau, Langdon thấy sợ khi biết rằng cầu Thở dài có tên gọi như vậy không phải từ những tiếng thở hổn hển đầy đam mê, mà từ những tiếng thở dài đau khổ. Hóa ra, cái lối đi kín mít ấy có chức năng nối giữa dinh của tổng trấn và nhà tù của ông ta, nơi những người tù héo hon và qua đời, tiếng rên rỉ đau khổ của họ vọng qua những ô cửa sổ chặn lưới sắt trở dọc theo con kênh hẹp.

Langdon từng tới thăm nhà tù một lần, và rất ngạc nhiên khi biết rằng những buồng giam đáng sợ nhất không phải là những buồng ngang mực nước, vốn thường xuyên bị ngập, mà là những buồng ở sàn trên cùng của cung điện đích thực - gọi là piombi do có phần mái ốp chì khiến cho những gian buồng ấy nóng khủng khiếp vào mùa hè và lạnh cóng vào mùa đông. Người tình vĩ đại Casanova [\[42\]](#) đã từng là một người tù trong piombi vì bị tòa án dị giáo

buộc tội thông dâm và làm gián điệp, anh ta sống sót qua mười lăm tháng bị giam cầm và trốn thoát bằng cách lừa cai ngục.

“Chú ý vào!” Maurizio quát to với một người điều khiển thuyền đẩy bằng khi chiếc limousine của họ lướt vào vị trí buông neo mà chiếc thuyền kia vừa bỏ trống. Anh ta tìm thấy một nơi ở phía trước khách sạn Danieli, chỉ cách Quảng trường St. Mark và Dinh Tổng trấn một trăm thước.

Maurizio quăng một sợi dây quanh cọc neo và nhảy lên bờ, như thể đang thử vai cho bộ phim phiêu lưu lục lâm thảo khấu. Khi đã buộc chắc thuyền, anh ta quay lại và chìa một tay xuống thuyền như muốn giúp các vị khách lên bờ.

“Cảm ơn anh”, Langdon nói lúc anh chàng Ý vạm vỡ kéo anh lên bờ.

Ferris theo sau, trông hơi thiếu tập trung và lại liếc nhìn ra ngoài biển.

Sienna là người cuối cùng lên bờ. Khi nhắc bổng cô lên bờ, anh chàng Maurizio điển trai nhìn xoáy vào cô như hàm ý rằng cô sẽ có một quãng thời gian tuyệt vời hơn nữa nếu hất cẳng hai gã đồng hành và ở lại trên thuyền với anh ta. Sienna dường như không chú ý.

“Cảm ơn, Maurizio”, cô lơ đãng nói, ánh mắt tập trung vào Dinh Tổng trấn gần đó.

Sau đó, không bỏ lỡ một bước, cô cùng Langdon và Ferris hòa vào đám đông.

Chương 70

Được đặt theo tên một trong những nhà du hành lừng danh một lịch sử, sân bay quốc tế Marco Polo nằm cách Quảng trường St. Mark bốn dặm về phía bắc trên vùng nước của phá Veneta.

Nhờ dịch vụ bay riêng xa xỉ, Elizabeth Sinskey vừa rời máy bay chỉ mới mười phút thì đã băng băng lướt sóng vượt qua phá trên chiếc xuồng chở khách màu đen, kiểu viễn tưởng – một chiếc Dubois SR52 Blackbird – do chính người lạ mặt nói chuyện trên điện thoại lúc trước gửi tới.

Thị Trưởng.

Với Sinskey, sau khi bị giữ ở phía sau chiếc xe thùng suốt cả ngày, không

khí của đại dương như tiếp thêm sinh lực cho bà. Bà ngoảnh mặt về phía làn gió mẫn mẫn và để cho mái tóc bạc của mình xổ tung về phía sau. Gần hai tiếng đã trôi qua kể từ khi bị tiêm mũi cuối cùng, rốt cuộc bà đã thấy tỉnh táo. Lần đầu tiên kể từ tối qua, Elizabeth Sinskey được là chính mình.

Đặc vụ Brüder ngồi bên cạnh bà cùng với đội của anh ta. Không ai trong số họ nói một lời. Nếu họ lo lắng về cuộc hẹn hò bất thường này, thì họ đều lập tức biết rõ suy nghĩ ấy không phù hợp ở đây, bởi quyết định không phải do họ đưa ra.

Chiếc xuồng phăm phăm lao về phía trước cho tới khi một hòn đảo lớn hiện dần ra ở bên phải, bờ đảo điểm những tòa nhà gạch thấp cùng những ống khói, Murano, Elizabeth nhận ra đó là những nhà máy thổi thủy tinh nổi tiếng.

Mình không tin được là mình trở lại đây, bà thầm nghĩ, lòng ngập tràn một nỗi buồn tê tái. Một vòng tròn tròn vẹn.

Nhiều năm trước, khi còn học ở trường y, bà đã tới Venice cùng với vị hôn phu của mình và tới thăm Bảo tàng Thủy tinh Murano. Ở đó, vị hôn phu của bà chú ý đến một vật xoay tròn thủy tinh thổi bằng tay rất đẹp và vô tình nói rằng ông muốn có vật giống như thế để một ngày nào đó đem treo trong phòng con nhỏ của họ. Cảm thấy có lỗi vì đã giữ kín bí mật đau lòng quá lâu, cuối cùng Elizabeth đã bộc bạch với ông về chứng hen suyễn lúc còn nhỏ à những buổi điều trị bằng glucocorticoid tai hại đã hủy hoại cơ quan sinh sản của bà.

Elizabeth không bao giờ biết được liệu sự thiếu trung thực hay chuyện vô sinh của bà đã biến trái tim người đàn ông trẻ thành sắt đá. Nhưng một tuần sau, bà rời Venice mà không còn chiếc nhẫn đính hôn.

Vật kỷ niệm duy nhất về chuyến đi đau khổ đó chính là chiếc bùa lam ngọc. Cây gậy Asclepius là một biểu tượng thích hợp cho y học – một liều thuốc đáng trong trường hợp này – nhưng bà đã luôn đeo nó kể từ khi đó.

Chiếc bùa quý giá của mình, bà thầm nghĩ. Món quà chia tay từ một người đàn ông muốn mình sinh con cho anh ấy.

Ngày nay, đối với bà, các đảo Venice không còn lãng mạn, những ngôi làng biệt lập của chúng gợi lên ý nghĩ không phải về tình yêu mà về những khu vực kiểm dịch từng được thiết lập trên đó để kiểm soát Cái chết Đen.

Khi chiếc tàu Blackbird lao qua đảo San Pietro, Elizabeth nhận ra họ đang hướng đến một du thuyền màu xám rất lớn, hình như buồm neo ở một luông nước sâu, chờ họ đến.

Con tàu màu xám kim khí trông như một hạng mục trong chương trình lá chắn của quân đội Hoa Kỳ. Cái tên ghi rõ ở phía sau không cho biết điều gì về thể loại tàu cả.

The Mendacium?

Con tàu hiện ra càng lúc càng lớn hơn, chỉ chốc lát Sinskey đã có thể nhìn rõ một bóng người đơn độc đứng trên boong sau – một người đàn ông cô độc, nhỏ bé, nước da rám nắng, đang quan sát họ qua ống nhòm. Khi chiếc Blackbird tiến lại khoảng neo đậu ở phía sau tàu The Mendacium, người đàn ông bước xuống thang để đón họ.

“Tiến sĩ Sinskey, chào mừng bà lên tàu.” Người đàn ông sạm nắng lịch thiệp bắt tay bà, bàn tay ông ta mềm và nhẵn, không thể là tay của một thủy thủ. “Tôi rất mừng vì bà đến. Xin hãy theo tôi.”

Khi cả nhóm leo lên vài tầng, Sinskey mới chú ý đến cách bài trí giống như các buồng ngăn ô nhộn nhịp. Con tàu kỳ lạ này thực tế chứa nhiều người, nhưng không có ai nghỉ ngơi cả - tất cả bọn họ đều đang làm việc.

Làm việc gì chứ?

Khi họ leo tiếp lên cao, Sinskey có thể nghe rõ tiếng động cơ rất mạnh của con tàu chạy âm âm, tao ra một làn nước sâu khi con tàu bắt đầu chuyển động.

Chúng ta đi đâu đây nhỉ? Bà cảnh giác thắc mắc.

“Tôi muốn nói chuyện riêng với tiến sĩ Sinskey”, người đàn ông nói với mấy người lính, hơi ngừng lại để nhìn Sinskey. “Nếu bà thấy tiện?”

Elizabeth gật đầu.

“Thưa ngài”, Bruder miễn cưỡng nói, “Tôi đề nghị một bác sĩ trên tàu kiểm tra cho tiến sĩ Sinskey. Bà ấy có một số...”

“Tôi không sao”, Sinskey xen vào. “Thực sự. Nhưng cũng cảm ơn anh”

Thị Trưởng nhìn Brüder một lúc lâu và sau đó ra hiệu về phía một bàn thức ăn đồ uống đã được bố trí trên boong. “Nghỉ ngơi đi. Các anh cần như vậy. Chỉ lát nữa là các anh phải quay vào bờ rồi”

Không bận tâm thêm nữa, Thị Trưởng quay lưng lại gã đặc vụ và dẫn Sinskey vào một phòng khánh tiết cũng là phòng làm việc trang nhã, đóng cửa lại phía sau.

“Bà uống một chút chứ?”, ông ta hỏi, ra hiệu về phía quầy rượu.

Bà lắc đầu, vẫn đang cố tìm hiểu không gian kỳ lạ xung quanh mình. Người đàn ông này là ai? Ông ta làm gì ở đây?

Lúc này vị chủ nhà đang quan sát bà, những ngón tay của ông ta đỡ bên dưới cằm. “Chắc bà biết ông khách Bertrand Zobrist của tôi gọi bà là ‘con quý tộc bạc’ phải không?”

“Tôi cũng có một số tên gọi dành cho hẳn.”

Người đàn ông không để lộ cảm xúc gì trong lúc đi về phía bàn làm việc và chỉ tay xuống một cuốn sách to. “Tôi rất muốn bà xem thứ này.”

Sinskey bước lại và nhìn trang bìa. Hỏa ngục của Dante à? Bà nhớ lại những hình ảnh chết chóc rùng rợn mà Zobrist đã cho bà xem trong cuộc gặp gỡ của họ tại Hội đồng Quan hệ Đối ngoại.

“Zobrist cũng cho tôi xem thứ này hai tuần trước. Còn có một dòng chữ nữa.”

Sinskey chăm chú nhìn dòng chữ viết tay trên trang bìa. Nó có chữ ký của Zobrist.

“Bạn thân mến của tôi, cảm ơn bạn vì đã giúp tôi tìm ra đường đi.

Thế giới cũng cảm ơn bạn.”

Sinskey cũng cảm thấy rùng mình. “Ông đã giúp hẳn tìm ra con đường nào?”

“Tôi không hề biết. Hay đúng hơn, cho tới vài tiếng trước thì tôi vẫn chưa biết.”

“Còn bây giờ?”

“Giờ tôi đã phải tạo ra một ngoại lệ hiếm hoi trong quy trình của mình... và tôi mời bà đến.”

Sinskey đã đi cả một chặng đường dài và không có tâm trí đâu cho một cộc trò chuyện khó hiểu. “Thưa ông, tôi không biết ông là ai, hay ông đang làm việc quái gì trên con tàu này, nhưng ông nợ tôi một lời giải thích. Hãy cho tôi biết tại sao ông lại che giấu một kẻ đang bị Tổ chức Y tế Thế giới tích cực truy lùng.”

Bất chấp giọng nói nóng nảy của Sinskey, người đàn ông vẫn trả lời rất khẽ như thì thào. “Tôi nhận ra bà và tôi đang làm việc vì những mục tiêu xung đột với nhau, nhưng tôi mong rằng chúng ta nên quên đi quá khứ. Tương lai, như tôi cảm nhận được, chính là những gì đòi hỏi chúng ta phải chú tâm ngay lập tức.”

Nói xong, người đàn ông rút ra một thẻ nhớ nhỏ màu đỏ và cắm vào máy tính của mình, ra hiệu cho bà ngồi xuống. “Bertrand Zobrist tạo ra đoạn video này, Ông ta muốn tôi phát tán nó cho ông ta vào sáng mai.”

Sinskey chưa kịp đáp lại thì màn hình máy tính đã chuyển sang lò mờ và bà nghe thấy những âm thanh nhẹ nhàng của nước. Một khung cảnh bắt đầu hiện rõ trong bóng tối của lòng hang ngập nước, giống như một cái hồ chìm dưới lòng đất. Điều lạ lùng là có vẻ như nước đã được chiếu sáng từ bên trong, phát ra thứ ánh sáng đỏ đồng đều rất kỳ quái.

Tiếng nước róc rách vẫn tiếp tục, máy quay lia xuống dưới và chìm hẳn vào làn nước, định vị trên nền hang phủ đầy bùn. Bất vút xuống nền hang là tấm biển hình chữ nhật sáng loáng khắc ngày tháng và một cái tên bên trên.

“TẠI NƠI NÀY, VÀO NGÀY NÀY,

THẾ GIỚI THAY ĐỔI MÃI MÃI.”

Ngày tháng chính là ngày mai. Còn cái tên là Bertrand Zobrist.

Elizabeth Sinskey thấy rùng mình. “Chỗ này là đâu vậy?!” bà hỏi. “Chỗ này là nơi nào?!”

Để đáp lại, Thị Trưởng biểu lộ chút cảm đầu tiên của ông ta – một tiếng thở dài thất vọng và lo lắng. “Tiến sĩ Sinskey”, ông ta đáp, “tôi hy vọng bà có thể biết được câu trả lời cho thắc mắc ấy”.

Cách đó một dặm, trên lối tản bộ bên bờ nước của Riva degli Schiavoni, cảnh tượng nhìn ra phía biển có chút thay đổi. Nếu có ai đó quan sát kỹ, ắt sẽ nhận ra một du thuyền màu xám rất lớn vừa xuất hiện chỗ mũi đất phía đông. Giờ nó đang hướng về phía quảng trường St.Mark.

'The Mendacium', FS-2080 nhận ra ngay cùng với chút sợ hãi.

Phần thân tàu màu xám không thể lần đi đâu được.

Thị Trưởng đang đến... và thời gian đang cạn dần.

Chương 71

Luôn lách qua những đám đông người ở Riva degli Schiavoni, Langdon, Sienna và Ferris đi sát theo mép nước, tìm đường tiến vào Quảng trường St. Mark và đến rìa phía nam, nơi quảng trường tiếp giáp biển.

Ở đây, du khách đông nghịt, tạo thành một đám đông chen chúc vây quanh Langdon khi họ cùng đổ dồn tới quảng trường để chụp hai cây cột đồ sộ, sừng sững tại đó.

Cổng chào chính thức đi vào thành phố, Langdon nghĩ thầm, biết rằng địa điểm này từng được dùng cho các vụ hành quyết công khai cho tới cuối thế kỉ XVIII.

Trên đỉnh một trong hai trụ biểu của cổng chào là biểu tượng xuất hiện khắp mọi nơi của Venice – con sư tử có cánh. Trong khắp thành phố, có thể nhìn thấy con sư tử có cánh kiêu hãnh đặt móng vuốt lên một cuốn sách mở có dòng chữ Latin 'Pax tibi Marce, evangelista meus' (Mong người bình yên, Mark, nhà truyền giáo của ta). Theo truyền thuyết, những lời này là của một thiên thần ban cho Thánh Mark khi ngài đến Venice, cùng với lời tiên đoán rằng thân xác ngài sẽ có ngày nằm lại đây. Câu chuyện không xác thực này sau này được người dân Venice biện minh cho việc đoạt hài cốt Thánh Mark từ Alexandria để an táng tại Thánh đường St. Mark. Tới hôm nay, con sư tử có cánh vẫn được xem như biểu tượng của thành phố và gần như có thể nhìn thấy ở mọi chỗ.

Langdon ra hiệu về phía bên phải mình, vượt qua những trụ biểu, bên kia

Quảng trường St. Mark. “Nếu chúng ta bị tách ra, hãy gặp nhau ở cửa trước của thánh đường.”

Hai người kia đồng ý và nhanh chóng men theo mé ngoài của đám đông, lần dọc bức tường phía tây của Dinh Tổng trấn để tiến vào quảng trường. Mặc dù có luật cấm việc tự ý cho động vật ăn nhưng những đàn bò câu được yêu quý của Venice có vẻ vẫn sống khỏe, một số con còn kiếm mồi dưới chân đám đông trong khi những con khác sà xuống các quán cà phê ngoài trời, cướp những gói bánh mì không có ai trông giữ và quấy nhiễu những người hầu bàn mặc lễ phục.

Khu quảng trường rộng lớn này, khác với hầu hết quảng trường ở châu Âu, có hình dáng không phải của một quảng trường mà lại là chữ L. Phần chân ngắn hơn – vẫn được gọi là piazzetta – nối đại dương với Thánh đường St. Mark. Phía trước mặt, quảng trường ngoặt sang trái một góc chín mươi độ để ăn vào phần chân dài hơn, chạy suốt từ thánh đường đến Bảo tàng Correr. Rất lạ là, thay vì chạy thẳng, quảng trường này lại là một hình thang không đều, thu hẹp khá nhiều ở một đầu. Cái ảo giác kiểu ngôi nhà hoạt náo này làm cho quảng trường trông dài hơn nhiều so với thực tế, một hiệu ứng càng tăng lên thấy rõ nhờ mảng gạch lát được bố trí bao lấy những gian hàng sơ khai của các thương gia đường phố ở thế kỉ XV.

Khi tiến đến những khúc ngoặt của quảng trường, Langdon có thể nhìn rõ, thẳng trước mặt cách đó một quãng, mặt kính màu lam lấp lánh của Tháp đồng hồ St. Mark – cũng chính là cái đồng hồ thiên văn nơi điệp viên James Bond ném một tên tội phạm xuống dưới trong phim người đi tìm trăng [\[43\]](#).

Không phải tới thời điểm này, khi đã tiến vào khu quảng trường kín đáo, Langdon mới đánh giá được đầy đủ món quà độc đáo nhất của thành phố này.

Âm thanh.

Hầu như không có xe hơi hay loại xe gắn động cơ nào, Venice vắng hẳn những dòng xe cộ, tàu điện ngầm, và còi xe, nhường không gian âm thanh cho món “lâu” tiếng động rất đặc trưng và không hề có tí máy móc nào: Tiếng con người, tiếng bò câu gù, và tiếng vĩ cầm du dương vang lên ở những quán cà phê ngoài trời. Âm thanh của Venice không giống bất kỳ đại đô thị nào trên thế giới.

Khi trời ngả chiều, mặt trời từ phía tây chiếu xuống St. Mark tạo ra những

bóng đổ dài trên quảng trường lát gạch, Landon ngược nhìn tòa tháp chuông cao vút vươn cao phía trên quảng trường và sừng sững in trên bầu trời Venice cổ kính. Phần hành lang phía trên của tháp chen chúc hàng trăm con người. Chỉ nghĩ đến việc leo lên đó đã khiến anh rùng mình, cho nên anh cúi đầu xuống và tiếp tục len qua biển người.

Sienna có thể bám sát Langdon dễ dàng, nhưng Ferris tụt lại phía sau, và Sienna quyết định tách hẳn ra để có thể trông chừng cả hai người. Tuy nhiên, lúc này khi khoảng cách giữa họ thêm cách biệt, cô nôn nóng nhìn lại. Ferris chỉ tay vào ngực mình, tỏ ý ông ta mệt đứt hơi rồi, và ra hiệu cho cô cứ đi tiếp.

Sienna làm theo, nhanh chóng bám sau Langdon và không để mắt đến Ferris nữa. Nhưng khi len lỏi qua đám đông, cô có cảm giác mình đang bị ai đó bám riết. Trong cô dấy lên một nỗi nghi ngờ rất lạ rằng Ferris đang cố tình tụt lại sau, như thể ông ta đang tìm cách tạo ra khoảng cách giữa họ.

Từ lâu đã học được cách tin vào bản năng của mình, Sienna lần vào một hốc tường và từ trong bóng râm nhìn ra, đưa mắt quét qua đám đông phía sau mình và tìm kiếm Ferris.

Ông ta biến đâu rồi?!

Cứ như thế ông ta thậm chí không còn tìm cách bám theo họ. Sienna nhìn kỹ từng gương mặt trong đám đông, và cuối cùng nhìn thấy ông ta. Trước vẻ ngạc nhiên của cô, Ferris dừng lại và cúi thấp, bám lia lịa trên điện thoại của mình.

Vẫn là cái điện thoại ông ta bảo đã hết pin.

Một cảm giác sợ hãi rất bản năng của cô, và một lần nữa cô biết cô cần phải tin vào nó.

Ông ta đã nói dối mình lúc ở trên tàu.

Khi quan sát Ferris, Sienna cố gắng đoán xem ông ta đang làm gì. Bí mật gửi tin nhắn cho ai đó chẳng? Tìm hiểu sau lưng cô chẳng? Cố gắng giải quyết bí ẩn trong bài thơ của Zobrist trước khi Langdon và Sienna có thể làm được chẳng?

Cho dù lý do là gì thì ông ta cũng đã ngang nhiên lừa dối cô.

Mình không thể tin hẳn.

Sienna tự hỏi liệu cô có nên trách móc và đối đầu với ông ta không, nhưng cô nhanh chóng quyết định lẩn vào đám đông trước khi ông ta phát giác ra mình. Cô lại nhắm về phía thánh đường, tìm kiếm Langdon. Mình phải cảnh báo anh ấy đừng tiết lộ thêm gì cho Ferris.

Cô chỉ còn cách thánh đường năm mươi thước thì cảm thấy có người túm chặt lấy áo mình từ phía sau.

Cô xoay lại và thấy mình mặt đối mặt với Ferris.

Người đàn ông bị dị ứng đang thở hổn hển, rõ ràng đã phải len lách qua đám đông để bắt kịp cô. Ông ta có vẻ điên cuồng gì đó mà Sienna không nhận ra trước đó.

“Xin lỗi”, ông ta nói, gần như không thở nổi. “Tôi bị lạc trong đám đông.”

Khoảnh khắc nhìn vào mắt ông ta, Sienna thấy rất rõ.

Ông ta đang che giấu điều gì đó.

Khi đến được phía trước Thánh đường St. Mark, Langdon ngạc nhiên phát hiện ra rằng hai người bạn đồng hành đều không còn ở phía sau anh. Langdon cũng ngạc nhiên là hoàn toàn không có du khách nào đang đợi vào thăm nhà thờ. Nhưng rồi anh nhận ra giờ đã là chiều muộn ở Venice, thời điểm hầu hết du khách du lịch – do năng lượng giảm sút sau bữa trưa no nê gồm mì sốt và rượu vang – đều quyết định đi dạo trên quảng trường hoặc nhâm nhi chút cà phê thay vì cố thu nạp thêm những chi tiết lịch sử.

Nghĩ rằng Sienna và Ferris sẽ đến bất kỳ lúc nào, Langdon đưa mắt nhìn lối vào thánh đường trước mặt mình. Đôi khi bị cho là “có quá nhiều không gian ra vào”, phần mặt tiền dưới tháp của tòa nhà gần như bị choán hết diện tích bởi một đội hình năm lối ra vào gồm những nhóm cột trụ, những công tò vò uốn cong, và những cánh cửa đồng toang hoác khiến cho công trình, nếu không còn gì khác, luôn rộng mở chào đón.

Là một trong những bản mẫu đẹp nhất của kiến trúc Byzantine ở châu Âu,

nhà thờ St. Mark có bề ngoài kỳ lạ và mềm mại, rất nổi bật. Trái ngược với những tòa tháp xám xịt chân phương của nhà thờ Notre-Dame hay Chartres, nhà thờ St. Mark dường như hùng vĩ nhưng lại gần gũi hơn nhiều. Nhà thờ không vươn cao mà trải rộng ra, có đỉnh là năm mái vòm quét sơn trắng, toát ra vẻ thoáng đấng, gần như náo nhiệt. Không ít cuốn sách hướng dẫn du lịch đã phải so sánh St. Mark với một chiếc bánh cưới phủ kem trứng.

Trên đỉnh của mái vòm trung tâm là bức tượng Thánh Mark nhìn xuống dưới quảng trường mang tên mình. Hai chân ngài đặt trên đỉnh một vòm cung sơn màu lam thẫm và có điểm những ngôi sao bằng vàng. Trên phông nền sắc sỡ này, con sư tử có cánh thép vàng của Venice đứng sừng sững như linh vật lấp lánh của thành phố.

Tuy nhiên, ngay phía dưới con sư tử vàng, Thánh đường St. Mark lại khoe ra một trong những báu vật nổi tiếng nhất của mình – bốn chú ngựa đực bằng đồng to lớn – lúc này đang phản chiếu ánh nắng về chiều.

Đàn ngựa nhà thờ St. Mark.

Trong tư thế như sẵn sàng nhảy xuống quảng trường bất lý lúc nào, bốn con ngựa vô giá này – giống như rất nhiều bảo vật tại Venice – được cướp về từ Constantinople trong các cuộc Thập tự chinh. Một tác phẩm nghệ thuật bị tước đoạt khác cũng được trưng ra bên dưới những chú ngựa ở góc tây nam của nhà thờ – bức điêu khắc bằng tràng thạch sắc tía vẫn được gọi là [Tứ đế \[44\]](#). Bức tượng nổi tiếng vì bị gãy mất một chân lúc đoạt được từ Constantinople vào thế kỷ XIII. Thật kỳ diệu, vào những năm 1960, người ta lại đào được cái chân đó ở Istanbul. Venice thỉnh xin mảnh tượng thất lạc ấy, nhưng chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ phúc đáp bằng một bức điện vồn vện: Các vị đánh cắp bức tượng – chúng tôi giữ lại cái chân của mình.

“Thưa ông, mời ông mua?”, một giọng phụ nữ vang lên, khiến Langdon phải nhìn xuống.

Một phụ nữ Gypsy đẩy đà đang giơ ra một cây gậy dài có treo cả bộ sưu tập những chiếc mặt nạ Venice. Hầu hết đều theo phong cách *volto intero* rất thịnh hành – những chiếc mặt nạ cách điệu màu trắng che kín mặt thường được phụ nữ đeo trong lễ hội hóa trang

Carnevale. Bộ sưu tập của bà cũng có một số mặt nạ Colombina hóm hỉnh chỉ che nửa mặt, vài cái Bauta cầm nhọn hoắt, và một cái mặt nạ tròn Morretta không quai đeo. Mặc dù có nhiều món hàng sắc sỡ nhưng chính

chiếc mặt nạ đen xám duy nhất nằm ở đầu gậy mới khiến Langdon chú ý, đôi mắt chết chóc đầy hăm dọa của nó dường như đang nhìn thẳng xuống anh qua cái mũi mỏ chim dài.

Bác sĩ dịch hạch. Langdon ngoảnh mặt đi, không cần phải nhớ thêm mình đang làm gì ở Venice này.

“Ông mua không?”, người phụ nữ Gypsy nhắc lại.

Langdon mỉm cười và lắc đầu. “Chúng rất đẹp, nhưng không, cảm ơn bà.”

Khi người phụ nữ rời đi, ánh mắt Langdon dõi theo cái mặt nạ dịch hạch đáng ngại trong lúc nó lắc lư phía trên đám đông. Anh thở dài nặng nề và ngược mắt nhìn lại bốn chú ngựa đồng trên ban công tầng hai.

Một ý nghĩ vụt đến với anh.

Langdon cảm thấy mọi yếu tố đột ngột va vào nhau – Đàn ngựa nhà thờ St. Mark, những chiếc mặt nạ Venice, và những vật cướp về từ Constantinople.

“Chúa ơi”, anh thì thầm. “Đúng nó rồi!”

Chương 72

Robert Langdon sững sờ.

Đàn ngựa nhà thờ St. Mark!

Bốn chú ngựa oai vệ này – với những cái cổ vương giả và vòng cổ khỏe khoắn của chúng – làm hiện lên trong Langdon một ký ức bất ngờ, mà giờ đây anh nhận ra nó chứa đựng lời giải thích cho một yếu tố quan trọng trong bài thơ bí ẩn in trên chiếc mặt nạ người chết của Dante.

Langdon đã từng tham dự tiệc cưới của một nhân vật nổi tiếng tại trang trại Runnymede lịch sử ở New Hampshire – quê hương của chú ngựa vô địch giải Kentucky Derby có tên Hình ảnh Vũ công [45]. Là một phần trong chương trình tiếp đón thịnh soạn, các quan khách được xem một màn trình diễn của nhóm kịch ngựa nổi tiếng Behind the Mask – một chương trình tuyệt vời trong đó các kỹ sĩ biểu diễn mặc trang phục lộng lẫy của Venice, giấu kín mặt sau những chiếc mặt nạ volto intero. Đàn ngựa ô Friesian của nhóm là những con ngựa to lớn nhất Langdon từng thấy. Những con vật ẩn

tượng có vóc dáng cao lớn nhất Langdon từng thấy. Những con vật ẩn tượng có vóc dáng cao lớn này phi âm âm qua sân, để lộ những tảng cơ bắp cuộn cuộn, cặp vó gắn lông chim, và cái bờm dài gần một mét tung bay phía sau cái cổ dài duyên dáng của chúng.

Vẻ đẹp của những sinh vật này để lại trong Langdon ấn tượng mạnh mẽ đến mức khi về đến nhà, anh đã ngay lập tức tìm kiếm trên mạng và phát hiện ra rằng giống ngựa đực này từng được các vị vua thời Trung cổ ưa chuộng và dùng làm ngựa chiến, nhưng trong những năm gần đây, chúng đã bị đẩy đến bờ vực tuyệt chủng. Vốn được biết đến như là *Equus robustus*, cái tên Friesian hiện đại của giống ngựa này là món quà tôn vinh quê hương chúng – Friesland, một tỉnh của Hà Lan, cũng là nơi họa sĩ đồ họa xuất chúng M. C. Escher chào đời.

Hóa ra, chính thân hình mạnh mẽ của những chú ngựa Friesian thời xưa đã truyền cảm hứng thẩm mỹ cho Đàn ngựa nhà thờ St. Mark đẹp đến mức được xếp vào hàng “những tác phẩm nghệ thuật thường xuyên bị đánh cắp nhất trong lịch sử”.

Langdon trước giờ vẫn tin rằng vinh dự đáng ngờ này thuộc về tác phẩm Ghent Altarpiece và có lướt xem trang web Hiệp hội Nghiên cứu Tội phạm nghệ thuật (ARCA) để xác thực giả thuyết của mình. Hiệp hội không đưa ra xếp hạng tuyệt đối nào, nhưng họ cung cấp một câu chuyện ngắn gọn về cuộc đời phiến toái của những tượng điêu khắc vốn luôn là mục tiêu tranh cướp ấy.

Bốn chú ngựa bằng đồng được đúc trên đảo Chios vào thế kỷ IV bởi một điêu khắc gia Hy Lạp khuyết danh. Chúng nằm nguyên ở đó cho tới khi được Hoàng đế Theodosius II [\[46\]](#) mang tới Constantinople để trưng bày tại trường đua Hippodrome [\[47\]](#). Sau đó, trong cuộc Thập tự chinh thứ tư, khi binh lực của Venice cướp phá Constantinople, quan tổng trấn đương quyền đã ra lệnh chở bốn bức tượng quý giá bằng thuyền về tận Venice. Do trọng lượng và kích thước chúng rất lớn nên việc vận chuyển là gần như bất khả thi, song cuối cùng, những chú ngựa này cũng được đưa đến Venice vào những năm 1254, và được dựng phía trước mặt tiền của Vương cung Thánh đường St. Mark.

Hơn nửa thiên niên kỷ sau đó, vào năm 1797, Napoleon chinh phạt Venice và đoạt lấy những chú ngựa cho mình. Chúng được chở về Paris và kiêu hãnh xuất hiện trên nóc Khải hoàn môn. Cuối cùng, năm 1815, Napoleon bị đánh bại tại Waterloo và chịu đày ải, đàn ngựa đã bị hạ xuống khỏi Khải

hoàn môn và vận chuyển bằng tàu ngược trở lại Venice, nơi chúng được dựng lại trên ban công phía trước của Thánh đường St. Mark.

Mặc dù Langdon đã khá quen với câu chuyện về đàn ngựa này, nhưng trang web của ARCA còn có một đoạn thông tin khiến anh giật mình.

“Phần vòng cổ trang trí được người Venice thêm vào cổ ngựa năm 1204 nhằm che đi chỗ đầu bị cắt đứt để dễ chuyển chở bằng tàu từ Constantinople về Venice”

Vị tổng trấn đã ra lệnh cắt đứt đầu Đàn ngựa nhà thờ St. Mark ư? Langdon dường như không tài nào nghĩ ra nổi.

“Robert?”, tiếng Sienna gọi to.

Langdon bừng tỉnh khỏi những suy nghĩ của mình, quay lại nhìn Sienna đang len qua đám đông cùng với Ferris đi sát bên cạnh.

“Những con ngựa trong bài thơ!”, Langdon hét to đầy phấn khởi. “Anh nghĩ ra rồi!”

“Cái gì cơ?”, Sienna có vẻ ngỡ ngác.

“Chúng ta đang tìm kiếm một vị tổng trấn bội bạc chặt đứt đầu những con ngựa đây thôi!”

“Vâng?”

“Bài thơ không nói đến những con ngựa sống.” Langdon chỉ tay lên cao phía trên mặt tiền của nhà thờ St. Mark, nơi một cột nắng chói chang đang chiếu sáng bốn bức tượng đồng. “Nó nói đến những con ngựa kia kia!”

Chương 73

Trên tàu The Mendacium, tay tiên sĩ Elizabeth Sinskey vẫn run rẩy. Bà đã xem đoạn video trong phòng làm việc của Thị Trưởng, và mặc dù từng gặp nhiều chuyện kinh khủng trong đời mình nhưng đoạn phim không sao giải thích nổi mà Bertrand Zobrist tạo ra trước khi tự sát để lại trong bà cảm giác lạnh lẽo như cái chết.

Trên màn hình trước mặt bà, cái bóng của bộ mặt có mỏ chim chập chờn,

chiều lên vách hang ngầm. Cái bóng vẫn tiếp tục nói, tự hào mô tả về kiệt tác của gã - một sáng tạo được gọi là Hỏa ngục - thứ sẽ cứu vớt cả thế giới bằng cách chọn lọc dân số.

Chúa cứu rồi chúng con, Sinskey nghĩ thầm. “Chúng ra phải...”, bà nói, giọng run run. “Chúng ta phải tìm ra cái địa điểm ngầm trong lòng đất kia. Có thể còn chưa quá muộn.”

“Cứ xem đi đã”, Thị Trưởng đáp. “Còn lạ lòng hơn nữa cơ.”

Đột nhiên, cái bóng mặt nạ lớn hẫ lên trên vách hang ẩm ướt, lù lù trước mắt bà, cho tới khi một bóng người đột ngột xuất hiện trong khuôn hình.

Khốn kiếp.

Sinskey dăm dăm nhìn vị bác sĩ dịch hạch được trang bị đầy đủ, chỉnh tề trong chiếc áo choàng đen và đeo mặt nạ mỏ chim trông đến ớn lạnh. Vị bác sĩ dịch hạch bước thẳng tới phía máy quay, cái mặt nạ của gã choán hết màn hình để tạo hiệu ứng kinh sợ.

“Những nơi tăm tối nhất chôn địa ngục”, gã thì thào, “dành riêng cho những kẻ giữ thái độ trung dung trong những thời kỳ khủng hoảng đạo đức”.

Sinskey cảm thấy ghen ứ trong cổ họng. Đây cũng chính là câu trích dẫn mà Zobrist đã để lại cho bà tại quầy thủ tục của hãng hàng không khi bà thoát khỏi hẻm ở New York một năm về trước.

“Ta biết”, gã bác sĩ dịch hạch tiếp tục, “có những kẻ gọi ta là quái vật”. Gã ngừng lại, và Sinskey cảm thấy những lời của gã đang nhằm thẳng vào bà. “Ta biết có những kẻ nghĩ ta là một con thú không có trái tim giấu mặt dưới lớp mặt nạ”. Gã lại ngừng lại, bước đến gần máy quay hơn. “Nhưng ta không hề vô diện. Ta cũng không hề nhẫn tâm.”

Nói xong, Zobrist lật chiếc mặt nạ của mình và gỡ bỏ mũ trùm áo choàng - bộ mặt hãn được phơi ra. Sinskey cứng đờ, nhìn sững cặp mắt xanh quen thuộc mà bà nhìn thấy lần cuối trong bóng tối của Hội đồng Quan hệ Đối ngoại. Cặp mắt của hãn trong đoạn video cũng chứa chất ánh lửa và nỗi cuồng mê y như vậy, nhưng giờ đây trong ấy còn có gì đó tựa như vẻ nhiệt thành man dại của một gã điên.

“Tên ta là Bertrand Zobrist”, hãn nói, mắt nhìn xoáy vào máy quay. “Và đây là gương mặt ta, không che giấu và để nguyên cho cả thế giới thấy. Tâm hồn

ta luôn ước giá như mình có thể giờ cao trái tim rực cháy, như Thánh Dante đã làm với nàng Beatrice yêu dấu của ngài, để các người có thể thấy ta cũng đang tràn ngập tình yêu. Thứ tình yêu sâu xa nhất. Dành cho tất cả các người. Và, trên hết, cho một người trong số các người.”

Zobrist bước gần hơn nữa, nhìn sâu vào máy quay và nói rất khẽ, như thể với một người tình.

“Tình yêu của ta”, hắn thì thầm, “tình yêu quý giá của ta. Em là diễm phúc của ta, là người hủy diệt mọi thứ xấu xa của ta, là người ban cho ta mọi đức hạnh, là sự cứu rỗi của ta. Em là người khóa thân nằm bên ta và vô tình giúp ta vượt qua vực thẳm, cho ta sức mạnh để làm những điều ta muốn”.

Sinskey lắng nghe với thái độ ghê tởm.

“Tình yêu của ta”, Zobrist tiếp tục những tiếng thì thầm ai oán vang vọng trong hang ngầm ma quái nơi hắn đang đứng nói. “Em là nguồn cảm hứng và chỉ lối cho ta, nàng Virgil và cũng là nàng Beatrice của ta, và kiệt tác này có công của cả em cũng như của ta. Nếu em và ta, như cặp tình nhân định mệnh, không bao giờ còn được gặp nhau nữa, ta sẽ thanh thản khi biết rằng ta trao gửi tương lai vào đôi tay dịu dàng của em. Công trình bên dưới của ta đã hoàn thành. Và giờ đây đã đến lúc ta lại trở về với thế giới bên trên... và lại ngắm nhìn những vì sao.”

Zobrist ngừng nói, và cụm từ những vì sao ngân vang một lúc trong lòng hang. Sau đó, rất bình tĩnh, Zobrist vươn tay chạm vào máy quay, kết thúc lời nhắn gửi của mình.

Màn hình tối đen.

“Một nơi ở dưới lòng đất”, Thị Trưởng nói, tắt màn hình. “Chúng tôi không tài nào nhận ra. Còn bà?”

Sinskey lắc đầu. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nơi nào như thế này. Bà nghĩ đến Robert Langdon, tự hỏi không biết anh ta có tiến thêm được chút nào trong việc giải mã những đầu mối của Zobrist không.

“Nếu điều này có thể giúp ích”, Thị Trưởng nói, “thì tôi tin tôi biết người tình của Zobrist là ai.” Ông ta ngừng lại - “Một nhân vật có bí danh FS-2080.”

Sinskey bật dậy. “FS-2080 à?!” Bà sững sờ nhìn Thị Trưởng.

Thị Trường cũng giật mình không kém. “Điều đó có nghĩa gì với bà sao?”

Sinskey gật đầu hoài nghi “Chắc chắn rồi”

Tim Sinskey đập thành thịch. FS-2080. Dù không biết nhân dạng của nhân vật này, nhưng chắc chắn bà biết bí danh đó mang ý nghĩa gì. Suốt nhiều năm WHO đã theo dõi những bí danh tương tự.

“Phong trào Siêu nhân học”, bà nói. “Ông có thấy quen không?”

Thị trường lắc đầu.

“Nói một cách đơn giản nhất”, Sinskey giải thích, “Siêu nhân học là một triết lý cho rằng con người cần sử dụng mọi công nghệ có sẵn để kiến tạo chính giống loài chúng ra, làm cho nó mạnh hơn. Sự tồn tại của những cá thể ưu việt nhất”.

Thị Trường nhún vai một cách thờ ơ.

“Nói chung”, bà tiếp tục, “phong trào Siêu nhân học gồm các nhân vật có trách nhiệm - những nhà khoa học, người theo thuyết vị lai, người nhìn xa trông rộng có trách nhiệm về đạo đức – nhưng cũng như ở nhiều phong trào khác, vẫn có một bộ phận nhỏ tin rằng phong trào này tiến triển chưa đủ nhanh. Họ là những nhà tư tưởng khai huyền tin rằng sự kết thúc đang đến gần và ai đó cần có hành động quyết liệt để cứu lấy tương lai của giống loài”.

“Và tôi đoán”, Thị Trường nói, “Bertrand Zobrist là một người như thế?”.

“Chính xác”, Sinskey nói. “Một thủ lĩnh của phong trào. Ngoài việc là người cực kỳ thông minh, hắn còn rất có uy tín và đã chấp bút viết nhiều bài báo về ngày tận thế làm sinh ra cả một cộng đồng những kẻ cuồng tín Siêu nhân học. Hiện nay, nhiều tin đồ cuồng tín của hắn sử dụng những bí danh như thế này, tất cả đều có một hình thức giống nhau - hai chữ cái và một con số có bốn chữ số - chẳng hạn DG-2064, BA-2105, hoặc cái bí danh ông vừa nhắc đến.”

“FS-2080.”

Sinskey gật đầu. “Đó chỉ có thể là một bí danh Siêu nhân học.”

“Những con số và chữ cái có ý nghĩa gì không?”

Sinskey ra hiệu về phía máy tính của ông ta. “Mở trình duyệt của ông ra. Tôi sẽ chỉ cho ông”

Thị Trưởng có vẻ do dự nhưng vẫn đi tới máy tính và mở một chương trình tìm kiếm.

“Tìm ‘FM-2030’”, và hàng nghìn trang web xuất hiện.

“Cứ bấm vào bất kỳ trang nào cũng được”, Sinskey nói.

Thị Trưởng bấm đầu mục trên cùng, mở ra một trang Wikipedia với hình một người Iran điển trai – Fereidoun M. Esfandiary - người được mô tả là một tác giả, triết gia, nhà vị lai chủ nghĩa, ông có công giới thiệu triết lý Siêu nhân học cho nhiều người, cũng như đưa ra những dự báo có tính tiên tri về thụ tinh trong ống nghiệm, điều khiển di truyền, và quá trình toàn cầu hóa nền văn minh.

Theo Wikipedia, tuyên bố mạnh bạo nhất của Esfandiary là những công nghệ mới sẽ giúp ông sống được một trăm tuổi - một trường hợp hiếm hoi với thể hệ của ông. Như một cách thể hiện niềm tin vào công nghệ tương lai, Fereidoun M. Esfandiary đổi tên mình thành FS-2030, một bí danh hình thành bằng cách kết hợp chữ cái chỉ tên và tên đệm của ông cùng với năm ông sẽ tròn một năm tuổi. Buồn thay, ông chết vì bị ung thư tụy ở tuổi bảy mươi và không bao giờ đạt được mục tiêu của mình, nhưng để tôn vinh ông, những tín đồ Siêu nhân học cuồng tín vẫn suy tôn FM-2030 bằng cách tiếp nhận kỹ thuật đặt tên của ông.

Khi đọc xong, Thị Trưởng đứng dậy và bước tới bên cửa sổ, nhìn mông lung ra phía đại dương một lúc lâu.

“VẬY LÀ”, cuối cùng ông ta thì thào, như thể đang nghĩ thành tiếng. “Người tình của Bertrand Zobrist – cô ả FS-2080 này – rõ ràng là một trong những... tín đồ Siêu nhân học.”

“Không còn nghi ngờ gì nữa”, Sinskey đáp. “Tôi rất tiếc tôi không biết chính xác FS-2080 này là ai, nhưng...”

“Đó là vấn đề của tôi”, Thị Trưởng ngắt lời, vẫn dăm dăm nhìn ra biển. “Tôi biết rõ. Tôi biết đích xác ả là ai.”

Chương 74

Không khí như được tạo tác bằng vàng vậy.

Trong đời mình, Robert Langdon đã tới tham quan nhiều vương cung Thánh đường lộng lẫy nhưng không khí của Chiesa d'Oro (Nhà thờ Vàng) ở St. Mark luôn đem đến cho anh ấn tượng có một không hai. Trong nhiều thế kỷ, người ta nói rằng chỉ cần ngồi không khí ở St. Mark cũng sẽ làm cho bạn giàu có hơn. Câu nói này cần được hiểu không chỉ theo nghĩa ẩn dụ, mà còn cả nghĩa đen.

Với bề mặt nội thất bao gồm vài triệu viên gạch lát bằng vàng cổ, người ta nói nhiều phân tử bụi đang lửng lơ trong không khí thực tế chính là những hạt vàng. Thứ bụi vàng lơ lửng này, kết hợp với ánh nắng rục rờ tràn vào qua ô cửa sổ lớn mé tây, tạo ra bầu không khí rục rờ giúp những tín đồ sùng đạo có được sự giàu có về mặt tinh thần và, nếu hít thật sâu, họ còn nhận được sự sung túc thực tiễn hơn dưới hình thức mạ vàng hai lá phổi.

Vào giờ này, vàng mặt trời xuống thấp rọi qua cửa sổ mé tây, tỏa ra những tia nắng trên đầu Langdon như chiếc quạt lớn sáng rục, hay một mái hiên bằng lụa tỏa sáng. Langdon không thể không hít một hơi thật mạnh, và anh cảm thấy Sienna cùng Ferris cũng làm y như vậy bên cạnh mình.

“Đường nào đây?”, Sienna thì thào.

Langdon ra hiệu về phía một lối cầu thang đi lên. Khu bảo tàng của nhà thờ nằm ở tầng trên và có một khu trưng bày đồ sộ dành cho Đàn ngựa St. Mark, nơi mà Langdon tin rằng sẽ nhanh chóng hé lộ nhân dạng của vị tổng trấn bí ẩn đã cắt rời đầu của mấy con vật ấy.

Khi họ leo lên cầu thang, anh nhận ra Ferris đang phải cố gắng thở, và Sienna bắt được ánh mắt Langdon, điều cô đang cố gắng thực hiện suốt mấy phút qua. Nét mặt có hiện vẻ cảnh báo khi cô kín đáo hất đầu về phía Ferris và miệng nói gì đó mà Langdon không thể hiểu. Anh chưa kịp báo cô nói rõ thì Ferris đã liếc nhìn lại, chỉ trễ một phần mấy giây, vì Sienna đã đảo mắt và nhìn thẳng vào Ferris.

“Anh ổn chứ, bác sĩ?”, Cô hỏi về ngay thơ.

Ferris gật đầu và leo nhanh hơn.

Nữ diễn viên tài năng, Langdon nghĩ, nhưng cô ấy đang cố nói gì với mình nhỉ?

Khi lên đến tầng hai, họ có thể nhìn thấy toàn bộ thánh đường trải ra bên dưới. Điện thờ được kiến tạo dưới dạng một thập giá Hy Lạp, nhìn xuống mức hơn những hình chữ nhật kéo dài của nhà thờ St. Peter hay Notre-Dame. Với khoảng cách từ lối vào chính tới bản thờ ngắn hơn hẳn, nhà thờ St. Mark toát ra khi chất đường bệ, vững vàng, cũng như tạo cảm giác dễ tiếp cận hơn.

Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là quá dễ tiếp cận, bản thờ của công trình này lại được bố trí phía sau một bình phong có cột chống, trên đỉnh có cây thành giá và chúa Jesus chịu khổ hình. Che chắn phía trước là một ô đựng mình thánh Chúa mỹ lệ và tự hào là một trong những bệ thờ giá trị nhất trên thế giới - được mệnh danh là Pala d'Oro (Tán vàng). Phần phong nền lớn bằng bạc mạ vàng được xem là “tám vải vàng”, nhưng “vải” chỉ có nghĩa “tám tranh thảm” gồm những tác phẩm xưa hơn – cơ bản là tranh vẽ trên men kiểu Byzantine – tất cả được đan kết trong một cái khung Gothic duy nhất. Được trang điểm với khoảng một nghìn ba trăm viên ngọc trai, bốn trăm viên hồng lục ngọc, ba trăm viên ngọc bích, cũng như ngọc lục bảo, thạch anh tím, và hồng ngọc. Pala d'Oro cùng với Đàn ngựa St. Mark, được coi là một trong những bảo vật đẹp nhất ở Venice.

Nói về mặt kiến trúc, từ basilica dùng cho bất kỳ nhà thờ phương đông theo phong cách Byzantine nào ở châu Âu hay phương Tây. Là một bản sao của thánh đường Các thánh Tông đồ do Justinian xây ở Constantinople, nhà thờ St. Mark mang phong cách Đông phương đến mức các sách hướng dẫn du lịch thường gợi ý nơi này như một lựa chọn thay thế cho việc tham quan các giáo đường Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ, đa phần trong số đó chính là những thánh đường Byzantine được cải biến thành các cơ sở thờ phụng Hồi giáo.

Langdon chưa bao giờ coi nhà thờ St. Mark như một lựa chọn thay thế cho các giáo đường Hồi giáo ngoạn mục ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng anh phải thừa nhận rằng niềm đam mê của một người dành cho nghệ thuật Byzantine có thể được thỏa mãn nhờ một chuyến tham quan dãy phòng bí mật ngay cung thờ bên phải trong nhà thờ này, trong đó có cất giữ thứ được gọi là Kho báu của Thánh Mark – một bộ sưu tập gồm hai trăm tám mươi ba thánh tượng, đồ trang sức và cốc rượu lễ quý giá thu thập được trong quá trình cướp phá Constantinople.

Langdon hài lòng khi thấy thánh đường khá yên tĩnh trong buổi chiều nay. Vẫn có người nhưng ít nhất có đủ chỗ để di chuyển. Len lách qua những nhóm du khách, Langdon hướng dẫn Ferris và Sienna đi tới ô cửa sổ phía tây, nơi khách tham quan có thể bước ra ngoài để xem những chú ngựa trên ban công. Mặc dù tự tin vào khả năng nhận diện vị tổng trấn cần tìm, nhưng

Langdon vẫn thấy lo lắng về bước đi họ phải thực hiện sau đó – tìm ra vị trí của vị tổng trấn. Mộ của ông ta chằng? Hay tượng? Việc này có lẽ cần đến một hình thức hỗ trợ nào đó, bởi lẽ có hàng trăm bức tượng trong nhà thờ, hầm mộ ở bên dưới và cả những mộ vòm dọc nhánh phía đông của nhà thờ.

Langdon chú ý đến một nữ thuyết trình viên trẻ đang dẫn một đoàn khách, và anh lịch thiệp ngắt lời cô, “Xin lỗi”, anh nói. “Ettore Vio có ở đây chiều nay không cô?”

“Ettore Vio à?” Người phụ nữ ngơ ngác nhìn Langdon. “Có, tất nhiên rồi, nhưng...” Cô ấy đột ngột im bật, mắt sáng lên. “Ông là Robert Langdon có phải không?”

Langdon mỉm cười nhẵn nại. “Vâng, tôi đây. Tôi có thể nói chuyện với Ettore được không?”

“Được, được!” Người phụ nữ ra hiệu cho nhóm tham quan của mình đợi một lúc và chạy vội đi.

Langdon và người phụ trách bảo tàng, Ettore Vio, đã từng cùng xuất hiện trong một phim tài liệu ngắn về thánh đường này, và họ vẫn giữ liên lạc với nhau kể từ đó. “Ettore viết sách về thánh đường này”, Langdon giải thích với Sienna. “Thực tế là có vài quyển kia”.

Sienna vẫn có cảm giác bất an kỳ lạ về Ferris, người vẫn đang theo sát Langdon trong lúc anh dẫn cả nhóm đi tới cửa sổ phía tây để quan sát đàn ngựa. Qua cửa sổ, họ thấy phần thân sau rắn chắc của đàn ngựa thật nổi bật trên nền trời chiều. Trên ban công bên ngoài là những du khách đi bách bộ để tận hưởng cơ hội tiếp xúc thật gần với đàn ngựa cũng như toàn cảnh Quảng trường St. Mark ngoạn mục.

“Chúng đó!”, Sienna kêu lên, chạy về phía cánh cửa mở ra ban công.

“Không hẳn”, Langdon nói. “Đàn ngựa chúng ta nhìn thấy trên ban công thực tế chỉ là bản sao thôi. Đàn ngựa nhà thờ St. Mark thật được cất giữ bên trong vì lý do an toàn và bảo quản.”

Langdon hướng dẫn Senna và Ferris đi dọc hành lang về phía một hốc phòng sáng đèn, nơi có một nhóm bốn chú ngựa giống hệt như đang chạy nước kiệu về phía họ từ lối đi có mái vòm bằng gạch làm nền phía sau.

Langdon ra hiệu về phía những bức tượng, tỏ vẻ ngưỡng mộ. “Đây mới là

bản gốc.”

Mỗi lần nhìn thấy những chú ngựa ở khoảng cách gần như vậy, Langdon đều không thể kìm được nỗi kinh ngạc trước kết cấu và chi tiết hệ thống cơ bắp của chúng. Diện mạo ấn tượng của phần da ngựa càng nổi bật nhờ lớp giồng màu xanh vàng lộng lẫy bao phủ toàn bộ bề mặt. Với Langdon, việc nhìn thấy bốn chú ngựa này được giữ gìn nguyên vẹn bất chấp quá khứ đầy sóng gió của chúng luôn là lời nhắc nhở về tầm quan trọng của bảo tồn nghệ thuật.

“Vòng cổ của chúng”, Sienna nói, tay chỉ những chiếc vòng trang trí quanh cổ ngựa. “anh nói chúng được cho thêm vào phải không? Để che đi mỗi nỗi à?”

Langdon đã kể cho Sienna và Ferris về chi tiết “đầu bị chặt” lạ lùng mà anh đọc được trên trang web Hiệp hội ARCA.

“Hiển nhiên rồi”, Langdon nói và tiến về tấm biển thông tin dựng dần đó.

“Roberto!”, một giọng nói thân thiện vang lên phía sau họ. “Anh xem thường tôi quá!”

Langdon quay lại thấy Ettore Vio, một người đàn ông tóc bạc trắng, tươi tỉnh, mặc bộ cánh màu xanh lam và đeo cặp kính có một sợi xích vòng quanh cổ, đang lách qua đám đông. “Anh dám đến Venice mà không thèm gọi cho tôi à?”

Langdon mỉm cười và bắt tay người đàn ông. “tôi thích làm cho anh ngạc nhiên, Ettore. Trông anh khỏe lắm. Đây là các bạn tôi, bác sĩ Brooks và bác sĩ Ferris.”

Ettore chào họ sau đó đứng lùi lại, đánh giá Langdon. “Đi du lịch với các bác sĩ à? Anh bị ốm sao? Còn quần áo anh nữa? Anh đang biến thành dân Ý à?”

“Không”, Langdon nói, phì cười. “Tôi đến để lấy một số thông tin về đàn ngựa.”

Ettore có vẻ tò mò. “Còn điều gì mà giáo sư nổi tiếng lại chưa biết nào?”

Langdon cười to. “Tôi cần biết về vụ chặt đầu những chú ngựa này để vận chuyển vào thời Thập tự chinh.”

Ettore Vio nhìn cứ như thể Langdon vừa hỏi về bệnh trĩ của nữ hoàng vậy. “Chúa ơi, Robert”, ông ấy thì thào, “chúng tôi không nói về chuyện đó. Nếu anh muốn xem những cái đầu bị chặt thì tôi có thể cho anh xem tượng thủ cấp Carmagnola [\[48\]](#) nổi tiếng hoặc...”

“Ettore, làm ơn giúp tôi đi”, Langdon nói. “Theo giai thoại thì là vị tổng trấn nào?”

Ettore đeo kính lên và nhìn Langdon. “Chắc, theo giai thoại, những chú ngựa yêu dấu của chúng tôi được chở đến Venice bởi vị tổng trấn dối trá và quỷ quyệt nhất.”

“Dối trá à?”

“Phải, vị tổng trấn lừa tất cả mọi người tham gia Thập tự chinh.” Ông ấy nhìn Langdon chờ đợi. “Vị tổng trấn lấy tiền công quỹ để dong buồm tới Ai Cập... nhưng lại chuyển hướng quân lính và cướp phá Constantinople.”

Nghe giống như hành động bội bạc, Langdon đăm chiêu. “Và tên ông ta là gì?”

Ettore cau mày. “Robert, tôi nghĩ anh là một sinh viên về lịch sử thế giới mà.”

“Phải, nhưng thế giới rộng lớn, và lịch sử rất dài. Tôi có thể phải cần đến sự trợ giúp.”

“Tốt thôi, một manh mối cuối cùng.”

Langdon định phản đối, nhưng lại cảm thấy mình đang lãng phí công sức.

“Vị tổng trấn của anh sống thọ gần một thế kỷ”, Ettore nói. “Một phép màu ở thời đại của ông ta. Những người mê tín gán tuổi thọ của ông ta cho những hành động táo bạo trong việc lấy hài cốt của Thánh Lucia từ Constantinople và đưa trở về Venice. Thánh Lucia bị mù mắt do...”

“Ông ta moi xương kẻ mù lò!” Sienna buột miệng, mắt nhìn Langdon, cũng vừa có ý nghĩ tương tự.

Ettore nhìn Sienna với ánh mắt kỳ lạ. “Nói như vậy cũng được, tôi cho là thế.”

Ferris bỗng chột tái nhợt, như thể ông ta vẫn chưa lấy lại nhịp thở sau cuộc cuộc bộ dài qua quảng trường và trèo lên cầu thang.

“Tôi cần nói thêm”, Ettore nói, “vị tổng trấn này rất yêu kính Thánh Lucia bởi vì chính ông ta cũng mù lòa. Ở tuổi chín mươi, ông ta đứng giữa quảng trường này, không nhìn thấy gì cả, và thuyết giáo về Thập tự chinh”

“Tôi biết ông ta là ai rồi”, Langdon nói.

“Chà, tôi cũng hy vọng như vậy!”, Ettore mỉm cười đáp lời.

Vì trí nhớ thị giác của Langdon làm việc tốt với các hình ảnh hơn là những ý tưởng không có bối cảnh, nên trong đầu anh hiện ra một tác phẩm nghệ thuật – một minh họa nổi tiếng của Gustave Doré mô tả vị tổng trấn mù lòa, nhăn nheo, hai tay giơ lên cao trên đầu khi ông ta khích lệ một đám đông gia nhập Thập tự chinh. Tên bức minh họa của Doré còn rất rõ ràng trong tâm trí anh: Dandolo thuyết giáo Thập tự chinh.

“Enrico Dandolo”, Langdon tuyên bố. “Vị tổng trấn sống mãi.”

“Có thể chứ!”, Ettore nói. “Tôi sợ đầu óc anh già cõi mất rồi, bạn của tôi.”

“Cũng như cơ thể tôi thôi. Ông ấy được chôn ở đây à?”

“Dandolo hả?”, Ettore lắc đầu. “Không, không phải ở đây.”

“Thế ở đâu?”, Sienna hỏi. “Ở Dinh Tổng trấn à?”

Ettore tháo kính, nghĩ một lúc. “Để tôi nghĩ một lát. Có rất nhiều tổng trấn, tôi không thể nhớ ra...”

Ettore chưa kịp kết thúc thì một thuyết trình viên hốt hoảng chạy đến và kéo ông sang bên, thì thào vào tai. Ettore sững người, trông đầy cảnh giác, rồi lập tức chạy tới lan can nhìn xuống điện thờ phía dưới. Một lúc sau, ông ấy quay lại phía Langdon.

“Tôi sẽ trở lại ngay”, Ettore hét to, rồi vội vã chạy đi mà không nói thêm lời nào khác.

Ngơ ngác, Langdon chạy ra lan can và nhìn xuống. Có chuyện gì dưới kia nhỉ?

Ban đầu, anh chẳng nhìn thấy gì hết, chỉ có những du khách đi lại xung quanh. Nhưng một lúc sau, anh nhận ra nhiều khách tham quan đang chăm chú nhìn về một hướng, phía lối vào chính, qua đó có thể thấy một nhóm binh sĩ mặc áo đen vừa bước vào nhà thờ và tỏa ra khắp lối vào chính, chặn tất cả đường ra.

Đám lính áo đen. Langdon cảm thấy tay mình bám chặt lấy lan can.

“Robert!”, Sienna gọi to phía sau anh.

Langdon vẫn không rời mắt khỏi đám lính. Làm thế nào họ tìm ra bọn mình?

“Robert”, cô gọi khẩn cấp hơn. “Có chuyện không hay! Giúp em!”

Langdon quay đi khỏi lan can, ngơ ngác vì những tiếng kêu cứu của cô.

Cô ấy đi đâu rồi?

Một lát sau, anh nhìn thấy cả Sienna và Ferris. Trên sàn ngay phía dưới Đền ngựa nhà thờ St. Mark, Sienna và Ferris đang quỳ bên cạnh bác sĩ Ferris, người vừa ngã sập xuống trong cơn co giật, tay ôm chặt lấy ngực.

Chương 75

“Em nghĩ anh ta bị đau tim!”, Sienna kêu to.

Langdon chạy vội lại chỗ bác sĩ Ferris nằm co quắp trên sàn nhà. Ông ta đang há hốc miệng, không sao thở được.

Có chuyện gì xảy ra với anh ta?!” Với Langdon, mọi thứ diễn ra đột ngột chỉ trong khoảnh khắc. Trước cảnh đám lính ấy ập tới dưới nhà và Ferris nằm vật trên sàn, Langdon nhất thời cảm thấy tê liệt, không dám chắc nên xoay về hướng nào.

Sienna quỳ xuống bên cạnh Ferris và nới lỏng cà vạt, giật tung vài cúc áo sơ mi phía trên để giúp ông ta thở. Nhưng khi áo sơ của Ferris bung ra, Sienna bật ngược lại và hét lên một tiếng hoảng hốt, đưa tay che miệng trong lúc loạng choạng lùi lại, mắt đăm đăm nhìn khoảng ngực trần của ông ta.

Langdon cũng đã nhìn thấy.

Phân da trên ngực Ferris biến màu rất rõ. Một vết bầm xanh đen trông rất đáng ngại có chu vi bằng một quả bưởi đang loang ra chỗ xương ức. Ferris trông như thể bị cả một quả đạn đại bác bắn trúng ngực.

“Bị chảy máu trong”, Sienna nói, ngược lên nhìn Langdon vẻ choáng váng. “Thảo nào anh ta cứ khó thở suốt cả ngày.”

Ferris ngó ngoáy đầu, rõ ràng đang cố gắng nói, nhưng ông ta chỉ có thể phát ra những tiếng khò khè yếu ớt. Du khách bắt đầu tụm lại xung quanh, và Langdon cảm thấy tình hình sắp trở nên hỗn loạn.

“Đám lính ở dưới nhà”, Langdon cảnh báo Sienna. “Anh không biết làm sao họ tìm ra chúng ta.”

Vẻ ngạc nhiên và sợ hãi trên mặt Sienna nhanh chóng chuyển thành giận dữ, và cô trừng mắt xuống Ferris. “Anh đã nói dối chúng tôi có phải không?”

Ferris lại cố gắng nói, nhưng không thể phát ra tiếng. Sienna thò tay lục tìm các túi Ferris và móc ví cùng điện thoại của ông ta rồi đút gọn vào túi mình, trừng mắt đứng nhìn ông ta như buộc tội.

Đúng lúc đó, một phụ nữ Ý có tuổi lách qua đám đông, quát to đầy giận giữ với Sienna. “Án vào ngực anh ta!” Bà ấy dùng nắm tay ấn mạnh vào ngực mình.

“Không!”, Sienna quát lại. “Làm hô hấp nhân tạo sẽ khiến anh ta tử vong! Nhìn ngực anh ta xem!” Cô quay lại phía Langdon. “Robert, chúng ta cần thoát ra khỏi đây. Ngay bây giờ.”

Langdon cúi nhìn Ferris, lúc này đang nhìn anh một cách tuyệt vọng, như thể muốn nói gì đó.

“Chúng ta không thể bỏ anh ta lại!”, Langdon nói.

“Tin em đi”, Sienna nói. “Đây không phải là trụ tim. Và chúng ta phải đi thôi. Ngay bây giờ.”

Khi đám đông tụm lại gần, du khách bắt đầu kêu cứu. Sienna nắm lấy tay Langdon bằng một sức mạnh đáng ngạc nhiên và kéo anh ra khỏi đám hỗn loạn, lách ra khu vực thoáng khí ngoài ban công.

Langdon bị lóa mắt mất một lúc. Mặt trời đang xuống thấp ở đầu phía tây

của Quảng trường St. Mark khiến toàn bộ ban công như tắm trong ánh nắng vàng rực. Sienna dẫn Langdon đi về mé bên trái, dọc theo sân thượng tầng hai, len lỏi qua những khách du lịch đang ra ngoài này để chiêm ngưỡng quảng trường và bản sao Đàn ngựa nhà thờ St. Mark.

Khi họ chạy dọc mặt tiền của thánh đường, một vùng đầm nước chợt xuất hiện ngay trước mặt. Ngoài biển kia, một hình ảnh lạ lùng khiến Langdon chú ý – chiếc thuyền siêu hiện đại trông như một dạng tàu chiến thời tương lai nào đó.

Langdon chưa kịp đổi ý thì Sienna và anh lại ngoặt sang trái, theo ban công vòng tới góc tây nam của thánh đường về phía “Khuôn cửa giấy” – phần chái nối thánh đường với Dinh Tổng trấn – được đặt tên như vậy vì các vị tổng trấn thường dán các sắc lệnh ở đó cho công chúng đọc.

Không phải là truy tìm sao? Hình ảnh phần ngực xanh đen của Ferris bám chặt lấy tâm trí Langdon, và anh đột nhiên cảm thấy sợ hãi trước chẩn đoán của Sienna về tình trạng bệnh lý thật của người đàn ông kia. Hơn nữa, dường như có gì đó đã thay đổi, và Sienna không còn tin tưởng Ferris nữa. Phải chăng đó là lý do cô ấy cố ra hiệu bằng mắt cho mình lúc trước?

Sienna đột nhiên dừng sững lại và nhòai người ra phía ngoài lan can, ngó xuống một góc hiên của Quảng trường St. Mark tí phía dưới.

“Khôn kiếp”, cô nói. “Chúng ta ở cao hơn em nghĩ”

Langdon sững nhìn cô. Em đang nghĩ đến việc nhảy xuống ư?!

Trông Sienna rất hoảng sợ. “Chúng ta không thể để họ bắt được, Robert.”

Langdon xoay lại phải thánh đường, đưa mắt nhìn cánh cửa nặng nề bằng sắt đúc và kính ngay phía sau họ. Rất nhiều du khách đang ra ra vào vào và nếu ước tính của Langdon đúng, thì qua được cánh cửa đó là họ sẽ vào trong bảo tàng gần phía sau nhà thờ.

“Họ sẽ bít kín mọi lối ra”, Sienna nói.

Langdon suy ngẫm mọi khả năng thoát thân của họ và đi đến một lựa chọn duy nhất. “anh nghĩ anh đã nhìn thấy thứ bên trong kia có thể giải quyết được vấn đề.”

Không do dự trước những gì mình đang suy tính, Langdon dẫn Sienna quay

vào trong thánh đường. Họ đi men theo vòng ngoài của bảo tàng, cố gắng lẩn vào đám đông để không bị quá chú ý, nhiều người trong đám đông đang nhìn chéch qua không gian rộng của gian trung tâm giáo đường về phía đám đông nhốn nháo quanh Ferris. Langdon chú ý đến người phụ nữ đứng tuổi ý đây cấu giện đang hướng dẫn hai người lính mặc áo đen chạy ra ban công, chỉ cho họ lối thoát thân của Langdon và Sienna.

Chúng ta phải nhanh lên, Langdon nghĩ, nhìn lướt các bức tường và cuối cùng nhận ra thứ anh đang tìm kiếm ở gần một tấm thảm cỡ lớn.

Thiết bị ở trên tường có màu vàng tươi với một tấm biển cảnh báo màu đỏ: ALLARME ANTINCENDIO [\[49\]](#).

“Báo cháy à?”, Sienna nói. “Kế hoạch của anh như vậy à?”

“Chúng ta có thể lên ra cùng với đám đông.” Langdon tiến lại và nắm lấy cần báo động. Rồi chẳng ích gì đâu. Trước khi có thể suy nghĩ kỹ lại, anh khẩn trương kéo mạnh xuống, thấy cơ cấu này dễ dàng làm vỡ tan cái trụ thủy tinh nhỏ bên trong.

Không hề có tiếng còi và tình trạng huyên náo mà Langdon mong đợi.

Chỉ thấy im lặng.

Anh kéo lần nữa.

Chẳng có gì cả.

Sienna trợn mắt nhìn anh như thể anh đã hóa dại. “Robert, chúng ta đang ở trong một nhà thờ đá toàn khách du lịch! Anh nghĩ những thiết bị báo cháy công cộng này vẫn hoạt động khi vài kẻ tinh nghịch có thể...”

“Dĩ nhiên! Luật phòng cháy ở Hoa Kỳ...”

“Anh đang ở châu Âu. Ở đây bọn em không có nhiều luật sư như hoa Kỳ.” Cô chỉ qua vai Langdon. “Và chúng ta cũng không còn thời gian đâu.”

Langdon ngoảnh về phía cánh cửa kính nơi họ vừa bước vào và nhìn thấy hai người lính đang hối hả chạy vào từ phía ngoài ban công, cặp mắt quét qua toàn bộ khu vực. Langdon nhận ra một người chính là gã đặc vụ cơ bắp đã nổ súng vào họ trên chiếc xe Trike khi họ chạy trốn khỏi căn hộ của Sienna.

Không có nhiều lựa chọn, Langdon và Sienna cố gắng né khỏi tầm mắt của họ, lần nhanh vào hốc cầu thang xoắn ốc kín đáo dẫn xuống tầng trệt. Khi bên kia điện thờ có vài người lính đứng canh các lối ra, chăm chú quan sát khắp phòng.

“Nếu chúng ta bước ra khỏi cầu thang này, họ sẽ nhìn thấy ngay”, Langdon nói.

“Cầu thang vẫn chạy xuống phía dưới nữa”, Sienna thì thào, ra hiệu về phía một băng vải đề ACCESSO VIETATO [50] quây lấy những bậc thang phía dưới họ. Phía sau băng vải, các bậc thang chạy xoắn ốc hẹp hơn nữa xuống một vùng tối như hũ nút.

Không phải là một ý hay, Langdon nghĩ. Hàm mộ dưới lòng đất sẽ không có lối thoát.

Sienna đã bước qua băng vải và dò dẫm đường xuống đường hầm xoắn ốc, biến mất hút trong khoảng tối.

“Cửa mở”, Sienna tự thì thào từ phía dưới.

Langdon không hề tỏ ra ngạc nhiên. Hàm mộ của nhà thờ st. Mark khác với nhiều địa điểm khác ở chỗ nó cũng là một nhà nguyện, nơi thường xuyên có các buổi hành lễ trước hài cốt của Thánh Mark.

“Em nghĩ em thấy có ánh sáng tự nhiên”, Sienna nói khẽ.

Làm gì có chuyện như thế được? Langdon cố nhớ lại những lần tham quan trước đây tới không gian dưới lòng đất linh thiêng này và đoán rằng có lẽ Sienna vừa nhìn thấy ánh sáng vĩnh cửu – một ngọn đèn điện vẫn còn thấp sáng trên mộ Thánh Mark ở chính giữa hàm mộ. Mặc dù vậy, những bước chân đang đến gần ở phía trên khiến Langdon không còn nhiều thời gian để ngẫm nghĩ. Anh nhanh chóng bước qua băng vải, cẩn thận không làm nó rung đưa, và sau đó đặt tay lên tường đá gồ ghề, lần tìm đường đi qua đoạn cua và biến mất hút.

Sienna đang đợi anh ở dưới chân cầu thang. Phía sau cô, hàm mộ tối mù như bung lầy mắt. Đó là một gian phòng dưới lòng đất với phần trần đá thấp đến đáng sợ được đỡ bằng những cây cột xưa cũ và những lối đi có mái vòm bằng gạch. Trọng lượng của toàn bộ thánh đường chỉ nằm trên những cây cột này, Langdon thầm nghĩ, bắt đầu cảm thấy sợ không gian chật hẹp ở đây.

“Em đã nói với anh rồi đấy”, Sienna thì thào, khuôn mặt xinh đẹp của cô hơi sáng nhờ chút ánh sáng le lói. Cô chỉ về mấy ô cửa sổ con hình vòm cung nho nhỏ ở tít cao trên tường.

Giếng lấy sáng, Langdon nhận ra ngay, dù anh đã quên mất sự hiện diện của chúng ở đây. Những giếng này – được thiết kế để lấy ánh sáng và không khí vào trong hầm mộ tù túng – được mở thành những đường ống sâu hút chạy suốt từ Quảng trường St. Mark phía trên xuống. Kính cửa sổ được gia cố bằng một hệ thống hoa sắt ken dày gồm mười lăm vòng tròn lồng vào nhau, và mặc dù Langdon ngờ rằng chúng có thể mở ra được từ bên trong nhưng chúng đều cao đến ngang vai và rất khít khao. Thậm chí nếu bằng cách nào đó họ thoát qua được cửa sổ để lọt vào giếng thì việc trèo lên khỏi giếng vẫn là bất khả thi, vì chúng sâu đến hơn ba mét và được phủ những lưới sắt an ninh to nặng ở trên đỉnh.

Trong thứ ánh sáng lờ mờ lọt qua giếng, hầm mộ nhà thờ St. Mark giống như một khu rừng dưới ánh trăng – một khoảng rừng dày đặc những cột trụ giống như những thân cây đổ bóng dài và nặng nề xuống nền đất. Langdon đưa mắt về phía trung tâm hầm mộ, nơi một bóng đèn duy nhất cháy sáng chỗ mộ Thánh Mark. Vị thánh trùng tên với nhà thờ yên nghỉ trong quách đá phía sau một bàn thờ, còn đằng trước là những hàng ghế dài cho số ít người may mắn được mời xuống hành lễ tại đây – trung tâm của cộng đồng Thiên Chúa giáo Venice.

Một đốm sáng nhỏ xíu bất chợt nhấp nháy sáng lên bên cạnh Langdon, anh ngoảnh nhìn thấy Sienna đang giơ lên chiếc điện thoại sáng đèn của Ferris.

Langdon ngạc nhiên, “Anh nghĩ Ferris nói điện thoại của anh ta hết pin rồi cơ mà.”

“Anh ta nói dối”, Sienna nói, vẫn bám lia lịa. “Về rất nhiều chuyện.” Cô cau mày trước cái điện thoại và lắc đầu. “Không có tín hiệu. Em nghĩ có lẽ em có thể tìm được vị trí mộ của Enrico Dandolo.” Cô đi vội tới giếng trên đầu cho gần tầm kính, cố gắng bắt sóng tín hiệu.

Enrico Dandolo, Langdon thầm nghĩ, vẫn chưa có cơ hội ngẫm nghĩ về vị tổng trấn này trước lúc phải tháo chạy. Bất chấp tình thế khó xử hiện tại của họ, trên thực tế việc họ tới nhà thờ St. Mark vẫn đạt được mục đích – hé lộ nhân dạng của vị tổng trấn bội bạc đã chặt đứt đầu ngựa, và moi xương người mù lòa.

Thật không may, Langdon lại không biết mộ của Enrico Dandolo nằm ở đâu, và rõ ràng Ettore Vio cũng vậy. Anh ấy biết từng li từng tí về nhà thờ này... có khi cả Dinh Tổng trấn nữa. Việc Ettore không lập tức chỉ địa điểm mộ của Dandolo cho Langdon thấy rằng ngôi mộ này có lẽ chẳng nằm ở đâu gần nhà thờ St. Mark hoặc Dinh Tổng trấn.

Vậy nó ở đâu?

Langdon liếc nhìn Sienna, lúc này đang đứng trên một ghế băng cô vừa đặt xuống bên dưới một giếng lấy sáng. Cô mở chốt cửa sổ, đẩy nó mở bung ra, và gơ chiếc điện thoại của Ferris vào lòng giếng.

Những âm thanh bên ngoài Quảng trường St. Mark lọt xuống từ phía trên, và Langdon đột nhiên tự hỏi liệu có thể có cách nào đó thoát ra khỏi đây không. Có một dãy ghế gấp phía sau những ghế băng, và Langdon cảm thấy anh có thể nhấc bổng một chiếc đưa vào giếng lấy sáng. Có khi những lưới sắt phía trên cũng được mở từ bên trong?

Langdon vội băng qua bóng tối tới chỗ Sienna. Anh chỉ mới bước vài bước thì một cú táng rất mạnh vào trán khiến anh bật ngược trở lại. Khi khụy gối xuống, ngay lập tức anh nghĩ mình vừa bị tấn công. Nhưng anh nhanh chóng nhận ra không phải, nên đành thảm rủa chính mình đã không phán đoán được rằng thân hình cao hơn một mét tám của mình thật quá khổ so với chiều cao của mái vòm được xây cho người có tầm vóc trung bình từ hơn một nghìn năm trước.

Trong lúc vẫn quỳ trên nền đá cứng và chờ cho đom đóm mắt dịu lại, anh nhận ra mắt mình đang nhìn xuống một dòng chữ khắc trên nền hầm.

Sanctus Marcus.

Anh nhìn sững một lúc lâu. Không phải tên của Thánh Mark khắc ở đó khiến anh chú ý mà là thứ ngôn ngữ được dùng để viết cái tên đó.

Tiếng Latin.

Sau cả ngày trời đắm mình trong tiếng Ý hiện đại, Langdon cảm thấy hơi mất phương hướng khi thấy tên Thánh Mark được viết bằng tiếng Latin, một chi tiết gợi nhớ nhanh rằng thứ từ ngữ này là ngôn ngữ chung của đế chế La Mã khi Thánh Mark qua đời.

Rồi một ý nghĩ nữa vụt đến với Langdon.

Giai đoạn đầu thế kỷ XIII – thời kỳ của Enrico Dandolo và cuộc Thập tự chinh thứ tư – ngôn ngữ của giới cầm quyền vẫn chủ yếu là tiếng Latin. Một tổng trấn Venice đã đem vinh quang to lớn cho đế chế La Mã bằng việc tái chiếm Constantinople sẽ không bao giờ được chôn cất với cái tên Enrico Dandolo, thay vào đó sẽ là cái tên bằng tiếng Latin của ông ta.

Henricus Dandolo.

Nghĩ đến đó, một hình ảnh đã bị lãng quên từ lâu vụt đến với Langdon như điện giật. Mặc dù nhận ra mình điều này khi đang quỳ trong một nhà nguyện nhưng anh biết rằng đó không phải là phép màu. Đúng hơn, một manh mối thị giác đã làm lóe lên trong tâm trí anh một mối liên hệ bất ngờ. Hình ảnh đột ngột nảy ra từ sâu thẳm trí nhớ của Langdon chính là tên gọi Latin của Dandolo, được khắc trên một phiến đá hoa cương đã mòn, gắn trên một nền gạch trang trí.

Henricus Dandolo.

Langdon thở một cách khó nhọc khi nghĩ đến tấm bia mộ lẻ loi của vị tổng trấn. Mình đã từng đến đó. Đúng y như bài thơ đã nói, Enrico Dandolo thực tế được chôn trong một bảo tàng mạ vàng – một bảo quản của tri thức thánh thiêng – nhưng không phải là Thánh đường St. Mark.

Khi chân lý đã xuất hiện, Langdon chậm rãi đứng lên.

“Em không tài nào bắt được tín hiệu”, Sienna nói, từ giếng lấy sáng trèo xuống và tiến lại phía anh.

“Em không cần làm thế nữa.”, Langdon nói. “Bảo quản mạ vàng của tri thức thánh thiêng...” Anh hít một hơi thật sâu. “Anh... đã nhầm lẫn.”

Sienna tái nhợt. “Đừng có nói là chúng ta đến nhầm bảo tàng nhé!”

“Sienna”, Langdon thì thầm, cảm thấy mệt rũ. “Chúng ta ở nhầm quốc gia rồi.”

Chương 76

Bên ngoài Quảng trường St. Mark, người phụ nữ Gypsy bán những chiếc mặt nạ Venice đang dựa vào bức tường ngoài của thánh đường để nghỉ ngơi.

Như mọi khi, bà tìm đến chỗ ưa thích của mình – hốc tường nhỏ giữa hai tấm lưới kim loại trên vỉa hè – một chỗ lý tưởng để đặt số hàng nặng trĩu và ngắm mặt trời lặn.

Bà đã chứng kiến nhiều chuyện trên Quảng trường St. Mark trong bấy nhiêu năm, nhưng cái sự kiện quái lạ khiến bà chú ý lúc này không phải diễn ra trên quảng trường, mà ở bên dưới. Giật mình vì một tiếng động lớn dưới chân, người phụ nữ ngó qua tấm lưới nhìn xuống một cái giếng hẹp, có lẽ sâu tới ba mét. Ô cửa sổ dưới đáy mở toang và một chiếc ghế gấp được đẩy lên từ đáy giếng, cào cào vào vỉa hè.

Trước vẻ ngạc nhiên của người phụ nữ Gypsy, theo sau chiếc ghế là một cô gái xinh đẹp có mái tóc đuôi ngựa vàng óng, rõ ràng được đun lên từ phía dưới và giờ đang leo qua cửa sổ chui vào lỗ hổng nhỏ hẹp.

Cô gái tóc vàng lách người đứng dậy và lập tức ngược nhìn lên, giật bản mình khi thấy bà Gypsy đang đăm đăm nhìn xuống qua tấm lưới. Cô gái tóc vàng đưa một ngón tay lên môi và cố mỉm cười. Sau đó cô ta mở ghế và trèo lên, vươn tay về phía lưới sắt.

Cô thấp quá, bà Gypsy nghĩ bụng. Mà cô làm cái gì vậy?

Cô gái tóc vàng tụt khỏi ghế và nói với ai đó bên trong. Mặc dù không có nhiều chỗ để đứng trong lòng giếng chật hẹp bên cạnh cái ghế, nhưng lúc này cô vẫn bước sang bên khi có người thứ hai – một người đàn ông tóc đen cao lớn mặc bộ đồ bảnh bao – tự mình chui lên khỏi tầng hầm thánh đường và lách vào đường ống chật chội.

Anh ta cũng ngược lên, nhìn thẳng vào bà Gypsy qua tấm lưới sắt. Sau đó, anh ta đổi chỗ cho cô gái tóc vàng và trèo lên chiếc ghế yếu ớt. Anh ta cao hơn, và khi vươn người, anh ta có thể tháo được cái then an ninh bên dưới tấm lưới sắt. Anh ta đứng kiểng trên mấy đầu ngón chân, đặt tay lên tấm lưới và đẩy lên trên. Tấm lưới nhấc lên một phen rồi anh ta lại phải đặt nó xuống.

“Giúp chúng tôi một tay được không?”, cô gái tóc vàng gọi với lên chỗ bà Gypsy.

Giúp các người một tay à? Bà Gypsy tự hỏi, không hề có ý định can thiệp. Các người đang làm gì nào?

Cô gái tóc vàng móc ra một chiếc ví đàn ông và rút tờ 100 euro, vẩy vẩy như một lời đề nghị. Tờ tiền còn nhiều hơn bà Gypsy kiếm được với những chiếc

mặt nạ trong cả ba ngày trời. Không lạ gì chuyện mặc cả, bà bán mặt nạ lắc đầu và giơ ra hai ngón tay. Người phụ nữ tóc vàng rút ra một tờ tiền nữa.

Không tin nổi vận may của mình, bà Gypsy nhún vai đồng ý về miễn cưỡng, cố gắng tỏ ra dửng dưng trong lúc nhòai xuống và kéo những thanh sắt, nhìn vào mắt người đàn ông để họ có thể hợp lực cho ăn khớp.

Khi người đàn ông đẩy thanh sắt một lần nữa, bà Gypsy kéo mạnh chúng lên bằng đôi tay đã được rèn luyện suốt nhiều năm mang vác hàng, và tấm lưới sắt bung lên nửa chừng. Đúng lúc bà nghĩ họ đã làm được thì có tiếng loảng xoảng rất to bên dưới, và người đàn ông biến mất, rơi tuột xuống giếng khi chiếc ghế gãy gãy sập dưới chân anh ta.

Ngay lập tức tấm lưới sắt trở nên nặng trĩu trong tay bà, và bà nghĩ mình sẽ phải bỏ nó xuống, nhưng lời hứa 200 euro như tiếp thêm sức mạnh, vậy là bà cố kéo tấm lưới lên và vớt vào bên hông thánh đường, khiến nó vang lên một tiếng rất lớn.

Thở không ra hơi, bà Gypsy ngó xuống giếng chỗ hai con người đang xoắn lấy nhau và cái ghế gãy gãy. Khi người đàn ông đứng dậy và phủi bụi trên người, bà Gypsy bèn cúi xuống giếng và chìa tay ra để nhận tiền.

Người phụ nữ tóc đuôi ngựa gật đầu biết ơn và giơ hai tờ giấy bạc lên quá đầu. Bà Gypsy cúi xuống nhưng vẫn còn quá xa.

Đưa tiền cho người đàn ông.

Đột nhiên trong giếng có sự náo loạn – những giọng nói giận dữ vang âm âm bên trong thánh đường. Người đàn ông và người phụ nữ đều hoảng hốt, bật ngược lại từ cửa sổ.

Rồi mọi thứ trở nên hỗn loạn.

Người đàn ông tóc sậm màu cúi khom xuống và ra lệnh cho cô gái đặt chân lên những ngón tay khum lại thành một bàn đạp. Cô bước lên, và anh ta đẩy mạnh lên. Cô vọt lên thành giếng, răng cắn chặt mắt tờ tiền để giải phóng hai tay trong lúc vờn người cố bám lấy mép. Người đàn ông đẩy lên, cao hơn... cao hơn nữa... nâng cô cho tới khi cô bám được hai tay vào mép giếng.

Lấy hết sức, cô gái đu mình lên hẫng quảng trường giống như một người phụ nữ leo khỏi bể bơi. Cô ta dúi tiền vào tay bà Gypsy và lập tức xoay người, quỳ bên mép giếng, cúi xuống đón người đàn ông.

Đã quá muộn.

Những cánh tay rắn rỏi trong trang phục đen đang vói vào giếng như những xúc tu quăng quật của một con quái vật đói mồi, tóm lấy chân người đàn ông, kéo anh ta về phía cửa sổ.

“Chạy đi, Sienna!”, người đàn ông vùng vẫy kêu to. “Chạy ngay đi!”.

Bà Gypsy nhìn thấy mắt họ nhìn nhau đầy đau đớn tiếc nuối và mọi việc kết thúc.

Người đàn ông bị kéo tuột xuống qua ô cửa sổ vào lại thánh đường.

Người phụ nữ tóc vàng trần trụi nhìn xuống, mắt cô ầng ậng nước. “Em xin lỗi, Robert”, cô ấy khẽ nói. Thế rồi, sau một lúc sững lại, cô ấy nói thêm. “Vì tất cả.”

Một khắc sau, cô bò dậy, mái tóc đuôi ngựa vung vẩy khi cô lao nhanh vào ngõ hẹp Merciarìa dell’Orologio, mất hút vào trung tâm Venice.

Chương 77

Tiếng nước vỗ mạn man nhẹ nhàng kéo Robert Langdon tỉnh lại, Anh ngửi thấy mùi thuốc vô trùng lẫn với mùi biển mặn mẫn và cảm thấy thế giới đang lắc lư phía dưới mình.

Mình đang ở đâu đây?

Chỉ một lúc trước, có vẻ như vậy, anh đã bị khống chế trong cuộc vật lộn tuyệt vọng với những cánh tay mạnh mẽ kéo tuột anh ra khỏi giếng lấy sáng và lôi trở lại hầm mộ. Còn giờ đây, thật lạ lùng, anh không còn cảm thấy nền đá lạnh lẽo của nhà thờ St. Mark dưới lưng mình nữa, mà chỉ cảm nhận được một tấm nệm mềm.

Langdon mở mắt và ngó xung quanh - một gian phòng nhỏ sạch sẽ với một ô cửa sổ duy nhất. Chuyển động lắc lư vẫn tiếp tục.

Mình đang ở trên một con thuyền sao?

Ký ức cuối cùng của Langdon là bị một người lính mặc đồ đen đè chặt xuống nền hầm mộ và giận dữ rít lên với anh, “Đừng tìm cách chạy trốn

nữa!”.

Langdon kêu âm ỉ, cố gắng cầu cứu khi những người lính tìm cách bịt miệng anh lại.

“Chúng ta cần đưa gã ra khỏi đây”, một người lính nói với đồng bọn.

Anh chàng kia gật đầu do dự. “Cứ làm đi.”

Langdon cảm thấy những ngón tay chắc khỏe thành thực tìm động mạch và ven trên cổ anh. Sau đó, khi đã xác định được vị trí chính xác trên động mạch cảnh, những ngón tay ấy bắt đầu ép một lực rất mạnh xuống. Chỉ trong vài giây, mắt Langdon bắt đầu nhòe đi, và anh cảm thấy mình đang trôi, não không còn dưỡng khí.

Họ đang giết mình, Langdon nghĩ. Ngay ở đây, bên cạnh mộ Thánh Mark.

Mọi thứ tối sầm, nhưng dường như vẫn chưa đủ vì còn có thêm những bóng xám cảm lạnh xuất hiện.

Langdon không biết thời gian đã trôi qua bao nhưng lúc này thế giới bắt đầu trở lại với anh. Từ những gì anh có thể phán đoán thì anh đang ở trong một bệnh xá trên tàu. Khung cảnh vô trùng xung quanh anh cùng với mùi cồn isopropyl tạo nên một cảm giác ngột ngạt rất lạ, cứ như thể Langdon vừa đi trọn một vòng tròn, tỉnh lại y như đêm hôm trước, trên một giường bệnh xa lạ với những ký ức không nói được lên lời.

Ý nghĩ của anh lập tức hướng đến Sienna và sự an toàn của cô. Anh vẫn còn thấy đôi mắt nâu dịu dàng của cô nhìn xuống anh, chứa đầy hồi tiếc và sợ hãi. Langdon cầu mong rằng cô thoát được và sẽ tìm cách ra khỏi Venice an toàn.

Chúng ta ở nhầm quốc gia rồi, Langdon đã nói với cô, vì sững sờ nhận ra địa điểm đích thực phần mộ của Enrico Dandolo. Toà bảo quán của tri thức thành thiêng bí ẩn trong bài thơ không nằm ở Venice, mà ở một thế giới xa vời. Đúng như tác phẩm gia Dante đã nói, ý nghĩa của bài thơ được giấu “bên dưới lớp màn thơ phú khó hiểu”.

Langdon định giải thích mọi việc cho Sienna ngay khi họ thoát ra khỏi hầm mộ, nhưng anh không còn cơ hội nữa.

Cô ấy bỏ chạy mà chỉ biết rằng mình đã thất bại.

Langdon cảm thấy dạ dày quặn thắt.

Đại dịch vẫn ở ngoài kia... một thế giới xa vời.

Từ bên ngoài bệnh xá, Langdon nghe thấy tiếng giày ủng vang lên rất to trong sảnh, và ngoảnh nhìn một người đàn ông mặc áo đen đang bước vào chỗ anh nằm. Vẫn là gã lính vạm vỡ đề nghiến anh xuống sàn hầm mộ. Đôi mắt gã lạnh lẽo như đá. Bản năng của Langdon nhắc anh lùi lại khi người đàn ông tiến đến, nhưng chẳng còn chỗ nào để chạy nữa. Bất kỳ việc gì những kẻ này muốn ra tay với mình, họ đều có thể làm.

“Tôi đang ở đâu?”, Langdon hỏi, giọng cô tỏ ra thách thức hết mức.

“Trên một chiếc thuyền buông neo ngoài khơi Venice.”

Langdon nhìn tấm phù hiệu xanh lá cây trên đồng phục của người đàn ông - một quả cầu có những chữ cái ECDC [\[51\]](#) bao quanh. Langdon chưa bao giờ nhìn thấy biểu tượng hay cụm từ viết tắt này.

“Chúng tôi cần thông tin từ anh”, người lính nói, “và chúng tôi không có nhiều thời gian”.

“Tại sao tôi phải nói gì đó cho các người chứ?”, Langdon hỏi lại. “Các người suýt giết tôi.”

“Không đến mức thế. Chúng tôi dùng một kỹ thuật vô hiệu hóa của judo gọi là shime waza... Chúng tôi không có định làm hại anh đâu.”

“Anh bắn tôi sáng nay đấy thôi!”, Langdon nói, còn nhớ rõ âm thanh rền vang khi viên đạn bắn trúng chắn bùn chiếc Trike của Sienna. “Đạn của anh suýt trúng đôt sống tôi còn gì!”

Người đàn ông nheo mắt. “Nếu tôi muốn bắn vào sống lưng anh thì tôi đã làm được ngay rồi. Tôi chỉ bắn một viên duy nhất để xuyên thủng lớp sau xe của anh, không cho các anh chạy đi thôi. Tôi được lệnh liên hệ với anh và tìm hiểu xem tại sao anh lại hành động thất thường như vậy.”

Langdon còn chưa lĩnh hội được đầy đủ những lời này thì thêm hai người lính nữa bước qua cửa, tiến lại phía giường anh nằm.

Đi giữa họ là một người phụ nữ.

Một bóng ma.

Đây về siêu trần và thuộc về thế giới khác.

Langdon lập tức nhận ra bà ấy chính là hình ảnh trong những ảo giác của anh. Người phụ nữ trước mặt anh rất đẹp, với mái tóc bạc dài và cái bùa bằng lam ngọc. Vì trước đây, bà ấy xuất hiện trong khung cảnh đáng sợ toàn những xác chết nên Langdon phải mất một lúc lâu mới tin rằng đích thực bà ấy đang đứng trước mặt mình, bằng xương bằng thịt.

“Giáo sư Langdon”, bà ấy nói, mỉm cười mệt mỏi lúc đến bên giường anh. “Tôi thấy nhẹ người vì anh không sao”. Bà ngồi xuống và bắt mạch cho anh. “Tôi nghe nói anh bị mất trí nhớ. Anh còn nhớ tôi không?”

Langdon nhìn kỹ người phụ nữ một lúc. “Tôi đã từng... thấy hình ảnh bà, mặc dù tôi không nhớ đã gặp bà.”

Người phụ nữ cúi về phía anh, vẻ mặt đầy thông cảm. “Tên tôi là Elizabeth Sinskey. Tôi là giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới, và tôi chiêu mộ anh để giúp tôi tìm ra...”

“Một đại dịch”, Langdon nói. “Do Bertrand Zobrist tạo ra.”

Sinskey gật đầu, trông phấn khởi hẳn. “Anh còn nhớ à?”

“Không, tôi tỉnh dậy trong một bệnh viện với một cái máy chiếu nhỏ rất lạ cùng những hình ảnh về bà luôn bảo tôi hãy tìm kiếm và sẽ thấy. Đó chính là những gì tôi đang cố làm khi những người đàn ông này tìm cách giết tôi.” Langdon ra hiệu về phía những người lính.

Gã lính cơ bắp sừng cò, rõ ràng sẵn sàng trả miếng, nhưng Elizabeth Sinskey đã vẫy tay ra hiệu cho gã im lặng.

“Giáo sư”, bà nhẹ nhàng nói, “tôi biết chắc anh bị nhầm lẫn. Là người đã lôi anh vào vụ này, chính tôi cũng hết hồn vì những gì đã xảy ra và tôi biết ơn vì anh vẫn an toàn.”

“An toàn ư?”, Langdon đáp lại. “Tôi bị mắc kẹt trên một con tàu!” Và bà cũng vậy!

Người phụ nữ tóc bạc gật đầu thông cảm. “tôi sợ rằng chứng mất trí nhớ sẽ làm đầu óc anh rối beng trước những vấn đề tôi định nói. Thế nhưng, thời

gian của chúng ta rất ít, và nhiều người cần sự giúp đỡ của anh.”

Sinskey do dự, như thể không biết phải tiếp tục thế nào. “Trước hết”, bà ấy bắt đầu, “tôi cần anh hiểu rằng đặc vụ Brüder và nhóm của anh ấy chưa bao giờ cố làm hại anh cả. Họ đang trực tiếp nhận mệnh lệnh liên hệ lại với anh bất kỳ cách cần thiết nào”.

“Liên hệ lại ư? Tôi không...”

“Giáo sư, làm ơn cứ nghe thôi. Mọi thứ sẽ được làm sáng tỏ. Tôi hứa đấy.”

Langdon yên vị trở lại trên chiếc giường bệnh xá, ý nghĩ của anh xoay vòng trong lúc tiến sĩ Sinskey nói.

“Đặc vụ Brüder và người của anh ấy là một đội SRS – Hỗ trợ giám sát và phản ứng. Họ hoạt động dưới quyền Trung tâm Phòng ngừa và Kiểm soát dịch bệnh Châu Âu.”

Langdon liếc nhìn những chiếc phù hiệu ECDC trên đồng phục của họ. Phòng ngừa và Kiểm soát dịch bệnh à?

“Nhóm của anh ấy”, bà tiếp tục, “chuyên phát hiện và ngăn chặn những hiểm họa bệnh lây lan. Về cơ bản, họ là một nhóm SWAT chuyên ứng phó với các nguy cơ sức khỏe cấp tính quy mô lớn. Anh là hy vọng duy nhất của chúng tôi trong việc xác định bệnh dịch mà Zobrist đã tạo ra, vì thế khi anh biến mất, tôi giao nhiệm vụ đó cho nhóm SRS tìm kiếm anh... Tôi triệu tập họ tới Forence để hỗ trợ tôi.”

Langdon sững sờ. “Những người lính kia làm việc cho bà sao?”

Bà gật đầu. “Mượn họ từ ECDC. Tối qua, khi anh biến mất và không gọi lại, chúng tôi nghĩ có chuyện gì đó đã xảy ra với anh. Mãi cho đến tận sáng sớm nay, khi nhóm hỗ trợ kỹ thuật của chúng tôi phát hiện thấy anh kiểm tra tài khoản thư điện tử Harvard của mình thì chúng tôi mới biết anh còn sống. Đến lúc đó, lời giải thích duy nhất của chúng tôi cho cách hành xử kỳ lạ của anh là anh đã đổi phe... có thể vì được đề nghị những khoản tiền rất lớn để tìm dịch bệnh cho một ai khác.”

Langdon lắc đầu. “Chuyện đó thật phi lý!”

“Phải, nó như là một kịch bản không chắc chắn, nhưng đó là cách giải thích hợp lý duy nhất – và với nguy cơ quá cao, chúng tôi không thể đánh liều. Dĩ

nhiên, chúng tôi không bao giờ nghĩ ra được anh lại đang mất trí nhớ. Khi đội hỗ trợ công nghệ của chúng tôi thấy tài khoản thư điện tử Harvard của anh đột nhiên hoạt động, chúng tôi dò theo địa chỉ IP máy tính của anh thối căn hộ ở Florence và tiến vào. Nhưng anh bỏ chạy bằng chiếc xe máy, cùng với cô gái kia, càng làm tăng sự nghi ngờ của chúng tôi rằng lúc này anh đang làm việc cho một ai đó khác.”

“Chúng tôi phóng ngay qua bà!”, Langdon ngắt lời. “Tôi nhìn thấy bà ở phía sau một xe thùng đen, có lính tráng vây quanh. Tôi nghĩ bà là người bị bắt. Có vẻ như bà bị hôn mê, giống như họ đã cho bà dùng thuốc.”

“Anh nhìn thấy chúng tôi ư?” Tiến sĩ Sinskey có vẻ rất ngạc nhiên. “Lạ nhỉ, anh nói đúng... họ cho tôi dùng thuốc.” Bà dừng lại, “nhưng là chỉ vì tôi ra lệnh cho họ làm việc đó.”

Giờ thì Langdon hoàn toàn không hiểu. Bà ấy bảo họ cho mình dùng thuốc ư?

“Có lẽ anh không còn nhớ chuyện này”, Sinskey nói, “nhưng khi chiếc C-130 của chúng ta hạ cánh tại Florence, áp suất thay đổi, và tôi bị một hiện tượng vẫn được gọi là mất thăng bằng vị trí đột phát – một chứng tai trong suy nhược mạnh mà tôi đã bị từ trước. Nó chỉ tạm thời và không nghiêm trọng, nhưng khiến cho nạn nhân bị chóng mặt và buồn nôn nên không thể tỉnh táo được. Bình thường, tôi phải đi nằm và rất buồn nôn. Nhưng chúng ta đang đối phó với cuộc khủng hoảng Zobrist, và vì thế tôi tự kê toa thuốc cho mình bằng những mũi tiêm metolopramide đều đặn mỗi giờ để giúp tôi chống nôn. Thuốc có hiệu ứng rất nặng là gây ra tình trạng uể oải, nhưng ít nhất nó giúp tôi có thể điều hành mọi việc bằng điện thoại từ phía sau xe thùng. Nhóm SRS muốn đưa tôi tới bệnh viện, nhưng tôi ra lệnh cho họ không được làm vậy cho tới khi chúng tôi liên hệ lại được với anh. Thật may, cuối cùng chúng mất thăng bằng cũng dứt trong chuyến bay đến Venice”.

Langdon nằm vật xuống giường, bực bội. Mình đã chạy trốn Tổ chức Y tế thế giới suốt cả ngày - trốn chính những người chiêu mộ mình vào cuộc.

“Giờ chúng ta phải tập trung, giáo sư”, Sinskey nói, giọng bà đầy khẩn trương. “Đại dịch của Zobrist anh có manh mối xem nó ở đâu không?” Bà nhìn anh với vẻ mặt đầy mong ngóng. “Chúng ta có rất ít thời gian.”

Nó ở rất xa, Langdon muốn nói vậy, nhưng có gì đó ngăn anh lại. Anh ngược

lên nhìn Brüder, gã lính đã nổ súng vào anh sáng nay và gần như bóp nghẹt anh cách đây không lâu. Với Langdon, mọi chuyện thay đổi nhanh đến mức anh không biết phải tin vào ai nữa.

Sinskey cúi xuống, nét mặt bà vẫn rất chăm chú. “Chúng tôi có linh cảm rất mạnh mẽ rằng đại dịch ở tại Venice này. Có phải vậy không? Hãy cho chúng tôi biết chỗ nào, và tôi sẽ phái một đội vào đất liền.”

Langdon do dự.

“Thưa ngài!” Brüder lên tiếng vẻ nôn nóng. “Rõ ràng ngài biết điều gì đó... hãy cho chúng tôi biết nó ở đâu! Ngài không hiểu chuyện gì sắp xảy ra sao?”

“Đặc vụ Brüder!”, Sinskey giận dữ quát gã kia. “Đủ rồi”, bà ra lệnh, sau đó quay lại Langdon và nói khẽ. “Nghĩ đến tất cả những gì anh vừa trải qua, hoàn toàn có thể hiểu rằng anh bị mất phương hướng, và không biết tin ai.” Bà ngừng lại, nhìn sâu vào mắt anh. “Nhưng thời gian của chúng ta rất ít, và tôi đang đề nghị anh tin tưởng tôi.”

“Ông Langdon có đứng lên được không?”, một giọng nói mới vang lên.

Một người đàn ông thấp nhỏ với nước da sạm nắng xuất hiện ở ngưỡng cửa. Ông ta nhìn kỹ Langdon với vẻ bình thản đã được rèn luyện, nhưng Langdon thấy rõ sự nguy hiểm trong mắt ông ta.

Sinskey ra hiệu cho Langdon ngồi dậy. “Giáo sư, đây là một người mà tôi không định hợp tác, nhưng tình hình quá nghiêm trọng nên tôi không còn lựa chọn nào khác.”

“Theo tôi”, người đàn ông nói, đi lại phía cửa. “Có thứ các vị cần xem.”

Langdon vẫn đứng nguyên. “Ông là ai?”

Người đàn ông dừng lại và khum khum những ngón tay. “Tên tuổi không quan trọng. Anh có thể gọi tôi là Thị Trưởng. Tôi điều hành một tổ chức mà đã... tôi xin lỗi phải nói vậy, phạm sai lầm giúp Bertrand Zobrist đạt được mục đích của hắn. Giờ tôi đang cố gắng sửa chữa sai lầm đó trước khi quá muộn.”

“Ông muốn cho tôi xem thứ gì?”, Langdon hỏi.

Người đàn ông nhìn sững Langdon với ánh mắt kiên nghị. “Một thứ chắc

chấn sẽ khiến anh có suy nghĩ rằng tất cả chúng ta cùng một chiến tuyến.”

Chương 78

Langdon theo người đàn ông sạm nắng đi qua cả một mê cung những hành lang chật chội ở sàn dưới tàu, cùng với tiến sĩ Sinskey và những người lính ECDC rờn rợn theo sau thành một hàng. Khi cả nhóm đến gần một cầu thang, Langdon hy vọng họ sẽ đi lên phía có ánh sáng ban ngày, nhưng họ lại đi sâu xuống phía dưới hơn.

Ở sâu trong bụng con tàu lúc này, người hướng dẫn đưa họ đi qua một khu vực gồm toàn những buồng kính kín mít – một số buồng có tường trong suốt và một số còn lại là tường mờ. Bên trong mỗi gian phòng cách âm đó, nhiều nhân viên đang miệt mài gõ máy tính hoặc nói điện thoại. Họ ngược nhìn nhóm người đang đi qua, trông họ đều rất cảnh giác khi thấy người lạ mặt ở khu vực này của con tàu. Người đàn ông sạm nắng gạt đầu và trấn an họ đi tiếp.

Nơi này là nơi nào? Langdon thắc mắc khi họ tiếp tục đi qua một loạt khu vực làm việc được thiết kế san sát.

Cuối cùng, vị chủ tàu đưa họ đến một phòng họp lớn, và tất cả đều bước vào. Khi cả nhóm đã ngồi xuống, người đàn ông ấn một cái nút, những bức tường kính đột nhiên chuyển sang mờ đục, nhốt kín họ bên trong. Langdon giật mình, vì chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì như thế này.

“Chúng ta đang ở đâu?” Cuối cùng Langdon lên tiếng hỏi.

“Đây là tàu của tôi – The Medacium.”

“Medacium à?”, Landon hỏi. “Như trong... tên gọi Latin của Pseudologos – vị thần dối trá của người Hy Lạp à?”

Người đàn ông có vẻ rất ấn tượng. “Không có nhiều người biết điều đó đâu.”

Một danh hiệu không hay tí nào, Langdon nghĩ thầm. Medacium là vị thần hắc ám cai quản tất cả những pseudologoi – những con quỷ chuyên dối trá, lừa lọc và dựng chuyện.

Người đàn ông rút ra chiếc thẻ nhớ nhỏ màu đỏ và cắm vào một ổ điện tử ở

cuối phòng. Một màn hình LCD phẳng rất lớn nhấp nháy sáng lên, và các ngọn đèn trên đầu mờ đi.

Trong không khí im lặng, Langdon nghe thấy tiếng nước vỗ nhẹ nhẹ. Mới đầu anh nghĩ những âm thanh đó đến từ phía ngoài con tàu, nhưng sau đó anh nhận ra ra âm thanh ấy đến từ loa của màn hình LCD. Một hình ảnh từ từ hiện ra – một vách hang nước rỏ tong tong, được chiếu thứ ánh sáng màu đỏ lập lòe.

“Bertrand Zobrist đã tạo ra đoạn video này”, vị chủ tàu của họ lên tiếng. “Và ông ta đề nghị tôi tung nó ra trước thế giới vào ngày mai.”

Không tin nổi, Langdon trân trối nhìn đoạn phim kỳ quái – một không gian trong hang với một hồ nước để tiến gần phần nền lát gạch phủ bùn có bắt vít một tấm biển ghi **TẠI NƠI NÀY, VÀO NGÀY NÀY, THẾ GIỚI THAY ĐỔI MÃI MÃI.**

Tấm biển ký tên: **BERTRAND ZOBRIST.**

Ngày tháng chính là ngày mai.

Chúa ơi! Langdon quay sang Sinskey khuất trong bóng tối, nhưng bà ấy đang nhìn vô định xuống nền gạch, rõ ràng đã xem đoạn phim rồi, và chắc chắn không muốn xem lại lần nữa.

Giờ máy quay lia sang trái, Langdon nhìn thấy lơ lửng dưới nước là một bong bóng bằng nhựa trong suốt bập bênh, bên trong chứa một thứ chất lỏng màu vàng nâu sền sệt. Cái quả cầu đó có vẻ được cột xuống nền nên không thể trôi hẳn lên mặt nước.

Cái quái gì vậy? Langdon nhìn kỹ cái túi căng phồng đó. Thứ chất nhầy nhựa bên trong có vẻ đang xoay chậm chậm, gần như đang cháy âm ỉ.

Langdon nín thở. Dịch bệnh của Zobrist.

“Cho dừng lại.” Sinskey nói trong bóng tối.

Hình ảnh dừng lại – một túi chất dẻo bị cột chặt lơ lửng dưới nước – một đám mây chất lỏng được bọc kín lửng lơ trong không gian.

“Tôi nghĩ các vị có thể đoán được thứ đó là gì”, Sinskey nói, “Câu hỏi là, nó còn được bọc kín như vậy bao lâu nữa?” Bà đi lại phía màn hình LCD và chỉ

vào một dấu vết rất nhỏ trên cái túi trong suốt. “Rất tiếc, thứ này cho chúng ta biết cái túi đó làm bằng gì. Các vị có đọc được không?”

Tim đập rộn lên, Langdon nheo mắt nhìn dòng chữ, chính là thương hiệu của nhà sản xuất: Solublon.

“Hãng sản xuất chất dẻo có thể tan trong nước lớn nhất thế giới” Sinskey nói.

Langdon cảm thấy dạ dày thắt lại. “Bà nói rằng cái túi này đang... tan dần phải không?!”

Sinskey nhăn nhó gật đầu với anh. “Chúng tôi đã liên hệ với nhà sản xuất, và nhờ đó biết rằng, thật không may họ sản xuất hàng chục loại chất dẻo kiểu này khác nhau, tan hết ở bất cứ chỗ nào từ mười phút đến mười tuần, tùy cách sử dụng. Tốc độ phân hủy cũng có chút thay đổi tùy theo loại nước và nhiệt độ, nhưng chúng tôi biết chắc rằng Zobrist tính toán rất kỹ những nhân tố này”. Bà ngừng lại. “Chúng tôi tin rằng cái túi này sẽ tan hết vào...”

“Ngày mai”, Thị Trưởng chen ngang. “Ngày mai là ngày Zobrist khoan tròn trên cuốn lịch của tôi. Và cũng là ngày ghi trên tấm biển.”

Langdon ngồi im trong bóng tối, không nói lên lời.

“Cho anh ấy xem nốt đi”, Sinskey nói.

Trên màn hình LCD, hình ảnh video trở lại, giờ máy quay lia theo phần nước được chiếu sáng vào khoảng tối của hang. Langdon biết chắc đây là địa điểm được nói đến trong bài thơ. Cái đăm không thể phản chiếu ánh sao.

Cảnh tượng này gợi nhớ đến những hình dung của Dante về địa ngục – dòng sông Cocytus chảy qua những hang hốc của âm ty.

Cho dù cái đăm này tọa lạc ở đâu thì nước của nó cũng được bung kín trong những bức tường trơn tuột mà theo Langdon cảm nhận, đó là do bàn tay con người làm ra. Anh cũng cho rằng máy quay chỉ mới hé lộ một góc nhỏ của không gian rộng lớn bên trong, và điều này được củng cố nhờ sự hiện diện của những cái bóng lơ mờ nằm dọc trên tường. Những cái bóng ấy rất lớn, có hình trụ và ở vị trí cách đều nhau.

Những cột trụ, Langdon nhận ra như vậy.

Trần hang được đỡ bằng hàng cột trụ.

Đầm nước này không phải nằm trong một cái hang, mà trong một gian phòng rộng.

Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm...

Anh chưa kịp nói lời nào thì đã phải chú ý đến sự xuất hiện của một cái bóng mới trên tường – một hình người với cái mũ mỏ chim dài.

Ôi, lạy Chúa lòng lành...

Cái bóng bắt đầu nói, từ ngữ của nó bị bóp méo, thành những tiếng thì thầm lan trên mặt nước theo nhịp thơ rất lạ.

“Ta là sự cứu rỗi. Ta là Vong linh.”

Mấy phút tiếp theo, Langdon đã phải xem đoạn phim kinh dị nhất mà anh từng thấy. Rõ ràng, những đam mê của một thiên tài điên rồ, lời độc thoại của Bertrand Zobrist – được truyền tải dưới lớp vỏ của một bác sĩ dịch hạch – có rất nhiều dẫn giải đến Hỏa ngục của Dante và mang theo một thông điệp rõ ràng: Tăng trưởng dân số đang vượt ra khỏi tầm kiểm soát, và sự tồn vong của nhân loại đang như chỉ mảnh treo chuông.

Trên màn hình, giọng nói vẫn vang lên:

“Không làm gì cả chính là chào đón địa ngục của Dante... tù túng và đói khát, ngập chìm trong Tội lỗi. và vì thế ta mạnh dạn hành động. Một số kẻ sẽ co rúm lại sợ hãi, nhưng sự cứu rỗi nào cũng có giá của nó. Một ngày nào đó thế giới sẽ há hốc mồm trước vẻ đẹp của thứ ta hiến tế.”

Langdon giật mình khi đích thân Zobrist xuất hiện, phục sức như một bác sĩ dịch hạch, và sau đó lộ mặt nạ của mình. Langdon nhìn sững bộ mặt dễ sợ và đôi mắt xanh lục hoang dại, nhận ra rằng cuối cùng anh cũng nhìn thấy bộ mặt của gã đàn ông đang là trung tâm của cuộc khủng hoảng này. Zobrist lại bắt đầu lái nhải về tình yêu của hắn với một người nào đó mà hắn gọi là nguồn cảm hứng cho hắn.

“Ta trao gửi tương lai vào đôi tay dịu dàng của em. Công trình bên dưới của ta đã hoàn thành. Và giờ đây đã đến lúc ta leo trở lại thế giới bên trên... và lại ngắm nhìn những vì sao.”

Khi đoạn video kết thúc, Langdon nhận ra những lời nói cuối cùng của Zobrist gần như lặp lại những lời cuối cùng trong Hỏa ngục của Dante.

Trong bóng tối của phòng họp, Langdon nhận ra rằng tất cả những khoảnh khắc sợ hãi mà anh trải qua hôm nay đều kết tinh thành một thực tế đáng sợ duy nhất.

Giờ đây Bertrand Zobrist có hẳn một khuôn mặt... và một giọng nói.

Đèn phòng họp lại sáng lên, Và Langdon nhìn thấy tất cả mọi ánh mắt đều dồn về phía anh đầy mong ngóng.

Vẻ mặt Elizabeth Sinskey dường như đông cứng khi bà đứng lên và bồn chồn mân mê cái bùa của mình. “Giáo sư, rõ ràng thời gian của chúng ta rất ngắn. Tin tức tốt lành duy nhất cho đến lúc này là chúng ta không có trường hợp phát hiện mầm bệnh nào, hay có tin báo về bệnh, cho nên chúng ta cho rằng cái túi Solublon lơ lửng kia vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng chúng ta không biết tìm nó ở đâu. Mục tiêu của chúng ta là vô hiệu hóa mối đe dọa này bằng cách cách ly cái túi trước khi nó vỡ bung. Cách duy nhất chúng ta có thể làm được việc đó, dĩ nhiên, là tìm ra vị trí của nó ngay lập tức.”

Giờ đây đặc vụ Brüder đứng dậy, dăm dăm nhìn Langdon. “Chúng tôi định ninh rằng anh đến Venice vì anh biết rằng đây là nơi Zobrist giấu bệnh dịch của hắn.”

Langdon nhìn đám người trước mặt mình, những gương mặt căng thẳng vì sợ hãi, tất cả mọi người đều hy vọng một phép màu, và anh ước gì mình có những tin tức tốt lành hơn để nói cho họ biết.

“Chúng ta đã ở nhằm quốc gia rồi”, Langdon tuyên bố. “Những gì các vị tìm kiếm cách đây ngót một nghìn dặm cơ.”

Ruột gan Langdon dội lại tiếng động cơ đều đều của tàu The Mendacium khi con tàu tăng tốc lượn một vòng rộng, hướng trở lại sân bay Venice. Trên tàu, tất cả bắt đầu nháo nhào. Thị Trưởng hồi hả lớn tiếng ra lệnh cho người của mình. Elizabeth Sinskey vớ lấy điện thoại và gọi phi công chiếc máy bay vận tải C-130 của WHO, yêu cầu họ sẵn sàng bay ra khỏi sân bay Venice càng sớm càng tốt. Và đặc vụ Brüder lập tức ngồi trước máy tính xách tay để tìm kiếm một nhóm quốc tế mà anh ta có thể phối hợp tại đích đến cuối cùng.

Một thế giới xa vời.

Giờ Thị Trưởng quay lại phòng họp và gấp gáp nói với Brüder. “Có thêm tin gì từ giới chức Venice chưa?”

Brüder lắc đầu. “Không có dấu vết gì. Họ đang tìm, nhưng Sienna Brooks đã biến mất.”

Langdon hiểu ngay. Họ đang tìm Sienna sao?

Sinskey kết thúc cuộc gọi và đến nói chuyện cùng. “Chưa tiến triển gì trong việc tìm kiếm cô ta sao?”

Thị Trưởng lắc đầu. “Nếu bà đồng ý, tôi nghĩ WHO cần cho phép sử dụng sức mạnh nếu cần thiết để đưa cô ta về.”

Langdon bật dậy. “Tại sao?! Sienna Brooks không liên quan gì đến chuyện này!”

Đôi mắt đen của Thị Trưởng quay sang Langdon. “Giáo sư, có một vài chuyện tôi phải nói với anh về cô Brooks.”

Chương 79

Chen qua đám đông khách du lịch trên cầu Rialto, Sienna Brooks bắt đầu chạy, gấp gáp lao về phía tây dọc theo lối đi Fondamenta Vin Castello phía trước con kênh.

Họ đã bắt được Robert.

Cô vẫn còn thấy ánh mắt tuyệt vọng của anh ngược nhìn lên chỗ mình khi những người lính kéo tuột anh xuống khỏi giếng lấy sáng và lôi vào hầm mộ. Cô biết chắc rằng những người bắt giữ anh sẽ nhanh chóng thuyết phục anh, bằng cách này hay cách khác, tiết lộ mọi điều anh đã đoán ra.

Chúng ta ở nhầm quốc gia rồi.

Thế nhưng, tai hại hơn nữa là cô biết rõ những người bắt giữ anh sẽ không phí thời gian tiết lộ cho Langdon biết bản chất thật sự của tình hình.

Em rất xin lỗi, Robert.

Vì mọi chuyện.

Xin hiểu cho, em không còn lựa chọn nào.

Thật lạ, Sienna đã thấy nhớ anh mất rồi. Ở đây, giữa đám đông người tại Venice, cô vẫn cảm thấy sự cô độc quen thuộc.

Cái cảm giác ấy chẳng có gì mới cả.

Từ thời niên thiếu, Sienna Brooks đã luôn cảm thấy đơn độc.

Lớn lên với trí thông minh xuất chúng, Sienna có cả một thời tuổi trẻ luôn cảm thấy mình là kẻ xa lạ ở một vùng đất xa lạ - một kẻ ngoại lai bị mắc kẹt trong một thế giới đơn độc. Cô đã cố gắng kết bạn, nhưng bạn bè đồng trang lứa đều chỉ biết dăm dúi với những thứ phù phiếm mà cô không hề quan tâm. Cô cố gắng tôn trọng những người hơn tuổi, nhưng hầu hết người lớn dường như đều chẳng khác gì những đứa trẻ đang già đi, thiếu ngay cả kiến thức cơ bản nhất về thế giới quanh họ, và tệ nhất là họ thiếu thái độ tò mò hay quan tâm đến thế giới ấy.

Mình cảm thấy mình chẳng thuộc về nơi nào cả.

Và vì thế Sienna Brooks học cách trở thành một bóng ma. Vô hình. Cô học cách làm một kẻ biết thích nghi, một diễn viên, phô bày một gương mặt khác hẳn giữa đám đông. Niềm đam mê thời niên thiếu của cô dành cho sân khấu bắt nguồn từ những gì sẽ trở thành giấc mơ suốt đời của cô, đó là biến thành một người khác, cô biết rõ như vậy.

Một người bình thường.

Vai diễn trong vở Giác mộng đêm hè của Shakespeare giúp cô cảm thấy hòa nhập, bởi những diễn viên đã trưởng thành không hề tự phụ mà luôn ủng hộ, giúp đỡ cô. Tuy nhiên, niềm vui thích của cô không kéo dài lâu, nó tan biến ngay khi cô rời sân khấu vào đêm mở màn và đối diện với cả đám người của truyền thông với những cặp mắt hiếu kỳ, trong khi các bạn diễn của cô lặng lẽ lén ra khỏi cửa sau mà không bị chú ý.

Lên bảy tuổi, Sienna đã đọc sách đủ nhiều để có thể chẩn đoán được mình mắc phải căn bệnh trầm cảm. Khi cô nói cho cha mẹ mình, họ dường như chết lặng, vì họ luôn biết con gái mình không được bình thường. Tuy nhiên, họ vẫn gửi cô tới một bác sĩ tâm thần. Bác sĩ hỏi cô rất nhiều câu hỏi mà chính Sienna đã tự hỏi mình, và rồi ông ấy kê một đơn thuốc gồm

amitriptyline và chlordiazepoxide [52].

Sienna nổi khùng và nhảy khỏi ghế. “Amitriptyline ư?!” cô thách thức, “Cháu muốn hạnh phúc hơn – không phải làm xác sống!”

Vị bác sĩ tâm thần, quả không hổ danh, vẫn rất bình tĩnh trước cơn giận dữ của cô bé và lại nêu ra gợi ý thứ hai. “Sienna, nếu cháu không muốn dùng thuốc, chúng ta có thể thử một phương pháp tổng quát hơn.” Ông ấy ngừng lại. “Có vẻ như cháu đang bị kẹt trong vòng tròn luẩn quẩn với suy nghĩ về bản thân cũng như cho rằng cháu không thuộc về thế giới này.”

“Đúng như vậy”, Sienna đáp. “Cháu đã cố không như vậy, nhưng cháu không thể!”

Ông ấy mỉm cười bình tĩnh. “Dĩ nhiên cháu không thể ngừng được. Bộ óc con người không thể thôi suy nghĩ. Tâm hồn luôn cần những cảm xúc, và nó sẽ tiếp tục tìm kiếm nhiên liệu cho tình cảm đó – tốt hoặc xấu. Vấn đề là cháu đang cấp cho nó không đúng nhiên liệu nó cần.”

Sienna chưa bao giờ nghe ai nói về tư duy với những thuật ngữ máy móc như vậy, và cô lập tức thấy tò mò. “Làm thế nào cháu cấp cho nó một loại nhiên liệu khác được?”

“Cháu cần thay đổi mối quan tâm của mình”, ông ấy nói. “Hiện tại, cháu chủ yếu nghĩ về bản thân. Cháu tự hỏi tại sao cháu không thích hợp... và có chuyện gì không ổn với cháu.”

“Đúng thế ạ”, Sienna lại nói, “nhưng cháu chỉ cố giải quyết vấn đề. Cháu cố gắng thích nghi. Cháu không thể giải quyết vấn đề nếu cháu không nghĩ về nó”.

Ông ấy bật cười. “Bác tin rằng nghĩ về một vấn đề... chính là vấn đề của cháu.” Ông bác sĩ gợi ý rằng cô thử thay đổi mối quan tâm khỏi bản thân mình và các vấn đề của chính mình, hướng sự chú ý đến thế giới xung quanh và những vấn đề của nó.

Đó chính là lúc mọi thứ thay đổi.

Cô bắt đầu dồn hết mọi năng lực, không phải vào nỗi chán nản bản thân, mà vào việc thương cảm những người khác. Cô bắt đầu một sáng kiến mang tính bác ái, phân phát súp tại các khu nhà tạm cho người vô gia cư, và đọc sách cho người mù. Thật kỳ lạ, không ai trong số những người Sienna giúp đỡ có

vẽ thấy rằng cô khác thường cả. Họ chỉ tỏ lòng biết ơn người đã quan tâm họ.

Sienna làm việc chăm chỉ hơn mỗi tuần, gần như không ngủ vì nhận ra rằng có rất nhiều người cần sự giúp đỡ của cô.

“Sienna, từ từ thôi!” mọi người khuyên can cô. “Cô không thể cứu cả thế giới được đâu!”

Nói ra điều ấy mới kinh khủng làm sao.

Qua những hành động vì cộng đồng, Sienna được tiếp xúc với vài thành viên của một nhóm nhân đạo địa phương. Khi họ mời cô tham gia với họ trong một chuyến đi dài cả tháng tới một trong những thành phố đông đúc nhất thế giới, cô đã nắm lấy cơ hội ngay.

Sienna cứ ngỡ họ sẽ đi giúp những ngư dân hoặc nông dân nghèo ở thôn quê, được thăm xứ sở có vẻ đẹp địa lý thần tiên, hay những vùng đáy biển rực rỡ và những đồng bằng đẹp mê hồn. Nhưng khi tới nơi, Sienna chỉ biết há hốc miệng vì hãi hùng. Cô chưa bao giờ thấy cảnh nghèo khó đến mức độ này.

Làm thế nào một người có thể làm ra sự khác biệt được?

Khi Sienna cho một người ăn thì có hàng trăm người khác nhìn chòng chọc cô với cặp mắt sầu não. Thành phố này có những vụ kẹt xe dài đến hàng tiếng, lại bị ô nhiễm nặng, và tình trạng kinh doanh tình dục kinh khủng, với công nhân tình dục chủ yếu là trẻ em, nhiều em bị chính bố mẹ bán vào các ổ chứa với niềm an ủi rằng ít nhất con cái họ cũng sẽ được cho ăn uống.

Trong môi trường hỗn loạn của nạn mại dâm trẻ em, ăn mày, móc túi và tệ hơn nữa, Sienna thấy mình đột nhiên như tê liệt. Tất cả mọi thứ xung quanh cô, cô đều thấy nhân tính bị lấn át bởi bản năng nguyên thủy trước sự tồn tại. Khi đối diện với tuyệt vọng... con người trở thành loài vật.

Toàn bộ tâm trạng chán nản u uất lại ồ ạt tràn về với Sienna. Cô đột nhiên hiểu ra nhân loại là thế nào – một giống loài bên bờ vực.

Mình nhầm rồi, cô nghĩ. Mình không thể cứu được thế giới.

Như hóa điên, cô vụt bỏ chạy qua các đường phố, len lách qua đám đông, xô ngã họ, đạp lên họ, tìm kiếm một không gian thoáng đãng.

Mình đang chết ngột vì thịt người!

Lúc bỏ chạy, cô lại cảm thấy những cặp mắt đang nhìn mình. Cô không còn hòa nhập nữa. Cô cao ráo và có nước da trắng trẻo với mái tóc đuôi ngựa vàng óng ả vung vẩy sau lưng. Những gã đàn ông chòng chọc nhìn cô như thể cô đang trần truồng.

Cuối cùng, khi hai chân rã rời, cô không còn biết mình đã chạy được bao xa hay đi đến đâu nữa. Sau khi lau sạch nước mắt và bụi bẩn, cô nhận ra mình đang đứng ở một khu ổ chuột – một khu phố làm bằng những mảnh tôn lượn sóng, bìa cứng dựng lên và buộc lại với nhau. Xung quanh cô, những tiếng khóc của trẻ nhỏ và mùi hôi thối của chất thải người ngạ ngựa không khí.

Mình vừa chạy qua cánh cổng địa ngục.

“Cô em”, một giọng nói bĩ ối vang lên sau lưng cô. “Giá bao nhiêu?”

Sienna quay người lại, thấy ba gã thanh niên đang tiến lại, hau háu như lũ sói. Cô lập tức hiểu rằng mình đang gặp nguy hiểm và cô cố gắng lùi lại, nhưng chúng đã vây lấy cô, như những con thú săn mồi cùng đi săn theo đàn.

Sienna hét lên cầu cứu, nhưng chẳng có ai chú ý đến tiếng cô. Cách đó chỉ hơn bốn mét, cô nhìn thấy một bà già đang ngồi trên một lớp xe, gọt một củ hành già bằng con dao hoen gỉ. Bà già thậm chí không hề ngược lên khi Sienna kêu cứu.

Khi lũ kia tóm và kéo cô vào một cái lán nhỏ, Sienna còn không biết chuyện gì đang xảy ra, và hoàn toàn bị nỗi sợ hãi lấn át. Cô kháng cự bằng mọi khả năng có thể, nhưng chúng rất khỏe, nhanh chóng vật cô xuống một tấm nệm bẩn thỉu, cũ kỹ.

Chúng xé toang áo cô, cào cấu làn da mềm mại của cô. Khi cô kêu thét, chúng nhét chiếc áo rách của cô vào sâu trong miệng cô đến mức cô nghĩ mình sẽ chết nghẹn. Rồi chúng lật sấp cô xuống, ấn mặt cô vào tấm đệm hôi hám.

Sienna Brooks luôn cảm thấy thương xót những sinh linh ngu xuẩn cứ đi tin vào Chúa trong cái thế giới đầy rẫy đau khổ này, nhưng khi ấy chính cô lại cầu nguyện, cầu nguyện bằng tất cả trái tim mình.

Xin Chúa hãy giải thoát con khỏi lũ quỷ này.

Thậm chí khi cầu nguyện, cô vẫn nghe thấy lũ đàn ông cười, chọc ghẹo trong lúc những bàn tay nhớp nhúa kéo tuột chiếc quần bò của cô xuống đôi chân đang cố vùng vẫy. Một gã trong số đó leo lên lưng cô, mồ hôi nhoe nhoét và nặng ghê gớm, hơi thở của hắn như thấm vào da thịt cô.

Mình là trinh nữ, Sienna nghĩ. Đây là chuyện sẽ xảy ra với mình sao.

Đột nhiên gã đàn ông trên lưng cô tuột xuống, những tiếng cười cợt chọc ghẹo biến thành những tiếng rú giận dữ và khiếp hãi. Thứ mồ hôi nóng hôi hăng trên lưng Sienna đột nhiên phun mạnh lên tấm đệm thành những giọt đỏ rực.

Khi Sienna lật người lại để xem chuyện gì xảy ra, cô thấy bà già với củ hành gọt dở và con dao gi đang đứng phía trên kẻ tấn công cô, lúc này máu me đầm đìa phun ra từ sau lưng.

Bà già trừng mắt đầy hăm dọa với hai gã còn lại, tay vung vẩy con dao đâm máu trong không khí cho đến khi ba gã vội vàng bỏ chạy.

Không nói một lời, bà già giúp Sienna lấy lại quần áo và mặc vào.

“Salamat”, Sienna nói khẽ trong nước mắt. “Cám ơn bà.”

Bà già vỗ vào tai, ra ý bà bị điếc.

Sienna chấp hai tay, nhắm mắt, và cúi đầu kính cẩn. Khi cô mở mắt ra, bà già đã đi mất.

Sienna rời khỏi đất nước ấy ngay lập tức, thậm chí còn không chào tạm biệt những thành viên khác của nhóm. Cô không bao giờ nói đến chuyện đã xảy ra với mình. Cô hy vọng rằng việc lờ đi sự cố đó sẽ khiến nó chóng phai nhạt, nhưng điều đó dường như chỉ càng thêm tệ hại. Nhiều tháng sau, cô vẫn bị những cơn hoảng hốt ám ảnh về đêm, và cô không còn cảm thấy an toàn ở bất kỳ nơi nào nữa. Cô học võ, và mặc dù nhanh chóng thành thạo kỹ năng điếm mạch [53] chết người, cô vẫn cảm thấy đầy rủi ro ở mọi nơi mình đến.

Cảm giác chán nản trở lại, còn tăng lên gấp bội, và cuối cùng cô không ngủ được nữa. Mỗi lần chải đầu, cô lại nhận thấy từng mảng tóc rụng xuống, ngày một nhiều thêm. Cô vô cùng sợ hãi khi thấy chỉ trong vòng vài tuần, cô đã trọc nửa đầu, có những triệu chứng mà cô tự chẩn đoán là telegenic effluvium – hiện tượng rụng tóc liên quan đến căng thẳng và không có cách

chữa trị nào khác ngoài việc xử lý chính tình trạng đó. Mỗi lần ngắm mình trong gương, cô lại nhìn cái đầu đang hói dần và cảm thấy tim mình đập loạn lên.

Mình trông như một cụ già!

Cuối cùng, cô không còn lựa chọn nào khác ngoài việc cạo trọc đầu. Ít nhất trông cô cũng không còn già nữa. Đơn giản là trông cô ốm yếu thôi. Không muốn giống như một bệnh nhân ung thư, cô mua một bộ tóc giả, vấn thành kiểu tóc đuôi ngựa, và ít nhất trông giống như cô khi trước.

Tuy nhiên, trong lòng Sienna Brooks đã thay đổi hẳn.

Mình đã bị hủy hoại.

Với cố gắng tuyệt vọng nhằm bỏ lại cuộc đời mình phía sau, cô tới Mỹ và học trường y. Cô luôn thích ngành y khoa, và hy vọng rằng làm một bác sĩ sẽ khiến cô cảm thấy mình đang cống hiến, như vậy ít nhất cô cũng có thể làm việc gì đó để làm dịu nỗi đau của cơ thể giới nhiều nhưong này.

Mặc dù giờ học dài nhưng Sienna có thể tiếp thu mọi kiến thức rất dễ dàng, do đó khi các bạn cùng lớp bận học thì cô tìm một việc làm bán thời gian để kiếm thêm chút tiền. Tuy không phải trong kịch Shakespeare, nhưng những kỹ năng và ngôn ngữ và ghi nhớ giúp cô trút bỏ cảm giác mình đang làm việc, mà thay vào đó là đang diễn xuất, việc này giống như một nơi ẩn náu giúp Sienna có thể quên đi mình là ai và trở thành một người khác.

Là bất cứ ai khác.

Sienna đã cố gắng lẩn tránh nhân dạng của mình kể từ lần đầu tiên biết nói. Khi còn bé, cô đã né tránh không dùng tên thật, Felicity, mà dùng tên đệm, Sienna. Felicity nghĩa là “vận may”, và cô biết mình chẳng hề được như vậy.

Hãy dùng tập trung vào những vấn đề của chính mình, cô tự nhắc nhở. Hãy tập trung vào vấn đề của thế giới.

Những gì Sienna từng chứng kiến trong chuyến đi vừa qua đã khơi dậy trong cô một mối lo về tình trạng quá đông đúc và vấn đề dân số thế giới. Chính khi đó cô phát hiện ra những bài viết của Bertrand Zobrist, một chuyên gia di truyền học đã đề xuất một số lý thuyết rất tiến bộ về dân số thế giới.

Anh ấy là một thiên tài, cô nhận ra như vậy khi đọc các tác phẩm của ông ta.

Sienna chưa bao giờ có cảm giác như vậy về người khác, và càng đọc Zobrist, cô càng cảm thấy như thể mình đang nhìn thấu trái tim của một con người chung chí hướng. Bài viết “Bạn không thể cứu thế giới” của ông khiến Sienna nhớ về những gì mọi người thường nói với cô lúc bé, nhưng Zobrist tin vào điều ngược lại.

Bạn CÓ THỂ cứu được thế giới, Zobrist viết. Nếu không phải là bạn, thì là ai? Nếu không phải lúc này thì là khi nào?

Sienna nghiên cứu kỹ những phương trình toán học của Zobrist, tìm hiểu những dự đoán của ông ta về một thảm họa theo thuyết Malthus cùng sự diệt vong sắp tới của loài người. Đầu óc cô ham thích những phỏng đoán trừ vậ, nhưng cô cảm thấy mức độ căng thẳng của mình tăng lên khi nhìn thấy toàn bộ tương lai trước mắt được đảm bảo bằng những phép toán, rõ ràng là không thể tránh khỏi.

Tại sao không ai khác nhìn thấy điều này đang xảy đến?

Mặc dù thấy kinh sợ trước những ý tưởng của ông ta, Sienna vẫn bị ám ảnh bởi Zobrist, xem video những bài diễn giải của ông ta, đọc mọi thứ ông ta viết. Khi Sienna nghe tin ông ta có một chương trình nói chuyện ở Hoa Kỳ, cô biết mình phải tới gặp ông ta. Và đó là đêm toàn bộ thế giới của cô thay đổi.

Một nụ cười nở trên gương mặt cô, một khoảnh khắc hạnh phúc hiếm hoi, và cô lại hình dung ra cái buổi tối kỳ diệu – một buổi tối cô còn nhớ rõ cách đây chỉ vài giờ lúc đang ngồi trên tàu hỏa cùng Langdon và Ferris.

Chicago. Trận bão tuyết.

Tháng Giêng, sáu năm về trước... nhưng vẫn có cảm giác như mới hôm qua. Mình đang lê bước trên những đồng tuyết trắng dọc đại lộ Magnificent Mile hút gió, cô áo dựng đứng lên trong cơn nhòa trắng chói mắt. Dù lạnh, mình vẫn tự nhủ rằng chẳng có gì ngăn mình đi tới đích đến. Tối nay là cơ hội mình được nghe Bertrand vĩ đại nói chuyện riêng.

Hội trường gần như vắng tanh khi Bertrand lên san khấu, và anh ấy cao... rất cao... với đôi mắt màu lục lạnh lợi sâu thẳm như nắm bắt toàn bộ bí mật của thế giới.

“Vứt cha cái khán phòng trống trơn này đi thôi”, anh ấy nói. “Chúng ta tới quán rượu nào!”

Và rồi bọn mình đến đó, chỉ có một nhóm, trong một không gian buồng yên tĩnh, trong khi anh ấy nói về di truyền học, về dân số, về niềm say mê mới nhất của anh ấy – Siêu nhân học.

Càng uống, mình càng cảm thấy như thể mình đang được gặp gỡ riêng một ngôi sao nhạc rock vậy. Mỗi lần Zobrist liếc nhìn mình, đôi mắt xanh lục của anh ấy lại làm dấy lên trong mình một cảm giác hoàn toàn khác lạ - một ham muốn nhục dục sâu thẳm.

Đó là một cảm giác hoàn toàn mới mẻ với mình.

Rồi chỉ còn lại chúng mình.

“Cảm ơn anh vì buổi tối nay”, mình nói với anh ấy, hơi ngà ngà vì quá chén. “Anh đúng là một giáo viên tuyệt vời.”

“Lại tăng bốc phải không?”, Zobrist mỉm cười và ghé lại gần hơn, giờ chân bọn mình đã chạm nhau. “Điều đó sẽ đưa em đi tới mọi nơi đây.”

Chuyện tán tỉnh rõ ràng không thích hợp tí nào nhưng đó là một đêm gió tuyết tại một khách sạn vắng vẻ ở Chicago, và có cảm giác như cả thế giới ngừng lại.

“Vậy em nghĩ gì nào?”, Zobrist nói. “Uống với anh vài ly tại phòng anh nhé?”

Mình như đông cứng lại, biết rõ chắc chắn mình trông giống như một con hươu trước ánh đèn pha. Mình không biết làm việc này như thế nào!

Đôi mắt của Zobrist hấp háy ân cần. “Để anh đoán nhé”, anh ấy thì thào. “Em chưa bao giờ ở cùng với một người đàn ông nổi tiếng.”

Mình cảm thấy máu dồn lên mặt, cố gắng dẫu đi những cảm xúc dâng trào – xấu hổ, phẫn khích, sợ hãi. “Thực ra, nói rất thật”, mình nói với anh ấy, “em chưa bao giờ ở cùng bất kỳ người đàn ông nào”.

Zobrist mỉm cười và nhích lại sát hơn. “Anh không biết chắc em đang chờ đợi điều gì, nhưng hãy để anh là người đầu tiên của em.”

Khoảnh khắc ấy, mọi nỗi sợ hãi và thất vọng nhục dục quái lạ từ thời niên thiếu của mình biến mất, như bốc hơi vào màn đêm gió tuyết.

Thế rồi, mình trần trụi trong vòng tay anh ấy.

“Thư giãn đi, Sienna”, anh ấy thì thầm, và sau đó, với đôi bàn tay kiên nhẫn, anh ấy mơn trớn cơ thể ngây dại của mình và mang lại những cảm xúc mình chưa bao giờ hình dung chúng có thể tồn tại.

Trong vòng tay ôm ấp của Zobrist, mình cảm thấy như thể mọi thứ trên thế giới đều đầu vào đây, và mình biết cuộc đời mình có mục đích.

Mình đã tìm thấy Tình yêu.

Và mình sẽ đi theo nó tới bất kỳ đâu.

Chương 80

Ở boong trên con tàu The Mendacium, Langdon bám chặt lấy hàng lan can bằng gỗ tếch bóng loáng, gắng trụ vững trên đôi chân đang loạng choạng, và cố lấy lại nhịp thở. Không khí trên biển giờ lạnh hơn, và tiếng ồn của những chiếc máy bay thương mại tầm thấp cho anh biết họ đang đến gần sân bay ở Venice.

Có một vài chuyện tôi phải nói với anh về cô Brooks.

Thị Trưởng và tiến sĩ Sinskey, đứng cạnh anh trên lan can vẫn im lặng nhưng rất chu đáo, cố gắng dành cho anh một khoảng thời gian để lấy lại bình tĩnh. Những gì họ vừa nói với Langdon ở boong dưới khiến anh mất phương hướng và buồn đến mức Sinskey phải đưa anh ra ngoài để hít thở không khí thoáng đãng.

Không khí biển cả thật trong lành, nhưng đầu óc Langdon vẫn không thể nào thông suốt. Tất cả những gì anh có thể làm là nhìn mông lung xuống làn nước do con tàu tạo ra, cố gắng tìm kiếm một chút logic cho những gì anh vừa được nghe.

Theo lời Thị Trưởng, Sienna Brooks và Bertrand Zobrist là tình nhân đã lâu. Họ cùng nhau tham gia rất tích cực vào phong trào Siêu nhân học ngầm dưới một số hình thức. Tên đầy đủ của cô là Felicity Sienna Brooks, nhưng cô cũng có mật danh FS-2080 liên quan đến tên viết tắt và năm có ngày sinh nhật tròn một trăm của mình.

Không chi tiết nào có ý nghĩa gì cả!

“Tôi biết Sienna Brooks thông qua một nguồn khác”, Thị Trưởng nói với Langdon, “và tôi tin cô ta. Cho nên, khi cô ta đến chỗ tôi năm ngoái và đề nghị tôi gặp một khách hàng tiềm năng giàu có, tôi đồng ý ngay. Ứng viên triển vọng ấy hóa ra là Bertrand Zobrist. Ông ta thuê tôi cung cấp cho ông ta một nơi an toàn để có thể thực hiện ‘kiệt tác’ của mình mà không bị phát hiện. Tôi cứ đinh ninh ông ta đang phát triển một công nghệ mới mà không muốn bị đánh cắp bản quyền... hay có lẽ ông ta đang thực hiện một nghiên cứu di truyền mới nhất nào đó mâu thuẫn với những quy định đạo đức của WHO... tôi không hề đặt câu hỏi, nhưng tin tôi đi, tôi chưa bao giờ nghĩ ông ta đang tạo ra... một đại dịch”.

Langdon chỉ có thể ngơ ngác gật đầu, vô cùng đờ đẫn.

“Zobrist là một kẻ cuồng Dante”, Thị Trưởng nói tiếp, “và do đó ông ta chọn Florence làm nơi ẩn nấp. Vì thế tổ chức của chúng tôi cung cấp cho ông ta mọi thứ mà ông ta cần – một phòng thí nghiệm kín đáo có khu sinh hoạt, nhiều biệt danh khác nhau và đảm bảo các kênh thông tin liên lạc, cùng một tùy viên riêng giám định mọi việc, từ vấn đề an ninh của ông ta đến chuyện mua đồ ăn và nhu yếu phẩm. Zobrist không bao giờ sử dụng thẻ tín dụng của mình hay xuất hiện trước công chúng, cho nên không ai có thể tìm ra ông ta. Chúng tôi thậm chí còn cung cấp cho ông ta những hình thức nguy trang, mặt danh và thay đổi hồ sơ để đi lại mà không bị chú ý”. Ông ta ngừng lại. “Rõ ràng Zobrist đã làm đúng như vậy khi đặt cái túi Solublon vào chỗ đó.”

Sinskey thở hắt ra, cố gắng che giấu nỗi thất vọng. “WHO đã cố gắng kiểm soát ông ta kể từ năm ngoái, nhưng dường như ông ta đã biến mất khỏi trái đất.”

“Thậm chí xa lánh cả Sienna, Thị Trưởng nói.

“Sao cơ?”, Langdon ngược lên, cổ nuốt cảm giác nghèn nghẹn trong họng. “Tôi tưởng ông nói họ là tình nhân cơ mà?”

“Đúng vậy, nhưng ông ta cũng đột ngột cắt đứt liên hệ với cô ta khi ở ẩn. Cho dù Sienna chính là người đã tiến cử ông ta với chúng tôi nhưng thỏa thuận của tôi chỉ là riêng với Zobrist, và một phần thỏa thuận của chúng tôi là khi ông ta biến mất, ông ta sẽ biến mất trước toàn thế giới, kể cả Sienna. Rõ ràng sau khi lánh đi, ông ta có gửi cho cô ta một lá thư từ biệt nói rằng ông ta rất ốm, sẽ chết trong vòng một năm nữa, và không muốn cô ta nhìn

thấy mình suy sụp.”

Zobrist đã bỏ rơi Sienna chẳng?

“Sienna cố gắng liên hệ với tôi để có thông tin”, Thị Trưởng nói, “nhưng tôi từ chối nhận cuộc gọi của cô ta. Tôi phải tôn trọng những mong muốn của khách hàng”.

“Hai tuần trước”, Sinskey tiếp tục. “Zobrist tới một ngân hàng ở Florence và giấu tên thuê một ngăn két an toàn. Sau khi hắn bỏ đi, chúng tôi nhận được tin cho hay phần mềm mới nhận dạng khuôn mặt của ngân hàng đó nhận ra kẻ giả trang chính là Bertrand Zobrist. Nhóm của tôi bay tới Florence và phải mất một tuần mới xác định được ngôi nhà hắn ẩn náu, nhưng nó trông trơn, dù chúng tôi tìm thấy bằng chứng bên trong cho thấy hắn đã tạo ra một mầm bệnh lây lan rất mạnh nào đó và giấu ở nơi khác”.

Sinskey ngừng lại. “Chúng tôi đã dốc hết sức tìm kiếm hắn. Sáng hôm sau, lúc trước bình minh, chúng tôi phát hiện hắn đang đi dọc sông Arno, và chúng tôi lập tức truy đuổi. Đó là lúc hắn leo lên tháp Badia và nhảy xuống tự sát”.

“Có lẽ ông ta đã lên kế hoạch làm việc đó rồi,” Thị Trưởng nói thêm, “Ông ta định ninh rằng mình sẽ không sống được lâu.”

“Hóa ra”, Sinskey nói, “Sienna cũng đang tìm kiếm hắn. Bằng cách nào đó, cô ta biết rằng chúng tôi đã tìm tới Florence, và cô ta theo sát động tĩnh của chúng tôi, nghĩ rằng chúng tôi có thể tìm ra hắn. Thật không may, cô ta có mặt đúng lúc Zobrist nhảy xuống”. Sinskey thở dài. “Tôi ngờ rằng cô ta bị tổn thương ghê gớm khi chứng kiến người tình và cũng là người thầy của mình tự sát.”

Langdon cảm thấy mệt mỏi, gần như không thể tiếp nhận được những gì mình đang nghe. Người duy nhất trong toàn bộ tấn kịch này mà anh thấy tin tưởng lại chính là Sienna, và những người kia đang nói với anh rằng cô không phải là con người cô nói sao? Cho dù họ nói gì, anh cũng không thể tin Sienna lại tha thứ cho ý nguyền tạo ra một đại dịch của Zobrist.

Hay là cô ưng thuận với hắn?

Anh có dám giết bớt một nửa dân số hôm nay, Sienna đã từng hỏi anh, để cứu lấy loài người chúng ta khỏi diệt vong không?

Langdon cảm thấy rùng mình.

“Khi Zobrist chết đi rồi”, Sinskey giải thích, “tôi dùng ảnh hưởng của mình buộc ngân hàng phải mở cái ngăn két an toàn của Zobrist, trong đó chỉ có đúng 1 lá thư gửi cho tôi... cùng với một thiết bị lạ lùng”.

“Cái máy chiếu”, Langdon đánh bạo.

“Chính xác. Trong bức thư hẳn muốn tôi là người đầu tiên ghé thăm ổ dịch, nơi không ai có thể tìm ra nếu không lần theo bức Vực Địa ngục của hẳn.”

Langdon nhớ lại bức vẽ của Botticelli đã bị biến cải được chiếu ra từ cái máy chiếu nhỏ xíu.

Thị Trưởng nói thêm, “Zobrist đã thỏa thuận rằng tôi sẽ gửi cho tiến sĩ Sinskey những thứ bên trong két an toàn, nhưng không được gửi trước buổi sáng ngày mai. Khi tiến sĩ Sinskey có được những thứ đó sớm hơn dự kiến, chúng tôi rất hoảng hốt và lập tức hành động ngay, cố gắng lấy lại nó theo đúng mong muốn từ khách hàng của mình”.

Sinskey nhìn Langdon. “Tôi không hy vọng nhiều rằng chúng tôi có thể hiểu được tấm bản đồ kịp thời gian, cho nên tôi mời anh giúp. Giờ anh có nhớ chi tiết nào không?”

Langdon lắc đầu.

“Chúng tôi âm thầm đưa anh bay tới Florence, nơi anh đã có lịch hẹn với một người mà anh nghĩ có thể giúp được mình.”

Ignazio Busino.

“Đêm qua anh đã gặp người đó”, Sinskey nói, “và sau đó anh biến mất. Chúng tôi nghĩ đã có chuyện gì đó xảy ra với anh.”

“Và trên thực tế”, Thị Trưởng nói, “đúng là có chuyện xảy ra với anh. Nhằm cố lấy lại cái máy chiếu, chúng tôi đã phái một đặc vụ tên là Vayentha bám theo anh từ sân bay. Cô ta mất dấu anh ở đâu đó gần Quảng trường Sidnorìa”. Ông ta quắc mắt. “Để mất dấu anh là một sai lầm ghê gớm. Và Vayentha cho biết tất cả là do một con chim.”

“Sao cơ?”

“Một con chim bồ câu cất tiếng gù. Theo tường thuật của Vayentha, cô ta ở vị trí rất thuận lợi, theo dõi anh từ một hốc tường tối, đúng lúc có một nhóm du khách đi qua. Cô ta nói rằng có một con bồ câu đột ngột gù rất to từ một ô cửa sổ phía trên đầu cô ta, khiến cho đám du khách dừng lại và chặn mất đường ra của Vayentha. Đến lúc cô ta có thể lách được vào ngõ thì anh đã biến mất.” Ông ta lắc đầu bức bối. “Cô ta mất dấu anh vài giờ liền. Cuối cùng, cô ta lại lần được ra dấu của anh – và đến lúc này thì anh đã đi cùng một người đàn ông nữa.”

Ignazio, Langdon trầm nghĩ. Chắc chắn ông ấy và mình vừa thoát khỏi cung điện Vecchio cùng với chiếc mặt nạ.

“Cô ta bám được theo cả hai anh về hướng quảng trường Signoria, nhưng rõ ràng hai anh đã nhìn thấy cô ta và quyết định lánh đi, đi theo hai hướng khác nhau.”

Ra vậy, Langdon nghĩ, Ignazio chạy trốn cùng chiếc mặt nạ và giấu nó vào trong nhà rửa tội trước khi bị truy tìm.

“Sau đó Vayentha đã phạm một sai lầm khủng khiếp”, Thị Trưởng nói.

“Cô ta bắn vào đầu tôi phải không?”

“Không, cô ta để lộ quá sớm. Cô ta bắt anh để tra hỏi khi anh chưa biết gì cả. Chúng tôi cần biết liệu anh đã giải mã được tám bản đồ hay đã nói với tiến sĩ Sinskey những gì bà ấy cần biết chưa. Anh không chịu nói một lời. Anh nói anh thà chết còn hơn.”

Tôi đang truy tìm một thứ bệnh dịch chết người! Có lẽ tôi nghĩ các vị là những kẻ đánh thuê đang tìm cách chiếm lấy một thứ vũ khí sinh học!

Động cơ của con tàu đột ngột chuyển sang chế độ lùi, khiến cho con tàu chậm lại khi nó áp sát cầu cảng của sân bay. Phía xa, Langdon có thể nhìn rõ phần thân khó nhận dạng của chiếc máy bay vận tải C-130 đang tiếp nhiên liệu. Thân máy bay mang dòng chữ **TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI**.

Vừa lúc đó Bruder đến, vẻ mặt cau có. “Tôi vừa được biết nhóm phản ứng đủ khả năng duy nhất của chúng ta trong vòng năm tiếng chính là chúng tôi, có nghĩa là chúng ta phải tự xoay sở.”

Sinskey ngồi phịch xuống. “Thế còn việc hợp tác với cơ quan chức năng địa phương?”

Brüder đầy cảnh giác. “Chưa nên. Đó là đề xuất của tôi. Vì không có vị trí chính xác đến thời điểm này cho nên chúng ta chẳng thể làm được gì. Hơn nữa, tác vụ ngăn chặn vượt khỏi tầm chuyên môn của họ, và chúng ta dễ có nguy cơ gặp cảnh lợi bất cập hại.”

“Primum non nocere”, Sinskey gật đầu, khẽ nhắc lại quy tắc cơ bản về đạo đức ngành y bằng tiếng Latin: Trước tiên không được gây hại.

“Cuối cùng”, Brüder nói, “chúng tôi vẫn chưa có thông tin gì về Sienna Brooks”. Anh ta nhìn Thị Trưởng. “Ông có biết liệu có người quen nào của Sienna ở Venice có thể giúp đỡ cô ta không?”

“Tôi không lấy làm lạ về điều đó”, ông ta đáp, “Zobrist có đệ tử ở khắp mọi nơi, và theo tôi biết thì Sienna sẽ sử dụng tất cả nguồn lực sẵn có để thực hiện chỉ thị của mình.”

“Các anh không thể để cô ta thoát khỏi Venice”, Sinskey nói. “Chúng ta không biết hiện trạng của cái túi Solublun như thế nào. Nếu có ai đó phát hiện ra, lúc này chỉ một cái chạm nhẹ cũng làm cho lớp nhựa vỡ bung và giải phóng dịch bệnh vào nước.”

Tất cả chìm trong bầu im lặng nặng nề trước tình thế hiện tại.

“Tôi sợ rằng chúng ta còn có những tin xấu nữa”, Langdon nói. “Tòa bảo quản mạ vàng của tri thức thánh thiêng”. Anh ngừng lại. “Sienna biết nó ở đâu. Cô ấy biết chúng ta sẽ đi đâu.”

“Tại sao?”, Sinskey thẳng thốt hỏi. “Anh nói rằng anh còn chưa kịp nói cho Sienna những gì anh đã đoán ra kia mà! Anh nói tất cả những gì anh cho cô ta biết là hai người đang ở nhằm quốc gia!”

“Đúng như vậy”, Langdon nói, “nhưng cô ấy biết chúng tôi đang tìm kiếm mộ của Enrico Dandolo. Chỉ cần tìm kiếm nhanh trên web là có thể giúp cô ấy biết rõ nơi đó. Và một khi cô ấy tìm ra mộ của Dandolo... Việc cái túi hòa tan trong nước kia sẽ không còn xa nữa. Bài thơ nói cứ theo tiếng nước chảy nhỏ giọt đi xuống cung điện chìm dưới nước.”

“Mẹ kiếp!”, Brüder buột miệng, và lao ra ngoài.

“Cô ta sẽ chẳng thể thắng chúng ta được”, Thị Trưởng nói. “Chúng ta ra tay trước.”

Sinskey thở dài nã nê. ‘Tôi không chắc. Phương tiện di chuyển của chúng ta chậm lắm, và có vẻ Sienna Brooks cực kỳ tháo vát.’

Khi The Mendacium cập bến, Langdon nhấp nhòm nhìn chiếc C-130 kèn càng trên đường băng. Trông nó như thể không tài nào bay nổi và lại chẳng có cái cửa sổ nào. Mình đã từng ở bên trong cái thứ này rồi sao? Langdon không tài nào nhớ nổi điều gì.

Không rõ do chuyển động của con tàu đang cập bến hay do tâm lý càng lúc càng e ngại về chiếc máy bay kín bưng, nhưng anh đột nhiên cảm thấy buồn nôn.

Anh quay sang Sinskey. ‘Tôi không dám chắc tôi có đủ khỏe để bay không.’

‘Anh không sao đâu’, bà ấy nói. ‘Ngày hôm nay anh đã quá mệt mỏi rồi, và dĩ nhiên, trong cơ thể anh vẫn còn những độc tố.’

‘Độc tố sao?’, Langdon loạng choạng lùi bước lại. ‘Bà đang nói sao cơ?’

Sinskey ngó đi chỗ khác, rõ ràng đã nói hớ nhiều hơn cần thiết.

‘Giáo sư, tôi rất xin lỗi. Rất tiếc, chúng tôi vừa được biết rằng tình trạng sức khỏe của anh hơi phức tạp chứ không chỉ là một vết thương ở đầu.’

Langdon cảm thấy kinh hãi khi hình dung ra vết bầm tím trên ngực Ferris khi ông ta đổ gục trong thánh đường.

‘Có chuyện gì không ổn với tôi à?’, Langdon hỏi.

Sinskey có vẻ do dự, như thể không dám chắc nên xử lý thế nào. ‘Chúng ta hãy lên máy bay trước đã.’

Chương 81

Nằm ngay phía đông nhà thờ Frari kỳ vĩ, xưởng Pietro Longhi luôn là một trong những nhà cung cấp đồ cổ trang, tóc giả, và các phụ kiện hàng đầu Venice. Danh sách khách hàng của nó bao gồm những công ty điện ảnh và đoàn kịch, cũng như các nhân vật có ảnh hưởng của công chúng, những người phải nhờ cậy đến tay nghề của đội ngũ ở đây để giúp họ phục sức trong những buổi dạ tiệc tốn kém nhất của lễ hội Carnevale.

Nhân viên bán hàng vừa định đóng cửa nghỉ tối thì có tiếng chuông cửa réo vang. Anh ta ngược lên và thấy một phụ nữ quyn rũ với mái tóc đuôi ngựa vàng óng xộc vào. Cô ấy thở không ra hơi, như thể vừa chạy hàng dặm đường. Cô vội tới bên quầy, đôi mắt màu nâu đầy tuyệt vọng và bấn loạn.

“Tôi muốn nói chuyện với Giorgio Venci”, cô ấy hỏn hỏn nói.

Khéo thế, anh chàng nhân viên thâm nghĩ. Làm gì có ai tới để gặp phù thủy đâu.

Giorgio Venci – chuyên gia thiết kế trưởng của xưởng – thực hiện ‘phép màu’ từ sau rèm, hiếm khi trò chuyện với khách hàng và chẳng bao giờ thiếu lịch hẹn. Là người giàu có và có thế lực, Giorgio được phép có một số đếm lập dị nhất định, trong đó bao gồm cả việc ưa thích được cô độc. Ông ấy ăn uống riêng, bay riêng, và không ngớt than phiền về số lượng khách du lịch ngày càng tăng ở Venice. Ông không phải là người ưa thích bầu bạn khách khứa.

“Tôi xin lỗi”. anh chàng nhân viên nói kèm theo một nụ cười nhà nghề. “Tôi sợ rằng ngài Venci không ở đây. Tôi có thể giúp được gì cho cô không?”

“Giorgio ở đây”, cô gái tuyên bố. “Phòng ông ấy trên tầng. Tôi nhìn thấy đèn còn sáng. Tôi là một người bạn của ông ấy. Tình hình rất khẩn cấp.”

Ở người phụ nữ này có sự quyết liệt cháy bỏng. Một người bạn ư? Cô ấy nhận như vậy. “Tôi có thể nói với Giorgio tên cô được không?”

Người phụ nữ vớ lấy một mảnh giấy trên quầy và ghi vội xuống mấy chữ cái và con số.

“Cứ đưa cho ông ấy cái này”, cô ấy nói, trao cho anh chàng nhân viên mẫu giấy. “Và xin nhanh lên cho. Tôi không có nhiều thời gian.”

Anh chàng nhân viên ngần ngừ cầm mảnh giấy lên gác và đặt nó trên một chiếc bàn dài, nơi Giorgio vẫn chăm chú gò lưng bên máy khâu.

“Thưa ông”, anh ta nói khẽ. “Có người đến đây gặp ông. Cô ấy nói là tình huống khẩn cấp.”

Không ngừng tay cũng chẳng nhìn lên, người đàn ông thò một tay và nhặt mẫu giấy, đọc nội dung.

Máy khâu của ông ta chạy lạch xạch rồi dừng lại.

“Dẫn cô ấy lên đây ngay lập tức”, Giorgio ra lệnh trong khi xé vụn mảnh giấy thành những mẩu nhỏ.

Chương 82

Chiếc máy bay vận tải C-130 to lớn vẫn đang tăng độ cao trong lúc liệng về phía đông nam, âm âm bay qua biển Adriatic. Trên máy bay, Robert Langdon vừa cảm thấy tù túng vừa thấy lằng lằng. Anh bức bối vì xung quanh không có những ô cửa sổ, và hoang mang trước tất cả những câu hỏi chưa có lời giải đáp vẫn đang quay cuồng trong tâm trí.

Tình trạng sức khỏe của anh, Sinskey đã nói, hơi phức tạp chứ không chỉ là một vết thương ở đầu.

Mạch đập của Langdon rộn lên khi nghĩ về những gì bà ấy có thể nói với mình, nhưng vào lúc này bà ấy đang bận thảo luận các chiến lược ngăn chặn nhóm SRS. Brüder đang điện thoại gần đó, nói chuyện với các cơ quan chính phủ về Sienna Brooks, cập nhật tình hình tìm kiếm cô ấy của tất cả mọi người.

Sienna...

Langdon vẫn đang cố gắng tiếp nhận sự thật rằng cô có dính dáng đến tất cả chuyện này. Khi chiếc máy bay lấy lại thăng bằng, người đàn ông thấp nhỏ tự gọi mình là Thị Trưởng bước qua khoang lái và ngồi xuống đối diện với Langdon. Ông ta chống tay lên cằm và mím môi. “Tiến sĩ Sinskey đề nghị tôi nói chuyện với anh... cố gắng làm rõ thêm tình cảnh của anh.”

Langdon tự hỏi người đàn ông này có thể nói gì để làm cho câu chuyện rối rắm này sáng sủa hơn.

“Như tôi đã nói ban nãy”, Thị Trưởng nói, “có rất nhiều rắc rối xảy ra sau khi đặc vụ Vayentha của tôi bắt anh quá sớm. Chúng tôi không biết anh đã làm những gì cùng với tiến sĩ Sinskey, hay anh đã chia sẻ với bà ấy được chừng nào. Nhưng chúng tôi sợ nếu bà ấy biết được địa điểm dự án nơi khách hàng thuê chúng tôi bảo vệ thì bà ấy sẽ tịch thu hoặc phá hủy nó. Chúng tôi phải tìm ra nó trước bà ấy, và vì thế chúng tôi cần anh làm việc cho chúng tôi... chứ không phải cho bà Sinskey.” Thị Trưởng ngừng lại, đập

đập những ngón tay vào nhau. “Rất tiếc chúng tôi đã để lộ kế hoạch của mình... và chắc chắn anh không tin chúng tôi.”

“Cho nên các ông bắn vào đầu tôi phải không?”, Langdon giận dữ đáp lại.

“Chúng tôi lập một kế hoạch để làm cho anh tin tưởng chúng tôi.”

Langdon cảm thấy tội lỗi. “Làm sao có chuyện các ông làm cho ai đó tin các ông... sau khi các ông bắt cóc và tra khảo anh ta được?”

Giờ người đàn ông có vẻ không thoải mái. “Giáo sư, anh có quen với nhóm các hóa chất vẫn được gọi là benzodiazepine không?”

Langdon lắc đầu.

“Đó là một dòng dược chất được dùng để điều trị chứng căng thẳng sau chấn thương, bên cạnh nhiều tác dụng khác. Như anh có thể biết, khi ai đó trải qua một sự kiện kinh khủng như tai nạn xe hơi hay bị xâm hại tình dục, trí nhớ lâu dài có thể bị suy yếu vĩnh viễn. Thông qua việc sử dụng benzodiazepine, các nhà khoa học thần kinh giờ đây có thể điều trị và ngăn ngừa tình trạng căng thẳng hậu chấn thương.”

Langdon im lặng lắng nghe, không sao hình dung ra được cuộc trò chuyện này sẽ đi tới đâu.

“Khi những ký ức mới được hình thành”, Thị Trưởng tiếp tục, “các sự kiện đó được lưu giữ trong ký ức ngắn hạn của anh khoảng bốn mươi tám tiếng trước khi chuyển sang trí nhớ lâu dài. Sử dụng các hỗn hợp benzodiazepine mới, người ta có thể dễ dàng làm mới lại trí nhớ ngắn hạn... Cơ bản là xóa bỏ nội dung của nó trước khi những ký ức gần đây được chuyển sang ký ức lâu dài, đại để như vậy. Xin lấy ví dụ, một nạn nhân bị tấn công, nếu được cấp một liều benzodiazepine trong vài giờ sau vụ tấn công, anh ta có thể bị xóa sạch những ký ức đó mãi mãi, và cơn tổn thương sẽ không bao giờ trở thành một phần trong tinh thần của người đó nữa. Cái dở duy nhất là người đó cũng mất sạch toàn bộ ký ức về vài ngày trong cuộc đời mình.”

Langdon nhìn sững người đàn ông nhỏ bé mà không tin nổi. “Các ông gây cho tôi chứng quên!”

Thị Trưởng thở dài như xin lỗi. “Tôi e là như vậy. Sử dụng hóa chất. Rất an toàn. Nhưng đúng, đã xóa sạch toàn bộ trí nhớ ngắn hạn của anh.” Ông ấy ngừng lại. “Khi anh ở ngoài kia lúc trước, anh lầm nhầm gì đó về một đại

dịch, chúng tôi cho là do anh xem những hình ảnh trong chiếc máy chiếu. Chúng tôi chưa bao giờ nghĩ rằng Zobrist đã tạo ra một dịch bệnh thực sự.” Ông ta ngừng lại. “Anh cũng cứ lảm bảm một cụm từ mà chúng tôi nghe giống như ‘Rất xin lỗi. Rất xin lỗi’.”

Vasari. Đó chính là tất cả những gì anh nghĩ ra từ chiếc máy chiếu đến thời điểm đó. Cerca trova. “Nhưng... tôi nghĩ chúng quên của tôi là do vết thương trên đầu.”

“Sao cơ?!” Theo bản năng, Langdon đưa tay lên sờ những vết khô và chỗ đau sưng phồng lên ở phía sau gáy. “Vậy đây là cái quái gì!” Anh vén tóc để lộ ra vùng da bị cạo sạch.

“Một phần của ảo giác. Chúng tôi tạo ra một vết rách nhỏ trên da đầu anh và sau đó lập tức khô lại bằng chỉ, để anh tin là mình đã bị tấn công.”

Đây không phải là một vết thương do đạn bắn sao?!

“Khi anh tỉnh dậy”, Thị Trưởng nói, “chúng tôi muốn anh tin rằng người ta đang tìm cách giết anh... rằng anh đang gặp nguy hiểm”.

“Có người tìm cách giết tôi!”, Langdon hét lên, cơn giận của anh khiến những người khác trên máy bay đều phải chú ý. “Tôi thấy vị bác sĩ trong bệnh viện – bác sĩ Marconi – bị bắn gục trong vũng máu!”

“Đó là những gì anh nhìn thấy”, Thị Trưởng vẫn bình tĩnh nói, “nhưng không phải những gì đã xảy ra. Vayentha làm việc cho tôi. Cô ta có một kỹ năng siêu việt dành cho loại công việc này”.

“Giết người à?”, Langdon vặn hỏi.

“Không”, Thị Trưởng bình tĩnh đáp. “Giả vờ giết người.”

Langdon trợn mắt nhìn ông ta một lúc lâu, nhớ lại vị bác sĩ râu xám với đôi lông mày rậm gục đổ trên sàn, máu phun xối xả từ ngực.

“Súng của Vayentha được lắp đạn rỗng”, Thị Trưởng nói. “Nó kích hoạt một mồi nổ điều khiển bằng sóng vô tuyến làm nổ tung một túi máu trên ngực bác sĩ Marconi. Nhưng thật ra ông ấy không sao”.

Langdon nhắm mắt, chết lặng trước những gì đang nghe. “Và... gian phòng bệnh viện?”

“Một sân khấu ứng biến nhanh”, Thị Trưởng nói. “Giáo sư, tôi biết tất cả chuyện này rất khó tiếp nhận. Chúng tôi làm việc rất nhanh, và anh thì đang choáng váng, cho nên không cần phải hoàn hảo lắm. Khi tỉnh dậy, anh nhìn thấy những gì chúng tôi muốn anh thấy – trang bị bệnh viện, một vài diễn viên, và một cảnh tân công được dàn dựng.”

Langdon như quay cuồng.

“Đây là những điều công ty chúng tôi làm”, Thị trưởng nói. “Chúng tôi rất giỏi tạo ra những ảo giác.”

“Thế còn Sienna?”, Langdon hỏi, tay giụi mắt.

“Tôi cần đưa ra quyết định, và tôi chọn bắt tay với cô ta. Ưu tiên của tôi là bảo vệ dự án của khách hàng trước tiến sĩ Sinskey, và Sienna với tôi có chung mong muốn đó. Để có được sự tin tưởng của anh, Sienna đã cứu anh khỏi kẻ ám sát và giúp anh trốn vào một ngõ nhỏ phía sau. Chiếc taxi đợi sẵn là của chúng tôi, với một mồi nổ điều khiển bằng sóng vô tuyến khác gắn trên kính chắn gió sau để tạo ra hiệu ứng cuối cùng khi anh chạy trốn. Chiếc taxi đưa anh tới một căn hộ được chúng tôi bố trí sẵn.”

Căn hộ tuềnh toàng của Sienna, Langdon nghĩ, giờ đã hiểu tại sao trông như thể căn hộ được bài trí đồ đạc thanh lý vậy. Và nó cũng giải thích cho sự trùng hợp là “người hàng xóm” của Sienna lại có quần áo hoàn toàn vừa vặn với anh.

Toàn bộ mọi thứ đã được dàn cảnh.

Ngay cả cuộc điện thoại tuyệt vọng của người bạn Sienna ở bệnh viện cũng là giả. Sienna, Danikova đây!

“Khi anh gọi điện cho lãnh sự quán Hoa Kỳ”, Thị Trưởng nói tiếp, “anh gọi tới một số mà Sienna đã bố trí cho chúng tôi. Đó là số đồ chuông trên tàu The Mendacium”.

“Tôi chưa hề gọi đến lãnh sự quán...”

“Chưa hề”.

Cứ ở nguyên chỗ của anh, gã nhân viên lãnh sự quán giả mạo đã nhắc anh. Tôi sẽ cho người đến đón anh ngay. Sau đó, khi Vayentha xuất hiện, Sienna đã dễ dàng phát hiện ra ả ở bên kia phố và kết nối mắt xích lại với nhau.

Robert, chính phủ của anh đang tìm cách giết anh! Anh không thể liên lạc với bất kỳ cơ quan công quyền nào! Hy vọng duy nhất của anh là phán đoán xem cái máy chiếu kia có ý nghĩa gì.

Thị Trường và tổ chức bí ẩn của ông ta – cho dù nó là thứ quái gì – đã rất thành công khi làm cho Langdon ngừng hợp tác với Sinskey và bắt đầu làm việc cho họ. Màn đánh lừa đã hoàn thành.

Sienna dặt mũi mình quá hoàn hảo, anh nghĩ, cảm thấy buồn nhiều hơn là giận. Anh đã thấy cảm mến cô trong quãng thời gian ngắn ngủi bên nhau. Điều phiền toái nhất với Langdon là câu hỏi nhức nhối rằng tại sao một tâm hồn tinh anh và nồng ấm như Sienna lại có thể hoàn toàn ưng thuận giải pháp điên rồ của Zobrist đối với tình trạng quá tải dân số.

Em có thể nói với anh không chút ngờ vực, Sienna đã nói với anh, rằng nếu không có một hình thức thay đổi quyết liệt nào đó, sự cáo chung của giống loài chúng ta sẽ đến... Các phép tính toán không có gì để bàn cãi nữa.

“Thế còn bài báo về Sienna?”, Langdon hỏi, nhớ đến cuốn chương trình biểu diễn kịch Shakespeare và những bài viết về chỉ số IQ cao chất ngất của cô.

“Đều là thật”, Thị Trường đáp. “Những màn đánh lừa tốt nhất phải càng liên quan đến thế giới thật càng tốt. Chúng tôi không có nhiều thời gian để bố trí, vì thế máy tính của Sienna và những hồ sơ cá nhân đời thật gần như là tất cả những gì chúng tôi phải sử dụng. Anh chẳng bao giờ thật sự có ý định xem bất kỳ thứ gì trong số đó trừ phi anh bắt đầu thấy nghi ngờ về độ chân thực của cô ta.”

“Cũng như không sử dụng máy tính của cô ấy”, Langdon nói.

“Đúng, chúng tôi mất kiểm soát ở chỗ đó. Sienna không hề nghĩ đội SRS của bà Sinskey tìm ra căn hộ, cho nên khi những người lính ập đến, Sienna rất hoảng hốt và phải ứng biến. Cô ta cùng anh dùng chiếc xe máy bỏ chạy, cố gắng duy trì tấn kịch. Khi toàn bộ nhiệm vụ bị phơi bày, tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc từ bỏ Vayentha, mặc dù cô ta đã phá bỏ quy trình và đuổi theo bọn anh.”

“Cô ta suýt giết tôi”, Langdon nói, kể lại cho Thị Trường tình huống trên tầng áp mái của Cung điện Vecchio, khi Vayentha giờ súng lên và nhắm thẳng vào ngực Langdon. Chỉ đau trong nháy mắt thôi... , nhưng đó là lựa chọn duy nhất của tôi. Sau đó Sienna vọt ra và đẩy cô ta ngã nhào ra ngoài lan can, khiến Vayentha rơi xuống dưới và tử vong.

Thị Trưởng thở dài rất rõ, ngẫm nghĩ những gì Langdon vừa kể. “Tôi không nghĩ Vayentha cố tìm cách sát hại anh... súng của cô ta chỉ bắn đạn rỗng. Hy vọng chuộc lỗi duy nhất của cô ta vào thời điểm đó là kiểm soát được anh. Có lẽ cô ta nghĩ nếu cô ta bắn anh bằng một phát đạn rỗng thì cô ta có thể làm cho anh hiểu cô ta không phải là một kẻ ám sát và rằng anh đang bị đánh lừa.”

Thị Trưởng ngừng lại, ngẫm nghĩ một lúc, và sau đó tiếp tục. “Sienna có định sát hại Vayentha hay chỉ cố gắng can thiệp, tôi không dám mạo muội suy đoán. Tôi bắt đầu nhận ra rằng mình không biết nhiều về Sienna Brooks như tôi nghĩ.”

Tôi cũng vậy, Langdon đồng ý, mặc dù khi nhớ lại vẻ sững sờ và đau đớn trên gương mặt của người phụ nữ trẻ, anh cảm thấy những gì cô làm với người phụ nữ đầu đình chắc chắn là một sai lầm.

Langdon cảm thấy thông suốt và vô cùng cô độc. Anh ngoảnh ra phía cửa sổ, muốn nhìn ra thế giới bên dưới, nhưng tất cả những gì anh thấy chỉ là vách máy bay.

Mình phải ra khỏi đây.

“Anh ổn chứ?”, Thị Trưởng hỏi, mắt nhìn Langdon vẻ lo lắng.

“Không:, Langdon đáp. “Tôi rất không ổn.”

Anh ta sẽ ổn thôi, Thị Trưởng nghĩ. Anh ta chỉ đang cố gắng xử lý thực tế mới mẻ của mình.

Vị giáo sư người Mỹ trông như thể vừa bị cuốn bay khỏi mặt đất vì một trận lốc xoáy, xoay tít thò lò rồi rơi xuống một vùng đất xa lạ, khiến anh hoàn toàn mất phương hướng và choáng váng.

Những người là mục tiêu của Consortium hiếm khi nhận ra sự thật đằng sau tất cả các sự kiện được dàn dựng mà họ đã chứng kiến, và nếu họ nhận ra thì chắc chắn Thị Trưởng cũng không bao giờ có mặt để nhìn hậu quả. Ngày hôm nay, ngoài cảm giác tội lỗi khi trực tiếp chứng kiến nỗi hoang mang của Langdon, trong lòng Thị Trưởng còn nặng trĩu cảm giác về trách nhiệm đối với cuộc khủng hoảng hiện tại.

Mình đã sai lầm khi chấp nhận một vị khách. Bertrand Zobrist.

Mình đã tin tưởng nhầm một con người. Sienna Brooks.

Giờ Thị Trưởng đang bay về phía mắt bão – khu vực tâm chấn nơi có thể chính là một đại dịch chết người có khả năng hủy hoại cả thế giới. Nếu còn sống sót qua toàn bộ vụ việc này, thì ông ta ngờ rằng Consortium của mình sẽ không tài nào thoát khỏi ảnh hưởng của nó. Sẽ có những cáo buộc và chất vấn liên tu bất tận.

Đây là cách mọi việc kết thúc với mình sao?

Chương 83

Mình cần không khí, Robert Langdon nghĩ. Một khung cảnh... bất kỳ thứ gì.

Thân máy bay kín mít như đang khép chặt lại xung quanh anh. Dĩ nhiên, câu chuyện lạ lùng về những gì thực sự đã xảy ra với anh hôm nay không giúp được gì cả. Tâm trí anh vẫn quay cuồng với những câu hỏi chưa có lời giải đáp, hãy hết đều liên quan đến Sienna.

Thật lạ, anh lại rất nhớ cô.

Cô ấy đang ra tay, anh tự nhủ. Lợi dụng mình.

Không nói một lời, Langdon rời khỏi chỗ Thị Trưởng rồi đi về phía đầu máy bay. Cánh cửa khoang lái vẫn mở, và ánh sáng tự nhiên lọt qua đó lôi cuốn anh như một ngọn đèn hiệu. Đứng ở khuôn cửa mà những người phi công không hề phát hiện ra, Langdon để cho ánh nắng ấm áp rọi lên mặt mình. Không gian rộng mở trước mắt anh giống như món quà trời ban. Bầu trời xanh trong trong thanh bình đến vĩnh cửu.

Chẳng có gì là vĩnh cửu, anh tự nhủ, trong khi vẫn phải gắng chấp nhận thảm họa tiềm tàng mà họ đang đối mặt.

“Giáo sư?”, một giọng nói khẽ vang lên sau lưng anh, và anh quay lại.

Langdon giật mình lùi lại một bước. Đứng ngay sau anh chính là bác sĩ Ferris. Lần cuối cùng Langdon nhìn thấy người đàn ông này là lúc ông ta đang co quắp trên sàn nhà Thánh đường St. Mark, không tài nào thở nổi. Giờ đây ông ta ở trong chiếc máy bay này, dựa lưng vách ngăn, đội một chiếc mũ

bóng chày, mặt ông ta tái nhợt, phủ kín một lớp thuốc calamine. Ngực và nửa thân trên của ông ta được băng kín, còn hơi thở rất yếu ớt. Nếu Ferris có bệnh thì dường như ai cũng nghĩ rằng căn bệnh đó sẽ dễ lây lan.

“Anh còn... sống à?”, Langdon nói, nhìn sững người đàn ông.

Ferris mệt mỏi gật đầu. “Ít nhiều như vậy.” Thái độ của người đàn ông này đã thay đổi thấy rõ, dường như thư thái hơn.

“Nhưng tôi cứ nghĩ...”, Langdon im bật. “Thực tế... tôi không chắc phải nghĩ gì thêm nữa.”

Ferris mỉm cười với anh đầy thông cảm. “Anh đã nghe rất nhiều lời dối trá ngày hôm nay rồi. Tôi nghĩ tôi cần dành thời gian nói lời xin lỗi. Như anh đoán ra, tôi không hề làm việc cho WHO, và tôi không hề tới để mời anh ở Cambridge.”

Langdon gật đầu, vì quá mệt mỏi nên chẳng còn tỏ ra ngạc nhiên trước bất kỳ điều gì đến thời điểm này nữa. “Anh làm việc cho Thị Trưởng.”

“Đúng vậy. Ông ấy cử tôi tới để hỗ trợ khẩn cấp cho anh và Sienna... và giúp anh thoát khỏi nhóm SRS.”

“Vậy thì tôi đoán anh đã thực hiện nhiệm vụ của mình rất hoàn hảo”, Langdon nói, nhớ lại chuyện Ferris xuất hiện tại nhà rửa tội, thuyết phục anh tin rằng ông là một nhân viên WHO, sau đó giúp anh và Sienna di chuyển ra khỏi Florence, tránh xa nhóm của Sinskey. “Rõ ràng anh không phải là một bác sĩ.”

Người đàn ông lắc đầu, “Không, nhưng tôi đóng vai đó ngày hôm nay. Công việc của tôi là giúp Sienna duy trì màn kịch để anh có thể phán đoán ra vị trí chiếc máy chiếu chỉ tới. Thị Trưởng định tìm kiếm thứ mà Zobrist tạo ra để có thể bảo vệ nó trước bà Sinskey.”

“Anh không hề biết đó là một dịch bệnh ư?”, Langdon nói, vẫn rất tò mò về hiện tượng dị ứng lạ lùng và xuất huyết bên trong của Ferris.

“Dĩ nhiên là không rồi! Khi anh nhắc đến dịch bệnh, tôi cứ nghĩ đó là câu chuyện Sienna nói ra để kích lệ anh. Cho nên tôi cũng đóng kịch theo. Tôi đưa tất cả tàu đi Venice... và sau đó, mọi việc thay đổi.”

“Như thế nào?”

“Thị Trưởng nhìn thấy đoạn video đáng sợ của Zobrist.”

Có lẽ là như vậy. “Ông ấy nhận ra Zobrist là một kẻ điên rồ.”

“Chính xác. Thị Trưởng đột nhiên hiểu ra tất cả những gì Consortium đang dính vào, và ông ấy hoảng sợ. Ông ấy lập tức đề nghị nói chuyện riêng với người biết rõ Zobrist nhất – FS-2080 – để xem liệu cô ta có biết những gì Zobrist làm không.”

“FS-2080 ư?”

“Xin lỗi, Sienna Brooks chứ. Đó là bí danh cô ta chọn cho nhiệm vụ này. Một cái tên theo phong trào Siêu nhân học. Và Thị Trưởng không có cách nào tiếp cận được Sienna trừ cách thông qua tôi.”

“Cuộc điện thoại trên tàu”, Langdon nói. “‘Bà mẹ già yếu’ của anh.”

“Chà, rõ ràng không thể nhận điện của Thị Trưởng trước mặt anh, cho nên tôi phải ra ngoài. Ông ấy hy vọng Sienna cũng bị lừa gạt, nhưng khi tôi nói với ông ấy rằng anh và Sienna đã nói về dịch bệnh và dường như không có ý định từ bỏ nhiệm vụ, thì ông ấy biết ngay Sienna và Zobrist cùng một phe trong vụ này. Sienna lập tức trở thành đối thủ. Ông ấy bảo tôi giúp ông ấy bám sát vị trí của chúng ta ở Venice... vì ông ấy sẽ cử một nhóm người tới bắt giữ cô ta. Nhóm của đặc vụ Brüder gần như đã tóm được cô ta ở Thánh đường St. Mark... nhưng cô ta lại tìm cách thoát được.”

Langdon nhìn trân trân xuống sàn, vẫn như thấy đôi mắt nâu rất đẹp của Sienna sững sờ nhìn xuống anh trước khi chạy đi.

Em xin lỗi, Robert. Vì tất cả mọi việc.

“Cô ta rất ghê gớm”, người đàn ông nói. “Có lẽ anh không thấy cô ta tấn công tôi tại thánh đường.”

“Tấn công anh sao?”

“Phải, khi những người lính ập vào, tôi định hét to và tiết lộ vị trí của Sienna, nhưng chắc chắn cô ta cảm nhận được chuyện đó. Cô ta đánh thẳng cườm tay của mình vào giữa ngực tôi.”

“Sao cơ?!”

“Tôi không biết thứ gì nện vào mình. Một kiểu động tác võ thuật gì đó, tôi đoán vậy. Vì tôi đã bị bầm tím rất nặng ở đó, đau kinh khủng. Tôi phải mất đến năm phút mới thở lại được. Sienna kéo anh ra ban công trước khi có nhân chứng phát giác ra những gì vừa xảy ra.”

Sững sờ, Langdon như lại người phụ nữ Ý có tuổi quát lên với Sienna – “Ấn vào ngực anh ta!” – và làm động tác ấn tay lên ngực mình.

Không! Sienna đã trả lời. Làm hô hấp nhân tạo sẽ khiến anh ta tử vong! Nhìn ngực anh ta xem!

Khi nhớ lại tấn kịch trong đầu, Langdon mới nhận ra Sienna Brooks đã suy nghĩ thật nhanh. Cô đã khôn khéo ứng biến trước câu tiếng Ý của người phụ nữ. Ấn vào ngực anh ta không phải là gợi ý rằng Sienna làm động tác ép ngực, đó là lời cáo buộc giận dữ: Cô ta đã đánh vào ngực anh ta!

Trong tình thế hỗn loạn lúc đó, Langdon thậm chí còn không chú ý.

Ferris mỉm cười đau đớn với anh. “Chắc anh đã nghe rồi, Sienna Brooks rất ghê gớm.”

Langdon gật đầu. Tôi nghe rồi.

“Người của bà Sinskey đưa tôi trở lại tàu The Mendacium và băng bó cho tôi. Thị Trưởng bảo tôi đi cùng đội hỗ trợ quốc tế, bởi vì tôi là người duy nhất ngoài anh, đã ở cùng Sienna ngày hôm nay.”

Langdon gật đầu, vẫn phân vân vì chứng dị ứng của người đàn ông. “Mặt của anh?”, Langdon hỏi, “Và vết bầm trên ngực anh nữa. Không phải là...”

“Dịch hạch phải không?”, Ferris bật cười và lắc đầu. “Tôi không biết anh đã được thông báo chưa, nhưng thực tế tôi đóng vai hai vị bác sĩ hôm nay.”

“Sao cơ?”

“Khi tôi xuất hiện ở nhà rửa tội, anh nói tôi trông hơi quen.”

“Đúng vậy. Hơi hơi thôi. Đôi mắt anh, tôi nghĩ vậy. Anh bảo tôi đó là vì anh là người đã mời tôi ở Cambridge...”, Langdon ngừng lại. “Điều mà giờ tôi biết là không đúng, cho nên...”

“Tôi trông quen bởi vì chúng ta đã gặp nhau. Nhưng không phải ở

Cambridge”. Người đàn ông cố nhìn vào mắt Langdon để xem anh có nhận ra điều gì không. “Thực ra tôi chính là người đầu tiên nhìn thấy anh khi anh tỉnh dậy vào buổi sáng nay trong bệnh viện.”

Langdon nhớ lại căn phòng nhỏ ảm đạm trong bệnh viện. Lúc đó anh đứng không vững và thị lực cũng bị ảnh hưởng, cho nên anh chắc chắn rằng người đầu tiên mình nhìn thấy khi tỉnh dậy là một vị bác sĩ đứng tuổi xanh xao, với đôi lông mày và chòm râu xám rậm rạp, chỉ nói tiếng Ý.

“Không”, Langdon nói. “Bác sĩ Marconi là người đầu tiên tôi nhìn thấy khi...”

“Xin chào, giáo sư”, người đàn ông ngắt lời bằng một giọng Ý rất chuẩn. “Nhưng anh không nhớ tôi phải không?” Ông ta cúi khom người như một người đứng tuổi, vượt vượt ngược đôi lông mày rậm tưng tưng và bộ râu không hề tồn tại. “Tôi là bác sĩ Marconi.”

Miệng Langdon há hốc. “Bác sĩ Marconi là... anh sao?”

“Đó là lý do tại sao anh thấy mắt tôi rất quen. Tôi chưa bao giờ đeo râu và lông mày giả, và thật không may là cũng chẳng biết gì cho đến khi bị dị ứng với chất kết dính – một thứ keo chế bằng nhựa cây – khiến cho da mẩn ngứa. Tôi chắc anh rất sợ khi nhìn thấy tôi, nhất là anh đang dè chừng một thứ dịch bệnh có thể bùng phát.”

Langdon chỉ biết nhìn sững, giờ thì anh đã nhớ ra vị bác sĩ Marconi luôn gãi râu trước khi bị Vayentha tấn công khiến ông ấy nằm dài trên sàn bệnh viện, máu chảy loang từ ngực.

“Tệ hơn nữa”, người đàn ông nói, tay chỉ chỗ băng gạc quấn quanh ngực mình, “cái mồi nổ của tôi lệch đi trong lúc thực hiện công việc. Tôi không tài nào kịp chỉnh nó về đúng vị trí, và khi nổ, nó bị lệch. Gãy một xương sườn và bầm tím nặng. Tôi khó thở suốt cả ngày là vì vậy.”

Và tôi cứ nghĩ anh bị bệnh dịch.

Người đàn ông hít hơi thật sâu và nháy mắt. “Thực tế, tôi nghĩ đã đến lúc tôi cần ngồi nghỉ lại.” Khi rời đi, ông ấy ra hiệu về phía sau Langdon. “Có vẻ như anh có bạn đồng hành rồi.”

Langdon quay lại và thấy tiến sĩ Sinskey đang sải bước lên khoang lái, mái tóc dài bạc buông sau lưng. “Giáo sư, anh đây rồi!”

Vị giám đốc WHO trông như kiệt sức, nhưng thật lạ là Langdon lại nhận ra một tia hy vọng trong mắt bà. Bà ấy đã phát hiện ra điều gì đó.

“Tôi rất xin lỗi đã để anh ở lại đây một mình”, Sinskey nói, đến bên cạnh Langdon. “Chúng tôi vừa phối hợp và thực hiện một số tìm kiếm.” Bà làm hiệu về phía buồng lái để ngỏ. “Tôi thấy anh hứng một chút ánh nắng thì phải?”

Langdon nhún vai. “Máy bay của bà cần có cửa sổ.”

Bà mỉm cười thông cảm với anh. “Về vấn đề ánh sáng, tôi hy vọng Thị Trưởng đã soi rọi cho anh một chút về những sự kiện gần đây?”

“Vâng, mặc dù chẳng có gì khiến tôi hài lòng.”

“Tôi cũng vậy thôi”, bà đồng tình, ngó quanh để đảm bảo rằng chỉ có họ. “Tin tôi đi”, bà thì thầm, “sẽ có hình phạt nghiêm khắc cho ông ta và tổ chức của ông ta. Tôi sẽ làm việc đó. Còn lúc này, tất cả chúng ta cần tập trung vào việc tìm cho ra cái túi chứa dịch kia trước khi nó tan ra và làm lây lan dịch bệnh”

Hoặc là trước khi Sienna tới đó và làm cho nó tan nhanh hơn.

Langdon đã hình dung ra tòa nhà tráng lệ kể từ khi anh nhận ra đó mới chính là đích đến của họ. Tòa bảo quản của tri thức thánh thiêng.

“Tôi vừa biết được một chuyện rất thú vị”, Sinskey nói. “Chúng tôi đã nói máy với một sử gia địa phương”, bà nói. “Ông ấy không biết tại sao chúng ta lại hỏi về mộ Dandolo, nhưng tôi đã hỏi ông ấy có biết những gì nằm dưới mộ không, và anh thử đoán xem ông ấy nói gì.” Bà mỉm cười. “Nước.”

Langdon ngạc nhiên. “Thật sao?”

“Đúng, có vẻ như bên dưới tòa nhà đều bị ngập nước. Suốt nhiều thế kỷ, mực nước dưới tòa nhà đã dâng cao, ngập ít nhất hai tầng bên dưới. Ông ấy nói ở đó có tất cả các dạng túi khí và không gian bị ngập một phần phía dưới.”

Chúa ơi. Langdon nhớ lại đoạn video của Zobrist và cái hang ngầm kỳ quái có những bức tường rêu mốc nơi anh nhìn thấy phần bóng mờ trắng đứng của những cây cột chống. “Đó là một căn phòng ngập nước.”

“Chính xác.”

“Nhưng vậy thì... làm cách nào Zobrist mò được xuống đó?”

Mắt Sinskey sáng lên. “Đó là một chi tiết kỳ lạ. Anh sẽ không thể tin nổi những gì chúng tôi phát hiện ra đâu.”

Lúc đó, cách bờ biển Venice chưa đầy một dặm, trên hòn đảo nhỏ có tên Lido, một chiếc Cessna Citation Mustang bóng bẩy cất cánh khỏi sân bay Nicelli và lao vút lên bầu trời đang thẫm dần lúc chạng vạng.

Chủ nhân của chiếc máy bay, nhà thiết kế trang phục lừng danh Giorgio Venci, không có trên máy bay, nhưng ông đã ra lệnh cho phi công của mình đưa vị hành khách trẻ tuổi quyền rũ đi tới bất kỳ đâu cô ấy cần.

Chương 84

Đêm đã buông xuống cố đô Byzantine.

Suốt dọc bờ biển Marmara, những ngọn đèn pha nhấp nháy chiếu sáng, soi tỏ đường chân trời với những giáo đường sáng đèn và những ngọn tháp mảnh mai. Lúc này là giờ aksam – giờ hành lễ tối, và những chiếc loa phóng thanh bố trí khắp thành phố đang ngân vang lên tiếng adhân, lời mời gọi đến cầu nguyện.

La-ilaha-illa-Allah.

Không có thần thánh nào ngoài Đức Thánh.

Trong khi các tín đồ hồi hả tới các giáo đường thì bộ phận còn lại của thành phố vẫn tiếp tục mọi việc mà chẳng hề bận tâm: Đám sinh viên đại học tiếp tục uống bia, giới doanh nhân chốt lại những thỏa thuận làm ăn, những nhà buôn rao bán gia vị và thảo mộc, còn khách du lịch thì ngỡ ngàng nhìn ngắm tất cả.

Đây là một thế giới bị chia rẽ, một thành phố của những đối nghịch – tôn giáo và thế tục, cổ xưa và hiện đại, phương Đông và phương Tây. Với biên giới địa lý trải ra giữa châu Âu và châu Á, thành phố không chịu ảnh hưởng của thời gian này đúng là cây cầu từ Cựu Thế giới, nối sang một thế giới

thậm chí còn xưa cũ hơn nữa.

Istanbul.

Mặc dù không còn là thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng trong nhiều thế kỷ, nơi đây là tâm điểm của ba đế chế tách biệt – Byzantine, La Mã và Ottoman. Vì lý do này, Istanbul vẫn được xem là một trong những địa điểm có lịch sử phong phú nhất trên trái đất. Từ cung điện Topkapi cho đến Giáo đường Xanh hay lâu đài Bảy ngọn tháp, thành phố này có vô số câu chuyện dân gian về các trận đánh, niềm vinh quang và cả thất bại.

Tối nay, tí cao trên bầu trời đêm phía trên những đám đông náo nhiệt của thành phố, một chiếc máy bay vận tải C-130 đang hạ thấp dần qua một vùng biển bão đang hình thành, tiếp cận sân bay Atatürk. Trong khoang lái, Robert Langdon ngồi chắc chắn trong chiếc ghế phụ lật phía sau phi công, nhìn qua kính chắn gió, cảm thấy nhẹ nhõm vì anh được dành một ghế ngồi có thể nhìn ra ngoài.

Sau khi được ăn một chút và ngủ gà gật ở phía cuối máy bay trong gần một tiếng nghỉ ngơi quý giá, Langdon đã phần nào tỉnh táo trở lại.

Lúc này, ở phía bên phải, Langdon nhìn rõ những ánh đèn của Istanbul, một bán đảo lấp lánh ánh sáng hình chiếc sừng nhô ra vùng đen thẫm của biển Marmara. Đây là phần phía châu Âu, tách biệt với phần châu Á bằng một dải tối chạy ngoằn ngoèo.

Thủy lộ Bosphorus.

Mới nhìn qua, Bosphorus có vẻ chỉ là một dòng nước rộng chia tách Istanbul làm đôi. Nhưng thực tế, Langdon biết con kênh này chính là huyết mạch thương mại của Istanbul. Bên cạnh việc cung cấp cho thành phố hai đường bờ biển thay vì chỉ có một, kênh Bosphorus còn giúp tàu bè đi từ Địa Trung Hải vào Hắc Hải, cho phép Istanbul trở thành một trạm dừng giữa hai thế giới.

Khi máy bay hạ thấp qua một lớp sương mờ, Langdon dỗi mắt nhìn về thành phố phía xa, cố xác định vị trí tòa nhà đồ sộ mà họ đang tìm kiếm.

Vị trí phần mộ của Enrico Dandolo.

Hóa ra Enrico Dandolo – vị tổng trấn bội bạc của Venice – lại không được an táng ở Venice, thay vào đó, hài cốt của ông ta được chôn ngay chính giữa

pháo đài mà ông ta chinh phục được năm 1202 – thành phố trải dài bên dưới họ. Rất thích hợp là Dandolo lại yên nghỉ trong ngôi đền kỳ vĩ nhất ở thành phố này – một công trình cho đến ngày hôm nay vẫn là báu vật của cả vùng.

Hagia Sophia.

Được xây dựng vào năm 360 sau Công nguyên, Hagia Sophia từng là một thánh đường Chính thống giáo phương Đông cho tới tận năm 1204. Khi Enrico Dandolo chiếm được thành phố và biến nó thành một nhà thờ Thiên Chúa giáo vào cuộc Thập tự chinh lần thứ tư. Sau đó, vào thế kỷ XV, sau khi Fatih Sultan Mehmed chiếm được Constantinople, nó trở thành một giáo đường Hồi giáo, và vẫn là nơi thờ nguyện của đạo Hồi cho tới năm 1935, khi tòa nhà được thế tục hóa và trở thành một bảo tàng.

Tòa bảo quản mạ vàng của tri thức thánh thiêng, Langdon trầm nghĩ.

Hagia Sophia không chỉ được trang hoàng bằng số gạch lát vàng nhiều hơn cả thánh đường St. Mark mà tên gọi của nó – Hagia Sophia – theo đúng nghĩa đen cũng là “Tri thức thánh thiêng”.

Langdon hình dung ra tòa nhà đồ sộ, cố gắng nghĩ về thực tế rằng đâu đó bên dưới nó, có cái đăm tối tăm chứa một chiếc túi đang dập dờn trong nước, từ từ tan dần và chuẩn bị giải phóng những gì đựng bên trong.

Langdon cầu mong họ không đến quá muộn.

“Những tầng dưới của tòa nhà đã bị ngập”, Sinskey đã nói trước đó trong lúc bay, phần chần ra hiệu cho Langdon theo bà trở lại khu vực làm việc. “Anh sẽ không thể tin nổi những gì chúng tôi phát hiện ra đâu. Anh đã bao giờ nghe nói về một đạo diễn phim tài liệu tên là Goksel Gulensoy chưa?”

Langdon lắc đầu.

“Trong lúc nghiên cứu về Hagia Sophia”, Sinskey giải thích, “tôi phát hiện ra rằng đã có một bộ phim được làm về địa điểm này. Một phim tài liệu do Gulensoy thực hiện vài năm trước”.

“Có hàng chục bộ phim đã được làm về Hagia Sophia.”

“Đúng”, bà nói lúc đến khu vực làm việc của mình, “nhưng không có bộ phim nào như thế này”. Bà xoay máy tính của mình để anh có thể nhìn rõ. “Hãy đọc nội dung này đi.”

Langdon ngồi xuống và xem bài viết – một bài tổng hợp từ vài nguồn tin thời sự khác nhau, trong đó có tờ Hürriyet Daily News, nói về bộ phim mới nhất của Gülensoy: Dưới những tầng sâu của Hagia Sophia.

Lúc bắt đầu đọc, Langdon lập tức nhận ra tại sao Sinskey lại phấn khích đến vậy. Chỉ mấy từ đầu tiên đã làm cho Langdon phải ngược lên nhìn bà đầy ngạc nhiên. Lặn bằng bình khí?

“Tôi biết”, bà ấy nói. “Cứ đọc đi.”

“LẶN BẰNG BÌNH KHÍ BÊN DƯỚI HAGIA SOPHIA: Nhà làm phim tài liệu Goksel Gülensoy và đội thám hiểm lặn bình khí của ông đã xác định được vị trí những bồn trũng ngập nước nằm sâu hàng trăm sải bên dưới công trình tôn giáo thu hút nhiều du khách của Istanbul.

Trong quá trình ấy, họ đã phát hiện ra nhiều kỳ quan kiến trúc, trong đó có những mộ phần chìm dưới nước có tuổi đời đã tám trăm năm của các trẻ em tử đạo, cũng như những đường hầm chìm nổi Hagia Sophia với Cung điện Topkapi, Cung điện Tekfur, và những không gian mở rộng dưới lòng đất của nhà ngục Anemas người ta vẫn đồn đại bấy lâu nay.

“Tôi tin những gì bên dưới Hagia Sophia còn thú vị hơn cả những gì nổi trên bề mặt”, Gülensoy giải thích, mô tả rõ anh lấy cảm hứng để làm bộ phim sau khi nhìn thấy một bức ảnh cũ chụp các nhà nghiên cứu đang khảo sát phần móng của Hagia Sophia bằng thuyền, bơi qua một đại sảnh bị ngập một phần dưới nước”.

“Rõ ràng anh đã tìm đúng tòa nhà rồi!”, Sinskey kêu lên. “Và có vẻ như những không gian lớn bơi thuyền được ở bên dưới tòa nhà đó, nhiều chỗ có thể tiếp cận được mà không cần thiết bị lặn bình... Điều đó có thể giải thích cho những gì chúng ta thấy trong đoạn video của Zobrist”.

Đặc vụ Brüder đứng phía sau họ, nghiên cứu màn hình máy tính, “Cũng có vẻ như bên dưới tòa nhà có những thủy lộ tỏa ra ngoài tới mọi khu vực khác. Nếu túi Solublon đó bị tan trước khi chúng ta đến thì sẽ không có cách gì ngăn được những thứ chứa bên trong loang rộng ra.”

“Thứ bên trong...”, Langdon đánh bạo, “Các vị có ý kiến gì về nó không? Ý tôi là đích xác ấy? Tôi biết chúng ta đang phải giải quyết một thứ bệnh dịch, nhưng...”

“Chúng tôi đang phân tích đoạn phim”, Brüder nói, “gợi ý rằng thực tế thứ

đó là sinh học chứ không phải hóa học... nói thế tức là một thứ gì đó sống. nếu xét số lượng ít ỏi trong cái túi thì chúng tôi cho rằng nó có khả năng lây nhiễm rất cao và có khả năng sinh sôi nảy nở. Chúng tôi chưa dám chắc đó là một loại dịch bệnh dựa vào nước giống như một loại vi khuẩn, hay nó có khả năng lan truyền trong không khí như một loại vi rút khi được giải phóng, nhưng khả năng nào cũng có thể xảy ra”.

Sinskey nói, “Giờ chúng ta đang thu thập dữ liệu về nhiệt độ nước ngầm trong khu vực, cố gắng đánh giá xem những loại chất truyền nhiễm nào có thể phát triển mạnh trong các khu vực dưới lòng đất đó, nhưng Zobrist là người vô cùng tài năng và có thể dễ dàng tạo ra thứ gì đó có những khả năng độc nhất vô nhị. Và tôi dám chắc rằng Zobrist chọn địa điểm này là có lý do”.

Brüder gật đầu rồi nhanh nhẹn trình bày tiếp đánh giá của anh ta về cơ chế phát tán khác thường của cái túi Solublon chìm dưới nước. Và tất cả bọn họ chỉ mới bắt đầu nhận ra sự tài tình đơn giản của nó mà thôi. Bằng cách để cho cái túi ở dưới nước và ngầm trong lòng đất, Zobrist đã tạo ra một môi trường ủ bệnh cực kỳ ổn định: Nơi có nhiệt độ nước không đổi, không có bức xạ mặt trời, có lớp đệm động lực học, và hoàn toàn kín đáo. Bằng cách chọn một cái túi có độ bền đúng mức, Zobrist có thể để mặc thứ bệnh dịch ấy sinh trưởng trong một khoảng thời gian nhất định mà không cần trông coi trước khi nó tự giải thoát đúng hạn định.

Kể cả khi Zobrist không bao giờ quay trở lại nơi đó nữa.

Cú xóc bất ngờ khi máy bay tiếp đất làm Langdon chúi trở lại ghế phụ của mình trong khoang lái. Phi công đạp mạnh phanh và sau đó cho máy bay dừng hẳn lại một nhà chứa khá cách biệt.

Langdon hy vọng sẽ được đón chào bởi cả một đội quân nhân viên WHO trong trang phục phòng dịch. Nhưng lạ thay, người duy nhất đợi họ đến lại là tài xế một chiếc xe thùng màu trắng lớn, mang biểu trưng là một chữ thập cân đối màu đỏ tươi.

Chữ thập đỏ ở đây sao? Langdon nhìn lại, nhận ra còn một chủ thể nữa cũng sử dụng chữ thập đỏ. Đại sứ quán Thụy Sĩ.

Anh tháo khóa ghế ngồi và tìm kiếm Sinskey khi mọi người chuẩn bị rời máy bay. “Mọi người đâu cả rồi?”, Langdon hỏi, “Nhóm WHO ấy? Rồi cả cơ quan chức năng Thổ Nhĩ Kỳ nữa? Không nhẽ tất cả đều đã đến Hagia

Sophia rồi sao?”.

Sinskey nhìn anh lo lắng. “Thực ra”, bà giải thích, “chúng tôi quyết định không đánh động giới chức địa phương. Chúng ta đã có nhóm SRS cừ nhất của Trung tâm Ngăn ngừa và Kiểm soát dịch bệnh châu Âu đi cùng rồi, và có vẻ giữ kín nhiệm vụ này một thời gian thì tốt hơn là tạo ra một cơn hoảng loạn có khả năng lan rộng”.

Gần đó, Langdon nhìn thấy Brüder cùng nhóm của anh ta đang kéo khóa những chiếc túi đen có chứa đầy đủ các dụng cụ đối phó với độc chất – quần áo chống khuẩn, mặt nạ phòng độc, và cả thiết bị dò tìm điện tử.

Brüder xốc túi của mình lên vai và bước lại. “Chúng tôi sẽ thử. Chúng tôi sẽ vào trong tòa nhà, tìm mộ của Dandolo, nghe tiếng nước như bài thơ gợi ý, sau đó sẽ đánh giá lại và quyết định xem liệu có nên gọi những đơn vị chức năng khác đến hỗ trợ không.”

Langdon nhìn ra kế hoạch có vấn đề. “Hagia Sophia sẽ đóng cửa vào buổi chiều, cho nên nếu không có giới chức địa phương, chúng ta không thể vào trong được.”

“Không sao đâu”, Sinskey nói. “Tôi có một đầu mối liên lạc trong sứ quán Thụy Sĩ. Người đó đã liên lạc với người phụ trách Bảo tàng Hagia Sophia và đề nghị một cuộc tham quan riêng hạng VIP ngay khi chúng ta đến nơi. Người phụ trách đã đồng ý rồi.”

Langdon gằn như cười phá lên. “Một chuyến tham quan hạng VIP cho giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới sao? Và cả một đội quân mang theo đồ nghề ứng phó với độc chất nữa à? Các vị không nghĩ điều đó có thể khiến một vài người thất mắc sao?”

“Đội SRS và đồ nghề sẽ ở nguyên trong xe trong khi Brüder, anh và tôi đánh giá tình hình”, Sinskey nói. “Thêm nữa, để cho thật chính xác, tôi không phải là VIP. Chính anh đây.”

“Bà nói sao cơ?”

“Chúng tôi đã nói với bảo tàng rằng có một vị giáo sư Mỹ nổi tiếng bay tới cùng một nhóm nghiên cứu để viết bài về những biểu tượng của Hagia Sophia, nhưng máy bay của họ bị trễ năm tiếng và anh ta lỡ mất giờ tới tham quan tòa nhà. Vì anh ta cùng nhóm của mình sẽ đi ngay vào sáng mai nên chúng tôi hy vọng...”

“Được rồi”, Langdon nói. “Tôi hiểu ý rồi.”

“Bảo tàng đang cử một nhân viên tới đó để gặp riêng chúng ta. Quả nhiên, anh ta là người rất hâm mộ những bài viết của anh về nghệ thuật Hồi giáo”. Sinskey mỉm cười mỗi một với anh, rõ ràng đang cố tỏ ra lạc quan. “Chúng ta được đảm bảo rằng anh có thể tiếp cận tất cả góc ngách của tòa nhà.”

“Và quan trọng hơn”, Bruder nói, “sẽ chỉ có chúng ta làm chủ toàn bộ không gian đó”.

Chương 85

Robert Langdon trân trân nhìn ra ngoài cửa sổ chiếc xe thùng khi nó lao vùn vụt dọc theo xa lộ kề bên bờ nước nổi sân bay Atatürk với trung tâm của Istanbul. Các quan chức Thụy Sĩ bằng cách nào đó đã giúp cho thủ tục hải quan dễ dàng, và Langdon, Sinskey cùng những thành viên khác trong nhóm đã lên đường chỉ trong vài phút.

Sinskey ra lệnh cho Thị Trưởng và Ferris ở lại trên chiếc C-130 cùng với vài nhân viên WHO và tiếp tục truy tìm dấu vết của Sienna Brooks.

Mặc dù không tin Sienna có thể đến Istanbul kịp thời gian nhưng mọi người vẫn có tâm lý e ngại rằng trước khi nhóm Sinskey có thể can thiệp, cô đã kịp gọi điện cho một trong những đệ tử của Zobrist ở Thổ Nhĩ Kỳ và đề nghị trợ giúp thực hiện kế hoạch đầy hoang tưởng của Zobrist.

Liệu có thật sự Sienna dính vào việc giết người hàng loạt không? Langdon vẫn không sao chấp nhận được tất cả những gì đang diễn ra ngày hôm nay. Anh cảm thấy đau đớn khi phải nghĩ về cô như vậy, nhưng anh buộc phải chấp nhận sự thật. Mà chưa bao giờ hiểu cô ta, Robert ạ. Cô ta dốt mũi mày.

Một cơn mưa nhẹ bắt đầu trút xuống thành phố, và Langdon bỗng cảm thấy mệt mỏi khi nghe thấy tiếng rít lặp đi lặp lại của những cần gạt nước trên kính chắn gió. Bên phải anh, trên biển Marmara ngoài kia, anh có thể nhìn thấy ánh đèn quét qua của những du thuyền sang trọng và những tàu chở dầu đồ sộ ra vào hải cảng phía trước mặt. Dọc bờ cảng là những tòa tháp mảnh mai và trang nhã vươn cao phía trên các giáo đường có mái vòm, như âm thầm nhắc người ta nhớ rằng mặc dù Istanbul là một thành phố thế tục hiện đại, nhưng cốt lõi của nó vẫn dựa vào tôn giáo.

Langdon luôn thấy đoạn cao tốc dài mười dặm này là một trong những đoạn đường đẹp nhất ở châu Âu. Là một ví dụ hoàn hảo cho sự va chạm giữa cái cũ và cái mới của Istanbul, cung đường này bám theo một phần bức tường của Constantine, được xây dựng trước cả khi nhân vật được lấy tên cho đại lộ này – John F. Kennedy – cất tiếng khóc chào đời hơn mười sáu thế kỷ. Vị Tổng thống Hoa Kỳ rất ngưỡng mộ tầm nhìn của Kemal Atatürk [54], người đưa nước cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ vươn lên từ đống tro tàn của một đế chế đã sụp đổ.

Với những góc nhìn ra biển không đâu sánh bằng, Đại lộ Kennedy uốn mình qua những trảng cây tuyệt đẹp cùng các công viên lịch sử, chạy qua bến cảng ở Yenikapi, và cuối cùng len lỏi giữa ranh giới của thành phố với vịnh Bosphorus, nơi nó tiếp tục chạy lên phía bắc tới tận mũi Vàng [55]. Ở đó, sừng sững phía trên thành phố là pháo đài của đế chế Ottoman, Cung điện Topkapi. Với tầm nhìn chiến lược cho toàn bộ thủy lộ của Bosphorus, cung điện này là một trong những nơi được du khách rất ưa chuộng. Họ tới đây để chiêm ngưỡng cả khung cảnh lẫn bộ sưu tập báu vật Ottoman có một không hai, trong đó có cả áo choàng và thanh gươm được đồn là những vật thuộc về nhà tiên tri Muhammad.

Chúng ta sẽ không đi xa đến thế, Langdon biết như vậy, trong đầu hình dung ra điểm đến của họ ở phía trước, Hagia Sophia, cách trung tâm thành phố không xa lắm.

Khi họ rời khỏi Đại lộ Kennedy và bắt đầu len lỏi vào thành phố dân cư đông đúc, Langdon nhìn những đường phố và vỉa hè tấp nập người, cảm thấy bị ám ảnh bởi những cuộc trò chuyện trong ngày.

Quá tải dân số.

Dịch bệnh.

Những nguyện vọng lệch lạc của Zobrist.

Mặc dù hiểu rõ địa điểm nhóm SRS này đang hướng tới, nhưng cho tới lúc này Langdon mới đánh giá được đầy đủ về nó. Chúng ta đang tiến tới tâm chấn. Anh hình dung ra cái túi đang từ từ tan dần, bên trong chứa chất dịch màu vàng nâu, và tự hỏi làm cách nào anh lại rơi vào tình cảnh này.

Bài thơ lạ lùng mà Langdon và Sienna phát hiện ở mặt sau chiếc mặt nạ người chết của Dante cuối cùng chỉ dẫn anh tới đây, Istanbul. Langdon đã hướng dẫn nhóm SRS tới Hagia Sophia, và biết sẽ có nhiều việc cần làm khi

tới đó.

“Hãy quỳ gối bên trong bảo quán mạ vàng của tri thức thánh thiêng,

và áp tai xuống đất,

lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt,

Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm...

vì ở đây, trong bong tối, con quái vật chôn địa phủ chờ đợi,

lặn ngụp trong thứ nước đỏ như máu...

của cái đầm không hề phản chiếu ánh sao.”

Langdon lại cảm thấy run bắn khi biết rằng khổ cuối Hỏa ngục của Dante kết thúc bằng một cảnh tượng gần như giống hệt: Sau một hành trình dài đi xuyên qua địa phủ, Dante và Virgil đến điểm thấp nhất của địa ngục. Ở đây không có lối ra, họ nghe thấy tiếng nước chảy nhỏ giọt qua những khối đá dưới chân. Họ đi theo khe nước qua các kẽ nứt và khe hở để rồi tìm được chỗ an toàn.

Dante viết: “Một nơi dưới đó... nơi không thể nhận biết bằng mắt, mà qua tiếng khe nước, chảy xuôi theo chỗ trống của tảng đá... và theo con đường ẩn kín đó, người dẫn đường của ta và ta bước vào, để trở lại thế giới dương gian”.

Cảnh tượng của Dante rõ ràng chính là cảm hứng cho bài thơ của Zobrist, mặc dù trong trường hợp này, dường như Zobrist đã đảo ngược mọi thứ. Thực tế, Langdon và những người khác đang theo tiếng nước nhỏ giọt, nhưng khác với Dante, họ không rời khỏi hỏa ngục... mà đi thẳng vào trong đó.

Khi chiếc xe thùng chạy qua những đường phố hẹp hơn và đông đúc hơn, Langdon bắt đầu hiểu ra cái logic khác thường khiến Zobrist lựa chọn trung tâm Istanbul là tâm chấn của một đại dịch.

Đông gặp Tây.

Giao lộ của thế giới.

Trong rất nhiều thời điểm của lịch sử, Istanbul từng bị những đại dịch giết người hoành hành, cướp đi số lượng lớn dân cư. Thực tế, trong giai đoạn cuối cùng của Cái chết Đen, thành phố được gọi là “tâm dịch” của cả đế chế và người ta nói đại dịch này đã giết hơn một vạn dân cư một ngày. Đã có một vài bức vẽ Ottoman nổi tiếng mô tả người dân thành phố tuyệt vọng đào những hố dịch hạch để chôn hàng núi xác chết tại các cánh đồng ở Taksim gần đó.

Langdon hy vọng Karl Marx đã sai khi nói, “Lịch sử luôn lặp lại”.

Đọc những cơn phố mưa rơi, các sinh linh vô tư lự vẫn đang bận rộn với công việc buổi tối của mình. Một phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ xinh đẹp gọi con cái về ăn tối, hai ông già cùng nhâm nhi tại một quán cà phê ngoài trời, một cặp đôi ăn mặc chỉnh tề tay trong tay đi dạo dưới ô, và một người đàn ông mặc áo lễ phục nhảy xuống từ xe buýt và chạy dọc phố, cố giấu hộp đàn vĩ cầm của mình bên dưới áo khoác, rõ ràng vì đến muộn một buổi hòa nhạc.

Langdon xem xét những gương mặt quanh mình, cố gắng hình dung ra những điều phức tạp trong cuộc đời mỗi người.

Đám đông được hình thành từ những cá nhân.

Anh nhắm mắt lại, ngoảnh mặt khỏi cửa sổ và cố gắng gạt bỏ chiều hướng u ám trong suy nghĩ. Nhưng vết thương đã hằn sâu. Trong khoảng tối tâm trí của anh, một hình ảnh không mong muốn hiện rõ – cảnh tượng hoang tàn trong bức tranh Chiến thắng của Tử thần của Bruegel – một bức đại cảnh gớm ghiếc về dịch hạch, nổi thống khổ và đau đớn tàn phá một thành phố ven biển.

Chiếc xe thùng ngoặt sang phải vào Đại lộ Torun, và trong khoảnh khắc Langdon nghĩ họ đã đến đích. Bên trái anh, một giáo đường sừng sững xuất hiện trong màn sương.

Nhưng đó không phải là Hagia Sophia.

Giáo đường Xanh, anh nhanh chóng nhận ra nó khi nhìn thấy sáu tòa tháp hình bút chì của đèn thờ với nhiều tầng ban công vươn lên bầu trời với chòm tháp nhọn hoắt. Langdon đã từng đọc được rằng vẻ đẹp như trong chuyện thần tiên của các tòa tháp có ban công ở Giáo đường Xanh đã truyền cảm hứng cho việc thiết kế tòa lâu đài của nàng Cinderella trong công viên Thế giới Disney. Giáo đường Xanh có tên gọi như vậy là do những bức tường bên trong đều được ốp gạch màu xanh dương, chẳng khác gì một vùng biển

đẹp đến sững sờ.

Chúng ta đến gần lắm rồi, Langdon nghĩ khi chiếc xe thùng lao vùn vụt về phía trước, ngoặt sang Đại lộ Kabasakal và chạy dọc theo quảng trường Công viên Sultanahmet rộng rãi nằm giữa Giáo đường Xanh và Hagia Sophia, vốn nổi tiếng vì có thể quan sát được hai kỳ quan ấy.

Langdon nheo mắt nhìn qua lớp kính chắn gió ướt mưa, cố tìm kiếm hình dáng Hagia Sophia ở đường chân trời, nhưng mưa và ánh đèn pha làm cho thị lực trở nên khó khăn. Tệ hơn nữa, xe cộ dọc đại lộ dường như đang dừng lại.

Phía trước, Langdon chẳng nhìn thấy gì ngoài một hàng đèn hậu đỏ lờ.

“Có sự kiện gì đó rồi”, người lái xe thông báo. “Tôi nghĩ là một buổi hòa nhạc. Có lẽ đi bộ nhanh hơn.”

“Bao xa?”, Sinskey hỏi.

“Chỉ cần qua công viên này thôi. Ba phút. Rất an toàn.”

Sinskey gạt đầu với Bruder và sau đó quay sang đội SRS. “Cứ ở trong xe. Tới càng gần tòa nhà càng tốt. Đặc vụ Bruder sẽ liên lạc lại ngay.”

Nói xong, Sinskey, Bruder và Langdon nhảy ra khỏi chiếc xe thùng xuống phố và tiến thẳng qua công viên.

Những hàng cây lá rộng trong Công viên Sultanahmet che chắn cả nhóm khỏi thời tiết đang càng lúc càng xấu đi khi họ hối hả bước dọc những lối đi dưới vòm lá của công viên. Các lối đi thình thoảng lại có biển chỉ dẫn cho du khách tới nhiều điểm tham quan trong công viên – cột tháp Ai Cập lấy từ quần thể Đền Luxor, cột đồng Rắn biển [\[56\]](#) lấy từ Đền Apollo ở Delphi, và cột mốc Million từng được xem như “điểm số 0” để đo mọi khoảng cách ở đế quốc Byzantine.

Cuối cùng, họ ra khỏi những tán cây ngay chân một bể nước hình tròn ở trung tâm công viên. Langdon bước ra chỗ trống và ngược mắt nhìn về phía đông.

Hagia Sophia.

Không giống một tòa nhà mà giống như một trái núi.

Vẫn lấp lánh trong màn mưa, hình dáng đồ sộ của Hagia Sophia chẳng khác gì cả một thành phố. Mái vòm trung tâm của tòa nhà lớn đến khó tin và được chống đỡ bằng khung màu xám bạc, như dựa trên cả khối kết hợp gồm những tòa nhà có mái vòm khác được chồng lên xung quanh nó. Bốn ngọn tháp cao vút – mỗi tháp đều chỉ có một ban công duy nhất và phần chóp nhọn màu xám bạc – vươn lên ở bốn góc tòa nhà, cách xa hẳn mái vòm trung tâm khiến cho người ta khó xác định được chúng chính là điểm hợp phần của một tòa nhà duy nhất.

Cả Sinskey và Brüder, cho đến lúc này vẫn chăm chú bước đều, bỗng cùng vượt lên, ngược mắt nhìn lên trên... lên trên nữa... như thể tâm trí của họ cố gắng thu hết toàn bộ chiều cao và bề rộng của công trình sừng sững trước mắt họ

“Lạy Chúa lòng lành”, Brüder khẽ thốt lên như không tin nổi. “Chúng ta sẽ phải tìm kiếm... chỗ đó sao?”

Chương 86

Mình đang bị tạm giữ, Thị Trưởng cảm thấy như vậy khi ông ta bước tới bước lui trong khoang chiếc máy bay vận tải C-130. Ông ta đồng ý với Istanbul sẽ giúp Sinskey ngăn chặn cuộc khủng hoảng này trước khi nó hoàn toàn vượt khỏi tầm kiểm soát.

Thị Trưởng biết rõ rằng hợp tác với Sinskey có thể giúp giảm mức độ hình phạt mà ông ta có thể phải chịu vì khinh suất dính líu vào cuộc khủng hoảng này. Nhưng giờ Sinskey lại bắt giữ mình rồi.

Ngay khi chiếc máy bay đậu lại bên trong nhà chứa của chính quyền tại sân bay Atatürk, Sinskey và nhóm của bà đã rời khỏi máy bay, và bị giám đốc WHO ra lệnh cho Thị Trưởng cùng một vài nhân viên trong đội ngũ Consortium của ông ta phải ở nguyên trên máy bay.

Thị Trưởng đã tìm cách ra ngoài hít thở một chút không khí nhưng bị mấy tay phi công mặt lạnh như tiền chặn lại. Họ nhắc ông ta nhớ rằng tiến sĩ Sinskey đã yêu cầu tất cả mọi người phải ở nguyên trong khoang máy bay.

Không xong rồi, Thị Trưởng nghĩ thầm, kiếm một chỗ ngồi trong khi thực sự bắt đầu của thấy không an tâm về tương lai của mình.

Thị Trường từ lâu đã quen làm người điều khiển, là thế lực tối thượng kiểm soát những sợi dây, nhưng đột nhiên tất cả quyền năng này của ông ta bị tước hết.

Zobrist, Sienna, Sinskey.

Tất cả bọn họ đều coi thường và thao túng chính ông ta.

Lúc này, bị kẹt cứng trong khoang chiếc máy bay vận tải xa lạ không có lấy một ô cửa sổ của WHO, ông ta bắt đầu tự hỏi phải chăng vận may của mình đã chấm hết, nếu như tình thế hiện tại có thể chính là một hình thức trừng phạt tiền oan nghiệt báo đũa với cả một đời không lấy gì làm lương thiện của ông ta.

Ta dối lừa để kiếm sống.

Ta là người cung cấp những thông tin sai lệch.

Mặc dù không phải là người duy nhất bán những lời dối trá trên cõi đời này, nhưng Thị Trường đã thành danh như là con cá to nhất ao. Những con cá nhỏ hơn là một giống khác hẳn, và Thị Trường không thích liên quan gì đến bọn họ.

Cũng hiện diện trên mạng Internet, những công ty với tên gọi kiểu như Công ty Alibi và mạng Alibi kiếm tiền trên khắp thế giới bằng việc giới thiệu những đối tác hôn nhân bội bạc chuyên lừa dối và không để bị phát hiện. Hứa rằng sẽ “cho thời gian ngừng lại” trong khoảnh khắc để khách hàng của họ có thể thoát khỏi chồng, vợ, hoặc con cái, các tổ chức này là bậc thầy trong việc tạo ra những chuyện lừa gạt - thỏa thuận làm ăn giả dối, cuộc hẹn gặp bác sĩ giả dối, thậm chí cả đám cưới giả dối - tất cả mọi hình thức, kể cả những lời mời qua điện thoại, tờ rơi, vé máy bay, mẫu xác nhận của khách sạn, và thậm chí cả số liên lạc đặc biệt nối với tổng đài của Công ty Alibi, nơi các chuyên gia được đào tạo sẽ đóng giả làm bất kỳ nhân viên lễ tân hay đầu mối liên lạc gì mà màn lừa gạt cần có.

Tuy nhiên, Thị Trường không bao giờ phí phạm thời gian của mình với những mảnh lời như thế. Ông ta chỉ thực hiện những cú lừa dối quy mô lớn, làm việc với những người có khả năng chi hàng triệu đô la để nhận được dịch vụ tốt nhất.

Các chính phủ.

Các tập đoàn lớn.

Những nhân vật VIP cự phú.

Để đạt được mục tiêu, những khách hàng này sẽ có thể tùy ý sử dụng tài sản, nhân sự, kinh nghiệm và khả năng sáng tạo của Consortium. Mặc dù vậy, trên hết, họ nhận được quyền phủ nhận - lời cam kết rằng bất kỳ màn lừa gạt nào được dựng lên để hậu thuẫn cho sự dối trá của họ đều không bao giờ liên can gì tới họ.

Cho dù là chống lưng cho một thị trường chứng khoán, hậu thuẫn một cuộc chiến, giành thắng lợi trong một cuộc bầu cử, hay như một kẻ khùng bỏ ra khỏi chỗ ẩn náu, thì các tay trùm môi giới của thế giới đều phải dựa vào những âm mưu lừa lọc nhằm định hình nhận thức của công chúng.

Luôn luôn theo cách thức như vậy.

Vào những năm 1960, người Nga xây dựng một mạng lưới gián điệp hoàn toàn giả mạo chuyên dùng hộp thư chết khiến người Anh phải tìm cách đề phòng suốt nhiều năm. Năm 1947, Không lực Hoa Kỳ tạo ra một màn đánh lừa về vật thể bay không xác định rất tinh vi nhằm đánh lạc hướng sự chú ý khỏi vụ rơi máy bay ở Roswell, bang New Mexico. Và gần đây hơn, thế giới bị “dắt mũi” để tin rằng Iraq có những vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Trong suốt gần ba thập kỷ, Thị Trưởng đã giúp nhân vật quyền thế bảo vệ, duy trì và tăng quyền lực cho họ. Mặc dù đặc biệt cẩn trọng với các nhiệm vụ mà mình tiếp nhận, nhưng Thị Trưởng vẫn luôn sợ rằng sẽ có ngày ông ta đảm nhận một nhiệm vụ sai lầm.

Và giờ cái ngày đó đã đến.

Thị Trưởng tin rằng, mọi thiên hùng ca sụp đổ đều có thể truy vết ngược trở lại một thời điểm duy nhất - một cuộc gặp tình cờ, một quyết định không đúng, một ánh mắt khinh suất.

Trong trường hợp này, ông ta nhận ra rằng, cái khoảnh khắc đó gần như đã đến từ chục năm về trước, khi ông ta đồng ý thuê một sinh viên y khoa trẻ tuổi đang muốn kiếm thêm một chút tiền. Trí thông minh sắc sảo, khả năng ngôn ngữ đáng kinh ngạc, và tài năng ứng biến của cô gái này đã khiến cô ngay lập tức trở thành nhân vật nổi bật tại Consortium.

Sienna Brooks là một tài năng bẩm sinh.

Sienna ngay lập tức hiểu hoạt động của Thị Trưởng, và ông ta cảm thấy cô gái trẻ này không lạ lẫm với việc giữ bí mật. Sienna làm việc cho ông ta suốt gần hai năm, kiếm được một khoản lương rất khá giúp cô trang trải được chi phí học ngành y của mình, và sau đó, hoàn toàn không báo trước, cô tuyên bố đã xong xuôi. Cô muốn cứu thế giới, và như đã nói với Thị Trưởng, cô không thể làm việc đó tại Consortium.

Thị Trưởng không bao giờ nghĩ Sienna Brooks lại xuất hiện trở lại gần một thập kỷ sau đó, mang theo mình một món quà tuyệt vời - một vị khách hàng giàu có kinh khủng.

Bertrand Zobrist.

Thị Trưởng thấy phát điên khi nhớ lại mọi việc.

Đây chính là lỗi của Sienna.

Cô ta luôn tham gia vào kế hoạch của Zobrist.

Gần đó, bên chiếc bàn hội ý tạm thời trong chiếc C-130, cuộc trò chuyện càng lúc càng sôi nổi, với những nhân viên WHO trao đổi trên điện thoại và tranh luận với nhau.

“Sienna Brooks à?!”, một người như quát trên điện thoại. “Có chắc không đấy?” Nhân viên này lắng nghe một lúc, lông mày cau lại. “Được, cho tôi chi tiết đi. Tôi sẽ giữ máy.”

Anh ta bịt ống nghe và quay sang các cộng sự của mình. “Hình như Sienna Brooks đã rời khỏi Ý ngay sau chúng ta.”

Tất cả mọi người bên bàn đều sững lại.

“Bằng cách nào chứ?”, một nhân viên nữ thắc mắc. “Chúng ta chặn sân bay, cầu, ga tàu...”

“Sân bay Nicelli”, người kia trả lời. “Trên chiếc Lido.”

“Không thể nào”, cô nhân viên phản ứng lại, lắc đầu quày quặt. “Nicelli rất bé. Không có chuyến bay nào rời đó cả. Nó chỉ phục vụ được các chuyến bay trực thăng trong vùng và...”

“Không hiểu sao Sienna Brooks có thể sử dụng một máy bay riêng đậu tại

Nicelli. Họ vẫn đang tìm hiểu về nó.” Anh ta lại đưa ống nghe lên miệng. “Vâng, tôi đây. Các anh có gì rồi?” Trong lúc lắng nghe thông tin cập nhật, vai anh ta càng lúc càng nặng trĩu, anh ta ngò phịch xuống. “Tôi hiểu. Cảm ơn.” Anh ta kết thúc cuộc gọi.

Các đồng nghiệp của anh ta đều chăm chú nhìn với vẻ mong đợi.

“Máy bay của Sienna hướng về Thổ Nhĩ Kỳ”, anh ta thông báo, tay dụi dụi mắt.

“Vậ thì gọi ngay cho Cục Vận tải Hàng không châu Âu!”, ai đó nói. “Bảo họ cho chiếc máy bay đôi hướng.”

“Không được đâu”, anh chàng nhân viên WHO nói. “Nó đã hạ cánh cách đây mười hai phút tại sân bay riêng Hezarfen, chỉ cách nơi này có mười lăm dặm. Sienna Brooks đã biến mất rồi.”

Chương 87

Lúc này mưa trút ào ào xuống mái vòm cổ kính của Hagia Sophia.

Suốt gần một nghìn năm, đây là nhà thờ lớn nhất thế giới, và thậm chí bây giờ vẫn khó có thể nghĩ ra thứ gì lớn hơn. Nhìn lại tòa nhà lần nữa, Langdon nhớ rằng Hoàng đế Justinian [57], khi hoàn thành Hagia Sophia, đã bước lùi lại và tự hào tuyên bố, “Này ngài Solomon, tôi đã vượt qua ngài rồi!”

Sinskey và Brüder quả quyết tiến nhanh về phía tòa nhà đồ sộ, như càng lúc càng phình lên khi họ lại gần.

Các lối đi ở đây đều có hai hàng đạn súng thần công được lực lượng của Mehmet Người Chinh phạt [58] sử dụng - một hình thức trang trí gợi nhớ rằng lịch sử của tòa nhà này thấm đẫm bạo lực vì sau khi bị chinh phục, nó được chuyển đổi công năng để phục vụ nhu cầu tinh thần của những thế lực chiến thắng.

Khi họ tiến gần đến mặt tiền phía Nam, Langdon liếc nhìn sang bên phải, chỗ ba khu phụ trông như những hầm chứa có mái vòm nhô ra khỏi tòa nhà chính. Đây chính là lăng của các vị Sultan, một trong số đó – vua Murad III - theo lời đồn đại, có tới một trăm người con.

Có tiếng chuông điện thoại di động vang lên trong không gian về đêm, và Bruder lấy điện thoại ra, kiểm tra nhận dạng người gọi, rồi trả lời cộc lốc: “Chuyện gì?”.

Trong lúc nghe thông tin, anh ta lắc đầu lia lịa như không tin nổi. “Sao có thể thế được?” Anh ta lắng nghe thêm và thờ dãi. “Được rồi, liên tục thông báo cho tôi. Chúng tôi sắp vào trong.” Anh ta tắt máy.

“Chuyện gì vậy?”, Sinskey hỏi.

“Cần để mắt dè chừng”, Bruder nói, liếc nhìn toàn khu vực. “Chúng ta có thể có bạn đồng hành.” Anh ta đưa mắt nhìn Sinskey. “Có vẻ như Sienna Brooks đã có mặt tại Istanbul.”

Langdon nhìn sững Bruder, vô cùng ngạc nhiên khi nghe nói rằng Sienna đã tìm được cách lọt vào Thổ Nhĩ Kỳ và thêm nữa, sau khi trốn thoát khỏi Venice, cô còn dám bất chấp khả năng bị bắt và thậm chí bị giết để đảm bảo rằng kế hoạch của Bertrand Zobrist sẽ thành công.

Sinskey cũng cảnh giác không kém và hít một hơi dài như thể chuẩn bị hỏi thêm Bruder, nhưng rõ ràng bà đã suy nghĩ lại, nên quay sang Langdon. “Lỗi nào đây?”

Langdon chỉ sang trái chỗ góc tây nam của tòa nhà. “Đài phun nước Tây uế đàng kia”, anh nói.

Điểm gặp gỡ của họ với nhân viên của bảo tàng là một nguồn nước có rào chắn trang nhã từng được sử dụng cho các nghi lễ tây uế trước khi thực hiện việc cầu nguyện của đạo Hồi.

“Giáo sư Langdon!”, một giọng nam giới gọi to khi họ tới gần.

Một người đàn ông Thổ Nhĩ Kỳ tươi cười bước ra từ bên dưới vòm bát giác che bên trên đài phun nước. Anh ta vẫy vẫy tay. “Giáo sư, ở đây!”

Langdon và hai người vội vã đi tới.

“Xin chào, tên tôi là Mirsat”, anh ta nói, giọng tiếng Anh nặng trĩu đầy nhiệt tình. Đó là một người đàn ông mảnh dẻ với mái tóc thưa thớt, cặp kính nhìn tri thức, và mặc bộ đồ màu xám. “Thật vinh hạnh cho tôi.”

“Chúng tôi cũng rất vinh hạnh”, Langdon đáp, bắt tay Mirsat. “Cảm ơn vì

lòng hiếu khách của anh dù chúng tôi thông báo vội vàng.”

“Vâng, vâng!”

“Tôi là Elizabeth Sinskey”, tiến sĩ Sinskey nói, bắt tay Mirsat và sau đó ra hiệu về phía Brüder. “Còn đây là Cristoph Brüder. Chúng tôi đến đây để hỗ trợ giáo sư Langdon. Tôi rất xin lỗi vì máy bay của chúng tôi bị trễ. Anh thật chu đáo khi tiếp đón chúng tôi thế này.”

“Không sao! Không phải suy nghĩ gì đâu!”, Mirsat rời rít. “Vì giáo sư Langdon, tôi sẽ phục vụ riêng bất kỳ giờ nào. Cuốn Những biểu tượng Thiên Chúa giáo trong thế giới Hồi giáo của anh ấy rất được ưa chuộng trong cửa hàng quà tặng của bảo tàng chúng tôi.”

Thật sao. Langdon nghĩ thầm. Giờ thì mình biết nơi duy nhất trên đời đón nhận cuốn sách đó.

“Chúng ta đi chứ?”, Mirsat nói, ra hiệu cho bọn họ đi theo.

Cả nhóm vội vã băng qua một khoảnh sân nhỏ, đi qua lối vào dành cho khách du lịch và tiếp tục đi tới nơi ban đầu là lối vào chính của tòa nhà - ba công tò vò khắc sâu với những cánh cửa đồng đồ sộ.

Hai nhân viên an ninh có vũ trang đang đợi sẵn để đón họ. Ngay khi nhìn thấy Mirsat, những nhân viên này mở khóa một cánh cửa và đẩy mạnh ra.

“Sağ olun”, Mirsat nói một trong những cụm từ tiếng Thổ Nhĩ Kỳ mà Langdon quen thuộc - một cách nói “cảm ơn” đặc biệt lịch thiệp.

Cả nhóm bước qua, và các nhân viên an ninh lập tức đóng những cánh cửa nặng nề phía sau lại, tiếng va chạm vang vọng khắp không gian nội thất bằng đá.

Giờ Langdon và mấy người kia đang đứng ở sảnh của Hagia Sophia - một dạng phòng chờ hẹp vốn rất phổ biến trong các nhà thờ Thiên Chúa giáo, có chức năng như một khu đệm kiến trúc giữa không gian linh thiêng với không gian trần tục.

Đường hào tinh thần, Langdon thường gọi khu vực này như vậy.

Cả nhóm đi về phía những cánh cửa tiếp theo, và Mirsat đẩy một bên cửa mở ra. Phía sau, thay vì nhìn thấy điện thờ như dự đoán, Langdon lại thấy một

sảnh thứ hai, lớn hơn cái đầu tiên một chút.

Sảnh nội, Langdon nhận ra ngay, dù quên mất rằng điện thờ của Hagia Sophia có đến hai tầng bảo vệ cách ly với thế giới bên ngoài.

Như thể để chuẩn bị cho khách tham quan về những gì nằm ở phía trước, khu sảnh nội này được trang trí cầu kỳ hơn hẳn khu sảnh ngoài, các bức tường đều được làm bằng đá mài bóng loáng nên bắt sáng từ những ngọn đèn chùm rất đẹp. Langdon chăm chú ngắm nhìn bốn cánh cửa ở đầu bên kia của không gian trầm lắng này, phía trên có những bức gổm khảm vô cùng ngoạn mục.

Mirsat bước tới cánh cửa lớn nhất - một cánh cổng đồ sộ bọc đồng. “Hoàng môn”, Mirsat nói khẽ, giọng anh ta nhẹ hẫng nhưng vẫn hết sức nhiệt thành, “cho tôi hỏi, có cái gì các vị đặc biệt muốn xem ở bên trong không?”

Langdon, Sinskey và Brüder đều nhìn nhau.

“Có”, Langdon nói. “Có rất nhiều thứ cần xem, dĩ nhiên rồi, nhưng nếu được, chúng tôi muốn bắt đầu từ mộ Enrico Dandolo.”

Mirsat nghiêng nghiêng đầu như thể không hiểu rõ. “Sao cơ ạ? Các vị muốn xem... mộ Dandolo à?”

“Vâng.”

Mirsat đẩy vẻ thất vọng. “Nhưng, thưa... mộ Dandolo rất đơn giản. Không hề có biểu tượng gì cả. Không phải là đề xuất tuyệt nhất của chúng tôi.”

“Tôi biết thế”, Langdon nhã nhặn nói. “Tuy nhiên, chúng tôi rất biết ơn nếu anh có thể đưa chúng tôi đến đó.”

Mirsat nhìn Langdon một lúc lâu, và sau đó anh ta đưa mắt nhìn lên phần gổm khảm ngay trên cánh cửa, nơi Langdon vừa ngắm nhìn. Phần gổm khảm này là hình ảnh từ thế kỷ IX của Chúa Jesus Toàn năng - hình ảnh đã trở thành biểu tượng mô tả Chúa Jesus cầm Kinh Tân ước bên tay trái trong khi tay phải ban phước.

Sau đó, như thể có một tia sáng lóe lên trong tâm trí, khóe miệng Mirsat nhếch lên thành một nụ cười đầy hiểu biết, và anh ta bắt đầu ngoắc ngoắc ngón tay. “Quả là sắc sảo! Rất sắc sảo!”

Langdon nhìn sững. “Tôi không hiểu?”

“Không sao, thưa giáo sư”, Mirsat nói bằng một giọng thì thào đầy mưu mô. “Tôi sẽ không nói cho bất kỳ ai biết lý do thật sự khiến giáo sư tìm đến đây đâu.”

Sinskey và Brüder cũng nhìn Langdon vẻ khó hiểu.

Langdon chỉ biết nhún vai trong khi Mirsat đẩy cửa mở ra và dẫn họ vào trong.

Chương 88

Kỳ quan thế giới thứ tám, một số người gọi nơi này như vậy, nhưng lúc này đứng bên trong, Langdon không có ý định tranh luận về đánh giá đó.

Khi cả nhóm bước qua ngưỡng cửa tiến vào khu điện thờ đồ sộ, Langdon chợt nhớ rằng Hagia Sophia có thể gây được ấn tượng với khách tham quan về quy mô tráng lệ của nó chỉ trong nháy mắt.

Gian phòng này lớn đến mức dường như ngay cả những đại giáo đường của châu Âu cũng biến thành những chú lùn. Langdon biết rằng, sự choáng ngợp của nó một phần là ảo giác - một hiệu ứng phụ nhờ phần mặt sàn kiểu Byzantine, với toàn bộ không gian thờ cúng tập trung trong một gian phòng vuông vức duy nhất, chứ không phải trải ra theo bốn nhánh của bố cục hình thập tự - vốn là phong cách được sử dụng cho các thánh đường sau này.

Tòa nhà này còn nhiều tuổi hơn Notre-Dame đến bảy trăm năm, Langdon nghĩ bụng.

Sau khi mất một lúc mới quan sát được hết quy mô rộng lớn của gian phòng, Langdon ngược mắt nhìn lên, phải hơn bốn mươi lăm mét phía trên đầu, về phía mái vòm màu vàng sáng lấp lánh trùm lấy gian phòng. Từ điểm trung tâm, bốn mươi gọng vòm tỏa đều ra như những tia nắng mặt trời, chạy tới dãy tường cuốn hình tròn gồm bốn mươi ô cửa sổ vòng cung. Vào ban ngày, ánh sáng tràn qua những ô cửa sổ này phản chiếu và khúc xạ những mảnh kính khảm chập trên lớp mái vàng, tạo ra “thứ ánh sáng kỳ ảo”, điểm nổi tiếng nhất của Hagia Sophia.

Langdon từng một lần duy nhất thấy cái không gian mạ vàng của gian phòng

này được nắm bắt một cách chính xác trong tranh vẽ. Họa sĩ John Singer Sargent. Không có gì lạ, khi tạo ra bức Hagia Sophia nổi tiếng của mình, vị họa sĩ người Mỹ này chỉ giới hạn bảng màu trong phạm vi những sắc độ khác nhau của một màu duy nhất.

Màu vàng.

Phần mái vòm vàng lấp lánh, thường gọi là “mái vòm của Thiên đường”, được đỡ bằng bốn khung tò vò cực lớn và những khung này lại được cố định bằng rất nhiều kết cấu nửa vòm và lá nhĩ. Rồi lại có một tầng nửa vòm và dãy cuốn nhỏ hơn đỡ dưới các chi tiết này, tạo ra hiệu ứng như thể một thác nước gồm toàn những dạng thức kiến trúc đang từ trên trời tìm đường xuống trái đất.

Chạy từ trên trời xuống đất, mặc dù theo một lộ trình trực tiếp hơn, những sợi cáp dài từ mái vòm lao thẳng xuống và đỡ cả một biển chúc đài được treo thấp đến mức những vị khách cao lớn rất dễ va phải chúng. Nhưng thực tế, đây lại là một ảo giác nữa do sự hoành tráng của không gian này tạo ra, bởi lẽ những ngọn chúc đài đều treo cao cách sàn gần bốn mét.

Cũng như với tất cả các điện thờ khác, kích thước đồ sộ của Hagia Sophia nhằm hai mục đích. Thứ nhất, nó là bằng chứng trước Chúa về những gì con người sẵn sàng thực hiện để tỏ lòng tôn kính với ngài. Và thứ hai, nó là hình thức gây sốc với các tín đồ - một không gian vật lý hùng vĩ đến mức những người bước vào đều cảm thấy mình trở nên nhỏ bé, cái tôi của họ tan biến, cái bản thể vật chất cùng tầm quan trọng của họ chỉ còn là một chấm nhỏ nhoi trước Chúa - nguyên tử trong bàn tay của Tạo hóa mà thôi.

Chừng nào con người chẳng là gì cả thì Chúa cũng chẳng thể tạo ra được gì từ anh ta. Martin Luther từng nói những lời này vào thế kỷ XVI, nhưng quan niệm đó đã nằm trong tư duy của những người xây dựng từ thời có những hình mẫu xưa nhất của kiến trúc tôn giáo.

Langdon liếc nhìn Brüder và Sinskey, cũng đang chăm chú nhìn lên và lúc này mới hạ ánh mắt xuống.

“Chúa Jeus”, Brüder nói.

“Phải!” Mirsat hào hứng nói. “Và cả Thánh Allah cùng Đức Muhammad nữa!”

Langdon phì cười khi anh chàng hướng dẫn viên của họ bảo Brüder nhìn bàn

thờ chính, nơi này có một bức tranh gốm khảm cao ngất hình Chúa Jeus kèm hai bên là hai chiếc đĩa lớn có tên bằng tiếng Ả Rập của Muhammad và Thánh Allah theo kiểu thư pháp trang trí.

“Bảo tàng này”, Mirsat giải thích, “có gắng gọi cho khách tham quan nhớ đến những mục đích đa dạng của không gian thiêng liêng, nên lần lượt thể hiện cả biểu tượng Thiên Chúa giáo, từ thời kỳ khi Hagia Sophia còn là một nhà thờ, lẫn biểu tượng Hồi giáo, khi nó được dùng như một giáo đường”. Anh ta mỉm cười tự hào. “Bất chấp sự xích mích giữa hai tôn giáo giữa đời thực, chúng tôi vẫn nghĩ những biểu tượng của họ khá hòa hợp với nhau. Tôi biết anh cũng tán thành, thưa giáo sư.”

Langdon chân thành gật đầu, nhớ lại rằng tất cả những biểu tượng Thiên Chúa giáo đều đã bị che kín bằng vôi khi tòa nhà này trở thành một giáo đường Hồi giáo. Việc phục hồi lại những biểu tượng Thiên Chúa giáo bên cạnh các biểu tượng Hồi giáo đã tạo ra một hiệu quả hấp dẫn, đặc biệt vì những phong cách và đặc điểm nhạy cảm của hai hệ thống biểu tượng này lại là hai cực đối lập nhau.

Trong khi truyền thống Thiên Chúa giáo ưa những hình ảnh thể tục của các vị thần thánh, Hồi giáo lại tập trung vào thư pháp chữ Ả Rập và những hoa văn kỳ hà để thể hiện vẻ đẹp trong vũ trụ của Chúa trời. Truyền thống Hồi giáo cho rằng chỉ có Chúa trời mới tạo ra cuộc sống, do đó con người không thể tạo ra những hình ảnh của cuộc sống - không thần linh, không con người, thậm chí không động vật.

Langdon nhớ đã từng cố gắng giải thích quan niệm này cho các sinh viên của mình: “Một Michelangelo theo đạo Hồi, xin lấy ví dụ như vậy, sẽ chẳng bao giờ vẽ gương mặt của Chúa trên trần Nhà nguyện Sistine. Ông ấy sẽ khắc tên Chúa trời. Thể hiện gương mặt Chúa bị coi là hành động báng bổ”.

Langdon tiếp tục giải thích lý do của việc này.

“Cả Thiên Chúa giáo và Hồi giáo đều lấy ngôn từ làm trung tâm luận”, anh nói với sinh viên, “có nghĩa là họ tập trung vào Ngôi Lời. Theo truyền thống của Thiên Chúa giáo, Ngôi Lời trở thành xác thịt trong cuốn sách của Thánh John: ‘Và Ngôi Lời đã trở thành xác thịt, và Ngài ở giữa chúng ta’. Do đó, người ta chấp nhận việc mô tả Ngôi Lời có hình dạng con người. Còn trong truyền thống Hồi giáo, Ngôi Lời không trở nên xác thịt, cho nên Ngôi Lời cần giữ nguyên hình dạng của ngôn từ... trong hầu hết các trường hợp, đó là những hình thức thể hiện bằng thư pháp tên của các nhân vật thần thánh

trong đạo Hồi”.

Một trong số các sinh viên của Langdon đã đúc kết đoạn lịch sử phức tạp này bằng một ghi chú bên lề vở chính xác đến thú vị rằng: “Người Thiên Chúa giáo thích mặt, người Hồi giáo thích chữ”.

“Trước mặt chúng ta đây”, Mirsat tiếp tục, ra hiệu về phía bên kia gian phòng kỳ vĩ, “các vị thấy một sự hòa trộn độc đáo giữa Thiên Chúa giáo và Hồi giáo”.

Anh ta chỉ rõ sự kết hợp của các biểu tượng ở khu hậu cung hoành tráng, đáng chú ý nhất là hình tượng Đức mẹ Đồng trinh và Chúa Hai đồng nhìn xuống mihrab - chỗ ngách tường hình bán nguyệt trong một giáo đường Hồi giáo cho biết phương hướng của Mecca. Gần đó, một dãy cầu thang chạy đến bục giảng kinh, trông giống kiểu bục dùng làm nơi thực hiện các bài thuyết pháp Thiên Chúa giáo, nhưng trên thực tế lại là một minbar, bục thánh lễ cho thầy tế thực hiện các buổi lễ ngày thứ Sáu. Tương tự, kết cấu hình hoa cúc gần đó trông giống khu vực dành cho đội hợp ca nhà thờ Thiên Chúa giáo nhưng thực tế lại là müezzin mahfili, một loại bục được tôn cao dành cho thầy tu báo giờ quỳ và cầu kinh đáp lại lời cầu nguyện của thầy tế.

“Các giáo đường Hồi giáo và thánh đường Thiên Chúa giáo giống nhau đến kinh ngạc”, Mirsat tuyên bố. “Truyền thống của Đông và Tây không khác biệt nhiều như chúng ta nghĩ!”

“Anh Mirsat?”, Brüder thúc bách, giọng đầy nôn nóng. “Chúng tôi rất muốn vào xem mộ Dandolo, nếu có thể?”

Mirsat có vẻ hơi bực mình, như thể vẻ nóng vội của Brüder chính là một biểu hiện thiếu tôn trọng đối với nhà thờ này.

“Phải”, Langdon nói. “Tôi xin lỗi vì vội vàng, nhưng chúng tôi có thời gian biểu rất sát sao.”

“Cũng được thôi”, Mirsat nói, tay chỉ một ban công khá cao bên trái họ. “Chúng ta lên gác và xem ngôi mộ.”

“Đi lên sao?”, Langdon giật mình đáp lại. “Không phải Enrico Dandolo được chôn cất trong hầm mộ à?” Langdon nhớ rõ về ngôi mộ, nhưng không nhớ vị trí chính xác trong tòa nhà nơi có mộ. Anh hình dung ra những khu vực tối tăm ngậm trong lòng đất của tòa nhà.

Mirsat có vẻ khó chịu trước câu hỏi. “Không, thưa giáo sư, mộ của Enrico Dandolo chắc chắn ở trên tầng.”

Có chuyện quái quỷ gì ở đây vậy nhỉ? Mirsat thắc mắc.

Khi Langdon đề nghị tới thăm mộ Dandolo, Mirsat cảm thấy đề nghị đó như một kiểu nghi trang. Chẳng ai muốn xem mộ Dandolo cả. Mirsat cho rằng thứ Langdon thật sự muốn xem là kho báu bí ẩn ngay bên mộ Dandolo kia - tác phẩm Gồm khảm Deesis - bức chân dung Chúa Toàn năng cổ vẫn được xem là một trong những tác phẩm nghệ thuật bí ẩn nhất của tòa nhà này.

Langdon đang tìm kiếm bức tranh gồm, và đang cố gắng giữ kín điều đó, Mirsat phán đoán, cho rằng vị giáo sư có lẽ đang viết một tác phẩm bí mật về bức Deesis.

Tuy nhiên, đến giờ thì Mirsat không hiểu. Chắc chắn Langdon biết tác phẩm Deesis nằm trên tầng hai, nhưng tại sao anh lại có phản ứng ngạc nhiên như vậy?

Trừ phi đúng là anh ta đang tìm kiếm mộ Dandolo chẳng?

Bối rối, Mirsat dẫn họ về phía cầu thang, đi qua một trong hai cái đỉnh nổi tiếng của Hagia Sophia - một đại khí nặng tới gần một nghìn hai trăm năm mươi cân đũa từ một khối cẩm thạch nguyên khối vào thời kỳ Hy Lạp hóa.

Lúc này, Mirsat im lặng leo lên cùng cả đoàn, cảm giác hơi bồn chồn. Các cộng sự của Langdon dường như không giống dân học thuật chút nào. Một trong số họ giống một dạng lính tráng nào đó, cơ bắp và cứng nhắc, lại mặc toàn đồ đen. Còn người phụ nữ có mái tóc bạc thì Mirsat cảm thấy như mình đã gặp bà ấy từ trước. Có lẽ trên truyền hình chẳng?

Anh ta bắt đầu thấy nghi ngờ rằng mục đích chuyến viếng thăm này không phải như họ nói lúc đầu. Thật sự thì tại sao họ lại đến đây?

“Chỉ một đợt cầu thang nữa thôi”, Mirsat vui vẻ nói khi họ đến chiếu nghỉ. “Chúng ta sẽ thấy mộ của Enrico Dandolo trên tầng, và dĩ nhiên”, anh ta ngừng lại, mắt nhìn Langdon, “bức Gồm khảm Deesis nổi tiếng”.

Không có lấy một chút do dự.

Có vẻ như Langdon, trên thực tế, không hề đến đây vì bức Deesis một tí nào. Anh và các vị khách của mình dường như tập trung một cách khó hiểu vào

ngôi mộ của Dandolo.

Chương 89

Khi Mirsat dẫn đường lên gác, Langdon nhận thấy Brüder và Sinskey rất lo lắng. Phải thừa nhận, việc leo lên tầng hai dường như chẳng có ý nghĩa gì. Langdon cứ nghĩ đến đoạn video ngằm trong lòng đất của Zobrist và bộ phim tài liệu về những khu vực ngằm bên dưới Hagia Sophia.

Chúng ta cần phải đi xuống.

Cho dù như vậy, nếu đây đúng là nơi có ngôi mộ của Dandolo thì họ cũng không còn lựa chọn nào khác ngoài việc làm theo đúng những chỉ dẫn của Zobrist. Hãy quỳ gối bên trong bảo quản mạ vàng của tri thức thánh thiêng, và áp tai xuống mặt đất, lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt.

Cuối cùng khi đến tầng hai, Mirsat dẫn họ sang bên phải, đi dọc theo gờ ban công, nơi có tầm nhìn đẹp đến nín thở về khu điện thờ phía dưới. Langdon vẫn hướng về phía trước, rất tập trung.

Mirsat vẫn nhiệt thành nói về bức Gốm khảm Deesis, nhưng Langdon chẳng hề để tâm.

Giờ anh đã nhìn thấy mục tiêu của mình.

Ngôi mộ của Dandolo.

Ngôi mộ vẫn đúng như Langdon còn nhớ - một tiếng cảm thạch trắng hình chữ nhật được khảm vào nền đá nhẵn bóng và được quây lại bằng cọc và xích.

Langdon tiến nhanh lại và xem xét những dòng chữ khắc:

HENRICUS DANDOLO

Khi những người khác tiến đến phía sau, Langdon lập tức hành động, bước nhanh qua xích bảo vệ và đặt chân ngay phía trước bia mộ.

Mirsat lớn tiếng phản đối, nhưng Langdon vẫn tiếp tục, nhanh nhẹn quỳ gối như thể đang chuẩn bị cầu nguyện dưới chân vị tổng trấn bội bạc.

Tiếp đó, bằng một động tác khiến Mirsat thốt lên kinh hãi, Langdon đặt hai tay lên mộ và úp sấp mặt xuống sàn. Lúc ấy, Langdon thấy mình như đang quỳ lạy ở Mecca vậy. Động tác của anh khiến Mirsat cứng đờ, cầm bật, và đột nhiên toàn bộ tòa nhà đột nhiên chìm vào im lặng.

Langdon hít một hơi thật sâu, ngoảnh mặt sang phải và nhẹ nhàng áp tai trái vào mộ. Da thịt anh cảm nhận rõ sự lạnh lẽo của lớp đá.

Thứ âm thanh anh nghe vọng lên qua lớp đá rõ rệt như ban ngày.

Lạy Chúa.

Khúc cuối Hỏa ngục của Dante dường như đang vọng lên từ bên dưới.

Rất chậm rãi, Langdon xoay đầu, dăm dăm nhìn lên Brüder và Sinskey.

“Tôi nghe thấy rồi”, anh thì thào. “Tiếng nước nhỏ giọt.”

Brüder nhảy qua dây xích và quỳ xuống bên cạnh Langdon lắng nghe. Một lúc sau, anh ta gật đầu lia lịa.

Giờ đây khi họ nghe thấy tiếng nước chảy xuống dưới, một câu hỏi vẫn còn đó. Nó chảy đi đâu?

Tâm trí Langdon bỗng nhiên ngập tràn những hình ảnh của một cái hang chìm một nửa, ngập trong thứ ánh sáng màu đỏ kỳ quái, đầu đó bên dưới họ.

“Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm...

vì ở đây, trong bóng tối, con quái vật chôn địa phủ chờ đợi,

lặn ngụp trong thứ nước đỏ như máu...

của cái đầm không hề phản chiếu ánh sao.”

Khi Langdon đứng lên và bước qua các cọc rào lần nữa, Mirsat vẫn trừng trừng nhìn anh với vẻ cảnh giác và bị phản bội hiện rõ trên mặt. Langdon đứng cao hơn anh chàng hướng dẫn người Thổ đến hơn gang tay.

“Mirsat”, Langdon bắt đầu nói. “Tôi xin lỗi. Anh có thể thấy đấy, đây là một tình thế rất bất thường. Tôi không có thời gian để giải thích, nhưng tôi có một câu hỏi quan trọng để hỏi anh về tòa nhà này.”

Mirsat cố gắng gạt đầu yếu ớt. “Vâng.”

“Ở đây, bên mộ của Dandolo, chúng tôi nghe thấy một dòng nước chảy đầu đó bên dưới lớp đá. Chúng tôi cần biết chỗ nước này chảy đi đâu.”

Mirsat lắc đầu. “Tôi không hiểu. Có thể nghe thấy tiếng nước bên dưới sàn nhà ở khắp mọi chỗ trong Hagia Sophia mà.”

Tất cả mọi người cứng đờ.

“Vâng”, Mirsat nói với họ, “đặc biệt khi trời mưa. Hagia Sophia có xấp xỉ chín nghìn ba trăm mét vuông mái cần thoát nước, và thường phải mất hàng ngày trời. Và thông thường trời lại đổ mưa trước khi nước kịp thoát hết. Tiếng nước nhỏ giọt rất phổ biến ở đây. Có lẽ các vị biết rằng Hagia Sophia ở bên trên những hang nước rất lớn. Có hẳn một phim tài liệu mà...”

“Đúng, đúng”, Langdon lên tiếng, “nhưng anh có biết liệu chỗ nước nghe rất rõ ở đây, tại mộ của Dandolo này, chảy tới một chỗ nào đó cụ thể không?”

“Dĩ nhiên”, Mirsat nói. “Nó chảy tới cùng chỗ mà toàn bộ nước trút xuống từ Hagia Sophia chảy tới. Đó là bể chứa của thành phố.”

“Không”, Brüder lên tiếng, chân bước qua rào chắn. “Chúng tôi không tìm kiếm bể chứa nước. Chúng tôi tìm một không gian ngầm rất lớn, có lẽ còn có cả những cột trụ nữa?”

“Đúng rồi”, Mirsat nói. “Bể chứa nước cổ của thành phố chính là nơi đó - một không gian ngầm rất lớn có cột trụ. Thực tế là rất ấn tượng. Nó được xây dựng vào thế kỷ VI để chứa nguồn cấp nước của thành phố. Còn bây giờ nó chỉ còn khoảng hơn một mét hai nước, nhưng...”

“Nó nằm ở đâu!”, Brüder hỏi, giọng anh ta vang rền trong không gian trống trải.

“Cái... bể nước hả?”, Mirsat hỏi lại, vẻ sợ hãi. “Cách đây một dãy nhà, ngay phía đông tòa nhà này.” Anh ta chỉ tay ra bên ngoài. “Nó được gọi là Yerebatan Sayari.”

Sayari sao? Langdon thắc mắc. Giống như trong Topkapi Sayari à? Tấm biển chỉ dẫn Cung điện Topkapi xuất hiện thường xuyên lúc họ lái xe tới đây.

“Thế... sayari có phải nghĩa là ‘cung điện’ không?”

Mirsat gật đầu. “Đúng vậy. Tên bể nước cổ của chúng tôi là Yerebatan Sayari. Nó có nghĩa là... cung điện chìm.”

Chương 90

Mưa bắt đầu giăng khi tiến sĩ Sinskey bắt đầu lao vọt ra khỏi Hagia Sophia cùng với Langdon, Brüder và anh chàng hướng dẫn viên Mirsat đang choáng váng của họ.

Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm, Sinskey nghĩ.

Địa điểm bể chứa nước của thành phố - Yerebatan Sayari - rõ ràng ở phía sau Giáo Đường Xanh và hơi chếch về phía bắc.

Mirsat dẫn đường.

Sinskey không còn lựa chọn nào khác là nói cho Mirsat biết họ là ai và rằng họ đang phải chạy đua để ngăn cản một cuộc khủng hoảng y tế có thể nổ ra ngay trong cung điện chìm đó.

“Lối này!”, Mirsat gọi, dẫn họ chạy men theo công viên tối om. Giờ Hagia Sophia đồ sộ như trái núi đã ở phía sau họ, và những ngọn tháp như trong truyện cổ tích của Giáo Đường Xanh lấp lánh phía trước.

Bên cạnh Sinskey, đặc vụ Brüder nói như quát vào điện thoại, cập nhật tình hình cho đội SRS và ra lệnh cho họ gặp nhau tại lối vào bể chứa nước. “Xem ra Zobrist nhắm vào nguồn cấp nước của thành phố”, Brüder nói, thờ không ra hơi. “Tôi cần giản đồ của tất cả đường ống ra-vào bể chứa. Chúng ta sẽ thực hiện quy trình ngăn chặn và cách ly hoàn toàn. Chúng ta cần các rào chắn hóa học và vật lý với chân không...”

“Đợi đã”, Mirsat gọi anh ta. “Anh hiểu nhầm tôi rồi. Bể chứa không phải là nguồn cấp nước của thành phố. Không còn chức năng ấy nữa!”

Brüder hạ điện thoại, nhìn sững người hướng dẫn. “Sao cơ?”

“Thời xưa thì bể nước là nguồn cấp nước”, Mirsat nói rõ. “Nhưng không còn thế nữa rồi. Chúng tôi đã hiện đại hóa rồi.”

Brüder dừng phất lại bên dưới tán cây, và tất cả mọi người cũng dừng lại theo.

“Mirsat”, Sinskey nói, “anh có chắc rằng không còn ai uống nước từ bể chứa không?”.

“Hoàn toàn không”, Mirsat nói. “Nước nằm nguyên dưới đó... cuối cùng tự thấm thấu vào trong đất.”

Sinskey, Langdon và Brüder cùng nhìn nhau vẻ không chắc chắn. Sinskey không biết mình cảm thấy nhẹ nhõm hay thêm hoảng. Nếu không ai thường xuyên tiếp xúc với nước thì tại sao Zobrist lại chọn đầu độc nơi đó?

“Khi chúng tôi hiện đại hóa nguồn cấp nước từ nhiều thập kỷ trước”, Mirsat giải thích, “bể chứa không còn được sử dụng nữa và trở thành một cái bể lớn trong một gian phòng ngầm dưới đất”. Anh ta nhún vai. “Còn bây giờ thì chỉ là một điểm du lịch thôi.”

Sinskey xoay người về phía Mirsat. Một điểm du lịch ư? “Khoan đã... mọi người có thể đi xuống đó à? Xuống bể nước ấy?”

“Dĩ nhiên rồi”, anh ta nói. “Có đến hàng nghìn người tham quan mỗi ngày. Hang ngầm khá ấn tượng. Có các lối đi lát ván phía trên mặt nước... và thậm chí còn có một quán cà phê nhỏ. Thông khí hơi hạn chế nên không khí khá ngột ngạt và ẩm thấp, nhưng nơi đó vẫn rất nổi tiếng.”

Sinskey nhìn sững Brüder, và bà có thể khẳng định rằng cả bà và anh chàng đặc vụ SRS được huấn luyện kỹ càng đều cùng hình dung ra một điều - một hang ngầm ẩm thấp, tối tăm toàn nước đọng trong đó có ử một thứ mầm bệnh. Con ác mộng thêm hoàn chỉnh với sự hiện diện của những lối đi lát ván nơi khách du lịch qua lại suốt ngày, ngay phía trên mặt nước.

“Hắn tạo ra một dạng thuốc phun sinh học”, Brüder tuyên bố.

“Nghĩa là sao?”, Langdon hỏi.

“Nghĩa là”, Brüder đáp, “nó có thể lan truyền trong không khí”.

Langdon im bật, và Sinskey thấy rõ lúc này anh đang hình dung mức độ ghê gớm của cuộc khủng hoảng này.

Đã có lúc trong đầu Sinskey nghĩ đến kịch bản một thứ mầm bệnh lan truyền trong không khí, nhưng khi bà tin rằng bể chứa nước chính là nguồn cung cấp nước của thành phố, bà hy vọng có lẽ Zobrist chọn một dạng bệnh lây lan theo nước. Các vi khuẩn sống trong nước rất mạnh và chống chịu được

thời tiết, nhưng chúng cũng chậm phát tán.

Các mầm bệnh dựa vào không khí lại lan truyền nhanh.

Rất nhanh.

“Nếu nó tồn tại trong không khí”, Brüder nói, “thì có khả năng là vi rút”.

Một loại vi rút, Sinskey đồng ý. Thứ mầm bệnh lây lan nhanh nhất mà Zobrist có thể lựa chọn.

Phải thừa nhận việc giải phóng một loại vi rút tồn tại trong không khí xuống nước là điều lạ thường, nhưng có điều dạng sống sinh trưởng trong chất lỏng và sau đó nở trong không khí - muối, bào tử nấm mốc, những loại vi khuẩn gây bệnh viêm phổi khuẩn, độc tố nấm, thủy triều đỏ [59], và thậm chí cả con người. Sinskey hình dung ra thứ vi rút tỏa ra khắp đầm nước trong bể chứa, và sau đó những giọt nước siêu nhỏ bị lây nhiễm bay lên trong không khí ẩm thấp.

Lúc này Mirsat trân trân nhìn một đường phố ùn tắc với vẻ lo sợ hiện rõ trên mặt. Sinskey nhìn theo ánh mắt của anh ta tới một tòa nhà thấp lát gạch trắng-đỏ có một cánh cửa mở, để lộ ra thứ trông như cầu thang. Một nhóm người ăn mặc chỉnh tề đang đứng dưới những chiếc ô che bên ngoài trong khi một nhân viên gác cửa đang kiểm tra dòng khách khứa theo lối cầu thang đi xuống dưới.

Một sàn nhảy dưới lòng đất thì phải?

Sinskey nhìn dòng chữ vàng khắc trên tòa nhà và cảm thấy ngực đột nhiên thắt lại. Sàn nhảy này được gọi là Bể chứa và được xây dựng vào năm 523 sau công nguyên, cho nên bà nhận ra tại sao Mirsat trông lo lắng như vậy.

“Cung điện chìm”, Mirsat lầm bầm. “Dường như... có một buổi hòa nhạc tối nay.”

Sinskey có vẻ hoài nghi. “Hòa nhạc trong một cái bể chứa à?”

“Đó là một không gian trong nhà rất rộng”, anh ta đáp lại. “Nó thường được sử dụng như một trung tâm văn hóa.”

Rõ ràng Brüder cũng đã nghe được đầy đủ. Anh ta lao vội về phía tòa nhà, lách qua dòng xe cộ lộn xộn trên Đại lộ Alemdar. Sinskey và những người

khác cũng vội chạy theo, bám sát gót anh chàng đặc vụ.

Khi họ đến lối vào bể chứa, khuôn cửa bị chặn bởi một nhóm người dự hòa nhạc đang đợi đến lượt vào trong - một nhóm ba phụ nữ mặc áo choàng che kín mặt, hai du khách tay nắm tay, một người đàn ông vận lễ phục. Tất cả đều túm tụm bên dưới khung cửa, cố gắng tránh nước mưa.

Sinskey nghe rõ những giai điệu du dương của một tác phẩm âm nhạc cổ điển vang lên từ bên dưới. Berlioz, bà phỏng đoán căn cứ theo cách phối âm rất đặc trưng, nhưng cho dù đó là bản gì thì cũng có cảm giác nó không thích hợp lắm trong khung cảnh những đường phố tại Istanbul này.

Khi họ đến gần cửa hơn, bà cảm nhận được một luồng hơi ấm thổi ngược lên cầu thang, từ tít sâu trong lòng đất và thoát ra từ cái hang kín mít. Luồng hơi mang theo lên mặt đất không chỉ tiếng vĩ cầm, mà cả mùi hơi ấm và mùi đám đông người không lẫn đi đâu được.

Nó còn mang tới cho Sinskey một linh tính vô cùng bất an.

Một nhóm du khách từ dưới cầu thang xuất hiện, vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ trong lúc ra khỏi tòa nhà, nhân viên gác cửa liền cho nhóm tiếp theo đi xuống.

Brüder lập tức tiến vào, nhưng nhân viên gác cửa chặn anh ta lại bằng một cái vẫy tay vui vẻ. “Một lát thôi, thưa ông. Bể chứa kín người rồi. Chưa đến một phút nữa là du khách tiếp theo ra thôi. Cảm ơn ông.”

Nhìn Brüder có vẻ sẵn sàng cố chen vào, nhưng Sinskey vẫn đặt một tay lên vai anh ta và kéo sang một bên.

“Đợi đi”, bà ra lệnh. “Nhóm của anh đang trên đường và anh không thể lung sục ở nơi thế này một mình đâu.” Bà ra hiệu về phía tấm biển trên tường bên cạnh cửa. “Bể chứa rất rộng.”

Tấm biển thông tin nói rõ về một gian phòng dưới lòng đất có kích thước bằng cả một thánh đường - gần chín nghìn ba trăm mét vuông và được chống đỡ bằng cả một khu rừng ba trăm ba mươi sáu cây cột đá cẩm thạch.

“Nhìn xem”, Langdon nói, đứng cách đó vài thước. “Các vị sẽ không tin nổi đâu.”

Sinskey quay lại. Langdon ra hiệu về phía một tấm áp phích hòa nhạc trên

tường.

Ôi, lạy Chúa lòng lành.

Giám đốc WHO đã đúng khi xác định phong cách âm nhạc là lãng mạn, nhưng tác phẩm đang được biểu diễn không phải do Berlioz biên soạn. Nó là của một nhà soạn nhạc phong cách lãng mạn khác - Franz Liszt.

Tối nay, sâu trong lòng đất, dàn nhạc Giao hưởng Bang Istanbul biểu diễn một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Liszt - Giao hưởng Dante - một tác phẩm hoàn toàn lấy cảm hứng từ cuộc du hành xuống địa ngục rồi trở về của Dante.

“Nó được trình diễn ở đây một tuần liền”, Langdon nói trong lúc chăm chú đọc tâm áp phích. “Một buổi hòa nhạc mở cửa tự do. Bên dưới ký tên một nhà tài trợ giấu tên.”

Sinskey nghĩ mình có thể đoán ra ai là nhà tài trợ giấu tên đó. Niềm đam mê kịch của Bertrand Zobrist dường như cũng là một chiến lược rất thiết thực nhưng nhân tâm. So với bình thường, tuần biểu diễn hòa nhạc miễn phí này sẽ thu hút thêm hàng nghìn du khách kéo xuống bể chứa và nhét họ vào một khu vực chật cứng, nơi họ sẽ hít thở thứ không khí bị nhiễm bệnh, sau đó quay về nhà mình cả ở đây lẫn ở nước ngoài.

“Thưa ông?”, nhân viên gác cửa gọi Brüder. “Chúng tôi có chỗ cho hai người nữa.”

Brüder quay sang Sinskey. “Gọi cho chính quyền địa phương. Cho dù tìm ra thứ gì dưới đó, chúng ta cũng vẫn cần hỗ trợ. Khi nhóm của tôi đến, bảo họ liên lạc với tôi để cập nhật tình hình. Tôi sẽ xuống dưới và xem xem liệu tôi có thể nhận ra Zobrist ém thứ này ở đâu không.”

“Không dùng mặt nạ phòng độc à?”, Sinskey hỏi. “Anh không biết chắc cái túi Solublon còn nguyên vẹn không.”

Brüder cau mày, tay giơ lên luồng khí ấm nóng phả ra khỏi cửa. “Tôi phải nói điều này, nếu thứ bệnh lây này thoát ra thì tôi đoán có lẽ tất cả mọi người trong thành phố này đều bị nhiễm rồi.”

Sinskey cũng đang nghĩ đến chính điều ấy nhưng không muốn nói ra trước mặt Langdon và Mirsat.

“Thêm nữa”, Brüder nói thêm, “tôi đã nhìn thấy chuyện gì sẽ xảy ra với đám đông khi nhóm của tôi tiến vào cùng với trang phục phòng độc. Chúng ta sẽ gặp cảnh hoảng loạn và giẫm đạp lên nhau”.

Sinskey quyết định chiều theo Brüder vì nói cho cùng, anh ta là một chuyên gia và đã ở trong những tình huống như thế này trước đó rồi.

“Lựa chọn thực tiễn duy nhất của chúng ta”, Brüder nói với bà, “là giả định rằng nó vẫn còn an toàn dưới đó, và cố gắng ngăn chặn việc này”.

“Được rồi”, Sinskey nói. “Làm đi.”

“Còn một vấn đề nữa”, Langdon xen vào. “Sienna thì sao?”

“Cô ta sao chứ?”, Brüder hỏi.

“Cho dù ý định của cô ta ở Istanbul này là gì thì cô ta cũng rất giỏi ngôn ngữ và có thể nói chuyện với một số người Thổ Nhĩ Kỳ.”

“Vậy thì sao?”

“Sienna biết bài thơ nói đến ‘cung điện bị chìm’”, Langdon nói. “Và trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, ‘cung điện bị chìm’ theo nghĩa đen chính là...” Anh chỉ về phía tấm biển YEREBATAN SAYARI phía trên khung cửa. “... đây.”

“Đúng vậy”, Sinskey mệt mỏi đồng ý. “Cô ta có thể đoán ra nơi này và đã bỏ qua Hagia Sophia.”

Brüder nhìn khuôn cửa hiu quạnh và lằm bằm rất khế. “Được thôi, nếu cô ta xuống đó và tìm cách phá vỡ cái túi Solublun trước khi chúng ta kịp bao nó lại thì ít nhất cô ta cũng chưa ở đó được lâu. Đó là một khu vực rất rộng, và có lẽ cô ta chưa biết tìm đến chỗ nào. Và có rất nhiều người ở xung quanh, nên cô ta không thể nhảy ùm xuống nước mà không bị chú ý.”

“Thưa ông?”, nhân viên canh cửa lại gọi Brüder. “Ông có muốn vào bây giờ không?”

Brüder nhìn thấy một nhóm người đi dự hòa nhạc nữa đang từ bên kia phố tiến sang, nên gật đầu với nhân viên canh cửa ra ý rằng anh ta đến ngay.

“Tôi sẽ đi cùng anh”, Langdon nói và đi theo.

Brüder xoay lại và đối diện với anh. “Chẳng để làm gì đâu.”

Giọng Langdon rất cương quyết. “Đặc vụ Brüder, một trong những lý do chúng ta ở trong tình thế này là vì Sienna Brooks đã dắt mũi tôi suốt cả ngày nay. Và như anh nói, có thể tất cả chúng ta đều đã bị nhiễm bệnh rồi. Tôi sẽ giúp anh cho dù anh có thích hay không.”

Brüder nhìn anh một lúc rồi dịu lại.

Khi vượt qua ngưỡng cửa và bắt đầu đi xuống cầu thang khá dốc theo sau Brüder, Langdon cảm thấy luồng hơi ẩm thổi qua họ từ rất sâu dưới bề chứa. Luồng khí ẩm thấp mang theo nó những giai điệu bản Giao hưởng Dante của Liszt cũng như một thứ mùi quen thuộc nhưng khó tả - thứ mùi của rất nhiều người chen chúc nhau trong một không gian kín mít.

Langdon bỗng cảm thấy có một tấm màn ma quái vây phủ lấy mình, như thể những ngón tay rất dài của một bàn tay vô hình đang vươn lên từ mặt đất và sờn nắn da thịt anh.

Âm nhạc.

Dàn hợp xướng giao hưởng - với một trăm giọng hát - lúc này đang trình bày một đoạn nổi tiếng, đọc rành rẽ từng âm tiết trong lời văn u sầu của Dante.

“Lasciate ogne speranza”, họ cất tiếng hát vang, “voi ch’entrate”.

Sáu từ này - chính là dòng thơ nổi tiếng nhất trong toàn bộ phần Hỏa ngục của Dante - vang lên từ tít phía dưới cầu thang chẳng khác gì mùi tử khí đáng sợ.

Kèm theo tiếng kèn cùng tù và vút cao, dàn hợp xướng lại ngân nga lời cảnh báo ấy. “Lasciate ogne speranza voi ch’entrate!”

Vứt bỏ mọi hy vọng, những kẻ bước vào đây!

Chương 91

Ngập trong thứ ánh sáng màu đỏ, cái hang ngậm âm vang những tiếng nhạc đầy hơi hướng địa ngục - những giọng hát rền rĩ, tiếng dây đàn chói tai, và tiếng trống trầm đục, vang vọng khắp hang như một cơn địa chấn nhẹ.

Theo những gì Langdon nhìn thấy trong tầm mắt, thì nền của cái thế giới ngầm này là một màn nước trong vắt - tối tăm, tĩnh tại, phẳng lặng - giống như lớp băng màu đen ở một hồ nước đóng băng tại New England.

Cái đèn không hề phản chiếu ánh sao.

Nhô lên khỏi mặt nước là hàng trăm cột trụ Doric vững chãi được bố trí kỹ càng thành những hàng lối đường như bất tận, vươn cao đến hơn chín mét để đỡ phần trần uốn vòm cung của lòng hang. Các cột trụ được rọi từ bên dưới nhờ hàng loạt bóng đèn rọi sắc đỏ, tạo thành một cánh rừng siêu thực với những thân cây được chiếu sáng chạy hút vào bóng tối, tựa như một dạng ảo ảnh qua gương.

Langdon và Brüder dừng lại ở chân cầu thang, đứng ngây một lúc ở ngưỡng cửa trước khi tiến vào khoảng không gian trước mặt. Đường như chính lòng hang cũng tỏa ra một thứ sắc đỏ, và khi quan sát xung quanh, Langdon nhận thấy mình đang cố gắng hít thở nhẹ nhàng hết sức.

Không khí dưới này nặng nề hơn anh tưởng.

Langdon nhìn thấy đám đông cách đó một quãng bên tay trái họ. Buổi hòa nhạc đang diễn ra tít sâu trong không gian ngầm này, ở quãng giữa khoảng cách tới bức tường bên kia, và khán giả đều ngồi trên những cái bục. Vài trăm khán giả ngồi thành những vòng tròn đồng tâm được bố trí xung quanh dàn nhạc trong khi có khoảng một trăm người khác đang đứng ở vòng ngoài. Vẫn có thêm những người ở các vị trí bên ngoài, trên những lối đi lót ván gàn đó, tựa người vào hàng rào chắn vững chãi và chăm chú nhìn xuống nước trong lúc lắng nghe tiếng nhạc.

Langdon đưa mắt nhìn khắp lượt những cái bóng vô định hình, mắt anh cố tìm kiếm Sienna. Không nhìn thấy cô ở đâu cả. Thay vào đó, anh thấy những bóng người mặc áo đuôi tôm, áo choàng dài, bisht của người Ả Rập, áo che mặt của người Hồi giáo, và thậm chí cả những du khách mặc quần cộc và áo lạnh cộc tay. Cảnh tượng nhiều người tụ lại trong thứ ánh sáng màu đỏ đối với Langdon giống như những người tham dự một nghi thức tế lễ huyền bí nào đó.

Nếu Sienna ở dưới này, anh nhận ra như vậy, thì gần như không thể nào phát hiện ra cô ấy.

Đúng lúc đó, một người đàn ông bệ vệ đi qua họ, len lên cầu thang, ho sặc sụa. Brüder quay phắt lại và nhìn theo người đó, chăm chú quan sát anh ta.

Langdon cảm thấy hơi ngột ngạt ở trong cỗ hòng nhưng tự nhủ đó chỉ là do tưởng tượng.

Lúc này Brüder quả quyết bước lên lối đi lát ván, đưa mắt nhìn vô số khả năng lựa chọn của họ. Lối đi trước mặt họ chẳng khác gì lối vào mê cung của quái vật đầu bò Minotaur. Lối đi lát ván duy nhất nhanh chóng chia làm ba ngã, từng ngã lại tiếp tục chia nhánh, tạo thành một mê cung lơ lửng trên mặt nước, luôn lách qua những cột trụ và chạy hút vào trong bóng tối.

Mình đang ở trong một khu rừng tối tăm, Langdon nghĩ thầm, nhớ đến khổ thơ đầu tiên trong kiệt tác của Dante, vì cái lối đi dễ thấy đã mất dấu rồi.

Langdon ngó qua hàng rào chắn của lối đi, nhìn xuống nước. Nước sâu đến hơn một mét và trong đến kỳ lạ. Có thể nhìn rõ nền lát đá, phủ một lớp bùn mịn.

Brüder nhìn nhanh xuống dưới, bật ra tiếng lầm bầm không rõ thái độ cụ thể, và sau đó lại đưa mắt về phía gian phòng. “Anh có nhìn thấy gì giống như khu vực trong đoạn video của Zobrist không?”

Tất cả mọi thứ, Langdon nghĩ, mắt quan sát những bức tường trơn trượt, ẩm ướt xung quanh họ. Anh ra hiệu về góc hang xa nhất, tí bên phải, cách biệt hẳn với khu sân khấu hòa nhạc đông nghịt. “Tôi đoán ở đâu đó phía sau kia.”

Brüder gật đầu. “Trực giác tôi cũng mách bảo như vậy.”

Hai người vội vã bám theo lối đi lát ván, men theo ngã bên phải dẫn họ rời xa đám đông về hướng xa nhất của cung điện chìm.

Trong lúc họ di chuyển, Langdon nhận ra việc ẩn náu qua đêm tại nơi này mà không bị phát hiện thật quá dễ dàng. Zobrist có thể đã làm như vậy để thực hiện đoạn video của mình. Dĩ nhiên, nếu hắn đã hào phóng đứng tên tổ chức chương trình hòa nhạc dài cả tuần này thì hắn cũng có thể đề nghị được sử dụng một khoảng thời gian riêng tư ngay trong bể chứa.

Chuyện đó không còn thành vấn đề nữa.

Giờ Brüder sải bước nhanh hơn, như thể đang vô thức bắt theo nhịp độ của bản giao hưởng lúc này đã tăng tốc thành cả loạt quãng lửng bán cung thấp dần.

Dante và Virgil đi xuống địa ngục.

Langdon chăm chú nhìn khắp lượt những bức tường rêu trơn trượt phía xa bên phải họ, cố gắng so sánh những gì họ đã thấy trong đoạn video. Đến mỗi ngã ba mới, họ đều rẽ sang phải, di chuyển rời xa đám đông thêm nữa, tiến về góc xa nhất của cái hang. Langdon ngoái nhìn lại và vô cùng kinh ngạc trước quãng đường mà họ đã đi.

Giờ họ đi rảo chân hơn, vượt qua một vài khách tham quan đang đi vãn vơ, họ càng tiến vào sâu, số người lại càng thưa dần cho đến khi chẳng còn ai.

Chỉ còn lại Brüder và Langdon.

“Nhìn chỗ nào cũng giống nhau”, Brüder tỏ vẻ thất vọng. “Chúng ta bắt đầu từ đâu đây?”

Langdon cũng chung tâm trạng. Anh còn nhớ rất rành rẽ đoạn video, nhưng dưới này chẳng có gì làm đặc điểm nhận diện cả.

Langdon đọc kỹ những tấm biển thông tin có đèn chiếu sáng được bố trí từng quãng dọc lối đi trong lúc họ di chuyển về phía trước. Một tấm biển ghi rõ không gian này có sức chứa gần tám mươi nghìn mét khối. Một tấm biển khác cho biết có một cây trụ không đồng bộ vì được đoạt về từ một công trình gần đó trong quá trình xây dựng. Và còn một tấm biển khác nữa vẽ một hình chạm cổ giờ đã mờ không còn nhìn rõ nữa - đó là biểu tượng Mắt Gà Nhỏ Lệ - khóc thương cho tất cả những nô lệ đã bỏ mình trong quá trình xây dựng bể chứa này.

Rất lạ là có một tấm biển chỉ vồn vện có một từ duy nhất khiến Langdon dừng sững lại.

Brüder cũng dừng bước, quay trở lại. “Có chuyện gì sao?”

Langdon chỉ tay.

Trên tấm biển, kèm theo một mũi tên chỉ phương hướng, là tên của một yêu nữ đáng sợ - một con quái vật khét tiếng.

MEDUSA ⇒

Brüder đọc tấm biển rồi nhún vai. “Thì sao chứ?”

Tim Langdon đập rộn lên. Anh biết Medusa không chỉ là con quỷ có tóc là những con rắn đáng sợ, với cái nhìn có khả năng biến bất kỳ ai nhìn nó hóa

thành đá, mà còn là một nhân vật nổi bật trong hệ thống yêu thần sống trong lòng đất của Hy Lạp - một nhóm đặc biệt thường được biết đến như là những quái vật địa phủ.

Hãy lần sâu vào tòa cung điện bị chìm...

vì ở đây, trong bóng tối, con quái vật chôn địa phủ chờ đợi...

Ả đang chỉ lối, Langdon nhận ra như vậy, và vùng chạy dọc theo lối đi lót ván. Bruder khó khăn lắm mới bắt kịp Langdon trong khi chạy ngoằn ngoèo khuất vào bóng tối, theo đúng những tấm biển mà chỉ dẫn tới chỗ Medusa. Cuối cùng, anh tới một lối cụt chỗ một sàn quan sát nhỏ, gần móng bức tường tận cùng bên phải của bể chứa.

Ở đó, trước mắt anh là một cảnh tượng lạ thường.

Vọt lên khỏi mặt nước là một khối cẩm thạch đồ sộ đã được đục đẽo - chính là đầu Medusa - với mái tóc chính là những con rắn quấn quai. Sự hiện diện của ả ở đây càng kỳ quái hơn nữa vì cái đầu ả được đặt xoay ngược trên cổ.

Đảo ngược như kẻ bị đầy đọa, Langdon nhận ra như vậy, trong đầu lại hình dung ra bức Vực Địa Ngục của Botticelli và những kẻ tội đồ bị xoay ngược đầu mà ông đã đưa vào rãnh quỹ Malebolge.

Bruder hỗn hển đến bên cạnh Langdon chỗ rào chắn, nhìn sững chiếc đầu lộn ngược của Medusa với nét mặt sững sốt.

Langdon ngờ rằng cái đầu chạm khắc này, hiện có chức năng như chân đế đỡ lấy một chiếc cột, có lẽ được đoạt về từ một nơi nào đó khác và sử dụng ở đây như một hạng mục cung ứng xây dựng không mấy tốn kém. Lý do tu thế đảo ngược của Medusa chắc chắn là do niềm tin có phần mê tín rằng việc xoay ngược như vậy sẽ tước bỏ quyền năng hắc ám của ả. Mặc dù vậy, Langdon vẫn không thể nào xua tan được những ý nghĩ đầy ám ảnh đang dồn dập tấn công anh.

Hỏa ngục của Dante. Đoạn cuối. Trung tâm trái đất. Nơi trọng lực đảo ngược. Nơi lên biến thành xuống.

Lúc này anh thấy nổi gai ốc với lời tiên tri, anh nheo mắt nhìn qua làn hơi nước đỏ ngầu xung quanh cái đầu chạm khắc kia. Phần lớn mái tóc rắn của Medusa ngập chìm trong nước, nhưng đôi mắt của ả thì ở trên mặt nước, ngoảnh sang trái, đăm đăm nhìn qua đám nước.

Đây sợ hãi, Langdon nhòai người ra ngoài rào chắn và ngoái đầu, đưa mắt dõi theo ánh mắt của bức tượng về phía góc tường trông trơn khá quen của tòa cung điện chìm.

Trong khoảnh khắc, anh biết rõ.

Đây chính là vị trí cần tìm.

Điểm không bề mặt của Zobrist.

Chương 92

Đặc vụ Brüder rón rén cúi người, lách qua bên dưới rào chắn và thả người xuống đầm nước sâu tới ngực. Khi cảm giác lạnh lạnh của nước thấm qua quần áo, các cơ của anh ta căng lên để chống lại. Sàn bể chứa trơn nhầy dưới đế giày ủng của anh ta, nhưng rất chắc chắn. Anh ta đứng yên một lúc để đánh giá tình hình, quan sát những vòng tròn nước đồng tâm từ chỗ cơ thể mình lăn tăn loang ra khắp đầm nước như những đợt sóng xung kích.

Brüder nín thở một lúc. Di chuyển thật chậm, anh ta tự nhủ. Không gây xáo động.

Trên lối đi lát ván phía trên, Langdon đứng bên rào chắn, quét mắt khắp những lối đi xung quanh.

“Ồn cả”, Langdon thì thào. “Không ai thấy chúng ta.”

Brüder xoay người và nhìn chiếc đầu to tướng chổng ngược của Medusa được chiếu sáng bằng một ngọn đèn rọi đỏ rực. Lúc này khi Brüder đã xuống ngang với nó, trông con quái vật bị xoay đầu càng to lớn hơn.

“Cứ bám theo ánh mắt của Medusa qua bên kia đầm”, Langdon thì thào. “Zobrist rất giỏi về biểu tượng và kịch nghệ... Tôi sẽ không lấy làm lạ nếu hắn bố trí công trình của hắn đúng trên trục ánh mắt chết người của Medusa.”

Những ý tưởng lớn suy nghĩ giống nhau. Brüder thầm cảm ơn vì vị giáo sư người Mỹ đã khẳng khẳng đòi xuống đây cùng anh ta. Kiến thức chuyên môn của Langdon đã dẫn dắt họ tới góc bể chứa hỏ lánh này gần như ngay lập tức.

Trong khi những giai điệu của bản Giao hưởng Dante tiếp tục ngân nga phía xa thì Brüder rút chiếc đèn bút máy chống nước hiệu Tovatec của mình ra và nhúng sâu xuống nước, bật công tắc lên. Một quầng sáng halogen rục rờ xuyên qua nước, soi sáng phần sàn bể chứa trước mắt anh ta.

Bình tĩnh, Brüder tự nhủ. Không được gây xáo động một thứ gì.

Không nói thêm một lời, anh ta bắt đầu thận trọng thực hiện lộ trình của mình vào sâu trong đầm nước, chậm rãi lội, di chuyển cây đèn pin của mình tới lui nhịp nhàng, giống như một chuyên gia dò mìn dưới nước.

Bên rào chắn, Langdon bắt đầu thấy cổ họng căng cứng rất đáng ngại. Không khí trong bể chứa, mặc dù ẩm ướt, nhưng lại thiếu vị tanh và thiếu dưỡng khí. Trong khi Brüder thận trọng lội sâu vào đầm nước, vị giáo sư tự trấn an mình rằng mọi thứ sẽ ổn thỏa.

Chúng ta đã đến kịp lúc.

Tất cả vẫn còn nguyên.

Nhóm của Brüder có thể chặn được thứ này lại.

Cho dù vậy, Langdon vẫn cảm thấy rất bồn chồn. Là người suốt đời mang chứng sợ không gian kín, anh biết trong bất kỳ hoàn cảnh nào mình cũng đều rất bồn chồn khi ở dưới này. Cảm giác gì đó về hàng nghìn tấn đất đá lơ lửng trên đầu, không có thứ gì chống đỡ ngoài những cây cột cũ kỹ.

Anh cố xua ý nghĩ đó ra khỏi đầu và liếc nhìn lại đằng sau xem có ai chú ý đến họ không đúng lúc không.

Chẳng có gì.

Những người duy nhất ở gần đó đều đang đứng trên những lối đi khác, và họ đều nhìn theo hướng ngược lại, về phía dàn nhạc. Dường như không ai chú ý đến Brüder đang từ từ di chuyển trong nước ở góc bể chứa sâu tít này.

Langdon đưa mắt về phía đội trưởng đội SRS, với chùm ánh sáng halogen chìm dưới nước vẫn đang đưa trước mặt, soi sáng đường đi.

Langdon chăm chú nhìn, và chợt nhận ra có sự chuyển động bên trái - một cái bóng đen đúa đáng ngại đang trôi lên khỏi mặt nước ngay trước mặt Brüder. Langdon xoay người và dăm dăm nhìn vào khoảng tối om, cho rằng

mình sẽ nhìn thấy một giống thủy quái nào đó trồi lên từ dưới nước.

Brüder dừng phất lại, rõ ràng cũng đã nhìn thấy thứ đó.

Ở góc phía xa, một hình thù đen đúa chồm vờn nhô cao khoảng chín mét trên tường. Cái bóng ma quái đó trông khá giống cái bóng của vị bác sĩ dịch hạch xuất hiện trong đoạn video của Zobrist.

Nó là một cái bóng, Langdon nhận ra và thở phào. Bóng của Brüder.

Cái bóng xuất hiện khi Brüder di chuyển qua một chiếc đèn rọi chìm vào trong đầm nước, và dường như nó đúng y cái bóng Zobrist trong đoạn video.

“Chính là vị trí đó”, Langdon gọi Brüder. “Anh tới gần rồi đây.”

Brüder gật đầu và tiếp tục nhích dần tới trong đầm. Langdon di chuyển men theo rào chắn, ở vị trí ngang với anh ta. Khi anh chàng đặc vụ tiến xa dần, Langdon lại liếc nhanh về phía dàn nhạc để đảm bảo rằng Brüder không bị chú ý.

Không có gì cả.

Lúc đưa mắt trở lại đầm nước, mắt Langdon thoáng bắt được một vệt sáng phản chiếu trên lối đi dưới chân.

Anh nhìn xuống và thấy một vũng nhỏ chất lỏng màu đỏ.

Máu.

Lạ thay, chính Langdon lại đang đứng trong cái vũng ấy.

Không lẽ mình đang chảy máu?

Langdon không hề thấy đau, nhưng anh vội vàng kiểm tra khắp người xem có vết thương hay phản ứng gì bất thường trước một thứ độc tố vô hình trong không khí hay không. Anh kiểm tra cả mũi, các móng tay, và tai xem có bị xuất huyết không.

Không tìm thấy chỗ nào chảy máu, Langdon nhìn xung quanh để khẳng định rằng thực tế anh chỉ có một mình trên lối đi vắng vẻ này.

Langdon nhìn xuống vũng nước lần nữa, và lần này anh nhận ra một vệt

nước nhỏ xíu đang chảy theo lối đi và đọng lại ở chỗ trũng dưới chân anh. Dường như thứ chất lỏng màu đỏ đang từ chỗ nào đó phía trước chảy tới và dồn xuống chỗ thấp trên lối đi.

Phía trên kia có người bị thương, Langdon cảm thấy như vậy. Anh liếc nhanh ra chỗ Bröder lúc này đang đến gần trung tâm đầm nước.

Langdon sai bước nhanh trên lối đi, lần theo vệt nước. Khi anh tiến về phía lối cụt, vệt nước nhìn to hơn, đang chảy tràn tự do. Thế này là thế quái nào? Đến vị trí này, nó biến thành cả một dòng nước nhỏ. Anh rảo chân thêm, lần theo thứ chất lỏng đang chảy tràn tới tận tường, nơi lối đi đột ngột kết thúc.

Lối cụt.

Trong khoảng tối tăm, anh thấy một bể nước lớn sóng sánh sắc đỏ, như thể ai đó vừa bị giết ở đây.

Vào khoảnh khắc nhìn thấy thứ chất lỏng màu đỏ ấy tràn qua lối đi, nhỏ giọt xuống bể chứa, Langdon nhận ra phán đoán ban đầu của mình là sai lầm.

Không phải máu.

Ánh đèn đỏ của cái không gian rộng lớn này, kết hợp với sắc đỏ của lối đi lát ván, đã tạo ra ảo giác, khiến cho những vệt nước này có sắc đỏ thẫm.

Nó chỉ là nước.

Thay vì mang lại cảm giác nhẹ nhõm, phát hiện đó khiến anh sợ đến đờ đẫn. Anh dăm dăm nhìn xuống vũng nước, lúc này còn thấy cả những vệt nước bắn lên lan can và những dấu chân.

Có người từ dưới nước leo lên ở đây.

Langdon xoay người gọi Bröder, nhưng anh cách quá xa và tiếng nhạc đang đến đoạn hòa âm của kèn và trống. Đỉnh tai nhức óc. Langdon bỗng cảm thấy bên cạnh mình có người.

Không chỉ có riêng mình ở chỗ này.

Bằng động tác rất chậm rãi, Langdon xoay người về phía bức tường nơi kết thúc lối đi lát ván. Cách đó khoảng ba mét, trong bóng tối, anh nhận ra một khối tròn lẳn, giống như một tảng đá lớn phủ áo choàng đen, ướt sũng nước

chảy tong tong. Cái khối đó bất động.

Và sau đó nó cử động.

Cái khối kéo dài ra, cái đầu không rõ nét của nó ngóc lên.

Một người thu mình trong một tấm áo choàng phụ nữ Hồi giáo màu đen, Langdon nhận ra ngay.

Thứ trang phục che kín cơ thể truyền thống của người Hồi giáo ấy không để hở da thịt, nhưng khi cái đầu đã bật kín mặt xoay về phía Langdon, hai con mắt đen hiện ra, trừng trừng nhìn qua khe hở hẹp của phần mũ che mặt, khóa chặt lấy mắt của Langdon.

Trong khoảnh khắc, anh đã hiểu.

Sienna Brooks bật dậy từ chỗ nấp của mình. Cô bung người, tăng tốc chạy thật nhanh, xô mạnh làm anh ngã xuống sàn rồi chạy vụt theo lối đi lót ván.

Chương 93

Trong đầm nước ngoài kia, đặc vụ Brüder đã dừng lại. Quầng sáng halogen từ chiếc đèn bút Tovatec của anh ta vừa lướt qua một vệt kim loại sáng ở phía trước, trên nền bề chừa.

Gần như nín thở, Brüder nhẹ bước lại gần hơn, thận trọng không gây ra bất kỳ xáo trộn gì trong nước. Qua mặt nước trong veo, giờ anh có thể nhận ra một hình chữ nhật sáng loáng bằng titan, được bắt vít xuống sàn.

Tám biển của Zobrist.

Nước trong đến mức anh ta gần như có thể đọc được con số chỉ ngày mai và dòng chữ đi kèm:

TẠI NƠI NÀY, VÀO NGÀY NÀY,

THẾ GIỚI THAY ĐỔI MÃI MÃI.

Xem nào, Brüder trầm ngâm, trong lòng thấy tự tin hơn hẳn. Chúng ta vẫn còn vài giờ để ngăn chặn thứ này trước ngày mai.

Nhớ lại đoạn video của Zobrist, Brüder nhẹ nhàng nhích quầng sáng đèn pin sang bên trái tấm biển để tìm cái túi Solublon đã được cột lại. Khi quầng sáng soi tỏ vùng nước tối tăm, Brüder căng mắt nhìn đầy hoang mang.

Không có cái túi.

Anh ta di chuyển quầng sáng nhích thêm sang trái, tới đúng vị trí nơi cái túi xuất hiện như trong đoạn video.

Vẫn không thấy gì cả.

Nhưng... đúng chỗ này mà!

Brüder nghiến chặt răng trong khi quả quyết bước gần thêm một bước, từ từ quét quầng sáng đèn quanh toàn bộ khu vực.

Không hề có cái túi. Chỉ có tấm biển.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đầy hy vọng, Brüder tự hỏi phải chăng mỗi đe dọa này, giống như nhiều thứ khác hiện nay, chẳng là gì hơn ngoài một vỏ lừa.

Phải chăng tất cả chỉ là một trò đùa ác ý?!

Phải chăng Zobrist chỉ muốn dọa chúng ta?!

Bên trái tấm biển, khó khăn lắm mới nhìn thấy trên nền đầm nước, có một sợi dây mềm oặt. Cái sợi dây èo uột trông chẳng khác gì một con sâu không còn sinh khí chìm trong nước. Ở đầu kia của sợi dây là một cái móc nhựa nhỏ xíu vẫn còn dính lại một ít nhựa Solublon.

Brüder nhìn sững tàn tích còn lại của cái túi trong suốt. Nó dính vào đầu sợi dây giống như nút thắt của một quả bóng bay đã bị vỡ.

Sự thật từ từ thấm vào gan ruột anh ta.

Chúng ta đã quá muộn.

Anh ta hình dung ra cảnh cái túi chìm trong nước tan dần và vỡ bung, phát tán thứ chất chết người chứa bên trong vào nước và sủi bọt lên mặt đầm.

Bằng một ngón tay run run, anh ta tắt đèn pin và đứng một lúc trong bóng

tôi, cố gắng lấy lại tinh thần.

Những ý nghĩ trong đầu nhanh chóng biến thành lời cầu khẩn.

Chúa giúp chúng con.

“Đặc vụ Brüder, nói lại xem!”, Sinskey hét lên trong bộ đàm, đang len được nửa đường xuống cầu thang đi vào bể chứa, cố gắng nhích đến chỗ nhận sóng tốt hơn. “Tôi không nghe rõ!”

Luồng hơi ẩm phả qua mặt bà, ngược theo cầu thang lên phía khung cửa mở rộng phía trên. Bên ngoài, nhóm SRS đã đến và các thành viên đang chuẩn bị sẵn sàng phía sau tòa nhà, cố gắng không để công chúng nhìn thấy những dụng cụ phòng độc trong lúc đợi tiếp nhận thông tin đánh giá tình hình của Brüder.

“... cái túi đã vỡ...” Tiếng Brüder lạo xạo trong bộ đàm của Sinskey. “... và ... đã phát tán.”

Cái gì?! Sinskey cầu nguyện rằng mình đang hiểu nhầm trong lúc lạp vội xuống cầu thang. “Nhắc lại xem!”, bà ra lệnh, tiến gần xuống chân cầu thang, nơi tiếng nhạc càng to hơn.

Lần này giọng Brüder rõ hơn. “... và tôi nhắc lại... chất lây bệnh đã bị phát tán!”

Sinskey lão đảo lao về phía trước, gần như ngã nhào vào lối dẫn tới bể chứa ở chân cầu thang. Sao có thể như thế được?!

“Cái túi đã tan ròi”, giọng Brüder vang lên rất to. “Chất lây bệnh đã hòa vào nước!”

Mồ hôi lạnh túa ra khắp người khi tiến sĩ Sinskey ngược nhìn lên và cố gắng nắm bắt thế giới dưới lòng đất đang ở ngay trước mắt mình. Qua màn hơi đỏ ngầu, bà nhìn thấy một vùng nước rộng với hàng trăm cây cột trụ. Tuy nhiên, trên hết, bà nhìn thấy những con người.

Hàng trăm người.

Sinskey nhìn sững đám đông vẫn chưa hay biết gì, tất cả đều bị nhốt trong cái bẫy chết người dưới lòng đất của Zobrist. Bà phản ứng theo bản năng. “Đặc vụ Brüder, lên ngay lập tức. Chúng ta sẽ bắt đầu sơ tán mọi người

ngay.”

Brüder trả lời ngay tức thì. “Tuyệt đối không! Đóng chặt cửa lại! Không ai được ra khỏi đây!”

Là giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới, Elizabeth Sinskey đã quen với việc mệnh lệnh của bà được thi hành mà không ai chắt vắn gì. Nhất thời, bà nghĩ bà hiểu sai những lời của đội trưởng SRS. Đóng chặt cửa ư?!

“Tiến sĩ Sinskey!”, Brüder hét át cả tiếng nhạc. “Bà có nghe rõ tôi không?! Đóng hết các cửa lại!”

Brüder nhắc lại yêu cầu, nhưng không cần thiết nữa. Sinskey đã biết rằng anh ta nói đúng. Khi đương đầu với một đại dịch tiềm tàng, ngăn chặn là lựa chọn khả dĩ duy nhất.

Sinskey đưa tay lên và cầm chiếc bùa bằng đá lam ngọc của mình. Hy sinh vài người để cứu nhiều người. Với vẻ đầy quyết tâm, bà giơ bộ đàm lên môi. “Xác nhận, Đặc vụ Brüder. Tôi sẽ ra lệnh đóng chặt cửa.”

Sinskey vừa định quay người rời khỏi cái bể chứa hải hùng này và ra lệnh phong tỏa khu vực thì bà cảm thấy trong đám đông có sự chuyển biến đột ngột.

Cách đó không xa, một phụ nữ mặc áo choàng che mặt màu đen đang len nhanh về phía bà, men theo một lối đi chật cứng người, dùng tay gạt phẳng mọi người để tìm lối thoát. Người phụ nữ che mặt dường như đang tiến thẳng về phía Sinskey và lối ra.

Cô ta đang bị truy đuổi, Sinskey nhận ra như vậy và nhìn thấy một người đàn ông chạy phía sau.

Rồi Sinskey cứng đờ người. Đó là Langdon!

Mắt Sinskey lia trở lại người phụ nữ khoác áo choàng, lúc này đang tiến lại rất nhanh và đang hét âm ỉ điều gì đó bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ cho tất cả những người ở trên lối đi. Sinskey không biết tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng qua phản ứng hốt hoảng của mọi người, tiếng hô của người phụ nữ kia rất giống như tiếng hô “cháy!” trong một rạp hát đông người.

Cơn hoảng loạn lan nhanh khắp đám đông, và đột nhiên không chỉ người phụ nữ che mặt và Langdon đang phăm phăm lao tới chỗ cầu thang nữa. Tất

cả mọi người.

Sinskey xoay lưng nhìn cảnh tượng giẫm đạp đang sắp diễn ra và bắt đầu hét một cách tuyệt vọng với nhóm của mình ở phía trên.

“Đóng cửa lại!” Sinskey hét lên. “Phong tỏa bể chứa! NGAY LẬP TỨC!”

Lúc Langdon lặn qua góc tường để lao vào khu vực cầu thang, Sinskey đang lên được nửa chừng, cố leo lên mặt đất, cuống cuống ra lệnh đóng cửa. Sienna Brooks bám sát sau bà, cố đánh vật với chiếc áo choàng ướt nhẹp, nặng trĩu trong lúc ị ạch leo lên cầu thang.

Langdon sai bước đằng sau họ, cảm nhận rõ cả một đám đông những người dự hòa nhạc đang hoảng loạn ùa theo sau anh.

“Chặn lối ra!”, Sinskey lại hét lên.

Cặp chân dài của Langdon giúp anh vọt lên ba bậc mỗi lần, dần bắt kịp Sienna. Phía trên anh nhìn thấy những cánh cửa đôi nặng nề của bể chứa bắt đầu đóng lại.

Quá chậm.

Sienna vượt qua Sinskey, tóm lấy vai bà và dùng nó như một đòn bẩy để vọt lên trước, lao nhanh về phía lối ra. Sinskey loạng choạng khuỵu xuống, chiếc bùa yêu quý của bà đập mạnh xuống bậc thang xi măng và vỡ đôi.

Langdon phải cố kìm bản năng dừng lại để giúp người phụ nữ bị ngã. Thay vào đó, anh vọt qua bà, chạy nhanh lên chiếu nghỉ trên cùng.

Sienna chỉ còn cách vài thước, gần như đã trong tầm với, nhưng cô đã tới được chiếu nghỉ, và những cánh cửa đóng không đủ nhanh. Không chút chậm trễ, Sienna nghiêng thân hình mảnh mai của mình và lách qua khe hở hẹp.

Cô lọt được nửa người qua cửa thì chiếc áo choàng mắc phải then cửa, khiến cô chững lại, kẹt cứng giữa cửa, dù chỉ còn vài phân nữa là thoát ra. Trong lúc cô cố vùng vẫy để thoát, tay Langdon đã vươn tới và tóm chặt lấy chiếc áo choàng. Anh giữ chặt, kéo lại, cố gắng lôi cô vào trong, nhưng cô vùng vẫy điên cuồng, và đột nhiên Langdon chỉ còn giữ được một đồng vải ướt rượt.

Cánh cửa đóng sầm lại, suýt kẹp đứng tay Langdon. Chiếc áo mắc lại giờ vướng ngay khuôn cửa, khiến cho những người bên ngoài không tài nào đóng hẳn cửa lại được.

Qua khe hở, Langdon nhìn thấy Sienna lao vọt qua một đường phố đông đúc, cái đầu tròn lóc của cô lấp loáng trong ánh đèn đường. Cô vẫn mặc đúng chiếc áo len và quần bò xanh cô mang trên người cả ngày, và Langdon đột nhiên có cảm giác bị phản bội ghê gớm.

Cái cảm giác đó chỉ kéo dài trong khoảnh khắc. Một sức đẩy đột ngột và mạnh mẽ xô Langdon dính chặt vào cửa.

Đám đông hỗn loạn đã đến sát sau anh.

Cả cầu thang ầm ầm những tiếng la hét hoảng loạn và ngỡ ngác, trong khi những âm thanh của dàn nhạc giao hưởng biến thành một mớ tạp âm hỗn loạn phía dưới. Langdon cảm nhận rõ sức ép trên lưng tăng dần khi chỗ tắc nghẽn thêm đông người. Lồng ngực của anh bắt đầu thấy đau nhói khi bị ép chặt vào cửa.

Rồi cánh cửa bật tung, và Langdon bị xô văng ra đường phố ban đêm chẳng khác gì một chiếc nút bật ra khỏi chai sâm panh. Anh loạng choạng trên vỉa hè, gần như ngã vật xuống phố. Phía sau anh, cả biển người ào ra như đàn kiến chạy trốn khỏi cái tổ bị nhiễm độc.

Các đặc vụ SRS, nghe thấy tiếng hỗn loạn, lúc này mới từ phía sau tòa nhà xuất hiện. Đồ nghề cùng mặt nạ phòng độc của họ càng làm tình trạng hoảng loạn gia tăng.

Langdon xoay người và nhìn sang bên kia phố tìm kiếm Sienna. Tất cả những gì anh nhìn thấy chỉ là phương tiện giao thông, ánh đèn và vẻ ngỡ ngác của người dân.

Nhưng chỉ trong chớp mắt, trên phố phía trái anh, một cái đầu tròn lóc bắt đèn nhá lên trong đêm, đang len lỏi trên vỉa hè đông đúc và biến mất ở một góc phố.

Langdon tuyệt vọng nhìn lại phía sau, cố tìm Sinskey, hay cảnh sát, hay một đặc vụ SRS không mặc bộ đồ phòng độc kèn càng.

Chẳng có ai cả.

Langdon biết anh phải tự mình hành động.

Không chút chần chừ, anh vọt theo Sienna.

Tít bên dưới, ở nơi sâu nhất của bể chứa, đặc vụ Bruder đứng một mình trong vùng nước sâu tới thắt lưng. Những âm thanh hỗn loạn vang vọng trong bóng tối khi những du khách và nhạc công hoảng loạn chen nhau tìm đường ra phía lối thoát và biến mất trên cầu thang.

Chẳng thể đóng cửa được nữa, Bruder hải hùng nhìn ra như vậy. Ngăn chặn không thành công rồi.

Chương 94

Robert Langdon không phải vận động viên chạy, nhưng nhiều năm bơi lội giúp anh có đôi chân cứng cáp, và có thể rải những bước chân rất dài. Anh đến góc phố chỉ trong vài giây và vòng qua đó, thấy mình đã đứng trên một đại lộ rộng rãi hơn. Mắt anh vội quét khắp các vỉa hè dành cho người đi bộ.

Cô ta dứt khoát phải ở đây!

Mưa đã tạnh, và từ góc phố này, Langdon có thể thấy rõ toàn bộ đường phố đèn đuốc sáng trưng. Không có chỗ nào để ẩn nấp cả.

Nhưng dường như Sienna đã biến mất.

Langdon dừng lại, tay chống nạnh, thở hổn hển trong lúc nhìn hết con phố dầm nước mưa trước mặt. Chuyển động nhanh nhất anh nhìn thấy là cách năm mươi thước phía trước, một chiếc xe buýt hiện đại của Istanbul đang rời khỏi lề đường và tăng tốc lao tới trên đại lộ.

Không lẽ Sienna đã nhảy lên một chiếc xe buýt?

Có vẻ hơi quá mạo hiểm. Chẳng lẽ cô lại thực sự nhốt mình vào trong một chiếc xe buýt khi mà cô biết tất cả mọi người đều đang lùng tìm mình? Lại nữa, nếu cô tin không ai nhìn thấy mình vòng qua góc phố, và nếu chiếc xe buýt vừa tình cờ lăn bánh, mang cho cô một cơ hội đúng lúc thì...

Có lẽ vậy.

Hiện rõ trên nóc xe buýt là tấm biển ghi đích đến - một bảng đèn đã được lập

trình hiện rõ một từ duy nhất: GALATA.

Langdon chạy xuống lòng đường, hướng về phía một người đàn ông đã có tuổi đang đứng bên ngoài một nhà hàng bên dưới mái hiên. Ông ấy ăn mặc rất chỉnh tề với áo dài thêu và đội khăn trắng.

“Xin lỗi ông”, Langdon hỏn hển nói lúc đi đến trước mặt ông ấy. “Ông có nói được tiếng Anh không?”

“Có chứ”, người đàn ông đáp, vẻ khó chịu vì sắc thái thúc bách trong giọng nói của Langdon.

“Galata?! Đó là một địa danh phải không?”

“Galata à?”, người đàn ông đáp lại. “Cầu Galata? Hay tháp Galata? Cảng Galata?”

Langdon chỉ tay về phía chiếc xe buýt đang chạy đi. “Galata! Chiếc xe buýt kia chạy đi đâu?”

Người đàn ông đội khăn xếp nhìn theo chiếc xe chạy xa dần và ngẫm nghĩ một lúc. “Cầu Galata”, ông ấy đáp. “Nó dẫn ra khỏi thành cổ và bắc qua thủy lộ.”

Langdon lằm bằm, mắt anh lại cuống cuống nhìn qua phố nhưng không thấy bóng dáng Sienna đâu. Lúc này có tiếng còi hụ khắp mọi nơi, những chiếc xe phản ứng khẩn cấp lao vụt qua họ về phía bể chứa nước.

“Có chuyện gì vậy?”, người đàn ông hỏi, vẻ cảnh giác. “Mọi việc vẫn ổn chứ?”

Langdon lại nhìn theo chiếc xe buýt chạy xa dần và biết đây là một canh bạc, nhưng anh không còn lựa chọn nào khác.

“Không sao, thưa ông”, Langdon đáp. “Tôi đang gặp một tình huống khẩn cấp và cần sự giúp đỡ của ông.” Anh ra hiệu về phía vệ đường, nơi người hầu bàn vừa lái một chiếc xe Bentley màu bạc bóng lộn đến. “Xe của ông phải không?”

“Phải, nhưng...”

“Tôi cần đi xe”, Langdon nói. “Tôi biết chúng ta chưa bao giờ gặp nhau,

nhưng có chuyện rất tai hại vừa xảy ra. Đây là vấn đề sinh tử.”

Người đàn ông đội khăn xếp nhìn xoáy vào mắt vị giáo sư một lúc lâu, như thể đang cố nhìn thấu gan ruột. Cuối cùng, ông ấy gật đầu. “Vậy thì anh nên lên xe đi.”

Khi chiếc Bentley rời khỏi vệ đường, Langdon thấy mình phải bầu chặt vào ghế. Người đàn ông rõ ràng là một tài xế rất có kinh nghiệm và có vẻ rất khoái thử thách luôn lách giữa dòng xe cộ, cố đuổi theo chiếc xe buýt.

Qua chưa đầy ba tòa nhà ông ấy đã đưa chiếc Bentley của mình sát sau chiếc xe buýt. Langdon nhòm về phía trước, nheo mắt nhìn qua cửa sổ hậu xe buýt. Đèn trong xe rất tối, và những thứ duy nhất Langdon có thể nhận ra là những cái bóng mờ mờ của hành khách.

“Xin hãy bám sát xe buýt”, Langdon nói. “Mà ông có điện thoại không?”

Người đàn ông rút điện thoại di động từ trong túi và đưa nó cho vị khách của mình. Langdon cảm ơn ông ta rồi rút rồi mới chợt nhận ra mình không biết phải liên lạc với ai. Anh không hề có số liên lạc của Sinskey hay Brüder, còn gọi cho các văn phòng của WHO tại Thụy Sĩ thì mất quá nhiều thời gian.

“Tôi gọi cho cảnh sát địa phương bằng cách nào?”, Langdon hỏi.

“Một-năm- năm”, người đàn ông trả lời. “Bất kỳ ở đâu tại Istanbul.”

Langdon bấm ba con số và chờ đợi. Đường dây dường như đổ chuông mãi không thôi. Cuối cùng, một giọng nói đã được ghi âm vang lên, thông báo bằng cả tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Anh rằng do các đường dây đều bận nên anh cần phải chờ máy. Langdon thắc mắc không biết lý do đường dây bận có phải chính là cuộc khủng hoảng ở bể chứa nước không.

Có lẽ lúc này cung điện chìm đang ở trạng thái hoàn toàn hỗn loạn. Anh hình dung đến cảnh Brüder đang lội ra khỏi đầm nước và những gì anh ta sẽ thấy ở bên ngoài. Langdon có cảm giác nặng trĩu trong lòng.

Sienna đã nhảy xuống nước trước anh ta.

Phía trước, đèn phanh của chiếc xe buýt sáng lên, và chiếc xe tấp vào một điểm đỗ bên đường, giúp Langdon nhìn rõ những hành khách lên xuống xe. Chỉ có ba người xuống xe - tất cả đều là đàn ông - nhưng Langdon vẫn quan sát từng người thật cẩn thận, vì anh biết quá rõ khả năng cải trang của

Sienna.

Mắt anh lại di chuyển về ô cửa sổ hậu. Nó được làm tối đi nhưng lúc này đèn trong xe đều sáng và Langdon có thể nhìn thấy những người trên xe rõ hơn. Anh nhô về phía trước, ngồng cổ, áp sát mặt vào kính chắn gió của chiếc Bentley để tìm kiếm Sienna.

Xin đừng bảo rằng tôi đã đặt nhầm cửa!

Và anh nhìn thấy cô.

Ở phần sau cùng của chiếc xe hiện rõ một đôi vai mảnh mai cùng phần gáy của một cái đầu cao trọc đang ngoảnh mặt đi chỗ khác.

Chỉ có thể là Sienna.

Khi chiếc xe buýt tăng tốc, đèn trong xe lại mờ đi. Trong một giây rất nhanh trước khi chìm vào bóng tối, cái đầu ngoái lại, nhìn ra ngoài cửa sổ hậu.

Langdon thụp đầu xuống ghế, khuất vào trong phần tối của chiếc Bentley. Cô ta có thấy mình không nhỉ? Người lái xe đội khăn xếp lại đánh xe ra, bám sát theo chiếc xe buýt.

Lúc này con đường chạy dần xuống bờ nước, và phía trước mặt, Langdon có thể nhìn thấy ánh đèn từ một cây cầu thấp vươn dài trên mặt nước. Cây cầu nhìn như tắc nghẽn vì xe cộ. Thực tế, toàn bộ khu vực gần đầu cầu đều bị tắc nghẽn.

“Chợ gia vị”, người đàn ông nói. “Rất tấp nập vào những tối trời mưa.”

Ông ta chỉ tay về phía mép nước, nơi một dãy nhà dài một cách kỳ lạ nép dưới bóng một trong những giáo đường ngoạn mục của Istanbul – Giáo đường Mới, nếu Langdon không nhầm, căn cứ theo chiều cao hai tòa tháp đôi lừng danh của nó. Chợ Gia vị nhìn rộng hơn hẳn hầu hết các khu mua bán của Mỹ, và Langdon thấy rất đông người đang ra vào qua cổng vòm đồ sộ của chợ.

“Alô?!”, một giọng nói lý nhí vang lên đâu đó trong xe. “Trường hợp khẩn cấp phải không? Alô?!”

Langdon cúi nhìn chiếc điện thoại trong tay mình. Cảnh sát.

“Vâng, xin chào!” Langdon lên tiếng, đưa tai nghe lên. “Tên tôi là Robert Langdon. Tôi làm việc cho Tổ chức Y tế Thế giới. Các ông có một cuộc khủng hoảng lớn tại bể chứa nước thành phố, và tôi đang bám theo kẻ chịu trách nhiệm việc đó. Cô ta ở trên một chiếc xe buýt gần chợ Gia vị, đang tiến về...”

“Làm ơn chờ một chút”, nhân viên trực nói. “Để tôi kết nối ông với bộ phận khẩn cấp.”

“Đừng, đợi đã!” Nhưng Langdon lại phải chờ máy.

Người lái chiếc Bentley ngẩng sang anh với vẻ mặt sợ hãi. “Một cuộc khủng hoảng ở bể chứa nước thành phố à?!”

Langdon vừa định giải thích thì mặt của người lái xe đột nhiên đỏ bừng lên, như một bộ mặt quỷ.

Đèn phanh!

Người lái xe quay vội đầu lại và chiếc Bentley phanh kít ngay sau chiếc xe buýt. Đèn trong xe lại sáng lên và Langdon có thể nhìn rõ Sienna như ban ngày. Cô đang đứng ở cửa sau, liên tục giật sợi dây báo dừng khẩn cấp và đập cửa xe để đòi xuống xe.

Cô ta đã nhìn thấy mình, Langdon nhận ra như vậy. Rõ ràng Sienna cũng đã nhìn thấy tình trạng kẹt cứng ở cầu Galata và không muốn bị mắc kẹt trên đó.

Langdon mở cửa rất nhanh, nhưng Sienna đã nhảy xuống xe buýt và tức tốc lao vào màn đêm. Langdon ném điện thoại trả lại cho chủ nhân của nó. “Bảo cho cảnh sát những gì vừa xảy ra! Bảo họ bao vây khu vực này!”

Người đàn ông đội khăn xếp gạt đầu sợ hãi.

“Và cảm ơn ông!”, Langdon hét vội. “Teşekkürler!”

Nói xong, Langdon lao vội xuống đuổi theo sau Sienna, lúc này đang chạy thẳng về phía đám đông đang chen chúc trong chợ Gia vị.

Chương 95

Chợ Gia vị ba trăm năm tuổi của Istanbul là một trong những khu chợ có mái che lớn nhất thế giới. Được xây dựng theo hình chữ L, quần thể này có tám mươi tám gian phòng mái vòm chia thành hàng trăm gian hàng, nơi các thương gia địa phương chào bán vô vàn thứ thực phẩm trên khắp thế giới - gia vị, hoa quả, thảo dược, và cả món kẹo Thổ Nhĩ Kỳ rất thịnh hành của Istanbul, thỏa mãn khẩu vị của mọi khách hàng.

Người ta đồn rằng lối vào chợ, một cổng chào bằng đá đồ sộ với vòm cung Gothic, tọa lạc ở góc phố Çiçek Parazi và Tahmis, chứng kiến hơn ba trăm nghìn khách khứa ghé qua mỗi ngày.

Tối nay, khi tiến gần lối vào kín đặc người, Langdon cảm thấy như thể tất cả ba trăm nghìn người đều đang có mặt ở đây tại thời điểm này. Anh vẫn đang chạy rất nhanh, chưa hề rời mắt khỏi Sienna. Giờ cô chỉ còn cách anh hai mươi thước phía trước, tiến thẳng về phía cổng chợ và không hề có ý dừng lại.

Sienna đã tới cổng chào vòm cung và gắng chen qua đám đông. Cô lách qua mọi người, cố tiến vào bên trong. Lúc bước qua cổng chợ cô còn liếc lại phía sau. Langdon nhìn thấy trong mắt cô đầy sự hoảng sợ của một cô gái nhỏ bé đang chạy trốn vì hoang mang... tuyệt vọng và không kiểm soát được.

“Sienna!”, anh gọi to.

Nhưng cô đã lặn vào biển người và biến mất.

Langdon nhào theo sau cô, thúc, đẩy, nhường cổ cho tới khi phát hiện cô đang len lỏi xuống sảnh phía tây của chợ bên trái anh.

Những thùng gia vị lạ mắt xếp thành dãy ở dọc đường - bột cà ri Ấn Độ, nghệ tây Iran, trà hoa Trung Quốc - màu sắc rực rỡ của chúng tạo thành một đường hầm màu vàng, nâu, và vàng kim. Cứ mỗi bước chân, Langdon lại ngửi thấy một mùi hương mới - những loại nấm hăng hăng, những loại củ ngai ngái, các loại dầu thơm - tất cả quyện trong không khí cùng với bản hợp xướng ồn ào gồm đủ mọi ngôn ngữ trên khắp thế giới. Kết quả là một thứ hỗn hợp những tác nhân kích thích giác quan trong tiếng huyên náo bất tận của con người.

Hàng nghìn người.

Cảm giác sợ không gian chật hẹp bóp nghẹt lấy Langdon, anh gần như đứng lại trước khi tự trấn an và len sâu hơn vào chợ. Anh có thể nhìn thấy Sienna

ngay phước phía, cô lách qua đám đông với một sức mạnh rắn rỏi. Rõ ràng cô đang cố đi tới cùng cho dù đó có thể là nơi nào đi nữa.

Có một lúc, Langdon tự hỏi tại sao anh lại đuổi theo cô.

Vì công lý chăng? Nghĩ lại những gì Sienna đã làm, Langdon không thể không hình dung xem hình phạt gì đang đợi cô nếu cô bị bắt.

Để ngăn chặn một đại dịch ư? Bất kỳ việc gì được làm đều đã làm rồi.

Khi cố len qua cả biển người lạ mặt, Langdon đột nhiên nhận ra tại sao anh lại ra sức tìm cách chặn Sienna Brooks lại như vậy.

Mình muốn câu trả lời.

Chỉ mười thước phía trước, Sienna tiến thẳng tới một cửa thoát hiểm ở cuối dãy phía tây của khu chợ. Cô lại liếc nhanh về phía sau, vẻ rất hốt hoảng khi nhìn thấy Langdon quá gần. Lúc ngoảnh lại, cô bất ngờ hụt chân và ngã.

Đầu Sienna chúi về phía trước, đập mạnh vào vai người trước mặt. Khi người đó chúi xuống, tay phải cô vung ra, cố tìm kiếm thứ gì đó để kìm đà ngã. Cô chỉ thấy một cái miệng thùng hạt dẻ khô nên túm lấy một cách tuyệt vọng, kéo nó đổ ụp xuống mình và cả một con lũ hạt dẻ tràn ra sàn.

Langdon phải mất ba bước mới tới được chỗ cô bị ngã. Anh nhìn xuống sàn nhưng chỉ nhìn thấy cái thùng đổ nghiêng và hạt dẻ. Không thấy Sienna.

Người chủ cửa hàng đang kêu thét điên dại.

Cô ta biến đâu rồi?!

Langdon xoay tròn một vòng, nhưng bằng cách nào đó Sienna đã biến mất. Lúc ánh mắt anh dừng lại ở lối thoát phía tây chỉ cách đó mười lăm thước, anh biết rằng cú ngã đầy chất kịch của cô không phải là tình cờ.

Langdon lao nhanh tới lối thoát và vọt ra một quãng trường mênh mông, cũng rất đông người. Anh chăm chú quan sát khắp quãng trường, tìm kiếm một cách vô vọng.

Thẳng phía trước, về phía bên lề kia của một đại lộ nhiều làn xe, cầu Galata vươn dài qua vùng nước mênh mông của khu vực Mũi Vàng. Cặp tháp đôi của Giáo đường Mới sừng sững bên tay phải Langdon, sáng rực rỡ phía trên

quãng trường. Và bên trái anh không có gì khác ngoài một quãng trường mở, đầy người.

Tiếng còi xe inh ỏi kéo ánh mắt Langdon trở lại phía trước, nơi đường cao tốc chia tách quãng trường với vùng nước. Anh nhìn thấy Sienna, đã ở cách xa một trăm thước, đang băng qua những chiếc xe lao vun vút và vừa kịp tránh không bị nghiền nát giữa hai chiếc xe tải. Cô đang chạy thẳng ra phía biển.

Bên trái Langdon, trên bờ khu Mũi Vàng, một đầu mối giao thông đang bận rộn hoạt động - các bến phà, xe buýt, taxi và cả những chiếc thuyền du lịch.

Langdon chạy nhanh qua quãng trường về phía đường cao tốc. Khi tới rào chắn, anh chọn thời điểm khớp với những ánh đèn pha đang lao đến và an toàn vượt qua làn đường cao tốc hai luồng xe đầu tiên. Trong mười lăm giây, trước những ánh đèn pha chói lòa và tiếng còi xe đầy giận dữ, Langdon khó khăn lắm mới tiến được từ vỉa hè giữa đường tới vỉa hè tiếp theo. Anh dừng lại, di chuyển, len lách cho tới khi anh tới được rào chắn cuối cùng ngay trên bờ biển toàn cỏ.

Mặc dù Langdon vẫn có thể nhìn thấy Sienna nhưng cô đã cách anh một quãng dài phía trước, vượt qua bến taxi, mấy chiếc xe buýt đang đợi khách và tiến thẳng ra cầu cảng, nơi các loại thuyền bè đang chạy ngược xuôi - xuôi chở khách du lịch, taxi nước, thuyền cá của tư nhân, xuôi cao tốc. Xa xa, những ánh đèn thành phố nhấp nháy trên bờ tây của khu Mũi Vàng, và Langdon tin chắc rằng nếu Sienna đến được bờ bên kia, sẽ không còn hy vọng tìm thấy cô nữa, có lẽ không bao giờ.

Cuối cùng, Langdon cũng đến được bờ nước. Anh ngoặt sang trái và chạy dọc theo lối đi lót ván, khiến những du khách đang xếp hàng lên những chiếc xuồng trang trí lộng lẫy toàn màu vàng kim, có mái vòm kiêu giáo đường Hồi giáo, và đèn nê ông trang trí nhấp nháy, thẳng thốt nhìn theo.

Las Vegas ở eo biển Bosphorus, Langdon làm bầm, chân bước nhanh hơn.

Anh nhìn thấy Sienna tít phía trước, và cô không còn chạy nữa. Cô đã dừng lại trên cầu cảng tại khu vực có nhiều xuồng máy tư nhân, đang nấn nỉ một chủ thuyền.

Đừng để cô ta lên xuồng.

Trong lúc thu hẹp khoảng cách, anh thấy rõ Sienna đang khẩn khoản nói

chuyện với một anh chàng trẻ tuổi đứng ở khoang lái một chiếc xuồng máy rất đẹp đang chuẩn bị rời khỏi cầu cảng. Anh chàng kia mỉm cười nhưng nhã nhặn lắc đầu từ chối. Sienna tiếp tục khua chân múa tay, nhưng người chủ thuyền có vẻ đã quyết định nên ngoảnh mặt trở lại bảng điều khiển xuồng.

Lúc Langdon chạy lại gần hơn, Sienna liếc nhìn anh, nét mặt toát lên vẻ tuyệt vọng. Phía dưới cô, máy thủy gắn ngoài của chiếc xuồng rồ lên, khuấy tung nước và đưa chiếc xuồng rời khỏi cầu cảng.

Sienna đột nhiên tung người lên không, nhảy vọt khỏi cầu cảng. Cô đáp mạnh xuống khoang xuồng làm bằng sợi thủy tinh. Bị chấn động, người lái xuồng ngoảnh lại nhìn với vẻ mặt không thể tin được. Anh ta giật ngược van tiết lưu, cho xuồng dừng lại cách cầu cảng khoảng hai mươi thước. Anh ta xông tới chỗ vị hành khách không mời quát tháo đầy giận dữ.

Khi hai người lái xuồng đến chỗ cô, Sienna dễ dàng né sang bên, tóm lấy cổ tay anh ta và dùng chính sức lao tới của anh ta để nhấc bổng anh ta lên rồi ném qua thành xuồng. Một lúc sau, anh ta ngoi lên mặt nước, phun phì phì và quây đạp loạn xạ, miệng tuôn ra hàng tràng âm thanh chặc chặc là những lời chửi rủa bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

Dường như không thèm chú ý, Sienna quăng một tấm đệm phao xuống nước, bước tới mép xuồng và đẩy van tiết lưu về phía trước.

Động cơ xuồng rồ lên và chiếc xuồng lao đi.

Langdon đứng trên cầu cảng, thở hỏn hển trong lúc nhìn chiếc xuồng màu trắng sang trọng băng băng rẽ nước rời đi, như một bóng ma trong đêm tối. Langdon ngược mắt nhìn về phía chân trời và biết rằng lúc này Sienna sẽ không chỉ tới được bờ bên kia ở rất xa mà còn lọt được vào một mạng lưới thủy lộ gần như bất tận. chạy suốt từ Hắc Hải đến Địa Trung Hải.

Cô ta đã thoát rồi.

Gần đó, người chủ xuồng leo lên khỏi nước, đứng lên và vội vã đi gọi cảnh sát.

Langdon cảm thấy hoàn toàn cô độc khi nhìn ánh đèn trên chiếc xuồng bị đánh cắp nhòa dần. Tiếng động cơ rền rĩ cũng dịa dần.

Và rồi đột ngột tiếng động cơ im bật.

Langdon đăm đăm nhìn ra xa. Cô ta tắt máy sao?

Đèn trên xuống dường như không còn khuấy dần mà lúc này đang bập bênh nhẹ nhàng trên những con sóng nhỏ của vùng Mũi Vàng. Vì một lý do gì đó chưa rõ, Sienna Brooks đã ngừng lại.

Lẽ nào cô ta hết nhiên liệu?

Anh khum tay và lắng nghe, và giờ có thể nghe thấy tiếng động cơ rất khẽ ở chế độ ngừng.

Nếu không hết nhiên liệu thì cô ta đang làm gì vậy?

Langdon chờ đợi.

Mười giây. Mười lăm giây. Ba mươi giây.

Sau đó, rất bất ngờ, tiếng động cơ lại rò lên, lúc đầu có vẻ ngập ngừng, và sau đó quả quyết hơn. Trước vẻ ngạc nhiên của Langdon, ánh đèn của chiếc xuống bắt đầu ngoặt một vòng rộng, và nó phăm phăm lao về phía anh.

Cô ta quay lại.

Khi chiếc xuống lại gần, Langdon nhìn thấy Sienna đứng bên vô lăng, trân trân nhìn về phía trước. Còn cách ba mươi thước, cô giảm ga và cho xuống an toàn cập vào cầu cảng. Sau đó cô tắt máy.

Im lặng.

Phía trên cô, Langdon trân trời nhìn mà không sao tin nổi.

Sienna không hề nhìn lên.

Thay vào đó, cô úp mặt vào hai bàn tay. Cơ thể cô bắt đầu rung lên, hai vai cô rũ xuống và rung bần bật. Cuối cùng, khi ngược lên nhìn Langdon, hai mắt cô đăm lẹ.

“Robert”, cô thôn thức. “Em không thể chạy trốn được nữa. Em chẳng có chỗ nào để đi cả.”

Chương 96

Thế là hết.

Elizabeth Sinskey đứng dưới chân cầu thang dẫn xuống bể chứa và trân trân nhìn cái lòng hang trống rỗng. Hơi thở của bà như tắc nghẽn qua lớp mặt nạ phòng độc. Mặc dù có lẽ đã bị phơi nhiễm với thứ dịch bệnh gì đó ở dưới này, nhưng Sinskey vẫn cảm thấy nhẹ nhõm trong bộ đồ phòng độc khi cùng nhóm SRS bước vào không gian tiêu điều này. Họ khoác trên người bộ đồ màu trắng phình lên với mũ bảo hiểm kín mít, và cả nhóm trông như một đội phi hành gia đang rời khỏi một con tàu vũ trụ xa lạ.

Sinskey biết rằng ngoài đường phố ở phía trên, hàng trăm người đi dự hòa nhạc và các nhạc công đang ngơ ngác tùm tùm lại, nhiều người đang được điều trị các vết thương sau quá trình giẫm đạp. Những người khác đã rời khỏi khu vực. Bà cảm thấy may mắn vì đã thoát ra mà chỉ bị bầm tím một bên gối và vỡ mất chiếc bùa.

Chỉ có một dạng lây lan đi nhanh hơn vi rút, Sinskey nghĩ. Đó là tâm lý sợ hãi.

Giờ những cánh cửa bên trên đã được khóa chặt, niêm phong, và được chính quyền địa phương canh gác. Sinskey đã lường trước sẽ có một cuộc đối chất pháp lý với lực lượng cảnh sát địa phương đang trên đường đến đây, nhưng bất kỳ cuộc va chạm tiềm tàng nào cũng đều tan biến ngay lập tức khi họ nhìn thấy thiết bị chống chất độc sinh học của nhóm SRS và nghe Sinskey cảnh báo về một hiểm họa dịch bệnh.

Chỉ còn chúng ta tự xoay xử thôi, giám đốc WHO nghĩ thầm, mắt trân trân nhìn cả rừng cột trụ phản chiếu trong đầm nước. Không ai muốn xuống đây cả.

Phía sau bà, hai đặc vụ đang trái một tấm polyurethane lớn trên nền khu cầu thang và dính chặt nó vào tường bằng súng nhiệt. Hai người nữa đã tìm được một chỗ trống trên lối đi lót ván và bắt đầu bố trí các thiết bị điện tử, như thể đang chuẩn bị phân tích một hiện trường tội ác.

Chính xác là như vậy, Sinskey nghĩ. Một hiện trường tội ác.

Bà lại nghĩ đến người phụ nữ mặc áo choàng ướt sũng chạy trốn khỏi bể chứa. Rõ ràng, Sienna Brooks đã mạo hiểm mạng sống của mình để phá mọi nỗ lực ngăn chặn của WHO và hoàn thành nhiệm vụ điên rồ của Zobrist. Cô ta xuống đây và phá vỡ cái túi Solublon...

Langdon đã đuổi theo Sienna ngay trong đêm, và Sinskey vẫn chưa nhận được tin gì liên quan đến cả hai người.

Mình hy vọng giáo sư Langdon an toàn, bà nghĩ.

Đặc vụ Brüder đứng trên lối đi lát ván, nước từ trên người nhỏ xuống tong tong, đưa mắt nhìn vô định chiếc đầu Medusa xoay ngược và tự hỏi cần phải xử lý như thế nào.

Là một đặc vụ SRS, Brüder được đào tạo để học được khả năng suy nghĩ ở cấp vĩ mô, gạt hết những mối bận tâm về cá nhân hay đạo đức nhất thời để hoàn toàn tập trung vào việc cứu được càng nhiều sinh mạng càng tốt. Những đe dọa đối với sức khỏe của chính anh không còn quan trọng nghĩa kể từ thời khắc này. Ta đã lộn xuống chỗ này, anh ấy nghĩ, thậm chí trách mình đã có hành động mạo hiểm nhưng cũng biết rõ là bản thân không có nhiều lựa chọn. Chúng ta cần đánh giá tình hình ngay lập tức.

Brüder buộc mình phải nghĩ đến nhiệm vụ trước mắt - triển khai kế hoạch B. Thật không may, trong một cuộc khủng hoảng ngăn chặn, kế hoạch B luôn như nhau: Mở rộng bán kính. Ứng phó với bệnh lây nhiễm thường giống như ứng phó với một đám rừng: Đôi khi bạn phải lùi lại phía sau và chấp nhận thua một trận để có hy vọng giành chiến thắng trong cả cuộc chiến.

Đến thời điểm này, Brüder vẫn không từ bỏ ý nghĩ rằng có thể

thực hiện ngăn chặn đầy đủ. Chắc chắn Sienna Brooks đã phá vỡ cái túi chỉ vài phút trước khi đám đông hỗn loạn và bỏ chạy. Nếu đúng như thế, thậm chí có hàng trăm người đã rời khỏi hiện trường và ở xa nguồn bệnh đủ để tránh được khả năng bị lây nhiễm.

Tất cả mọi người trừ Langdon và Sienna, Brüder nhận ra như vậy. Cả hai bọn họ đều đã ở địa điểm này, và hiện đang ở đâu đó trong thành phố.

Brüder còn một mối lo khác - một lỗ hổng trong logic vẫn tiếp tục bám riết lấy anh. Lúc ở dưới nước, anh không hề tìm thấy cái túi Solublon bị vỡ. Với Brüder, dường như nếu chính Sienna phá vỡ cái túi - bằng cách đá hoặc xé nó hay bất kỳ hình thức gì - thì anh cũng sẽ tìm thấy phần xác còn sót lại trôi nổi đâu đó trong khu vực.

Nhưng Brüder không tìm thấy gì cả. Dường như những gì còn lại của cái túi đã biến mất. Brüder rất nghi ngờ việc Sienna mang theo cái túi Solublon bên mình, vì đến thời điểm này nó chẳng là gì ngoài một thứ đồ bỏ đi nhớp nháp.

Vậy thì nó biến đi đâu?

Brüder có cảm giác rất bất an rằng mình đang bỏ qua một điều gì đó. Cho dù như vậy, anh vẫn phải tập trung vào chiến lược ngăn chặn mới, đòi hỏi phải trả lời một câu hỏi máu chột.

Bán kính phát tán hiện tại của dịch bệnh là đến đâu?

Brüder biết câu hỏi sẽ được trả lời chỉ trong vài phút nữa. Nhóm của anh đã thiết lập một loạt thiết bị dò tìm virus dọc lối đi lót ván theo khoảng cách tăng dần tính từ đầm nước. Những thiết bị này - gọi là các bộ PCR - dùng phản ứng tổng hợp dây chuyền nhờ Polymerase để phát hiện sự hiện diện của mầm bệnh dạng vi rút.

Đội trưởng SRS vẫn còn hy vọng. Với điều kiện nước trong đầm không hề lưu chuyển cùng với thời gian trôi qua chưa nhiều, anh tự tin rằng các thiết bị PCR sẽ phát hiện được một khu vực lây nhiễm tương đối hẹp để sau đó, họ có thể xử lý bằng hóa chất và sử dụng phương pháp hút thu.

“Sẵn sàng chưa?”, một kỹ thuật viên gọi qua bộ đàm.

Các đặc vụ có mặt ở trong khu vực bể chứa đều đưa ngón tay cái lên ra hiệu.

“Lấy mẫu”, tiếng bộ đàm vang lên.

Trong khắp lòng hang, các chuyên gia phân tích cúi xuống và bắt đầu khởi động máy PCR cá nhân của mình. Mỗi thiết bị đều bắt đầu phân tích một mẫu lấy tại điểm mà người sử dụng máy đứng, bố trí thành những vòng cung nói rộng dần quanh tâm biển của Zobrist.

Toàn bộ bể chứa chìm vào im lặng khi tất cả mọi người chờ đợi, cùng cầu mong sẽ chỉ nhìn thấy tín hiệu đèn màu xanh.

Và rồi điều đó xảy ra.

Trên chiếc máy gần Brüder nhất, một đèn phát hiện vi rút bắt đầu nhấp nháy đỏ. Các cơ của anh căng cứng, và mắt anh chuyển sang máy tiếp theo.

Nó cũng bắt đầu nhấp nháy đỏ.

Không.

Những tiếng làm rầm lan khắp lòng hang. Brüder kinh hãi nhìn khi lần lượt tất cả các thiết bị PCR bắt đầu nhấp nháy đỏ, chạy khắp bể chứa ra đến tận lối ra vào.

Ôi, lạy Chúa! Anh nghĩ thầm. Cả một loạt đèn đỏ phát hiện vi rút đang nhấp nháy đã vẽ lên một bức tranh không thể nhầm lẫn.

Bán kính lây nhiễm rất rộng.

Toàn bộ khu vực bể chứa đang tràn ngập vi rút.

Chương 97

Robert Langdon trân trân nhìn Sienna Brooks ngồi thu lu bên vô lăng chiếc xuống máy bị đánh cắp, và cố gắng hiểu những gì anh vừa chứng kiến.

“Em biết chắc anh khinh thường em”, cô thỏn thức, ngược lên nhìn anh qua đôi mắt đắm lệ.

“Khinh thường cô ư?!” Langdon thốt lên. “Tôi không hề biết cô là ai! Tất cả những gì cô đã làm là lừa dối tôi!”

“Em biết”, cô nói khẽ. “Em xin lỗi. Em chỉ cố gắng làm điều đúng đắn thôi.”

“Bằng cách phán tán một thứ dịch bệnh à?”

“Không, Robert, anh không hiểu đâu.”

“Tôi hiểu quá đi chứ!”, Langdon đáp. “Tôi hiểu cô lợi xuống nước để phá vỡ cái túi Solublon! Cô muốn giải phóng thứ vi rút của Zobrist trước khi có ai đó phong tỏa nó!”

“Cái túi Solublon ư?” Mắt Sienna toát lên vẻ ngỡ ngác. “Em không biết anh đang nói gì nữa. Robert, em đến bể chứa để ngăn vi rút của Bertrand, để đánh cắp nó và cho nó biến mất mãi mãi, để không ai có thể tìm hiểu về nó, kể cả tiến sĩ Sinskey và WHO.”

“Đánh cắp nó? Tại sao phải giấu nó trước WHO chứ?”

Sienna hít một hơi dài. “Có rất nhiều điều anh không biết, nhưng giờ thì có thể thảo luận rồi. Chúng ta đã đến quá muộn, Robert ạ. Chúng ta chẳng bao

giờ có cơ hội.”

“Dĩ nhiên, chúng ta đã từng có cơ hội! Thứ vi rút ấy sẽ không bị giải phóng cho tới ngày mai! Đó là cái ngày Zobrist đã chọn, và nếu cô không lội xuống nước...”

“Robert, em không hề giải phóng vi rút!”, Sienna hét lên. “Khi em xuống nước, em cố gắng tìm kiếm nó, nhưng đã quá muộn. Chẳng còn gì cả.”

“Tôi không tin cô”, Langdon nói.

“Em biết anh không tin. Và em không trách anh.” Cô thò tay vào túi và rút ra một tờ giấy ướt sũng. “Nhưng có thể thứ này sẽ giúp ích.” Cô ném tờ giấy cho Langdon. “Em tìm thấy nó ngay trước lúc em lội xuống đầm.”

Anh đón lấy nó và mở ra. Đó là chương trình hòa nhạc gồm bảy màn trình diễn bản Giao hưởng Dante tại bể chứa.

“Hãy nhìn ngày tháng xem”, cô nói.

Langdon đọc ngày tháng và sau đó đọc lại, cảm thấy bối rối trước những gì mình thấy. Vì một lý do gì đó, anh cứ đinh ninh rằng màn trình diễn tối nay là tối mở màn - màn trình diễn đầu tiên trong bảy buổi diễn suốt cả tuần lễ, được vạch ra nhằm thu hút người dân tới khu bể chứa toàn dịch bệnh. Tuy nhiên, chương trình này lại cho biết một câu chuyện khác hẳn.

“Tối nay là tối kết thúc sao?”, Langdon hỏi, đưa mắt khỏi tờ giấy. “Dàn nhạc đã biểu diễn trọn một tuần rồi sao?”

Sienna gật đầu. “Em cũng ngạc nhiên y như anh vậy.” Cô ngừng lại, mắt cô đầy u uất. “Thứ vi rút đó đã thoát ra rồi, Robert ạ. Nó đã thoát ra được một tuần rồi.”

“Không thể như vậy”, Langdon cố cãi. “Ngày mai mới đúng ngày. Zobrist thậm chí còn tạo ra một tấm biển ghi rõ ngày mai trên đó.”

“Phải, em đã nhìn thấy tấm biển đó dưới nước.”

“Vậy cô biết hẳn chọn ngày mai mà.”

Sienna thở dài. “Robert, em hiểu rất rõ Bertrand, rõ hơn nhiều so với những gì em từng thừa nhận với anh. Anh ấy là một nhà khoa học, một người chú

trọng đến kết quả. Giờ em nhận ra rằng ngày tháng ghi trên tấm biển không phải ngày phát tán vi rút. Nó là thứ khác, thứ quan trọng hơn đôi với mục đích của anh ấy.”

“Và nó là... ?”

Sienna trịnh trọng từ dưới xuống nhìn lên. “Là ngày lây nhiễm trên toàn cầu - một phép chiếu toán học về cái ngày vi rút của anh ấy truyền ra khắp thế giới... và nhiễm vào tất cả mọi người.”

Viễn cảnh ấy khiến Langdon rùng mình kinh hãi, nhưng anh vẫn không thể không nghi ngờ cô đang nói dối. Câu chuyện của cô có một chỗ hỏng then chốt, và Sienna Brooks đã chứng tỏ cô vừa nói dối điều gì đó.

“Có một vấn đề, Sienna”, anh nói, mắt nhìn xuống cô. “Nếu thứ dịch bệnh này đã lây lan ra khắp thế giới thì tại sao không có ai bị bệnh?”

Sienna nhìn đi chỗ khác, đột nhiên không dám đón lấy ánh mắt anh.

“Nếu thứ dịch bệnh này đã thoát ra một tuần rồi”, Langdon nhắc lại, “thì tại sao không hề có người nào chết?”

Cô chậm rãi nhìn lại anh. “Bởi vì...”, cô bắt đầu nói, từng lời như dính trong cổ họng cô. “Bertrand không tạo ra một dịch bệnh.”

Mắt cô lại ầng ậng nước. “Anh ấy tạo ra một thứ gì đó nguy hiểm hơn nhiều.”

Chương 98

Bất chấp luồng dưỡng khí chạy qua mặt nạ phòng độc của mình, Elizabeth Sinskey vẫn cảm thấy ngột ngạt. Năm phút đã qua kể từ lúc các thiết bị PCR của Brüder cho biết một sự thật hãi hùng.

Khả năng ngăn chặn của chúng ta đã tiêu tan từ lâu.

Cái túi Solublon rõ ràng đã tan hết từ tuần trước, chắc chắn là vào đêm khai mạc chương trình hòa nhạc, mà lúc này Sinskey biết đã biểu diễn bảy tối rồi. Chút ít dấu vết của Solublon gắn chặt với sợi dây không biến mất chỉ là vì nó được phủ một chất kết dính để không bị tác động bởi cái móc khóa của sợi dây.

Dịch bệnh đã thoát ra suốt một tuần rồi.

Giờ đây, khi không còn khả năng cô lập dịch bệnh, các đặc vụ SRS tập hợp mẫu phẩm tại phòng thí nghiệm tạm thời trong bể chứa và thực hiện quy trình thông thường của họ - phân tích, phân loại và đánh giá mức độ đe dọa. Cho đến giờ, các thiết bị PCR chỉ cung cấp một dữ liệu vững chắc duy nhất, và phát hiện đó không khiến mọi người ngạc nhiên.

Vi rút giờ đang ở trong không khí.

Những gì bên trong cái túi Solublon rõ ràng đã trôi lên mặt nước và các phân tử vi rút đã phát tán vào không khí. Không mất nhiều công sức, Sinskey biết. Đặc biệt trong khu vực kín mít như thế này.

Một loại vi rút - khác với vi khuẩn hay mầm bệnh hóa học - có thể lây lan trong dân chúng với tốc độ và khả năng xâm nhập cao đến kinh ngạc. Là loại sống ký sinh, các vi rút xâm nhập vào sinh vật và bám chặt vào tế bào chủ theo một quá trình gọi là “hút bám”. Sau đó, chúng bơm DNA hoặc RNA của chính mình vào tế bào đó, trung dụng tế bào bị xâm chiếm, và buộc tế bào này phải sản sinh thật nhiều vi rút. Một khi đã có đủ số lượng nhân bản, các phân tử vi rút mới sẽ giết chết tế bào và phá vỡ thành tế bào, tràn ra tìm kiếm các tế bào chủ mới để tấn công, quá trình này cứ thế lặp đi lặp lại.

Một cá thể bị lây nhiễm sẽ thở ra hoặc hắt hơi, truyền những hạt khí nhỏ xíu ra khỏi cơ thể mình. Những hạt này sẽ lơ lửng trong không khí cho tới khi chúng lại được các chủ thể khác hít vào, và quá trình như vậy lại bắt đầu.

Tăng trưởng theo cấp số mũ, Sinskey thảm nhủ, trong đầu nhớ lại những biểu đồ của Zobrist chứng minh về tình trạng bùng nổ dân số loài người. Zobrist dùng phương pháp tăng trưởng cấp số mũ của vi rút để chống lại tăng trưởng cấp số mũ của loài người.

Tuy nhiên, câu hỏi nhức nhối lúc này là: Loại vi rút này sẽ hoạt động như thế nào?

Nói một cách lạnh lùng: Nó sẽ tấn công vật chủ như thế nào?

Vi rút Ebola làm suy yếu khả năng đông máu, gây ra tình trạng xuất huyết không ngừng. Vi rút Hanta làm suy phổi. Rất nhiều loại vi rút có tên oncovirus gây ra bệnh ung thư. Còn vi rút HIV tấn công hệ miễn dịch, gây ra bệnh AIDS. Trong cộng đồng y học, người ta đều biết nếu vi rút HIV biến thành loại lây lan trong không khí thì đó có thể là một thảm họa tuyệt chủng.

Cho nên loại vi rút của Zobrist gây nên chuyện quái quỷ gì?

Cho dù nó gây ra gì thì cũng phải có thời gian mới thấy được những hậu quả, và các bệnh viện gần đây đều chưa thông báo trường hợp bệnh nhân nào có những triệu chứng bất bình thường.

Nôn nóng muốn biết câu trả lời, Sinskey tiến lại phía phòng thí nghiệm. Bà nhìn thấy Brüder đứng gần cầu thang vì tín hiệu trên điện thoại di động rất yếu. Anh đang nói với ai đó bằng giọng khẩn trương.

Bà tiến vội lại, đến nơi vừa lúc anh kết thúc cuộc trò chuyện.

“Được, đã hiểu”, Brüder nói, vẻ mặt anh thể hiện một cảm xúc pha trộn giữa kinh hãi và không dám tin. “Một lần nữa, tôi không biết nói sao để nhấn mạnh mức độ tuyệt mật của thông tin này. Đến lúc này chỉ còn trông vào anh thôi. Gọi lại cho tôi khi anh có thêm thông tin. Cảm ơn.” Anh tắt máy.

“Có chuyện gì vậy?”, Sinskey hỏi.

Brüder từ từ thở hắt ra. “Tôi vừa nói chuyện với một người bạn cũ là chuyên gia vi rút hàng đầu tại CDC ở Atlanta.”

Sinskey nhảy dựng lên. “Anh thông báo cho CDC mà chưa được phép của tôi à?”

“Tôi thực hiện cuộc gọi trên tư cách cá nhân”, anh đáp. “Người bạn tôi sẽ rất kín tiếng, và chúng ta cần thêm nhiều dữ liệu khác chứ không phải chỉ trông vào cái phòng thí nghiệm tạm thời này.”

Sinskey liếc nhìn máy đặc vụ SRS đang lấy mẫu nước và lúi húi bên các thiết bị điện tử cầm tay. Anh ấy nói đúng.

“Người bạn tôi ở CDC”, Brüder tiếp tục, “đang có mặt trong một phòng thí nghiệm vi sinh có đầy đủ trang thiết bị và đã xác nhận sự tồn tại của một mầm bệnh do vi rút có khả năng lây lan cực mạnh và chưa bao giờ được biết đến”.

“Khoan đã!” Sinskey xen vào. “Làm sao anh cung cấp mẫu cho anh ta nhanh như vậy được?”

“Tôi không cung cấp”, Brüder cay đắng nói. “Anh ta kiểm tra máu của chính mình.”

Chỉ trong khoảnh khắc Sinskey đã hiểu ra tất cả.

Nó đã lan ra khắp toàn cầu.

Chương 99

Langdon đi chậm chậm, cảm thấy mất phương hướng một cách lạ lùng, như thể đang đi qua một cơn ác mộng cực kỳ sống động. Còn thứ gì nguy hiểm hơn cả một đại dịch chứ?

Sienna không nói gì thêm kể từ lúc leo lên khỏi chiếc xuống và ra hiệu cho Langdon theo mình rời khỏi cầu cảng, đi dọc một lối đi rải sỏi vắng vẻ, tránh xa bờ nước và đám đông.

Mặc dù Sienna đã thôi khóc, nhưng Langdon vẫn cảm thấy cả một cơn bão lòng đang hình thành trong cô. Anh nghe thấy những tiếng còi rít lên lạnh lẽo phía xa, nhưng Sienna có vẻ không chú ý. Cô trân trân nhìn xuống đất, dường như đang bị thôi miên bởi tiếng sỏi lạo xạo nhịp nhàng dưới chân họ.

Họ tiến vào một công viên nhỏ, và Sienna dẫn anh tới một lùm cây rậm, nơi họ có thể lánh xa thế giới. Đến đây, họ ngồi lên một băng ghế nhìn xuống nước. Ở bờ bên kia, tháp Galata cổ kính sáng lấp lánh phía trên những khu nhà im ắng trên triền đồi. Từ đây, thế giới bình yên đến kỳ lạ, Langdon hình dung nó khác xa với những gì có lẽ đang diễn ra ở bể chứa nước. Anh cho rằng đến giờ này, hẳn nhóm SRS cũng đã nhận ra họ đến quá muộn và không thể ngăn chặn được dịch bệnh nữa.

Bên cạnh anh, Sienna dăm dăm nhìn ra biển. “Em không có nhiều thời gian, Robert”, cô nói. “Cuối cùng thì chính quyền cũng sẽ đoán ra em đã đi đâu. Nhưng trước khi họ làm được như vậy, em cần anh nghe toàn bộ sự thật...”

Langdon im lặng gật đầu.

Sienna gạt nước mắt và đôi tư thế để có thể đối diện hoàn toàn với anh. “Bertrand Zobrist...”, cô bắt đầu nói. “Anh ấy là tình yêu đầu của em. Anh ấy trở thành người dẫn dắt em.”

“Tôi đã được nghe kể rồi, Sienna”, Langdon nói.

Cô giật mình nhìn anh nhưng vẫn tiếp tục nói, như thể sợ sẽ đánh mất động

lực của mình. “Em gặp anh ấy ở cái tuổi dễ rung động, và những ý tưởng cùng tri thức của anh ấy làm em mê mẩn. Giống như em, Bertrand tin rằng loài người chúng ta đang đứng trên bờ vực diệt vong... rằng chúng ta đang đối mặt với một kết cục đáng sợ, cái kết cục đang lao tới chúng ta còn nhanh hơn những gì bất kỳ ai trong chúng ta dám chấp nhận.”

Langdon không trả lời.

“Toàn bộ tuổi thơ của em”, Sienna nói, “em muốn cứu lấy thế giới. Và tất cả những gì người ta nói với em là: ‘Cô không thể cứu thế giới, cho nên đừng hy sinh hạnh phúc của mình để làm việc đó’”. Cô ngừng lại, mặt đầy căng thẳng, cố kìm nước mắt. “Rồi em gặp Bertrand - một con người xuất chúng, điển trai, anh ấy không chỉ nói với em rằng việc cứu thế giới là khả thi... mà còn nói rằng thực hiện việc đó là nhu cầu đạo đức. Anh ấy giới thiệu với em cả một cộng đồng những con người có cùng chính kiến - những con người với tri thức và năng lực phi thường... những con người thực sự có thể thay đổi tương lai. Lần đầu tiên trong đời mình, em không còn cảm thấy cô độc nữa, Robert ạ.”

Langdon khẽ mỉm cười, cảm nhận được nỗi đau trong những lời của cô.

“Trong đời mình, em đã phải gánh chịu một số việc kinh khủng”, Sienna tiếp tục, giọng cô càng lúc càng run rẩy. “Những điều em gặp phải làm xáo trộn quá khứ...” Cô dứt khỏi ánh mắt của anh và đưa bàn tay lỏng ngóng xoa lớp da đầu nhai nhụi trước khi định thần và ngoảnh lại nhìn anh. “Và có lẽ đó là lý do tại sao điều duy nhất giúp em đi tới chính là tin rằng chúng ta có thể làm được tốt hơn hiện tại... có thể hành động để tránh một tương lai thảm khốc.”

“Và Bertrand cũng tin như vậy phải không?”, Langdon hỏi.

“Đúng vậy. Bertrand có niềm tin vô hạn dành cho nhân loại. Anh ấy là một người theo phong trào Siêu nhân học có niềm tin rằng chúng ta đang sống ở ngưỡng cửa của một kỷ nguyên ‘hậu nhân loại’ tươi sáng - một kỷ nguyên của biến đổi thật sự. Anh ấy có tư duy của một nhà vị lai, có đôi mắt nhìn ra con đường mà rất ít người có thể hình dung nổi. Anh ấy hiểu sức mạnh ghê gớm của công nghệ và tin rằng chỉ vài thế hệ nữa, loài người chúng ta sẽ trở thành một loài động vật hoàn toàn khác - được tăng cường về mặt di truyền để khỏe hơn, thông minh hơn, mạnh mẽ hơn, và thậm chí nhân ái hơn.” Cô ngừng lại. “Ngoại trừ một vấn đề. Anh ấy không nghĩ rằng chúng ta sống được đủ lâu với tư cách một giống loài để thực hiện được khả năng đó.”

“Do tình trạng quá tải dân số...”, Langdon nói.

Cô gật đầu. “Thảm họa theo thuyết Malthus. Bertrand thường nói với em là anh ấy cảm thấy giống như Thánh George cố gắng hạ gục con quái vật địa phủ.”

Langdon không hiểu kịp ý cô. “Medusa phải không?”

“Nói một cách ẩn dụ thì đúng vậy. Medusa và toàn bộ các thần linh địa phủ sống dưới lòng đất bởi vì họ có liên hệ trực tiếp với Mẹ trái đất. Về mặt phúng dụ, địa phủ luôn là biểu tượng của...”

“Sự sinh sôi”, Langdon nói, giật mình vì đã không nghĩ ra phép so sánh này sớm hơn. Sự sinh sôi. Dân số.

“Vâng, sự sinh sôi”, Sienna đáp. “Bertrand dùng thuật ngữ ‘quái vật địa phủ’ để thể hiện cho hiểm họa đáng sợ là tình trạng sinh bừa bãi của chính chúng ta. Anh ấy mô tả việc sinh sản quá nhiều con cháu giống như một con quái vật đang hiện dần ra ở đường chân trời... Một con quái vật chúng ta cần ngăn chặn ngay lập tức, trước khi nó làm thịt tất cả chúng ta.

Khả năng sinh sản của chúng ta làm hại chính chúng ta, Langdon nhận ra như vậy. Con quái vật địa phủ. “Và Bertrand chiến đấu với con quái vật ấy... bằng cách nào?”

“Xin hãy hiểu cho”, cô lên tiếng bênh vực, “có những vấn đề không dễ giải quyết. Việc lựa chọn thứ tự giải quyết luôn là một quá trình rối beng. Một người cắt rời chân của đứa bé ba tuổi là một tội ác khủng khiếp... trừ phi người đó là một bác sĩ muốn cứu đứa trẻ khỏi bị hoại tử. Đôi khi, lựa chọn duy nhất lại là chọn thứ ít tội lỗi hơn trong hai tội”. Cô lại bắt đầu ứa nước mắt. “Em tin Bertrand có một mục đích cao quý... nhưng phương pháp của anh ấy...” Cô nhìn đi chỗ khác, dường như sắp vỡ òa đến nơi.

“Sienna”, Langdon dịu dàng thì thầm. “Anh cần hiểu tất cả chuyện này. Anh cần em giải thích cho anh những gì Bertrand đã làm. Anh ta đã tung ra thế giới thứ gì?”

Sienna lại ngoảnh lại nhìn anh, đôi mắt nâu dịu dàng của cô toát ra một nỗi sợ hãi u ám hơn. “Anh ấy tung ra một loại vi rút”, cô thì thầm. “Một loại vi rút rất đặc biệt.”

Langdon như nín thở. “Kể cho anh đi.”

“Bertrand tạo ra thứ gì đó gọi là vi rút định hướng. Đó là một loại vi rút được tạo ra một cách chủ định nhằm chèn những thông tin di truyền vào tế bào mà nó tấn công.” Sienna ngừng lại để anh nắm được ý tưởng. “Một loại vi rút như thế... thay vì giết chết tế bào chủ... lại chèn một đoạn DNA đã được quyết định trước vào tế bào đó, cơ bản là thay đổi gene của tế bào.”

Langdon cố gắng hiểu ý nghĩa của cô. Loại vi rút này thay đổi DNA của chúng ta sao?

“Bản chất ngầm của loại vi rút này”, Sienna nói tiếp, “là không ai trong chúng ta biết nó đã nhiễm vào mình. Không ai bị bệnh. Nó không hề gây ra những triệu chứng cho thấy nó đang thay đổi chúng ta về mặt di truyền.”

Langdon cảm thấy mạch máu đập rộn lên mắt một lúc. “Và nó tạo ra những thay đổi gì?”

Sienna nhắm mắt lại một lúc. “Robert”, cô thì thào, “ngay khi loại vi rút được giải phóng trong đầm nước ở bể chứa, một phản ứng dây chuyền bắt đầu. Tất cả những người xuống dưới cái hang đó và hít thở không khí đều bị nhiễm. Họ trở thành vật chủ... những đồng phạm vô thức lây truyền vi rút cho người khác, làm cho bệnh lây lan nhanh kinh khủng để đến giờ này đã loang khắp hành tinh như một đám cháy rừng. Đến giờ, vi rút đó sẽ xâm nhập vào dân số toàn cầu. “Anh, em... tất cả mọi người.”

Langdon đứng lên khỏi ghế và bắt đầu đi tới đi lui trước mặt cô. “Và nó gây ra điều gì với chúng ta?”, anh nhắc lại.

Sienna im lặng một lúc lâu. “Vi rút ấy có khả năng làm cho cơ thể người... thành vô sinh.” Cô thay đổi tư thế về bút rút. “Bertrand tạo ra một loại dịch bệnh gây vô sinh.”

Những lời của cô tác động mạnh đến Langdon. Một loại vi rút làm cho chúng ta vô sinh sao? Langdon biết có tồn tại những loại vi rút có thể gây vô sinh, nhưng một loại bệnh dịch lây lan nhanh trong không khí có thể làm như vậy, bằng cách thay đổi chúng ta về mặt di truyền, dường như chỉ có ở thế giới khác... Một xã hội đọa đày giả tưởng kiểu Orwell [\[60\]](#).

Bertrand thường đưa ra lý thuyết về một loại vi rút như thế này”, Sienna nói khẽ, “nhưng em chưa bao giờ nghĩ anh ấy sẽ tìm cách tạo ra nó... lại càng không thể thành công. Khi em nhận được lá thư của anh ấy và biết được những gì anh ấy đã làm, em rất sốc. Em ra sức tìm anh ấy, van nài anh ấy hủy bỏ công trình của mình. Nhưng em đã đến quá trễ”.

“Khoan đã”, Langdon xen ngang. “Nếu loại vi rút làm cho tất cả mọi người trên trái đất trở thành vô sinh, thì sẽ không thể có thế hệ mới, và loài người sẽ bắt đầu chết dần... ngay tức thì.”

“Đúng vậy”, cô đáp lời, giọng cô nghe rất nhỏ. “Trừ phi tuyệt chủng không phải là mục tiêu của Bertrand - mà ngược lại, thực tế là vậy - và đó là lý do tại sao anh ấy tạo ra một loại vi rút hoạt động ngẫu nhiên - vi rút Hỏa ngục. Mặc dù lúc này vi rút đã lây nhiễm vào toàn bộ DNA của loài người và sẽ truyền cho tất cả chúng ta từ thế hệ này trở đi, nhưng nó sẽ chỉ ‘hoạt động’ ở một tỷ lệ người rất nhỏ. Nói cách khác, loại vi rút này hiện có trong tất cả mọi người trên trái đất, nhưng nó sẽ chỉ gây vô sinh ở một bộ phận dân số được lựa chọn ngẫu nhiên mà thôi.”

“Bộ phận... nào?”, Langdon nghe rõ chính mình thốt lên, đầy vẻ hoài nghi khi đặt ra một câu hỏi như vậy.

“Chà, như anh đã biết, Bertrand rất lưu tâm đến Cái chết Đen - đại dịch đã giết chết một phần ba dân số châu Âu, không phân biệt ai cả. Anh ấy tin rằng tự nhiên biết cách tự chọn lọc. Khi tính toán tỷ lệ vô sinh, anh ấy đã rất phấn khởi khi phát hiện ra rằng tỷ lệ tử vong một phần ba do bệnh dịch hạch dường như là tỷ lệ chính xác cần thiết để bắt đầu sàng lọc dân số loài người theo một tốc độ có thể điều khiển được.

Đúng là quái đản, Langdon thầm nghĩ.

“Cái chết Đen làm vơi dân số và mở đường cho thời Phục Hưng”, cô nói, “và Bertrand tạo ra vi rút Hỏa ngục như một dạng chất xúc tác hiện đại cho quá trình phục hồi toàn cầu - một Cái chết Đen theo thuyết Siêu nhân học. Điểm khác biệt nằm ở chỗ những người bị mắc bệnh, thay vì tử vong, sẽ chỉ bị vô sinh. Giả định rằng vi rút của Bertrand phát huy tác dụng thì giờ đây một phần ba dân số thế giới không còn khả năng sinh sản... và luôn luôn có một phần ba dân số sẽ tiếp tục vô sinh. Ảnh hưởng cũng sẽ giống như tác động của một gene lặn, tức là di truyền cho tất cả con cháu, nhưng chỉ gây ảnh hưởng đến một tỷ lệ nhỏ trong số họ mà thôi”.

Tay Sienna run rẩy trong lúc tiếp tục nói, “Trong lá thư gửi cho em, Bertrand đầy tự hào nói rằng anh ấy coi vi rút Hỏa ngục là một giải pháp rất nhân văn cho vấn đề quá tải dân số”. Mắt cô lại ngân ngấn lệ, và cô vội gạt đi. “So với mức độ nguy hiểm của Cái chết Đen thì em phải thừa nhận cách tiếp cận này ít nhiều nhân hậu. Sẽ không có chuyện các bệnh viện quá tải người bệnh và người hấp hối, không có những xác chết thối rữa trên đường phố, và không

có những người sống sót nhưng đau đớn trước cái chết của người thân yêu. Chỉ đơn giản là con người sẽ không có nhiều con cái. Hành tinh của chúng ta sẽ trải qua một giai đoạn suy giảm liên tục tỷ lệ sinh cho tới khi đường cong dân số thay đổi, và tổng số dân của chúng ta bắt đầu giảm xuống.”

Cô ngừng lại. “Kết quả sẽ hiệu nghiệm hơn hẳn dịch hạch, chỉ là khống chế số lượng của con người, tạo ra xu hướng đi xuống tạm thời trên đồ thị tăng dân số. Với Hỏa ngục, Bertrand tạo ra một giải pháp lâu dài, một giải pháp vĩnh viễn... một giải pháp Siêu nhân học. Anh ấy là một chuyên gia di truyền chuỗi phôi. Anh ấy giải quyết các vấn đề ở cấp độ căn nguyên gốc rễ.”

“Như thế là khủng bố di truyền...”, Langdon nói khẽ. “Nó làm thay đổi con người chúng ta lúc này, con người chúng ta vẫn luôn như vậy, ở cấp độ cơ bản nhất.”

“Bertrand không nhìn nhận mọi việc như thế. Anh ấy ao ước có thể giải quyết được khiếm khuyết cốt tử trong quá trình tiến hóa của nhân loại... Sự thật là loài người chúng ta sinh sản quá nhiều. Chúng ta là một sinh vật, mặc dù có trí tuệ vượt trội, song dường như lại không thể kiểm soát được số lượng của chính mình. Không có biện pháp tránh thai tự do, giáo dục hay lời vận động nào của chính phủ có tác dụng cả. Chúng ta cứ có con... cho dù muốn hay không. Anh có biết CDC vừa tuyên bố rằng gần một nửa ca mang thai ở Hoa Kỳ là do vỡ kế hoạch không? Và, ở những quốc gia kém phát triển, con số đó là hơn bảy mươi phần trăm!”

Langdon đã nhìn thấy những số liệu thống kê này trước đó nhưng chỉ đến lúc này anh mới bắt đầu hiểu ý nghĩa của chúng. Là một giống loài, con người cũng giống như giống thỏ rừng được đưa tới một số chuỗi đảo ở Thái Bình Dương, có thể sinh sản thoải mái tới mức tự phá hủy hệ sinh thái của chính mình và cuối cùng tự tuyệt chủng.

Bertrand Zobrist đã thiết kế lại giống loài chúng ta... nhằm cố gắng cứu lấy chúng ta... biến cải chúng ta thành loài có tỷ lệ sinh sản thấp.

Langdon hít một hơi thật sâu và đăm đăm nhìn ra eo biển Bosphorus, cảm thấy lâng lâng, giống như những con tàu đang trôi nổi phía xa. Những tiếng còi hụ vẫn càng lúc càng to, đang vọng lại từ phía cầu cảng, và Langdon cảm thấy thời gian đang cạn dần.

“Điều khủng khiếp nhất”, Sienna nói, “không phải là vi rút Hỏa ngục gây ra

tình trạng vô sinh, mà là nó có khả năng làm điều đó. Một vi rút định hướng tồn tại trong không khí là một bước tiến vượt bậc - vượt xa thời đại nhiều năm. Bertrand bỗng chốc đưa chúng ta thoát ra khỏi thời kỳ tăm tối của điều khiển di truyền và đẩy chúng ta tiến nhanh vào tương lai. Anh ấy đã mở khóa quá trình tiến hóa và cho nhân loại khả năng định nghĩa lại giống loài của mình bằng những hành động có quy mô và ảnh hưởng sâu rộng. Pandora đã thoát ra khỏi hộp chứa, và không thể nhốt nó trở lại được nữa. Bertrand đã tạo ra chìa khóa để thay đổi loài người... và nếu các chìa khóa đó rơi vào những bàn tay không xứng đáng thì khi đó xin Chúa phù hộ chúng ta. Công nghệ này đáng lẽ không bao giờ được tạo ra. Ngay khi em đọc bức thư của Bertrand giải thích cách anh ấy đạt được mục tiêu của mình, em đã đốt nó đi. Sau đó em thì tìm cho ra vi rút của anh ấy và phá hủy mọi vết tích của nó”.

“Anh không hiểu”, Langdon nói, giọng đầy giận dữ. “Nếu em muốn tiêu diệt loại vi rút đó, tại sao em lại không hợp tác với tiến sĩ Sinskey và WHO? Lẽ ra em nên gọi cho CDC hay ai đó.”

Anh nghĩ một cách nghiêm túc xem! Các cơ quan chính phủ là những chủ thể cuối cùng trên trái đất nên được trao quyền tiếp cận với công nghệ này! Hãy nghĩ về điều đó, anh Robert. Trong suốt lịch sử loài người, mọi công nghệ mang tính đột phá từng được giới khoa học nghĩ ra đều bị biến thành vũ khí - từ hỏa khí đơn giản tới năng lượng nguyên tử - và gần như luôn nằm trong tay các chính phủ mạnh. Anh nghĩ các vũ khí sinh học của chúng ta từ đâu mà ra? Chúng khởi nguồn từ những nghiên cứu được thực hiện tại các địa điểm như WHO và CDC đấy. Công nghệ của Bertrand - một loại vi rút dịch bệnh được sử dụng như một phần tử mang thông tin di truyền - là thứ vũ khí hùng mạnh nhất từng được tạo ra. Nó mở đường cho những điều kinh khủng mà chúng ta thậm chí không thể hình dung nổi, kể cả những vũ khí sinh học có mục tiêu. Hãy thử hình dung ra một loại dịch bệnh chỉ tấn công những người mà mã di truyền có chứa những tín hiệu chủng tộc nhất định. Điều đó có thể giúp thực hiện việc loại trừ chủng tộc quy mô lớn ở cấp độ di truyền!”

“Anh hiểu những lo lắng của em, Sienna, anh hiểu, nhưng công nghệ này cũng có thể sử dụng cho những điều tốt đẹp, phải không? Lẽ nào phát hiện này không phải là một may mắn bất ngờ cho lĩnh vực y học di truyền? Một con đường mới để thực hiện tiêm chủng toàn cầu chẳng hạn?”

“Có lẽ như vậy, nhưng rất tiếc, em đã đủ kinh nghiệm để nhận ra những điều tệ hại nhất từ những con người nắm giữ quyền lực.

Phía xa, Langdon nghe thấy tiếng rền vang của một chiếc trực thăng đang phá tan bầu không khí. Anh dõi mắt qua những tán cây về phía chợ Gia vị và thấy những ánh đèn của một chiếc máy bay đang lượn phía trên khu đồi, bay nhanh về phía cầu cảng.

Sienna tỏ ra bồn chồn. “Em cần phải đi”, cô nói, đứng lên và ngó về cầu Atatürk ở phía tây. “Em nghĩ em có thể đi bộ qua cầu, và từ đó tới...”

“Em không đi được, Sienna”, anh nói rất kiên quyết.

“Robert, em quay lại bởi vì em cảm thấy em nợ anh một lời giải thích. Giờ anh đã có rồi.”

“Không, Sienna”, Langdon nói. “Em quay lại bởi vì em đã trốn chạy cả đời mình rồi, và cuối cùng em nhận ra em không thể chạy thêm được nữa.”

Dường như Sienna co rúm lại trước mặt anh. “Em còn lựa chọn nào đây?”, cô hỏi, mắt nhìn chiếc trực thăng đang dõi khắp vùng nước. “Họ sẽ tống em vào tù ngay khi họ tìm thấy em.”

“Em chẳng làm gì sai trái cả, Sienna. Em không hề tạo ra loại vi rút này... cũng không hề giải phóng nó.”

“Đúng, nhưng em đã đi quá xa trong việc ngăn cản Tổ chức Y tế Thế giới tìm ra nó. Nếu không kết thúc mọi chuyện trong một nhà tù Thổ Nhĩ Kỳ thì em cũng sẽ đối mặt với một tòa án quốc tế nào đó với tội danh khủng bố sinh học.”

Khi tiếng động cơ trực thăng nghe to hơn, Langdon nhìn về cầu cảng phía xa. Chiếc máy bay đang lơ lửng tại chỗ, cánh quạt khuấy tung nước trong khi ánh đèn pha của nó quét qua những chiếc thuyền.

Trông Sienna như sẵn sàng lao đi bất cứ lúc nào.

“Nghe anh này”, Langdon nói, giọng dịu hẳn. “Anh biết em đã trải qua quá nhiều việc, và anh biết em sợ, nhưng em cần nghĩ đến một bức tranh lớn hơn. Bertrand tạo ra loại vi rút này. Còn em cố gắng ngăn chặn nó.”

“Nhưng em đã thất bại.”

“Đúng, giờ loại vi rút đó đã thoát ra, cộng đồng khoa học và y học sẽ cần phải hiểu nó một cách đầy đủ. Em là người duy nhất biết rõ về nó. Có lẽ có

cách để vô hiệu hóa nó... hoặc làm gì đó để chuẩn bị.” Ánh mắt của Langdon nhìn như xoáy vào cô. “Sienna, thế giới cần biết những gì em biết. Em không thể biến mất được.”

Giờ thân hình mảnh dẻ của Sienna run lên bần bật, như thể toàn bộ nỗi đau khổ và tâm trạng không chắc chắn vỡ òa. “Robert, em... em không biết phải làm gì. Em thậm chí không biết mình là ai nữa. Hãy nhìn em đi.” Cô đưa một tay lên cái đầu trọc lóc của mình. “Em đã biến thành một con quái vật. Làm sao em có thể đối diện với...”

Langdon bước tới và vòng tay quanh người cô. Anh cảm nhận được cơ thể của cô run lên, cảm nhận được sự mỏng manh của cô truyền qua ngực mình. Anh khẽ thì thầm vào tai cô.

“Sienna, anh biết em muốn bỏ đi, nhưng anh sẽ không để em đi. Sớm muộn em cũng cần học cách tin tưởng ai đó.”

“Em không thể...”, cô thốt thức. “Em không chắc phải làm như thế nào.”

Langdon ôm chặt cô hơn. “Em hãy bắt đầu từ điều nhỏ thôi. Một bước đầu tiên đơn giản. Hãy tin tưởng anh.”

Chương 100

Tiếng va chạm chói tai của kim loại vang rền khắp khoang chiếc máy bay vận tải C-130 không có cửa sổ, khiến Thị Trưởng bật dậy. Bên ngoài, ai đó đang đập báng súng vào cửa máy bay và đòi vào trong.

“Tất cả mọi người ngồi yên”, phi công chiếc C-130 ra lệnh, và tiến về phía cửa. “Họ là cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ. Họ vừa tiếp cận máy bay.”

Thị Trưởng và Ferris nhìn nhau thật nhanh.

Căn cứ vào những cuộc gọi hoảng hốt của những nhân viên WHO trên khoang máy bay, Thị Trưởng linh cảm rằng nhiệm vụ ngăn chặn của họ đã thất bại. Zobrist đã thực hiện được kế hoạch của hắn, ông ta nghĩ thầm. Và có sự góp phần của mình.

Bên ngoài cửa máy bay, những tiếng nói đầy quyền lực bắt đầu vang lên bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

Thị Trưởng đứng bật dậy. “Đừng mở cửa!”, ông ta yêu cầu phi công.

Anh chàng phi công dừng sững lại, nhìn Thị Trưởng. “Tại sao lại không chứ?”

“WHO là một tổ chức quốc tế”, Thị Trưởng nói, “và chiếc máy bay này là một lãnh thổ có chủ quyền!”

Người phi công lắc đầu. “Thưa ông, chiếc máy bay này đang đỗ tại một sân bay Thổ Nhĩ Kỳ, và trừ khi nó rời khỏi không phận Thổ Nhĩ Kỳ, còn không nó vẫn chịu sự điều khiển của luật pháp nước này.” Người phi công tiến tới lối thoát và mở toang cửa ra.

Hai người đàn ông mặc đồng phục dăm dăm nhìn vào. Ánh mắt nghiêm nghị của họ không có một chút gì khoan nhượng. “Ai là cơ trưởng máy bay này?”, một người hỏi bằng giọng nặng trịch.

“Tôi đây”, người phi công nói.

Một viên sĩ quan đưa cho phi công hai tờ giấy. “Lệnh bắt giữ. Hai hành khách này phải đi cùng chúng tôi.”

Người phi công lướt qua tờ giấy và nhìn Thị Trưởng cùng Ferris.

“Gọi cho tiến sĩ Sinskey đi”, Thị Trưởng yêu cầu viên phi công WHO. “Chúng ta đang thực hiện một nhiệm vụ khẩn cấp quốc tế kia mà.”

Một trong hai viên sĩ quan nhìn Thị Trưởng với nụ cười khinh khỉnh. “Tiến sĩ Elizabeth Sinskey phải không? Giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới chứ gì? Bà ấy là người ra lệnh bắt ông đấy.”

“Không thể như vậy được”, Thị Trưởng đáp. “Anh Ferris và tôi có mặt ở Thổ Nhĩ Kỳ này để giúp đỡ tiến sĩ Sinskey.”

“Vậy thì ông làm việc chưa được tốt rồi”, viên sĩ quan thứ hai đáp lời. “Tiến sĩ Sinskey đã liên hệ với chúng tôi và nói rõ cả hai vị là những kẻ âm mưu trong một kế hoạch khủng bố sinh học trên lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ.” Anh ta lôi ra còng tay. “Cả hai vị sẽ đến trụ sở để thẩm vấn.”

“Tôi đề nghị gọi luật sư!”, Thị Trưởng hét to.

Ba mươi giây sau, ông ta và Ferris đã bị còng tay, lôi qua hai hàng ghế và bị

ấn vào khoang sau của một chiếc ô tô mui kín màu đen. Chiếc xe lao vụt đi, lướt qua đường băng tới một góc khuất của sân bay, nó dừng lại bên một dãy hàng rào lưới thép mỏng đã bị cắt thủng và kéo rộng ra cho xe đi qua. Khi ra khỏi hàng rào bao ngoài, chiếc xe băng qua một vùng đất trống bụi bặm chứa máy móc của máy bay hỏng và đỗ lại gần một tòa nhà dịch vụ đã cũ.

Hai người đàn ông mặc đồng phục nhảy ra khỏi xe và nhìn toàn khu vực. Thấy hài lòng vì không bị theo đuôi, họ lột bỏ đồng phục cảnh sát và ném sang một bên. Sau đó họ giúp Ferris và Thị Trưởng ra khỏi xe và tháo còng tay cho hai người.

Thị trưởng xoa xoa cổ tay, nhận ra mình cũng chẳng thể làm gì khi bị bắt giam.

“Chìa khóa xe ở dưới đệm”, một trong hai đặc vụ nói, giơ tay ra hiệu về phía một chiếc xe tải trắng đỗ gần đó. “Có một túi vải ở ghế sau với đầy đủ các thứ ngài yêu cầu - giấy tờ đi lại, tiền mặt, điện thoại trả trước, quần áo, cùng một vài thứ khác mà chúng tôi nghĩ có thể ngài cần.

“Cảm ơn”, Thị Trưởng nói. “Các anh cù lắm.”

“Được đào tạo đâu ra đây thôi, thưa ngài.”

Nói xong, hai người đàn ông Thổ Nhĩ Kỳ lại leo lên chiếc xe mui kín màu đen và phóng đi.

Sinskey sẽ không bao giờ để mình đi thoát, Thị Trưởng tự nhủ. Cảm nhận rõ điều đó khi bay tới Istanbul, Thị Trưởng đã gửi thư điện tử cầu cứu cho chi nhánh địa phương của Consortium, nói rõ rằng ông ta và Ferris cần thoát lui.

“Ngài có nghĩ bà ta sẽ truy đuổi chúng ta không?”, Ferris hỏi.

“Sinskey hả?”, Thị Trưởng gật đầu. “Chắc chắn rồi. Mặc dù tôi cho rằng lúc này bà ấy còn những mối bận tâm khác.”

Hai người leo lên chiếc xe tải trắng, và Thị Trưởng lục kỹ tất cả những thứ bên trong túi vải, sắp xếp mọi giấy tờ theo trật tự. Ông ta lôi ra một cái mũ bóng chày và đội lên đầu. Phía trong mũ, ông ta tìm thấy một chai rượu Highland Park nhỏ.

Mấy tay này rất được.

Thị Trưởng nhìn thứ chất lỏng màu hổ phách, tự nhủ mình rằng cần phải đợi cho tới ngày mai. Thế rồi, ông ta lại nhớ đến cái túi Solublon của Zobrist và tự hỏi ngày mai sẽ như thế nào.

Mình đã phá bỏ nguyên tắc cốt tử của mình, ông ta nghĩ thầm. Mình đã phản bội khách hàng của mình.

Thị Trưởng cảm thấy mông lung một cách kỳ lạ, biết rõ rằng những ngày tới sẽ tràn ngập tin tức về một thảm họa mà trong đó, ông ta đóng một vai trò rất quan trọng. Chuyện này sẽ không xảy ra nếu không có mình.

Lần đầu tiên trong đời, ông ta thấy rằng việc tỏ ra không biết gì không còn là nền tảng đạo đức nữa. Những ngón tay ông ta bóc lớp niêm phong trên chai Scotch.

Tận hưởng thôi, ông ta tự nhủ. Chẳng nào chẳng vậy, những ngày tháng của mày đã được đánh số rồi.

Thị Trưởng uống một hơi dài, thưởng thức vị cay nóng trong cổ họng.

Đột nhiên, màn đêm sáng bừng lên những ánh đèn pha và những ngọn đèn xanh nhấp nháy của xe cảnh sát, lúc này bao vây họ từ mọi phía.

Thị Trưởng cuống cuống nhìn tứ phía... và sau đó ngồi yên như tượng đá.

Chẳng còn lối thoát nào.

Khi những sĩ quan cảnh sát Thổ Nhĩ Kỳ có vũ trang tiến đến gần chiếc xe tải, súng giương sẵn sàng, Thị Trưởng uống nốt ngụm Highland Park cuối cùng và im lặng giơ tay lên đầu.

Lần này, ông ta biết, những sĩ quan đó không đứng về phía mình.

Chương 101

Lãnh sự quán Thụy Sĩ ở Istanbul nằm tại tòa nhà One Levent Plaza trong một tòa cao ốc siêu hiện đại. Phần mặt tiền lắp kính xanh lốm của tòa nhà trông như một tảng đá nguyên khối đến từ thời tương lai nằm trong đại đô thị cổ kính.

Gần một tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ lúc Sinskey rời khỏi bể chứa để thiết

lập một sở chỉ huy tạm thời tại văn phòng lãnh sự. Các cơ quan tin tức địa phương tràn ngập bản tin về vụ giã mổ kinh hoàng trong đêm diễn cuối cùng bản Giao hưởng Dante của Liszt tại bể chứa. Chưa có chi tiết đặc biệt nào được đăng tải, nhưng sự hiện diện của một nhóm y tế quốc tế mặc đồ phòng độc đã làm dấy lên rất nhiều đồn đoán.

Sinskey dăm dăm nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm những ánh đèn thành phố và cảm thấy vô cùng đơn độc. Như một thói quen, bà đưa tay lên tìm chiếc vòng cổ có gắn bùa, nhưng trống không. Chiếc bùa gãy thành hai nửa đang nằm trên mặt bàn làm việc của bà.

Giám đốc WHO vừa kết thúc việc điều phối một loạt cuộc họp khẩn cấp sẽ được tổ chức tại Geneva trong vài giờ nữa. Các chuyên gia từ các cơ quan khác nhau đã lên đường, và bản thân Sinskey cũng có kế hoạch bay tới đó sớm để thông báo sơ lược tình hình cho họ biết. Thật may, ai đó trong nhóm nhân viên làm đêm đã mang tới cho Sinskey một cốc cà phê Thổ Nhĩ Kỳ thứ thiệt còn nóng hổi. Và bà đã uống hết veo.

Một người đàn ông trẻ tuổi trong số nhân viên lãnh sự quán ngó vào qua cánh cửa phòng đề nghị của bà. “Thưa bà? Robert Langdon tìm đến đây xin gặp bà.”

“Cảm ơn anh”, bà đáp. “Nhờ anh dẫn ông ấy vào.”

Hai mươi phút trước, Langdon liên hệ với Sinskey bằng điện thoại và giải thích rằng Sienna Brooks đã lẩn tránh anh, đánh cắp một chiếc xuống và bỏ trốn ra biển. Sinskey đã nghe được thông tin này từ giới chức, lúc này vẫn đang tìm kiếm khắp khu vực nhưng cho đến giờ vẫn tay trắng.

Bây giờ, khi cái dáng cao lớn của Langdon hiện ra ở ngưỡng cửa, bà gần như không nhận ra anh. Bộ đồ trên người anh bản thủ, mái tóc đen rối bù, đôi mắt đầy mệt mỏi và trũng sâu.

“Giáo sư, anh ổn chứ?”, Sinskey đứng lên.

Langdon mỉm cười mệt mỏi. “Tôi đã có những buổi tối thư thái hơn.”

“Xin mời”, bà nói, tay chỉ một chiếc ghế. “Mời anh ngồi.”

“Bệnh dịch của Zobrist”, Langdon bắt đầu mà không cần mào đầu trong khi ngồi xuống ghế. “Tôi nghĩ có lẽ nó đã được giải phóng từ một tuần trước rồi.”

Sinskey gật đầu nhăn nẻ. “Đúng vậy, chúng tôi cũng có cùng kết luận đó. Chưa có triệu chứng gì được báo lại, nhưng chúng tôi đã tách các mẫu và đang đẩy nhanh quá trình kiểm nghiệm tập trung. Rất tiếc, có thể mất vài ngày hoặc hàng tuần mới thực sự hiểu được loại vi rút này là gì... và nó có thể gây ra chuyện gì.”

“Nó là một loại vi rút định hướng”, Langdon nói.

Sinskey nghiêng đầu vẻ ngạc nhiên, hơi giật mình khi nghe thấy rằng thậm chí anh cũng biết thuật ngữ đó. “Anh nói sao cơ?”

“Zobrist đã tạo ra một loại vi rút định hướng tồn tại trong không khí có khả năng làm thay đổi DNA của con người.”

Sinskey bật dậy, xô văng cả ghế. Không thể như thế được! “Điều gì khiến anh khẳng định chuyện như vậy?”

“Sienna”, Langdon đáp nhanh. “Cô ấy nói với tôi. Nửa giờ trước.”

Sinskey chống tay xuống bàn và trân trối nhìn Langdon với vẻ không tin nổi. “Cô ta không bỏ trốn sao?”

“Chắc chắn là có”, anh đáp. “Cô ấy thoát rồi, trên một chiếc xuồng phóng ra biển, và cô ấy có thể dễ dàng biến mất mãi mãi. Nhưng cô ấy đã suy nghĩ kỹ càng hơn mọi việc. Cô ấy tự nguyện quay lại. Sienna muốn giúp giải quyết cuộc khủng hoảng này.”

Môi Sinskey bật lên một tiếng cười khan. “Xin thứ lỗi cho tôi nếu tôi nếu tôi không chịu tin tưởng quý cô Brooks, đặc biệt khi cô ta đưa ra một tuyên bố cường điệu như vậy.”

“Tôi tin cô ấy”, Langdon nói, giọng anh không hề nao núng. “Và nếu cô ấy tuyên bố rằng đó là một loại vi rút định hướng thì tôi nghĩ tốt hơn cả bà nên xem xét lời nói của cô ấy một cách nghiêm túc.”

Sinskey bỗng cảm thấy kiệt sức, đầu óc bà cố gắng phân tích những lời của Langdon. Bà đi tới bên cửa và đăm đăm nhìn ra. Một loại vi rút định hướng làm thay đổi DNA ư? Cái viễn cảnh ấy nghe đáng sợ và không mấy xác thực nhưng bà phải thừa nhận rằng ở nó có sự logic rất lạ. Nói cho cùng, Zobrist là một chuyên gia di truyền và biết rất rõ rằng chỉ một biến đổi nho nhỏ trong một gene duy nhất cũng có thể gây ra những hậu quả tai hại cho cơ thể - ung thư, rối loạn chức năng các cơ quan, và rối loạn máu. Thậm chí một

căn bệnh đáng ghét như xơ nang - thứ bệnh khiến nạn nhân chết ngộp trong nước nhầy - cũng do một trục trặc rất nhỏ trong một gene điều tiết ở nhiễm sắc thể thứ bảy.

Ngày nay các chuyên gia đã bắt đầu điều trị những tình trạng di truyền này bằng các loại vi rút định hướng sơ đẳng, được bơm trực tiếp vào bệnh nhân. Những vi rút không gây bệnh này được lập trình để di chuyển khắp cơ thể bệnh nhân và lập ra DNA thay thế, giúp sửa chữa những phần đã bị tổn thương. Tuy nhiên, ngành khoa học mới mẻ này, cũng như tất cả những ngành khoa học khác, có mặt trái của nó. Những ảnh hưởng của một vi rút định hướng có thể tốt hoặc rất có hại, tùy thuộc vào ý định của người tạo ra nó. Nếu một vi rút được lập trình một cách ác ý để đưa DNA hư hại vào các tế bào khỏe mạnh thì hậu quả thật kinh khủng. Hơn nữa, nếu vi rút có hại đó lại được tạo ra với khả năng lây lan cao và tồn tại trong không khí thì...

Viễn cảnh đó làm Sinskey rùng mình. Zobrist nghĩ đến thảm họa di truyền gì không biết? Hẳn âm mưu làm giảm dân số như thế nào đây?

Sinskey biết rằng việc tìm ra câu trả lời có thể mất hàng tuần. Mã di truyền của con người có chứa cả một mê cung bất tận những khả năng hoán vị hóa học. Khả năng tìm kiếm toàn bộ mê cung đó với hy vọng tìm cho ra một biến đổi cụ thể của Zobrist chẳng khác gì mò kim đáy bể, thậm chí còn không biết được cái đáy bể ấy nằm ở hành tinh nào.

“Bà Elizabeth?” Giọng nói thâm trầm của Langdon kéo bà trở lại.

Sinskey rời mắt khỏi cửa sổ và nhìn anh.

“Bà có nghe tôi nói không?”, anh hỏi, vẫn bình tĩnh ngời nguyền. “Sienna muốn tiêu diệt loại vi rút đó giống như bà vậy.”

“Tôi thực sự nghi ngờ điều đó.”

Langdon thở hắt ra, giờ mới đứng lên. “Tôi nghĩ bà nên lắng nghe tôi. Không lâu trước khi chết, Zobrist viết một lá thư cho Sienna, nói cho cô ấy biết những gì anh ta làm. Anh ta nêu đích xác những gì vi rút này sẽ thực hiện... cách nó tấn công chúng ta... cách nó đạt được mục tiêu của anh ta.”

Sinskey cứng đờ người. Có một bức thư sao?!

“Khi đọc những mô tả của Zobrist về những gì anh ta tạo ra, Sienna vô cùng kinh hãi. Cô ấy muốn ngăn anh ta. Cô ấy xem thứ vi rút của anh ta nguy

hiềm đến mức không muốn bất kỳ ai tiếp cận được với nó, kể cả Tổ chức Y tế Thế giới. Bà không thấy sao? Sienna đã cố gắng tiêu diệt vi rút đó... chứ không phải giải phóng nó.”

“Có một bức thư à?”, Sinskey hỏi lại, giờ chỉ quan tâm đến điểm máu chót. “Với mọi chi tiết phải không?”

“Đó là những gì Sienna nói với tôi, vâng.”

“Chúng tôi cần bức thư đó! Có được các chi tiết có thể tiết kiệm cho chúng tôi hàng tháng trời để hiểu được cái thứ này là gì và biết các xử lý nó.”

Langdon lắc đầu. “Bà không hiểu rồi. Khi đọc thư của Zobrist, Sienna rất kinh sợ. Cô ấy đã đốt bỏ nó ngay lập tức. Cô ấy muốn bảo đảm không có ai...”

Sinskey đập mạnh tay xuống bàn. “Cô ta hủy một thứ có thể giúp chúng tôi chuẩn bị cho cuộc khủng hoảng này sao? Và anh muốn tôi tin cô ta à?”

“Tôi biết điều đó rất có vấn đề, nhất là căn cứ vào những hành động của cô ấy, nhưng thay vì trừng phạt cô ấy, sẽ hữu ích nếu bà nhớ cho rằng Sienna có một trí thông minh tuyệt vời và khả năng ghi nhớ đến kinh ngạc.” Langdon ngừng lại. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô ấy có thể tái tạo đầy đủ bức thư của Zobrist để giúp bà?”

Sinskey nheo mắt, hơi gật đầu. “Chà, giáo sư, trong trường hợp đó, anh khuyên tôi nên làm gì?”

Langdon ra hiệu về phía cốc cà phê đã cạn sạch của bà. “Tôi gợi ý bà gọi thêm cà phê... và nghe một điều kiện mà Sienna đề nghị.”

Mạch của Sinskey đập nhanh hơn, và bà liếc nhìn điện thoại. “Anh biết cách liên lạc với cô ta phải không?”

“Đúng vậy.”

“Cho tôi biết cô ta đề nghị gì.”

Langdon nói với bà, và Sinskey im lặng, suy ngẫm lời đề nghị.

“Tôi nghĩ đó là một việc rất đúng đắn”, Langdon nói thêm. “Và bà phải mất gì nào?”

“Nếu mọi thứ anh nói là sự thật, thì tôi xin hứa với anh.” Sinskey đẩy điện thoại về phía anh. “Xin gọi điện đi.”

Trước vẻ ngạc nhiên của Sinskey, Langdon không ngó tới điện thoại. Thay vào đó, anh đứng dậy và tiến thẳng ra cửa, nói rằng anh sẽ quay lại sau một phút. Ngơ ngác, Sinskey bước ra sảnh và nhìn anh sải bước qua khu phòng chờ của lãnh sự quán, mở cánh cửa kính, và đi vào buồng thang máy phía trước. Nhất thời, bà nghĩ anh đang bỏ đi, nhưng sau đó, thay vì gọi thang máy, anh lặng lẽ lách vào phòng vệ sinh nữ.

Một lúc sau, anh xuất hiện cùng một người phụ nữ chỉ mới ngoài ba mươi. Sinskey phải mất một lúc lâu mới nhận ra rằng đây đúng là Sienna Brooks. Người phụ nữ tóc đuôi ngựa xinh đẹp mà bà gặp lúc trước trong ngày hôm nay đã thay đổi hoàn toàn. Đầu cô ấy trọc lóc, như thể đã được cạo nhẵn nhụi.

Khi vào văn phòng của bà, họ im lặng ngồi xuống ghé đôi điện với bàn làm việc.

“Xin thứ lỗi cho tôi”, Sienna nói nhanh. “Tôi biết chúng ta có rất nhiều chuyện để thảo luận, nhưng trước tiên, tôi hy vọng bà sẽ cho phép tôi nói điều tôi thực sự phải nói.”

Sinskey nhận ra giọng nói của Sienna đượm vẻ u uất. “Dĩ nhiên rồi.”

“Thưa bà”, cô bắt đầu, giọng cô run run, “bà là giám đốc của Tổ chức Y tế Thế giới. Bà biết rõ hơn ai hết rằng chúng ta là giống loài trên bờ vực diệt vong... một cộng đồng vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Suốt nhiều năm, Bertrand Zobrist đã cố gắng liên hệ với những nhân vật có ảnh hưởng như bà để thảo luận về cuộc khủng hoảng đang đến gần. Anh ấy đã tới rất nhiều tổ chức mà anh ấy tin có thể tác động đến sự thay đổi - Viện Theo dõi Môi trường Thế giới, Câu lạc bộ Rome, Tổ chức các vấn đề Dân số, Hội đồng Quan hệ Đối ngoại - nhưng anh ấy chẳng tìm được ai dám tham gia vào cuộc thảo luận có ý nghĩa về một giải pháp thật sự. Tất cả các vị đều đáp lại bằng những kế hoạch như giáo dục phòng tránh thai tốt hơn, khuyến khích thuế cho những gia đình quy mô nhỏ, và thậm chí bàn cả đến việc chinh phục mặt trăng! Không có gì lạ khi Bertrand mất niềm tin.”

Sinskey chăm chú nhìn cô, không tỏ ra phản ứng gì.

Sienna hít một hơi thật sâu. “Tiến sĩ Sinskey, Bertrand đã tới gặp riêng bà. Anh ấy nài nỉ bà thừa nhận rằng chúng ta đang trên bờ vực... nài nỉ bà tham

gia vào cuộc thảo luận. Nhưng thay vì lắng nghe những ý kiến đó, bà gọi anh ấy là một gã điên rồ, đưa anh ấy vào danh sách theo dõi, và xua đuổi anh ấy xuống lòng đất.” Giọng Sienna càng lúc càng nặng trĩu cảm xúc. “Bertrand chết vì những người như bà từ chối mở mang đầu óc để chấp nhận rằng tình cảnh bi thảm của chúng ta phải cần đến một giải pháp không lấy gì làm dễ chịu. Tất cả những gì Bertrand cố làm là nói lên sự thật... và vì điều đó, anh ấy bị tẩy chay.” Sienna gạt nước mắt và nhìn xoáy vào Sinskey bên kia bàn. “Hãy tin tôi, tôi biết cảm giác cô độc là như thế nào... Sự cô độc tệ hại nhất trên đời chính là bị cô lập do hiểu nhầm. Điều đó có thể khiến người ta đánh mất niềm tin vào thực tại.”

Sienna ngừng nói, để lại một không gian im lặng, căng thẳng.

“Đó là tất cả những gì tôi muốn nói”, cô thì thầm.

Sinskey nhìn cô một lúc lâu và sau đó ngồi xuống. “Cô Brooks”, bà nói, cố gắng bình tĩnh hết mức, “cô nói đúng. Có thể trước kia tôi đã không chịu lắng nghe...”. Bà khoanh tay trên bàn và nhìn thẳng vào Sienna. “Nhưng giờ thì tôi đang nghe đây.”

Chương 102

Đồng hồ trong đại sảnh sự quán Thụy Sĩ điểm 1 giờ sáng đã lâu.

Tập giấy ghi chép trên bàn Sinskey giờ là một mớ những dòng viết tay, câu hỏi và biểu đồ. Bà giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới chẳng hề nhúc nhích cũng không nói gì đã hơn năm phút rồi. Bà đứng bên cửa sổ, dăm dăm nhìn ra trời đêm.

Phía sau bà, Langdon và Sienna đang chờ đợi, ngồi im lặng, cố nhấp nốt những giọt cà phê Thổ Nhĩ Kỳ cuối cùng, mùi đất nghiền cùng hạt hồ trăn đậm đặc tràn ngập trong phòng.

Thứ âm thanh duy nhất là tiếng rè rè của những ngọn đèn huỳnh quang trên đầu.

Sienna cảm thấy tim mình đang đập thành thịch, và tự hỏi Sinskey đang nghĩ gì, sau khi đã nghe toàn bộ sự thật với thực tế trần trụi. Vi rút của Bertrand là một loại dịch bệnh vô sinh. Một phần ba dân số thế giới sẽ không có khả năng sinh sản.

Trong suốt quá trình giải thích, Sienna đã chứng kiến đủ mọi sắc thái cảm xúc của Sinskey, thể hiện rất rõ dù đã cố kiềm chế. Trước tiên, đó là thái độ sững sờ chấp nhận sự thật rằng Zobrist đã tạo ra một loại vi rút định hướng tồn tại trong không khí. Tiếp đến, bà thể hiện niềm hy vọng khi nghe nói vi rút ấy không được tạo ra để giết người. Rồi... rất từ từ, vẻ hãi hùng tăng dần khi sự thật được tiết lộ, và bà nhận ra rằng một bộ phận rất lớn dân số trên trái đất sẽ trở thành vô sinh. Việc biết được loại vi rút đó tấn công khả năng sinh sản của con người đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến cá nhân Sinskey.

“Bà Elizabeth?”, Langdon đánh bạo lên tiếng.

Sinskey từ từ thoát ra khỏi luồng suy nghĩ, Khi đưa mắt nhìn lại chỗ họ, gương mặt bà vô cùng u uất. “Sienna”, bà bắt đầu nói bằng một giọng buồn bã, “thông tin cô cung cấp sẽ rất hữu ích trong việc chuẩn bị một chiến lược để giải quyết cuộc khủng hoảng này. Tôi đánh giá cao sự thẳng thắn của cô. Cô biết đấy, các loại vi rút định hướng gây dịch bệnh đã được thảo luận trên lý thuyết như là một cách khả dĩ để miễn dịch cho đông đảo dân cư, nhưng tất cả mọi người đều tin rằng công nghệ này còn ở phía trước nhiều năm nữa.”

Sinskey trở lại bên bàn làm việc, và ngồi xuống.

“Xin thứ lỗi cho tôi”, bà nói, lắc đầu. “Ở thời điểm này, với tôi, toàn bộ chuyện này giống như một câu chuyện khoa học viễn tưởng.”

Không có gì lạ, Sienna nghĩ. Mọi bước nhảy vọt về y học đều luôn như thế - penicillin, thuốc gây tê, tia X, lần đầu tiên con người nhìn qua kính hiển vi và thấy một tế bào phân chia.

Tiến sĩ Sinskey chăm chú nhìn xuống tập giấy ghi chép của mình. “Trong vài giờ nữa, tôi sẽ đến Geneva để nghe cả loạt câu hỏi. Tôi tin chắc rằng câu hỏi đầu tiên sẽ là liệu có cách nào để ứng phó với vi rút này không.”

Sienna đoán rằng bà nói đúng.

“Và”, Sinskey tiếp tục, “tôi hình dung ra giải pháp đầu tiên được đề xuất sẽ là phân tích vi rút của Bertrand, hiểu rõ về nó hết mức có thể, và sau đó tìm cách tạo ra dòng thứ hai của nó - một dòng chúng ta lập trình lại để thay đổi DNA trở về dạng ban đầu”. Sinskey trông không mấy lạc quan khi đưa mắt nhìn Sienna. “Liệu có nên tạo ra một loại vi rút phản kháng hay không vẫn cần phải xem xét, nhưng về mặt giả thuyết, tôi muốn được nghe suy nghĩ của cô về hướng tiếp cận đó.”

Suy nghĩ của tôi ư? Sienna thấy chính mình lại vô thức đưa mắt nhìn về Langdon. Vị giáo sư nhìn cô gật đầu, gửi đi một thông điệp rất rõ ràng: Em đã đi đến nước này rồi. Hãy nói ra suy nghĩ của mình. Hãy nói sự thật đúng như em nhìn nhận nó.

Sienna háng giọng, ngoảnh lại nhìn Sinskey, và nói thật mạnh mẽ, rõ ràng. “Thưa bà, giới điều khiển di truyền là nơi tôi cùng Bertrand làm việc đã nhiều năm... Bà biết đấy, bộ gene của con người là một kết cấu cực kỳ vi tế... một ngôi nhà bằng các lá bài. Chúng ta càng điều chỉnh, khả năng chúng ta thay đổi nhằm lá bài và khiến mọi thứ đổ sụp càng lớn. Cá nhân tôi tin rằng cố làm lại những gì đã làm là hiểm họa rất lớn. Bertrand là một chuyên gia di truyền với trình độ và tầm nhìn siêu hạng. Anh ấy đi trước các đồng nghiệp nhiều năm. Đến thời điểm này, tôi không dám chắc có ai đó khác dám tiến vào bộ gene người, hy vọng làm cho nó luôn đúng người. Thậm chí nếu bà tạo ra một thứ gì đó mà bà nghĩ có thể phát huy tác dụng thì việc thử nó cũng sẽ cần lây nhiễm lần nữa cho toàn bộ dân số.”

“Rất đúng”, Sinskey nói, dường như không mấy ngạc nhiên trước những gì bà vừa nghe thấy. “Nhưng dĩ nhiên, có vấn đề lớn lao hơn. Chúng ta thậm chí có thể không muốn phản kháng lại.”

Những lời nói của bà khiến Sienna ngỡ ngác. “Tôi xin lỗi?”

“Cô Brooks, có thể tôi không tán thành phương pháp của Bertrand, nhưng cách đánh giá của anh ta về tình hình thế giới hoàn toàn chính xác. Hành trình này đang đối mặt với vấn đề quá tải dân số trầm trọng. Nếu chúng ta tìm cách vô hiệu hóa vi rút của Bertrand mà không có một kế hoạch dự phòng vững vàng... thì chúng ta sẽ chỉ lại trở về vị trí ban đầu mà thôi.”

Chắc chắn thái độ sừng sốt của Sienna thể hiện rất rõ, bởi vì Sinskey cười nhẹ với cô và nói thêm, “Không phải là một quan điểm mà cô nghĩ sẽ nghe được từ tôi phải không?”

Sienna lắc đầu. “Giờ tôi không dám chắc sẽ trông đợi gì nữa.”

“Vậy thì có lẽ tôi lại làm cô ngạc nhiên lần nữa”, Sinskey tiếp tục. “Như tôi đã nói lúc trước, các nhà lãnh đạo những cơ quan y tế hàng đầu trên khắp thế giới sẽ tụ tập về Geneva chỉ trong vài tiếng nữa để thảo luận về cuộc khủng hoảng này và chuẩn bị một kế hoạch hành động. Tôi không nhớ trong suốt nhiều năm làm việc tại WHO đã từng có một cuộc họp nào lại mang tầm quan trọng lớn lao hơn thế hay chưa.” Bà đưa mắt nhìn cô bác sĩ trẻ.

“Sienna, tôi muốn cô có mặt bên bàn nghị sự đó.”

“Tôi sao?”, Sienna bật dậy. “Tôi không phải một chuyên gia di truyền. Tôi đã nói với bà mọi điều tôi biết.” Cô chỉ tập giấy ghi chép của Sinskey. “Mọi thứ tôi phải nói đã nằm trên tập giấy của bà đấy.”

“Chưa đủ đâu”, Langdon xen vào. “Sienna, bất kỳ cuộc thảo luận có ý nghĩa nào về loại vi rút này đều sẽ cần đến bối cảnh. Tiến sĩ Sinskey và nhóm của bà ấy sẽ cần phát triển một khuôn khổ đạo đức để đánh giá phản ứng của họ trước cuộc khủng hoảng này. Rõ ràng bà ấy tin rằng em là người bổ sung duy nhất có thể giúp ích cho cuộc thảo luận đó.”

“Em e rằng khuôn khổ đạo đức của em sẽ không làm hài lòng WHO đâu.”

“Có thể không”, Langdon đáp, “đó chính là một lý do nữa để em có mặt ở đó. Em là thành viên của một thế hệ những nhà tư tưởng mới. Em đưa ra phản đề. Em có thể giúp họ hiểu suy nghĩ của những người có tầm nhìn như Bertrand - những cá nhân xuất chúng có niềm tin mạnh mẽ đến mức họ tự mình giải quyết vấn đề”.

“Bertrand không phải người đầu tiên đâu.”

“Không”, Sinskey xen vào, “và anh ta cũng sẽ không phải là người cuối cùng. Mỗi tháng, WHO lại phát hiện ra những phòng thí nghiệm nơi các nhà khoa học đang thâm nhập vào những mảng khuất của khoa học - tất cả mọi thứ, từ điều khiển tế bào gốc của con người tới lai tạo những giống lạ... những giống lai ghép không hề tồn tại trong tự nhiên. Thật rất phiền toái. Khoa học tiên bộ nhanh đến mức không ai biết mọi ranh giới được vạch ra ở chỗ nào nữa.”

Sienna phải thừa nhận như vậy. Chỉ mới gần đây, hai nhà vi rút học rất được kính nể - Fouchier và Kawaoka - đã tạo ra một vi rút H5N1 biến dị độc lực cao. Bất chấp ý định thuần túy học thuật của các nhà nghiên cứu, công trình sáng tạo mới mẻ của họ có khả năng khiến các chuyên gia an ninh sinh học phải cảnh giác và đã gây ra cả một làn sóng tranh cãi gây gắt trên mạng.

“Tôi sợ rằng nó sẽ chỉ càng ngày càng tệ”, Sinskey nói. “Chúng ta đang ở ranh giới của những công nghệ mới mẻ đến mức không thể hình dung nổi.”

“Và những triết lý mới nữa”, Sienna tiếp lời. “Phong trào Siêu nhân học sẽ phát triển từ bí mật thành dòng chính thống. Một trong những nguyên lý cơ bản của nó là con người chúng ta có nghĩa vụ đạo đức phải tham gia vào quá

trình tiến hóa của mình... sử dụng công nghệ của mình để củng cố giống loài, tạo ra những con người tốt hơn - khỏe mạnh hơn, mạnh mẽ hơn, với bộ não hoạt động siêu việt hơn. Mọi thứ rồi sẽ trở thành hiện thực không xa nữa.”

“Và cô không nghĩ rằng những niềm tin như vậy xung đột với quá trình tiến hóa sao?”

“Không”, Sienna đáp lại không chút do dự. “Con người đã tiến hóa dần dần qua nhiều thiên niên kỷ, sáng tạo ra những công nghệ mới trong suốt chặng đường đó - xoay khúc cây để tạo lửa, phát triển nông nghiệp để nuôi sống bản thân, chế ra vắc xin để chống bệnh tật, và giờ đây, tạo ra những công cụ di truyền giúp điều khiển cơ thể, để chúng ta có thể sống sót trong một thế giới đang thay đổi.” Cô ngừng lại. “Tôi tin ngành điều khiển di truyền chỉ là bước đi tiếp theo trong chuỗi dài những tiến bộ của con người.”

Sinskey im lặng, chìm trong suy nghĩ. “Cho nên cô tin chúng ta cần dang rộng vòng tay đón nhận những công cụ này.”

“Nếu chúng ta không đón nhận chúng”, Sienna đáp, “thì chúng ta không xứng đáng với cuộc sống, chẳng khác gì những người ăn lông ở lỗ chịu rét đến chết vì sợ lửa”.

Những lời của cô dường như đọng lại trong phòng một lúc lâu trước khi có bất kỳ ai lên tiếng.

Chính Langdon là người phá tan không khí yên ắng. “Không phải lỗi thời”, anh bắt đầu nói, “nhưng dựa trên lý thuyết của Darwin, anh không thể không đặt câu hỏi về mức độ sáng suốt của hành động tăng tốc quá trình tiến hóa tự nhiên.”

“Robert”, Sienna nhấn mạnh, “ngành điều khiển di truyền không phải tăng tốc quá trình tiến hóa. Nó là một chuỗi sự kiện tự nhiên. Cái anh quên mất chính là quá trình tiến hóa đã tạo ra Bertrand Zobrist. Trí tuệ vượt trội của anh ấy là sản phẩm của quá trình mà Darwin đã mô tả... quá trình tiến hóa theo thời gian. Tầm hiểu biết hiếm có của Bertrand đối với di truyền học không phải là một cảm hứng thần thánh vụt đến... đó là sản phẩm của nhiều năm tiến hóa về mặt tri thức của con người”.

Langdon im lặng, rõ ràng đang suy ngẫm về quan điểm đó.

“Và là một người tin vào thuyết Darwin”, cô nói tiếp, “anh biết rằng tự nhiên

luôn tìm ra cách kiểm soát dân số loài người bằng dịch bệnh, nạn đói, lũ lụt. Nhưng để em hỏi anh điều này - lần này lẽ nào tự nhiên lại không thể tìm được một cách khác sao? Thay vì giáng xuống chúng ta những thảm họa và thống khổ kinh hoàng... có lẽ tự nhiên, thông qua quá trình tiến hóa, đã tạo ra một nhà khoa học phát minh ra một phương pháp khác hẳn nhằm giảm bớt dân số chúng ta theo thời gian. Không phải những dịch bệnh. Không phải chết chóc. Chỉ là một giống loài hài hòa với môi trường của mình...”

“Sienna”, Sinskey ngắt lời. “Đã muộn rồi. Chúng ta cần phải đi. Nhưng trước khi lên đường, tôi cần nói rõ thêm một điều. Tối nay cô nói đi nói lại với tôi rằng Bertrand không phải một kẻ xấu... rằng anh ta yêu nhân loại, và anh ta chỉ tha thiết muốn cứu loài người chúng ta đến mức dám thực hiện những biện pháp táo bạo như vậy.”

Sienna gật đầu. “Mục đích biện minh cho phương tiện”, cô nói, trích dẫn lại câu nói của nhà lý thuyết chính trị người Florence khét tiếng Machiavelli [\[61\]](#).

“Vậy hãy cho tôi biết”, Sinskey nói, “cô có tin rằng mục đích biện minh cho phương tiện không? Cô có tin rằng mục tiêu cứu thế giới của Bertrand đủ cao quý để bảo đảm cho việc giải phóng loại vi rút này không?”.

Không khí im lặng căng thẳng bao trùm căn phòng.

Sienna khom người sát lại bàn, nét mặt đầy thuyết phục. “Tiến sĩ Sinskey, như tôi đã nói, tôi tin hành động của Bertrand là rất khinh suất và cực kỳ nguy hiểm. Nếu có thể ngăn chặn được anh ấy, tôi đã làm vậy ngay lập tức. Tôi cần bà tin tôi.”

Elizabeth Sinskey đứng dậy và dịu dàng nắm lấy cả hai tay Sienna. “Tôi tin cô, Sienna. Tôi tin tất cả mọi điều cô nói với tôi.”

Chương 103

Không khí trước buổi bình minh tại sân bay Atatürk khá lạnh và ẩm sương. Một màn sương mỏng phủ xuống, bao kín đường nhựa quanh nhà ga riêng này.

Langdon, Sienna, và Sinskey đến đây bằng xe hơi và được một nhân viên WHO đón sẵn bên ngoài, giúp họ ra khỏi xe.

“Chúng tôi đã sẵn sàng, thưa bà”, người đàn ông nói, dẫn cả ba người vào một tòa nhà khiêm nhường.

“Thế còn chuyện thu xếp cho ông Langdon sao rồi?”, Sinskey hỏi.

“Máy bay riêng tới Florence. Giấy tờ đi lại tạm thời của ông ấy đã để sẵn trên khoang.”

Sinskey gật đầu hài lòng. “Còn vấn đề khác mà chúng ta đã thảo luận?”

“Đã triển khai. Hành lý sẽ được chuyển đi sớm nhất có thể.”

Sinskey cảm ơn người nhân viên, lúc này đã băng qua sân nhựa đi về phía máy bay. Bà quay sang Langdon. “Anh có chắc không muốn đi cùng chúng tôi không?” Bà mỉm cười mệt mỏi, vuốt mái tóc bạc dài rồi vén ra sau tai.

“Xét tình hình”, Langdon dí dỏm đáp, “tôi không chắc một giáo sư nghệ thuật giúp được gì nhiều.”

“Anh đã giúp rất nhiều”, Sinskey nói. “Còn nhiều hơn anh biết đấy. Không kể ít nhất cũng là...” Bà ra hiệu về phía Sienna đi bên cạnh, nhưng cô gái trẻ đã không còn ở bên họ. Sienna tụt lại ra sau hai mươi thước, dừng lại bên một ô cửa sổ lớn và đăm đăm nhìn ra chiếc C-130 đang đợi sẵn, rõ ràng đang chìm trong suy tưởng.

“Cảm ơn đã tin tưởng cô ấy”, Langdon khẽ nói. “Tôi cảm thấy cô ấy không thường xuyên được nhận điều đó trong đời mình.”

“Tôi e rằng Sienna Brooks và tôi sẽ tìm thấy nhiều điều để học hỏi từ nhau.” Sinskey chìa tay ra. “Chúa ban phước cho anh, giáo sư.”

“Bà cũng vậy”, Langdon nói khi họ bắt tay. “Chúc may mắn ở Geneva.”

“Chúng tôi rất cần điều đó”, bà nói, và sau đó gật đầu về phía Sienna. “Tôi sẽ cho hai người vài phút. Chỉ để cô ấy đi khi anh thấy sẵn sàng thôi nhé.”

Khi băng qua nhà ga, Sinskey bất ngờ rút tay vào túi và móc ra hai nửa chiếc bùi vớ, nắm chặt ở một bên tay.

“Xin đừng vứt bỏ cây gậy Asclepius đó”, Langdon gọi với theo sau bà. “Nó có thể sửa lại được mà.”

“Cảm ơn”, Sinskey vẫy tay đáp lại. “Tôi hy vọng mọi thứ đều như vậy.”

Sienna Brooks đứng một mình bên cửa sổ, nhìn ra những ngọn đèn dọc đường băng, trông như những bóng ma trong màn sương xuống thấp và những đám mây đang tích tụ. Trên đỉnh tháp điều khiển ở phía xa, lá cờ Thổ Nhĩ Kỳ bay phấp phật đầy kiêu hãnh - lá cờ nền đỏ có hai biểu tượng cổ xưa là trăng lưỡi liềm và ngôi sao - những vết tích còn lại của đế chế Ottoman vẫn kiêu hãnh tung bay trong thế giới hiện đại này.

“Cược một lira Thổ Nhĩ Kỳ cho những gì em đang nghĩ nhé?”, một giọng nói trầm ấm vang lên sau cô.

Sienna không quay lại. “Bão đang đến.”

“Anh biết”, Langdon đáp khẽ.

Một lúc lâu sau, Sienna ngoảnh lại phía anh. “Em ước gì anh sẽ đi Geneva.”

“Rất vui khi nghe em nói như vậy”, anh đáp. “Nhưng em sẽ bận nói chuyện về tương lai. Điều cuối cùng em cần là một vị giáo sư đại học lỗi thời làm vướng chân em mà thôi.”

Cô nhìn anh khó hiểu. “Anh nghĩ anh quá già với em à?”

Langdon cười to. “Sienna, thực sự anh quá già với em còn gì!”

Cô có vẻ không thoải mái, cảm thấy xấu hổ. “Được rồi... nhưng ít nhất anh cũng biết tìm em ở đâu.” Cô cố gắng nhún vai rất dịu dàng. “Ý em là... nếu anh muốn gặp lại em.”

Anh mỉm cười với cô. “Anh rất muốn điều đó.”

Cô cảm thấy tinh thần mình phấn chấn hơn một chút, nhưng giữa họ lại là một khoảng im lặng kéo dài, không ai trong số họ biết chắc cần phải nói tạm biệt như thế nào.

Lúc ngược nhìn Langdon, Sienna cảm thấy lòng trào dâng một cảm xúc kỳ lạ. Không báo trước, cô kiễ chân và đặt một nụ hôn lên môi anh. Khi lùi lại, đôi mắt cô đã rơm rớm lệ. “Em sẽ rất nhớ anh”, cô thì thầm.

Langdon mỉm cười âu yếm và vòng tay qua người cô. “Anh cũng sẽ nhớ em.”

Họ đứng một lúc lâu trong vòng tay nhau, cả hai đều không đành lòng dứt ra. Cuối cùng, Langdon lên tiếng. “Có một câu nói xưa... thường được cho là của Dante...” Anh ngừng lại. “Hãy nhớ tôi nay... vì nó là khởi đầu của mãi mãi.”

“Cảm ơn anh, Robert”, cô nói, nước mắt bắt đầu trào ra. “Cuối cùng thì em cũng tìm ra mục tiêu của cuộc đời mình.”

Langdon kéo cô lại sát hơn. “Em luôn nói em muốn cứu thế giới, Sienna. Có lẽ đây là cơ hội cho em đấy.”

Sienna khẽ mỉm cười và quay đi. Khi một mình bước về phía chiếc C-130 đang đợi, Sienna ngẫm lại mọi việc đã xảy ra... mọi thứ có thể vẫn xảy ra... và toàn bộ tương lai phía trước.

Hãy nhớ tôi nay, cô nhắc lại, vì nó là khởi đầu của mãi mãi.

Khi leo lên máy bay, Sienna cầu mong Dante nói đúng.

Chương 104

Vàng mặt trời vàng vọt buổi chiều đã lặn xuống phía trên Cung điện Duomo, phản chiếu lên lớp gạch men trắng của tháp chuông Giotto và đổ những cái bóng dài ngang qua Thánh đường Santa Maria del Fiore tráng lệ của Florence.

Đám tang của Ignazio Busoni vừa mới bắt đầu lúc Robert Langdon vào thánh đường và tìm được một chỗ ngồi, lòng cảm thấy vui vì Ignazio được tưởng niệm tại đây, trong nhà thờ không nhuộm màu thời gian mà ông ấy đã trông coi suốt nhiều năm trời.

Mặc dù bên ngoài tráng lệ, nhưng bên trong nhà thờ lớn của Florence lại bình dị, trống trải và chân phương. Tuy nhiên điện thờ có phần khổ hạnh dường như lại tỏa ra một không khí ca tụng trong ngày hôm nay. Từ khắp nơi trên toàn nước Ý, các quan chức chính phủ, bạn bè, và đồng nghiệp trong giới nghệ thuật đều đổ về nhà thờ này để tưởng nhớ một con người vui vẻ được họ gọi bằng cái tên trìu mến Tiểu Mái vòm.

Giới truyền thông đưa tin rằng Busoni qua đời trong khi đang làm công việc mình yêu thích nhất - đi dạo quanh Duomo lúc đêm khuya.

Không khí đám tang vui vẻ đến ngạc nhiên trong những lời nhận xét hài hước từ bạn bè và gia đình. Một đồng nghiệp cho biết chính Busoni đã tuyên bố rằng tình yêu của ông dành cho nghệ thuật Phục Hưng, chỉ có thể so sánh với tình yêu của ông dành cho món mì ống Bolognese và món caramen budino.

Sau lễ truy điệu, trong khi những người dự tang lễ gặp gỡ nhau và trù mến nhớ lại những sự kiện trong cuộc đời của Ignazio thì Langdon đi vắn vơ bên trong Duomo, chiêm ngưỡng công trình nghệ thuật mà Ignazio vô cùng yêu mến - bức Phán xét cuối cùng của Vasari - ngay bên dưới mái vòm, những ô cửa sổ kính hoa Donatello và Ghiberti, chiếc đồng hồ của Uccello, và những lối đi khám gồm thường hay bị bỏ qua tô điểm cho sàn nhà.

Một lúc, Langdon mới nhận ra mình đang đứng trước một gương mặt quen thuộc - gương mặt của Dante Aleghieri. Bức tranh tường huyền thoại của Michelino khắc họa cảnh đại thi hào đứng trước núi Luyện ngục, tay cầm kiệt tác Thần khúc của mình xoay ra ngoài, như thể đang kính cẩn dâng lên.

Langdon không thể không tự hỏi Dante nghĩ gì nếu ông ấy biết được tác động mà thiên trường ca của mình tạo ra cho thế giới, nhiều thế kỷ sau này, trong một tương lai ngay cả chính thi hào của Florence cũng không bao giờ hình dung được.

Ông ấy đã tìm thấy một cuộc sống vĩnh hằng, Langdon nghĩ, nhớ lại những quan điểm của các triết gia Hy Lạp cổ đại về danh tiếng. Chẳng nào người ta còn nhắc đến tên người, người sẽ chẳng bao giờ chết.

Lúc chập tối, Langdon băng qua Quảng trường Sant'Elisabetta và trở lại khách sạn Brunelleschi trang nhã của Florence. Trong căn phòng trên gác, anh có cảm giác thư thái hơn khi tìm thấy một gói đồ khá lớn đang đợi sẵn.

Cuối cùng, hàng ký gửi cũng đã đến nơi.

Gói đồ mình yêu cầu từ Sinskey.

Langdon vội vã cắt băng keo niêm phong và nhắc những thứ quý giá bên trong ra, cảm thấy an tâm khi thấy nó đã được gói ghém cẩn thận và có đệm kỹ bằng giấy bọc bọt khí.

Tuy nhiên, Langdon hết sức ngạc nhiên khi thấy gói đồ còn có thêm một số thứ khác. Dường như Elizabeth Sinskey đã sử dụng uy lực rất lớn của mình để bù đắp cho anh nhiều hơn một chút so với yêu cầu. Gói đồ còn có cả quần

áo của Langdon - chiếc áo sơ mi cài cúc, quần khaki, và chiếc áo khoác Harris Tweed tả tơi - tất cả được giặt giũ và là cẩn thận. Ngay cả đôi giày da thuộc đế mềm của anh cũng ở đây, được đánh bóng lại. Bên trong gói đồ, anh còn rất vui khi thấy chiếc ví của mình.

Tuy nhiên, khi phát hiện ra món đồ cuối cùng, Langdon đã bật cười. Phản ứng của anh lúc này có một nửa là tâm trạng nhẹ nhõm khi món đồ trở về, nửa còn lại là thái độ bẽn lẽn vì mình đã quá ư coi trọng nó.

Chiếc đồng hồ Chuột Mickey của mình.

Langdon lập tức đeo ngay chiếc đồng hồ cổ lỗ sĩ vào cổ tay. Cái cảm giác quai da ấm áp chạm vào da thịt khiến anh thấy bình yên một cách lạ lùng. Lúc mặc xong quần áo và xỏ hai chân vào đôi giày lười, Robert Langdon cảm thấy gần như lại được là chính mình.

Langdon ra khỏi khách sạn Brunelleschi, mang theo gói đồ trong một túi xách của khách sạn mà anh xin được từ nhân viên khuân vác đồ đạc. Buổi tối ấm áp khác thường, càng làm tăng thêm tính chất thi vị cho chặng đi bộ của anh dọc Đại lộ Calzaiuoli tới ngọn tháp duy nhất của Cung điện Vecchio.

Khi đến nơi, Langdon ký sổ tại bộ phận an ninh, nơi có tên của anh trong danh sách gặp Marta Alvarez. Anh được hướng dẫn tới Sảnh Năm trăm, lúc này vẫn rất đông du khách. Langdon đến vừa đúng giờ, cứ ngỡ sẽ gặp Marta tại lối vào, nhưng không nhìn thấy cô ấy đâu cả.

Anh chặn một thuyết trình viên đi ngang qua lại.

“Xin lỗi?”, Langdon hỏi bằng tiếng Ý. “Tôi có thể tìm Marta Alvarez ở đâu?”

Nhân viên thuyết trình cười tươi. “Bà Alvarez à?! Bà ấy không ở đây! Bà ấy sinh con rồi! Catalina! Xinh lắm!”

Langdon rất mừng khi nghe tin vui của Marta. “À... hay quá”, anh đáp. “Thật tuyệt vời!”

Khi nhân viên thuyết trình vội vã rời đi, Langdon tự hỏi sẽ phải làm gì với cái gói mình đang mang theo.

Anh nhanh chóng quyết định rời băng qua Sảnh Năm trăm đông đúc, đi bên dưới bức tranh tường của Vasari và tiến thẳng vào khu bảo tàng trong cung

điện, cố gắng không để bất kỳ nhân viên an ninh nào nhìn thấy.

Cuối cùng, anh cũng tới bên ngoài hành lang hẹp của bảo tàng. Khu vực này tối om, được chặn lại bằng cọc rào, một sợi dây chằng ngang, và tấm biển: CHIUSO/ĐÓNG CỬA.

Langdon cẩn thận nhìn quanh, sau đó luồn mình dưới sợi dây để lọt vào không gian tối om ấy. Anh thò tay vào chiếc túi và cẩn thận lấy gói đồ ra, tháo lớp giấy bọc.

Khi lớp nhựa rơi ra, chiếc mặt nạ người chết của Dante lại trùng trùng nhìn anh. Lớp thạch cao dễ vỡ vẫn còn nguyên trong chiếc túi Ziploc, được lấy lại từ ngăn kết tại nhà ga tàu hỏa Venice đúng như Langdon yêu cầu. Chiếc mặt nạ vẫn trong tình trạng nguyên vẹn, không hề hư hại trừ một chi tiết nhỏ: Có thêm một bài thơ, được khắc thành hình xoáy tròn ốc trang nhã ở mặt trái của nó.

Langdon nhìn chiếc tủ trưng bày cổ. Mặt nạ người chết của Dante được trưng bày phải ra đằng trước... sẽ không ai chú ý cả.

Anh cẩn thận lấy chiếc mặt nạ từ trong túi Ziploc. Sau đó, rất nhẹ nhàng, anh đặt nó trở lại chiếc đế bên trong tủ trưng bày. Chiếc mặt nạ lại nằm vào vị trí, yên ổn trong lớp nhưng đồ quen thuộc.

Langdon đóng đủ và đứng một lúc, chăm chú nhìn bộ mặt nhợt nhạt của Dante, một sự hiện diện ma quái trong căn phòng tối om. Cuối cùng cũng trở về nhà.

Trước khi ra khỏi phòng, Langdon còn thận trọng tháo bỏ hết rào cọc, dây và tấm biển ở lối vào. Khi đi qua phòng trưng bày, anh dừng lại để nói với một thuyết trình viên nữa còn trẻ.

“Thưa cô?”, Langdon nói. “Đèn phía trên cái mặt nạ người chết của Dante cần phải được bật lên. Xem trong bóng tối khó quá.”

“Tôi xin lỗi”, người phụ nữ trẻ nói, “nhưng khu trưng bày đó đóng cửa. Mặt nạ người chết của Dante không còn ở đây nữa”.

“Kỳ cục nhỉ.” Langdon cố tạo vẻ mặt ngạc nhiên. “Tôi vừa xem nó mà.”

Gương mặt của cô gái tỏ ra hết sức bối rối.

Khi cô ấy chạy về phía hành lang, Langdon lặng lẽ rời khỏi bảo tàng.

Chương 105

Bên trên khoảng không mờ tối của vịnh Biscay mười hai nghìn mét, chiếc máy bay hãng Alitalia bay tới Boston đang nhắm về phía tây trong một đêm trăng sáng.

Trên khoang, Robert Langdon ngồi đọc mải mê một bản Thần khúc bìa mềm. Nhịp điệu du dương của trường ca, cùng với tiếng âm ã của động cơ phản lực cuốn anh vào trạng thái thôi miên. Những lời văn của Dante dường như chảy tràn trên trang giấy, ngân nga trong tim anh, như thể chúng được viết ra cho riêng anh vào đúng thời khắc này.

Giờ đây Langdon biết rằng, trường ca của Dante không nói nhiều về nỗi thống khổ chốn địa ngục bằng nói về sức mạnh của tinh thần con người khi chịu đựng thử thách, cho dù có gian nan đến đâu.

Bên ngoài cửa sổ, vầng trăng tròn đã nhô lên cao, sáng rõ vàng vạc, làm mờ hết những thực thể khác trên bầu trời. Langdon nhìn ra không trung, đắm mình trong suy nghĩ về tất cả những gì đã diễn ra trong mấy ngày qua.

Những nơi tối tăm nhất của địa ngục dành riêng cho những kẻ giữ thái độ trung dung trong những thời kỳ khủng hoảng đạo đức. Với Langdon, ý nghĩa của lời này chưa bao giờ rõ ràng hơn thế: Trong những thời khắc nguy hiểm, không có tội lỗi nào lớn hơn sự chây ì.

Langdon biết rằng bản thân mình, cũng như hàng triệu người khác, cũng mắc tội lỗi này. Khi thế giới xảy ra những hoàn cảnh khó khăn, thái độ từ chối đã trở thành một đại dịch toàn cầu. Langdon tự hứa sẽ không bao giờ quên điều đó.

Khi chiếc máy bay lao vùn vụt về phía Tây, Langdon nghĩ đến hai người phụ nữ dũng cảm giờ này đang ở Geneva, đương đầu với tương lai và chèo chống qua những điều phức tạp của một thế giới đã thay đổi.

Bên ngoài cửa sổ, một dải mây xuất hiện phía chân trời, chậm chậm nhích qua bầu trời. cuối cùng lướt qua mặt trăng và che khuất ánh sáng của nó.

Robert Langdon thả người trên ghế, cảm thấy đã đến lúc chợp mắt.

Khi tắt ngọn đèn phía trên đầu, anh đưa mắt nhìn ra bầu trời lần cuối cùng. Bên ngoài, trong màn đêm tối đen vừa mới hình thành, thế giới đã biến đổi. Bầu trời trở thành một thảm tinh tú sáng lấp lánh.

Hết

Ghi chú

[1] Uffizi Gallery là bảo tàng ở Florence, một trong những bảo tàng nghệ thuật lâu đời và nổi tiếng nhất. Tòa nhà được Giorgio Vasari xây dựng năm 1560 làm văn phòng cho các quan tòa - vì thế mà thành tên gọi “uffizi” (tức “office” hay “văn phòng”). (Chú thích trong sách này là của dịch giả).

[2] Cung điện Bargello, còn gọi là cung điện Nhân Dân (Palazzo del Popolo) vốn là trại lính và nhà tù, nay là bảo tàng nghệ thuật ở Florence, Ý. Đây là công trình công cộng cổ nhất Florence, được xây dựng năm 1255. Năm 1574, gia tộc Medici cho cảnh sát trưởng (bargello) của Florence đóng trụ sở tại tòa nhà này, vì thế thành tên gọi. Từ năm 1865, Bargello trở thành bảo tàng quốc gia (Museo Nazionale del Bargello) trưng bày bộ sưu tập lớn nhất về điêu khắc Gothic và Phục Hưng ở Ý (thế kỷ XVI-XVII).

[3] Badia Fiorentina là tu viện kiêm nhà thờ trên phố Via del Proconsolo ở trung tâm Florence. Người ta cho rằng thi hào Dante, tác giả Thần khúc, lớn lên ngay bên kia phố trong ngôi nhà được xây lại năm 1910 làm Bảo tàng Dante. Hiện nay, Badia là giáo đoàn của các tu sĩ và nữ tu dòng Tín hữu Gerusalemme, với các buổi cầu kinh hằng chiều lúc 6 giờ.

[4] Biệt thự Torregalli (hay lâu đài Torre Galli) là một phần của hệ thống pháo đài ở vùng Soffiano, thuộc gia tộc Nerli. Đến thế kỷ 17, quyền sở hữu thuộc về gia tộc Galli và đến năm 1868, nơi này trở thành tài sản của Paolo Gentile Farinola, người cho xây lại các phần tường có lỗ châu mai theo phong cách Trung cổ. Năm 1991, nó được công nhận là di tích lịch sử nghệ thuật và hiện nằm trong chế độ công quản.

[5] Max Ernst (1891 – 1976) là họa sĩ, nhà điêu khắc và nhà thơ người Đức. Ông được coi là một trong những nhà tiên phong của phong trào Dada và chủ nghĩa siêu thực.

[6] Trong nguyên tác, các đơn vị đều sử dụng hệ đo lường Anh – Mỹ. Để

tiện cho độc giả theo dõi, người dịch đã chuyển đổi sang hệ đo lường tương ứng thông dụng ở Việt Nam. Ví dụ, ở đây là 237 foot, tương đương 71,1m (1 foot = 0,3m).

[7] Filippo Brunelleschi (1377 – 1446) là một trong những kiến trúc sư và kỹ sư hàng đầu của thời Phục Hưng Ý. Ông nổi tiếng nhất với việc phát hiện ra luật xa gần (phối cảnh) cũng như kiến tạo mái vòm Vương cung Thánh đường Florence. Ông cũng có nhiều thành tựu về kiến trúc, điêu khắc, toán học và cả thiết kế tàu.

[8] Prigioni (Tù nhân) là tên gọi gian trung bày bốn tác phẩm điêu khắc (Quattro Prigioni) của Michelangelo, vốn ban đầu được làm cho mộ của Giáo hoàng Julius II. Sở dĩ có tên gọi này vì những nhân vật trong các tác phẩm như đang cố gắng thoát ra khỏi khối đá cẩm thạch tạc họ. Michelangelo mất khi chưa kịp hoàn thành chúng. Ở đây còn có tượng Thánh Matthew cũng của Michelangelo và các bức vẽ của những họa sĩ cùng thời với Michelangelo, như Ghirlandaio và Andrea del Sarto.

[9] Ebola là loại virus gây bệnh sốt xuất huyết ở người và các loài linh trưởng.

[10] Cổng Địa ngục (La Porte de l'Enfer) là cụm điêu khắc của nghệ sĩ người Pháp Auguste Rodin, mô tả một cảnh trong "Hỏa ngục". Tác phẩm điêu khắc này cao sáu mét, rộng bốn mét và dài một mét, với một trăm tám mươi nhân vật có kích thước cao từ mười lăm phân đến hơn một mét. Phiên bản gốc được lưu giữ từ năm 1917 và hiện trưng bày tại Bảo tàng d'Orsay ở Paris. Chi tiết Ba Vong linh (Les trois Ombres), nguyên bản cao chín mươi tám phân, gồm ba nhân vật riêng biệt chỉ tay vào dòng chữ "Lasciate ogne speranza, voi ch'entrate" ("Vứt bỏ mọi hy vọng, những kẻ bước vào đây") trích từ Khổ III của Hỏa ngục.

[11] Phlegyas, con trai của Ares và Chryse, là vua của Lapith trong thần thoại Hy Lạp. Trong Hỏa ngục, Phlegyas chèo đò chở Virgil và Dante vượt sông Styx.

[12] Loại rượu Whisky chưng cất từ mạch nha theo quy trình đơn cất tại Scotland. Nhà máy rượu Highland Part đặt tại Kirkwall, Orkney là một trong rất ít cơ sở ủ rượu bằng loại lúa mạch riêng.

[13] Carabaret là loại hình giải trí bao gồm hài kịch, âm nhạc và khiêu vũ, thường diễn ra ở quán ăn hay hộp đêm với sân khấu. Chương trình này

thường bắt đầu với câu chào bằng ba thứ tiếng Đức, Pháp, Anh như trên

[14] Haman the Agagite, hay Haman Xấu xa, là một nhân vật phản diện chính trong Sách Esther, theo truyền thống Cựu ước, là một quý tộc ở thế kỷ V trước Công nguyên. Haman là tể tướng của đế chế Ba Tư dưới thời vua Ahasuerus, tức Xerxes I, và là hậu duệ của Agag, vua của người Amalekite, dân tộc bị Vua Saul và David xua đuổi. Còn theo Kinh Do Thái, Haman cùng vợ là Zeresh chủ mưu giết hết người Do Thái ở Ba Tư cổ. Haman tìm cách thuyết phục vua Ahasuerus hạ lệnh giết người Do Thái trên lãnh thổ ông cai trị. Âm mưu này bị Hoàng hậu Esther, vốn là người Do Thái vạch trần. Haman bị treo cổ.

[15] Tiếng lóng: Teacher I'd like to F*** (Tôi muốn ngủ cùng cô giáo).

[16] Trong nguyên bản tiếng Anh, “We... sorry” (Rá... xin lỗi) đọc phát âm gần giống với “Va... Sari” – tên họa sĩ Giorgio Vasari, tác giả bức Trận Marciano

[17] Ở đây có sự chơi chữ. Trong bản gốc tiếng Anh, nhân vật dùng từ “WHO” vừa mang nghĩa “người nào, kẻ nào” đồng thời là tên viết tắt của Tổ chức Y tế Thế giới.

[18] Theo truyền thuyết, người La Mã thành lập thành phố Florence vào thế kỷ I trước Công nguyên. Họ xây hẳn một đền thờ lớn thờ thần Chiến tranh (Mars) như là vị thần bảo vệ thành phố, cùng với một bức tượng thần cười ngựa. Sau này, khi người Thiên Chúa giáo đến Florence, một nhà thờ được xây dựng và ngoại giáo bị bài trừ. Người dân Florence di chuyển tượng thần Chiến tranh lên một cái bệ nằm bên sông Arno. Khi người Goth chiếm Florence, họ xô đổ bức tượng xuống sông. Đến thế kỷ VIII sau Công nguyên, khi Charlemagne xây lại thành phố, bức tượng được khôi phục và mặc dù đã hư hại, nó vẫn được đặt trên một cây cột gần đầu phía bắc cầu Ponte Vecchio. Bức tượng “bị thương” nhưng với người dân Florence, nó vẫn là biểu tượng cho sự bảo hộ của thần thánh. Bức tượng tồn tại qua cả thời kỳ của Dante và bị nhấn chìm trở lại sông Arno trong một trận lụt vào năm 1333.

[19] Nguyên tác là “Ashes, ashes”, vừa mang nghĩa là “tro tàn” sau khi người bệnh bị hỏa thiêu, nhưng cũng đồng âm với “Hắt xì” là dấu hiệu của hiện tượng chớm bệnh.

[20] Nguyên văn: “soccer mom”, chỉ những phụ nữ trung lưu sống ở ngoại ô

Bắc Mỹ, dành phần lớn thời gian chờ con cái tới các sự kiện thể thao hoặc hoạt động khác. Cụm từ này dần mang nghĩa tiêu cực vì những phụ nữ này thường bị phê phán về việc ép con cái tham gia quá nhiều hoạt động ngoại khóa thay vì để cho chúng được sống đúng tuổi thơ.

[21] [Sảnh Mô hình kiến trúc.](#)

[22] Ivy League là nhóm tám trường đại học danh tiếng tại Hoa Kỳ, gồm Đại học Brown, Đại học Columbia, Đại học Cornell, Cao đẳng Dartmouth, Đại học Harvard, Đại học Princeton, Đại học Pennsylvania và Đại học Yale.

[23] Trong thần thoại Hy Lạp, Apollo và Dionysus đều là con trai của thần Zeus. Apollo là thần Mặt trời, đại diện cho ước mơ và thể hiện sự sáng tạo của con người thông qua lý trí và tư duy logic. Ngược lại, Dionysus là thần rượu vang, thiên về tình cảm và bản năng.

[24] Nguyên văn: ‘Who Needs Agathusia?’.

[25] Trong bản gốc tiếng Anh, từ “who” vừa mang nghĩa “ai”, vừa là viết tắt của WHO - Tổ chức Y tế Thế giới.

[26] [Mở cửa](#)

[27] SPF (Sun Protection Factor): Tác nhân bảo vệ chống nắng. Đây là số đo mức độ bảo vệ trước tia tử ngoại và có phạm vi từ một đến bốn mươi lăm hoặc cao hơn. Một chiếc kính râm có SPF 15 sẽ lọc được chín mươi hai phần trăm tia tử ngoại. Nói cách khác, nó sẽ làm chậm quá trình cháy nắng trên da người sau một trăm năm mươi phút thay vì mười phút, tức là người đó có thể ở ngoài nắng lâu hơn mười lăm lần

[28] Nguyên bản: possessed.

[29] Nguyên văn: “ground zero”: Điểm trên mặt đất gần với một vụ nổ nhất. Thuật ngữ này thường gắn với các vụ nổ hạt nhân hay nổ bom lớn, nhưng nó cũng được dùng trong các trận động đất, đại dịch và những thảm họa khác để đánh dấu thiệt hại nặng nhất.

[30] [biểu tượng của ngành y](#)

[31] [Câu trích từ sang thế kí 9:7](#)

[32] Nguyên văn: whiteout. Đây là hiện tượng thời tiết thường xảy ra ở nơi

tuyết rơi với mật độ dày. Khi một đám mây lớn kéo qua bầu trời, ánh sáng bị khuếch tán đi khắp nơi làm cho khung cảnh xung quanh biến thành toàn màu trắng.

[33] Nguyên văn: Transhumanism (viết tắt H+) là một phong trào tri thức về văn hóa với mục tiêu cuối cùng là cơ bản cải biến con người bằng công nghệ để tăng cường các năng lực trí tuệ, thể chất và tâm lý.

[34] Đại Vận Hà (Grand Canal) ở Venice, Ý, là dòng kênh lớn tạo thành hành lang giao thông đường thủy chính tại thành phố này. Kênh ăn thông vào đầm nước gần nhà ga Santa Lucia, đầu kia dẫn vào quảng trường St. Mark. Phần giữa kênh tạo thành một hình chữ S ngược lớn chạy qua các quận trung tâm của Venice.

[35] Ponte degli Scalzi (nghĩa đen là cầu 'Tu sĩ chân trần') là một trong bốn cây cầu bắc qua Đại Vận Hà ở Venice. Cầu nối quận Santa Croce ở phía nam với Cannaregio ở phía bắc. Cầu do Eugenio Miozzi thiết kế, xây bằng đá, hoàn thành năm 1934, thay thế cho một cây cầu sắt.

[36] Nguyên văn: “Old Master”, chỉ một họa sĩ Châu Âu trước năm 1800, được đào tạo bài bản, là người đứng đầu một phường của các họa sĩ địa phương và có thể làm việc độc lập.

[37] Theo Kinh Phúc Âm: Mc 9 40-49 (HI 41-50),

[38] Tiếng Anh có nghĩa: Cách ly để kiểm dịch.

[39] Loại cocktail là hỗn hợp của rượu vang Prosecco và đào nghiền nhuyễn.

[40] Antonio Vivaldi (sinh năm 1678 tại Venice, mất năm 1741 tại Vienna) là nhà soạn nhạc, nghệ sĩ vĩ cầm, nhà sư phạm, chỉ huy dàn nhạc người Ý, cũng là linh mục chỉ huy dàn nhạc và dàn đồng ca “della Pieta” ở Venice

[41] Alhambra (tên đầy đủ Calat Alhambra) là một quần thể cung điện và pháo đài nằm ở Granada, Andalusia, Tây Ban Nha. Nguyên thủy, đây là một pháo đài được xây dựng năm 889 và sau đó bị bỏ quên cho tới khi được vua người Moor là Mohammed ben Al-Ahmar xây dựng lại vào giữa thế kỉ XI và được quốc vương Yusuf I biến thành hoàng cung năm 1333.

[42] Giacomo Casanova (1725-1798) là một nhà thám hiểm và tác gia Venice. Tự truyện của ông, Câu chuyện đời tôi được xem như một trong những nguồn đáng tin cậy về phong tục và tiêu chuẩn xã hội Châu Âu trong

thế kỷ XVIII, ông nổi tiếng là tay quyền rũ phụ nữ, và kể nhiều chuyện phiêu lưu tình ái trong tự truyện của mình.

[43] Moonraker

[44] Nguyên văn: The Tetrarchs. Bức tượng điêu khắc mô tả bốn hoàng đế La Mã có niên đại khoảng năm 300. Chế độ “Tứ đế đồng trị” (Tetrarchy) là thể chất trong đó quyền lực được phân chia giữa bốn cá nhân, nhưng trong cách dùng hiện đại, thuật ngữ thường để chỉ một hệ thống do hoàng đế La Mã Diocletian khởi xướng năm 293, đánh dấu sự phục hồi của đế chế La Mã. Chế độ này kéo dài tới khoảng năm 313, khi cuộc xung đột huynh đệ tương tàn loại bỏ hầu hết những ứng cử viên quyền lực, chỉ còn lại Constantine ở phía đông và Licinius ở phía tây.

[45] Nguyên văn: Dancer’s Image, là tên một con ngựa đua Mỹ giống Thoroughbred và là chú ngựa duy nhất trong lịch sử giải đua Kentucky Derby giành chiến thắng nhưng bị truất quyền thi đấu. Chú ngựa này thuộc sở hữu của doanh nhân Peter Fuller, con trai của cựu Thống đốc bang Massachusetts Alvan T. Fuller, được Lou Cavalaris, Jr. huấn luyện và được kỵ sĩ Bobby Ussery điều khiển trong giải Derby.

[46] Theodosius II (401-450) thường được gọi là Theodosius Trẻ hoặc Theodosius Nhà thư pháp, là hoàng đế Đông La Mã từ năm 408 đến 450. Ông được biết đến nhiều về việc ban hành bộ luật Theodosius và công xây dựng các bức tường thành Theodosius quanh Constantinople.

[47] Hippodrome là sân vận động để đua ngựa hoặc đua xe kéo. Nhưng Hippodrome của Constantinople, thủ đô của đế chế Byzantine, là một đấu trường, được xem như trung tâm xã hội và thể thao của thành phố. Hiện nay, đây là một quảng trường mang tên Sultan Ahmet taajij thủ đô Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ, với một số tàn tích của các công trình nguyên thủy từng tồn tại.

[48] Francesco Busone (1382-1432), thường được gọi là bá tước Carmagnola, là một nhà lãnh đạo người Ý. Ông sinh tại Carmagnola trong một gia đình nông dân nghèo. Ông bắt đầu sự nghiệp quân sự khi mới mười hai tuổi và nhanh chóng trở thành một chiến tướng xuất sắc. Ông bị chính Gian Galeazzo Visconti, quận công Milan, người mà ông phục vụ, nghi ngờ và bỏ tù rồi kết án xử tử ngày 5/5/1432.

[49] Báo cháy.

[50] Cắm vào.

[51] Viết tắt của European Centre for Disease Prevention and Control.

[52] Hai loại thuốc an thần, chống trầm cảm.

[53] Nguyên văn: “Dim Mak”, hay tiếng Anh “Touch of Death” (điểm mạch), là một kỹ thuật trong võ thuật được cho là có thể giết người nhằm vào một số khu vực đặc biệt của cơ thể mà không phải dùng lực quá nhiều. Điểm mạch được mô tả là một bí kíp với những kỹ thuật tấn công vào các huyết vị và kinh mạch, làm đối thủ mất năng lực hoặc gây chết người ngay lập tức hoặc từ từ.

[54] Mustafa Kemal Atatürk (1881-1938) là nhà cách mạng, tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ. Sau khi đế quốc Ottoman thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, ông lãnh đạo Phong trào Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ, và kết quả là nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ ra đời năm 1923. Sau chiến tranh, Atatürk tiến hành cải cách chính trị, kinh tế và văn hóa nhằm biến cựu đế quốc Ottoman thành một nhà nước hiện đại và thế tục. Những nguyên tắc cải cách đó được biết đến với tên “chủ nghĩa Kemal”.

[55] Mũi Vàng: Golden Horn là một vịnh nhỏ chia thành phố Istanbul và tạo thành một hải cảng tự nhiên cho các tàu thuyền của Hy Lạp, La Mã, Byzantine, Ottoman và các nước khác suốt hàng nghìn năm. Đây là cửa biển có hình thanh đao, của các sông Alibeykoy và Kagithane, nối với Bosphorus đúng vị trí eo biển nhập vào biển Marmara, hình thành nên một bán đảo với phần đầu mút chính là “Istanbul” cũ (Byzantium cổ và Constantinople).

[56] Cột đồng Rắn biển (Serpent Column) là cột đồng cổ tại Hippodrome thuộc Constantinople, khu vực nay là Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ. Đây là một phần của tháp ba chân hiến tế thời Hy Lạp cổ đại, nguyên đặt tại Delphi và được Constantine I Đại đế dời tới Constantinople năm 324. Tháp được xây dựng để tưởng niệm những người Hy Lạp đã chiến đấu và đánh bại đế quốc Ba Tư trong trận Plataea (479 trước Công nguyên). Phần đầu rắn của cây cột cao tám mét này vẫn còn nguyên vẹn cho đến cuối thế kỷ XVII và nay được trưng bày tại Bảo tàng Khảo cổ Istanbul gần đó.

[57] Justinian I (482-565) là hoàng đế Đông La Mã từ năm 527 đến khi qua đời. Ông được phong thánh bởi các tín đồ Chính Thống giáo Đông phương. Triều đại của Justinian được đánh dấu bởi tham vọng phục hồi lãnh thổ của đế quốc Tây La Mã nhưng chỉ có thể thực hiện được một phần ở Bắc Phi, khôi phục lại Dalmatia, Sicilia, Ý và Rome trở về đế quốc sau hơn một nửa thế kỷ nằm dưới sự kiểm soát của người man di. Justinian là người san định

và hệ thống luật pháp La Mã. Ông đã thành lập một bộ luật được biết dưới cái tên “dân luật đại toàn” (Corpus Juris Civilis).

[58] Mehmed II (được biết là Mehmed Người Chinh phạt) (1432-1481) là vị Sultan thứ bảy của đế quốc Ottoman trong một thời gian ngắn từ năm 1444 tới tháng Chín năm 1446, và sau đó là từ tháng Hai năm 1451 tới 1481. Ở tuổi hai mươi một ông chinh phạt Constantinople, dẫn tới sự sụp đổ của đế quốc Đông La Mã. Mehmet tiếp tục chinh chiến ở châu Á, thống nhất lại Tiểu Á, và mở rộng lãnh thổ tới Beograd ở châu Âu.

[59] Thủy triều đỏ (red tide) là tên gọi quen thuộc chỉ hiện tượng các vi sinh vật biển, đặc biệt là các loại thực vật phù du, tập trung dày đặc gần mặt nước, khiến nước như đổi sang màu đỏ hoặc nâu. Một số trường hợp thủy triều đỏ sản sinh ra các độc tố tự nhiên, làm giảm ô xy trong nước và gây ra những tác động có hại khác. Ảnh hưởng đáng sợ nhất của hiện tượng này là khiến cho các loài cá, chim, động vật biển và những sinh vật đại dương và duyên hải khác chết hàng loạt.

[60] Nguyên văn: Orwellian dystopia, chỉ một dạng xã hội đối lập với chủ nghĩa xã hội không tưởng (utopia). Bởi vậy, xã hội “dystopia” có thể hiểu là cuộc sống như từ đáy địa ngục. Một tác phẩm tiêu biểu mô tả về xã hội này là 1984 của George Orwell. Ông là tiểu thuyết gia, nhà báo người Anh, nổi tiếng với những tác phẩm phê phán bất công xã hội, chế độ chuyên chế.

[61] Niccolò Machiavelli (1469-1527) là một nhà ngoại giao, nhà triết học chính trị, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà soạn kịch, một trong những người sáng lập nền khoa học chính trị hiện đại. Ông được biết đến với các luận thuyết về chủ nghĩa hiện thực chính trị và chủ nghĩa cộng hòa. Ông còn là một nhân vật nổi bật của thời Phục Hưng Ý với vai trò đại pháp quan thứ hai của Cộng hòa Florence từ tháng Sáu năm 1498.